

# ISUZU

Trucks for life

CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM



695 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp, Tp. HCM



(84-28)3 895 9203



/IsuzuVietnamCompany



www.isuzu-vietnam.com

HDSDESERIES - 02-22023

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO DƯỠNG

# ISUZU

## GREENPOWER



Tìm hiểu thêm xe Dầu kéo E-Series



Truy cập vào website Isuzu

# EXR EXZ

Vui lòng giữ tài liệu Hướng dẫn sử dụng này trong xe để thuận tiện tra cứu khi cần thiết.

- Chúng tôi khuyến khích bạn hãy đọc thêm hướng dẫn riêng cho những trang thiết bị được lắp đặt trên xe bởi Đại lý Isuzu địa phương.
- Đại lý Isuzu địa phương luôn sẵn lòng giải đáp những thắc mắc của bạn về thông tin trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng này.
- Vui lòng để lại tài liệu Hướng dẫn sử dụng này trong xe khi bán lại - người chủ mới sẽ cần tham khảo trước khi sử dụng.

#### Lưu ý khi đọc hướng dẫn sử dụng

- Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này, đặc biệt là phần "THÔNG TIN QUAN TRỌNG", cũng như các hướng dẫn và thông tin được đánh dấu bằng các tổ hợp ký

hiệu/chữ cái sau:  NGUY HIỂM,  CẢNH BÁO,  THẬN TRỌNG,

 KHUYẾN CÁO và  CHÚ Ý. Trong đó,  CẢNH BÁO,

 THẬN TRỌNG và  NGUY HIỂM là những điều cần đặc biệt lưu tâm. Việc

không tuân thủ hoặc tuân thủ không đúng cách những hướng dẫn này có thể dẫn tới thương tích hoặc tai nạn cho người sử dụng. Vui lòng đọc kỹ toàn bộ tài liệu.

- Hình ảnh minh hoạt có thể khác với thực tế, do sự khác biệt giữa thông số kỹ thuật của mỗi xe.

- Nội dung trong tài liệu này phù hợp với thời điểm xuất bản, và có thể khác biệt đôi chút so với xe của bạn, do những thông số kỹ thuật được thay đổi hoặc cải tiến sau này. Isuzu Việt Nam có quyền thực hiện những thay đổi hợp pháp ở bất kỳ thời điểm nào mà không cần báo trước.

- Đã đăng ký bản quyền. Không bên nào được phép tái bản một phần hoặc toàn bộ tài liệu này nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản từ Isuzu Việt Nam.

## Mục lục

---

- 0 - DANH MỤC HÌNH MINH HỌA
- 1 - THÔNG TIN VỀ XE
- 2 - THÔNG TIN QUAN TRỌNG
- 3 - CỬA CHÍNH, CỬA SỔ VÀ GHẾ NGỒI
- 4 - HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN VÀ TRANG THIẾT BỊ
- 5 - TIỆN ÍCH VÀ TIỆN NGHI
- 6 - KỸ NĂNG VẬN HÀNH ÊM ÁI VÀ AN TOÀN
- 7 - DỊCH VỤ VÀ BẢO DƯỠNG
- 8 - TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP
- 9 - THÔNG SỐ CỤ THỂ

## Lưu ý khi đọc Hướng dẫn sử dụng



### NGUY HIỂM

Việc không tuân thủ những hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này có thể dẫn tới thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong cho bạn và/hoặc người khác.



### CẢNH BÁO

Việc không tuân thủ những hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này có thể dẫn tới chập cháy trong xe, bên cạnh khả năng gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong cho bạn và/hoặc người khác.



### CHÚ Ý

Việc không tuân thủ những hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này có thể dẫn tới thương tích hoặc tai nạn.



### KHUYẾN CÁO

Việc không tuân thủ những hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này có thể dẫn tới lỗi kỹ thuật hoặc hư hại cho xe của bạn.



### LƯU Ý

Biểu tượng này đánh dấu những thông tin bạn cần biết.  
Biểu tượng này đánh dấu những thông tin hữu ích khi vận hành xe.



## Từ viết tắt

Tài liệu Hướng dẫn sử dụng có những từ viết tắt được liệt kê dưới đây.

| Từ viết tắt    | Giải nghĩa                                                                                  |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| A/C            | Điều hoà                                                                                    |
| ABS            | Hệ thống chống bó phanh                                                                     |
| ACEA           | Aociation des Constructeurs Europeens d'Automobiles<br>(Hiệp hội Nhà sản xuất ô tô Châu Âu) |
| API            | Viện Dầu khí Hoa Kỳ                                                                         |
| ASTM           | Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ                                                      |
| BS             | Tiêu chuẩn Anh Quốc                                                                         |
| CAN            | Mạng vùng điều khiển                                                                        |
| DIN            | Tiêu chuẩn Công nghiệp Đức                                                                  |
| EGR            | Tái tuần hoàn khí thải                                                                      |
| FMV            | Tiêu chuẩn An toàn Xe cơ giới Liên bang                                                     |
| GVW            | Tổng trọng lượng của xe                                                                     |
| JASO           | Tổ chức Tiêu chuẩn Ô tô Nhật Bản                                                            |
| TATMA          | Hiệp hội Nhà sản xuất Lốp xe Nhật Bản                                                       |
| MIL            | Một hệ thống tiêu chuẩn quốc phòng của Hoa Kỳ (Tiêu chuẩn Quân sự)                          |
| PCV            | Hệ thống thông khí cac-te trực khuỷu                                                        |
| PM             | Chất dạng hạt                                                                               |
| PTO            | Bộ trích công suất                                                                          |
| r/min          | vòng/phút                                                                                   |
| SCR            | Hệ thống giảm khí thải bằng chất xúc tác chọn lọc                                           |
| DVR            | Hồ sơ điều khiển xe                                                                         |
| Xông buồng đốt | Khởi hành nhanh (thông qua hệ thống làm ấm động cơ)                                         |

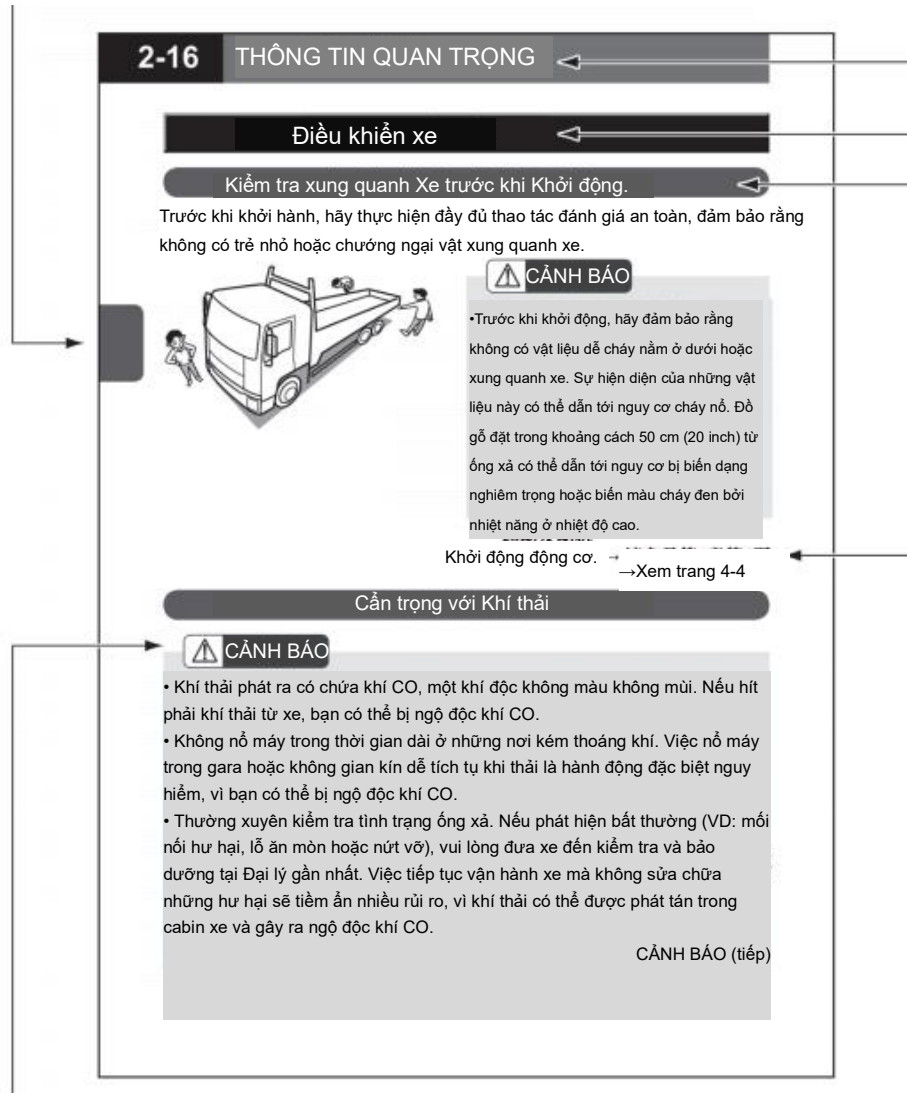
|                                          |      |
|------------------------------------------|------|
| XEM TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐÚNG CÁCH | 0-2  |
| DANH MỤC HÌNH MINH HỌA                   | 0-3  |
| DANH MỤC ĐÈN CẢNH BÁO/CHỈ DẪN            | 0-12 |
| NHÃN CẢNH BÁO/CHÚ Ý                      | 0-17 |

## Tab chỉ mục theo chương

## Tiêu đề chương/phần

Hãy dựa vào đó để nhanh chóng tìm tới chương thông tin cần thiết.

Những tiêu đề này rất hữu ích cho việc nhanh chóng nắm bắt ý chính của các nội dung chi tiết.



NGUY HIỂM

CẢNH BÁO

KHUYẾN CẢO

CHÚ Ý

LƯU Ý

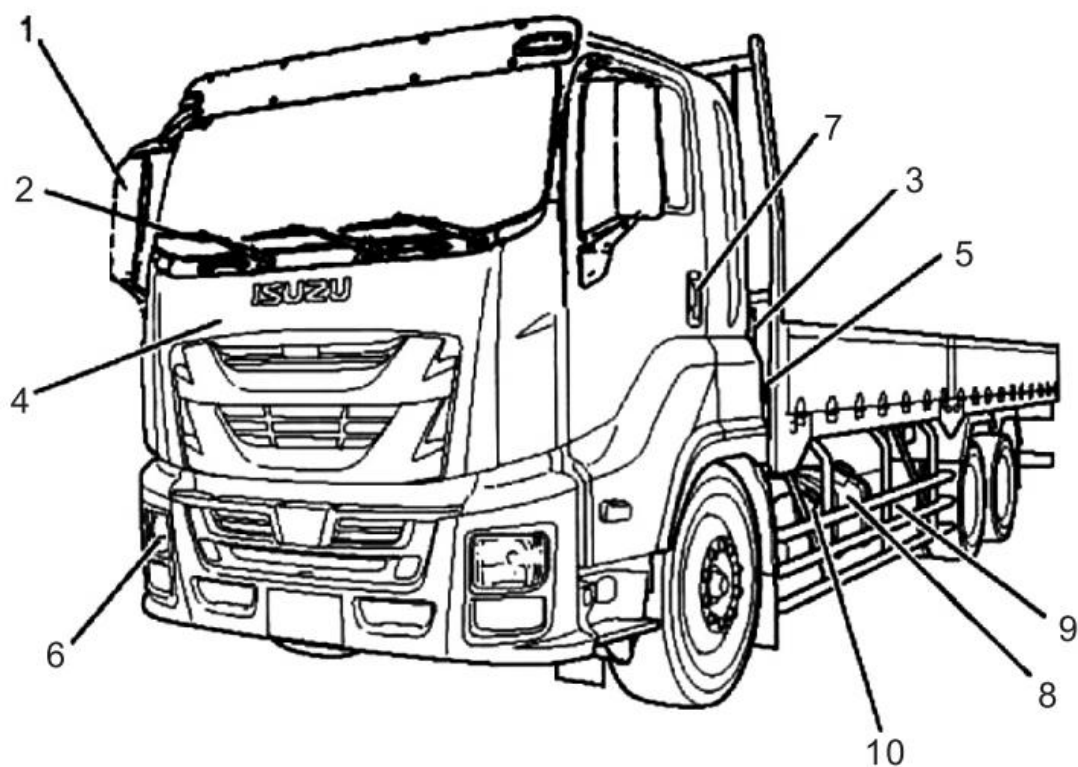
## Ký hiệu

Hãy xem trang trước để hiểu được ý nghĩa của những ký hiệu này.

## Trang

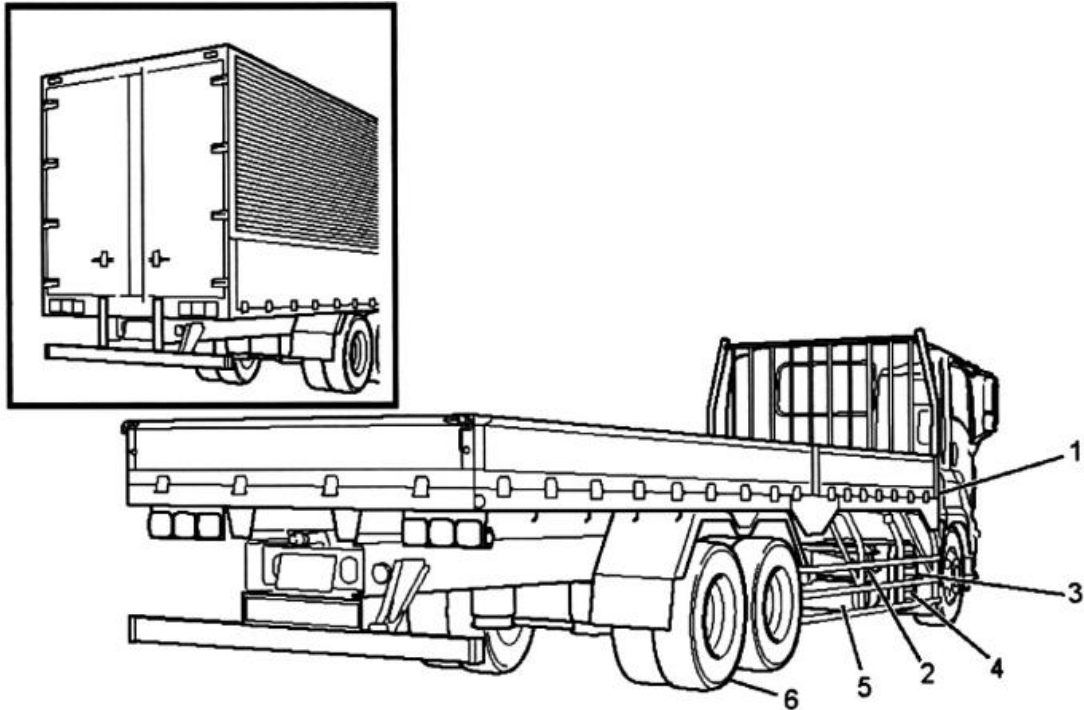
Điều hướng bạn tới một hoặc nhiều trang trong tài liệu này có liên quan đến chủ đề hiện tại mà bạn cần tham khảo thêm.

## Ngoại thất



| STT | Trang bị                                | Trang |
|-----|-----------------------------------------|-------|
| 1   | Gương                                   | 3-15  |
| 2   | Thay thế cần gạt nước mưa.              | 7-115 |
| 3   | Hệ thống tản nhiệt động cơ              | 7-56  |
|     | Tác dụng của hệ thống tản nhiệt động cơ | 6-13  |
| 4   | Nắp capo trước                          | 7-9   |
|     | Nước rửa kính chắn gió                  | 7-113 |
|     | Dầu ly hợp                              | 7-104 |

| STT | Trang bị                  | Trang |
|-----|---------------------------|-------|
| 5   | Hệ thống nâng cabin       | 7-14  |
| 6   | Thay thế hệ thống đèn     | 8-29  |
| 7   | Khoá và mở khoá cửa trước | 3-3   |
| 8   | Cổng châm nhiên liệu      | 3-8   |
| 9   | Lốp dự phòng              | 7-88  |
| 10  | Bình chứa dung dịch ure   | 3-9   |

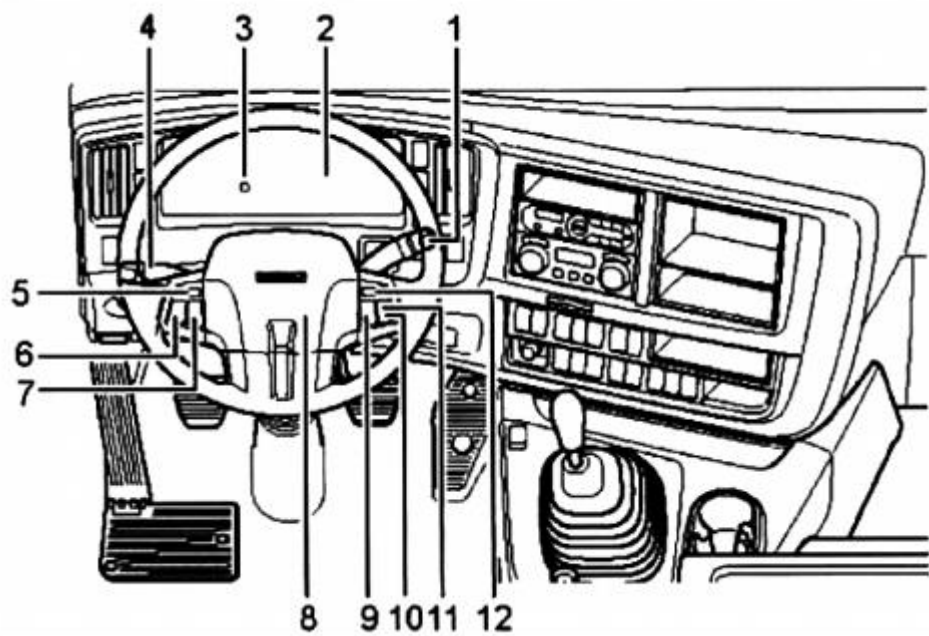


| STT | Trang bị     | Trang |
|-----|--------------|-------|
| 1   | Lọc khí      | 7-47  |
| 2   | Bình điện    | 7-118 |
| 3   | Lọc khí nén  | 7-96  |
| 4   | Hệ thống SCR | 4-100 |
| 5   | Bình khí     | 7-93  |

| STT | Trang bị                              | Trang |
|-----|---------------------------------------|-------|
| 6   | Lốp                                   | 7-72  |
|     | Thay lốp (sử dụng mâm xe IS010)       | 7-80  |
|     | Bộ cân chỉnh lốp                      | 7-78  |
|     | Siết ốc trung tâm (sử dụng vít IS010) | 7-87  |

Cabin lái

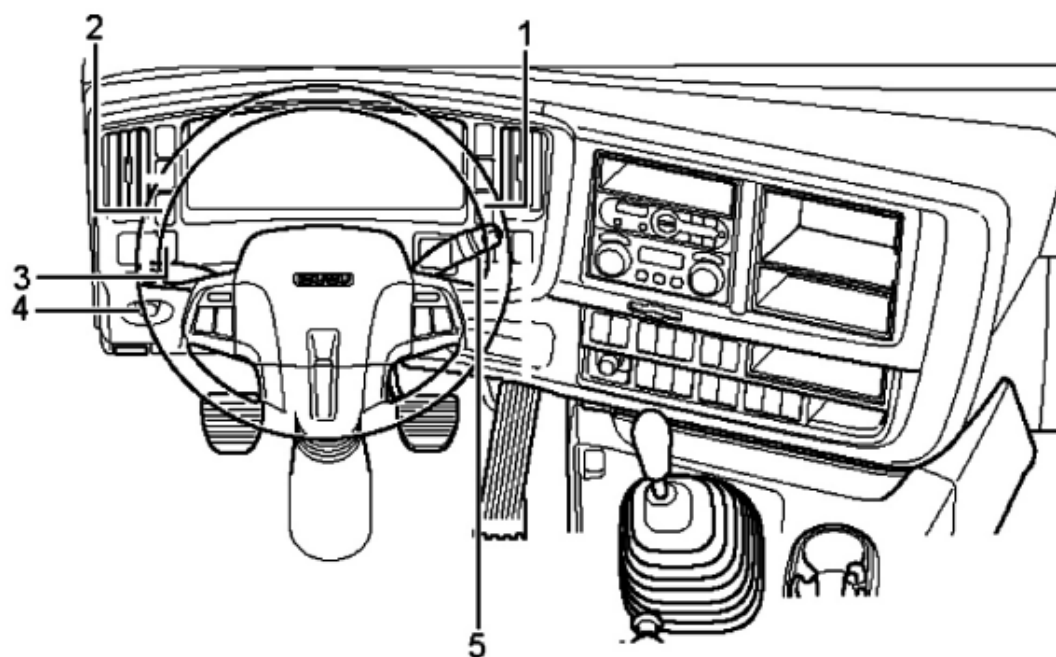
Các tính năng trên táp-lô



| STT | Trang bị                                   | Trang |
|-----|--------------------------------------------|-------|
| 1   | Công tắc cần gạt nước mưa                  | 4-68  |
|     | Công tắc cảnh báo                          | 4-67  |
|     | Công tắc phanh khí xả                      | 4-94  |
| 2   | Sơ đồ đèn cảnh báo/chỉ dẫn                 | 4-37  |
|     | Hiển thị trang thiết bị                    | 4-9   |
|     | Màn hình hiển thị đa thông tin             | 4-16  |
| 3   | Nút bấm chọn đồng hồ tốc độ và công tơ mét | 4-10  |
| 4   | Công tắc đèn                               | 4-65  |
|     | Công tắc đèn tín hiệu (đèn xi-nhan)        | 4-66  |

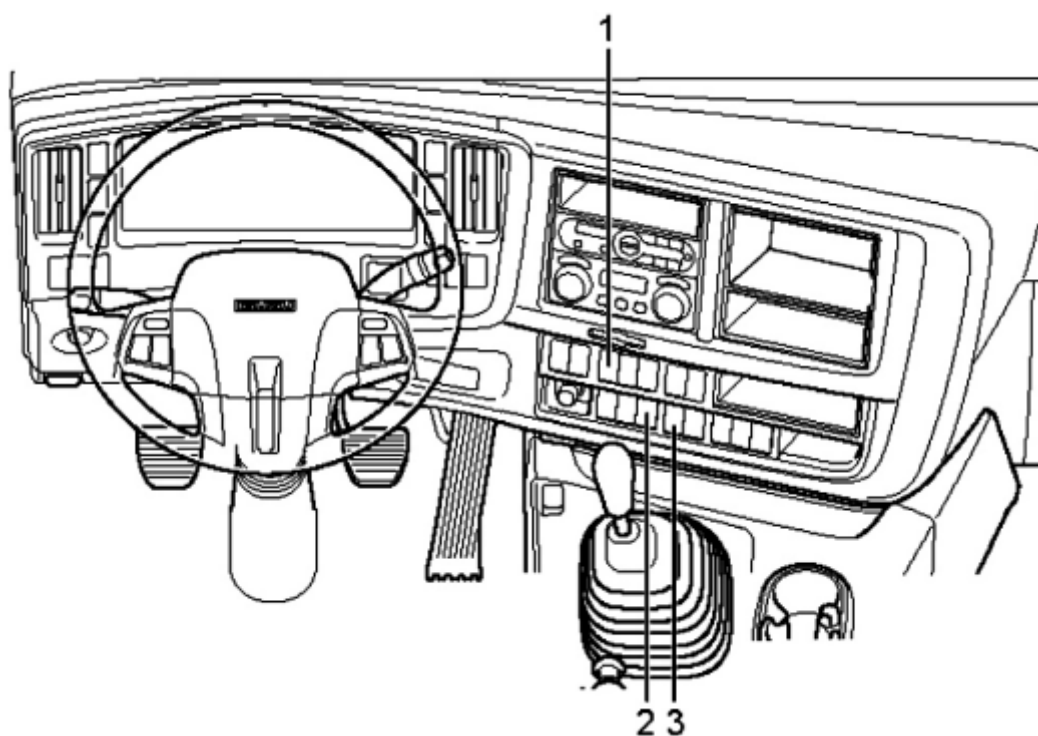
| STT | Trang bị                 | Trang        |
|-----|--------------------------|--------------|
| 5   | Công tắc tăng/giảm tốc ★ | 4-87<br>4-93 |
| 6   | Công tắc chính ★         | 4-86         |
| 7   | Công tắc huỷ ★           | 4-87<br>4-94 |
| 8   | Loa                      | 4-70         |
| 9   | Nút MENU                 | 4-19         |
| 10  | Nút RETURN               | 4-19         |
| 11  | Nút ENTER                | 4-19         |
| 12  | Nút UP/DOWN              | 4-19         |

★ Ký hiệu "cấu hình theo kiểu xe" hoặc "cấu hình theo đơn đặt hàng"



| ST<br>T | Trang bị                           | Trang |
|---------|------------------------------------|-------|
| 1       | Công tắc sấy gương chiếu hậu       | 4-70  |
| 2       | Công tắc đèn sương mù              | 4-67  |
| 3       | Công tắc điều khiển độ cao đèn pha |       |
| 4       | Điều chỉnh tốc độ không tải        | 4-64  |
| 5       | Công tắc liên hệ khẩn cấp          |       |

Tính năng bảng điều khiển trung tâm

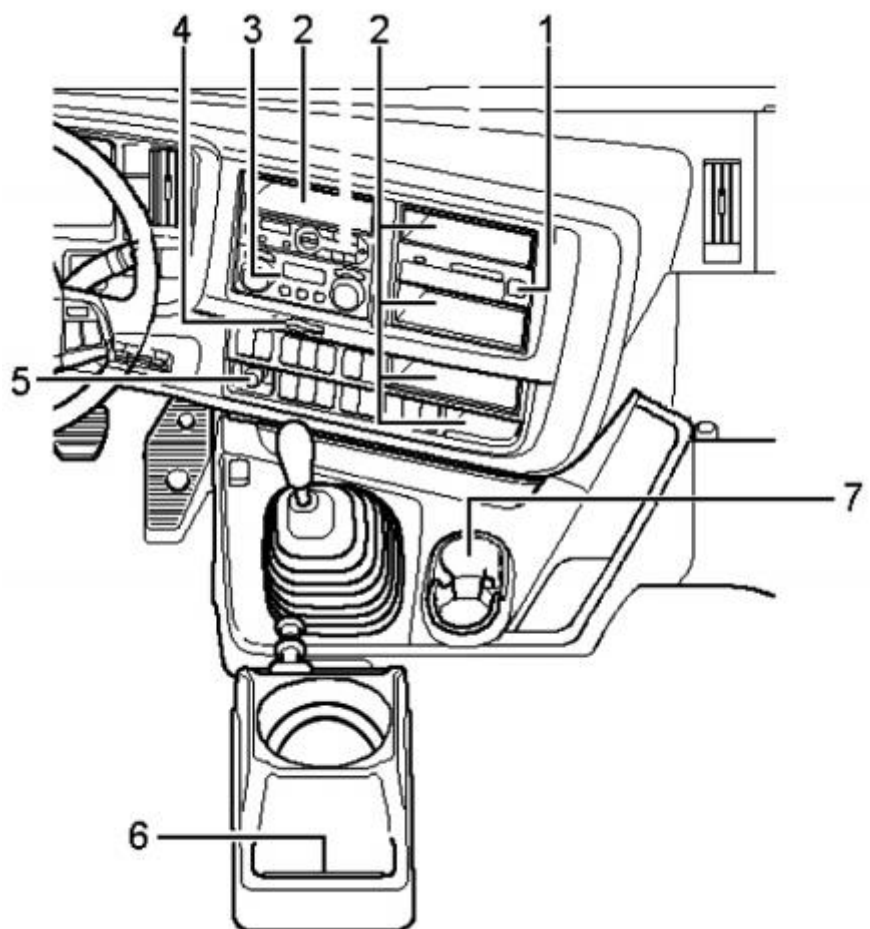


| ST<br>T | Trang bị                        | Trang |
|---------|---------------------------------|-------|
| 1       | NGUY HIỂM (công tắc cảnh báo)   | 4-67  |
| 2       | Công tắc thiết bị khoá vi sai ★ | 4-72  |
| 3       | Công tắc PTO                    | 4-100 |

★ Ký hiệu "cấu hình theo kiểu xe" hoặc "cấu hình theo đơn đặt hàng"



Tính năng bảng điều khiển trung tâm

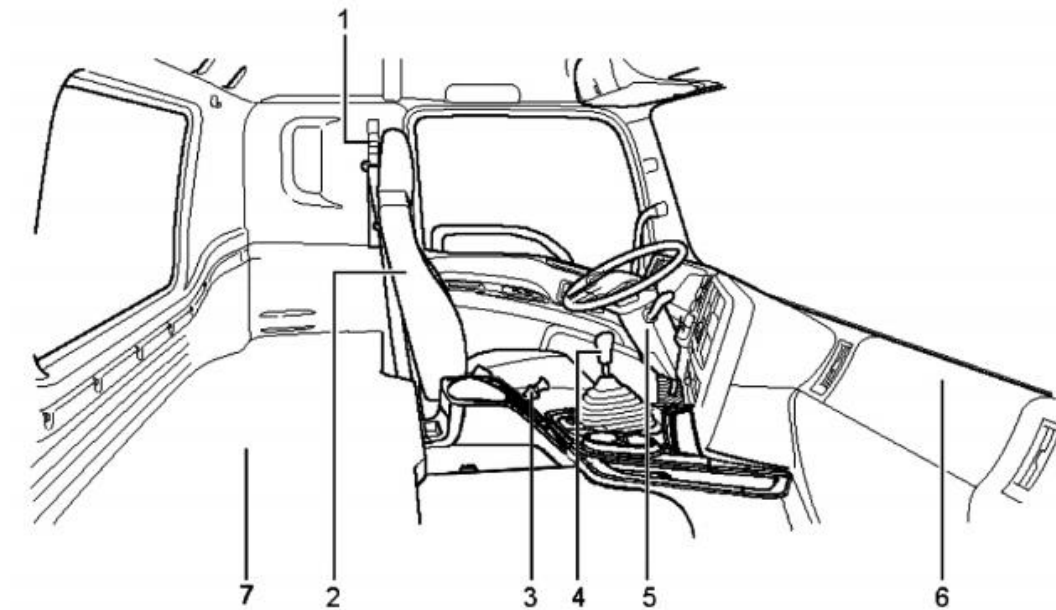


| STT | Trang bị                                                                                    | Trang |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | DVR★<br>Model xe Tiêu chuẩn/Thấp<br>trên bảng điều khiển trung<br>tâm, trần EXT trên nóc xe | 4-60  |
| 2   | Hộp chứa đồ (vật dụng<br>nhỏ)                                                               | 5-19  |

| STT | Trang bị               | Trang |
|-----|------------------------|-------|
| 3   | Điều khiển A/C tự động | 5-2   |
| 4   | Khay đựng thẻ          | 5-19  |
| 5   | Bật lửa                | 5-17  |
| 6   | Khay cạnh ghế ngồi     | 5-19  |
| 7   | Giá đỡ ly              | 5-21  |

★ Ký hiệu "cấu hình theo kiểu xe" hoặc  
"cấu hình theo đơn đặt hàng"

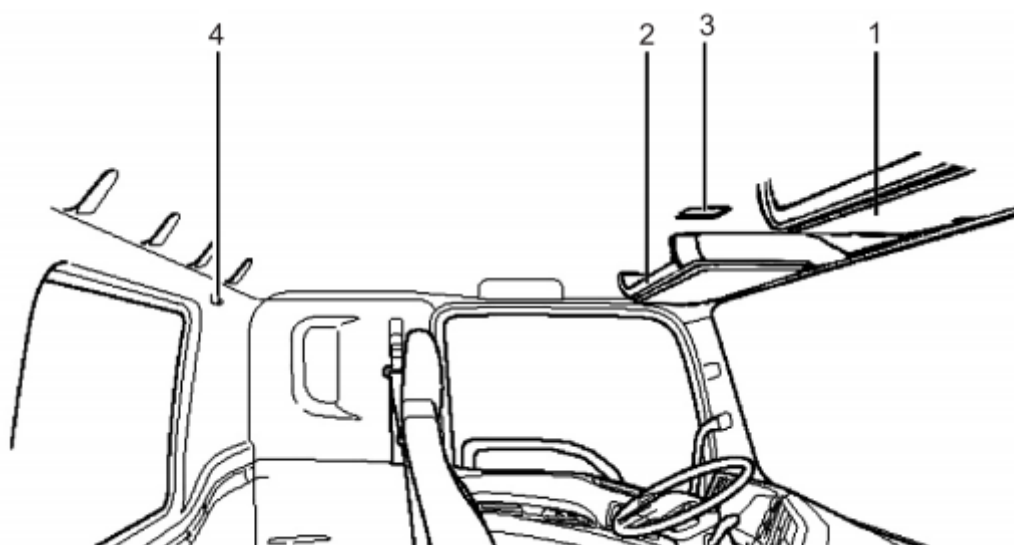
Các tính năng trên ghế ngồi



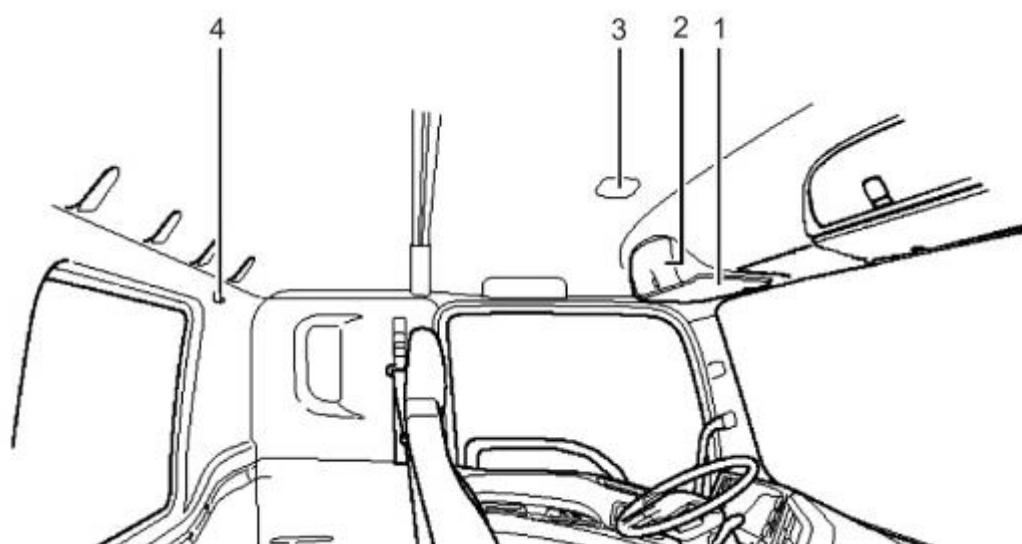
| STT | Trang bị          | Trang |
|-----|-------------------|-------|
| 1   | Dây an toàn       | 3-17  |
| 2   | Ghế               | 3-12  |
| 3   | Cần phanh dừng/đỗ | 4-75  |
| 4   | Cần số            | 4-76  |

| STT | Trang bị           | Trang |
|-----|--------------------|-------|
| 5   | Điều chỉnh vô lăng | 3-14  |
| 6   | Cầu chì, hộp rơ-le | 8-37  |
| 7   | Khoang nghỉ        | 5-24  |

Tính năng trên trần (Nóc Thấp)

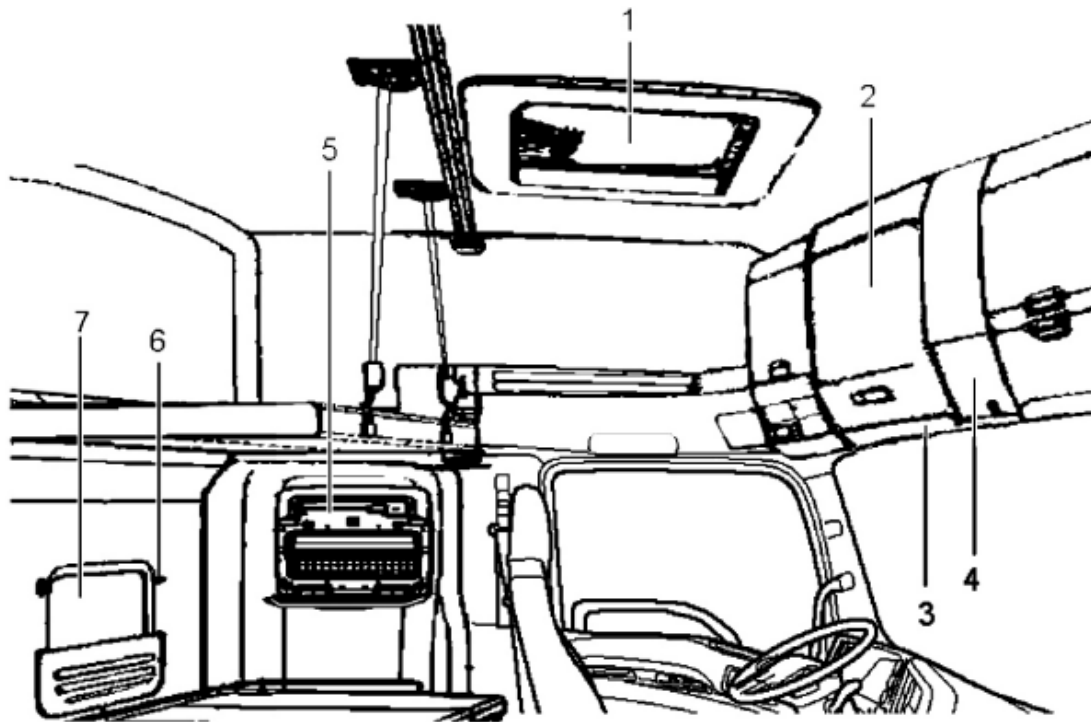


Tính năng trên trần (Nóc Cao)



| ST<br>T | Trang bị           | Trang |
|---------|--------------------|-------|
| 1       | Tấm che nắng       | 5-16  |
| 2       | Hộp chứa đồ (THẤP) | 5-20  |
|         | DVR (TIÊU CHUẨN)   |       |
| 3       | Đèn cabin          | 5-14  |
| 4       | Móc treo           | 5-22  |

Tính năng trên trần (Nóc Cao)



| STT | Trang bị            | Trang |
|-----|---------------------|-------|
| 1   | Thông gió trên trần | 5-23  |
| 2   | Hộp chứa đồ         | 5-20  |
| 3   | Tấm che nắng        | 5-16  |

| STT | Trang bị             | Trang |
|-----|----------------------|-------|
| 4   | Đèn cabin            | 5-14  |
| 5   | Bàn gấp gọn          | 5-23  |
| 6   | Móc treo             | 5-22  |
| 7   | Hộp chứa đồ bên hông | 5-23  |

Danh mục Đèn cảnh báo/chỉ dẫn

Màn hình đa năng

Cảnh báo và Mẹo vận hành

| Tên                            | Thông tin hiển thị                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                             | Màu sắc | Trang |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|
|                                | Khi đỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Khi chạy                                                                                                                                                    |         |       |
| Quá nhiệt                      |  <p><b>Quá nhiệt</b><br/>Nếu như động cơ không đạt nhiệt độ tối ưu khi vận hành, hãy tắt động cơ và kiểm tra nước làm mát. Không mở nắp bình nước phụ khi ở nhiệt độ cao để tránh bỏng hơi nước.</p>           |  <p>Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br/><b>Quá nhiệt</b></p>                      | Đỏ      | 4-45  |
| Thiếu hụt nước làm mát động cơ |  <p><b>Thiếu hụt nước làm mát động cơ</b><br/>Bổ sung nước làm mát động cơ sau khi thực hiện kiểm tra phát hiện rò rỉ. Không mở nắp bình nước phụ khi ở nhiệt độ cao để tránh bỏng hơi nước.</p>               |  <p>Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br/><b>Thiếu hụt nước làm mát động cơ</b></p> | Đỏ      | 4-44  |
| Mất áp suất nhớt               |  <p><b>Mất áp suất nhớt</b><br/>Hãy kiểm tra mức nhớt động cơ. Nếu mức nhớt đạt chuẩn và không phát hiện rò rỉ, hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.</p>                                            |  <p>Vui lòng đỗ xe ở nơi an toàn.<br/><b>Mất áp suất nhớt</b></p>        | Đỏ      | 4-41  |
| Lỗi bình điện                  |  <p><b>Lỗi bình điện</b><br/>Hãy kiểm tra độ căng đai. Nếu phát hiện bình điện thiếu điện thế. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.</p>                                                             |  <p>Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br/><b>Lỗi bình điện</b></p>                | Đỏ      | 4-42  |
| Lọc nhiên liệu (đầy nước)      |  <p><b>Lọc nhiên liệu</b><br/>Phát hiện hơi ẩm và cặn bẩn trong bộ lọc nhiên liệu. Hãy xả hết nước trong lọc.</p>                                                                                            |  <p>Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br/><b>Lọc nhiên liệu</b></p>               | Đỏ      | 4-43  |
| Giới hạn công suất động cơ     |  <p><b>Giới hạn công suất động cơ</b><br/>Nhiệt độ nhớt động cơ đang quá cao; công suất đầu ra sẽ bị giới hạn để bảo vệ động cơ. Khi nhiệt độ nhớt trở về ngưỡng cho phép, giới công suất sẽ được gỡ bỏ.</p> |  <p><b>Giới hạn công suất động cơ</b></p>                                | Cam     | 4-56  |

| Tên                                              | Giao diện hiển thị                                                                  |                                                                                                                                                      | Màu sắc | Trang |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|
|                                                  | Khi đỗ                                                                              | Khi chạy                                                                                                                                             |         |       |
| Lỗi điện thế (điện thế tương đối thấp)           |    | <b>Điện thế thấp</b>                                                                                                                                 | Đỏ      | 4-57  |
| Lỗi điện thế (điện thế quá cao)                  |    | <b>Điện thế quá cao</b>                                                                                                                              | Đỏ      | 4-57  |
| Cảnh báo áp suất khí nén thấp                    |    | <b>Cảnh báo áp suất khí nén thấp</b><br>Hãy châm thêm không khí.                                                                                     | Đỏ      | 4-39  |
| Lỗi phanh ABS                                    |    | <b>ABS</b>                                                                                                                                           | Cam     | 4-39  |
| Quên kéo cần phanh tay.                          |                                                                                     |                                                                     | Đỏ      | 4-57  |
| Lỗi phun ure                                     |    | <b>Lỗi phun ure</b><br>Phát hiện lỗi ở hệ thống bơm dung dịch ure. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.                                     | Cam     | 4-56  |
| Bổ sung dung dịch ure                            |  | <b>Bổ sung dung dịch ure</b><br>Hãy bổ sung thêm dung dịch vào khoang được chỉ định. Nếu không có dung dịch ure, động cơ sẽ không thể tái khởi động. | Cam     | 4-56  |
| Châm thêm nhiên liệu                             |  | <b>Châm thêm nhiên liệu</b>                                                                                                                          | Cam     | 4-51  |
| Vận hành PTO                                     |  | <b>Vận hành PTO</b>                                                                                                                                  | Đỏ      | 4-54  |
| Chế độ hành trình tự động                        |  | <b>Chế độ hành trình tự động</b>                                                                                                                     | Xanh lá | 4-82  |
| Chế độ SLD linh hoạt (nhiều mức giới hạn tốc độ) |  | <b>Chế độ SLD linh hoạt</b>                                                                                                                          | Xanh lá | 4-88  |

## Thông tin bảo dưỡng

| Tên                      | Thông tin hiển thị                                                                 |                                                 | Màu sắc | Trang |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|-------|
|                          | Khi đỗ                                                                             | Khi chạy                                        |         |       |
| Nhớt động cơ và lọc nhớt |   | Nhớt động cơ và lọc nhớt<br><b>Cần thay thế</b> | Cam     | 4-46  |
| Lọc nhiên liệu           |   | Lọc nhiên liệu<br><b>Cần thay thế</b>           | Cam     | 4-47  |
| Nhớt hộp số              |   | Nhớt hộp số<br><b>Cần thay thế</b>              | Cam     | 4-46  |
| Nhớt cụm vi sai          |   | Nhớt cụm vi sai<br><b>Cần thay thế</b>          | Cam     | 4-57  |
| Dầu trợ lực lái          |   | Dầu trợ lực lái<br><b>Cần thay thế</b>          | Cam     | 4-48  |
| Bộ lọc khí nén           |   | Bộ lọc khí nén<br><b>Cần thay thế</b>           | Cam     | 4-48  |
| Thay lốp                 |   | Thay lốp<br><b>Cần thay thế</b>                 | Cam     | 4-49  |
| Hệ thống khởi động       |  | Hệ thống khởi động<br><b>Cần thay thế</b>       | Cam     | 4-49  |

## Bảng điều khiển trang thiết bị

## Nội dung đèn cảnh báo

| Tên                               | Đèn cảnh báo                                                                      | Màu sắc | Trang |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|
| Đèn cảnh báo kiểm tra động cơ     |  | Cam     | 4-42  |
| Đèn cảnh báo hệ thống phanh đỗ xe |  | Đỏ      | 4-40  |
| Đèn cảnh báo hệ thống phanh       |  | Cam/Đỏ  | 4-38  |
| Đèn cảnh báo áp suất khí nén      |  | Cam     | 4-39  |



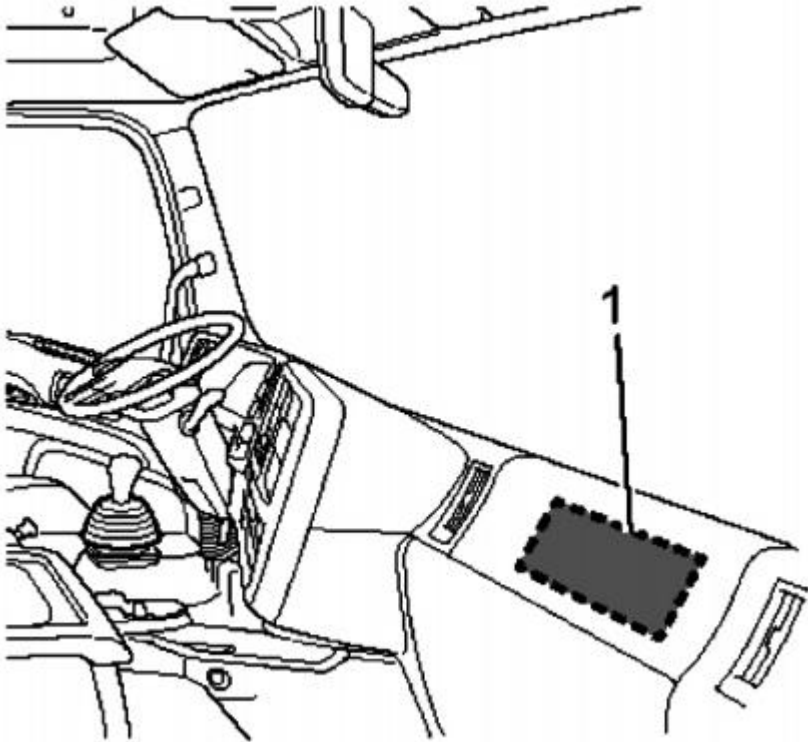
Nội dung đèn chỉ báo

| Tên                                              | Đèn cảnh báo                                                                      | Màu sắc    | Trang |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|-------|
| Đèn xông buồng đốt                               |  | Cam        | 4-53  |
| Đèn chỉ báo thiết bị khoá cùm vi sai             |  | Cam        | 4-53  |
| Đèn xi nhan và đèn cảnh báo nguy hiểm (bên trái) |  | Xanh lá    | 4-51  |
| Đèn xi nhan và đèn cảnh báo nguy hiểm (bên phải) |  | Xanh lá    | 4-51  |
| Đèn chỉ báo đèn pha                              |  | Xanh dương | 4-52  |

## NHÃN CẢNH BÁO

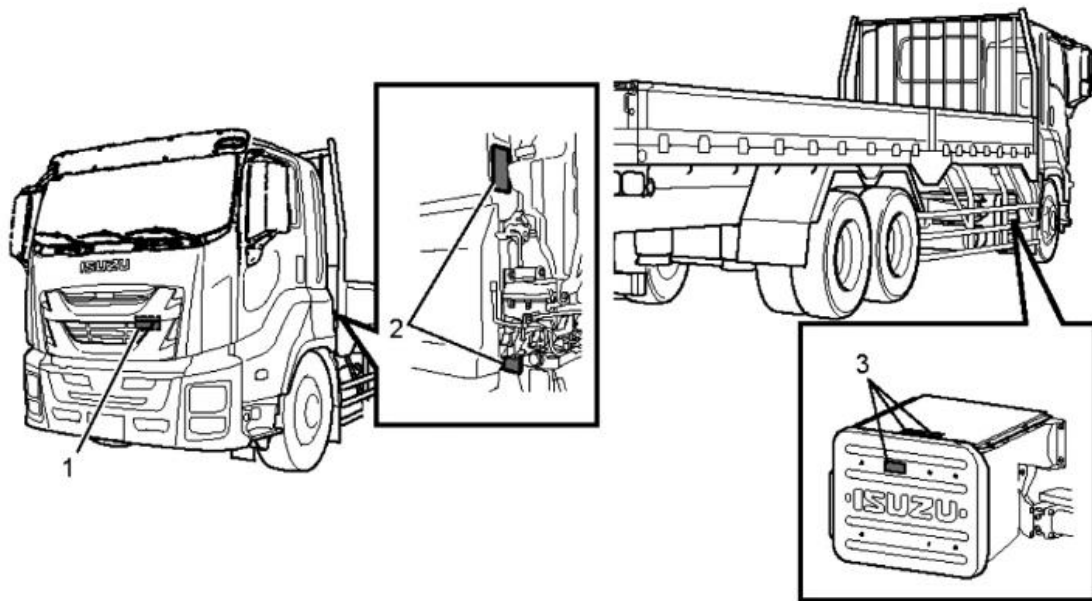
- Các nhãn cảnh báo/chú ý trên xe cho biết các hướng dẫn và thông tin vô cùng quan trọng mà bạn cần tuân thủ để đảm bảo vận hành xe an toàn và đúng kỹ thuật. Vui lòng đọc kỹ trước khi vận hành xe.
- Nếu bất kỳ nhãn nào trong sổ này bị bong tróc hoặc mờ do mài mòn hoặc trầy xước, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu của bạn để được thay thế.
- Các nhãn cảnh báo/chú ý này chỉ dành cho xe và không bao gồm các chi tiết lắp ráp bổ sung. Nếu xe của bạn được trang bị loại thân vỏ đặc biệt, hãy xem hướng dẫn sử dụng từ nhà sản xuất để biết các nhãn cảnh báo/chú ý, nếu có.
- Một số ví dụ về nhãn cảnh báo/chú ý được liệt kê trong các trang kế tiếp, nhưng không đầy đủ đa số các ví dụ khác. Ngoài ra, nội dung của các nhãn này có thể khác nhau giữa các phiên bản xe.
- Các nhãn cảnh báo/chú ý có thể được đặt ở những vị trí khác nhau trên xe của bạn.

Nhãn cảnh báo/Chú ý - Nội thất khoang lái.



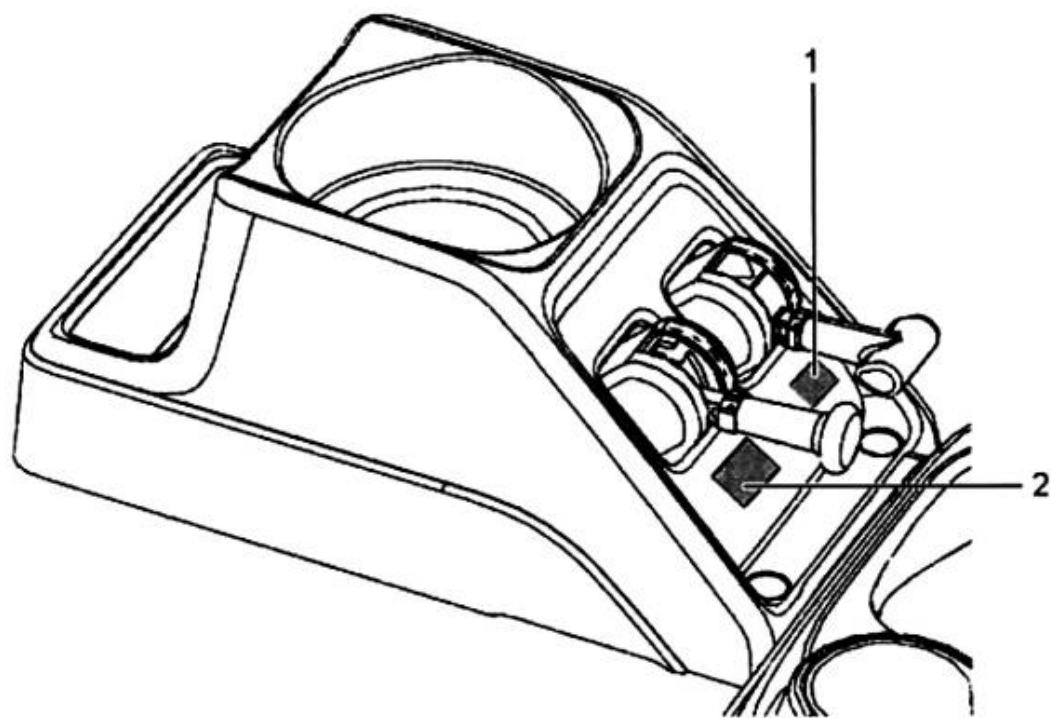
| STT | Giải nghĩa  |
|-----|-------------|
| 1   | Hộp cầu chì |

Nhãn cảnh báo/Chú ý - Nội thất khoang lái.

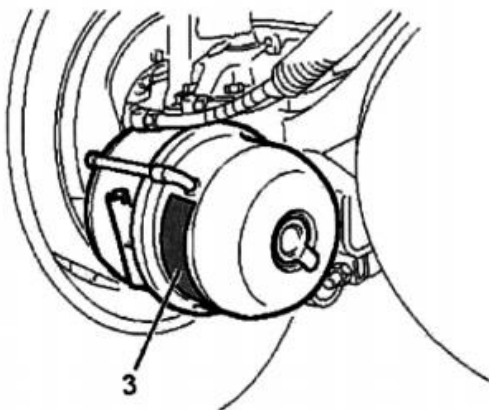
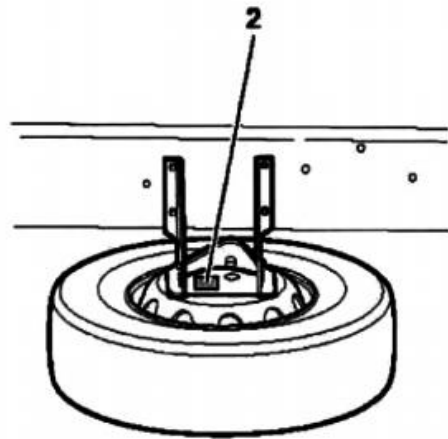
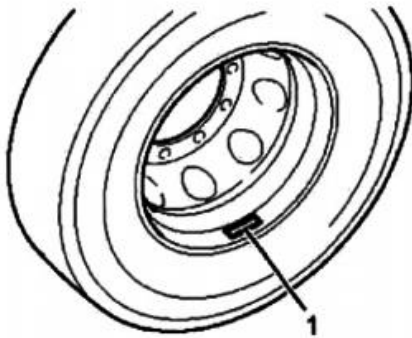


| STT | Giải nghĩa   |
|-----|--------------|
| 1   | Nhớt động cơ |
| 2   | Nâng cabin   |
| 3   | Hệ thống SCR |

Nhãn cảnh báo/Chú ý (Hướng dẫn sử dụng phanh tay và phanh rô-móc)



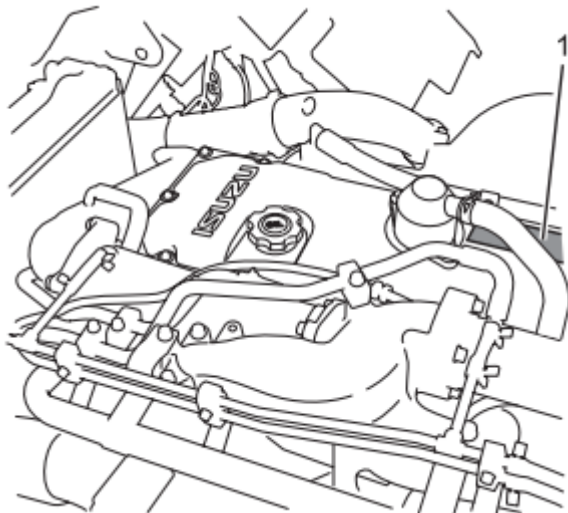
| STT | Giải nghĩa                     |
|-----|--------------------------------|
| 1   | Hướng dẫn sử dụng phanh rô-móc |
| 2   | Hướng dẫn sử dụng phanh tay    |



| STT | Giải nghĩa                             |
|-----|----------------------------------------|
| 1   | Mã nhận dạng của bánh xe đạt chuẩn ISO |
| 2   | Lốp dự phòng                           |
| 3   | Bầu phanh                              |

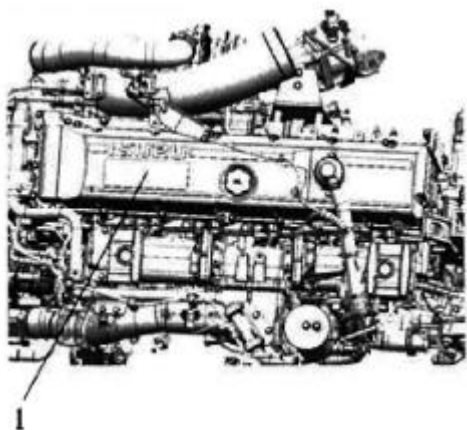
## Nhãn cảnh báo/Chú ý - Khoang động cơ

Động cơ 6UZ1



| STT | Giải nghĩa                                    |
|-----|-----------------------------------------------|
| 1   | Bảng điều chỉnh động cơ và các thể hệ động cơ |

Động cơ 6WG1



## THÔNG TIN VỀ XE

1

---

• Số khung xe (số VIN) và Số máy

---

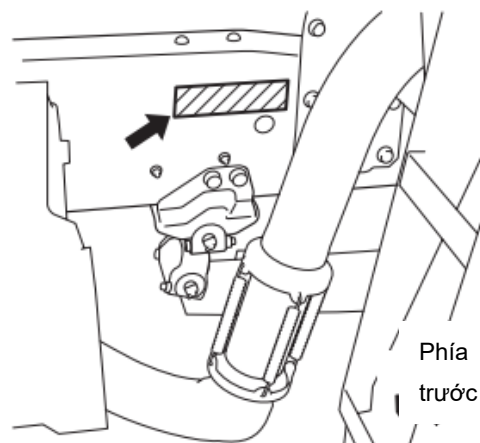
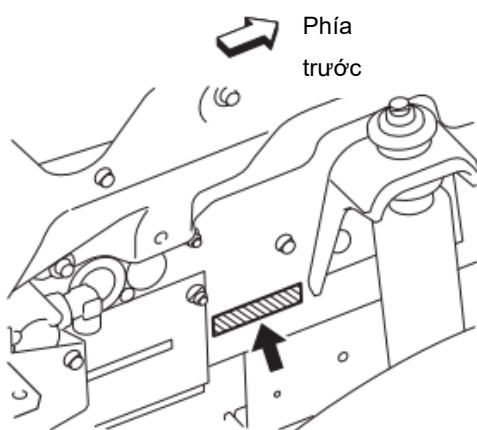


## Số khung xe (số VIN) và Số máy

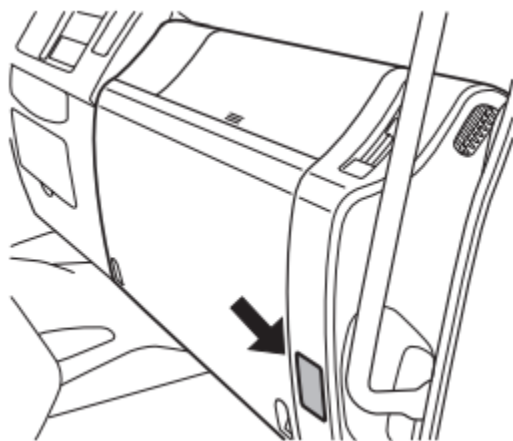
Số VIN và số máy là thông tin bắt buộc khi đăng ký giấy phép cho xe của bạn. Những thông tin này cũng được sử dụng để thực hiện đăng kiểm xe định kỳ, Vui lòng cung cấp những thông tin này cho Đại lý Isuzu nếu xe của bạn cần sửa chữa hoặc đặt hàng phụ tùng thay thế. Điều này sẽ giúp chúng tôi xử lý những yêu cầu của bạn một cách nhanh chóng và chính xác.

## VIN

Vị trí ghi số VIN.



Bảng ID



Bảng ID được đặt ở ngay bên dưới tấp lô, ở đó ghi số khung cùng với những thông tin cơ bản khác như mã tùy chọn.

Bảng ID ghi số khung. Dãy ký hiệu này bao gồm những thông tin như loại xe hay mẫu mã động cơ, cụ thể như sau:

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| L | W | L | Y | B | G | Y | K | 5 | E | L | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | 6 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |   |   |   |   |   |   |   |   |

| STT | Giải nghĩa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1   | Định danh Nhà sản xuất toàn cầu (WMI)<br>LWL: China Isuzu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | WMI               |
| 2   | Mẫu mã xe<br>Y: Dòng xe VC61 - chuyên chở hàng hoá trọng lượng lớn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chú thích loại xe |
| 3   | Tổng trọng lượng xe, tải trọng trục.<br>B: tải trọng trục (22001 Kg ~ 30000 Kg)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                   |
| 4   | Mã kiểu dẫn động, mã động cơ<br>AY: 4X2    6UZ1-TCG40    AT: 4X2    6WG1-TCG50<br>DY: 6X2    6UZ1-TCG40    DT: 6X2    6WG1-TCG50<br>FY: 6X4    6UZ1-TCG40    FT: 6X4    6WG1-TCG50<br>GY: 8X4    6UZ1-TCG40    GT: 8X4    6WG1-TCG50<br>AS: 4X2    6WG1-TCG51    AP: 4X2    6WG1-TCG52<br>DS: 6X2    6WG1-TCG51    DP: 6X2    6WG1-TCG52<br>FS: 6X4    6WG1-TCG51    FP: 6X4    6WG1-TCG52<br>GS: 8X4    6WG1-TCG51    GP: 8X4    6WG1-TCG52<br>AU: 4X2    6UZ1-TCG50    AZ: 4X2    6UZ1-TCG51<br>DU: 6X2    6UZ1-TCG50    DZ: 6X2    6UZ1-TCG51<br>FU: 6X4    6UZ1-TCG50    FZ: 6X4    6UZ1-TCG51<br>GU: 8X4    6UZ1-TCG50    GZ: 8X4    6UZ1-TCG51 |                   |
| 5   | Mã kiểu thân vỏ (trục cơ sở)<br>K: Đầu xe ngắn, (trục cơ sở: G900mm~5500mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                   |
| 6   | Mã số kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |
| 7   | Mã năm sản xuất của mẫu xe<br>E: 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Chỉ dẫn loại xe   |
| 8   | Mã nhà sản xuất<br>L: Isuzu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                   |
| 9   | Số khung gầm sắt-xi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   |



## KHUYẾN CÁO

- Diễn giải cụ thể về số khung có thể khác nhau giữa các thị trường. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ Đại lý Isuzu địa phương.

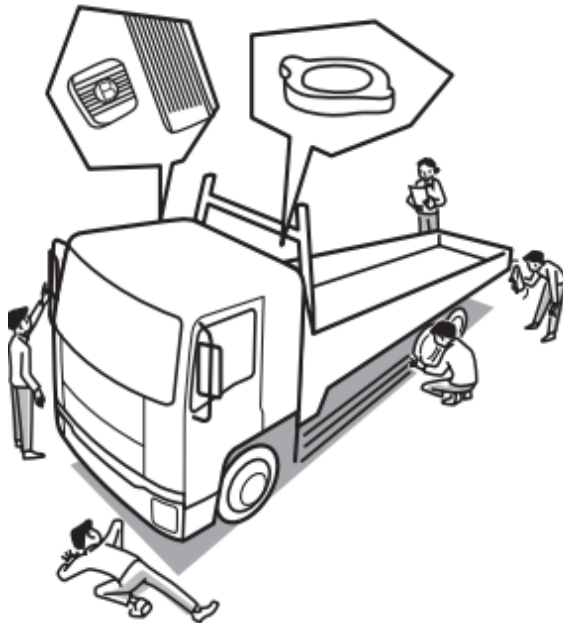


|                                                                 |      |
|-----------------------------------------------------------------|------|
| • Trước khi lái                                                 | 2-2  |
| • Hành khách là trẻ nhỏ                                         | 2-12 |
| • Trong khi lái                                                 | 2-14 |
| • Trong khi dừng hoặc đỗ                                        | 2-23 |
| • Hiện tượng bất thường cần chú ý                               | 2-28 |
| • Những lưu ý phòng tránh rủi ro                                | 2-31 |
| • Hiện tượng bất thường cần liên hệ tới Đại lý Isuzu địa phương | 2-33 |
| • Hệ thống SCR                                                  | 2-35 |
| • Xe được trang bị bộ giới hạn vận tốc                          | 2-38 |

Chương này bao gồm những thông tin và chú ý giúp bạn vận hành xe an toàn và thoải mái. Vui lòng đọc kỹ trước khi sử dụng xe.

## Trước khi lái

## Kiểm tra tổng quan (trước khi khởi hành)



Kiểm tra tổng quan là nghĩa vụ bắt buộc của người lái đã được quy định trong Luật Giao Thông Đường bộ. Trước khi khởi hành, hãy thực hiện việc kiểm tra tổng quan xung quanh xe, đảm bảo không có hiện tượng bất thường nào. Nhằm mục đích đảm bảo an toàn, hãy lưu lại bản ghi về quãng đường đã qua và tình trạng xe trong suốt quá trình di chuyển kiểm tra xe định kỳ và thực hiện sửa chữa/bảo dưỡng theo kết quả thu được.

Nếu như phát hiện bất thường trong khi kiểm tra hoặc trong quá trình vận hành, vui lòng mang xe tới Đại lý Isuzu địa phương để được khắc phục trước khi tiếp tục sử dụng.

| Bộ phận cần kiểm tra                   | Hạng mục kiểm tra                                      | Trang |
|----------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------|
| Hệ thống phanh                         | Hành trình bàn đạp (độ rơ của bàn đạp)                 | 7-69  |
|                                        | Dao động tự do của pe-đan chân phanh                   | 7-69  |
|                                        | Âm xả khí từ van phanh                                 | 7-69  |
|                                        | Áp suất khí nén tăng                                   | 7-91  |
|                                        | Hành trình cần phanh tay.                              | 7-70  |
| Bộ ly hợp                              | Vận hành * 2                                           | 7-102 |
| Lốp                                    | Áp suất lốp                                            | 7-73  |
|                                        | Nứt, rách hoặc các hư hại khác                         | 7-75  |
|                                        | Mài mòn bất thường                                     | 7-75  |
|                                        | Độ sâu rãnh lốp *1                                     | 7-75  |
|                                        | Tình trạng mâm lốp                                     | 7-77  |
| Bình điện                              | Mức dung dịch bình điện *1                             | 7-120 |
| Động cơ                                | Mức nước làm mát động cơ *1                            | 7-58  |
|                                        | Mức nhớt động cơ *1                                    | 7-38  |
|                                        | Độ ổn định của động cơ hoặc các âm thanh bất thường *1 | 7-37  |
|                                        | Trạng thái tăng hoặc giảm tốc *1                       | 7-37  |
|                                        | Đai quạt làm mát động cơ bị lỏng hoặc hư hại *1        | 7-52  |
| Hệ thống đèn chiếu sáng, đèn xi nhan   | Đèn sáng bình thường, nhấp nháy, bám bẩn hoặc hư hại   | 7-117 |
| Cần gạt nước mưa và dung dịch rửa kính | Trạng thái gạt mưa *1                                  | 7-115 |
|                                        | Mức dung dịch, trạng thái châm bổ sung *1              | 7-113 |
| Bình khí                               | Mức ngưng tụ trong bình khí (xả nước)                  | 7-93  |
| Lọc khí nén                            | Chức năng *2                                           | 7-96  |
| Vị trí lỗi trong khi vận hành          | Xác định vị trí đó có bất thường hay không             | 7-35  |

\*1: Ký hiệu hạng mục cần phải được kiểm tra định kỳ theo quãng đường đã qua hoặc điều kiện di chuyển

\*2: Ký hiệu hạng mục được khuyến nghị bởi Isuzu.

## Loại nhiên liệu được chỉ định



## CHÚ Ý

- Việc sử dụng nhiên liệu không phải là dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp có thể có tác động xấu đến động cơ và hệ thống làm sạch khí thải (SCR) bằng ure và gây ra lỗi kỹ thuật. Nếu bạn vô tình bơm nhầm loại nhiên liệu, hãy nhanh chóng hút cạn chúng ra ngoài. Phương pháp khởi động động cơ khi đổ sai loại nhiên liệu có thể gây ra cháy nổ hoặc hư hỏng động cơ.
- Sử dụng nhiên liệu diesel không phải dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp có thể khiến chiếc xe vi phạm các yêu cầu pháp lý của địa phương.
- Mở nắp bình xăng một cách từ tốn. Nếu mở đột ngột, nhiên liệu có thể trào ra ngoài.



## KHUYẾN CÁO

- Vui lòng sử dụng đúng loại dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp. Tốt nhất là dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (dưới 50 ppm) Nếu bạn châm vào loại nhiên liệu kém chất lượng, phụ gia khử nước hoặc các loại phụ gia khác, xăng, dầu hỏa hoặc nhiên liệu gốc cồn, chúng có thể gây hại cho bộ lọc nhiên liệu, ngăn cản sự vận hành trơn tru của các bộ phận được bôi trơn bằng nhiên liệu trong kim phun và ảnh hưởng xấu đến động cơ và bộ chuyển đổi xúc tác PM, từ đó có thể dẫn đến những sự cố nghiêm trọng.



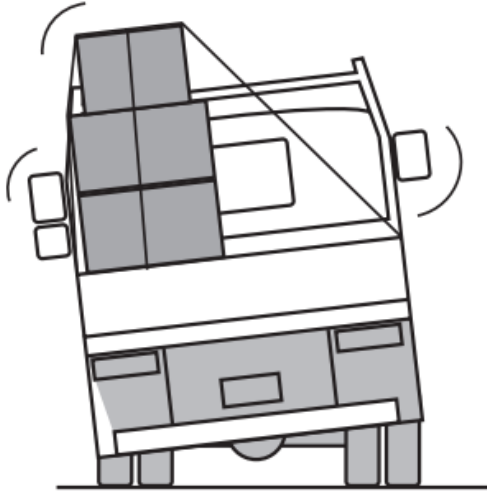
## LƯU Ý

- Thông số về nhiên liệu diesel có thể khác nhau tùy theo khí hậu và khu vực.

Nắp đậy bình nhiên liệu → Chuyển tới trang 3-8

Loại Nhiên liệu → Chuyển tới trang 6-

## Bốc xếp hàng hoá an toàn



## CẢNH BÁO

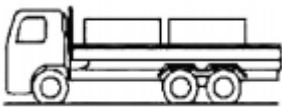
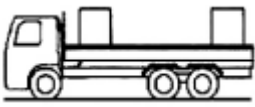
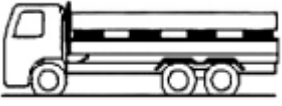
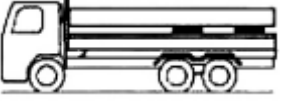
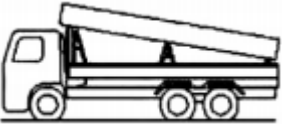
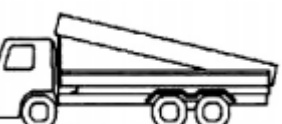
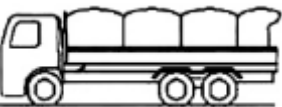
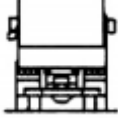
- Vận chuyển quá tải có thể dẫn tới tai nạn khi tải trọng đặt lên các trục bánh xe là quá lớn khiến các mối ghép bu lông nứt vỡ và bánh xe bị rơi ra.



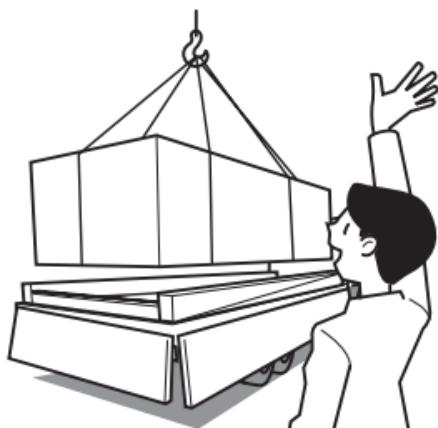
## CHÚ Ý

- Vận chuyển quá tải hoặc bốc xếp hàng hoá nghiêng hết về một phía là vô cùng nguy hiểm. Hãy bốc xếp hàng hoá đúng cách, kiểm soát chặt chẽ tải trọng tối đa của xe. Bốc xếp sai cách khiến hàng hoá dễ dàng bị xô dịch trong quá trình vận chuyển. Ngoài ra, điều này có thể dẫn tới tình trạng một khu vực nhỏ chịu tải trọng quá lớn, gây hư hại cho mặt sàn và khung gầm.
- Vận chuyển quá tải khiến nhiều bộ phận trên xe phải chịu tải quá mức. Điều này làm giảm tuổi thọ của xe và tiềm ẩn nguy cơ tai nạn.



| Lưu ý khi bốc xếp hàng hoá                                                                                                                                                                                                                         | Đúng                                                                               | Sai                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Không chỉ xếp hàng hoá ở phía trước hoặc phía sau. Hãy dàn đều hàng hoá ra toàn bộ khoang chứa.                                                                                                                                                    |  |   |
| Nếu sử dụng giá đỡ, hãy đặt chúng phẳng đều bên dưới kiện hàng.                                                                                                                                                                                    |  |   |
| Cân trọng tối đa khi vận chuyển kiện hàng dài, không để chúng nhô ra bên ngoài phạm vi đuôi khoang chứa. Thay vào đó, hãy dùng giá đỡ để tạo góc nghiêng cho kiện hàng. Tránh việc chỉ tận dụng khung chặn phía trước và cạnh sau của khoang hàng. |  |   |
| Dùng dây thừng và bạt phủ để cố định kiện hàng, tránh bị rơi khi vận chuyển. Dùng dây đai cao su để cố định bạt phủ khỏi gió tạt.                                                                                                                  |  |   |
| Tránh việc bốc xếp hàng hoá quá cao. Điều này có thể khiến xe bị nghiêng khi gặp gió mạnh hoặc khi chuyển hướng di chuyển.                                                                                                                         |  |  |

## Bốc xếp hàng hoá nặng



## CHÚ Ý

- Đối với kiện hàng nặng, thận trọng từng bước khi bốc xếp để tránh trơn trượt và cố định kiện hàng bằng dây cáp.

Không buộc kiện hàng quá chặt.



#### KHUYẾN CÁO

- Để tránh rơi hàng hoá khi vận chuyển, hãy dùng dây thừng và bạt phủ để cố định kiện hàng. Bên cạnh đó, buộc kiện hàng quá chặt có thể gây hư hại sàn xe và khung chặn phía trước.

Hãy chắc chắn không có vật liệu bắt cháy nào nằm giữa khoang lái và sàn khoang chứa hàng



#### CẢNH BÁO

Thận trọng không để dây thừa buông thõng xuống dưới tấm ốp cách nhiệt đằng sau khoang lái. Trong quá trình vận hành, nhiệt năng sản sinh từ động cơ có thể dẫn đến cháy. Cần thận cố định các đoạn dây thừa và vật thừa của bạt phủ.



Vải che, mui xe



#### KHUYẾN CÁO

- Để tránh việc tấm vải che hoặc mui xe làm kẹt ống hút gió, vui lòng cố định nó bằng dây đai cao su.. Trong trường hợp ống hút gió bị kẹt, động cơ sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực, dẫn tới thiếu hụt công suất đầu ra và các lỗi kỹ thuật khác.

## Vận hành xe ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu



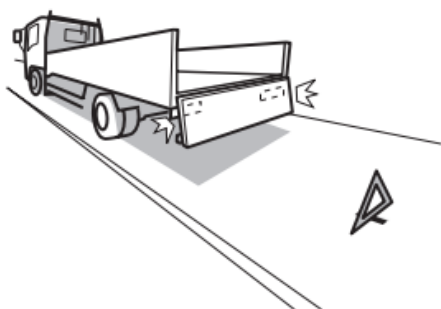
Chạy quá nhanh hay quá chậm đến mức động cơ phát ra tiếng gõ, luôn bật phanh khí xả khi chạy xe đều là những nguyên nhân làm giảm khả năng tiết kiệm nhiên liệu. Hãy cố gắng duy trì tốc độ ổn định nhất có thể.

Khi tăng tốc, hãy đạp ga nhẹ nhàng và chậm rãi, kết hợp chuyển số sớm. Việc làm ấm động cơ quá lâu và nẹt ga sẽ gây lãng phí nhiên liệu.

Vận chuyển hàng hoá quá tải cũng gây hao tốn nhiên liệu hơn.

Thường xuyên kiểm tra áp suất lốp để đảm bảo rằng chúng luôn ở mức khuyến nghị.

## Bốc dỡ hàng hoá



## CHÚ Ý

- Khi bạn xếp hoặc dỡ hàng hóa bên đường và cửa của khoang hàng hoặc các bộ phận thân vỏ khác che khuất đèn đuôi, đèn dừng đỗ, đèn nháy cảnh báo nguy hiểm, đèn xi nhan và / hoặc đèn phản quang, hãy cảnh báo những người lái và người đi đường bằng cách đặt các biển báo hiệu hoặc biển cảnh báo nguy hiểm ở nơi dễ nhìn.
- Khi bạn xếp hoặc dỡ hàng hóa ở lề đường, hãy chọn nơi cho phép dừng đỗ xe và tránh gây cản trở giao thông.

## Không vận chuyển hàng hoá là nhiên liệu hoặc các loại bình xịt đặt trong khoang lái



## CẢNH BÁO

- Rất nguy hiểm nếu bạn vận chuyển hàng hoá là nhiên liệu hoặc các loại bình xịt đặt trong khoang lái. Những loại hàng hoá này tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ rất cao nếu bắt lửa hoặc bị đổ vỡ.

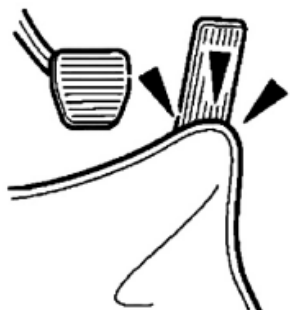
Vui lòng dọn dẹp sạch sẽ, gọn gàng sàn xe xung quanh ghế người lái.



#### CẢNH BÁO

- Rất nguy hiểm nếu để vỏ chai, vỏ lon hoặc các vật dụng khác bừa bãi dưới sàn xe, vì chúng có thể bị mắc kẹt dưới bàn đạp chân phanh và cản trở hành trình của bàn đạp. Để đảm bảo mọi bàn đạp vận hành trơn tru, bạn cũng phải chú ý trải thảm sàn đúng cách. Nếu không, thảm có thể sẽ gây khó khăn cho việc sử dụng các bàn đạp này.
- Không đặt vật trụ hoặc tròn ở các hộc đồ hoặc trên mặt táp lô, chúng có thể gây khó khăn cho việc điều khiển xe của bạn.

Cách trải thảm sàn đúng cách



#### CẢNH BÁO

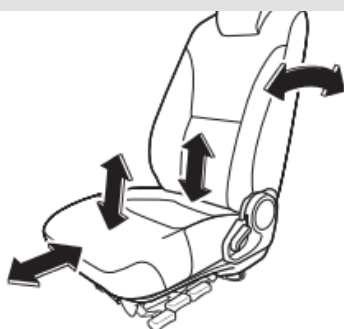
- Hãy trải loại thảm phù hợp với từng mẫu xe. Nếu bạn thấy các bàn đạp bị che lấp hoặc trải lại thảm cũ, thảm sàn có thể phủ lên các bàn đạp và làm ảnh hưởng đến khả năng vận hành xe, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn.

Tư thế đúng khi lái xe



#### CẢNH BÁO

- Trước khi lái, hãy luôn nhớ điều chỉnh ghế, vô lăng và gương sao cho phù hợp với tư thế ngồi chuẩn của bạn. Lắc nhẹ ghế sau khi điều chỉnh để đảm bảo ghế đã được cố định vào đúng khớp, sau đó thắt dây an toàn. Mọi hành khách trên xe đều phải thắt dây an toàn.



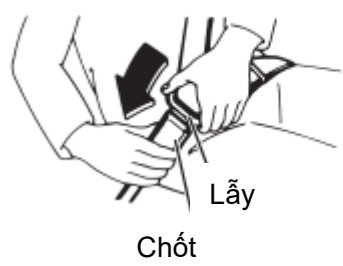
Ghế ngồi→Xem trang 3-12

Dây an toàn→Xem trang 3-17

Gương→Xem trang 3-15

Điều chỉnh ghế

Điều chỉnh ghế ngồi sao cho phù hợp với tư thế ngồi chuẩn là một hành động bắt buộc giúp lái xe



**Dây an toàn**  
Hãy luôn nhớ thắt dây an toàn. Ngồi thẳng, lưng dưới áp vào ghế, phần đai ngang đùi nằm dưới hông thấp nhất có thể.



Thấp nhất có thể về phía xương chậu.



| Khuyến nghị khi điều chỉnh ghế |                                                                                |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| a                              | Điều chỉnh ghế thuận tiện cho việc đánh lái dễ dàng với khuỷu tay hơi gấp lại. |
| b                              | Điều chỉnh phần lưng ghế sao vai bạn luôn tựa vào thoải mái.                   |
| c                              | Đảm bảo vị trí ngồi thuận tiện cho việc sử dụng các bàn đạp.                   |

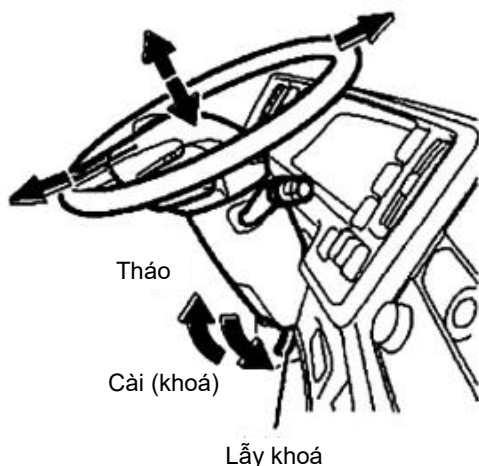
| Chú ý khi thắt dây an toàn |                                                                       | Nguyên do                                                                                                |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A                          | Chỉnh phần đai ngang hông thấp nhất có thể về phía xương chậu.        | Lực kéo từ dây an toàn trong trường hợp xảy ra va chạm có thể tiềm ẩn rủi ro nếu bạn đặt đai sai vị trí. |
| B                          | Chỉnh phần đai chéo vắt qua vai (không để chạm vào cổ, cằm hoặc mặt.) |                                                                                                          |
| C                          | Đảm bảo dây an toàn không bị xoắn khi đeo.                            | Để chắc chắn mang lại hiệu quả bảo vệ tối ưu.                                                            |

Hành khách và Dây an toàn.  
Mỗi người sử dụng một dây an toàn riêng biệt.



- Hãy luôn nhớ điều chỉnh ghế ngồi trước khi khởi hành. Khi đã đưa ghế đến vị trí mong muốn, hãy lắc nhẹ để đảm bảo ghế đã được cố định vào đúng khớp, sau đó thắt dây an toàn trước khi khởi hành. Không chỉ riêng người lái mà toàn bộ hành khách trên xe đều phải thắt dây an toàn.
- Đối với trẻ nhỏ chưa thể sử dụng dây an toàn đúng cách, các phần đai chạm vào mặt hoặc nằm phía trên hông, hãy sử dụng ghế ngồi trẻ em trên ô tô hoặc các loại dây an toàn nối dài phù hợp, không dùng trực tiếp dây an toàn của xe. Sử dụng dây an toàn của xe trong trường hợp này tiềm ẩn rủi ro với trẻ nhỏ.

Khi có trẻ nhỏ trên xe → Xem trang 2-12



### Điều chỉnh vị trí của vô lăng

Bạn có thể điều chỉnh vị trí của vô lăng theo hướng trên/dưới hoặc ra trước/sau. Sau khi điều chỉnh, hãy đảm bảo vô lăng và cần khoá đã được cố định vào đúng khớp.



#### CẢNH BÁO

- Khi đã điều chỉnh vô lăng đến vị trí mong muốn, hãy kéo nhẹ theo hướng trên/dưới để đảm bảo vô lăng và cần khoá đã được cố định vào đúng khớp trước khi khởi hành.
- Điều chỉnh vị trí vô lăng trước khi khởi hành. Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi đang chạy xe là một hành động vô cùng nguy hiểm vì khi này vô lăng chưa cố định, gây cản trở việc điều khiển xe một cách an toàn.

Điều chỉnh vô lăng→Xem trang 3-14

### Khi có phụ nữ mang thai và người bệnh trên xe



#### CẢNH BÁO

- Phụ nữ mang thai và người bệnh đều phải thắt dây an toàn khi ngồi trên xe. Vì dây an toàn có thể tạo áp lực lên phần bụng, ngực và vai trong trường hợp xảy ra va chạm, phụ nữ mang thai và người bệnh nên tham vấn bác sỹ về khả năng di chuyển bằng xe này.
- Phụ nữ mang thai nên thắt loại dây an toàn 3 điểm.
  - Phụ nữ mang thai cần chỉnh phần đai ngang hông thấp nhất có thể về phía xương chậu (không vắt ngang bụng) Đồng thời, phần đai chéo cũng phải vắt qua ngực, chứ không vắt qua bụng.
  - Nếu thắt dây an toàn không đúng hướng dẫn trên, áp lực sẽ bị đặt lên phần bụng trong trường hợp phanh gấp hoặc xảy ra va chạm, điều này gây nguy hiểm không chỉ cho thai phụ mà còn cho cả đứa bé trong bụng, tiềm ẩn nguy cơ thương tích hoặc tử vong.

Khi có trẻ nhỏ trên xe→Xem trang 2-12

## Khi có trẻ nhỏ trên xe

## Sử dụng dây an toàn cho trẻ nhỏ



## CẢNH BÁO

- Dây an toàn trên xe được thiết kế theo số đo của người trưởng thành. Nếu các phần đai chạm vào cổ hay cằm, hoặc nằm phía trên hông của trẻ, hoặc trẻ nhỏ dưới 06 tuổi, hãy sử dụng các loại ghế ngồi trẻ em trên ô tô tương ứng với độ tuổi. Nếu sử dụng dây an toàn một cách bình thường cho trẻ nhỏ, áp lực sẽ bị đặt lên phần bụng của trẻ trong trường hợp xảy ra va chạm. Trẻ nhỏ chưa thể tự ngồi thẳng thì bắt buộc phải sử dụng ghế trẻ em.

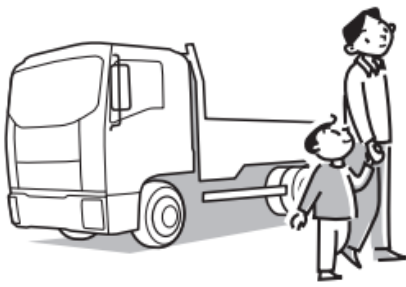


## LƯU Ý

- Có nhiều loại ghế ngồi trẻ em trên ô tô với thông số tương ứng theo chiều cao và cân nặng của trẻ.  
Có một số loại ghế trẻ em với thiết kế khác biệt sẽ gây khó khăn cho việc lắp đặt. Hãy đảm bảo sử dụng loại ghế trẻ em tương thích với xe của bạn.  
\* Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với mỗi sản phẩm ghế trẻ em.

Dây an toàn → Xem trang 3-17

## Không để trẻ nhỏ một mình trong xe



## CẢNH BÁO

- Mang trẻ nhỏ đi cùng nếu phải xuống xe. Nếu bạn để trẻ nhỏ một mình trong xe, chúng có thể động chạm vào các bộ phận dẫn tới việc xe tự chuyển động, chập cháy hoặc các tai nạn khác. Đặc biệt, khoang lái có thể trở nên vô cùng nóng nực và bí bách dưới ánh nắng mặt trời.

## Không được để trẻ nhỏ thò tay hoặc đầu ra ngoài cửa sổ.



## CẢNH BÁO

- Bất kể xe đang dừng đỗ hay di chuyển, không bao giờ được để trẻ nhỏ thò đầu, tay hay bất cứ bộ phận nào trên cơ thể ra ngoài cửa sổ. Hành động này vô cùng nguy hiểm vì trẻ có thể bị va chạm với những chướng ngại vật trên đường.

## Người lớn phải Mở, Đóng và Khoá cửa cho trẻ nhỏ.



## CẢNH BÁO

- Để bảo vệ trẻ nhỏ khỏi tai nạn như kẹp tay, kẹp đầu, người lớn phải mở, đóng và khoá cửa cho trẻ nhỏ. Không để trẻ sử dụng nút nâng hạ kính cửa sổ vì ở đó tiềm ẩn nguy cơ kẹp tay, kẹp đầu đối với trẻ nhỏ. Khi có trẻ nhỏ trên xe, hãy quản lý các nút nâng hạ kính bằng công tắc bên cạnh ghế ngồi của người lái.

Đóng và mở cửa→Xem trang 3-4

Cửa sổ chỉnh điện→Xem trang 3-6



## Điều khiển xe

Kiểm tra xung quanh xe trước khi khởi hành.



Trước khi khởi hành, hãy thực hiện đầy đủ thao tác đánh giá an toàn, đảm bảo rằng không có trẻ nhỏ hoặc chướng ngại vật xung quanh xe. Các gương chiếu hậu đều có điểm mù, do đó việc kiểm tra thông qua gương chiếu hậu là chưa đủ an toàn.



## CẢNH BÁO

- Trước khi khởi động, hãy đảm bảo rằng không có vật liệu dễ cháy nằm ở dưới hoặc xung quanh xe. Sự hiện diện của những vật liệu này có thể dẫn tới nguy cơ cháy nổ.
- Luôn chú ý nhiệt độ của ống xả trong khi dừng xe không tắt máy và đặc biệt khi sử dụng bộ trích công suất PTO.

Phương pháp khởi động động cơ → Xem trang 4-4

## Cẩn trọng với khí xả



## CẢNH BÁO

- Khí thải phát ra có chứa khí CO, một khí độc không màu không mùi. Nếu hít phải khí thải từ xe, bạn có thể bị ngộ độc khí CO.
- Không nổ máy trong thời gian dài ở những nơi kém thoáng khí. Việc nổ máy trong gara hoặc không gian kín dễ tích tụ khí thải là hành động đặc biệt nguy hiểm, vì bạn có thể bị ngộ độc khí CO.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng ống xả. Nếu phát hiện bất thường (VD: mối nối hư hại, lỗ ăn mòn hoặc nứt vỡ), vui lòng đưa xe đến kiểm tra và bảo dưỡng tại Đại lý Isuzu gần nhất. Việc tiếp tục vận hành xe mà không sửa chữa những hư hại sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì khí thải có thể được phát tán trong cabin xe và gây ra ngộ độc khí CO.
- Nếu phát hiện khí thải trong khoang lái, hãy mở hết các cửa sổ và chọn chế độ lấy gió ngoài trên hệ thống sưởi hoặc điều hoà. Kịp thời kiểm tra và đưa xe tới bảo dưỡng ở Đại lý Isuzu gần nhất. Việc tiếp tục vận hành xe mà không sửa chữa những hư hại sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro, vì khí thải có thể được phát tán trong cabin xe và gây ra ngộ độc khí CO.

## Khởi động động cơ



## CHÚ Ý

- Đảm bảo cần phanh tay được kéo lên hết, cần số ở vị trí “N”, bàn đạp ly hợp đạp hết hành trình trước khi khởi động động cơ.
- Chỉ khởi động động cơ khi bạn ngồi trên ghế người lái. Nếu không ngồi trên ghế (giả sử trong trường hợp bạn rớt người từ bên ngoài cửa sổ hoặc cửa chính), bạn sẽ không thể kiểm tra vị trí của cần số. Nếu bạn khởi động động cơ khi bộ ly hợp đang ở một vị trí không phải “N”, xe sẽ ngay lập tức di chuyển.

Phương pháp khởi động động cơ → Xem trang 4-4

## Nếu xe lâu ngày chưa khởi động



## KHUYẾN CÁO

- Trước khi vận hành một xe đã lâu ngày chưa khởi động, hãy kiểm tra phát hiện các vết rò rỉ nhớt động cơ và nhớt hộp số, đồng thời đảm bảo mức nhớt đủ tiêu chuẩn. Nếu nhớt không đủ, nó sẽ không bao phủ hoàn toàn và bôi trơn hiệu quả cho các bộ phận, từ đó dẫn tới hiện tượng chết máy.
  - Với xe chưa khởi động trong vòng 1 năm, hãy thay thế dung dịch ure trước khi vận hành (AdBlue®). Nếu không, hệ thống SCR sẽ báo lỗi..
  - Khởi động và để động cơ nổ cầm chừng trong ít nhất 5 phút. Kiểm tra có phát hiện âm thanh bất thường.
- Hãy tham khảo mục “Phương pháp Khởi động Động cơ” ở trang 4-4 để biết thêm thông tin về quá trình làm ấm động cơ.



## LƯU Ý

[AdBlue®]

- AdBlue® là nhãn hiệu thương mại được đăng ký bởi Hiệp hội Ô tô Công nghiệp Đức (VDA).

## Khuyến cáo khi làm ấm động cơ

Nhận biết thời điểm động cơ đã được làm ấm đủ tiêu chuẩn bằng cách quan sát kim chỉ báo nhiệt độ chất làm mát động cơ bắt đầu dịch chuyển.



## KHUYẾN CÁO

- Hãy về số “N” trong khi làm ấm động cơ. Nếu không, việc làm ấm động cơ có thể gây tổn hại đến hộp số hoặc xe bắt đầu dịch chuyển.
- Không neta hoặc tăng tốc đột ngột khi động cơ chưa được làm ấm đủ tiêu chuẩn (nói cách khác là khi động cơ đang nguội). Nhớt chưa bao phủ và bôi trơn hoàn toàn các bộ phận, từ đó dẫn tới hiện tượng chết máy. Ống xả sẽ trở nên rất nóng khi xe đang ở chế độ này. Vì vậy, trước khi làm ấm động cơ, hãy đảm bảo rằng không có vật liệu dễ cháy (VD: cỏ cây, giấy lộn, dầu nhớt hay lốp cũ) ở gần ống xả.

## Không làm ấm động cơ bên trong gara



## CẢNH BÁO

- Làm ấm động cơ bên trong không gian kín có thể dẫn tới ngộ độc khí CO. Chỉ khởi động và làm ấm động cơ ở những nơi thoáng khí.

Hãy nhớ hạ cần phanh tay.

**KHUYẾN CÁO**

- Khởi hành khi chưa hạ phanh tay có thể gây hư hại cho hệ thống phanh.
- Đảm bảo phanh tay đã được hạ hoàn toàn trước khi khởi hành.

Cần phanh tay → Xem trang 4-75

Đèn báo phanh → Xem trang 4-40

Khởi hành với xe sử dụng hộp số sàn.

**KHUYẾN CÁO**

- Từ từ khởi hành ở số 2 hoặc thấp hơn (số 1 nếu khởi hành ngang dốc). Khởi hành vội vàng ở số cao hoặc bị trượt ly hợp trong khoảng thời gian dài có thể gây hư hại cho bộ ly hợp.

## Chuyển số đúng cách



## KHUYẾN CÁO

- Về số thấp trong 02 trường hợp sau:
  - Phanh động cơ khi đi đồ dốc dài.
  - Tăng công suất động cơ khi leo dốc.

[Chú ý khi về số thấp]

- Để động cơ chạy quá tốc tiềm ẩn nguy cơ hư hại. Không để động cơ chạy quá tốc khi về số thấp.

Về lần lượt từng số từ cao xuống thấp. Nếu không, hệ thống truyền động sẽ báo lỗi.

[Leo dốc]

- Về số sớm để tránh động cơ quá tải.

[Đồ dốc]

- Về nguyên tắc, bạn sẽ sử dụng cùng một số khi leo dốc và đồ dốc. Hãy duy trì tốc độ không để động cơ chạy quá đà (vượt quá giới hạn  $r_{min}$ ) và kim chỉ báo tốc độ không chạm tới vùng đỏ.

Hãy duy trì tốc độ không để kim chỉ báo tốc độ chạm tới vùng đỏ.

Cần phanh tay → Xem trang 4-75

Đèn báo phanh dừng đỗ → Xem trang 4-40



## LƯU Ý

[Phanh động cơ là gì?]

- Phanh động cơ là trường hợp bạn nhả bàn đạp chân ga trong khi đang di chuyển. Số càng thấp, phanh động cơ càng khỏe.

## Không bao giờ được tắt động cơ trong khi di chuyển



## KHUYẾN CÁO

- Không để công tắc nổ máy ở bất kỳ vị trí nào khác ngoài "ON" khi chạy xe.
- Nếu động cơ bị tắt trong khi xe đang di chuyển, hệ thống phanh sẽ hoạt động kém hiệu quả, vô lăng và bàn đạp ly hợp sẽ rất cứng và khó hoạt động. Ngoài ra, động cơ có thể bị hư hại.
- Việc tắt động cơ khi xe đang di chuyển sẽ tiềm ẩn vô cùng nhiều rủi ro vì đèn cảnh báo, đèn tín hiệu và các mạch điện khác sẽ hoàn toàn ngừng hoạt động.
- Cực kỳ nguy hiểm nếu đặt công tắc nổ máy về vị trí "LOCK" khi đang lái xe vì chìa khóa có thể bị rơi ra khiến vô lăng bị khóa, đồng nghĩa rằng bạn sẽ không thể đánh lái được.

Vô lăng → Tham khảo trang 4-62

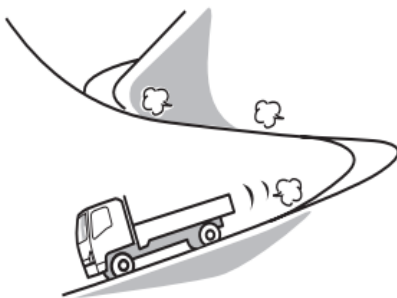
## Không nằm ngủ trên giường khi xe đang di chuyển



## CHÚ Ý

- Sẽ rất khó để giữ cố định vị trí cơ thể của một người đang ngủ trên giường. Rất nguy hiểm nếu sử dụng giường khi xe đang di chuyển vì người trên giường có thể bị văng ra khỏi vị trí của họ trong trường hợp phanh gấp hoặc xảy ra va chạm.

## Chạy xe xuống dốc dài



Khi chạy xe xuống dốc dài, hãy chọn một số phù hợp để tận dụng lực hãm của phanh động cơ và sử dụng phanh hơi kết hợp phanh chân.

Sử dụng phanh hơi và phanh động cơ ở số thấp giúp giảm gánh nặng lên phanh chân và tạo ra lực hãm lớn hơn. Tuy nhiên, bạn cũng cần chú ý đến tốc độ vận hành của động cơ.



## KHUYẾN CÁO

- Sử dụng phanh chân liên tục trong thời gian dài có thể gây hiện tượng trượt phanh, làm giảm hiệu quả khi phanh. Hãy sử dụng phanh chân một cách hợp lý để kiểm soát tốc độ động cơ.
- Không tự ý điều chỉnh van phanh khí xả.



## LƯU Ý

[Phanh động cơ là gì?]

• Phanh động cơ là trường hợp bạn nhả bàn đạp chân ga trong khi đang di chuyển. Số càng thấp, phanh động cơ càng khoẻ.

[Hiện tượng trượt phanh là gì?]

• Sử dụng phanh liên tục trong thời gian dài khiến phanh quá nhiệt, lực ma sát trên bề mặt ma sát của phanh hao hụt, từ đó làm giảm hiệu quả khi phanh. Đây gọi là hiện tượng trượt phanh.

[Động cơ quá tải khi nào?]

• Động cơ được coi là đang chạy quá tải khi tốc độ động cơ tăng nhanh khiến kim đồng hồ tốc độ chạm tới ngưỡng màu đỏ.

Chạy xe lên dốc và xuống dốc → Xem trang 6-3

Di chuyển trong điều kiện thời tiết bất lợi (Mưa gió, Băng giá, Tuyết phủ, v.v.)



## CHÚ Ý

• Trong điều kiện thời tiết bất lợi, tầm nhìn bị suy giảm và mặt đường trơn trượt làm tăng khoảng cách dừng xe an toàn. Hãy chú ý di chuyển chậm hơn thông thường. Ngoài ra, hạn chế của gấp hoặc phanh gấp. Sử dụng phanh động cơ kết hợp cùng với phanh chân để giảm tốc. Sử dụng phanh hơi trên mặt đường trơn trượt có thể khiến lốp xe bị trượt. Tránh sử dụng phanh hơi trong những điều kiện như vậy.



## KHUYẾN CÁO

• Thận trọng trước hiện tượng trượt nước, đặc biệt khi nước mưa đọng lại trên mặt đường. Hãy giảm tốc độ xuống mức an toàn mà bạn có thể dễ dàng kiểm soát xe của mình.

• Nếu như bắt buộc phải di chuyển qua khu vực ngập lụt, hãy kiểm tra mực nước ngập, nếu đủ nông thì chậm rãi đi qua với tốc độ không đổi.



## LƯU Ý

[Trượt nước là gì?]

• Nếu như chạy xe ở tốc độ cao trên đoạn đường ngập nước, một lớp nước sẽ hình thành giữa lốp và mặt đường, gây ra hiện tượng mất độ bám đường của lốp và xe bị trượt đi theo quán tính. Đây gọi là hiện tượng trượt nước. Hiện tượng này vô cùng nguy hiểm vì vô lăng và phanh của bạn sẽ hoàn toàn mất tác dụng trong tình huống này.

## Xử lý sau khi xe di chuyển qua hoặc dừng đỗ trong khu vực ngập lụt



## CHÚ Ý

- Sau khi bắt buộc phải di chuyển qua hoặc dừng đỗ trong khu vực ngập lụt, hãy nhanh chóng đưa xe của bạn đến Đại lý Isuzu gần nhất để thực hiện kiểm tra phòng ngừa những dấu hiệu sau:
  - Hư hại động cơ do ngập nước
  - Chập cháy các chi tiết điện
  - Hệ thống phanh mất hiệu lực.
  - Phanh trống hoặc bầu phanh dừng đỗ bị ngập nước hoặc hư hại
  - Hư hại bạc đạn ly hợp (khi phát hiện nước đã xâm nhập, hay thay thế bạc đạn mới)
  - Mức nhớt và độ lão hoá (nhớt biến màu) đối với nhớt động cơ, hộp số, cụm vi sai và hộp số phân phối
  - Tình trạng bôi trơn của các bộ phận (phủ nhớt)
- Nếu như bắt buộc phải di chuyển qua hoặc dừng đỗ trong khu vực ngập lụt, nước có thể xâm nhập vào hệ thống phanh và làm giảm hiệu quả vận hành. Trong trường hợp này, hãy chạy xe thật chậm và nhấp nhả nhẹ nhàng bàn đạp phanh cho tới khi hệ thống phanh xả hết nước đọng và hoạt động bình thường trở lại.

## Gió ngang



## KHUYẾN CÁO

Nếu xe gặp gió tạt ngang và bị lệch hướng lái, hãy giữ chắc vô lăng, giảm tốc độ cho đến khi bạn hoàn toàn kiểm soát tình hình và thực hiện điều chỉnh hướng của xe. Xe của bạn có thể gặp gió tạt ngang cấp độ mạnh trong các trường hợp sau:

- Di chuyển lên khỏi đường hầm; qua cầu, trên bờ kè hoặc chuyển làn gấp;
- Bị vượt bởi các xe lớn như xe tải hoặc xe buýt;
- Vượt các xe lớn như xe tải lớn hoặc xe buýt.



## Xử lý trường hợp nổ lốp hoặc thủng lốp trong khi di chuyển



## CẢNH BÁO

- Nếu bạn cảm thấy lốp xe có vấn đề bất thường khi đang di chuyển, hãy lập tức tìm vị trí an toàn để dừng xe khẩn cấp. Tiếp tục hành trình lúc này sẽ tạo nên áp lực rất lớn lên các bu-lông của bánh xe, tiềm ẩn nguy cơ nứt vỡ khiến bánh xe văng ra ngoài.



## KHUYẾN CÁO

- Nếu gặp tình huống nổ lốp hoặc thủng lốp khi đang di chuyển, hãy bình tĩnh giữ chắc vô lăng và dần dần rà phanh để giảm tốc. (Rất nguy hiểm nếu đạp mạnh bàn đạp phanh vì hành động này có thể khiến tay lái bị kéo lệch sang một bên.) Dừng xe ở nơi an toàn và tiến hành thay lốp.

Lốp dự phòng → Xem trang 7-88

Xử lý các điểm kích gầm → Xem trang 7-5

Lốp → Xem trang 7-72

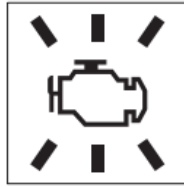
## Trường hợp gầm xe gặp và chạm mạnh



## KHUYẾN CÁO

- Nếu gầm xe gặp và chạm mạnh, hãy dừng lại ở nơi an toàn tránh gây cản trở giao thông và kiểm tra phát hiện các dấu hiệu rò rỉ khí nén hoặc nhiên liệu và hư hại đối với các bộ phận. Kiểm tra, sửa chữa kịp thời các bộ phận bị hư hại hoặc nứt vỡ tại Đại lý Isuzu gần nhất.

## Khi các đèn cảnh báo, chỉ báo sáng lên hoặc nhấp nháy



## KHUYẾN CÁO

- Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, tuyệt đối không phớt lờ để tiếp tục hành trình. Hãy thực hiện những hành động khắc phục như trong cách phần hướng dẫn về bảng đồng hồ đo, đèn cảnh báo, đèn chỉ báo.

Khi đèn cảnh báo sáng lên→ Xem trang 8-17

Khi có dấu hiệu bất thường ở bảng đồng hồ đo (Trừ nhiệt độ nước làm mát)→ Xem trang 8-23

## Dừng và Đỗ xe



## KHUYẾN CÁO

- Lựa chọn một vị trí bằng phẳng và đúng luật khi dừng và đỗ xe, tránh gây cản trở giao thông. Kéo mạnh phanh tay để đảm bảo xe không bị trôi hay xô dịch. Lau sạch bụi bẩn bám ở các vị trí đèn hoặc tấm phản quang để các người lái trên đường khác có thể nhận biết xe đang dừng đỗ.

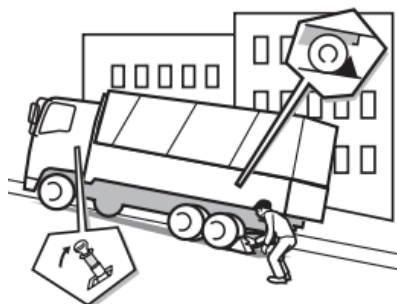
## Sử dụng phanh tay



## CHÚ Ý

- Trừ trường hợp khẩn cấp, không bao giờ sử dụng phanh tay khi xe chưa thực sự dừng lại. Kéo phanh tay khi xe đang di chuyển có thể gây ra hiện tượng khoá bánh, mất lái xoay ngang và tiềm ẩn nguy cơ tai nạn.

### Đỗ xe an toàn trên mặt đường dốc.



#### KHUYẾN CÁO

- Lựa chọn những vị trí bằng phẳng nhất có thể để đỗ xe và hạn chế đỗ xe trên dốc. Nếu bắt buộc phải đỗ xe trên dốc, hãy kéo mạnh phanh tay và đảm bảo xe không bị trôi hoặc xô dịch. Sử dụng các khối chặn bánh xe để tăng tính an toàn. Ngoài ra, hãy để số 1 (với hộp số sàn) hoặc số P (với hộp số tự động) để tận dụng sức cản của hộp số giúp xe không bị trôi.

### Nghỉ ngơi trong khoang lái



#### CẢNH BÁO

- Cần số và bàn đạp ga có thể vô tình bị xô dịch dẫn đến tai nạn. Do đó, hãy nghỉ ngơi trên khu vực giường nằm.

### Không để các vật liệu dễ cháy xung quanh xe



Nguy hiểm



#### CHÚ Ý

- Ống xả sẽ rất nóng khi vận hành xe. Trước khi dừng đỗ, hãy đảm bảo rằng khu vực xung quanh không có vật liệu dễ cháy (ví dụ như cỏ cây, giấy vụn, xăng dầu hoặc lốp xe cũ). Đặc biệt cẩn trọng khi đỗ xe trong gara.
- Hãy lưu ý vấn đề khí thải nóng khi để động cơ chạy lúc dừng xe. Đặc biệt cẩn thận khi bộ trích công suất (PTO) đang hoạt động (nếu xe được trang bị) trong khi để động cơ chạy lúc dừng xe.

Không di chuyển cần số khi xe đang ở trạng thái tĩnh.

 CẢNH BÁO

Không di chuyển cần số khi xe dừng đỗ với động cơ đang hoạt động. Nếu bạn sang số trong trường hợp này, xe có thể di chuyển ngay cả khi phanh tay đã được kéo lên. Rủi ro va phải cần số gây ra tai nạn là hoàn toàn có thể, đặc biệt khi bạn lên xuống ghế ngồi.

Đảm bảo động cơ vận hành khi xe đang di chuyển

 CẢNH BÁO

- Nếu động cơ bị tắt máy, hệ thống trợ lực đánh lái sẽ không hoạt động khiến cho việc điều khiển vô lăng trở nên khó khăn. Đồng thời, hệ thống phanh cũng ngừng hoạt động khiến hiệu suất phanh giảm mạnh. Nếu bạn tắt động cơ khi di chuyển xuống dốc, bạn sẽ không thể làm chủ hoàn toàn xe và tiềm ẩn nguy cơ tai nạn.

Quan sát xung quanh trước khi mở cửa xe



 CHÚ Ý

- Trước khi mở cửa, hãy quan sát kỹ phía trước, phía sau và hai bên hông xe. Việc đột ngột mở cửa mà không quan sát sẽ gây nguy hiểm cho xe phía sau hoặc người đi bộ.

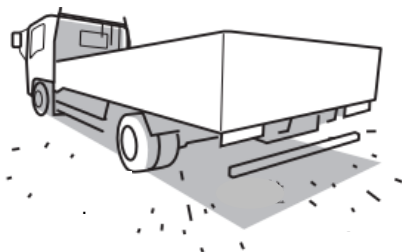
### Khi rời khỏi xe



#### CẢNH BÁO

- Khi rời khỏi xe, hãy đảm bảo phanh tay đã kéo, động cơ đã ngừng và cửa đã khoá. Không để đồ đạc có giá trị ở nơi dễ nhìn bên trong xe.
- Không để trẻ nhỏ một mình trong xe. Tai nạn có thể xảy ra nếu trẻ vô tình động vào những bộ điều khiển hoặc trang thiết bị. (Ví dụ: khiến xe di chuyển hoặc gây cháy nổ) Đặc biệt, khoang lái có thể trở nên vô cùng nóng nực và bí bách dưới ánh nắng mặt trời.
- Không để lại các loại kính mắt, bật lửa trong khoang lái. Khi nhiệt độ trong khoang lái tăng cao, bật lửa có thể phát nổ còn kính mắt có thể bị biến dạng và nứt vỡ.

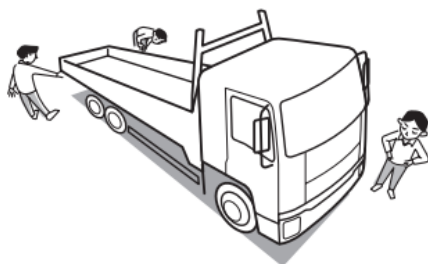
### Tiếng kim loại co giãn từ bộ giảm thanh ống xả



#### LƯU Ý

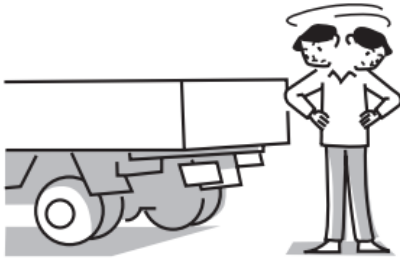
- Ngay sau khi tắt động cơ, bạn có thể nghe thấy tiếng kim loại co giãn từ bộ giảm thanh ống xả. Âm thanh này bắt nguồn từ sự co rút của bộ giảm thanh khi nguội đi. Đây không phải là hiện tượng bất thường hoặc hư hại.

### Khởi hành sau khi đỗ



Trước khi khởi hành, hãy thực hiện đầy đủ thao tác đánh giá an toàn, đảm bảo rằng không có trẻ nhỏ hoặc chướng ngại vật xung quanh xe.

## Lùi xe



Nếu như không thể chắc chắn rằng xung quanh đủ an toàn để lùi xe, hãy xuống kiểm tra thật kỹ càng.

## Khởi hành khỏi vị trí dừng đỗ tạm thời



## CHÚ Ý

- Hãy tạo thói quen quan sát xung quanh và đảm bảo an toàn khi khởi hành xe khỏi vị trí dừng đỗ tạm thời (Ví dụ: khi dừng theo tín hiệu đèn giao thông)

## Giữ an toàn

## Khi nước làm mát động cơ đang nóng



## CẢNH BÁO

- Không vận hay tháo nắp bình nước phụ khi nước làm mát đang nóng. Việc này tiềm ẩn nhiều rủi ro vì hơi nước và khí nóng có thể bắn ra ngoài.

Nước làm mát động cơ → Xem trang 7-56

## Khi bộ giảm thanh và ống xả đang nóng



## CHÚ Ý

- Trong khi động cơ vận hành và ngay sau khi tắt động cơ, bình chứa dung dịch ure, hệ thống SCR, bộ giảm thanh và ống xả sẽ trở nên cực kỳ nóng. Cẩn trọng và không chạm vào các chi tiết này khi ở gần chúng (ví dụ: Khi nâng cabin hoặc vận hành các trang thiết bị gắn trên xe)

## Chú ý khi sử dụng bật lửa



## CẢNH BÁO

- Không để bật lửa gas bên trong hộc đồ ghế hành khách hay các nơi chứa đồ tương tự, hoặc làm rơi chúng trên sàn xe hay các khe hở giữa các ghế ngồi.

## Sau khi sử dụng gạt tàn



## CẢNH BÁO

- Đóng nắp gạt tàn sau khi sử dụng. Tàn thuốc đang cháy có thể gây hoả hoạn.
- Dập lửa và vứt đầu lọc vào gạt tàn. Không bao giờ để chất dễ cháy trong gạt tàn.
- Không vứt đầu lọc còn cháy ra ngoài cửa sổ. Hành động này không chỉ làm bẩn đường phố và môi trường xung quanh, mà còn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.

Gạt tàn → Xem trang 5-18

## Không gắn các phụ kiện lên kính chắn gió hoặc cửa sổ.



## CẢNH BÁO

- Không gắn đồ trang trí, tấm phim hoặc các phụ kiện khác lên kính chắn gió hoặc cửa sổ. Chúng có thể gây cản trở tầm nhìn. Đồng thời, các loại giác hút nhựa dùng để treo phụ kiện có thể đóng vai trò như một kính hội tụ, tiềm ẩn nguy cơ gây cháy nổ hoặc tai nạn.

## Không sử dụng điện thoại di động khi đang lái xe



## CẢNH BÁO

- Người lái không bao giờ được phép sử dụng điện thoại di động hoặc điện thoại trên xe dưới bất cứ hình thức nào khi đang lái xe. Đây là hành động rất nguy hiểm. Nếu bạn bắt buộc phải sử dụng điện thoại khi đang lái xe, trước hết hãy dừng lại tại vị trí đủ an toàn.
- Sử dụng điện thoại khi đang lái xe tiềm ẩn nguy cơ tai nạn vì bạn không tập trung hoàn toàn vào việc quan sát xung quanh.



## Sử dụng bộ kích gầm

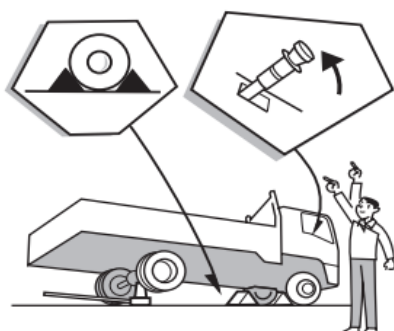


## CẢNH BÁO

- Kích gầm xe ở các mặt đường dốc hoặc nơi đất mềm là một hành động nguy hiểm. Đảm bảo kích gầm ở những nơi có mặt đường bằng phẳng và chắc chắn.
- Đặt bộ kích gầm vào đúng điểm đỡ. Lưu ý kéo phanh tay và đặt các khối chặn bánh xe trước khi kích gầm.
- Phanh tay sẽ không còn tác dụng nếu kích gầm ở phía bánh sau. Việc không sử dụng khối chặn bánh xe phía trước có thể tiềm ẩn nguy cơ khiến xe di chuyển.
- Đối với khoá vi sai kiểu tiêu chuẩn hoặc kiểu vi sai chống trượt, bất kỳ sự truyền mô-men xoắn nào đến bánh sau đều có thể làm cho xe di chuyển ngay cả khi một bánh sau đã không còn chạm đất. Khi một trong hai bánh sau vẫn còn chạm đất, tuyệt đối không thao tác truyền mô-men xoắn đến bánh sau.
- Không ngó xuống hoặc nằm dưới gầm xe nếu như nó chỉ được nâng lên bằng bộ kích gầm. Đây là hành động rất nguy hiểm. Luôn sử dụng giá đỡ xe.

Dụng cụ → Xem trang 7-4

Xử lý các điểm kích gầm → Xem trang 7-5



## Khi bình điện hết điện



## CHÚ Ý

- Không cố gắng khởi động động cơ bằng cách kéo/đẩy xe. Hành động này có thể gây hư hại động cơ.

Khi bình điện hết điện → Xem trang 8-12

## Ngăn ngừa nguy cơ chết máy

Không đặt tỳ chân liên tục lên bàn đạp ly hợp trong khi lái xe



## KHUYẾN CÁO

- Nếu nghỉ chân lên bàn đạp ly hợp khi đang lái xe, hệ thống ly hợp có thể bị hỏng mà bạn không biết, dẫn tới tình trạng mòn đĩa ly hợp và trượt ly hợp. Đồng thời, không sử dụng bộ ly hợp như một hệ thống phanh giữ xe ở đúng vị trí (thay vì sử dụng chính hệ thống phanh) trên các mặt đường dốc.

Nhớt động cơ có bị vấy bẩn khi sử dụng hay không?



## KHUYẾN CÁO

- Nhớt động cơ có những chức năng quan trọng sau đây:
  - Ngăn ngừa mài mòn các chi tiết động cơ.
  - Làm mát các chi tiết động cơ.
  - Làm sạch các chi tiết động cơ.
  - Làm kín buồng đốt và ngăn ngừa bụi bẩn.
  - Chú ý thay nhớt động cơ định kỳ.

Kiểm tra thường xuyên (trước khi khởi hành) → Xem trang 7-33

Nhớt động cơ → Xem trang 7-38

Danh mục cần kiểm tra bảo dưỡng → Xem trang 7-15

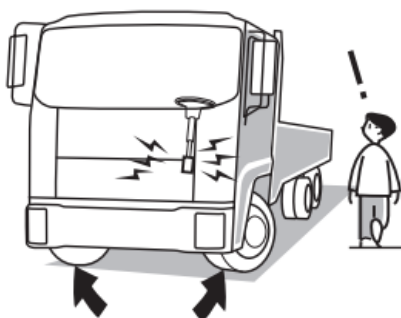
Không trèo lên khu vực động cơ



#### KHUYẾN CÁO

- Không giẫm hoặc trèo lên khu vực động cơ. Bạn có thể làm hỏng động cơ nếu như, ví dụ, làm hư hại bọc đầu xi lanh hoặc những mối nối khác.

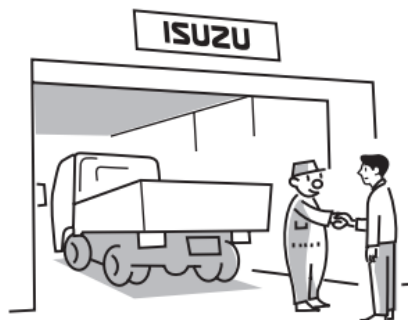
Không giữ vô lăng ở vị trí đánh hết lái trong thời gian dài.



#### CẢNH BÁO

- Nếu như bạn để vô lăng ở trạng thái đánh lái hết cỡ trong thời gian dài, nhớt trong hệ thống bơm nhớt trợ lực có thể trở nên cực kỳ nóng. Điều này làm giảm khả năng bôi trơn, gây hư hại bơm trợ lực, giảm hiệu quả bôi trơn, gây hư hại hệ thống trợ lực lái. Hậu quả là vô lăng có thể trở nên rất khó điều khiển và tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ hoặc tai nạn.

Đảm bảo việc kiểm tra xe định kỳ



#### KHUYẾN CÁO

- Kiểm tra và bảo dưỡng xe thường xuyên sẽ giúp bạn yên tâm di chuyển, đồng thời giúp kéo dài tuổi thọ của xe.

Kiểm tra định kỳ (trước khi khởi hành) → Xem trang 7-33

Nhớt động cơ → Xem trang 7-38

Danh mục cần kiểm tra bảo dưỡng → Xem trang 7-15

## Khi nào cần vào Đại lý Isuzu

## Không tự ý sửa đổi xe



## CHÚ Ý

- Các bộ phận gắn thêm có khả năng gây ảnh hưởng đến hiệu suất và chức năng của xe, tiềm ẩn nguy cơ chết máy hoặc tai nạn. Khi cần cân chỉnh (ví dụ: cân chỉnh động cơ) hoặc lắp đặt trang thiết bị, hãy tham vấn Đại lý Isuzu gần nhất
- Nếu bạn muốn gắn các loại phụ kiện trên xe, hãy tham vấn Đại lý Isuzu gần nhất.



## Cân chỉnh động cơ tại Đại lý Isuzu



## CHÚ Ý

- Không tự ý cân chỉnh động cơ. Hãy tham vấn chi nhánh của Isuzu.

### Khi hàn điện



#### KHUYẾN CÁO

- Thao tác hàn điện sai kỹ thuật có thể khiến dòng điện hàn truyền ngược vào hệ thống mạch điện của xe, làm hư hại những chi tiết điện - điện tử và khiến chúng hoạt động thiếu chính xác. Khi cần sử dụng tới kỹ thuật hàn điện, hãy tham vấn Đại lý Isuzu gần nhất.

### Thay lốp, bánh xe



#### CHÚ Ý



- Hãy tham vấn Đại lý Isuzu địa phương trước khi thay lốp hoặc bánh xe. Không bao giờ sử dụng bánh xe không được thiết kế cho mẫu phương tiện này, sử dụng lẫn lộn nhiều loại lốp xe hoặc lốp xe có kích thước sai quy định.
- Hành động này tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn khi xe vận hành.

Lốp → Xem trang 7-72

Thay lốp (Bánh ISO 10 bu-lông) → Xem trang 7-80

### Lắp đặt thiết bị điện tử



#### CHÚ Ý

- Việc lắp đặt hay tháo gỡ những thiết bị điện, âm thanh, radio không đúng quy cách có thể gây ảnh hưởng đến các trang thiết bị điện khác và tiềm ẩn nguy cơ chết máy hoặc cháy nổ. Ngoài ra, hành động này cũng có thể khiến kích hoạt hệ thống túi khí SRS, gây mất an toàn cho người trên xe. Hãy lắp đặt hay tháo gỡ những thiết bị điện này tại Đại lý Isuzu địa phương.



## KHUYẾN CÁO

[Lắp đặt thiết bị âm thanh]

- Không lắp đặt những hệ thống radio chưa được cấp phép, hoặc những hệ thống radio, ăng-ten không tuân thủ những tiêu chuẩn có liên quan.
- Sóng nhiễu từ radio có thể tạo ra xung đột điện từ trường với những thiết bị điện tử của xe cũng như các hệ thống khác, gây ra hiện tượng chết máy hoặc lỗi vận hành đối với các thiết bị điện tử này.
- Hãy tham vấn Đại lý Isuzu địa phương nếu như bạn muốn lắp đặt thiết bị radio.

## Hệ thống SCR

Hệ thống SCR được thiết kế để khử các nhóm hợp chất ni-tơ oxit ( $\text{NO}_x$ ) trong khí thải của xe. Ure (AdBlue®) được sử dụng như một chất khử trong phản ứng thủy phân với nhiệt độ cao để tạo ra khí amoniac. Khí amoniac này phân huỷ nhóm hợp chất ni-tơ oxit ( $\text{NO}_x$ ) để tạo ra khí ni-tơ và hơi nước tinh khiết.



## CHÚ Ý

- Không tiếp xúc với nước từ bộ giảm thanh ống xả. Nếu vô tình da tiếp xúc với nước thải này, hãy nhanh chóng rửa sạch bằng nước tinh khiết.



## KHUYẾN CÁO

- Không tự ý điều chỉnh ống xả, bộ giảm thanh hoặc bình ure. Nếu không, quá trình làm sạch khí thải có thể bị giảm hiệu quả. Nếu bắt buộc phải điều chỉnh những bộ phận này, hãy liên hệ Đại lý Isuzu địa phương để được tư vấn thêm.



## LƯU Ý

- Xe được trang bị chức năng làm sạch khí thải, vì vậy chất lượng khí thải sẽ khác với những xe khác lắp động cơ chạy dầu diesel.

【AdBlue®】

- AdBlue® là nhãn hiệu thương mại được đăng ký bởi Hiệp hội Ô Tô Công Nghiệp Đức (VDA).

## Hoạt tính của ure (AdBlue®)



## CHÚ Ý

Mặc dù ure (AdBlue®) không gây hại khi tiếp xúc với cơ thể người, tuy nhiên, tình trạng viêm có thể được gây ra do phản ứng trên các cơ địa khác nhau. Trong trường hợp này, bạn hãy thực hiện những thao tác sau.

- Vui lòng rửa sạch vùng da tiếp xúc bằng nước sạch. Dung dịch ure có thể gây kích ứng đối với những người có làn da nhạy cảm.
- Trong trường hợp nuốt phải, trước tiên hãy uống 1-2 cốc nước hoặc sữa và sau đó đến gặp bác sĩ.
- Khi dung dịch tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa sạch mắt với thật nhiều nước trong 15 phút và sau đó đến gặp bác sĩ.

## Sử dụng dung dịch ure (AdBlue®) chuyên dụng

- Vui lòng sử dụng dung dịch ure (AdBlue®) chuyên dụng theo chỉ định của Isuzu.
- Đối với ure (AdBlue®), hãy sử dụng loại dung dịch (AdBlue®) đáp ứng tiêu chuẩn AUS 32 ISO 22241.

## Bảo quản dung dịch Ure (AdBlue®)

- Đậy kín dung dịch ure (AdBlue®) trong thùng để tránh bay hơi, đặt thùng ở nơi râm mát và thông thoáng.
- Đối với dung dịch ure (AdBlue®), thời hạn sử dụng của nó có thể khác nhau tùy theo điều kiện nhiệt độ tại nơi bảo quản. Vui lòng tham khảo ý kiến nhà cung cấp để biết thêm chi tiết.



## LƯU Ý

- Ngay cả khi đã được đông lạnh, chất lượng của dung dịch ure (AdBlue®) sẽ không thay đổi sau khi rã đông. Tuy nhiên, không sử dụng dung dịch ure khi đang ở trạng thái đông lạnh.
- Khi bảo quản hoặc vận chuyển ure (AdBlue®), hãy sử dụng thùng chứa nguyên bản. Trong trường hợp phải sử dụng các thùng chứa khác, vui lòng sử dụng loại thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa polyetylen (PE) sạch sẽ khô ráo, không có cặn bẩn hay các tạp chất lạ khác hoặc thùng chứa bằng inox không gỉ.

## Châm bổ sung dung dịch Ure (AdBlue®)



## CẢNH BÁO

- Không chứa chất lỏng khác ngoài dung dịch ure (AdBlue®) trong bình chứa ure của phương tiện.
- Khi châm thêm ure (AdBlue®), các thao tác sau có thể gây ra cháy nổ hoặc lỗi hệ thống SCR.
  - Pha loãng ure với nước.
  - Trộn ure với xăng hoặc dầu hỏa.
- Nếu vô tình hay có ý châm thêm chất lỏng khác không phải là ure (AdBlue®) được chỉ định, cần phải kiểm tra tình trạng của hệ thống SCR. Hãy đến ngay Chi nhánh ISUZU gần nhất để kiểm tra và bảo dưỡng.



## CHÚ Ý

- Trong một số trường hợp, bạn có thể ngửi thấy mùi hăng khi mở nắp bể chứa urê. Tuyệt đối không bao giờ chủ động ngửi mùi ở cổ bình ure.



## KHUYẾN CÁO

- Hãy luôn chú ý đến mức ure. Vui lòng bơm bổ sung dung dịch ure (AdBlue®) càng sớm càng tốt khi đồng hồ đo báo mức thấp. Động cơ sẽ không thể khởi động khi urê (AdBlue®) đã cạn.
- Hãy chú ý đến Vạch "F" trên đồng hồ mức urê. Trong khi vận hành, urê (AdBlue®) có thể bị rò rỉ từ ống thông hơi. Ngoài ra, urê (AdBlue®) đông lạnh trong vùng có khí hậu lạnh giá có thể làm hỏng bộ phận cảm biến.
- Vui lòng không bước hoặc ngồi lên bình chứa urê. Hành động này có thể làm hỏng bình chứa, đường ống dẫn hoặc bộ phận cảm biến. Khi vận công tắc đánh lửa sang vị trí "LOCK", hệ thống SCR sẽ tiếp tục hoạt động trong khoảng 1 phút. Để kiểm tra hoặc sửa chữa hệ thống SCR, vui lòng tháo bình điện hoặc đầu nối của hệ thống điện, sau đó đợi 3 phút rồi tiếp tục các thao tác khác.



## LƯU Ý

- Sau khi tắt động cơ, đôi khi bạn có thể nghe thấy âm thanh từ bình ure hoặc bộ phận nạp ure. Điều này là bình thường vì âm thanh như vậy cho thấy rằng ure (AdBlue®) đang chảy trở lại bình chứa.



## Đổ bổ dung dịch Urea (AdBlue®)

Không đổ bổ dung dịch ure (AdBlue®) xuống sông, hồ, biển, v.v. Hãy thực hiện đổ bổ ure (AdBlue®) theo đúng quy định.

## Phương tiện trang bị Bộ giới hạn vận tốc (Thiết bị kiểm soát vận tốc)

## Tính năng của bộ giới hạn vận tốc



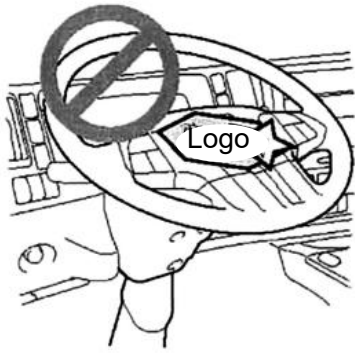
## CHÚ Ý

- Vì cần kết hợp với hệ thống phanh, hãy lưu ý rằng tốc độ xuống dốc có thể vượt quá tốc độ đã cài đặt.
- Bộ giới hạn tốc độ có thể không hoạt động sau khi thay lốp. Do đó, hãy vui lòng liên hệ Chi nhánh ISUZU để được xử lý.



## LƯU Ý

- Bộ giới hạn tốc độ là một thiết bị để giới hạn tốc độ theo giá trị đã cài đặt bằng cách kiểm soát lượng phun nhiên liệu ngay cả khi đạp ga.



## CẢNH BÁO

- Trong trường hợp bị thay đổi hoặc lắp đặt không đúng cách, dây đai an toàn tích hợp cơ cấu tăng đai tự động có thể không hoạt động bình thường.
- Nếu thao tác sử dụng vô lăng bị cản trở bởi nhãn dán tự ý thêm vào, thao tác đánh lái sai hoặc cản trở bởi nhãn hiệu có thể gây ra hậu quả nguy hiểm.
- Các vấn đề sau đây cần quy trình xử lý đặc biệt, vì vậy hãy tham khảo ý kiến của Chi nhánh ISUZU địa phương. Dây đai an toàn tích hợp cơ cấu tăng đai tự động có thể đột ngột bị kéo căng hoặc nói lỏng trong khi đeo và gây thương tích cho người dùng. Ngoài ra, nó cũng gây ra ảnh hưởng đến toàn hệ thống, như lỗi giao tiếp hoặc lỗi vận hành.
- Khi sửa chữa hoặc thay đổi kết cấu tay lái, táp-lô, bảng điều khiển trung tâm, bàn đạp ly hợp, thiết bị ngoại vi của bàn đạp phanh và dây đai an toàn của tài xế;
- Khi sửa chữa, thay thế hoặc loại bỏ dây đai an toàn hoặc xe có dây đai an toàn tích hợp cơ cấu tăng đai tự động bị loại bỏ;
- Khi lắp đặt các thiết bị âm thanh hoặc giải trí trên phương tiện;
- Khi sơn phủ phần trước và nắp ca-pô của khoang lái.



|                           |      |
|---------------------------|------|
| • Chìa khoá               | 3-2  |
| • Mở và đóng cửa          | 3-4  |
| • Lên và xuống xe         | 3-5  |
| • Cửa sổ chỉnh điện       | 3-6  |
| • Nắp đầy bình nhiên liệu | 3-8  |
| • Bình Ure                | 3-9  |
| • Chỗ ngồi                | 3-10 |
| • Điều chỉnh vô lăng      | 3-14 |
| • Gương                   | 3-15 |
| • Dây an toàn             | 3-17 |

## Chìa khoá

Chìa khoá dự phòng



Hai mặt của chìa khoá giống hệt nhau, vì vậy bạn có thể dễ dàng tra khoá vào ổ mà không cần để ý đến hướng của chìa khoá.

Mã khoá được khắc trên một nhãn kim loại riêng biệt để tránh việc bị đánh cắp thông tin bởi kẻ gian.

## Chìa khoá được sử dụng như thế nào?

| Ở đâu        | Làm gì                   |
|--------------|--------------------------|
| Công tắc máy | Khởi động và tắt động cơ |
| Cửa trước    | Khoá và mở khoá cửa      |



## KHUYẾN CÁO

- Lau sạch bụi bẩn trên bề mặt chìa khoá trước khi sử dụng.



## LƯU Ý

- Để chống trộm, hãy cất nhãn kim loại có mã khóa ở nơi an toàn bên ngoài phương tiện.
- Nếu bạn làm mất chìa khóa, vui lòng cung cấp mã số chìa khóa cho chi nhánh Isuzu địa phương để có thể nhận bản chìa khóa của bạn.
- Nếu bạn bán lại xe, vui lòng giao cả nhãn kim loại có mã khóa cho chủ sở hữu mới cùng với phương tiện.

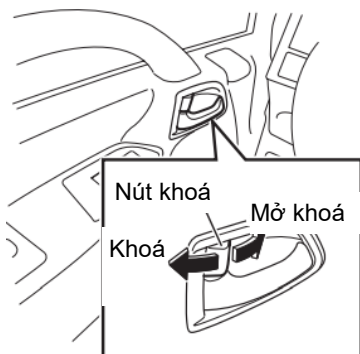
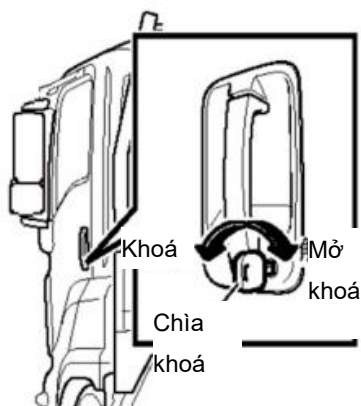
## Khoá và Mở khoá cửa trước

**Khoá và Mở khoá cửa từ bên ngoài**

Tra chìa khoá vào ổ.

Vặn chìa khoá về phía sau để mở khoá hoặc về phía trước để khoá cửa.

Nút "Lock" (khoá) và "Unlock" (mở khoá) cửa bấm ở bên cạnh ghế người lái, giúp người lái chủ động khoá tất cả các cửa trên xe (khoá trung tâm)

**Khoá và Mở khoá cửa từ bên trong**

Đẩy nút khoá về phía trước để khoá hoặc kéo về phía sau để mở khoá cửa

Nếu sử dụng nút điều khiển bên cạnh ghế người lái, tất cả các cửa trên xe sẽ được khoá hoặc mở khoá (khoá trung tâm).

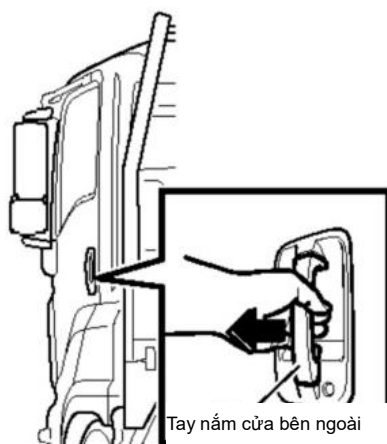


Khoá cửa từ bên ngoài không dùng chìa khoá  
Trước tiên, đẩy nút khoá bên trong cánh cửa về phía trước và giữ phần tay nắm cửa bên ngoài ở vị trí mở trong khi sập cửa lại.

**KHUYẾN CÁO**

- Trước khi đóng cửa, hãy đảm bảo bạn đã mang theo chìa khoá bên người.

## Mở và Đóng cửa trước

**Mở và Đóng cửa trước từ bên ngoài**

Để mở cửa, hãy kéo phần tay nắm cửa bên ngoài.

Để đóng cửa, hãy đẩy cửa sập lại.

Bộ điều chỉnh cửa sổ

**Mở và Đóng cửa trước từ bên trong**

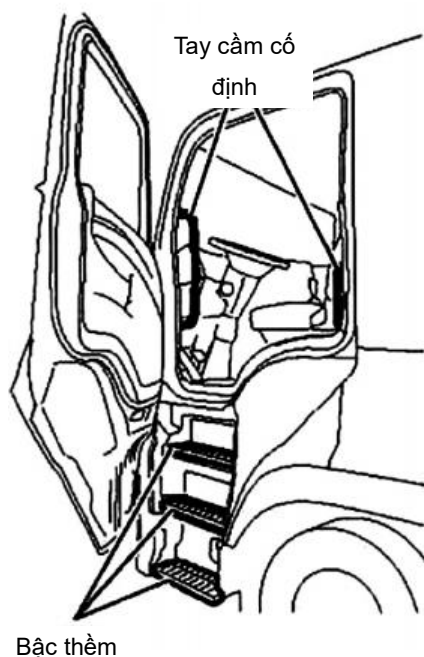
Để mở cửa, hãy kéo phần tay nắm cửa bên trong.

Để đóng cửa, hãy kéo cửa sập lại.

**KHUYẾN CÁO**

- Khi rời khỏi xe, hãy đảm bảo động cơ đã tắt và cửa đã khoá. Không bao giờ để lại chìa khoá bên trong xe.

## Lên và xuống xe



Kiểm tra kỹ lưỡng xung quanh xe, nắm lấy tay cầm, đặt một chân lên bậc khi lên hoặc xuống xe.



## CHÚ Ý

- Khi lên hoặc xuống xe, hãy chắc chắn rằng bạn sử dụng tay nắm và bậc thềm để luôn giữ thăng bằng với ít nhất 3 điểm tiếp xúc trở lên. Rất nguy hiểm nếu đứng lên lớp hoặc bánh xe khi lên xuống xe. Hơn nữa, không cố gắng nhảy xuống khỏi xe, vì làm như vậy tiềm ẩn nguy cơ tai nạn hoặc thương tích.
- Lên hoặc xuống khỏi xe bằng tay hoặc giày dính dầu nhờn, trơn trượt có thể khiến bạn bị trượt ngã. Hãy luôn lau sạch nhờn mỡ, v.v... khỏi tay và giày trước khi lên xuống xe.
- Mưa và tuyết có thể làm cho bậc thềm trở nên rất trơn. Do đó, hãy luôn loại bỏ tuyết và băng dính trên giày và bậc thềm, cẩn thận để không bị trượt ngã khi lên xuống xe.
- Thận trọng khi mở hoặc đóng cửa, vì gió mạnh hoặc nơi có độ dốc lớn có thể khiến cửa mở hoặc đóng đột ngột.



## KHUYẾN CÁO

- Không nắm lấy bất cứ bộ phận nào khác trên xe ngoài tay cầm khi lên hoặc xuống xe. Nếu không, bạn có thể gây hư hại cho các bộ phận đó hoặc khiến bản thân gặp tai nạn.



## Cửa sổ chỉnh điện

Khi vận công tắc máy sang bị trí "ON", cửa sổ ghế người lái và ghế hành khách có thể đóng/mở kính. Khi vận công tắc về vị trí "ACC" hoặc "LOCK", cửa sổ điện vẫn có thể điều chỉnh trong khoảng 30 giây trước khi ngắt hẳn.



## CẢNH BÁO

- Trước khi đóng cửa sổ, hãy đảm bảo rằng tay, đầu hoặc bất cứ thứ gì khác vướng vào kính cửa sổ đang di chuyển. Kẹt cửa kính có thể dẫn đến những thương tích nghiêm trọng. Đặc biệt chú ý nếu có trẻ nhỏ trên xe.



## LƯU Ý

- Hệ thống an toàn có thể ngừng hoạt động nếu như cửa sổ bị kẹt bởi lực cản lớn khi đóng/mở. Trong trường hợp này, hãy tắt máy, đợi vài phút và kiểm tra lại xem hệ thống đã vận hành bình thường hay chưa. Nếu như bạn vẫn không thể đóng/mở cửa sổ, hãy tạm dừng xe và liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

## Các nút điều khiển cửa sổ ở bên cạnh ghế người lái



|                 | MỞ | ĐÓNG |
|-----------------|----|------|
| Phía người lái  |    |      |
| Phía hành khách |    |      |

**Đề mở cửa sổ bên phía ghế người lái**

Khi ấn nhẹ đầu nút "AUTO", kính cửa sổ sẽ đóng/mở. Thả tay và kính sẽ ngừng lại ngay vị trí đó.

Nếu ấn mạnh đầu nút "AUTO" và thả tay ra, kính cửa sổ sẽ mở xuống hoàn toàn một cách tự động. Nếu muốn ngừng quá trình mở kính tự động, ấn nhẹ đầu nút "AUTO" và thả tay.

**Đề đóng cửa sổ bên phía ghế người lái**

Khi ấn nhẹ đầu nút "AUTO", kính cửa sổ sẽ đóng. Thả tay và kính sẽ ngừng lại ngay vị trí đó.

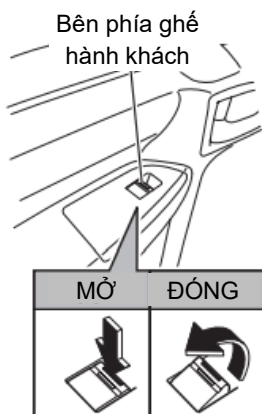
Nếu kéo mạnh đầu nút "AUTO" và thả tay ra, kính cửa sổ sẽ đóng lên hoàn toàn một cách tự động. Nếu muốn ngừng quá trình mở kính tự động, kéo nhẹ đầu nút "AUTO" và thả tay.

**Để mở cửa sổ bên phía ghế hành khách**

Ấn đầu nút để mở cửa sổ. Thả tay và kính sẽ ngừng lại ngay vị trí đó.

**Để đóng cửa sổ bên phía ghế hành khách**

Kéo đầu nút để mở cửa sổ. Thả tay và kính sẽ ngừng lại ngay vị trí đó.

**Các nút điều khiển cửa sổ ở bên cạnh ghế hành khách****Mở**

Ấn đầu nút để mở cửa sổ. Thả tay và kính sẽ ngừng lại ngay vị trí đó.

**Đóng**

Kéo đầu nút để mở cửa sổ. Thả tay và kính sẽ ngừng lại ngay vị trí đó.

**CHÚ Ý**

- Luôn nhắc nhở hành khách, đặc biệt là trẻ nhỏ, không để bất cứ bộ phận cơ thể nào chặn vào kính cửa sổ khi đang trong quá trình đóng/mở.

## Nắp đầy bình nhiên liệu



## CẢNH BÁO

- Châm nhiên liệu trong khi động cơ đang vận hành tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.
- Khi châm nhiên liệu, tuyệt đối không hút thuốc hoặc đặt bất kỳ nguồn phát tia lửa nào gần đó vì nguy cơ cháy nổ là rất cao. Sau khi hoàn thành châm nhiên liệu, hãy đảm bảo rằng nắp bình đã được đóng chặt.



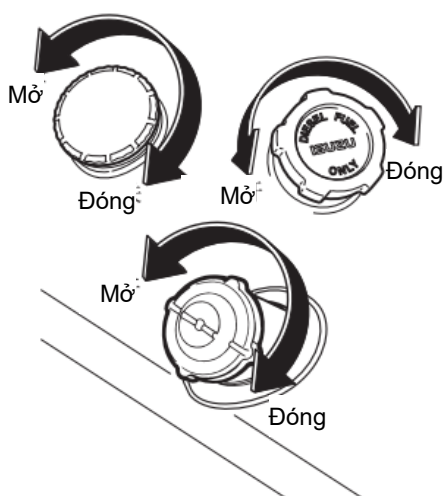
## CHÚ Ý

- Việc sử dụng nhiên liệu không phải là dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp có thể có tác động xấu đến động cơ và hệ thống làm sạch khí thải (SCR) bằng ure và gây ra lỗi kỹ thuật.
- Sử dụng nhiên liệu diesel không phải dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp có thể khiến chiếc xe vi phạm các yêu cầu pháp lý của địa phương.
- Mở nắp bình xăng một cách từ tốn. Nếu mở đột ngột, nhiên liệu có thể trào ra ngoài.
- Khi châm nhiên liệu cho xe, hãy giữ vòi phun đầy hoàn toàn vào trong cổ nạp. Cố gắng châm thêm nhiên liệu đã rút một phần vòi phun tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn vì cơ chế tự động ngắt có thể không hoạt động, dẫn đến bơm tràn nhiên liệu.



## KHUYẾN CÁO

- Vui lòng sử dụng đúng loại dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp. Tốt nhất là dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh cực thấp (dưới 50 ppm). Nếu bạn châm vào loại nhiên liệu kém chất lượng, phụ gia khử nước hoặc các loại phụ gia khác, xăng, dầu hỏa hoặc dung dịch gốc cồn, chúng có thể gây hại cho bộ lọc nhiên liệu, ngăn cản sự vận hành trơn tru của các bộ phận được bôi trơn bằng nhiên liệu trong kim phun và ảnh hưởng xấu đến động cơ và bộ chuyển đổi xúc tác PM, từ đó có thể dẫn đến những sự cố nghiêm trọng.



## Cách mở nắp đầy bình nhiên liệu

- ① Không mang các thiết bị thu phát sóng theo người khi mở nắp bình nhiên liệu.
- ② Từ từ xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ để mở.
- ③ Châm nhiên liệu vào bình.
- ④ Cân chỉnh các rãnh trên nắp và cổ bình, sau đó xoay nắp theo chiều kim đồng hồ để đóng lại.
- ⑤ Kiểm tra xem nắp đã được đóng chặt chưa.



## CẢNH BÁO

- Nếu nắp bình nhiên liệu không được đóng chặt, nhiên liệu rò rỉ có thể tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ khi động cơ vận hành.

## Bình Ure



## CẢNH BÁO

- Không bao giờ thêm bất cứ chất gì khác ngoài dung dịch ure (AdBlue®) vào bình chứa. Vui lòng sử dụng ure (AdBlue®) được Isuzu chỉ định.
- Việc châm vào các chất khác không phải là ure (AdBlue®) có thể gây lỗi cho hệ thống SCR.



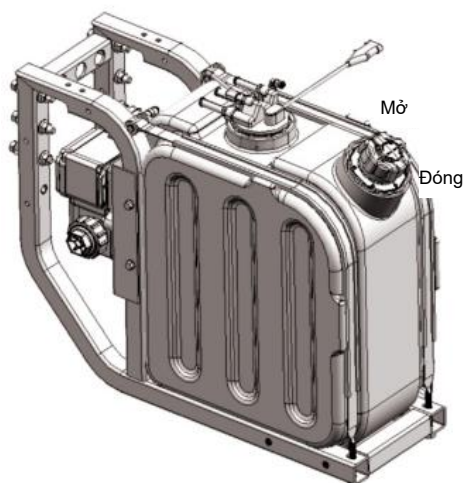
## KHUYẾN CÁO

- Hãy chú ý đến việc châm thêm ure (AdBlue®) để duy trì mức dung dịch đầy bình. Động cơ sẽ không thể khởi động khi ure (AdBlue®) trong bình đã cạn.
- Không để bụi bẩn lọt vào trong bình ure qua cổ châm khi mở nắp. Sự xâm nhập của bụi bẩn sẽ làm kẹt bộ lọc ure, ảnh hưởng đến chất lượng dung dịch ure (AdBlue®) và gây ra lỗi cho hệ thống SCR.
- Trong khi vận hành, dung dịch ure (AdBlue®) có thể bị rò rỉ từ ống thông hơi. Ngoài ra, ở khu vực khí hậu giá rét, ure đông lạnh (AdBlue®) có thể làm hỏng cảm biến hoặc các chi tiết khác.
- Ure (AdBlue®) có thể làm rỉ sét phần thân hoặc khung nếu bị tràn sang. Do đó, hãy kiểm tra và rửa sạch dư lượng ure (AdBlue®) bị tràn sang bằng nước sạch.
- Không bao giờ bước hoặc ngồi lên bình chứa ure. Điều này có thể gây ra hư hỏng cho bình chứa, đường ống dẫn, cảm biến và các bộ phận khác.
- Không tự ý điều chỉnh ống xả, bộ giảm thanh hoặc bình ure. Nếu không, quá trình làm sạch khí thải có thể bị giảm hiệu quả. Nếu bắt buộc phải điều chỉnh những bộ phận này, hãy liên hệ Đại lý Isuzu địa phương để được tư vấn thêm.



## LƯU Ý

- Ure (AdBlue®) bình thường là một dung dịch không màu, trong suốt, không độc và có mùi.
- Ure (AdBlue®) sẽ trở thành bột trắng khi ở dạng kết tủa. Ure kết tủa dạng bột phải được lau sạch khỏi cổ châm và không được để lọt vào trong bình chứa.
- Sau khi tắt động cơ, đôi khi bạn có thể nghe thấy âm thanh từ bình ure hoặc bộ phận nạp ure. Điều này là bình thường vì âm thanh như vậy cho thấy rằng ure (AdBlue®) đang chảy trở lại bình chứa.
- Sẽ mất một khoảng thời gian để đồng hồ đo ure cập nhật mức dung dịch trong bình sau khi châm thêm ure nếu động cơ đang vận hành hoặc công tắc máy ở vị trí "ON".



#### Cách châm thêm dung dịch ure (AdBlue®)

- ① Đưa công tắc máy về vị trí "LOCK", động cơ sẽ ngừng hoạt động.
- ② Nhẹ nhàng mở nắp bình ure, lau sạch bụi bẩn ở cổ lổ nạp và đầu vòi bơm.
- ③ Nhẹ nhàng đóng nắp bình lại.
- ④ Bơm dung dịch ure lên tới vạch F theo như thang đo mức dung dịch ở mặt trước của bình.
- ⑤ Vận nắp lại sao cho nắp đậy kín bình ure.
- ⑥ Kiểm tra nắp bình đã được vận kín hoàn toàn hay chưa.

Dung tích bình ure (giá trị danh định)

50L

Hoạt tính của Ure (AdBlue®)→ Xem trang 2-36

Sử dụng dung dịch Ure (AdBlue®) chuyên dụng→ Xem trang 2-36

Bơm dung dịch Ure (AdBlue®)→ Xem trang 2-37

#### Ghế

Đảm bảo bạn có thể đánh lái dễ dàng.

Đảm bảo vai luôn tựa vào ghế ngồi

Đảm bảo rằng bạn đã thắt chặt dây an toàn



Đảm bảo bạn có thể đạp hết hành trình của các bàn đạp

Ghế người lái phải được điều chỉnh để bạn có thể: ngồi dựa lưng thoải mái, nhấn hết hành trình của bàn đạp mà không cần rướn lưng khỏi đệm ghế, và thao tác vô lăng một cách dễ dàng và thoải mái. Sau khi điều chỉnh, hãy kiểm tra xem ghế đã được khoá hoàn toàn vào chốt chưa.

Ghế được điều chỉnh chính xác phù hợp với vị trí lái là yếu tố cơ bản để vận hành xe an toàn.



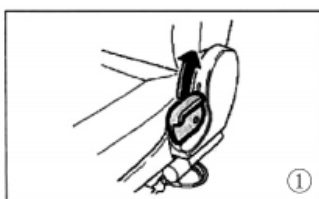
## CẢNH BÁO

- Luôn điều chỉnh ghế trước khi bạn bắt đầu khởi hành. Hạn chế tối đa việc điều chỉnh ghế khi xe đang chuyển động không chỉ vì sự mất ổn định của ghế khi không được khóa, mà nó còn khiến bạn khó kiểm soát xe, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn rất lớn.
  - Khi điều chỉnh ghế, không bao giờ đặt tay của bạn tiếp giáp với mặt dưới ghế hoặc những bộ phận di chuyển khác để tránh kẹp ngón tay hoặc bàn tay dẫn tới thương tích.
  - Không bao giờ cho phép trẻ nhỏ tự điều chỉnh ghế của mình; người lớn phải điều chỉnh ghế cho trẻ nhỏ. Tai nạn có thể xảy ra nếu để trẻ nhỏ tự điều chỉnh ghế ngồi. Sau khi điều chỉnh, hãy đảm bảo rằng ghế đã được cố định chắc chắn và không bị rung lắc. Nếu không ghế có thể bị xô dịch trong quá trình xe di chuyển, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn. Ngoài ra, ghế không khóa khiến dây an toàn có thể không hoạt động hiệu quả.
  - Lái xe với ghế ngã quá mức là rất nguy hiểm trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc phanh gấp. Nâng lưng ghế lên vị trí thẳng và thắt dây an toàn đúng cách.
  - Không đặt đệm hoặc gối giữa lưng bạn và lưng ghế. Làm như vậy không chỉ ảnh hưởng đến sự ổn định của vị trí lái xe mà còn giảm hiệu quả bảo vệ của dây an toàn trong trường hợp xảy ra va chạm.
- Không đặt bất kỳ đồ vật nào dưới ghế. Các đồ vật kẹt dưới ghế có thể làm ghế bị khóa ở vị trí không phù hợp.
- Trước khi thực hiện các điều chỉnh, hãy kiểm tra xem các thanh ray trượt không bị cản trở bởi đồ vật trong xe, khiến ghế không thể khóa. Cẩn thận để tay hoặc chân của bạn không bị kẹt vào ghế hoặc thanh ray trượt khi điều chỉnh ghế.
  - Khi điều chỉnh ghế, hãy cẩn thận để ghế không va vào hành khách gây thương tích hoặc làm hỏng các đồ vật trong xe.

## Ghế người lái

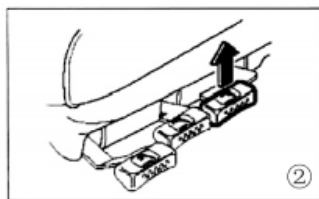
**Ghế phổ thông****① Điều chỉnh ngả lưng**

Để ngả lưng ghế, nâng cần nghiêng lưng ghế và nhẹ nhàng ngả lưng về vị trí mong muốn. Để di chuyển lưng ghế về phía trước, hãy ngả người về phía trước với lưng hơi nhấc ra khỏi lưng ghế và nâng cần lên. Sau khi điều chỉnh, hãy kiểm tra xem lưng ghế đã được khóa hoàn toàn hay chưa.

**② Điều chỉnh đệm lưng nghiêng sau**

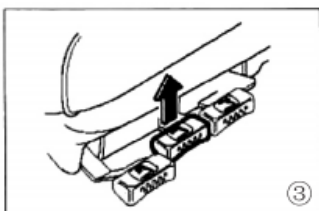
Kéo tay cầm lên và nâng nhẹ phần cuối phía sau của đệm ghế để điều chỉnh độ cao và độ nghiêng của ghế một cách thích hợp. Sau khi thả tay cầm, có thể khóa phần đệm tựa lưng.

※ Trừ ghế cố định

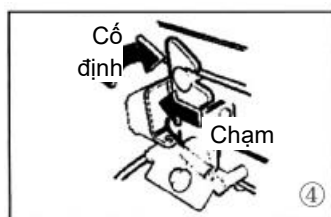
**③ Điều chỉnh đệm lưng nghiêng trước**

Kéo tay cầm lên và nâng nhẹ phần đầu phía trước của đệm ghế để điều chỉnh độ cao và độ nghiêng của ghế một cách thích hợp. Sau khi thả tay cầm, có thể khóa phần đệm tựa lưng.

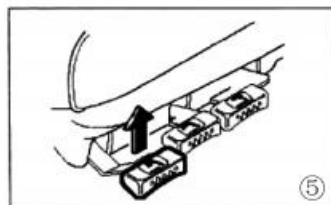
※ Trừ ghế cố định

**④ Khóa treo (Ghế treo đệm khí)**

Nâng tay cầm để cố định chiều cao hệ thống treo ở vị trí giữa. Chú ý kiểm soát tay cầm sau khi rời khỏi chỗ ngồi.

**CHÚ Ý**

Điều chỉnh các cần gạt khi ngồi trên ghế có thể gây tổn thương bàn tay hoặc lòng bàn tay.

**⑤ Di chuyển ghế**

Nâng cần gạt lên và điều chỉnh vị trí ghế tiến lên trước hoặc lùi về sau

## ※ Ghế cao cấp



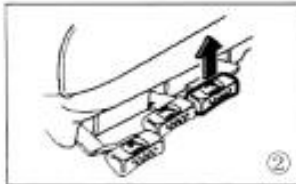
## ① Điều chỉnh ngả lưng

Để ngả lưng ghế, nâng cần nghiêng lưng ghế và nhẹ nhàng ngả lưng về vị trí mong muốn. Để di chuyển lưng ghế về phía trước, hãy ngả người về phía trước với lưng hơi nhấc ra khỏi lưng ghế và nâng cần lên. Sau khi điều chỉnh, hãy kiểm tra xem lưng ghế đã được khóa hoàn toàn hay chưa.



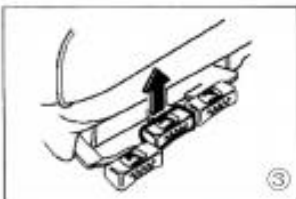
## ② Điều chỉnh đệm lưng nghiêng sau

Kéo tay cầm lên và nâng nhẹ phần cuối phía sau của đệm ghế để điều chỉnh độ cao và độ nghiêng của ghế một cách thích hợp. Sau khi nhả tay cầm, có thể khóa phần đệm tựa lưng.



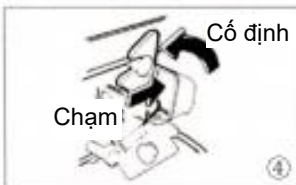
## ③ Điều chỉnh đệm lưng nghiêng trước

Kéo tay cầm lên và nâng nhẹ phần đầu phía trước của đệm ghế để điều chỉnh độ cao và độ nghiêng của ghế một cách thích hợp. Sau khi thả tay cầm, có thể khóa phần đệm tựa lưng.



## ④ Khóa treo (Ghế treo đệm khí)

Nâng tay cầm để cố định chiều cao hệ thống treo ở vị trí giữa. Chú ý kiểm soát tay cầm sau khi rời khỏi chỗ ngồi.



## CHÚ Ý

Điều chỉnh các cần gạt khi ngồi trên ghế có thể gây tổn thương bàn tay hoặc lòng bàn tay.

## ⑤ Di chuyển ghế

Nâng cần gạt lên và điều chỉnh vị trí ghế tiến lên trước hoặc lùi về sau.



## ⑥ Đệm đỡ cột sống

Xoay núm vặn để cân chỉnh ghế sao vừa với khuôn hông của bạn. Điều này có thể làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho người lái khi lái xe đường dài.





## Ghế hành khách ★

**Điều chỉnh ngả lưng**

Nâng cần gạt để điều chỉnh góc ngả lưng ghế.

**CHÚ Ý**

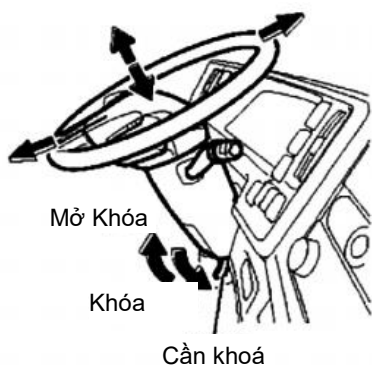
- Tương tự như với người lái, hành khách cũng phải thắt dây an toàn đúng cách khi xe di chuyển, để phòng lực tác động mạnh lên cơ thể trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc phanh gấp.

## Điều chỉnh vô lăng

Điều chỉnh vô lăng sang trái phải hoặc ra trước sau.

**CẢNH BÁO**

- Khi đã điều chỉnh vô lăng đến vị trí mong muốn, hãy kéo nhẹ theo hướng trên/dưới để đảm bảo vô lăng và cần khoá đã được cố định vào đúng khớp trước khi khởi hành.
- Điều chỉnh vị trí vô lăng trước khi khởi hành. Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi đang chạy xe là một hành động vô cùng nguy hiểm vì khi này vô lăng chưa cố định, gây cản trở việc điều khiển xe một cách an toàn.

**Điều chỉnh**

- ① Nâng cần khóa về phía bạn để mở khóa trụ vô lăng.
- ② Ngồi đúng tư thế lái, sau đó di chuyển vô lăng lên xuống, tiến và lùi để chọn vị trí vô lăng tối ưu.
- ③ Khóa chắc vô lăng ở vị trí đã chọn bằng cách trả cần khóa về vị trí khóa.

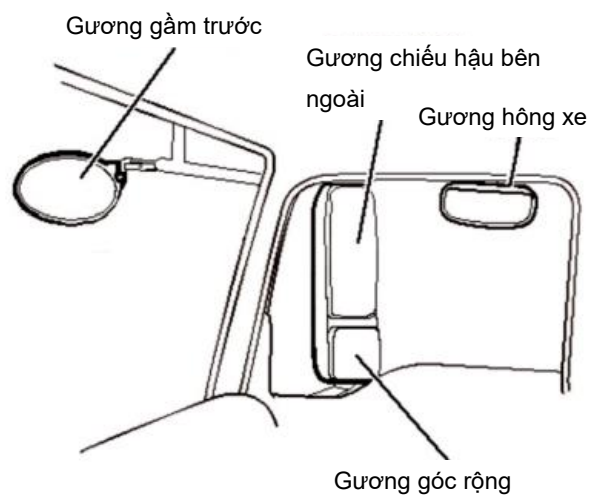
## Gương

Ngồi đúng tư thế lái trên ghế đã được điều chỉnh phù hợp, sau đó kiểm tra từng gương để đảm bảo rằng gương đó có tầm nhìn chính xác về phía sau, hai bên, khu vực ngay phía trước xe và khu vực đối diện trực tiếp với ghế lái. Thực hiện các điều chỉnh nếu cần thiết và làm sạch bụi bẩn trên tất cả các gương.

## Gương bên ngoài

**Gương gắn hai bên cửa**

Sau khi điều chỉnh vị trí lái xe phù hợp, hãy điều chỉnh từng gương theo chỉ dẫn bên dưới để chúng cung cấp tầm nhìn chính xác giúp bạn bao quát phía sau, bên hông và các khu vực ngay phía trước và ngay bên cạnh xe.



**Gương chiếu hậu bên ngoài**

Hướng bên: Điều chỉnh gương để bạn có thể nhìn thấy bên hông xe, bao gồm cả sàn khoang hàng trong một phần ba bên trong của gương.

Hướng dọc: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy góc dưới cùng phía sau của xe bằng nửa chiều cao của gương.

**Gương góc rộng**

Hướng bên: Điều chỉnh gương để bạn có thể nhìn thấy bên hông xe trong một phần tư bên trong của gương.

Hướng dọc: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy góc dưới cùng phía sau của xe bằng nửa chiều cao của gương.

**Gương gầm trước**

Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy mép bên phải của cản trước nằm ở giữa gương và góc dưới bên phải của kính chắn gió nằm dọc theo mép gương.

**Gương hông xe**

Hướng bên: Điều chỉnh gương để bạn có thể nhìn thấy bên hông khoang lái trong gương.

Hướng dọc: Điều chỉnh gương sao cho bạn nhìn thấy khoang lái trong một phần tư phía trên của gương.

**CHÚ Ý**

- Điều chỉnh gương khi xe đang đứng yên, không phải khi đang di chuyển.
- Khi kiểm tra phía sau xe bằng gương chiếu hậu, hãy cẩn trọng tránh mất tập trung đối với tình huống phía trước.
- Gương chiếu hậu có thể làm cho xe phía sau xuất hiện xa hơn so với thực tế. Hãy thận trọng khi quan sát gương cho đến khi bạn có thể xác định chính xác khoảng cách thông qua hình ảnh trong gương.
- Hãy chú ý không để va quệt gương khi vượt xe khác trên đường hẹp, di chuyển xe vào ga ra hoặc lái xe gần người đi bộ.
- Không lái xe khi chưa mở gương.

## Dây an toàn

Khả năng bảo vệ của dây đai an toàn có thể giảm đi đáng kể nếu chúng không được thắt đúng cách; trong một số trường hợp, thắt dây an toàn không đúng cách thậm chí có thể gây thương tích cho người sử dụng. Không chỉ người lái mà tất cả hành khách phải thắt dây an toàn trước khi khởi hành.

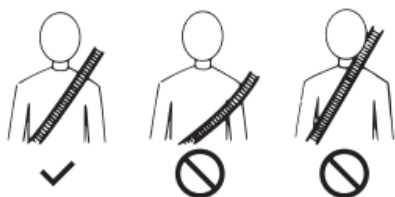


## CHÚ Ý

Bạn nên hoàn toàn làm quen với việc sử dụng dây an toàn đúng cách và những điểm quan trọng cần được lưu ý như mô tả dưới đây, đây là những điều cần thiết để đảm bảo an toàn cho bạn.

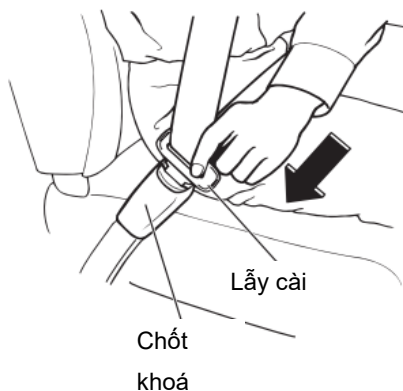
- Phải luôn thắt dây an toàn **TRƯỚC KHI** bắt đầu khởi hành.
- Dây an toàn chỉ cung cấp sự bảo vệ hoàn toàn khi người lái và (những) hành khách thắt dây an toàn trong tư thế ngồi thẳng dựa lưng vào ghế.
- Việc thắt dây an toàn với lưng ghế ngả quá mức có thể rất nguy hiểm khi xảy ra va chạm hoặc phanh gấp vì hành khách có thể trượt xuống dưới dây đai và bị thương nặng. Dây an toàn chỉ hoạt động tốt nhất khi người sử dụng ngồi thẳng lưng trên ghế.
- Đảm bảo đưa tấm lấy cài vào chốt khóa cho đến khi nghe thấy tiếng tách. Lấy không được khóa đúng cách sẽ rất nguy hiểm trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc phanh gấp.
- Thắt dây an toàn dưới hông càng thấp càng tốt, không vắt qua thắt lưng vì có thể tạo ra lực ép lớn lên bụng và tiềm ẩn nguy cơ thương tích khi xảy ra va chạm hoặc phanh gấp.
- Không sử dụng dây an toàn cho trẻ nhỏ nếu dây đai ở trên hoặc rất gần cổ hoặc cằm của trẻ. Ngoài ra, không sử dụng dây an toàn nếu nó không vừa vặn với hông của trẻ. Thắt dây an toàn lúc này tiềm ẩn nguy cơ thương tích trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc phanh gấp. Thay vào đó, hãy sử dụng ghế ngồi trẻ em thích hợp đang bày bán trên thị trường. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương.
- Hãy sử dụng các loại ghế an toàn phù hợp với kích thước của trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ. Lắp đặt các trang bị này theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Tháo các nút xoắn trên dây. Dây an toàn bị xoắn sẽ làm giảm khả năng bảo vệ vì nó không thể phân tán các cú sốc một cách hiệu quả trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc phanh gấp.
- Phụ nữ mang thai hoặc người mắc các chứng bệnh về ngực hoặc bụng nên hỏi ý kiến bác sĩ để biết thêm các khuyến nghị cụ thể về việc thắt dây an toàn.
- Không sử dụng một dây an toàn cho nhiều người vì dây an toàn sẽ không hoạt động hiệu quả khi xảy ra va chạm hoặc phanh gấp.
- Kiểm tra dây an toàn và liên hệ Đại lý Isuzu địa phương nếu cần thiết để thay thế dây an toàn khi dây vải bị sờn hoặc mòn và/hoặc khi khóa hay các bộ phận cơ khí khác không hoạt động bình thường.
- Nếu xe của bạn đã từng bị va chạm, dây an toàn được đeo tại thời điểm đó có thể đã mất đi độ bền ban đầu do va chạm ngay cả khi chúng còn nguyên vẹn. Những dây an toàn này cần được kiểm tra và thay thế bởi Đại lý Isuzu địa phương nếu cần thiết.
- Hãy cẩn thận để giữ cho các khóa và dây rút không bị dính bụi và tạp chất lạ.
- Thắt dây an toàn là một quy định bắt buộc ở hầu hết các quốc gia. Người lái không chỉ có trách nhiệm thắt dây an toàn mà còn phải nhắc tất cả hành khách thắt dây an toàn. Tuy nhiên, cần phải tham khảo ý kiến bác sĩ về sự phù hợp của dây an toàn đối với phụ nữ có thai hoặc hành khách mắc các chứng bệnh về ngực/bụng.

## Dây an toàn 3 điểm ELR (Khoá đai khẩn cấp)



## CẢNH BÁO

- Phần đai qua vai phải được đặt gọn gàng trên vai của bạn nhưng không được tiếp xúc với cổ và/hoặc mặt của bạn vì chúng có thể gây thương tích trong trường hợp xảy ra va chạm hoặc phanh gấp.



## Cài dây an toàn

- ① Ngồi đúng tư thế lái.
- ② Kéo dây đai an toàn bằng cách giữ tấm lấy cài. Sau khi kiểm tra đai không bị xoắn, hãy lắp tấm lấy cài vào chốt khoá cho đến khi nghe tiếng tách.
- ③ Định vị đai sao cho vừa khít với hông ở vị trí càng thấp càng tốt.



## Tháo dây an toàn

Nhấn nút trên chốt khoá. Dây đai sẽ tự động rút lại, hãy giữ tấm lấy cài để nó được đưa lên từ từ cho đến khi hết hoàn toàn.



## KHUYẾN CÁO

- Trong khi được tự động rút lại, tấm lẫy cài an toàn có thể văng ra hông cửa sổ hoặc đồ trang trí bên trong gần đó trừ khi nó được giữ đúng cách. Hãy giữ tấm lẫy cài để đảm bảo rằng đai được rút lên từ từ.
- Trước khi đóng cửa, hãy kiểm tra xem dây an toàn đã rút lên hoàn toàn hay chưa. Dây đai chùng có thể bị kẹt trong cửa hoặc tay vịn ghế.
- Kiểm tra tương tự với dây an toàn của hành khách và đảm bảo dây an toàn không bị chùng dù là đang thắt hay đang rút gọn.



## LƯU Ý

- Dây đai an toàn ba điểm được tích hợp tính năng khóa đai khẩn cấp (ELR). Đai an toàn của ghế lái cũng được trang bị chức năng giới hạn công suất trọng. [Tính năng ELR]
- ELR thường cho phép dây an toàn di chuyển ra vào tự do khi người ngồi trên xe di chuyển. Tuy nhiên, nó sẽ khóa dây an toàn để hạn chế người sử dụng bị văng đi nếu có một lực kéo họ về phía trước do va chạm hoặc phanh gấp.
- ELR cũng khóa dây an toàn khi dây đai được kéo ra nhanh chóng. Nếu gặp tình huống này, hãy thả nhẹ để đai rút lại một khoảng và sau đó từ từ kéo lại ra.

KHỞI ĐỘNG VÀ TẮT ĐỘNG CƠ

4-3

TRANG THIẾT BỊ, ĐÈN CẢNH BÁO VÀ ĐÈN CHỈ BÁO

4-9

## KHỞI ĐỘNG VÀ TẮT ĐỘNG CƠ

|                                 |     |
|---------------------------------|-----|
| • Phương pháp khởi động động cơ | 4-4 |
| • Phương pháp tắt động cơ       | 4-6 |

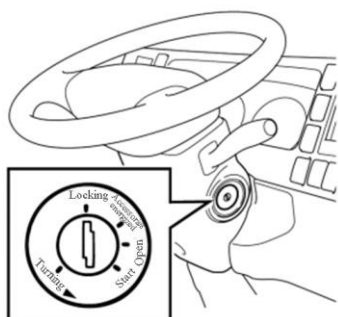


### Phương pháp khởi động động cơ

Đảm bảo rằng các công tắc, bao gồm cả công tắc cần gạt nước mưa, công tắc hệ thống chiếu sáng và điều hòa không khí, ở vị trí "OFF".

Xoay công tắc máy sang vị trí "ON" để ENTER đèn cảnh báo và đèn chỉ báo bật bình thường và nhiên liệu mức đủ.

### Khởi động động cơ



#### CẢNH BÁO

- Không giữ công tắc đánh lửa ở vị trí "START" trong hơn 10 giây. Sử dụng bộ khởi động quá lâu tiềm ẩn nguy cơ hỏng bình điện hoặc quá nhiệt và thậm chí là cháy nổ.

Công tắc đề nổ → Xem trang 4-62



#### KHUYẾN CÁO

- Ở nhiệt độ môi trường thấp, động cơ lạnh có thể thải ra nhiều khói (khói trắng) hơn bình thường.
- Nếu động cơ không thể khởi động ngay lần đầu, vui lòng đưa công tắc đánh lửa về vị trí "ACC", đợi 20 ~ 30 giây và khởi động lại động cơ.
- Nếu động cơ vẫn không thể khởi động, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Tình trạng chung hoặc tình trạng nóng động cơ

- ① Đảm bảo công tắc máy ở vị trí "ON".
- ② Đạp hết hành trình bàn đạp ly hợp.
- ③ Đạp hết hành trình bàn đạp phanh, bật công tắc khởi động ở vị trí "START" cho đến khi nổ máy. Không giữ quá 10 giây. Nếu động cơ không thể khởi động dưới 10 giây, hãy tắt công tắc đánh lửa về vị trí "ACC", đợi 20 ~ 30 giây, sau đó khởi động lại động cơ.
- ④ Sau khi khởi động động cơ, nhả từ từ bàn đạp ly hợp về vị trí ban đầu.



#### KHUYẾN CÁO

- Tắt máy nếu xe bị lật trong trường hợp tai nạn hoặc bị ngập nước trong mưa lũ. Nếu không, các chi tiết máy bên trong có thể bị hư hại. Hãy liên hệ ngay với Đại lý Isuzu gần nhất.



#### Trong những ngày lạnh giá,

- Đối với những xe không có bộ làm ấm động cơ, hãy đạp hết hành trình bàn đạp ly hợp và ấn nhẹ bàn đạp ga rồi khởi động động cơ.



- Đối với xe có tích hợp bộ làm ấm động cơ, vui lòng đảm bảo công tắc đánh lửa ở vị trí "ON". Trong trường hợp nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp hơn 0 °C, đèn báo sấy sẽ sáng trong 1 ~ 15 giây. Sau khi đèn tắt, hãy đạp hết hành trình bàn đạp ly hợp và ấn nhẹ bàn đạp ga rồi mới khởi động động cơ.



#### KHUYẾN CÁO

- Để bảo vệ động cơ, tuyệt đối không được vận hành động cơ ở tốc độ vòng tua cao ngay sau khi khởi động. Sau khi nhả bàn đạp ga, bắt đầu thao tác lái xe bình thường.

### Phương pháp tắt động cơ



Động cơ sẽ tắt sau khi xoay công tắc máy từ "ON" sang "ACC".



#### CẢNH BÁO

- Tuyệt đối không tắt động cơ khi xe đang di chuyển. Nếu không hệ thống trợ lực sẽ bị mất và vô lăng sẽ khó điều khiển hơn. Ngoài ra, hệ thống phanh sẽ bị vô hiệu hóa và bàn đạp ly hợp sẽ trở nên mất tác dụng. Điều này rất nguy hiểm.



## CHÚ Ý

- Phanh có thể bị đóng băng khi lái xe ở vùng khí hậu lạnh giá. Trước khi dừng xe, vui lòng đạp nhẹ bàn đạp phanh 5 ~ 6 lần ở tốc độ 30 km/h rồi sử dụng cần phanh tay sau khi chắc chắn rằng phanh đã được rã băng.



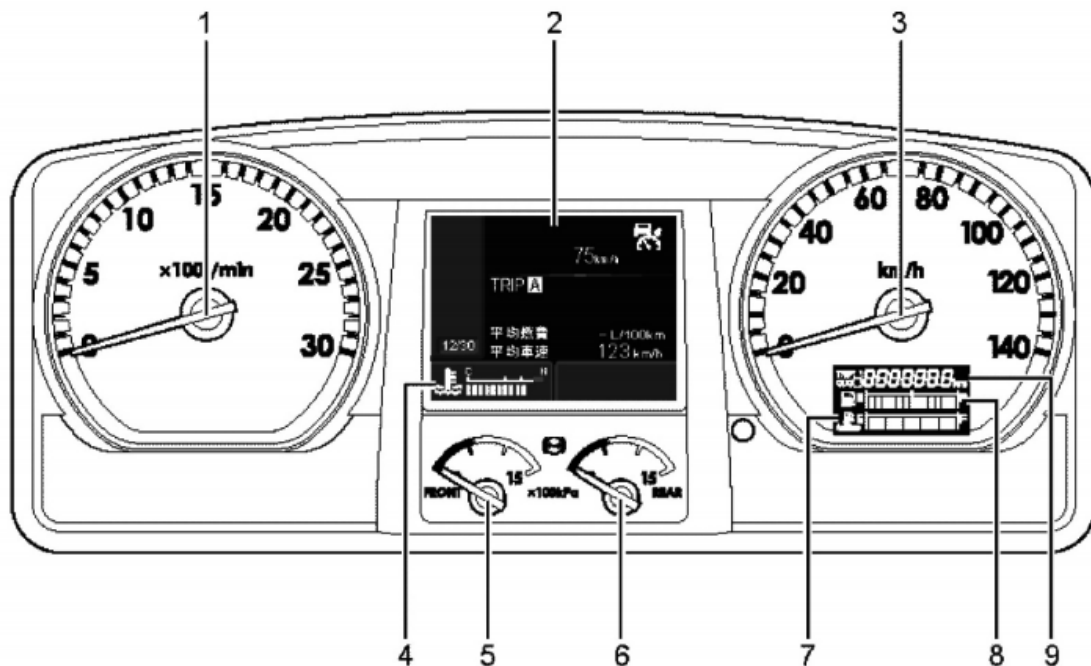
## KHUYẾN CÁO

- Không tắt động cơ ngay sau khi dừng xe. Nếu không, động cơ có thể bị mất bôi trơn đột ngột dẫn tới hư hỏng. Trước khi tắt động cơ, hãy để nó nổ máy ở chế độ không tải trong khoảng 3 phút để làm nguội sau khi kéo phanh tay và đảm bảo cần sang số ở vị trí "N".
- Để bình điện không bị cạn kiệt, hãy vặn công tắc đánh lửa sang vị trí "ACC" hoặc "LOCK" sau khi dừng động cơ. Nếu bạn dừng xe trong một thời gian dài, hãy rút chìa khóa.

## TRANG THIẾT BỊ, ĐÈN CẢNH BÁO VÀ ĐÈN CHỈ BÁO

|                                             |      |
|---------------------------------------------|------|
| • Các trang thiết bị trên xe (Sơ đồ bố trí) | 4-9  |
| • Đồng hồ tốc độ                            | 4-10 |
| • Đồng hồ quãng đường và hành trình         | 4-10 |
| • Đồng hồ đo vòng tua (của động cơ)         | 4-11 |
| • Đồng hồ áp suất khí nén                   | 4-12 |
| • Đồng hồ nhiệt độ động cơ                  | 4-13 |
| • Đồng hồ đo nhiên liệu                     | 4-14 |
| • Thang đo mức Ure                          | 4-15 |
| • Màn hình hiển thị đa thông tin            | 4-16 |
| • Sơ đồ đèn cảnh báo/ đèn chỉ báo           | 4-37 |
| • Âm cảnh báo ★                             | 4-59 |
| • DVR ★                                     | 4-60 |

Các trang thiết bị trên xe (Sơ đồ bố trí)

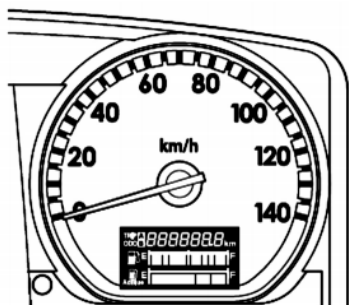


| STT | Tên                               | Trang |
|-----|-----------------------------------|-------|
| 1   | Đồng hồ đo vòng tua (của động cơ) | 4-11  |
| 2   | Màn hình hiển thị đa thông tin    | 4-16  |
| 3   | Đồng hồ đo vận tốc                | 4-10  |
| 4   | Đồng hồ nhiệt độ động cơ          | 4-13  |
| 5   | Đồng hồ áp suất khí nén (trước)   | 4-12  |

| STT | Tên                                  | Trang |
|-----|--------------------------------------|-------|
| 6   | Đồng hồ áp suất khí nén (sau)        | 4-12  |
| 7   | Thang đo mức Ure                     | 4-15  |
| 8   | Đồng hồ đo nhiên liệu                | 4-14  |
| 9   | Đồng hồ đo quãng đường và hành trình | 4-10  |

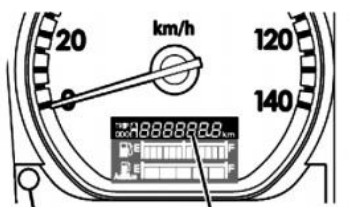
★ Ký hiệu "cấu hình theo kiểu xe" hoặc "cấu hình theo đơn đặt hàng"

## Đồng hồ đo vận tốc



Hiện thị tốc độ xe bằng đơn vị km/h.

## Đồng hồ đo quãng đường và hành trình



Nút chọn

Khu vực hiển thị của đồng  
hồ đo quãng đường và  
hành trình

Ấn nút chọn (trong 1 giây) để chuyển đổi giữa đồng hồ đo quãng đường "ODO" và đồng hồ đo hành trình "TRIP A" hoặc "TRIP B"

**Đồng hồ đo quãng đường (tổng quãng đường đã đi)**

Hiện thị tổng quãng đường xe đã đi bằng đơn vị km. Giá trị ghi nhận tối đa là 1999999 km.

**Đồng hồ đo hành trình (đo từng quãng đường ngắn)**

Ghi lại một quãng đường ngắn.

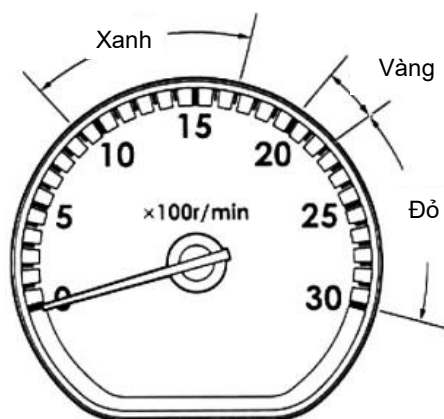
Lần lượt theo từng hành trình "TRIP A" và "TRIP B". Hiện thị bằng đơn vị km, có thể ghi lại hành trình từ 0 ~ 999999,9 km. Khi ở chế độ "TRIP A", ấn nút chọn (trong 1 giây) để đưa giá trị ghi lại về 0. Tương tự với chế độ "TRIP B".



## LƯU Ý

- Khi điều chỉnh chế độ "TRIP A" về 0, giá trị đã ghi tại "TRIP B" sẽ không bị ảnh hưởng. Tương tự, khi điều chỉnh chế độ "TRIP B" về 0, giá trị đã ghi tại "TRIP A" sẽ không bị ảnh hưởng.
- Nếu có hai điểm đến khác nhau, hãy điều chỉnh "TRIP A" bằng 0 trước khi khởi hành; khi đến đích đầu tiên, điều chỉnh "TRIP B" bằng 0. Tính năng này giúp việc ghi lại tổng số km đã chạy và khoảng cách giữa các điểm đến tương ứng thuận tiện hơn.

## Đồng hồ đo vòng tua (động cơ)



Hiển thị bằng đơn vị vòng/phút

Vùng màu xanh lá thể hiện khả năng tiết kiệm nhiên liệu khi di chuyển

Không vận hành xe khi kim đồng hồ vòng tua ở vùng màu đỏ.



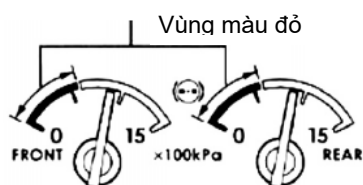
## KHUYẾN CÁO

- Phải hết sức thận trọng khi chuyển số khi xuống dốc. Tốc độ động cơ có thể dễ dàng vượt quá tốc độ giới hạn, dẫn tới những hư hại nghiêm trọng.



## Thang đo áp suất khí nén

Khí áp kế hệ thống phanh



Thang đo này cho biết áp suất của khí nén trong bình chứa khí.

Nếu kim đi vào vùng màu đỏ, đèn cảnh báo áp suất khí nén sẽ sáng và âm cảnh báo sẽ kêu (Để tắt âm cảnh báo, hãy kéo cần phanh tay).

Nếu đèn cảnh báo áp suất khí nén bật sáng, ngay lập tức hãy dừng xe vào vị trí an toàn và kéo phanh tay, chuyển sang số "N". Sau đó, cho động cơ chạy không tải để tăng áp suất không khí. Nếu áp suất không khí không tăng, hoặc có sự chênh lệch lớn giữa số đo của hai đồng hồ đo, hoặc kim nhích lên rất chậm và lâu, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Kiểm tra áp suất khí nén → Xem trang 7-94

| Áp suất khí nén chỉ định      |
|-------------------------------|
| 900~930kPa                    |
| {9.2~9.5kgf/cm <sup>2</sup> } |

| Áp suất khí nén chỉ định       |
|--------------------------------|
| 930~1080kPa                    |
| {9.5~11.0kgf/cm <sup>2</sup> } |



CẢNH BÁO

- Không lái xe nếu kim nằm trong vùng màu đỏ hoặc đèn cảnh báo áp suất khí nén đang bật. Phanh khí đó sẽ không hoạt động hết chức năng và rất nguy hiểm khi vận hành xe.

## Đồng hồ nhiệt độ động cơ



Khu vực cảnh báo (Đỏ)

Thang đo này hiển thị nhiệt độ nước làm mát động cơ của động cơ.

Vùng màu đỏ cho biết động cơ đang quá nóng. "Nước làm mát động cơ không đủ", "quá nóng" hoặc các từ khác sẽ được hiển thị trên màn hình hiển thị đa chức năng và phát ra âm báo cảnh báo. Ngay lập tức đỗ xe vào vị trí nơi an toàn, duy trì tốc độ động cơ cao hơn một chút so với tốc độ không tải để làm nguội động cơ, sau đó mới tắt máy. Tiếp tục cố gắng chạy xe sẽ tiềm ẩn nguy cơ hư hỏng động cơ.

Thiếu hụt nước làm mát động cơ (trong khi dừng đỗ)



#### Thiếu hụt nước làm mát động cơ

Kiểm tra dấu hiệu rò rỉ nước làm mát động cơ và châm thêm khi cần thiết. Không mở nắp bình nước phụ khi ở nhiệt độ cao để tránh bỏng hơi nước.

Quá nhiệt (trong khi dừng đỗ)



#### Quá nhiệt

Nếu như động cơ không đạt nhiệt độ tối ưu khi vận hành, hãy tắt động cơ và kiểm tra nước làm mát. Không mở nắp bình nước phụ khi ở nhiệt độ cao để tránh bỏng hơi nước.



#### KHUYẾN CÁO

- Nếu kim vượt quá giới hạn trên của vùng an toàn và đi vào vùng "H" khi bạn đang lái xe, động cơ có khả năng đang bị quá nhiệt. Ngay lập tức tắt xe vào lề đường một cách an toàn, tránh xa bất kỳ phương tiện giao thông nào và thực hiện các hành động cần thiết để đối phó với tình trạng động cơ quá nhiệt.
- Nếu kim gần đến vùng "H" nhưng vẫn nằm trong vùng an toàn thì đây không phải là vấn đề. Tuy nhiên, hãy kiểm tra mức nước làm mát động cơ trong két phụ của bộ tản nhiệt. Châm thêm nước làm mát động cơ nếu cần thiết.
- Động cơ có thể cọ xát nếu tắt ngay sau khi dừng xe. Hãy thực hiện các thao tác ứng phó phù hợp với hiện tượng quá nhiệt của động cơ.

Kiểm tra và Xử lý khi quá nhiệt → Xem trang 8-24

## Đồng hồ đo nhiên liệu



Hiển thị mức nhiên liệu trong bình.

F: Đầy

E: Cạn



## KHUYẾN CÁO

- Nếu bình nhiên liệu cạn hoàn toàn, hãy xả khí ra khỏi hệ thống nhiên liệu của xe trước khi bơm.



## KHUYẾN CÁO

- Tạo thói quen châm đầy bình nhiên liệu trước khi bình gần cạn.
- Sau khi bơm đầy bình, cần một khoảng thời gian để kim đo nhiên liệu cập nhật mức nhiên liệu sau khi công tắc máy được chuyển sang vị trí "ON".

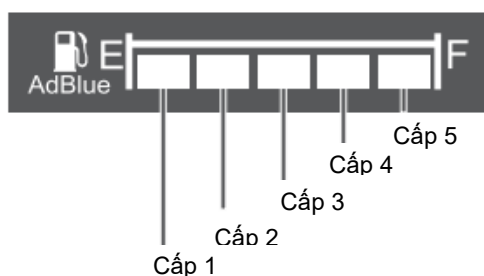


Châm thêm nhiên liệu

Khi nhiên liệu trong bình gần cạn, màn hình hiển thị đa chức năng sẽ hiển thị chỉ báo "refueling" (châm thêm nhiên liệu) ".

Khi cạn nhiên liệu → Xem trang 8-13

## Đồng hồ báo mức Ure



Hiển thị mức ure còn lại trong bình. “F” là đầy, “E” là cạn.

Mức Ure (AdBlue®) còn lại trong bình được chia theo 5 cấp độ.



## KHUYẾN CÁO

- Động cơ sẽ không khởi động khi dung dịch Ure (AdBlue®) đã cạn. Hãy bơm bổ sung ure càng sớm càng tốt.

| Dung tích bình ure (giá trị danh định) |
|----------------------------------------|
| 50L                                    |

Hoạt tính của Ure (AdBlue®)→ Xem, trang 2-36

Sử dụng dung dịch Ure (AdBlue®) chuyên dụng→ Xem trang 2-36

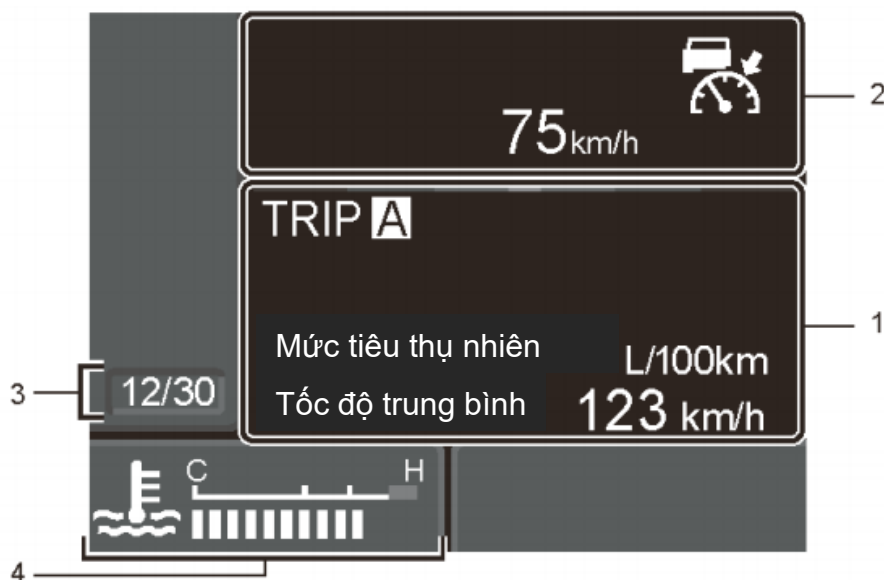
Bơm dung dịch Ure (AdBlue®)→ Xem trang 2-37

Bình Ure→Xem trang 3-9

## Màn hình hiển thị đa thông tin

Màn hình đa chức năng sẽ hiển thị thông tin khi xe chạy, đồng thời có thể cài đặt thông tin bảo dưỡng, ngày giờ và kiểm tra tình trạng hoạt động của chế độ ECO.

Giao diện MENU→Xem trang 4-29



#### 1. Thông tin tiêu thụ nhiên liệu và các thông báo vận hành và cảnh báo khác nhau

Thông thường, màn hình có thể cho biết điện thế, mức tiêu thụ nhiên liệu, thời gian, ngày tháng và các thông tin quản lý vận hành khác. Trong trường hợp có bất kỳ lỗi nào của hệ thống hoặc bất kỳ hoạt động nào của thiết bị, nó sẽ ưu tiên hiển thị các thông báo cảnh báo và vận hành.



#### KHUYẾN CÁO

- Trong khi cảnh báo và thông báo vận hành đã được hiển thị, hãy ấn nút "RETURN" và RETURN màn hình giao diện ban đầu. Nếu không, vận hành bất kỳ công tắc nào hoặc có một cảnh báo mới, màn hình sẽ hiển thị trên thông báo cảnh báo.

2. Thông tin hỗ trợ lái xe

Hiển thị tình trạng vận hành của hệ thống hỗ trợ lái xe liên quan đến tính năng hành trình tự động và giới hạn tốc độ tùy chỉnh

Hình ảnh gợi ý

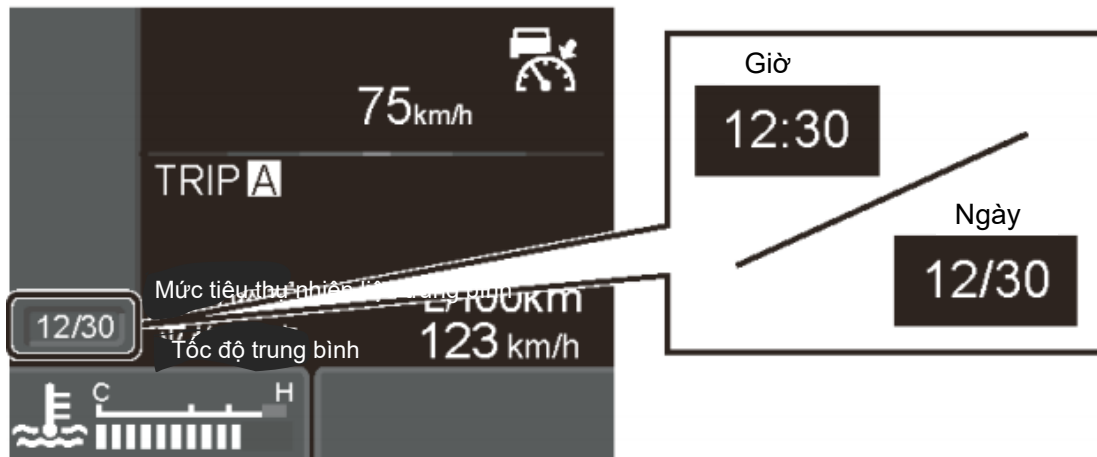


| Thiết bị hỗ trợ lái xe    | Ảnh | Trang |
|---------------------------|-----|-------|
| Giới hạn tốc độ tùy chỉnh |     | 4-88  |
| Hành trình tự động        |     | 4-82  |

## 3. Giờ và ngày

Hiển thị giờ và ngày Trên menu, bạn có thể chuyển giữa xem giờ và xem ngày, cũng như thay đổi thông số năm, tháng, ngày hay giờ, phút.

Giao diện MENU→Xem trang 4-29

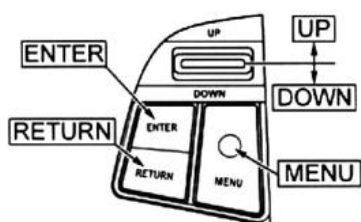


## 4. Đồng hồ nhiệt độ động cơ



Hiển thị nhiệt độ nước làm mát động cơ  
Đồng hồ nhiệt độ động cơ→Xem trang 4-13

### Các nút điều chỉnh màn hình hiển thị đa thông tin



Đặt ở bên trái của vô lăng, những nút này có thể điều chỉnh giao diện và chọn tính năng mong muốn.

| Nút điều chỉnh | Tính năng                                   |
|----------------|---------------------------------------------|
| MENU           | Hiển thị giao diện MENU                     |
| ENTER          | ENTER một lựa chọn                          |
| RETURN         | RETURN giao diện trước đó                   |
| UP/DOWN        | Di chuyển khung chọn hoặc thay đổi giá trị. |

### Hình ảnh di chuyển giao diện chung

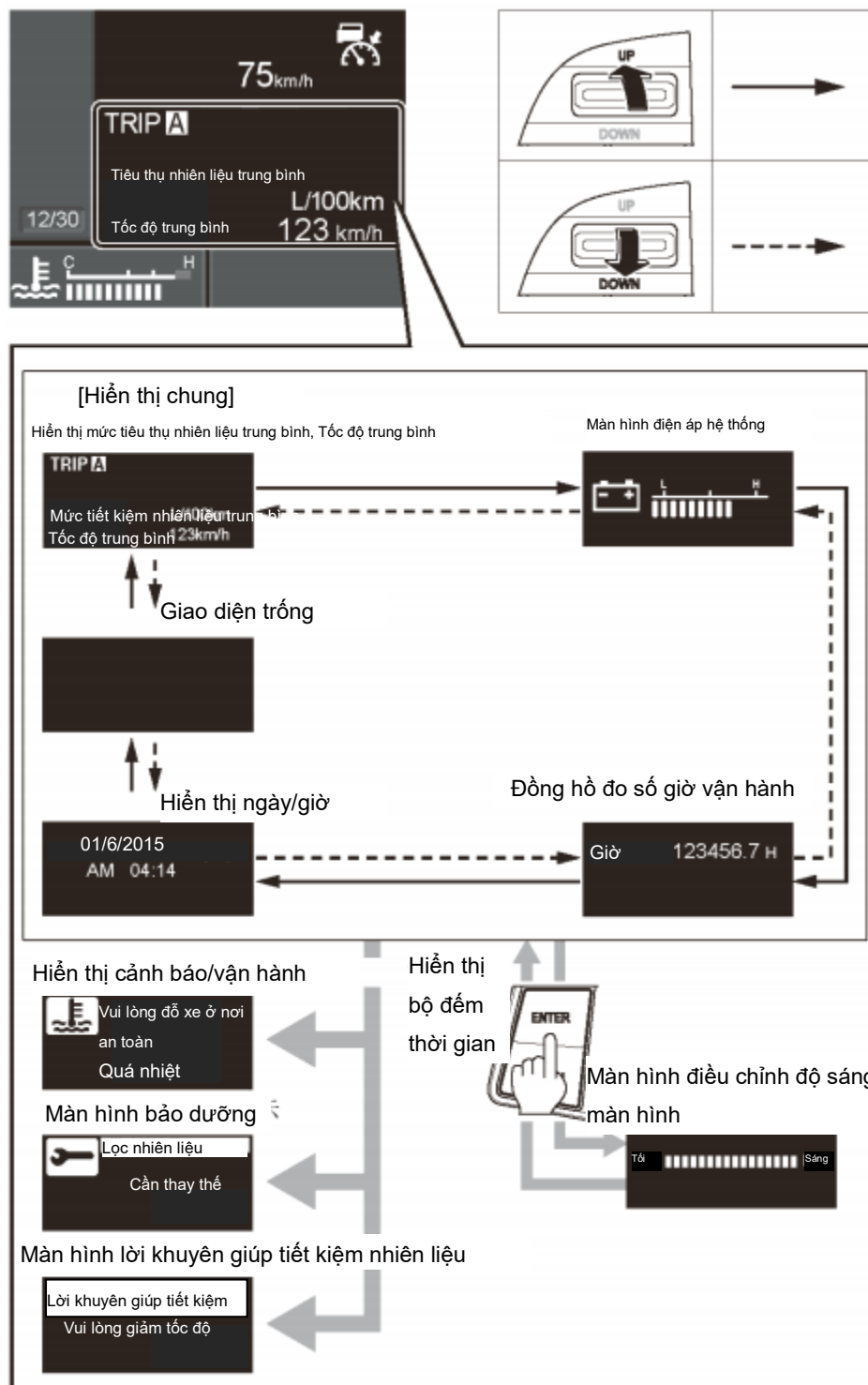
Khi công tắc máy được đặt ở vị trí "ON", nó có thể chỉ ra tất cả thông tin trước khi động cơ tắt hẳn. Tuy nhiên, trong trường hợp có bất kỳ lỗi hệ thống nào hoặc bất kỳ hoạt động nào của thiết bị, nó sẽ ưu tiên hiển thị các thông báo cảnh báo và vận hành.



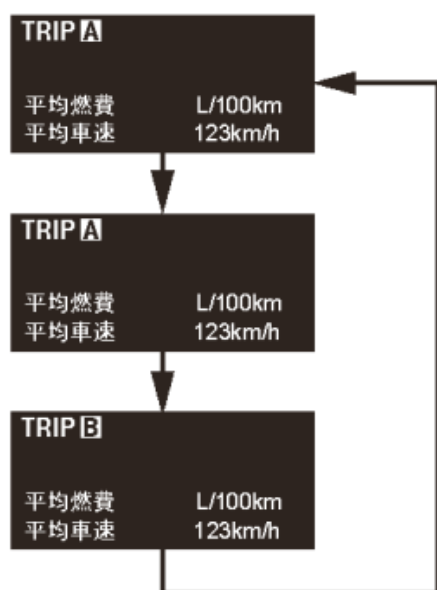
#### LƯU Ý

- Bằng cách nhấn phím trên màn hình hiển thị đa thông tin trong khi có thông báo cảnh báo và điều hành, bạn sẽ RETURN giao diện MENU. Sau đó, màn hình tiếp tục hiển thị giao diện thông báo cảnh báo một lần nữa, nếu không có thao tác Bật / Tắt hoặc xuất hiện cảnh báo mới trong vòng 1 phút.





Lờn nhấn Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình, Tốc độ trung bình



Hiện thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình, tốc độ trung bình trong khi di chuyển để nhắc nhở người lái chú ý tiết kiệm nhiên liệu.

Bằng cách nhấn phím "UP" hoặc "DOWN" trên màn hình hiển thị đa thông tin, bạn có thể xem mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình và tốc độ trung bình của xe.

Sau khi chuyển đổi giữa đồng hồ đo quãng đường và đồng hồ đo hành trình bằng cách liên kết, bạn có thể xem các thông tin liên quan.

Màn hình sẽ không hiển thị thông tin liên quan của đồng hồ đo đường.

→ Ấn nút chọn.

| Ảnh minh hoạt màn hình hiển thị đa thông tin | Nội dung hiển thị                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                              | Hình ảnh này sẽ hiện lên khi chọn chế độ "TRIP A" ở đồng hồ ghi hành trình. Nó sẽ hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình và tốc độ trung bình tại khu vực màn hình TRIP A          |
|                                              | Hình ảnh này sẽ xuất hiện khi chọn "TRIP B" của đồng hồ đo hành trình. Nó được sử dụng để thông báo mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình và tốc độ trung bình của xe trong khoảng TRIP B. |

### Phương pháp thiết lập lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình và tốc độ xe trung bình

Có thể thiết lập lại TRIP A và TRIP B bằng phương thức liên kết.

## Điện áp kế



Đồng hồ này hiển thị điện thế của bình điện. Trong trường hợp điện thế quá thấp hoặc quá cao, màn hình hiển thị đa thông tin sẽ báo chỉ báo "điện thế bất thường". Lý do của điện thế bất thường có thể là do bình điện phóng điện quá mức hoặc lỗi máy phát. Hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

## Điện thế bất thường (Điện thế tương đối thấp)



Điện thế tương đối thấp

## Điện thế bất thường (Điện thế quá cao)



Điện thế quá cao



## KHUYẾN CÁO

- Trong trường hợp khởi động động cơ, chỉ thị vận kế có thể nằm trong vùng màu đỏ. Nếu nó trở về vùng trắng sau khi khởi động động cơ, điều này cho thấy tất cả đều bình thường.

## Đồng hồ đo số giờ di chuyển

时 间

11.8H

Thời gian vận hành của động cơ sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin .

Bạn có thể xem đồng hồ giờ bằng cách sử dụng nút UP/DOWN ở bên trái vô lăng. Hình bên trái dấu (.) hiển thị giờ còn hình bên phải hiển thị phần thập phân của số giờ.

Ngay cả khi công tắc máy được đặt ở vị trí "LOCK", bạn vẫn có thể xem đồng hồ giờ miễn là nhấn phím chọn trong vòng 5 phút.



## KHUYẾN CÁO

- Đồng hồ đo số giờ di chuyển có thể được thiết lập lại giá trị.

## Lịch và giờ

01/06/2022  
AM 04:14

Hiển thị ngày (năm, tháng và ngày) và tuần, bao gồm cả 02 buổi trong ngày AM (sáng) và PM (chiều).

## Màn hình điều chỉnh độ sáng màn hình

Tối  Sáng

Nhìn chung, bạn có thể kiểm tra độ sáng màn hình bằng cách ấn nút “ENTER”. Thao tác này được sử dụng để điều chỉnh độ sáng của màn hình hiển thị đa thông tin. Tăng giảm độ sáng bằng nút “UP”/“DOWN”. Khi công tắc hệ thống chiếu sáng được đặt ở vị trí “OFF”, bạn có thể cài đặt bất kỳ độ sáng nào của “☀️” và “🌙”.

Tổng quan thông tin cảnh báo và vận hành

Đèn cảnh báo được sử dụng để thông báo mỗi tình trạng lỗi bất thường còn đèn chỉ báo có ý nghĩa chỉ ra hoạt động của thiết bị sẽ tới trước thông tin chỉ báo chung. Khi nhiều thông tin được chỉ ra, chúng sẽ lần lượt hiện lên sau mỗi 3 giây.

 **CHÚ Ý**

- Khi xe có lỗi ảnh hưởng đến an toàn, Màn hình đa thông tin sẽ hiển thị thông báo màu đỏ. Ngay lập tức đỗ xe tại nơi an toàn để kiểm tra tình hình và gọi dịch vụ kéo cầu xe

Cảnh báo và Mẹo vận hành

| Tên                            | Giao diện hiển thị                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                        | Màu sắc | Trang |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|
|                                | Khi đỗ                                                                                                                                                                                                                                                                         | Khi chạy                                                                                                                                               |         |       |
| Quá nhiệt                      |  <b>Quá nhiệt</b><br>Nếu như động cơ không đạt nhiệt độ tối ưu khi vận hành, hãy tắt động cơ và kiểm tra nước làm mát. Không mở nắp bình nước phụ khi ở nhiệt độ cao để tránh bỏng hơi nước. |  Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br><b>Quá nhiệt</b>                       | Đỏ      | 4-45  |
| Thiếu hụt nước làm mát động cơ |  <b>Thiếu hụt nước làm mát động cơ</b><br>Bổ sung nước làm mát động cơ sau khi thực hiện kiểm tra và phát hiện rò rỉ. Không mở nắp bình nước phụ khi ở nhiệt độ cao để tránh bỏng hơi nước. |  Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br><b>Thiếu hụt nước làm mát động cơ</b> | Đỏ      | 4-44  |
| Mất áp suất nhớt               |  <b>Mất áp suất nhớt</b><br>Hãy kiểm tra mức nhớt trong bình. Nếu mức nhớt đạt chuẩn và không phát hiện rò rỉ, hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.                                |  Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br><b>Mất áp suất nhớt</b>               | Đỏ      | 4-41  |
| Lỗi bình điện                  |  <b>Lỗi hệ thống sạc điện</b><br>Hãy kiểm tra độ căng đai. Nếu phát hiện bình điện mất/thiếu điện thế. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.                                        |  Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br><b>Lỗi hệ thống sạc điện</b>          | Đỏ      | 4-42  |

| Tên                                    | Giao diện hiển thị                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                      | Màu sắc | Trang |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------|
|                                        | Khi đỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Khi chạy                                                                                                                             |         |       |
| Lọc nhiên liệu (đầy nước)              |  <b>Lọc nhiên liệu</b><br>Phát hiện hơi ẩm và cặn bẩn trong bộ lọc nhiên liệu. Xả hết nước trong lọc.                                                                                                    |  Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.<br><b>Lọc nhiên liệu</b> | Đỏ      | 4-43  |
| Giới hạn công suất động cơ             |  <b>Giới hạn công suất động cơ</b><br>Nhiệt độ nhớt động cơ đang quá cao; công suất đầu ra sẽ bị giới hạn để bảo vệ động cơ. Khi nhiệt độ nhớt trở về ngưỡng cho phép, giới hạn công suất sẽ được gỡ bỏ. |  <b>Giới hạn công suất động cơ</b>                 | Cam     | 4-56  |
| Lỗi điện thế (điện thế tương đối thấp) |  <b>Điện thế thấp</b>                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                      | Đỏ      | 4-57  |
| Lỗi điện thế (điện thế quá cao)        |  <b>Điện thế quá cao</b>                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                      | Đỏ      | 4-57  |
| Lưu ý áp suất phanh thấp               |  <b>Lưu ý áp suất phanh thấp</b><br>Hãy tăng thêm khí nén.                                                                                                                                             |  <b>Lưu ý áp suất phanh thấp</b>                 | Đỏ      | 4-39  |
| Quên hạ cần phanh tay.                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  <b>Quên hạ cần phanh tay.</b>                   | Đỏ      | 4-57  |
| Lỗi phun ure                           |  <b>Lỗi phun ure</b><br>Bơm ure gặp vấn đề bất thường. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.                                                                                                   |  <b>Lỗi phun ure</b>                             | Cam     | 4-56  |
| Bổ sung dung dịch ure                  |  <b>Bổ sung dung dịch ure</b><br>Hãy bổ sung thêm dung dịch vào khoang được chỉ định. Nếu không có dung dịch ure, động cơ sẽ không thể tái khởi động.                                                  |  <b>Bổ sung dung dịch ure</b>                    | Cam     | 4-55  |
| Lỗi hệ thống giao tiếp                 |  <b>Lỗi hệ thống giao tiếp</b><br>Hãy tắt động cơ và đợi động cơ nguội. Nếu giao tiếp vẫn báo lỗi, hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.                                                       |  Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.                        | Đỏ      | 4-50  |

| Tên                                              | Giao diện hiển thị                                                                |                           | Màu sắc | Trang |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|-------|
|                                                  | Khi đỗ                                                                            | Khi chạy                  |         |       |
| Lỗi phanh ABS                                    |  | Phanh ABS                 | Cam     | 4-39  |
| Châm nhiên liệu                                  |  | Châm nhiên liệu           | Cam     | 4-51  |
| Vận hành PTO                                     |  | Vận hành PTO              | Đỏ      | 4-54  |
| Chế độ hành trình tự động                        |  | Chế độ hành trình tự động | Xanh lá | 4-82  |
| Chế độ SLD linh hoạt (nhiều mức giới hạn tốc độ) |  | Chế độ SLD linh hoạt      | Xanh lá | 4-88  |

**Thông tin bảo dưỡng**

| Tên                      | Thông tin hiển thị                                                                  |                                          | Màu sắc | Trang |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------|-------|
|                          | Khi đỗ                                                                              | Khi chạy                                 |         |       |
| Nhớt động cơ và lọc nhớt |    | Nhớt động cơ và lọc nhớt<br>Cần thay thế | Cam     | 4-46  |
| Lọc nhiên liệu           |    | Lọc nhiên liệu<br>Cần thay thế           | Cam     | 4-47  |
| Nhớt hộp số              |    | Nhớt hộp số<br>Cần thay thế              | Cam     | 4-46  |
| Nhớt cụm vi sai          |    | Nhớt cụm vi sai<br>Cần thay thế          | Cam     | 4-57  |
| Dầu trợ lực lái          |    | Dầu trợ lực lái<br>Cần thay thế          | Cam     | 4-48  |
| Bộ lọc khí nén           |    | Bộ lọc khí nén<br>Cần thay thế           | Cam     | 4-48  |
| Thay lốp                 |   | Thay lốp<br>Cần thay thế                 | Cam     | 4-49  |
| Hệ thống khởi động       |  | Hệ thống khởi động<br>Cần thay thế       | Cam     | 4-49  |



Màn hình lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu

| Tên                                                                       | Thông tin hiển thị                                                         |                                                                  | Màu sắc | Trang |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------|-------|
|                                                                           | Khi đỗ                                                                     | Khi chạy                                                         |         |       |
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu (tốc độ)                             |                                                                            | Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu<br>Hãy giảm tốc độ xe!      | Trắng   | 4-58  |
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu (tốc độ động cơ)                     |                                                                            | Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu<br>Hãy giảm tốc độ động cơ! | Trắng   | 4-58  |
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu (tăng tốc nhanh)                     |                                                                            | Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu<br>Tăng tốc đột ngột        | Trắng   | 4-58  |
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu (tốc độ tăng cao)                    |                                                                            | Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu<br>Tăng tốc quá nhanh       | Trắng   | 4-58  |
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu (chạy không tải trong thời gian dài) | Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu<br>Chạy không tải trong thời gian dài |                                                                  | Trắng   | 4-58  |
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu (phanh phụ)                          |                                                                            | Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu<br>Hãy nhả phanh phụ.       | Trắng   | 4-58  |

## Chỉ báo kiểm tra hệ thống

Khi công tắc máy được đặt ở vị trí "ON", hãy tiến hành kiểm tra hệ thống đối với từng thiết bị. Giao diện kiểm tra hệ thống sẽ được hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin. Chuyển sang giao diện chung sau khi khởi động động cơ.

## Giao diện MENU

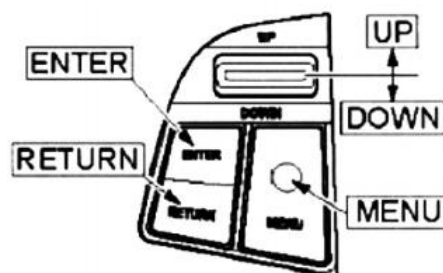
Chọn "MENU", chế độ menu sẽ hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin. Dùng nút "UP" hoặc "DOWN" để lựa chọn mục, sau đó ấn "ENTER"



## KHUYẾN CÁO

- Khi xe được điều khiển ở giao diện MENU, màn hình sẽ chuyển sang giao diện chung. Trong quá trình xe đang chạy, không thể sử dụng giao diện chế độ MENU.

| MENU                            |  |
|---------------------------------|--|
| Trouble code                    |  |
| Maintenance information         |  |
| Maintenance information setting |  |
| User setting                    |  |
| ECO state presentation          |  |
| System demo mode                |  |



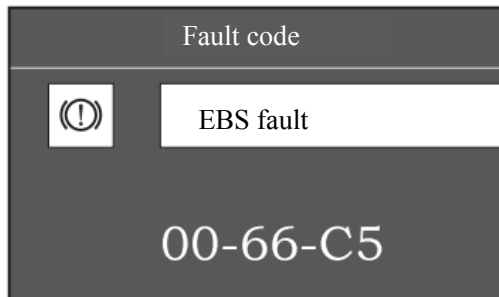
| Menu                        | Giải nghĩa                                                                                                                                                                                                                  |                                                                 | Trang tham khảo |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|
| Mã vấn đề                   | Hiển thị mã lỗi.                                                                                                                                                                                                            |                                                                 | 4-31            |
| Thông tin bảo dưỡng         | Chỉ hiển thị biết các hạng mục bảo dưỡng đã được đặt trong "Cài đặt thông tin bảo dưỡng", bao gồm cả thời gian thay thế dầu mỡ. Ngoài ra, thời gian (hoặc khoảng cách) tới kỳ thay thế tiếp theo có thể được thiết lập lại. |                                                                 | 4-31            |
| Cài đặt thông tin bảo dưỡng | Cài đặt thời gian (hoặc khoảng cách) cho từng hạng mục bảo dưỡng.                                                                                                                                                           |                                                                 | 4-32            |
| Cài đặt người dùng          | Cài đặt ngày                                                                                                                                                                                                                | Chọn ngày.                                                      | 4-33            |
|                             | Cài đặt thời gian                                                                                                                                                                                                           | Chọn thời gian                                                  | 4-34            |
|                             | Cài đặt hiển thị                                                                                                                                                                                                            | Hiển thị giờ và ngày                                            | 4-35            |
|                             | Màn hình lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu                                                                                                                                                                               | Cài đặt giá trị danh định khuyến nghị giúp tiết kiệm nhiên liệu | 4-35            |
| Giải thích chế độ ECO       | Sử dụng sơ đồ thanh và hình vẽ để chỉ ra điều kiện hoạt động của TRIP A hoặc TRIP B. Xác định xem điều kiện vận hành của xe có tiết kiệm nhiên liệu hay không.                                                              |                                                                 | 4-36            |



## KHUYẾN CÁO

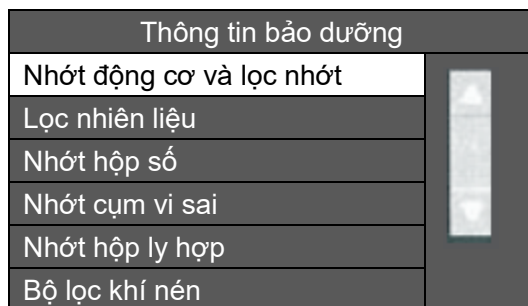
- Nếu thời gian bảo dưỡng không được đặt trong "Cài đặt thông tin bảo dưỡng", thì "Thông tin bảo dưỡng" không thể được chọn.
- "Mã lỗi" chỉ có thể xem trong trường hợp có lỗi.
- Trong khi nhấn phím "MENU" trong khi xe đang chạy, màn hình sẽ hiển thị giao diện chỉ dẫn chung.

## Mã Lỗi



Bạn có thể xem mã lỗi đã ghi của xe. Trong trường hợp có nhiều lỗi, chúng sẽ có chỉ báo liên tiếp nhau sau mỗi 5 giây.

## Thông tin Bảo Dưỡng



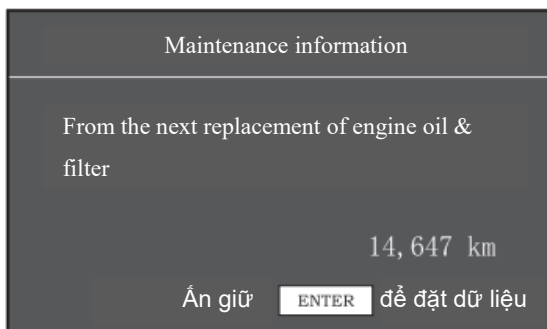
Dùng nút "UP" hoặc "DOWN" để xem các lựa chọn; ENTER thời gian bảo dưỡng của mục được chọn bằng cách ấn nút "ENTER".

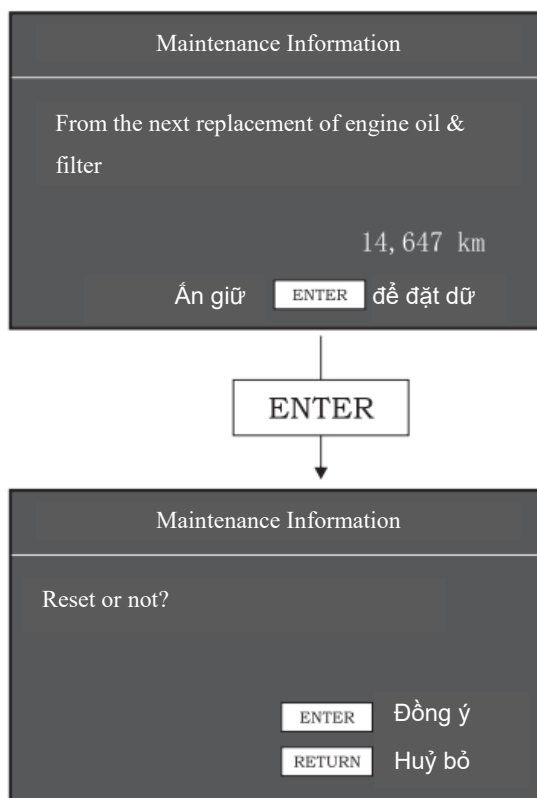


## KHUYẾN CÁO

- Không hiển thị những mục có thời gian bảo dưỡng không được đặt trong "Cài đặt Thông tin Bảo Dưỡng".

ENTER



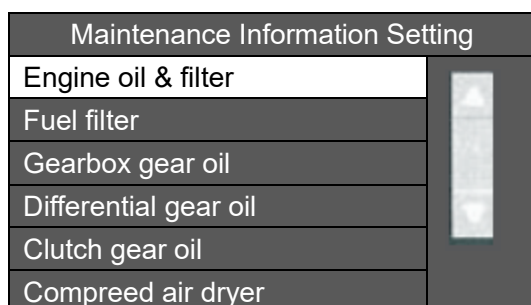


Phương pháp đặt lại thời gian thay thế

① Sau khi ấn giữ nút "ENTER", một hộp thoại "Reset or not?" (đặt lại hay không?) sẽ bật lên.

② Trong khi nhấn phím "ENTER", hoàn tất quá trình đặt lại và RETURN giao diện hiển thị khoảng cách. Nếu không đặt lại được, hãy nhấn phím "RETURN".

### Cài đặt Thông tin Bảo Dưỡng

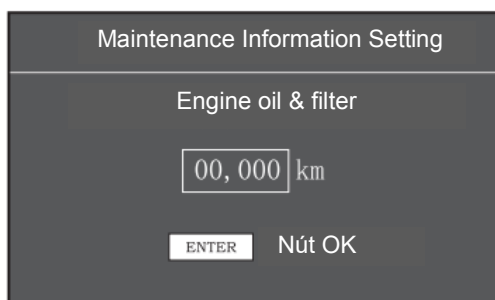


Dùng nút "UP" hoặc "DOWN" để lựa chọn những mục có thời gian bảo dưỡng cần cài đặt, sau đó ấn "ENTER"



#### KHUYẾN CÁO

- Giá trị mặc định của thời gian thay thế được ghi lại trong ghi chú bảo dưỡng. Giá trị đặt có thể ngắn hơn giá trị mặc định này.
- Không có giá trị mặc định cho thời gian bảo dưỡng của lốp. Bạn có thể đặt bất kỳ giá trị nào trong khoảng 120.000km.



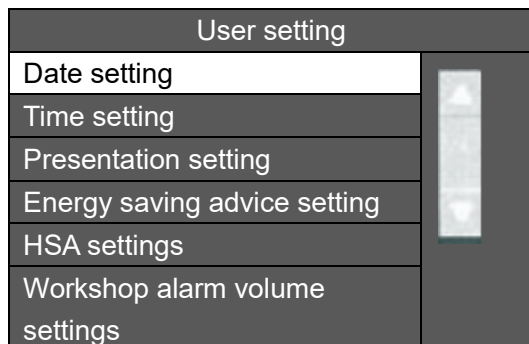
### Phương pháp cài đặt thời gian đến kỳ thay thế tiếp theo

- ① Dùng nút "UP" hoặc "DOWN" để chọn thời gian của kỳ thay thế tiếp theo.
- ② Ấn "ENTER" để ENTER.

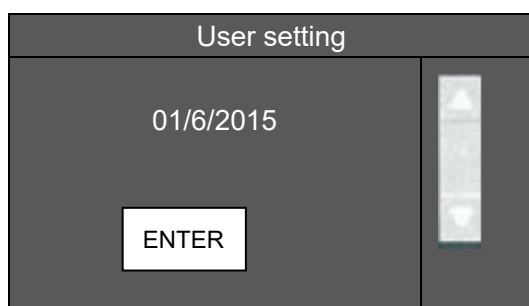
### Cài đặt khoảng cách

| Giải nghĩa            | Giá trị đặt ban đầu | Cài đặt khoảng cách đến kỳ thay thế tiếp theo |
|-----------------------|---------------------|-----------------------------------------------|
| Engine oil & filter   | 20.000 km           | Không cài đặt, 5.000-45.000 Km                |
| Fuel filter           | 40.000 km           | Không cài đặt, 100.000 Km                     |
| Gearbox gear oil      | 50.000 km           | Không cài đặt, 5.000-50.000 Km                |
| Differential gear oil | 50.000 km           | Không cài đặt, 5.000-50.000 Km                |
| Compreed air dryer    | 100.000 km          | Không cài đặt, 100.000 Km                     |
| Power steering fluid  | 100.000 km          | Không cài đặt, 5.000-100.000 Km               |
| Tire                  | Không cài đặt       | Không cài đặt, 10.000-120.000 Km              |
| Starter               | Cài đặt             | Không cài đặt, cài đặt                        |

## Cài đặt Người dùng

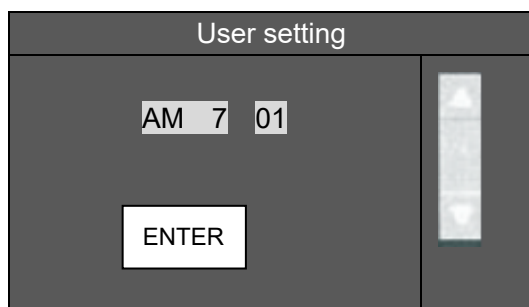


Dùng nút “UP” hoặc “DOWN” để xem hoặc cài đặt lựa chọn, sau đó ấn “ENTER”

**Cài đặt ngày**

Phương pháp cài đặt:

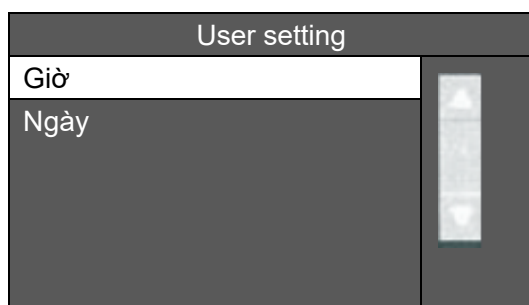
- ① Cài đặt năm. Dùng nút “UP” hoặc “DOWN” để lựa chọn, sau đó ấn “ENTER”
- ② Cài đặt tháng. Dùng nút “UP” hoặc “DOWN” để lựa chọn, sau đó ấn “ENTER” Dùng nút “RETURN” để cài đặt lại
- ③ Cài đặt ngày. Dùng nút “UP” hoặc “DOWN” để lựa chọn, sau đó ấn “ENTER” Dùng nút “RETURN” để cài đặt lại



### Cài đặt đồng hồ

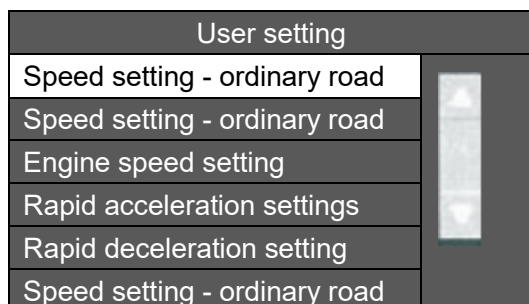
Phương pháp cài đặt:

- ① Cài đặt giờ. Dùng nút “UP” hoặc “DOWN” để lựa chọn, sau đó ấn “ENTER”
- ② Cài đặt phút. Dùng nút “UP” hoặc “DOWN” để lựa chọn, sau đó ấn “ENTER” Dùng nút “RETURN” để cài đặt lại



### Cài đặt hiển thị

Dùng nút “UP” hoặc “DOWN” để lựa chọn, sau đó ấn “ENTER”

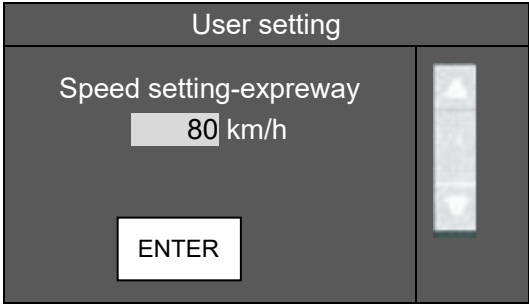


### Cài đặt Lòai khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu

Có thể chọn bật/tắt Lòai khuyên tiết kiệm trên màn hình, cũng có thể chọn Lòai khuyên tiêu chuẩn.

Sử dụng nút "UP" hoặc "DOWN" để chọn mục cần đặt, sau đó nhấn nút "ENTER".





Phương pháp cài đặt:  
Cài đặt theo mục đích sử dụng xe  
Dùng nút “UP” hoặc “DOWN” để lựa  
chọn, sau đó ấn “ENTER”

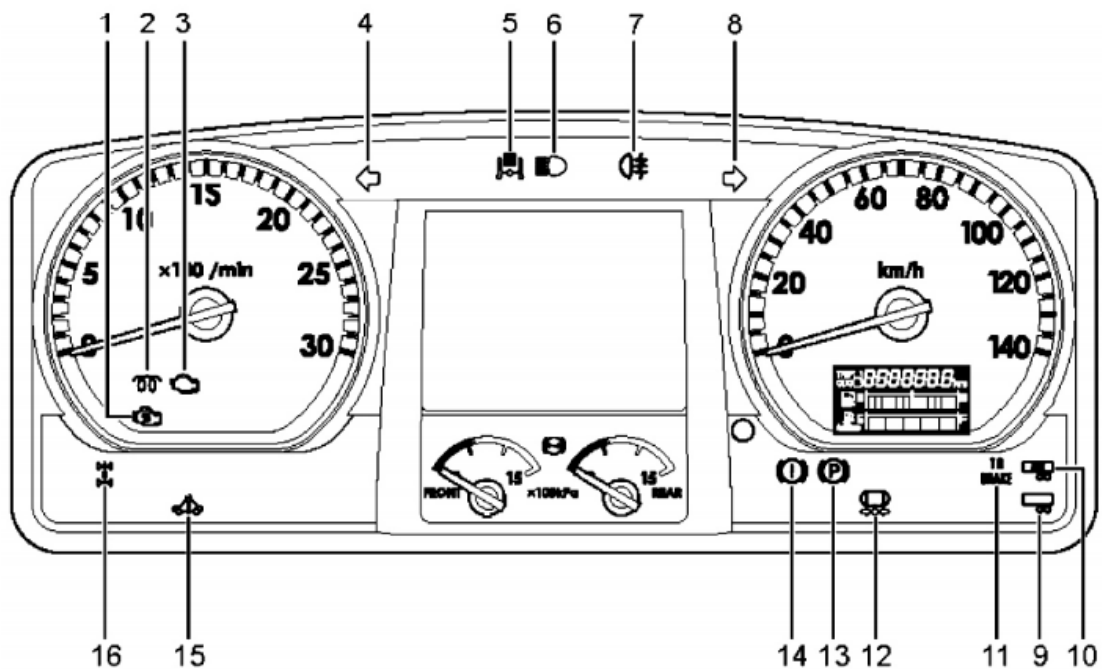
| Giải nghĩa                    | Giá trị đặt ban đầu | Cài đặt khoảng cách               | Trang |
|-------------------------------|---------------------|-----------------------------------|-------|
| Speed setting-expreway        | 100 km/h            | Không cài đặt, 20-110 km/h        | 4-58  |
| Speed setting - ordinary road | 100 km/h            | Không cài đặt, 20-110 km/h        |       |
| Engine speed setting          | 3.000 vòng/phút     | Không cài đặt, 50-3.000 vòng/phút |       |
| Rapid acceleration settings   | 9.9 m/s²            | Không cài đặt, 0.5-9.9 m/s²       |       |
| Rapid deceleration settings   | 9.9 m/s²            | Không cài đặt, 0.5-9.9 m/s²       |       |

Cài đặt ECO

| ECO running interval A   |            |
|--------------------------|------------|
| Interval distance        | 12.3 km    |
| Running time             | 1.2H       |
| Idling time              | 1.2H       |
| Fuel consumption         | 12.3L      |
| Average fuel consumption | 12L/100 Km |
| Average speed            | 12.3 km/h  |

Sử dụng sơ đồ thanh và hình vẽ để hiển thị điều kiện hoạt động của TRIP A hoặc TRIP B nhằm xác định việc lái xe có tiết kiệm nhiên liệu hay không.  
Trong điều kiện TRIP A, TRIP B và ODO (đồng hồ đo quãng đường), sử dụng nút “ENTER” và “RETURN” để chuyển đổi từng chế độ, đồng hồ đo quãng đường/hành trình sẽ chỉ ra quãng đường A và quãng đường B tương ứng.

Sơ đồ bố trí đèn Cảnh báo và đèn Chỉ báo



| STT | Tên                                                       | Trang |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------|
| 1   | Vận hành đèn chỉ báo của Hệ thống làm mát động cơ         | 4-52  |
| 2   | Đèn chỉ báo xông buồng đốt ★                              | 4-53  |
| 3   | Đèn cảnh báo động cơ                                      | 4-42  |
| 4   | Đèn tín hiệu rẽ và Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm (bên trái) | 4-51  |
| 5   | Đèn chỉ báo phanh xả                                      | 4-52  |
| 6   | Đèn chỉ báo đèn pha                                       | 4-52  |
| 7   | Đèn sương mù                                              | 4-53  |
| 8   | Đèn tín hiệu rẽ và Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm (bên phải) | 4-51  |

| STT | Tên                                            | Trang |
|-----|------------------------------------------------|-------|
| 9   | Đèn chỉ báo phanh ABS rò rỉ                    | 4-41  |
| 10  | Đèn cảnh báo hệ thống phanh ABS rò rỉ          | 4-40  |
| 11  | Đèn cảnh báo hệ thống phanh rò rỉ              | 4-50  |
| 12  | Đèn cảnh báo áp suất khí nén tại các linh kiện | 4-39  |
| 13  | Đèn cảnh báo hệ thống phanh dừng đỗ            | 4-40  |
| 14  | Đèn cảnh báo hệ thống phanh                    | 4-38  |
| 15  | Đèn chỉ báo SVS                                | 4-54  |
| 16  | Đèn chỉ báo khoá cùm vi sai các trục xe        | 4-53  |

## Đèn cảnh báo hệ thống phanh



Khi công tắc máy được đặt ở vị trí "ON", đèn sẽ sáng và tắt sau khoảng 3s. Ngoài ra, đèn sẽ sáng trong bất kỳ điều kiện nào dưới đây.

**Nếu bất thường.**

- Nếu áp suất khí nén quá thấp.

Khi đèn cảnh báo hiển thị màu cam, vui lòng tham khảo ý kiến của Đại lý Isuzu. Khi đèn cảnh báo hiển thị màu đỏ, màn hình hiển thị đa thông tin sẽ báo thông báo "áp suất khí nén thấp".

Áp suất khí nén thấp → Xem trang 4-39

**CẢNH BÁO**

- Nếu đèn sáng khi xe đang di chuyển, hãy lập tức đỗ xe ở nơi an toàn và tiến hành các thao tác kiểm tra như sau.
  - Tắt động cơ.
  - Khởi động lại động cơ. Tại thời điểm này, vui lòng ENTER xem đèn cảnh báo đang bật hay tắt. Nếu đèn sáng bình thường rồi tắt, điều này cho thấy tất cả đều bình thường.
  - Nếu đèn vẫn sáng sau các thao tác trên sau đó đèn tắt khi khởi động và điều khiển xe ở tốc độ dưới 15 km/h, điều này cho thấy tất cả đều bình thường.
- Khi đèn sáng liên tục hoặc nhấp nháy, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất để được kiểm tra và bảo dưỡng.

## Lỗi ABS



Thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin nếu hệ thống ABS gặp lỗi

## Lưu ý Áp suất khí nén thấp

## Khi lùi



Lưu ý Áp suất khí  
nén thấp

Hãy bơm thêm khí  
nén

Thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin nếu áp suất khí nén thấp hơn giá trị quy định. Hãy lập tức đỗ xe ở nơi an toàn và thực hiện thao tác kiểm tra.

Khi xuất hiện dòng chữ "Áp suất thấp", đèn cảnh báo hệ thống phanh sẽ sáng (màu đỏ).  
Đồng hồ áp suất khí nén → Xem trang 4-12

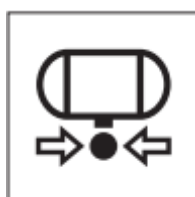
Áp suất khí nén → Xem trang 8-17

## Khi chạy



Lưu ý Áp suất khí  
nén thấp

## Đèn cảnh báo áp suất khí nén tại bình khí phụ kiện



Đèn cảnh báo này bật sáng và âm cảnh báo phát ra khi áp suất không khí của bình khí phụ kiện giảm xuống dưới mức tối thiểu. Nếu đèn bật sáng khi đang lái xe, hãy ngay lập tức tắt vào lề đường một cách an toàn, tránh cản trở giao thông. Sau đó kiểm tra bình khí phụ kiện và thực hiện các biện pháp cần thiết.

Áp suất khí nén → Xem trang 8-17

## Đèn cảnh báo phanh dừng đỗ



Đèn cảnh báo này bật sáng khi kéo cần phanh tay dừng đỗ.  
Cần phanh tay dừng đỗ→Xem trang 4-75



## CHÚ Ý

- Chú ý không khởi hành khi cần phanh tay vẫn đang kéo lên.
- Khi áp suất khí nén thấp hơn giá trị quy định, đèn cảnh báo có thể tiếp tục hoạt động ngay cả khi phanh tay đã được hạ xuống.



## KHUYẾN CÁO

- Đèn cảnh báo bật sáng có nghĩa là phanh tay chưa được kéo lên đúng cách. Cần phanh tay phải được kéo lên đủ lực và được khóa lại.

## Đèn cảnh báo phanh ABS rơ-móc



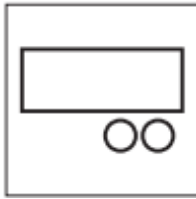
Nếu xe của bạn đang kéo một rơ-móc có trang bị phanh ABS, đèn cảnh báo này sẽ bật sáng khi công tắc máy được chuyển sang vị trí "ON", rồi tắt sau khoảng 2 giây. (Thời gian tắt đèn cảnh báo có thể khác nhau tùy thuộc vào loại xe rơ-móc. Để biết chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của xe rơ-móc.) Nếu đèn cảnh báo bật lại sau khi tắt hoặc khi đang lái xe, hệ thống phanh ABS đang gặp vấn đề. Hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất. Đèn cảnh báo này sẽ không bật sáng khi rơ-móc không tích hợp phanh ABS.



## CHÚ Ý

- Nếu phanh ABS có vấn đề, hệ thống phanh vẫn có thể hoạt động bình thường bằng phanh thông thường. Tuy nhiên, các tính năng ABS không còn hỗ trợ nữa.

## Đèn chỉ báo phanh ABS rơ-móc



Đèn báo này bật sáng khi rơ-móc của bạn không được trang bị phanh ABS. Hết sức thận trọng khi đạp phanh để bánh xe rơ-móc tránh bị bó cứng. Ngay cả khi rơ-móc của bạn được trang bị ABS, đèn báo này vẫn sáng khi cáp nối được kết nối không chính xác. Hãy kiểm tra và đảm bảo kết nối của cáp nối.

## Mất áp suất nhớt

## Khi đỗ



Mất áp suất nhớt  
Hãy kiểm tra mức nhớt trong bình. Nếu mức dầu đạt chuẩn và không phát hiện rò rỉ, hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.

Thông báo này sẽ xuất hiện khi áp suất nhớt động cơ giảm bất thường hoặc bộ lọc nhớt chính của động cơ bị kẹt.

Khi thông báo này xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin, hãy ngay lập tức đỗ xe tại nơi an toàn để thực hiện thao tác kiểm tra và bảo dưỡng.

Áp suất nhớt → Xem trang 8-18.

## Khi chạy



Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.  
Mất áp suất nhớt

## Lỗi bình điện

Khi đỗ

**Lỗi hệ thống sạc điện**

Hãy kiểm tra độ căng đai.

Nguy cơ bình điện mất điện thế.

Hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.

Thông báo này sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa thông tin nếu có lỗi hệ thống sạc điện. Khi thông báo này xuất hiện thường xuyên hoặc trong quá trình chạy, hãy ngay lập tức đỗ xe ở nơi an toàn để thực hiện thao tác kiểm tra và bảo dưỡng.

Sạc bình bình điện → Xem trang 8-18.

Khi chạy



Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.

**Lỗi hệ thống sạc điện**

## Đèn cảnh báo động cơ



Đèn cảnh báo này bật sáng khi công tắc máy được chuyển sang vị trí "ON" và tắt sau khi động cơ khởi động.

Nếu có trục trặc trong hệ thống điều khiển điện tử của động cơ, đèn sẽ sáng sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn bật sáng, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

- Hệ thống điều khiển điện tử của động cơ hoạt động không bình thường và đèn sáng trong khi động cơ vận hành;
- Chất lượng bất thường tại hệ thống SCR urê hoặc dung dịch urê (AdBlue®)

## Lọc nhiên liệu (đầy nước)

Khi đỗ

**Lọc nhiên liệu**

Phát hiện hơi ẩm và cặn bẩn trong bộ lọc nhiên liệu.

Hãy xả hết nước trong lọc.

Thông báo liên quan sẽ được hiển thị trên màn hình hiển thị đa chức năng nếu có cặn hoặc nước trong bộ lọc nhiên liệu thô.

Vui lòng tham khảo các nội dung thích hợp của "Drainage of fuel coarse filter" và "Drainage of fuel filter" để xả nước, và ENTER rằng thông báo không còn xuất hiện.

Khi chạy



Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.

**Lọc nhiên liệu****CHÚ Ý**

- Nếu đèn cảnh báo này bật sáng trong khi động cơ đang vận hành, hãy lập tức xả nước khỏi bộ lọc nhiên liệu. Nếu bạn vẫn tiếp tục lái xe với đèn cảnh báo đang bật, hệ thống phun nhiên liệu có thể gặp lỗi.

Xả nước khỏi bộ lọc thô → Xem trang 7-99

Xả nước khỏi bộ lọc nhiên liệu → Xem trang 7-62

Phương pháp xả → Xem trang 8-13



## Thiếu hụt nước làm mát động cơ

Khi đỗ

**Thiếu hụt nước làm mát động cơ****cơ**

Bổ sung nước làm mát động cơ sau khi thực hiện kiểm tra và phát hiện có rò rỉ. Không mở nắp bình nước phụ khi ở nhiệt độ cao để tránh bỏng hơi nước.

Thông báo này sẽ hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin nếu thiếu hụt nước làm mát động cơ. Ngoài ra, âm báo cũng sẽ được phát ra. Hãy ngay lập tức đỗ xe ở nơi an toàn và thực hiện thao tác kiểm tra.

Khi đèn cảnh báo bật sáng → Xem trang 8-17

Khi chạy



Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.

**Thiếu hụt nước làm mát động cơ**

**CẢNH BÁO**

- Khi nước làm mát động cơ vẫn còn nóng, không được tháo nắp bình nước phụ của bộ tản nhiệt. Việc tháo lắp bất cẩn có thể dẫn đến bỏng do hơi nước xì ra. Bỏng cũng có thể do nước sôi trào ra bởi nhiệt độ cao của nước làm mát. Chỉ tiến hành kiểm tra, đổ đầy và thay thế chất làm mát khi động cơ đã nguội.

Bổ sung nước làm mát động cơ → Xem trang 7-59

**CHÚ Ý**

- Nếu tiếp tục vận hành xe trong đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ liên tục sáng, động cơ có thể hỏng nghiêm trọng.

**KHUYẾN CÁO**

- Không đột ngột tắt động cơ khi đang quá nhiệt. Nếu không, động cơ có thể bị bó kẹt. Hãy xử lý đúng cách trong trường hợp động cơ quá nhiệt.

Kiểm tra và Xử lý khi động cơ quá nhiệt → Xem trang 8-24

## Quá nhiệt

Khi đỗ

**Quá nhiệt**

Nếu như động cơ không đạt nhiệt độ tối ưu khi vận hành, hãy tắt động cơ và kiểm tra nước làm mát. Không mở nắp bình nước phụ khi ở nhiệt độ cao để tránh bỏng hơi nước.

Đèn cảnh báo này sẽ bật sáng khi động cơ quá nhiệt kèm theo âm cảnh báo, kim đồng hồ nhiệt độ động cơ làm mát động cơ chạm đến vùng màu đỏ. Ngay lập tức đỗ xe tại nơi an toàn, và thực hiện thao tác kiểm tra xe và cũng như các hành động ứng phó cần thiết.

Khi chạy



Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.

**Quá nhiệt****CẢNH BÁO**

- Khi nước làm mát động cơ vẫn còn nóng, không được tháo nắp bình nước phụ của bộ tản nhiệt. Việc tháo lắp bất cẩn có thể dẫn đến bỏng do hơi nước xì ra. Bỏng cũng có thể do nước sôi trào ra do nhiệt độ cao của chất làm mát. Chỉ tiến hành kiểm tra, đổ đầy và thay thế chất làm mát khi bình đã nguội.

Bổ sung nước làm mát động cơ → Xem trang 7-59

**CHÚ Ý**

- Nếu tiếp tục vận hành xe trong đèn cảnh báo quá nhiệt động cơ liên tục sáng, động cơ có thể hư hỏng nghiêm trọng.

**KHUYẾN CÁO**

- Không đột ngột tắt động cơ khi đang quá nhiệt. Nếu không, động cơ có thể hư hỏng nghiêm trọng. Cần xử lý đúng cách trong trường hợp động cơ quá nhiệt.

Kiểm tra và Xử lý khi động cơ quá nhiệt → Xem trang 8-24

## Nhớt động cơ và lọc nhớt



Nhớt động cơ và  
lọc nhớt  
Cần thay thế

Điều này cho thấy nhớt động cơ và lọc nhớt cần được thay thế trong thời gian tới.

Có thể chuyển về giao diện hiển thị bằng cách nhấn phím "RETURN" trên màn hình hiển thị đa thông tin. Giao diện có thể được hiển thị lại cho đến khi công tắc máy ở vị trí "ON" vào lần tiếp theo.

Nếu thông báo " Engine oil and filter (màu cam)" xuất hiện, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng→Xem trang 7-15

Nhớt động cơ→ Xem trang 7-38

Lọc nhớt động cơ→ Xem trang 7-43

## Nhớt hộp số



Nhớt hộp số  
Cần thay thế

Điều này cho thấy nhớt hộp số và cụm vi sai cần được thay thế trong thời gian tới.

Có thể chuyển về giao diện hiển thị bằng cách nhấn phím "RETURN" trên màn hình hiển thị đa thông tin. Giao diện có thể được hiển thị lại cho đến khi công tắc máy ở vị trí "ON" vào lần tiếp theo.

Nếu thông báo " Transmiion oil (màu cam)" xuất hiện, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng.

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng →Xem trang 7-15

Nhớt hộp số → Xem trang 7-106

## Nhớt cụm vi sai



Nhớt cụm vi sai  
Cần thay thế

Điều này cho thấy nhớt cụm vi sai cần được thay thế trong thời gian tới.

Có thể chuyển về giao diện hiển thị bằng cách nhấn phím "RETURN" trên màn hình hiển thị đa thông tin. Giao diện có thể được hiển thị lại cho đến khi công tắc máy ở vị trí "ON" vào lần tiếp theo.

Nếu thông báo " Differential oil (màu cam)" xuất hiện, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng → Xem trang 7-15

Nhớt cụm vi sai → Xem trang 7-108

## Lọc nhiên liệu



Lọc nhiên liệu  
Cần thay thế

Điều này cho thấy bộ lọc thô trên khung gầm và bộ lọc nhiên liệu động cơ cần được thay thế trong thời gian tới.

Có thể chuyển về giao diện hiển thị bằng cách nhấn phím "RETURN" trên màn hình hiển thị đa thông tin. Giao diện có thể được hiển thị lại cho đến khi công tắc máy ở vị trí "ON" vào lần tiếp theo.

Nếu thông báo " Fuel filter (màu cam)" xuất hiện, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng.

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng → Xem trang 7-15

Bộ lọc thô → Xem trang 7-98

Bộ lọc nhiên liệu → Xem trang 7-62

### Chất hút ẩm bộ lọc khí nén

Chất hút ẩm bộ lọc khí  
nén



*Cần thay thế*

Điều này cho thấy chất hút ẩm bộ lọc khí nén cần được thay thế trong thời gian tới.

Có thể chuyển về giao diện hiển thị bằng cách nhấn phím "RETURN" trên màn hình hiển thị đa thông tin. Giao diện có thể được hiển thị lại cho đến khi công tắc máy ở vị trí "ON" vào lần tiếp theo.

Nếu thông báo "Compreed air dryer (màu cam)" xuất hiện, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng.

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng→Xem trang 7-15

Bộ lọc khí nén→Xem trang 7-97

### Dầu trợ lực lái

Dầu trợ lực lái



*Cần thay thế*

Điều này cho thấy dầu trợ lực lái cần được thay thế trong thời gian tới.

Có thể chuyển về giao diện hiển thị bằng cách nhấn phím "RETURN" trên màn hình hiển thị đa thông tin. Giao diện có thể được hiển thị lại cho đến khi công tắc máy ở vị trí "ON" vào lần tiếp theo.

Nếu thông báo "Power steering fluid (màu cam)" xuất hiện, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng.

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng→Xem trang 7-15

Dầu trợ lực lái→ Xem trang 7-110

## Thay lốp



Thay lốp  
Cần thay thế

Điều này cho thấy lốp cần được thay thế trong thời gian sớm.

Có thể chuyển về giao diện hiển thị bằng cách nhấn phím "RETURN" trên màn hình hiển thị đa thông tin. Giao diện có thể được hiển thị lại cho đến khi công tắc máy ở vị trí "ON" vào lần tiếp theo.

Nếu thông báo "Tire replacement" xuất hiện, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng.

Thay lốp→ Xem trang 7-80

## Hệ thống khởi động



Hệ thống khởi  
động  
Cần thay thế

Điều này cho thấy mô tơ của hệ thống khởi động cần được thay thế trong thời gian tới.

Có thể chuyển về giao diện hiển thị bằng cách nhấn phím "RETURN" trên màn hình hiển thị đa thông tin. Giao diện có thể được hiển thị lại cho đến khi công tắc máy ở vị trí "ON" vào lần tiếp theo.

Nếu thông báo " Starter (màu cam)" xuất hiện, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng.

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng→Xem trang 7-15

## Lỗi hệ thống giao tiếp

## Khi đỗ



Hệ thống  
giao tiếp

**Lỗi Hệ thống giao tiếp**

Hãy tắt động cơ và khởi động lại. Nếu giao diện vẫn báo lỗi, hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.

Khi có lỗi giao tiếp trong hệ thống xung quanh các trang thiết bị, chúng sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Tại thời điểm này, đồng hồ nhiệt độ động cơ ngừng chạy, chức năng báo động của thiết bị cũng không thể hoạt động bình thường.

Hãy đỗ xe ở nơi an toàn, tắt động cơ và khởi động lại.

Nếu giao diện vẫn hiện báo lỗi, hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.

## Khi chạy



Hệ thống  
giao tiếp

**Giao tiếp**

Hãy đỗ xe ở nơi an toàn.

## Phanh rơ-móc



TR  
BRAKE

**Đầu kéo sơ-mi rơ-móc**

Phanh rơ moóc bằng cách kéo cần phanh tay của rơ moóc. Lúc này, đèn cảnh báo hệ thống phanh rơ moóc cũng sẽ bật sáng.

**Cần phanh rơ-moóc khi dừng đỗ**

## Châm bổ sung nhiên liệu



Châm nhiên liệu

Thông báo này sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin khi nhiên liệu ở mức thấp



## KHUYẾN CÁO

- Khi thông báo "Refueling" xuất hiện, hãy nhanh chóng châm bổ sung đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt.
- Sau khi nhiên liệu hết, hệ thống nhiên liệu cần phải được xả hết gió.

Đồng hồ đo nhiên liệu → Xem trang 4-14

## Đèn tín hiệu rẽ và đèn nhấp cảnh báo nguy hiểm



Một trong hai đèn tín hiệu này sẽ nhấp nháy khi công tắc xi nhan được vận hành bất kể vị trí của công tắc máy.

Cả hai đèn tín hiệu sẽ cùng nhấp nháy khi ấn nút bật đèn cảnh báo nguy hiểm bất kể vị trí của công tắc máy.

Công tắc đèn tín hiệu rẽ → Xem trang 4-66

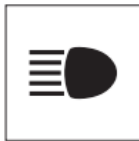


## KHUYẾN CÁO

- Các đèn báo này sẽ không nhấp nháy nếu bóng đèn bị hỏng, hoặc có thể nhấp nháy bất thường nếu sử dụng bóng đèn có công suất không phù hợp.

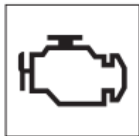


## Chỉ báo Đèn pha



Đèn chỉ báo này bật sáng khi bật Đèn pha.

## Đèn chỉ báo vận hành của hệ thống làm ấm động cơ



Đèn chỉ báo này sẽ bật sáng sau khi ấn công tắc làm ấm động cơ. Sau khi đèn sáng, chế độ làm ấm sẽ được kích hoạt.

Công tắc làm ấm động cơ → Xem trang 4-63

## Đèn chỉ báo phanh khí xả



Đèn chỉ báo này sẽ bật sáng sau khi ấn công tắc vận hành phanh khí xả.

Công tắc phanh khí xả → Xem trang 4-96

## Đèn sương mù



Đèn chỉ báo này sẽ sáng khi hệ thống đèn và cảnh báo an toàn được bật trong điều kiện mưa phùn hoặc sương mù.

Công tắc đèn sương mù → Xem trang 4-67

## Đèn chỉ báo xông buồng đốt ★



Xe trang bị xông buồng đốt

Khi công tắc máy ở vị trí "ON", đèn sẽ bật sáng (1~15 giây) và tự động tắt sau khi đã hoàn tất quá trình làm nóng.

## Đèn chỉ báo khoá cụm vi sai các trục xe □



Đèn chỉ báo này sẽ bật sáng sau khi ấn công tắc khoá cụm vi sai các trục xe được bật ở vị trí "ON".

Đèn chỉ báo khoá cụm vi sai các trục xe ★→Xem trang 4-72

## Đèn chỉ báo SVS



Đèn chỉ báo SVS sẽ bật sáng khi công tắc máy ở vị trí "ON" và động cơ chưa khởi động, để cho bạn biết hệ thống đèn đang hoạt động. Đèn báo này sẽ tắt sau khi động cơ khởi động.

Trên mẫu xe được trang bị thiết bị giới hạn tốc độ, đèn báo này thường sẽ bật sáng khi công tắc máy được chuyển sang vị trí "ON". Và đèn báo tiếp tục sáng trong 15 giây, và sẽ tắt sau khi nhấp nháy ba lần.

Nếu đèn báo bật sáng trong khi vận hành, hãy liên hệ ngay với Đại lý Isuzu để kiểm tra.

## Vận hành PTO ★



Vận hành PTO

Thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin nếu kích hoạt PTO.

PTO★→Xem trang 4-100

## Bổ sung dung dịch ure

Khi đỗ

**Bổ sung dung dịch ure**

Hãy bổ sung đúng loại dung dịch ure được chỉ định. Nếu không có dung dịch ure, động cơ sẽ không thể tái khởi

động.

Khi ure (AdBlue®) chạm mức 1, thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Xoay công tắc máy về vị trí "LOCK" và sau đó châm thêm urê (AdBlue®) vào bình chứa. Sau khi châm thêm xong, vặn công tắc máy đến vị trí "ON" và kiểm tra xem thông báo như vậy còn xuất hiện trên màn hình hay không.

Khi chạy

**Bổ sung dung dịch ure****KHUYẾN CÁO**

- Khi chỉ báo này xuất hiện, hãy châm thêm ít nhất 5L ure (AdBlue®).

Hoạt tính của Ure (AdBlue®)→ Xem, trang 2-36

Sử dụng dung dịch Ure (AdBlue®) chuyên dụng→ Xem trang 2-36

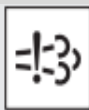
Bơm dung dịch Ure (AdBlue®)→ Xem trang 2-37

Bình ure→Xem trang 3-9

Khi dung dịch Urea (AdBlue®) đã cạn→ Xem trang 8-16

## Lỗi bơm ure

Khi đỗ

**Lỗi phun ure**

Nếu hệ thống bơm ure bị lỗi, hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được tư vấn thêm.

Nếu hệ thống SCR gặp lỗi, thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin và động cơ sẽ sáng đèn cảnh báo. Sau khi thông báo "Abnormal urea injection" xuất hiện, hệ thống SCR sẽ hoạt động không hiệu quả nếu người lái tiếp tục chạy xe mà không có biện pháp xử lý thích hợp.

Khi chạy

**Lỗi phun ure****KHUYẾN CÁO**

- Sau khi thông báo "Abnormal urea injection" xuất hiện, hệ thống SCR sẽ hoạt động không hiệu quả nếu người lái tiếp tục chạy xe mà không có biện pháp xử lý thích hợp. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng.

## Giới hạn công suất động cơ

Khi đỗ

**Giới hạn công suất động cơ**

Nhiệt độ nhớt động cơ đang quá cao; công suất đầu ra sẽ bị giới hạn để bảo vệ động cơ. Khi nhiệt độ nhớt trở về ngưỡng cho phép, giới hạn công suất sẽ được gỡ bỏ.

Thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin nếu nhiệt độ nhớt động cơ quá cao. Khi thông báo này xuất hiện, công suất đầu ra sẽ bị giới hạn để bảo vệ động cơ. Khi nhiệt độ nhớt trở về ngưỡng cho phép, giới hạn công suất sẽ được gỡ bỏ và thông báo này sẽ biến mất sau đó.

Khi chạy

**Giới hạn công suất động cơ**

## Điện thế hệ thống bị bất thường

Lỗi điện thế (điện thế tương đối thấp)



**Điện thế tương đối thấp**

Thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin nếu điện thế bình điện quá cao hoặc quá thấp. Nếu thấy thông báo này, hãy liên hệ ngay Đại lý Isuzu để được kiểm tra và bảo dưỡng.

Lỗi điện thế (điện thế quá cao)



**Điện thế quá cao**

## Cần phanh tay chưa hạ



**Cần phanh tay chưa hạ**

Nếu phanh tay vẫn chưa được hạ khi xe khởi hành, thông báo này sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin. Hãy lập tức dừng xe và hạ phanh tay xuống.

## Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu |  |
| Hãy giảm tốc độ xe!                  |  |

Thông báo này sẽ xuất hiện khi tốc độ xe hiện tại cao hơn tốc độ đã đặt của "cài đặt tốc độ - chung" hoặc "cài đặt tốc độ - đường cao tốc" trong "cài đặt lời khuyên tiết kiệm nhiên liệu". Thông báo này sẽ biến mất khi tốc độ xe hiện tại thấp hơn tốc độ đã đặt.

Cài đặt Người dùng→ Xem trang 4-34

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu |  |
| Hãy giảm tốc độ động cơ!             |  |

Thông báo này sẽ xuất hiện khi tốc độ động cơ hiện tại cao hơn giá trị đã đặt của "cài đặt tốc độ động cơ" trong "cài đặt lời khuyên tiết kiệm nhiên liệu". Thông báo này sẽ biến mất khi tốc độ động cơ hiện tại thấp hơn giá trị đã đặt.

Cài đặt Người dùng→ Xem trang 4-34

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu |  |
| Tăng tốc quá nhanh                   |  |

Thông báo này sẽ xuất hiện khi gia tốc hiện tại cao hơn giá trị đã đặt của "tăng tốc quá nhanh" trong "cài đặt lời khuyên tiết kiệm nhiên liệu". Thông báo này sẽ biến mất khi gia tốc hiện tại thấp hơn giá trị đã đặt.

Cài đặt Người dùng→ Xem trang 4-34

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu |  |
| Tốc độ quá cao!                      |  |

Thông báo này sẽ xuất hiện khi gia tốc hiện tại cao hơn giá trị đã đặt trong "giảm tốc nhanh" trong "cài đặt lời khuyên tiết kiệm nhiên liệu". Thông báo này sẽ biến mất khi gia tốc hiện tại thấp hơn giá trị đã đặt.

Cài đặt Người dùng→ Xem trang 4-34

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu |  |
| Chạy không tải thời gian quá lâu     |  |

Sau khi "cài đặt chạy không tải thời gian quá lâu" trong "cài đặt lời khuyên tiết kiệm nhiên liệu" đã đặt, thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin nếu hoạt động chạy không tải vẫn trong 5 phút ở trên. Thông báo này sẽ biến mất sau khi xe khởi hành.

Cài đặt Người dùng→ Xem trang 4-34

|                                      |  |
|--------------------------------------|--|
| Lời khuyên giúp tiết kiệm nhiên liệu |  |
| Hãy nhả phanh phụ.                   |  |

Khi "cài đặt phanh phụ" trong "cài đặt lời khuyên tiết kiệm nhiên liệu" đã được đặt và công tắc hãm động cơ hoặc công tắc hãm tốc bằng từ trường được bật trong khi xe đang chạy, thông báo này sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin nếu xe được coi là giảm tốc không phù hợp và gây tăng mức tiêu thụ nhiên liệu. Thông báo này sẽ biến mất sau khi tắt công tắc phanh động cơ hoặc công tắc hãm tốc bằng từ trường.

Cài đặt Người dùng→ Xem trang 4-34

## Âm cảnh báo ★

Âm cảnh báo sẽ vang lên trong những trường hợp sau.

| Cảnh báo                                       | Kiểu tiếng còi       | Vị trí          |                        |                        | Tình trạng                                                                                                          |
|------------------------------------------------|----------------------|-----------------|------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                |                      | Trong khoang xe | Phía ngoài bên trái xe | Phía ngoài đằng sau xe |                                                                                                                     |
| Áp suất khí nén thấp                           | Liên tiếp bíp        | •               | ×                      | ×                      | Phanh dừng đỗ được nhả ra khi áp suất không khí thấp hơn thông số kỹ thuật.                                         |
| Áp suất khí nén thấp tại bình khí cho phụ kiện | Liên tiếp bíp        | •               | ×                      | ×                      | Áp suất khí nén tại bình khí phụ kiện thấp hơn thông số kỹ thuật                                                    |
| Hệ thống nâng cabin điện đang vận hành         | Kéo dài, lặp lại bíp | ×               | •                      | ×                      | * Để nâng cabin, cần bơm sẽ được đặt ở vị trí "nâng lên".<br>* Để hạ cabin, cần bơm sẽ được đặt ở vị trí "hạ xuống" |
| Lùi xe                                         | Liên tiếp bíp        | ×               | ×                      | •                      | Cần số đang ở vị trí "R"                                                                                            |
| Động cơ quá nhiệt                              | Liên tiếp bíp        | •               | ×                      | ×                      | Động cơ đang trong tình trạng quá nhiệt                                                                             |
| Mức nước làm mát động cơ thấp                  | Liên tiếp bíp        | •               | ×                      | ×                      | Nước làm mát động cơ ở mức thấp                                                                                     |
| Lỗi phun dung dịch ure                         | Liên tiếp bíp        | •               | ×                      | ×                      | Khi chỉ báo về "Lỗi phun dung dịch ure" hiện lên nhưng chưa được xử lý triệt để.                                    |

• : Âm cảnh báo dài    ×: Không có âm cảnh báo



**CHÚ Ý**

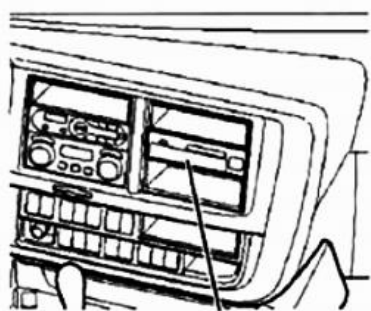
- Âm cảnh báo có thể không phát ra nếu có sự cố với hệ thống. Nếu tình trạng này xảy ra, hệ thống cần được kiểm tra. Hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

**LƯU Ý**

- Trong trường hợp công tắc đèn ở vị trí “ ” hoặc “ ”, âm lượng cảnh báo bên ngoài có thể được giảm đi (chỉ ở phía bên trái).

**DVR ★**

STD/LOW

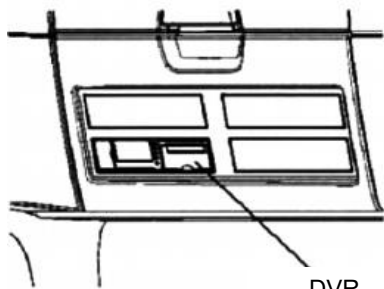


DVR

Thiết bị này được sử dụng để ghi lại tốc độ xe, thời gian chạy, quãng đường đã chạy và các thông tin khác. Điều này rất hữu ích cho việc quản lý tiết kiệm nhiên liệu và quản lý vận hành.

Vui lòng tham khảo *Hướng dẫn sử dụng DVR* trong phụ lục để biết phương pháp vận hành của thiết bị đo.

EXT' D



DVR

**KHUYẾN CÁO**

- Hãy tắt động cơ trước khi mở DVR và thay giấy in. Nếu không, DVR có thể bị hư hại.

**Công tắc điều chỉnh**

|                                                            |      |
|------------------------------------------------------------|------|
| • Công tắc máy                                             | 4-62 |
| • Công tắc làm ấm động cơ                                  | 4-63 |
| • Nút điều chỉnh chế độ chạy không tải                     | 4-64 |
| • Công tắc kết hợp                                         | 4-65 |
| • Công tắc đèn sương mù                                    | 4-67 |
| • Công tắc đèn nháy cảnh báo nguy hiểm                     | 4-67 |
| • Công tắc cần gạt nước mưa và hệ thống phun nước rửa kính | 4-68 |
| • Còi xe                                                   | 4-70 |
| • Công tắc sấy gương chiếu hậu                             | 4-70 |
| • Công tắc khoá cùm vi sai các trục xe ★                   | 4-72 |

## Công tắc máy



## CẢNH BÁO

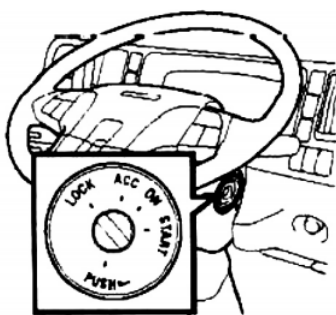
- Vui lòng giữ công tắc máy ở vị trí "ON" trong khi chạy. Nếu đặt ở "ACC", động cơ sẽ ngừng hoạt động, lực cần điều khiển vô lăng và bàn đạp ly hợp sẽ tăng lên, đồng thời hệ thống phanh sẽ có độ trễ khi vận hành. Điều này rất nguy hiểm. Nếu đặt ở "LOCK", vô lăng sẽ bị khóa cố định và không thể hoạt động được. Điều này tiềm ẩn nguy cơ tai nạn rất cao.



## KHUYẾN CÁO

- Sau khi khởi động động cơ, không vận công tắc máy sang vị trí "START". Nếu không, mô tơ khởi động có thể bị hư hại. Việc sử dụng các thiết bị điện tử như hệ thống âm thanh trong một khoảng thời gian dài trong khi động cơ không hoạt động có thể làm cạn kiệt bình điện hoàn toàn.

## Công tắc máy



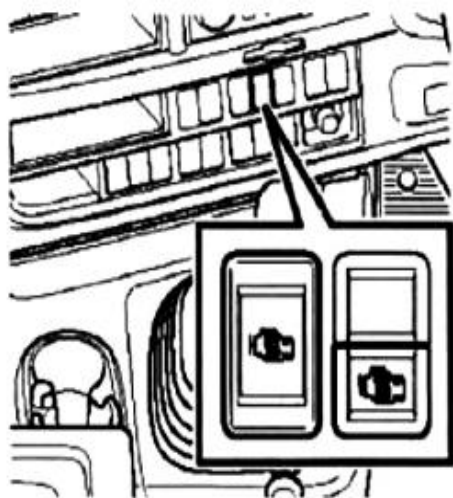
LOCK: ở vị trí hoàn toàn ngược chiều kim đồng hồ. Ở vị trí này, chìa khóa có thể được tra vào hoặc lấy ra. Rút chìa khóa và xoay vô lăng cho đến khi khóa. Vô lăng sẽ được khóa lại nhằm tăng khả năng chống trộm.

ACC: Chế độ nguồn cho phụ kiện ở vị trí đầu tiên theo chiều kim đồng hồ. Ở vị trí này, hệ thống âm thanh và các phụ kiện khác có thể được sử dụng dù chưa khởi động động cơ.

ON: ở vị trí thứ hai theo chiều kim đồng hồ. Chìa khóa luôn ở vị trí này trong khi động cơ đang vận hành. Vị trí này cũng được sử dụng để làm nóng sơ bộ buồng đốt trước khi khởi động động cơ.

START: vị trí xa nhất theo chiều kim đồng hồ. Động cơ được khởi động ở vị trí này.

## Công tắc làm ấm động cơ



Thiết bị này được sử dụng để cải thiện hiệu quả làm ấm động cơ của một chiếc xe đang đỗ ở khu vực có nhiệt độ thấp. Hãy đặt công tắc khởi động ở vị trí "OFF" trong khi xe đang chạy (điều này có thể làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu và gây ra tiếng ồn). Khi ấn công tắc làm ấm sau khi khởi động động cơ, đèn báo làm nóng máy trên bảng đồng hồ sẽ hiện sáng và hệ thống quá trình làm ấm động cơ sẽ bắt đầu vận hành. Sau quá trình làm ấm động cơ, vui lòng nhấn lại công tắc này để tắt chức năng làm ấm động cơ về "OFF". Lúc này, đèn chỉ báo hoạt động của hệ thống làm ấm động cơ sẽ được tắt.

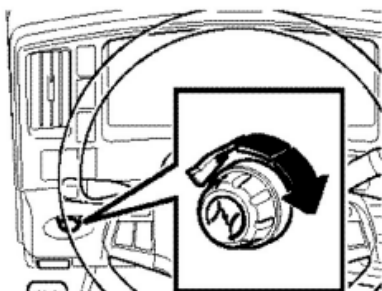
Đèn chỉ báo của hệ thống làm ấm động cơ



## LƯU Ý

- Chức năng làm ấm động cơ chỉ có thể được sử dụng trong trường hợp nhiệt độ thấp và xe đang đỗ.
- Chức năng làm ấm động cơ sẽ kiểm soát hoạt động van khí xả, do đó tiếng ồn của động cơ sẽ thay đổi theo tương ứng. Tại thời điểm này, độ rung và tiếng ồn của động cơ có thể được giảm bớt nếu tốc độ động cơ được điều chỉnh bằng nút điều khiển ở chế độ chạy không tải.
- Với nút nhấn làm ấm động cơ ở vị trí "ON", hệ thống làm ấm động cơ sẽ dừng hoạt động khi tốc độ động cơ được điều chỉnh đến 600 vòng/phút ở trên bằng nút điều khiển ở chế độ chạy không tải.
- Sau khi động cơ được làm ấm hoàn toàn hoặc trong khi xe đang chạy, hệ thống làm ấm không được kích hoạt ngay cả khi đã nhấn nút làm ấm động cơ. Ngoài ra, hệ thống này cũng sẽ tự động dừng kích hoạt sau một thời gian vận hành đủ lâu.
- Hệ thống làm ấm vẫn sẽ được kích hoạt ngay sau khi động cơ khởi động, sẽ có hiện tượng chế độ động cơ chạy không tải không giống thông thường.

## Núm điều khiển chế độ chạy không tải



Nó được sử dụng để khởi động hệ thống làm ấm động cơ (sưởi ấm).

Sau khi xoay núm sang phải, tốc độ động cơ có thể tự động tăng ngay cả khi không đạp ga xuống. Khi muốn tắt hệ thống làm ấm, hãy xoay kích núm sang trái.



## CẢNH BÁO

- Ngộ độc khí CO có thể xảy ra ở nơi kém thoáng khí. Đảm bảo khởi động động cơ và hệ thống làm ấm ở nơi thông thoáng.
- Điều khiển xe với tốc độ chạy không tải cao hơn bình thường rất nguy hiểm vì có thể gây chuyển động đột ngột về phía trước. Nó cũng sẽ tiêu tốn nhiều nhiên liệu hơn trong quá trình lái xe và rút ngắn tuổi thọ của bộ ly hợp.
- Luôn điều chỉnh tốc độ động cơ về giá trị nhỏ nhất bằng núm điều khiển chạy không tải trước khi khởi động xe.

Điều chỉnh góc

300°



## KHUYẾN CÁO

- Núm điều khiển chạy không tải được sử dụng để tăng hiệu quả của bộ làm ấm và/hoặc bộ xả tuyết trong khi động cơ chạy không tải hoặc để tăng tốc độ không tải của động cơ theo cách thủ công.
- Phạm vi điều chỉnh góc của núm điều khiển là 300°. Hãy lưu ý không vận quá phạm vi này vì có thể bị hỏng.



## LƯU Ý

- Nó được sử dụng để điều tiết tốc độ động cơ nếu tốc độ động cơ có dấu hiệu cơ bất ổn sau khi khởi động

Phương pháp khởi động động cơ → Xem trang 4-4

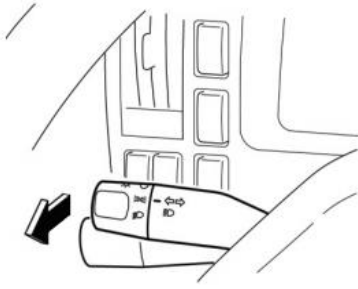
## Bộ điều khiển

## Công tắc kiểm soát hệ thống chiếu sáng



Vị trí mỗi đèn được liệt kê bên dưới.

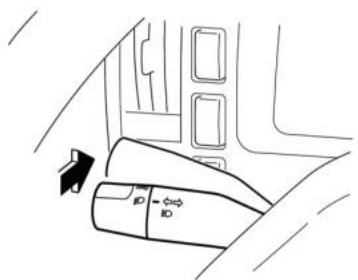
| Tên                             | Vị trí                                                                              |                                                                                       |                                                                                       |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|                                 |  |  |  |
| Đèn trước                       | OFF (tắt)                                                                           | OFF (tắt)                                                                             | ON (bật)                                                                              |
| Đèn định kích thước             |                                                                                     |                                                                                       |                                                                                       |
| Đèn đờ-mi                       |                                                                                     |                                                                                       |                                                                                       |
| Đèn biển số                     |                                                                                     |                                                                                       |                                                                                       |
| Điều chỉnh độ sáng đèn hiển thị |                                                                                     |                                                                                       |                                                                                       |
| Đèn cảnh báo chạy dọc thân xe   |                                                                                     |                                                                                       |                                                                                       |



### Nháy pha

Khi kéo cần điều khiển, đèn nháy sẽ được kích hoạt (nháy pha). Thao tác nháy pha này có thể được sử dụng trong trường hợp vượt xe khác hoặc các trường hợp muốn nhắc nhở xe phía trước/đối diện. Trong lúc đó, đèn chỉ báo đèn pha sẽ nháy theo

Đèn chỉ báo đèn pha



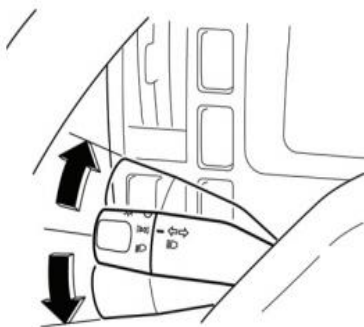
### Đèn pha

Khi đẩy cần điều khiển với Đèn trước bật sáng, hướng của Đèn trước sẽ được thay đổi lên trên. Trong khi bật đèn pha cao hoặc nháy pha, đèn chỉ báo Đèn pha sẽ sáng.

Đèn chỉ báo đèn pha

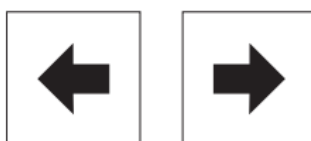


## Công tắc đèn tín hiệu rẽ (đèn xi-nhan)



Nó được sử dụng để cảnh báo các phương tiện kế cận trong trường hợp chuyển làn hoặc rẽ. Khi di chuyển cần điều khiển sang L (trái) hoặc R (phải), đèn báo rẽ ở các bộ phận phía trước, phía sau và bên hông xe sẽ bắt đầu nhấp nháy. Trong trường hợp xe quay đầu, còi báo sẽ phát ra âm thanh bíp và đèn báo rẽ sẽ nhấp nháy. Cần điều khiển sẽ tự động trở về vị trí ban đầu sau khi trả lái. Nếu không, vui lòng trả lại bằng tay. Ngoài ra, bạn có thể nhấn nhẹ cần điều khiển bằng tay để xin đường chuyển làn trong quãng ngắn.

Đèn tín hiệu rẽ



### KHUYẾN CÁO

- Không sử dụng đèn tín hiệu rẽ trong thời gian dài sau khi động cơ đã tắt. Nếu không, ắc quy có thể bị yếu điện, khiến động cơ không thể khởi động.

## Công tắc đèn sương mù



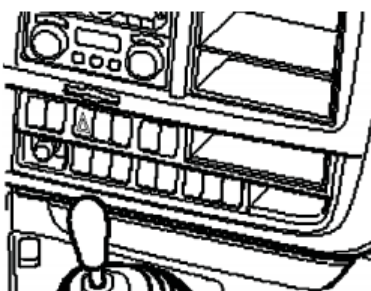
Với công tắc điều khiển đèn nằm ở vị trí "☂" hoặc "☂", khi nhấn công tắc này, đèn sương mù sẽ bật sáng và đèn báo sương mù sẽ hiện sáng. Để tắt đèn, hãy nhấn lại vào công tắc. Đèn sương mù hữu ích trong điều kiện tầm nhìn phía trước bị hạn chế.



## CẢNH BÁO

- Khi thay bóng đèn sương mù, không sử dụng bóng đèn có công suất lớn hơn công suất được chỉ định. Nếu không, hệ thống điện có thể bị chập cháy.

## Công tắc đèn nháy cảnh báo nguy hiểm



Đèn cảnh báo nguy hiểm



Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm được sử dụng để báo hiệu cho các xe khác biết rằng xe của bạn đang đứng yên trên đường vì tai nạn hoặc hỏng hóc. Với công tắc máy ở bất kỳ vị trí nào, khi ấn công tắc này, tất cả các đèn xi nhan bên ngoài và đèn chỉ báo đèn xi nhan trên táp-lô đều nhấp nháy để báo hiệu khẩn cấp. Để tắt đèn báo nguy hiểm, hãy nhấn công tắc một lần nữa..



## KHUYẾN CÁO

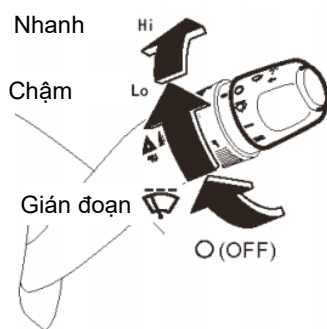
- Không để đèn nháy cảnh báo nguy hiểm hoạt động trong thời gian dài khi động cơ đã dừng. Nếu không, bình điện có thể bị yếu điện khiến động cơ không thể khởi động.



### Công tắc cần gạt nước mưa và Hệ thống phun nước rửa kính

Để sử dụng công tắc cần gạt mưa và vòi phun rửa kính, công tắc máy phải ở vị trí "ON".

#### Công tắc cần gạt nước mưa



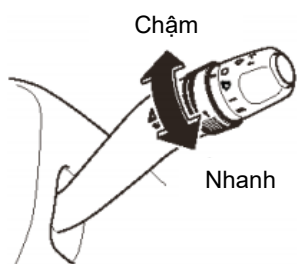
#### KHUYẾN CÁO

- Hệ thống an toàn có thể kích hoạt để dừng gạt nước khi mô tơ bị quá tải. Trong trường hợp này, hãy chuyển công tắc sang vị trí "OFF". Vài phút sau đó, hãy kiểm tra xem cần gạt nước có hoạt động bình thường trở lại hay không. Nếu cần gạt nước thường xuyên ngừng hoạt động, hãy tạm ngưng sử dụng và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.
- Trước khi vận hành cần gạt nước, hãy đảm bảo rằng cao su gạt nước không bị dính vào kính chắn gió. Nếu cao su gạt nước bị kẹt trên kính chắn gió và bạn vẫn thao tác gạt nước, cần gạt nước có thể bị gãy hoặc mô tơ gạt nước có thể bị hỏng.
- Không vận hành cần gạt nước trên bề mặt kính chắn gió đang khô. Nếu không, bề mặt kính chắn gió có thể bị hư hại. Luôn sử dụng nước rửa kính chuyên dụng khi lau bề mặt kính chắn gió trước.

Công tắc gạt nước kính chắn gió có các vị trí sau, tương ứng với các cấp độ vận hành của cần gạt nước.

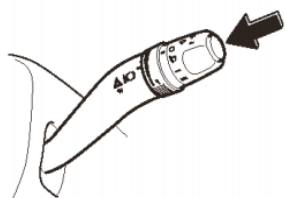
| Vị trí cần công tắc |      |                     | Lo             | Hi              |
|---------------------|------|---------------------|----------------|-----------------|
| Chế độ gạt          | Dừng | Gián đoạn (mưa nhỏ) | Chậm (mưa vừa) | Nhanh (mưa rào) |

## Nút điều chỉnh tần suất gạt



Được dùng để điều chỉnh tần suất hoạt động của cần gạt nước mưa khi công tắc ở vị trí "  ".

## Công tắc hệ thống phun nước rửa kính



Nước rửa kính được phun lên kính chắn gió khi nhấn công tắc này. Cần gạt nước cũng hoạt động nếu xe của bạn có chức năng gạt nước kính chắn gió gián đoạn. Hãy sử dụng nước rửa kính chuyên dụng khi vệ sinh kính chắn gió.



## CHÚ Ý

- Ở nhiệt độ cực thấp, chất lỏng trong bộ phun có thể đóng băng trên kính chắn gió sau khi phun ra ngoài, cản trở tầm nhìn về phía trước của bạn. Trong trường hợp này, hãy làm ấm kính chắn gió trước khi phun nước rửa kính.

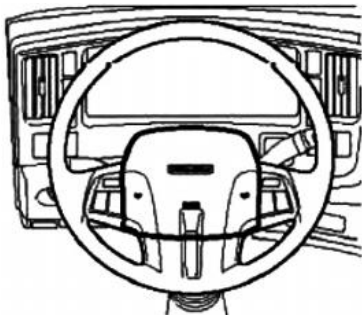


## KHUYẾN CÁO

- Nếu nước rửa kính chắn gió không phun ra đủ lượng, hãy nhả công tắc ngay lập tức. Nếu không, bề mặt kính chắn gió có thể bị hư hại.
- Không nhấn công tắc quá 30 giây. Nếu không, mô tơ bơm rửa kính có thể bị hỏng.
- Nếu nước rửa kính chắn gió không chảy ra, hãy nhả công tắc vòi phun ngay lập tức. Nếu không, động cơ có thể bị kẹt.
- Khi sử dụng xe ở khu vực có khí hậu lạnh, hãy sử dụng dung dịch rửa kính với nồng độ phù hợp cho từng mùa để ngăn chặn chất lỏng bị đóng băng.

Nước rửa kính chắn gió → Xem trang 7-113

## Còi xe



Để kích hoạt còi xe, ấn miếng đệm có biểu tượng còi xe trên vô lăng

## Công tắc sấy gương chiếu hậu



Công tắc này có thể điều khiển ON và OFF hệ thống sấy kính cửa sổ. Nó được sử dụng để loại bỏ hơi sương trên gương chiếu hậu.

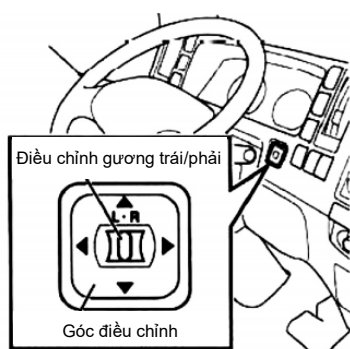
Sau khi công tắc được đặt ở vị trí "ON", đèn báo hoạt động trên công tắc sẽ sáng.



## KHUYẾN CÁO

- Không bao giờ sử dụng công tắc này trước khi khởi động động cơ. Việc sấy gương chiếu hậu sẽ làm tiêu hao và thậm chí còn làm yếu bình điện.
- Vui lòng tắt công tắc sấy kính sau khi đã loại bỏ hơi sương.

## Công tắc điều chỉnh gương chiếu hậu



Công tắc điều chỉnh gương chỉ hoạt động khi công tắc máy ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

## Điều chỉnh

- 1, Nhấn công tắc bộ chọn trái / phải ở bên "L" hoặc "R" để di chuyển gương đến vị trí mong muốn.
- 2, Nhấn công tắc điều chỉnh góc để điều chỉnh góc gương.

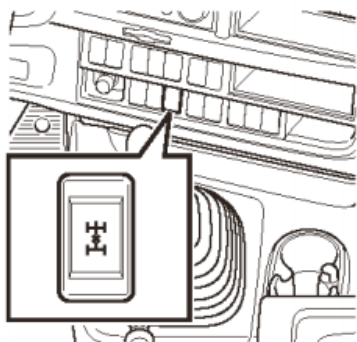


## KHUYẾN CÁO

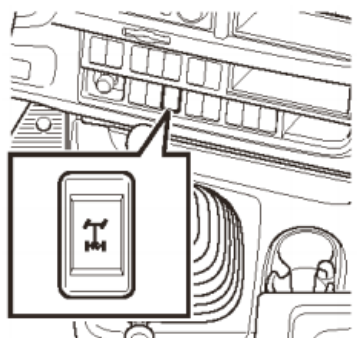
- Không cố gắng di chuyển mặt gương bằng tay. Nếu không, mô tơ gương có thể bị hỏng.

Công tắc khoá vi sai các trục xe □

Xe tích hợp khoá cụm vi sai trung tâm\*



Xe tích hợp khoá cụm vi sai trái phải\*



Sử dụng khóa vi sai các trục xe khi một hoặc nhiều lốp trên trục dẫn động tiếp xúc với mặt đường lầy lội hoặc cát sỏi, mặt đường đóng băng và trơn trượt, hoặc các mặt đường dốc khác.

Dừng xe. Nhấn công tắc ở phía "ON". Khóa vi sai giữa hoạt động và đèn báo khóa vi sai giữa bật sáng. Để tháo khóa vi sai liên động, nhấn công tắc ở phía "OFF". Đèn báo khóa vi sai các trục xe sẽ tắt.

Đèn chỉ báo khoá cụm vi sai các trục xe



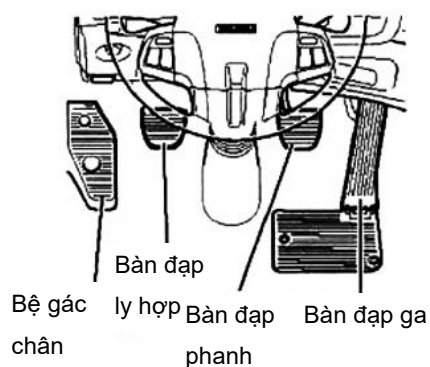
CHÚ Ý

- Bộ vi sai có thể xảy ra sự cố nếu bánh xe bị trượt quay quá nhanh mà không sử dụng khóa vi sai.
- Để cài đặt khóa vi sai các trục xe, hãy dừng xe và sau đó nhấn công tắc khóa vi sai giữa các bên ở phía "BẬT".
- Khi khóa vi sai các trục xe giữa được kích hoạt, bán kính quay vòng của bánh xe sẽ tăng lên.
- Không mở khóa vi sai các trục xe trừ khi cần thiết. Nếu không, lốp xe sẽ bị mòn, ồn và rung.

## HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN

|                                  |       |
|----------------------------------|-------|
| • Các bàn đạp điều khiển         | 4-74  |
| • Cần phanh dừng đỗ              | 4-75  |
| • Hộp số                         | 4-78  |
| • Kiểm soát Hành trình Tự động ★ | 4-81  |
| • Kiểm soát Tốc độ Tùy chỉnh ★   | 4-87  |
| • ABS                            | 4-96  |
| • PTO*                           | 4-98  |
| • Hệ thống SCR                   | 4-100 |

## Các bàn đạp điều khiển



## CẢNH BÁO

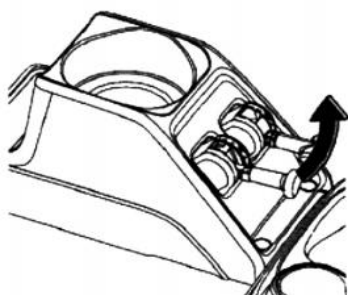
- Vỏ chai, vỏ lon lẩn bừa bãi dưới sàn xe có thể bị mắc kẹt dưới bàn đạp chân phanh và cản trở hành trình của bàn đạp. Điều này rất nguy hiểm. Hãy chú ý trải thảm sàn đúng cách. Nếu không, thảm có thể sẽ gây khó khăn cho việc sử dụng các bàn đạp này.



## KHUYẾN CÁO

- Không nện ga động cơ vì các thành phần động cơ cũng như khả năng tiết kiệm nhiên liệu có thể bị ảnh hưởng nặng nề.
- Không nghỉ chân lên bàn đạp ly hợp. Làm như vậy có thể gây hư hại nhanh chóng cho bộ ly hợp.

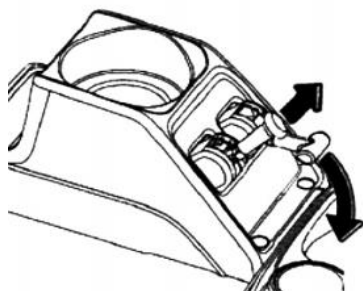
## Cần phanh tay - dừng đỗ



Có thể kích hoạt phanh dừng đỗ bằng cách kéo cần phanh lên. Đồng thời, đèn cảnh báo hệ thống phanh dừng đỗ sẽ sáng.

Để nhả phanh, hãy kéo nhẹ lên rồi đẩy cần phanh xuống.

Đèn cảnh báo hệ thống phanh dừng đỗ

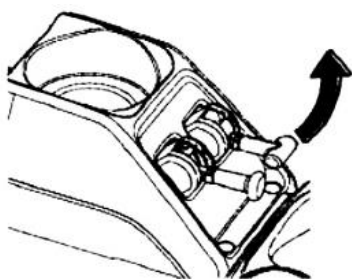


## CHÚ Ý

- Khi đỗ hoặc dừng xe, hãy khóa an toàn cần phanh đỗ bằng cách kéo lên vị trí khóa và đảm bảo rằng xe không còn di chuyển.
- Khi đậu xe trên dốc, hãy sử dụng kết hợp phanh tay và các khối chặn bánh xe. Lái xe trong khi phanh tay đang kích hoạt có thể gây ra hỏng hệ thống hoặc cháy nổ.
- Trừ trường hợp khẩn cấp, không bao giờ sử dụng phanh tay khi xe chưa thực sự dừng lại. Kéo phanh tay khi xe đang di chuyển có thể gây ra hiện tượng khoá bánh, xe bị mất lái xoay ngang và tiềm ẩn nguy cơ tai nạn. Sau khi vô tình lái xe lúc phanh tay chưa hạ, hãy kiểm tra kỹ lưỡng để tìm bất cứ dấu hiệu lỗi nào có thể phát hiện.



## Cần phanh dừng đỗ rơ-móc □



## Đầu kéo sơ-mi rơ-móc

Mức độ phanh của rơ-móc sẽ tương ứng với góc kéo của cần phanh. Đèn báo dừng và đèn cảnh báo hệ thống phanh rơ moóc sẽ sáng.

Trong trường hợp xuống dốc, phanh này cũng được sử dụng để ngăn rơ-móc đẩy đầu kéo trôi về phía trước.

## Đèn cảnh báo hệ thống phanh rơ-móc

Hệ thống phanh  
Rơ-móc



## CHÚ Ý

- Không bao giờ sử dụng phanh tay của rơ moóc khi đang đỗ xe.
- Nếu phanh rơ-móc vô tình bị kéo lên, ngay lập tức trả cần phanh về vị trí "OFF".
- Không bao giờ sử dụng phanh tay của rơ moóc trong trường hợp đỗ xe trên đồi.



## KHUYẾN CÁO

- Đèn cảnh báo bật sáng có nghĩa là phanh tay chưa được kéo lên đúng cách. Cần phanh tay phải được kéo lên đủ lực và được khóa lại.
- Nếu phanh tay không có tác dụng khi kéo cần phanh đỗ, thì phanh đã bị lỗi ngay cả khi đèn cảnh báo bật và tắt bình thường.
- Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh đỗ vẫn sáng khi nhả cần phanh đỗ, thì có thể là nguyên nhân dẫn đến lỗi hệ thống phanh hoặc giảm áp suất khí nén. Hãy kiểm tra mức áp suất khí nén.
- Nếu mức áp suất khí nén bất thường, hãy liên hệ ngay với Đại lý Isuzu gần nhất.
- Nếu xe bắt buộc phải di chuyển (khi gây cản trở giao thông), hãy nhả phanh tay khi áp suất khí nén trở lại bình thường, di chuyển xe đến nơi an toàn, sử dụng khối chặn lốp trước sau và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

Đồng hồ áp suất khí nén → Xem trang 4-12

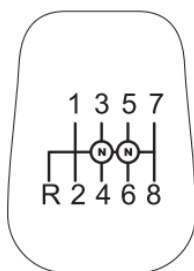
Đèn cảnh báo hệ thống phanh → Xem trang 4-38



## LƯU Ý

- Khi bạn kéo cần phanh dừng đỗ lên, lực lò xo tác dụng lên các phanh bánh sau, khiến chúng hoạt động như phanh dừng đỗ.
- Khi áp suất khí nén trong buồng phanh giảm xuống dưới mức giới hạn cho phép, phanh bánh sau sẽ tự động được kích hoạt bất kể vị trí của cần điều khiển phanh dừng đỗ.
- Nếu điều này xảy ra, rất khó để nhả phanh tay trừ khi áp suất khí nén của xe được trở về mức bình thường.

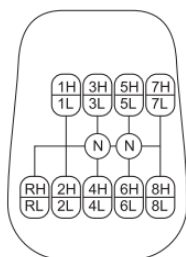
## Hộp số điều khiển thủ công (8/16 cấp)



Hộp chuyển số ZF8

Có 8 số tiến và một số lùi (R). Dây số thấp bao gồm 4 số từ "Số một (1)" đến "Số bốn (4)". Dây số cao bao gồm 4 số từ "5 (số năm)" đến "8 (số tám)".

Cần phải đạp hết hành trình bàn đạp ly hợp trước khi chuyển số.



Hộp chuyển số ZF16



## CHÚ Ý

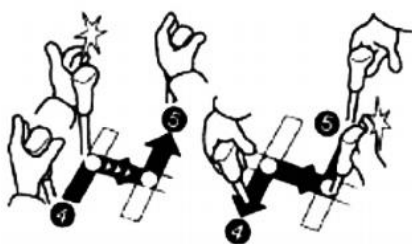
- Chỉ chuyển sang "R (lùi)" khi xe dừng hẳn. Việc vận hành không đúng có thể gây hư hỏng trực dẫn động. Chỉ chuyển sang số lùi từ số tiến hoặc ngược lại sau khi xe đã dừng hẳn. Phải nhấn hết hành trình bàn đạp ly hợp trước khi chuyển số.
- Để chuyển số lên hoặc xuống, chỉ có thể chuyển tối đa hai số liền kề. Nếu không, bộ đồng tốc có thể bị hỏng.
- Để tránh hư hỏng bộ truyền động và động cơ, hãy dùng phanh để giữ tốc độ động cơ tối đa tương ứng theo từng cấp số sử dụng.



## KHUYẾN CÁO

- Luôn khởi hành bằng số 1

Xuống số



Khi di chuyển cần số từ trực số 3/4 sang trực số 5/6 hoặc ngược lại, chạm nhẹ vào núm cần số bằng lòng bàn tay (không dùng lực quá mức) để di chuyển cần nhanh chóng về vị trí số mong muốn.



#### CHÚ Ý

- Phải nhấn hết hành trình bàn đạp ly hợp trước khi chuyển số.
- Không chuyển sang dây số thấp khi ở tốc độ xe từ 30 km/h (19 MPH) hoặc cao hơn. Làm như vậy có thể gây ra lỗi truyền động.
- Cần sang số sẽ khó di chuyển số hơn khi nhiệt độ nhớt hộp số còn thấp. Nếu không thể chuyển dây từ cao xuống thấp khi chuyển số từ số 5/6 sang số 3/4, hãy giảm tốc độ xe và sau đó chọn một số thấp hơn thích hợp tương ứng đối với tốc độ xe chạy.



#### KHUYẾN CÁO

- Nếu không thể chuyển dây từ thấp sang cao, bạn vẫn có thể lái xe và kiểm tra xe của bạn sớm tại Đại lý Isuzu gần nhất.
- Nếu không thể chuyển dây từ cao xuống thấp, bạn không thể lái xe. Hãy ngay lập tức dừng xe tại nơi an toàn và liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

## Kiểm soát hành trình tự động ★

Hệ thống có thể duy trì tốc độ ổn định (trên 40 km/h) khi không cần vận hành bàn đạp ga. Hãy chỉ sử dụng nó trên đường cao tốc thông thoáng.



## CẢNH BÁO

- Để tránh nguy hiểm, tuyệt đối không được sử dụng hệ thống này trên những cung đường sau:
  - Đường đô thị và các đường khác có giao thông phức tạp.
  - Khúc cua hoặc đường đổ dốc.
  - Đường phủ băng tuyết hoặc các mặt đường trơn trượt khác.

## Nội dung hiển thị của chế độ hành trình tự động

Tùy thuộc vào từng tình huống, hệ thống kiểm soát hành trình sẽ hiển thị trên màn hình như sau.

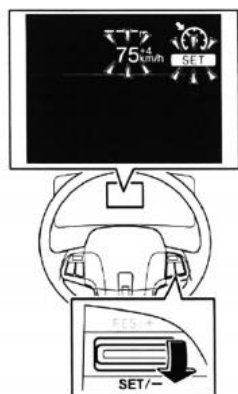
| Tên                                           |                     | Ảnh hiển thị | Ý nghĩa                                                                                                             |
|-----------------------------------------------|---------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chờ                                           | Tốc độ dưới 40 km/h |              | Hệ thống hành trình tự động ở chế độ chờ                                                                            |
|                                               | Tốc độ trên 40 km/h |              |                                                                                                                     |
| Hệ thống hành trình tự động bắt đầu hoạt động |                     |              | Hệ thống hành trình tự động bắt đầu vào trạng thái hoạt động                                                        |
| Hệ thống hành trình tự động tạm thời tắt      |                     |              | Nhấn bàn đạp ga trong khi hệ thống Kiểm soát hành trình đang hoạt động sẽ tạm thời tắt chế độ này ("SET" nhấp nháy) |
| Chế độ hành trình tự động                     |                     |              | Ấn công tắc chính để chuyển sang chế độ Hành trình tự động                                                          |

## Thiết lập tốc độ xe



① Nhấn công tắc điều khiển chính để chuyển sang chế độ hành trình tự động. Tại thời điểm này, màn hình đa phương tiện sẽ hiển thị "menu chính của hành trình tự động". Ngoài ra, thông báo về "chế độ hành trình tự động" sẽ được hiển thị trong vòng vài giây.

② Đạp bàn đạp ga để điều chỉnh tốc độ thiết lập (trên 40 km/h). Nếu tốc độ thiết lập nằm trong phạm vi cho phép, màn hình đa phương tiện sẽ hiển thị "STANDBY".



③ Trong khi nhấn công tắc cài đặt, màn hình đa phương tiện sẽ hiển thị "SET" và "Vehicle speed settings" (Cài đặt tốc độ xe) đồng thời phát ra âm thanh bíp. Chế độ hành trình tương ứng có thể được sử dụng để lái xe sau khi hoàn thành cài đặt tốc độ của xe.

## Tăng ga tạm thời

Trong quá trình di chuyển tự động, nếu cần tăng ga tạm thời để vượt, bạn có thể nhấn chân ga. Sau khi nhả bàn đạp ga, tốc độ xe sẽ tự động giảm về tốc độ thiết lập.

## Thay đổi tốc độ xe đã thiết lập

**Tăng tốc độ xe đã thiết lập**

Sử dụng nút "RESUME" (tiếp tục) để tăng tốc độ và tốc độ thiết lập của hành trình được hiển thị trên màn hình đa phương tiện cũng sẽ tăng lên.

Nhấn và giữ "RESUME" để tăng dần tốc độ thiết lập, giá trị tăng thêm là 5 km/h

Khi tốc độ đặt trước đạt đến giá trị phù hợp, nhả công tắc để hoàn tất thao tác.

**Tăng nhẹ tốc độ xe đã thiết lập**

Nhấn và nhả nút "RESUME" để tăng ngay tốc độ thiết lập, giá trị tăng thêm là 1 km/h.

**Giảm tốc độ xe đã thiết lập**

Sử dụng nút "RESUME" (tiếp tục) để giảm tốc độ và tốc độ thiết lập của hành trình được hiển thị trên màn hình đa phương tiện cũng sẽ giảm đi.

Nhấn và giữ "RESUME" để giảm dần tốc độ thiết lập, giá trị giảm thêm là 5 km/h

Khi tốc độ đặt trước đạt đến giá trị phù hợp, nhả công tắc để hoàn tất thao tác.

**Giảm nhẹ tốc độ xe mặc định**

Nhấn và nhả nút "RESUME" để giảm ngay tốc độ thiết lập, giá trị giảm đi là 1 km/h.



## Tạm ngừng chế độ hành trình tự động



Ấn công tắc chính một lần nữa để ngừng. Tại thời điểm này, dấu "Auto Cruise Main Menu" sẽ biến mất. Hành trình tự động sẽ tự động huỷ bỏ trong các trường hợp sau.

- Khi đạp phanh.
- Khi đạp ly hợp.
- Khi tốc độ xe giảm xuống còn dưới 40 km/h.
- Khi hệ thống điều khiển động cơ bị lỗi.
- Khi nhấn công tắc Hủy bỏ.

Công tắc Hủy bỏ ★→ tham khảo trang 4-87



## KHUYẾN CÁO

- Khi không sử dụng hệ thống hành trình tự động, cần phải tạm ngừng tính năng hành trình tự động.

## Khôi phục chế độ Hành trình tự động

Nếu hành trình tự động bị tạm ngừng vì những lý do sau:

- Khi đạp phanh
- Khi đạp ly hợp
- Khi ấn công tắc Hủy bỏ

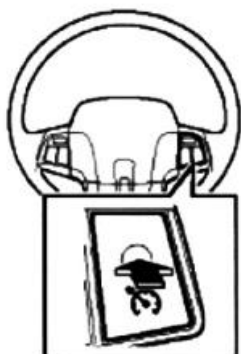
Trạng thái hành trình tự động có thể được phục hồi bằng cách nhấn nút "RESUME". Khi tiếp tục được kích hoạt, màn hình sẽ hiển thị "SET".



## KHUYẾN CÁO

- Không thể phục hồi trạng thái hành trình tự động sau khi tốc độ xe giảm xuống dưới 40 km/h. Hãy đạp chân ga để tăng tốc độ xe lên trên 40 km/h rồi nhấn "RESUME".

## Công tắc điều khiển chính ★



Nó được sử dụng để kích hoạt / hủy bỏ chức năng điều khiển hành trình tự động.

Cài đặt tốc độ đặt trước → Xem trang 4-82

## Công tắc cài đặt ★



Nó được sử dụng để đặt tốc độ thiết lập hoặc giảm tốc độ thiết lập trong quá trình lái xe với tính năng hành trình tự động.

Cài đặt tốc độ đặt trước → Xem trang 4-82

Thay đổi tốc độ đặt trước → Xem trang 4-83

## Công tắc khôi phục ★



Sau khi tính năng hành trình tự động bị tạm ngừng bằng cách đạp bàn đạp phanh, công tắc này có thể được sử dụng để phục hồi hành trình tự động. Ngoài ra, nó còn được dùng để tăng tốc độ thiết lập.

Thay đổi tốc độ đặt trước → Xem trang 4-83

## Công tắc huỷ ★



Nó được dùng để huỷ bỏ hoàn toàn tính năng hành trình tự động.

Tạm ngừng chế độ Hành trình tự động → Xem trang 4-84

## Điều chỉnh giới hạn tốc độ xe ★

Nó được sử dụng để đặt tốc độ tối đa (từ 40 km/h ~ giá trị cài đặt của bộ giới hạn tốc độ) của xe. Khi bộ giới hạn tốc độ hoạt động, tốc độ xe có thể được giới hạn tự động ở mức tốc độ đã đặt trước.



## THẬN TRỌNG

- Bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh không bị ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh và đường xá. Hãy chú ý đến tốc độ của xe bất cứ lúc nào trong khi lái xe và duy trì một khoảng cách vừa đủ với xe trước.
- Khi màn hình hiển thị "SET", hãy bắt đầu sau khi đạt đến giới hạn trên của tốc độ thiết lập.
- Khi tốc độ xe được đặt lúc đang đỗ hoặc tốc độ xe nhỏ hơn 40 km/h, hệ thống sẽ tự động đặt tốc độ xe tối đa là 40 km/h.
- Phải tắt bộ hạn chế tốc độ tùy chỉnh trước khi giao xe cho người khác sử dụng. Lái xe trong khi kích hoạt bộ điều tiết tốc độ tiềm ẩn nhiều nguy cơ tai nạn.
- Không bao giờ điều chỉnh tốc độ tối đa thấp hơn mức tối thiểu khi chạy trên đường cao tốc hoặc làn đường dành riêng cho xe cơ giới. Việc không lựa chọn tốc độ xe phù hợp dựa trên điều kiện đường xá tiềm ẩn nhiều nguy cơ tai nạn.

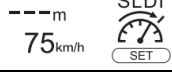
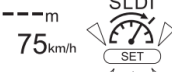


## LƯU Ý

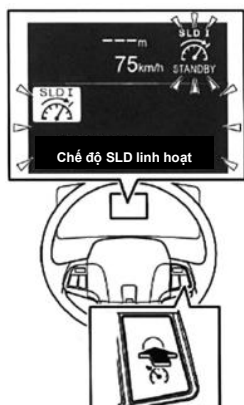
- Công tắc điều khiển chính, công tắc cài đặt, công tắc "RESUME" và "CANCEL" được sử dụng cho hành trình tự động.

Chỉ báo Giới hạn tốc độ tùy chỉnh trên màn hình thông tin

Bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh sẽ hiển thị thông tin trên màn hình theo từng trường hợp như sau.

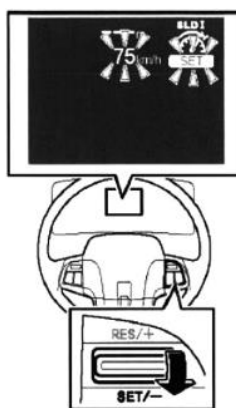
| Tên                                                   | Ảnh hiện thị                                                                                                    | Ý nghĩa                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Điều chỉnh giới hạn tốc độ xe không vận hành          |                                | Cố lỗi hoặc đã bị huỷ bỏ                                                                                                                           |
| Chờ                                                   |                                | Đang ở trạng thái chờ                                                                                                                              |
| Điều chỉnh giới hạn tốc độ xe đang vận hành           |                                | Đang vận hành (tốc độ tối đa được được đặt).                                                                                                       |
| Điều chỉnh giới hạn tốc độ xe đang tạm ngừng vận hành |                                | Nếu đạp bàn đạp ga sau khi đạt đến tốc độ giới hạn, điều này có thể khiến bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh tạm thời ngừng hoạt động (nhấp nháy "SET"). |
| Chế độ SLD linh hoạt                                  | <br>Chế độ hành trình tự động | Trong khi nhấn công tắc điều khiển chính, màn hình sẽ chuyển sang chế độ điều chỉnh tốc độ giới hạn.                                               |

## Cài đặt giới hạn trên của tốc độ (trong khi di chuyển)



- ① Trong khi nhấn công tắc điều khiển chính, màn hình sẽ chuyển sang chế độ điều chỉnh tốc độ giới hạn. Tại đây, màn hình sẽ hiển thị "Menu chính điều chỉnh tốc độ tùy chỉnh". Ngoài ra, màn hình sẽ hiển thị "chế độ SLD tùy chỉnh I" hoặc "chế độ SLD tùy chỉnh II" trong vòng vài giây sau khi xác định vị trí công tắc của bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh.

Công tắc chọn điều chỉnh giới hạn tốc độ xe → Xem trang 4-94



- ② Sử dụng bàn đạp ga để tăng hoặc giảm tốc độ thiết lập. Khi đạt đến tốc độ thích hợp (khoảng 40 km/h trở trên), nhấn công tắc cài đặt để hoàn tất cài đặt. Tại thời điểm này, tốc độ này sẽ được đặt làm giới hạn trên của tốc độ xe. Trong khi đó, màn hình sẽ hiển thị "SET" và "Set speed" (Đặt tốc độ). Sau đó, tốc độ xe sẽ bị giới hạn trong tốc độ thiết lập cho dù bàn đạp ga có được đạp ở bất kỳ đâu.



## LƯU Ý

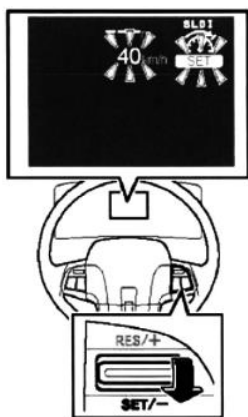
- Khi tốc độ xe được đặt lúc đang dừng đỗ hoặc tốc độ xe nhỏ hơn 40km/h, hệ thống sẽ tự động đặt tốc độ xe tối đa là 40km/h.

## Cài đặt giới hạn trên của tốc độ (trong khi dừng đỗ)



① Trong khi nhấn công tắc điều khiển chính, màn hình sẽ chuyển sang chế độ điều chỉnh tốc độ giới hạn. Tại đây, màn hình sẽ hiển thị "menu chính điều chỉnh tốc độ tùy chỉnh". Ngoài ra, màn hình sẽ hiển thị "chế độ SLD tùy chỉnh I" hoặc "chế độ SLD tùy chỉnh II" trong vòng vài giây sau khi xác định vị trí công tắc của bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh.

Công tắc chọn điều chỉnh giới hạn tốc độ xe → Xem trang 4-94



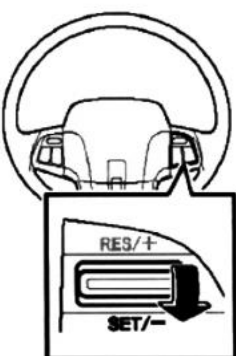
② Ấn nút cài đặt. Tại thời điểm này, giới hạn trên của tốc độ xe sẽ tự động được đặt ở 40 km/h. Trong khi đó, màn hình sẽ hiển thị "SET".

Nếu muốn đặt trên 40 km/h, vui lòng tham khảo phương pháp phù hợp tại phần "Thay đổi tốc độ giới hạn trên của xe".

## Thay đổi giới hạn trên của tốc độ

**Tăng giới hạn trên của tốc độ xe**

Tốc độ xe có thể được tăng lên bằng cách ấn nút "RESUME". Ngoài ra, giới hạn trên của tốc độ xe hiển thị trên màn hình sẽ tăng lên tương ứng. Khi nhấn và giữ nút "Resume" để tăng dần giới hạn tốc độ, giá trị tăng thêm là 5 km/h. Khi tốc độ đặt trước đạt đến giá trị phù hợp, nhả công tắc để hoàn tất thao tác.

**Tăng nhẹ giới hạn trên của tốc độ xe**

Nhấn và nhả nút "RESUME" để tăng ngay giới hạn trên của tốc độ, giá trị tăng thêm là 1 km/h.

**Giảm giới hạn trên của tốc độ xe**

Tốc độ xe có thể được giảm đi bằng cách ấn nút "Resume". Ngoài ra, giới hạn trên của tốc độ xe hiển thị trên màn hình sẽ giảm đi tương ứng. Khi nhấn và giữ nút "RESUME" để giảm dần giới hạn tốc độ, giá trị giảm đi là 5 km/h. Khi tốc độ đặt trước đạt đến giá trị phù hợp, nhả công tắc để hoàn tất thao tác.

**Giảm nhẹ giới hạn trên của tốc độ xe**

Nhấn và nhả nút "RESUME" để giảm ngay giới hạn trên của tốc độ, giá trị giảm đi là 1 km/h.

**LƯU Ý**

- Giới hạn trên của tốc độ xe không được thấp hơn 40 km/h.
- Được phép thay đổi tốc độ giới hạn trên của xe khi đang đỗ xe.

Cài đặt giới hạn trên của tốc độ đặt trước (trong khi dừng đỗ) → Xem trang 4-90



## Huỷ bỏ Giới hạn tốc độ tùy chỉnh



Bạn có thể sử dụng các phương pháp sau để tắt bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh.

- Khi ấn công tắc Huỷ hủy
- Khi xoay công tắc máy sang "ACC" hoặc "LOCK".
- Khi ấn công tắc điều khiển chính.

Công tắc điều khiển chính ★→ Xem trang 4-85

- Khi bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh được kích hoạt, nhanh chóng nhả bàn đạp ga đã được đạp đến giới hạn của nó và sau đó đạp lại.



## KHUYẾN CÁO

- Khi không sử dụng bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh, cần phải sử dụng công tắc hủy bỏ để hủy kích hoạt tính năng này.

## Khôi phục Giới hạn tốc độ tùy chỉnh

Bộ giới hạn tốc độ có thể được khôi phục bằng nút "RESUME" (Tiếp tục). Trong khi đó, màn hình sẽ hiển thị "SET".



## KHUYẾN CÁO

- Giới hạn trên đã đặt của tốc độ xe có thể được khôi phục ngay cả khi bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh đã tắt và công tắc máy được xoay sang "LOCK". Khi tính năng tốc độ giới hạn tùy chỉnh được kích hoạt vào lần tiếp theo bằng công tắc "RESUME", giới hạn trên của tốc độ xe sẽ tự động được đặt ở mức giá trị trước khi tắt kích hoạt.

## Công tắc cài đặt ★



Nó được sử dụng để đặt hoặc giảm giới hạn trên của tốc độ.

Đặt giới hạn trên của tốc độ đặt trước (khi di chuyển) → Xem trang 4-89

Đặt giới hạn trên của tốc độ đặt trước (khi dừng đỗ) → Xem trang 4-90

Thay đổi giới hạn trên của tốc độ → Xem trang 4-91

## Công tắc khôi phục ★

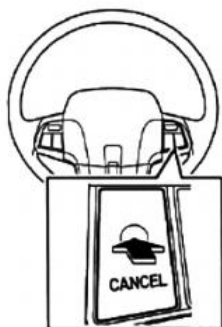


Nó được sử dụng để khởi động lại bộ giới hạn tốc độ sau khi bộ giới hạn tốc độ tùy chỉnh bị tạm ngừng hoạt động hoặc để tăng giới hạn trên của tốc độ xe.

Thay đổi giới hạn trên của tốc độ → Xem trang 4-91

Khôi phục Giới hạn tốc độ tùy chỉnh → Xem trang 4-92

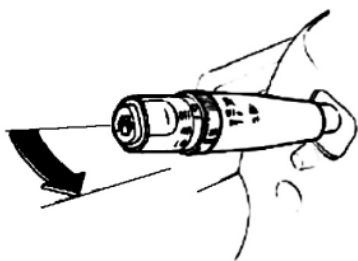
## Công tắc hủy bỏ ★



Nó được dùng để hủy kích hoạt tính năng giới hạn tốc độ tùy chỉnh.

Hủy kích hoạt giới hạn tốc độ tùy chỉnh → Xem trang 4-92

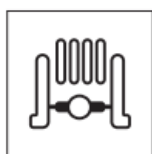
## Công tắc phanh khí xả



Nếu xoay cần điều khiển vào bên trong khi đang chạy, phanh khí xả có thể được kích hoạt. Và sau đó, đèn báo phanh khí xả sẽ sáng.

Nếu đạp bàn đạp ga hoặc bàn đạp ly hợp, phanh khí xả sẽ ngừng hoạt động; còn nếu nhả bàn đạp, phanh khí xả sẽ được kích hoạt trở lại. Cần lưu ý rằng phanh khí xả không thể khởi động khi xe đậu hoặc chạy ở tốc độ thấp.

‘Đèn chỉ báo phanh khí xả



## THẬN TRỌNG

- Kích hoạt phanh khí xả trên đường trơn trượt (đường tuyết, băng giá và ướt) có thể gây trượt lốp. Điều này rất nguy hiểm.



## LƯU Ý

- Phanh khí xả có thể cải thiện hiệu quả của phanh của động cơ, do đó nó có thể được sử dụng làm phanh phụ khi xuống dốc hoặc chạy với tốc độ cao.
- Kích hoạt công tắc phanh khí xả trong thời gian dài hoặc thường xuyên sử dụng phanh hơi để điều chỉnh tốc độ xe có thể làm tăng lượng tiêu thụ nhiên liệu.

## Phanh ABS

Hệ thống ABS ngăn không cho bánh xe bị bó cứng trong quá trình phanh bằng cách cảm nhận sự trượt bánh và do đó giúp duy trì sự ổn định về hướng đi và độ kiểm soát xe.



## LƯU Ý

- ABS là Hệ thống Chống bó cứng Phanh (Anti-lock Brake System).



## CẢNH BÁO

- Trong trường hợp thay đổi kích cỡ lốp khác nguyên bản, hãy tham khảo ý kiến của Đại lý Isuzu địa phương.



## CHÚ Ý

- ABS có thể đảm bảo lái xe an toàn hơn. Hãy lái xe ở tốc độ an toàn. Vui lòng sử dụng lốp có cùng kích cỡ, cùng nhãn hiệu, và cùng kiểu dáng. Sử dụng các loại lốp khác nhau sẽ không thể giữ khoảng cách phanh bình thường và làm giảm độ ổn định khi điều khiển xe. Đây là trường hợp vô cùng nguy hiểm.

## Khởi động hệ thống phanh ABS



ABS

**Khởi động hệ thống phanh ABS**

Trong trường hợp hệ thống ABS được kích hoạt, vô lăng sẽ rung nhẹ và thiết bị ABS sẽ phát ra âm thanh hoạt động của hệ thống.

**Lỗi hệ thống phanh ABS**

Nếu màn hình hiển thị "Lỗi ABS" trong khi chạy, điều này cho thấy hệ thống ABS đang gặp vấn đề. Hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.

**LƯU Ý**

- Ngay cả khi ABS gặp vấn đề, hệ thống phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Chỉ riêng hệ thống ABS sẽ không hoạt động.

## Chú ý phòng ngừa khi điều khiển xe với trang bị Hệ thống phanh ABS

ABS không phải là thiết bị cho phép lái xe và dừng xe trong những điều kiện vượt quá giới hạn quy định. Bạn phải có trách nhiệm lái xe an toàn.



## CHÚ Ý

- Quãng đường phanh trên mặt đường trơn trượt dài hơn trên đường trải nhựa khô ráo thông thường ngay cả với xe có trang bị ABS. Khi ABS được kích hoạt trong các điều kiện mặt đường sau đây, quãng đường phanh có thể dài hơn một chút so với những xe không được trang bị ABS.

- Lái xe trên đường sỏi và tuyết phủ dày;
- Khi xích lốp được sử dụng;
- Khi lái xe qua các khớp nối cầu đường hoặc các đỉnh phản quang mặt đường;
- Khi lái xe trên đường gập ghềnh, đường lát đá hoặc đường mòn;
- Khi lái xe trên tấm sắt hoặc nắp cống,

Do đó, hãy luôn chú ý đến tình trạng đường và lốp (loại lốp và tình trạng mài mòn), tạo thói quen quán sát đảm bảo lái xe an toàn và luôn giữ khoảng cách an toàn khi điều khiển xe.

- ABS không hoạt động đối với hiện tượng trượt bánh xe khi khởi hành tại chỗ, tăng tốc hay vào cua không liên quan đến phanh. Trên đường băng tuyết rất trơn trượt, lốp xe có thể bị mất độ bám và thao tác vô lăng có thể không kiểm soát được hướng của xe, dẫn đến mất cân bằng xe. Luôn lái xe ở tốc độ an toàn phù hợp với điều kiện mặt đường và lốp xe, tránh phanh gấp.

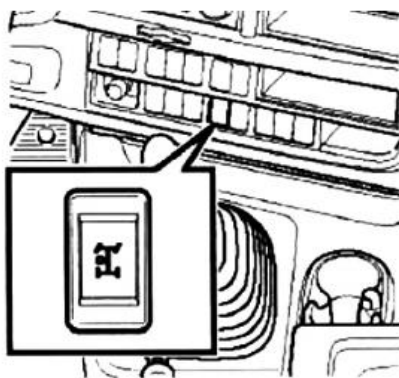
- Nếu phanh gấp trên đường băng quá trơn, các bánh dẫn động có thể bị khóa (khi đó ABS không hoạt động), dẫn đến mất kiểm soát xe. Nếu điều này xảy ra, hãy ngắt ly hợp hoặc đặt cần số về "N" để ngăn phanh động cơ tác động lên các bánh dẫn động. Sau đó, lái xe với cần sang số được đặt ở một số thích hợp.

- Hoạt động của ABS làm tiêu hao khí nén của hệ thống phanh. Khi áp suất khí nén giảm và đèn cảnh báo áp suất khí nén cùng âm cảnh báo được kích hoạt, ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn và chờ phục hồi đủ áp suất khí nén trước khi tiếp tục lái xe.

- Khi ABS được kích hoạt, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ và bị kéo sang một bên trên vô lăng (đặc biệt khi điều kiện mặt đường khác nhau giữa bánh xe bên phải và bên trái). Ngoài ra, một âm thanh vận hành được tạo ra từ bộ truyền động ABS. Điều này không phải là dấu hiệu của tình trạng bất thường nào. Hãy bình tĩnh và nắm chắc vô lăng.

## PTO★

## Công tắc PTO ★



Màn hình đa phương tiện

Vận hành PTO

Công tắc này có thể điều khiển kết nối và ngắt kết nối của PTO. Đảm bảo vận hành công tắc PTO khi xe đang đỗ và phanh dừng đỗ có hiệu lực.

**Trước khi Ghép nối hoặc Huỷ kết nối:**

- Đối với xe có hệ thống ga từ xa PTO, vui lòng nhả hết bàn đạp ga (chân ga mở 0%).
- Không nhấn bàn đạp ga (bàn đạp ga mở 0%).

**Ghép nối**

- ① Kéo phanh tay và chuyển cần số về vị trí "N"
- ② Đối với xe sử dụng hộp số thủ công, đạp hết hành trình bàn đạp ly hợp, đợi khoảng 5 giây, thao tác chuyển PTO sang "ON", kiểm tra xem màn hình đa phương tiện có hiển thị "PTO in operation" (PTO đang hoạt động) hay không, rồi từ từ kết nối bộ ly hợp.

**Huỷ ghép nối**

- ① Di chuyển cần số về vị trí trung lập, kích hoạt động cơ ở tốc độ không tải.
- ② Đối với xe sử dụng hộp số thủ công, đạp hết hành trình bàn đạp ly hợp, đợi khoảng 5 giây, thao tác chuyển PTO sang "OFF", kiểm tra xem màn hình còn hiển thị "PTO in operation" (PTO đang hoạt động) hay đã biến mất.



## LƯU Ý

- Nếu màn hình đa phương tiện không hiển thị "PTO đang hoạt động" sau khi công tắc PTO được đặt ở vị trí "ON", hãy di chuyển xe một đoạn và lặp lại các thao tác trên.



## CHÚ Ý

- Đối với xe có bướm ga PTO từ xa, bướm ga PTO và đạp tăng ga đều có thể được vận hành để nâng cao hiệu quả làm việc.
- Nếu cả 2 cách tăng ga PTO cùng được vận hành, tốc độ động cơ bất ổn định có thể xuất hiện và xe có thể bị xê dịch ngoài ý muốn. Điều này rất nguy hiểm. Do đó, không vận hành cả hai cách cùng một lúc.
- Trong khi chạy, vui lòng không đặt công tắc PTO ở vị trí "ON" và phải tắt bướm ga PTO (độ mở bướm ga bằng 0%), vì điều này có thể gây hỏng hộp số.
- Trong khi PTO đang hoạt động, bộ giảm thanh, ống xả rất nóng. Không tiếp xúc với các bộ phận này để tránh bị bỏng. Ngoài ra, hãy để ý đến người đi bộ, cũng như cỏ cây hoặc rác/giấy và các vật dụng dễ cháy khác gần đó để tránh nguy cơ cháy nổ.



## KHUYẾN CÁO

- Đối với xe sử dụng hộp số tay, hộp số có thể bị hư hại nếu công tắc PTO được vận hành trước khi ngắt ly hợp.
- Trước khi điều chỉnh công tắc PTO thành "ON" hoặc "OFF", xoay kích núm điều khiển chạy không tải sang trái, không đạp chân ga và để xe chạy ở chế độ chạy không tải.
- Cần đảm bảo rằng phanh tay đã kéo lên đúng cách trước khi vận hành công tắc PTO.
- Chỉ có thể vận hành PTO thông qua bướm ga PTO khi xe bất động, tay số được đặt ở vị trí "N", động cơ đang hoạt động và không đạp ga.



## Hệ thống SCR

Hệ thống SCR được thiết kế để làm sạch nhóm hợp chất ni-tơ oxit ( $\text{NO}_x$ ) trong khí thải của xe. Ure (AdBlue®) được sử dụng như một chất khử trong phản ứng thủy phân khí nóng để tạo ra khí amoniac. Khí amoniac này phân huỷ nhóm hợp chất ni-tơ oxit ( $\text{NO}_x$ ) để tạo ra khí ni-tơ và hơi nước tinh khiết qua phản ứng khử.



## CẢNH BÁO

- Không chứa chất lỏng nào khác ngoài dung dịch ure (AdBlue®) trong bình chứa ure của phương tiện.
- Khi châm thêm ure (AdBlue®), các thao tác sau có thể gây ra cháy nổ hoặc lỗi hệ thống SCR.
  - Pha loãng ure với nước.
  - Trộn ure với xăng hoặc dầu hỏa.
- Nếu vô tình hay hữu ý đổ vào chất lỏng khác không phải là ure (AdBlue®) được chỉ định, cần phải kiểm tra tình trạng của hệ thống SCR. Hãy đến ngay Chi nhánh ISUZU gần nhất để kiểm tra và bảo dưỡng.

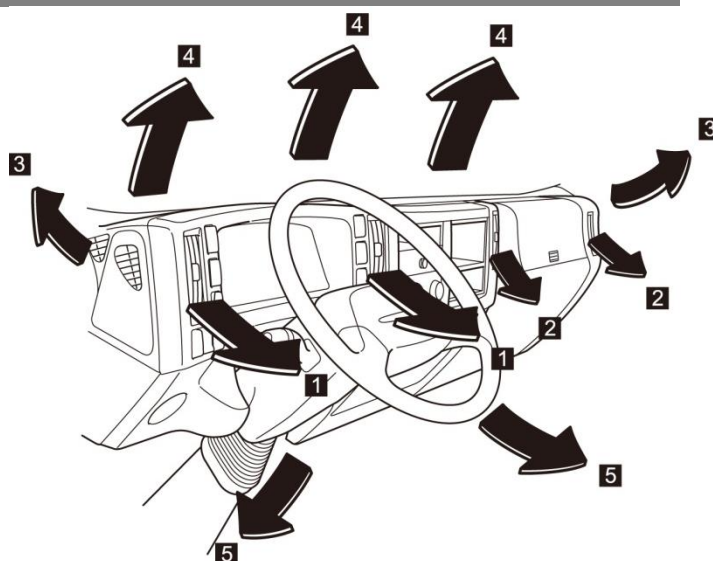


## CHÚ Ý

- Mặc dù ure (AdBlue®) không gây hại khi tiếp xúc với cơ thể người, tuy nhiên, tình trạng viêm có thể được gây ra do phản ứng trên các cơ địa khác nhau. Trong trường hợp này, bạn hãy thực hiện những thao tác sau.
  - Vui lòng rửa sạch vùng da tiếp xúc bằng nước sạch. Dung dịch ure có thể gây kích ứng đối với những người có làn da nhạy cảm.
  - Trong trường hợp nuốt phải, trước tiên hãy uống 1-2 cốc nước hoặc sữa và sau đó đến gặp bác sĩ.
  - Khi dung dịch tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa sạch mắt với thật nhiều nước trong 15 phút và sau đó đến gặp bác sĩ.

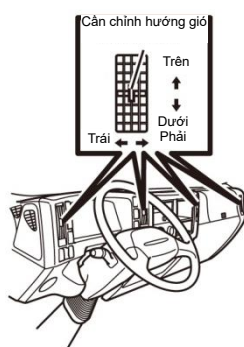
|                                        |      |
|----------------------------------------|------|
| • Cửa gió điều hoà                     | 5-1  |
| • Hệ thống sấy kính/ Điều hoà chỉnh cơ | 5-2  |
| • Bộ lọc gió điều hoà                  | 5-11 |
| • Chất làm lạnh (mức độ chất làm lạnh) | 5-13 |
| • Đèn nội thất                         | 5-14 |
| • Tấm che nắng                         | 5-16 |
| • Mồi thuốc                            | 5-17 |
| • Gạt tàn                              | 5-18 |
| • Hộp đồ nhỏ                           | 5-19 |
| • khay đựng thẻ                        | 5-19 |
| • khay đồ bên hông                     | 5-19 |
| • Cốp đồ phía trước ★                  | 5-20 |
| • Giá đỡ ly                            | 5-21 |
| • Móc treo                             | 5-21 |
| • Cửa gió trần                         | 5-22 |
| • Cốp đồ phía sau                      | 5-22 |
| • Bàn nhỏ gấp gọn                      | 5-22 |
| • Giường ngủ trên dưới                 | 5-23 |
| • Ăng-ten                              | 5-24 |

## Cửa gió điều hoà



| STT | Cửa gió điều hoà        | Tính năng                           |
|-----|-------------------------|-------------------------------------|
| 1   | Cửa gió phía người lái  | Có lẫy điều chỉnh hướng gió         |
| 2   | Cửa gió phía hành khách | Có lẫy điều chỉnh hướng gió         |
| 3   | Cửa gió sấy cửa sổ      | Gió được hướng về phía cửa sổ.      |
| 4   | Cửa gió sấy kính trước  | Gió được hướng về phía kính trước.  |
| 5   | Cửa gió dưới chân       | Gió được hướng về phía sàn để chân. |

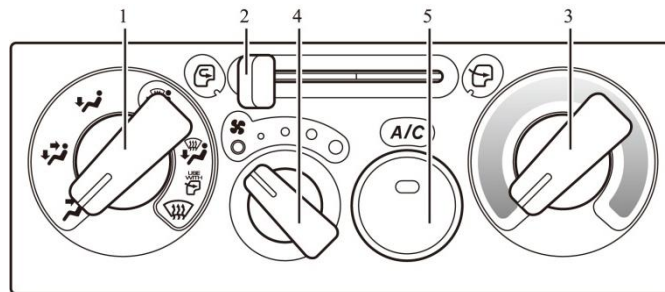
## Cần chỉnh hướng gió



Điều chỉnh hướng gió bằng cách sử dụng cần gạt. Gạt xuống hết cỡ để đóng cửa gió.

## Hệ thống sấy sưởi/ Điều hoà

### Cách sử dụng bảng điều khiển



| STT | Tên                        |
|-----|----------------------------|
| 1   | Núm chọn cửa gió           |
| 2   | Cần gạt chọn nguồn lấy gió |
| 3   | Núm điều chỉnh nhiệt độ    |

| STT | Tên                       |
|-----|---------------------------|
| 4   | Núm điều chỉnh tốc độ gió |
| 5   | Công tắc điều hoà (A/C)   |

## 1. Nút chọn cửa gió

| Vị trí nút xoay                                                                   | Vị trí nhận gió    | Cửa gió                                                                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Thân người trên    | Gió ra từ cửa 1 và 2                                                                                                                                   |
|  | Song song          | Gió ra từ cửa 1, 2 và 5                                                                                                                                |
|  | Chân               | Gió ra từ cửa 5                                                                                                                                        |
|  | Chân và sấy kính 1 | Gió ra từ cửa 5 và một phần từ cửa 3 và 4.                                                                                                             |
|  | Chân và sấy kính 2 | Gió ra từ cửa 5 và một phần mạnh hơn từ cửa 3 và 4 so với vị trí "  " |
|  | Sấy kính           | Gió ra từ cửa 3 và 4.                                                                                                                                  |



## KHUYẾN CÁO

- Bạn nên điều chỉnh cần chọn nguồn gió lấy từ bên ngoài khi sử dụng những chế độ có ký hiệu "" như chế độ "", "", "" để sấy các khu vực kính.

## 2. Cần gạt chọn nguồn gió

| Vị trí                                                                              | Mục đích                |                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | Lấy gió từ bên ngoài    | Chế độ này giúp không khí trong phương tiện được thông thoáng (Hãy mặc định đặt ở chế độ này.)                                                           |
|  | Tuần hoàn gió bên trong | Chế độ này giúp ngăn bụi bẩn hoặc tạp chất ô nhiễm bay vào trong phương tiện. (Khuyến cáo dành cho những tình huống giao thông đông đúc hoặc đi qua hầm) |



## KHUYẾN CÁO

- Sử dụng liên tục chế độ tuần hoàn gió bên trong khiến kính chắn gió trước và cửa sổ dễ bị đọng hơi sương, làm giảm tầm nhìn.



**LẠNH**  
(Màu xanh dương)

**NÓNG**  
(Màu đỏ)

### 3. Nút điều chỉnh nhiệt độ

Sử dụng nút này để chọn nhiệt độ mong muốn bên trong xe. Xoay nút ngược chiều kim đồng hồ để giảm nhiệt độ và theo chiều kim đồng hồ để tăng nhiệt độ gió thổi ra.

### 4. Nút điều chỉnh tốc độ gió

Tốc độ gió có thể được tùy chỉnh với 4 cấp độ.

### 5. Công tắc điều hòa (A/C)

Nhấn công tắc này để sử dụng hệ thống điều hòa không khí, đèn báo bên trong công tắc sẽ bật sáng khi hệ thống điều hòa đang hoạt động. Hệ thống này cũng có thể được sử dụng để hút ẩm song song với hệ thống sưởi.

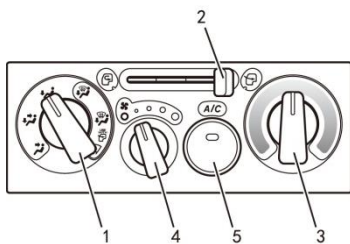


#### KHUYẾN CÁO

- Ngay cả khi bật công tắc A/C, hệ thống điều hòa không khí sẽ không hoạt động khi nút điều chỉnh tốc độ gió được đặt ở vị trí dừng. Hãy đảm bảo rằng nút điều chỉnh tốc độ gió đã được xoay tới một cấp độ vận hành bất kỳ.
- Ngay cả trong những mùa không cần sử dụng hệ thống điều hòa, thỉnh thoảng bạn hãy bật hệ thống trong vài phút với gió thổi ở tốc độ thấp để đảm bảo hệ thống luôn vận hành trơn tru.

## Thông gió

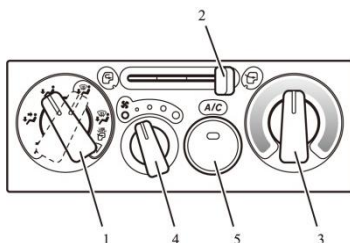
### Thông gió bên ngoài



Nhấn công tắc A/C (5) sang vị trí "OFF". Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí mong muốn. Di chuyển cần chọn nguồn lấy gió (2) đến vị trí "☐". Đặt núm điều chỉnh nhiệt độ (3) đến vị trí mong muốn. Đặt núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến tốc độ phù hợp.

## Cách sử dụng hệ thống

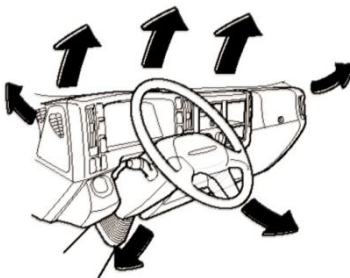
### Sưởi ấm thông thường



Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí "☐" hoặc "☐" hoặc "☐". Vị trí "☐" có tác dụng sưởi khu vực ghế chân đồng thời sấy kính. Di chuyển cần chọn nguồn lấy gió (2) đến vị trí "☐".

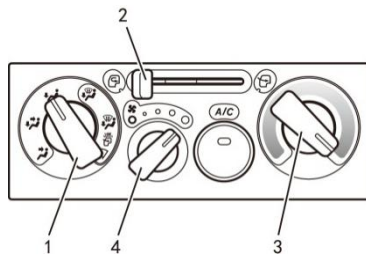
Điều chỉnh núm nhiệt độ (3) và tốc độ quạt (4) đến mức phù hợp.

Để bật tính năng hút ẩm khi sưởi, nhấn công tắc A/C (5) sang vị trí "ON".



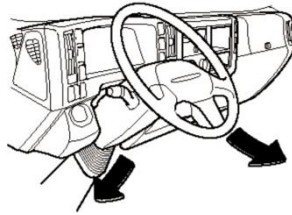
### KHUYẾN CÁO

- Vì bộ sưởi sử dụng nhiệt từ chất làm mát động cơ, tác dụng sưởi ấm của nó sẽ yếu khi nhiệt độ chất làm mát động cơ ở mức thấp.



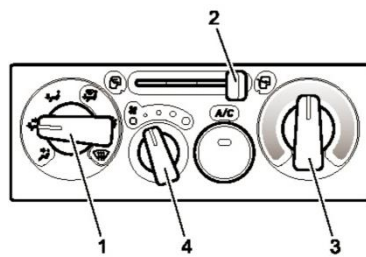
### Sưởi ấm cường độ cao

Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí "❧", di chuyển cần chọn nguồn lấy gió (2) đến vị trí "❧", và xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) tối đa về phía nhiệt độ cao. Đặt núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến mức cao nhất.



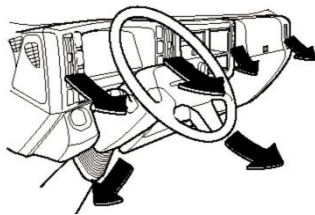
### KHUYẾN CÁO

•Sử dụng liên tục chế độ tuần hoàn gió bên trong khiến kính chắn gió trước và cửa sổ dễ bị đọng hơi sương, làm giảm tầm nhìn.



### Sưởi ấm hướng song song

Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí "❧", di chuyển cần chọn nguồn lấy gió (2) đến vị trí "❧". Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) ở mức trung bình. Đặt núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến mức phù hợp.

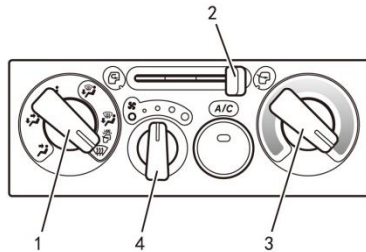




### Sấy kính chắn gió trước (bằng Hệ thống sấy sưởi hoặc Điều hòa)

#### Sấy kính

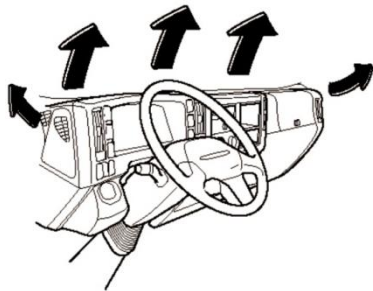
Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí "🌀".  
Di chuyển cần chọn nguồn lấy gió (2) đến vị trí "🌀".



Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) tới mức nhiệt độ cao theo mong muốn. Để sấy kính trong những tháng hè, tùy chỉnh núm (3) đến các mức nhiệt độ nóng lạnh mong muốn.

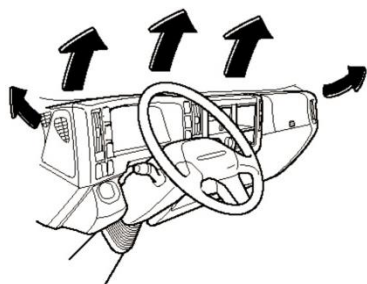
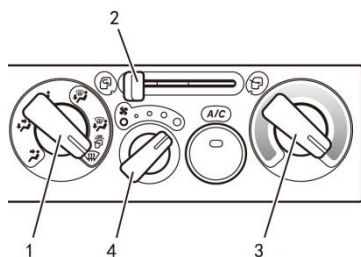
Đặt núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến mức phù hợp (trừ vị trí "OFF").

Nếu xe của bạn được trang bị hệ thống điều hòa không khí, tính năng hút ẩm của hệ thống sẽ giúp ích rất nhiều trong việc sấy kính.



#### KHUYẾN CÁO

- Không chọn mức làm mát tối đa khi vận hành hệ thống điều hòa với núm chọn cửa gió (1) được đặt ở vị trí "🌀". Bề mặt bên ngoài của kính chắn gió sẽ có hiện tượng đọng hơi sương gây cản trở tầm nhìn của người lái.



### Sấy kính

Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí "☼".

Di chuyển cần chọn nguồn lấy gió (2) đến vị trí "☼".

Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) tối đa về phía nhiệt độ cao.

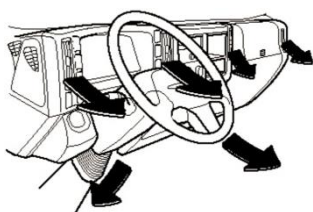
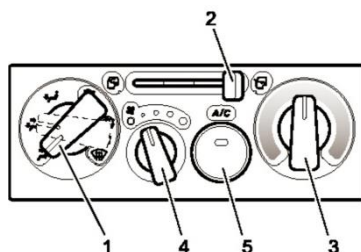
Đặt núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến mức cao nhất.



### KHUYẾN CÁO

- Sau khi sấy kính, hãy chuyển cần chọn nguồn lấy gió về vị trí "☼". Nếu không bề mặt bên ngoài của kính chắn gió sẽ có hiện tượng đọng hơi sương gây cản trở tầm nhìn của người lái.

## Làm mát (Điều hoà hoặc Quạt gió)



### Làm mát thông thường/ toả đều

Chế độ này phù hợp với nhu cầu làm mát trong thời gian dài

Nhấn công tắc A/C (5) sang vị trí "ON".

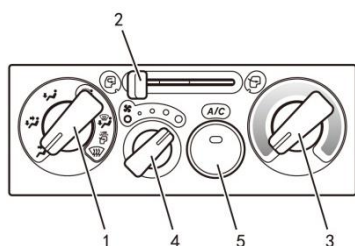
Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí "☼" để làm mát thông thường hoặc "☼" để làm mát toả đều.

Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) và núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến mức phù hợp.



### KHUYẾN CÁO

- Khi sử dụng hệ thống điều hoà dưới thời tiết nắng nóng gay gắt lúc xe đang ở trạng thái tĩnh, hãy gạt cần chọn nguồn lấy gió (2) tới vị trí "☼".



Làm lạnh sâu

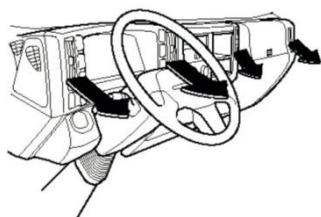
[Điều hoà]

Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí "❖".

Nhấn công tắc A/C (5) sang vị trí "ON". Di chuyển cần chọn nguồn lấy gió (2) đến vị trí "❏".

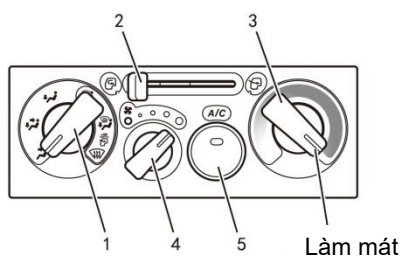
Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) tối đa về phía nhiệt độ thấp.

Đặt núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến mức cao nhất.



#### KHUYẾN CÁO

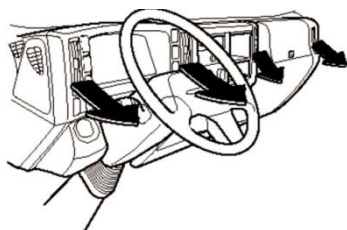
- Sau khi đỗ xe trong một thời gian dài dưới ánh nắng trực tiếp, hãy hạ kính hoặc mở cửa để hạ nhiệt và đối lưu không khí trong xe trước khi khởi động hệ thống điều hoà.
- Sử dụng hệ thống điều hoà liên tục trong thời gian dài ở chế độ làm lạnh sâu có thể khiến không khí trong xe ám mùi khó chịu. Hãy thường xuyên gạt cần chọn nguồn gió sang chế độ lấy gió ngoài trời hoặc hạ kính để làm mới không khí trong xe.
- Trong quá trình làm mát, hơi sương có thể đọng ở cửa gió ra do không khí ẩm bị làm lạnh đột ngột. Đây là hiện tượng phổ biến và không phải là dấu hiệu của bất cứ vấn đề bất thường nào.



### [Quạt gió]

Xoay núm chọn cửa gió (1) sang vị trí "❧".  
Nhấn công tắc A/C (5) sang vị trí "ON". Di chuyển cần chọn nguồn lấy gió (2) đến vị trí "❧".

Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (3) tối đa về phía nhiệt độ thấp. Đặt núm điều chỉnh tốc độ quạt (4) đến mức cao nhất.



### Bộ lọc gió điều hoà

Khi vệ sinh, hãy tham khảo các danh mục

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng → Xem trang 7-15

### Vệ sinh bộ lọc gió

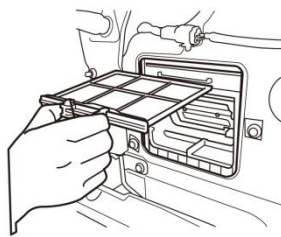
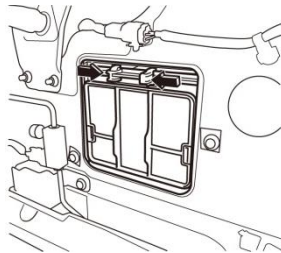
Tháo rời bộ lọc gió bên trong

- ① Mở nắp ca-pô trước.

Nắp ca-pô trước → Xem trang 7-9

- ② Kéo khóa bộ lọc ra đồng thời bóp nhẹ hai bên hông.

- ③ Tháo bộ lọc, vệ sinh sạch sẽ bụi bẩn trên bề mặt bộ lọc bằng máy hút bụi.



#### KHUYẾN CÁO

- Không vệ sinh bằng chổi lông cứng để tránh làm hư hại bộ lọc

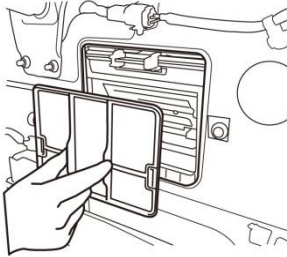
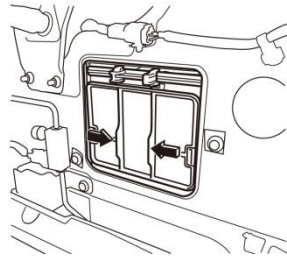
### Lắp đặt bộ lọc gió bên ngoài (cho mọi mẫu xe)

- ① Để tháo rời, hãy làm các thao tác ngược với lúc tháo khi lắp đặt.



#### CHÚ Ý

- Lắp bộ lọc một cách chính xác. Nếu không, bộ lọc có thể phát ra tiếng lạch cạch hoặc rơi ra khi đang lái xe, gây hậu quả nghiêm trọng.
- Không sử dụng bộ lọc nếu nó chưa được lắp lại đúng cách. Các loại rác, bụi, nước hoặc tuyết xâm nhập vào bên trong máy điều hòa không khí tiềm ẩn nguy cơ trục trặc điều hòa.



### Tháo rời bộ lọc gió bên ngoài

- ① Kéo khóa bộ lọc ra đồng thời bóp nhẹ hai bên hông.
- ② Tháo bộ lọc, vệ sinh sạch sẽ bụi bẩn trên bề mặt bộ lọc bằng máy hút bụi.



#### KHUYẾN CÁO

- Không vệ sinh bằng chổi lông cứng để tránh làm hư hại bộ lọc

### Lắp đặt bộ lọc gió bên ngoài

- ① Để tháo rời, hãy làm các thao tác ngược với lúc tháo khi lắp đặt.



#### KHUYẾN CÁO

- Lắp bộ lọc một cách chính xác. Nếu không, bộ lọc có thể phát ra tiếng lạch cạch hoặc rơi ra khi đang lái xe, gây hậu quả nghiêm trọng.
- Không sử dụng bộ lọc nếu nó chưa được lắp lại đúng cách. Các loại rác, bụi, nước hoặc tuyết xâm nhập vào bên trong máy điều hòa không khí tiềm ẩn nguy cơ trục trặc điều hòa.

**Chất làm lạnh (lượng chất làm lạnh)**

Khi lượng chất lạnh không đủ, hiệu quả làm lạnh không khí sẽ giảm xuống. Khi chất làm lạnh cạn dần, nó cần phải được bổ sung kịp thời. Hãy đến Đại lý Isuzu gần nhất kiểm tra chất làm lạnh.

**KHUYẾN CÁO**

- Lắp bộ lọc một cách chính xác. Nếu không, bộ lọc có thể phát ra tiếng lạch cạch hoặc rơi ra khi đang lái xe, gây hậu quả nghiêm trọng.
- Không sử dụng bộ lọc nếu nó chưa được lắp lại đúng cách. Các loại rác, bụi, nước hoặc tuyết xâm nhập vào bên trong máy điều hòa không khí tiềm ẩn nguy cơ trục trặc điều hòa.

## Đèn nội thất

### Đèn trần

\* Chỉ có ở bản cabin trần thấp và trần tiêu chuẩn



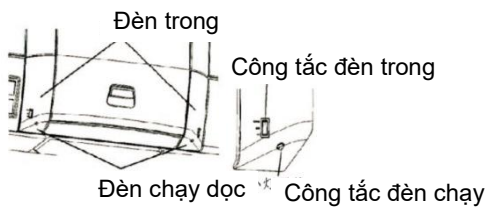
Đèn trần luôn hoạt động ở mọi vị trí của công tắc khởi động. Để đèn vòm được bật tắt theo thao tác mở cửa "DOOR", hãy di chuyển công tắc đèn vòm theo một nửa giữa vị trí "ON" và "OFF".

ON: Đèn sáng bất kể cửa đang mở hay đóng.

DOOR: Đèn bật sáng khi bất kỳ cửa nào được mở, cửa được mở khoá bằng chìa khoá từ xa hoặc rút chìa khoá khỏi công tắc máy.

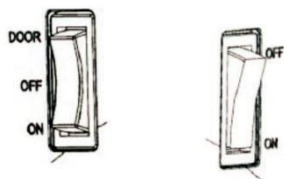
OFF: Đèn tắt bất kể cửa đang mở hoặc đóng.

\* Chỉ có ở bản cabin trần cao



Công tắc đèn trong cabin

\* Chỉ có công tắc ON, OFF cho phía hành khách



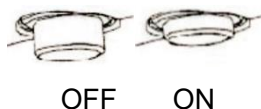
DOOR: Đèn sáng khi mở và tắt khi đóng cửa

OFF: Đèn tắt không liên quan đến việc đóng, mở cửa

ON: Đèn bật không liên quan đến việc đóng, mở cửa

Phía người lái    Phía hành khách

Công tắc đèn chạy dọc thân xe

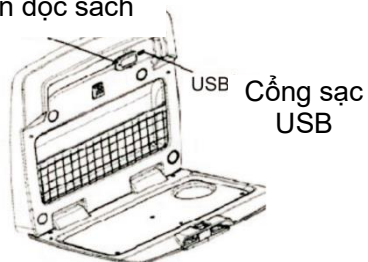


OFF    ON



**Cổng sạc USB và đèn đọc sách**

Đèn đọc sách



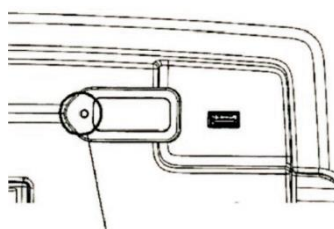
Cổng sạc USB cho điện thoại và các thiết bị khác.

**CẢNH BÁO**

- Cổng sạc USB có điện áp đầu ra định mức là 5V và dòng điện là 2A.
- Không sử dụng điện áp vượt quá định mức cho phép vì hệ thống dây điện có thể bị quá nhiệt và tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu cổng sạc được sử dụng trong một thời gian dài trong khi động cơ đang tắt, bình điện có thể bị hết điện.

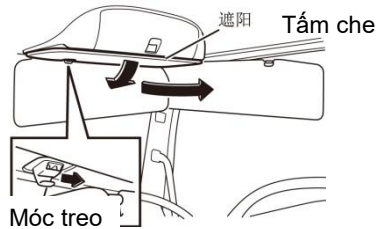


Đèn đọc sách có thể được sử dụng khi chìa khóa chuyển sang vị trí ACC.

Công tắc đèn đọc sách được đặt ở phía trên của đèn

## Tấm che nắng

Loại gắn xe trần tiêu chuẩn



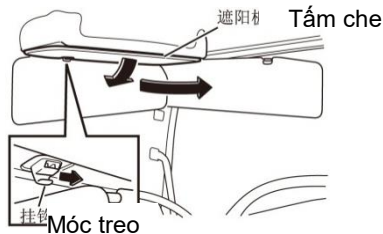
Tấm che nắng bảo vệ đôi mắt của bạn dưới ánh nắng mặt trời. Sử dụng nó khi bạn cảm thấy quá chói mắt. Để che nắng từ phía cửa sổ, hãy tháo tấm che nắng và xoay nó sang một bên.



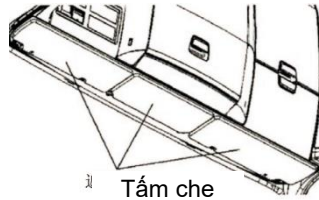
CHÚ Ý

- Vì lý do an toàn, hãy gấp tấm che nắng lên trên sau khi sử dụng xong

Loại gắn xe trần cao



Loại gắn xe trần cao



Cabin xe trần cao có tấm che nắng 3 trong 1. Tấm che ở giữa có thể gấp ra trước hoặc sau, còn 2 tấm che trái và phải có thể xoay sang phía bên hông.

### Mồi thuốc



Mồi thuốc có thể được sử dụng khi công tắc máy ở vị trí "ACC" hoặc "ON".

- ① Đẩy mồi thuốc vào cho đến khi thấy tiếng khóa.
- ② Khi đạt đến nhiệt độ nóng nhất định, mồi thuốc sẽ bật trở ra vị trí ban đầu. Nhắc ra và sử dụng đúng mục đích.



#### CẢNH BÁO

- Để phòng tránh nguy cơ bỏng, không chạm vào bộ phận làm nóng khi sử dụng mồi thuốc.
- Không để giữ mồi thuốc khi nó đã được đẩy vào bộ phận làm nóng. Mồi thuốc sẽ quá nhiệt và khiến người sử dụng bị bỏng hoặc tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.
- Nếu mồi thuốc không tự động bật trở ra sau quá 20 giây, điều này có nghĩa là mồi thuốc bị lỗi. Hãy ngay lập tức rút mồi thuốc ra theo cách thủ công.
- Không rời khỏi xe khi đã đẩy mồi thuốc để chờ làm nóng. Điều này có thể tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.
- Không bẻ cong mồi thuốc. Mồi thuốc bị cong vênh sẽ bị ảnh hưởng hiệu năng và có thể gây nguy hiểm cho người sử dụng.



#### CHÚ Ý

- Để thay thế ổ cắm mồi thuốc thành ổ cắm phụ kiện, hãy tham khảo Đại lý Isuzu gần nhất.
- Sau khi sử dụng ổ cắm mồi thuốc làm ổ cắm phụ kiện, bên trong ổ cắm có thể đã bị biến dạng. Khi sử dụng mồi thuốc với phần bên trong bị biến dạng có thể gây ra lỗi như mồi thuốc nóng đỏ rơi ra ngoài hoặc không tự động bật trở ra khi đủ nhiệt.
- Để sử dụng lại mồi thuốc khi đã thay thành ổ cắm phụ kiện hoặc thay thế mồi thuốc bị hỏng, hãy sử dụng phụ tùng Isuzu chính hãng phù hợp với xe. Không sử dụng các loại mồi thuốc khác.
- Không dùng lực quá mạnh để lau chùi vì có thể làm biến dạng mồi thuốc.
- Loại bỏ tro và bụi bẩn bên trong ổ cắm mồi thuốc và trên bộ phận làm nóng của ổ cắm mồi thuốc.

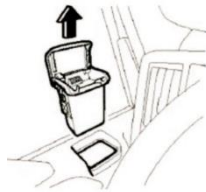


#### KHUYẾN CÁO

- Không sử dụng mồi thuốc khi động cơ không hoạt động vì nó tiêu thụ rất nhiều điện năng, hành động này có thể làm cạn bình điện.

**Gạt tàn****CẢNH BÁO**

- Đóng nắp gạt tàn sau khi sử dụng. Nếu không, tàn thuốc còn cháy có thể lan sang các tàn thuốc và đầu lọc khác, tiềm ẩn nguy cơ hỏa hoạn.
- Không để tàn thuốc quá nhiều trong gạt tàn. Không vứt các vật liệu dễ cháy vào gạt tàn
- Dập tắt diêm/tàn thuốc trước khi cho vào gạt tàn.
- Không ném tàn thuốc lá ra ngoài cửa sổ, đặc biệt là tàn thuốc đang cháy. Hành động này không chỉ gây ô nhiễm đường phố và môi trường xung quanh mà còn tiềm ẩn nguy cơ hỏa hoạn.

**Bố trí bên cạnh cửa ghế tài xế/ ghế hành khách**

Mở nắp trước khi sử dụng.

Dập tàn thuốc trước khi cho vào gạt tàn.

Để vệ sinh gạt tàn, bạn hãy nhấc nó lên bằng cách cầm vào phần nắp đậy.

### Hộc đồ nhỏ



Dùng để đựng đồ vật cỡ nhỏ.



#### CHÚ Ý

- Không để kính mắt hoặc môi thuốc trong xe khi rời đi. Môi thuốc có thể phát nổ còn khung kính bắt có thể bị biến dạng hoặc nứt vỡ.

### Khay đựng thẻ



Dùng để đựng đồ vật cỡ nhỏ.

### Khay đồ bên hông



Dùng để đựng đồ vật cỡ nhỏ.

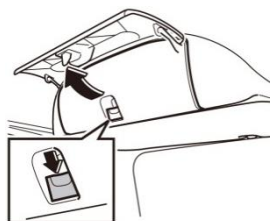


#### CHÚ Ý

- Không để kính mắt hoặc bật lửa trong xe khi rời đi. Bật lửa có thể phát nổ còn mắt kính có thể bị biến dạng hoặc nứt vỡ.

## Cốp đồ phía trước ★

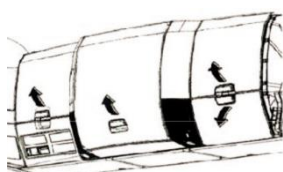
Loại gắn trần xe tiêu chuẩn



Loại xe trần thấp



Loại gắn xe trần cao



Mở cốp bằng cách kéo tay nắm. Dùng để đựng đồ vật cỡ nhỏ.



CHÚ Ý

- Không để kính mắt hoặc mũi thuốc trong xe khi rời đi. Mũi thuốc có thể phát nổ còn khung kính bất có thể bị biến dạng hoặc nứt vỡ .

Đối với xe trần thấp, hãy tham khảo loại cốp đồ phù hợp.

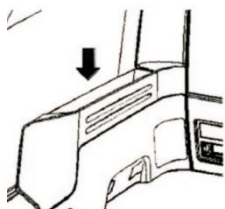
Kéo tay nắm để mở cốp đồ

Có thể dùng như tủ đồ



CHÚ Ý

- Khi lái xe, không để vật dụng vướng vãi gần cốp đồ hoặc mở nắp cốp đồ. Điều này tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn trong quá trình lái xe.



Bên hông trần cabin là một hộp cốp đồ có thể chứa các vật phẩm nhỏ.

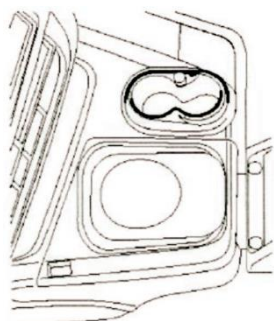


CHÚ Ý

- Không để đồ đạc vướng vãi trong cabin. Lái xe sẽ thiết an toàn khi đồ đạc không được cất gọn gàng.

### Giá đỡ ly

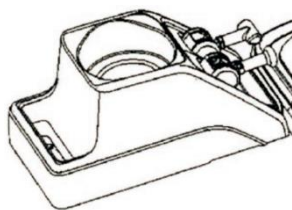
Dùng để đặt lon hoặc chai đồ uống.



#### CHÚ Ý

- Không đặt ly quá đầy vào giá đỡ. Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng radio hoặc các mạch điện khác. Nếu không may bị đổ hoặc tràn, hãy lau sạch ngay lập tức bằng khăn khô.
- Không nghiêng cabin khi có ly nước trong giá đỡ.

### Giá đỡ chai lọ / ly cốc



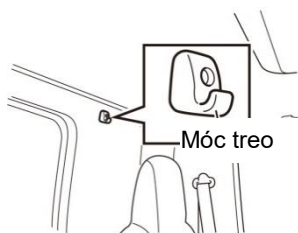
Dùng để đỡ chai lọ hoặc ly cốc, v.v.



#### CHÚ Ý

- Không nâng cabin khi có ly nước trong giá đỡ.

### Móc treo áo

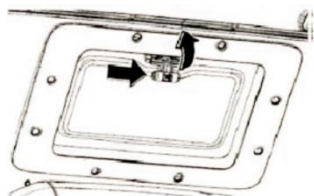


Dùng để treo quần áo

### Cửa gió trần

Để mở cửa thông gió gắn trần, hãy nhấn nút khóa và đẩy cửa lên.

Để đóng cửa này, hãy ấn vào tay cầm thả chốt và kéo cửa xuống.

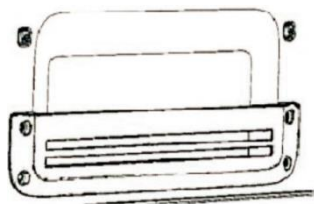


#### CHÚ Ý

- Hãy cẩn thận tránh làm kẹt tay khi mở và đóng cửa gió trần.
- Kiểm tra xem công tắc được khóa lại sau khi mở và đóng cửa.
- Nếu không được khóa hoặc không đóng kín cửa, nước mưa và gió bụi có thể lọt vào trong cabin.

### Cốp đồ phía sau

Được sử dụng để cài tạp chí, sách báo và các vật dụng mỏng khác.



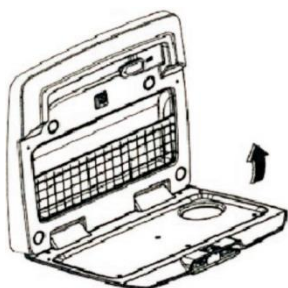
#### CHÚ Ý

- Sử dụng cốp đồ trong khi lái xe là một hành động nguy hiểm cần hạn chế.

### Bàn nhỏ gấp gọn

Dùng để đựng đồ vật cỡ nhỏ.

Bàn chịu tải: 1 Kg

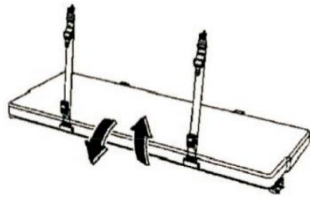


#### CHÚ Ý

- Không treo các vật dụng trên bàn gấp gọn để tránh các nguy cơ tai nạn ngoài ý muốn.
- Hãy gấp và đóng bàn lại khi lái xe, tránh để các vật dụng đặt trên bàn bị rơi xuống sàn xe.



### Giường nằm bên trên



Chốt khoá và mở



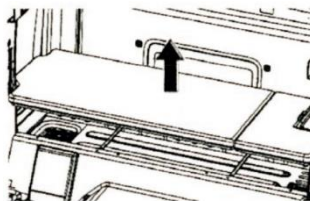
Hãy nối lỏng khóa đai an toàn trước khi sử dụng.  
Khi dùng xong, hãy nâng phần lên và khóa đai an toàn.



#### CHÚ Ý

- Khi tháo đai an toàn, bạn cũng nên có người hỗ trợ để tấm giường ngủ không bị bung ra đột ngột.
- Không ngồi trên tấm giường ngủ khi xe đang chạy, điều này rất nguy hiểm.
- Không nhún nhảy trên tấm giường ngủ.
- Luôn đảm bảo phần được gấp gọn khi xe đang chạy.
- Khi khóa dây an toàn, chú ý nghe tiếng "cạch", điều này đồng nghĩa rằng hai dây đai an toàn đã được khóa chặt.

### Giường nằm bên dưới



Phần bên dưới phần được dùng như một ngăn chứa đồ.

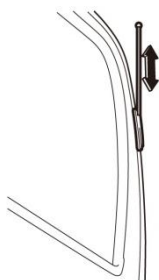


#### CHÚ Ý

- Không ngồi trên tấm giường ngủ khi xe đang chạy, điều này rất nguy hiểm.
- Không nhún nhảy trên tấm giường ngủ.

## Ăng-ten

Kéo ăng-ten ra hết cỡ khi sử dụng.



## CHÚ Ý

- Để tránh hư hại ăng-ten, hãy thu gọn khi đi qua khu vực đông đúc hoặc khi đưa xe qua máy rửa chuyên dụng.



## LƯU Ý

[Thu sóng radio]

- Khi vị trí của ăng-ten thay đổi theo chuyển động của xe, cường độ của sóng vô tuyến cũng thay đổi. Do đó, trạng thái radio tốt nhất có thể không được duy trì nếu gặp chướng ngại vật, xe điện, đèn giao thông, v.v. khi di chuyển trên đường.
- So với đài AM, chất lượng âm thanh FM tốt hơn, tuy có thể phát âm thanh nổi, nhưng do tính chất của sóng radio FM, đôi khi trạng thái radio tốt nhất có thể không được duy trì khi di chuyển trên đường.

- Tính trực tiếp của việc truyền tín hiệu FM

So với tín hiệu AM, tín hiệu FM có chất lượng tốt hơn và tương thích với phát sóng stereo. Tuy nhiên, do bản chất của tín hiệu FM, các điều kiện mà chất lượng tín hiệu nhận được từ một phương tiện đang di chuyển có thể không ổn định.

- Mất âm thanh

Vì tín hiệu FM có tính định hướng mạnh hơn tín hiệu AM nên chúng dễ bị chặn bởi các vật thể lớn như đồi núi và nhà cao tầng. Vùng tiếp nhận của chúng hẹp hơn nhiều so với tín hiệu AM.

Tín hiệu FM dễ bị phản xạ bởi các vật thể, vì vậy khi lái xe qua các khu vực đô thị, âm thanh có thể bị gián đoạn hoặc bị nhiễu do tạp âm.

- Biến dạng âm thanh

Việc nhận đồng thời tín hiệu trực tiếp từ đài phát thanh và tín hiệu phản xạ từ các tòa nhà có thể gây ra hiện tượng nhiễu loạn âm thanh.



|                                        |      |
|----------------------------------------|------|
| • Tự tin lái xe an toàn                | 6-1  |
| • Trên đường phố                       | 6-1  |
| • Lưu ý khi dừng đỗ                    | 6-11 |
| • Chú ý khi lái xe ở vùng khí hậu nóng | 6-12 |
| • Chú ý khi lái xe ở vùng khí hậu lạnh | 6-13 |
| • Sử dụng xích bọc lốp                 | 6-18 |

## Tự tin lái xe an toàn

## Nghỉ ngơi đủ giấc



Nếu bạn cảm thấy mệt mỏi khi lái xe, cơn buồn ngủ sẽ khiến bạn mất tập trung. Hãy nghỉ ngơi đủ giấc trước khi lái xe.

## Nghỉ giải lao giữa những hành trình dài



Bạn cần có những khoảng nghỉ giải lao giữa những hành trình dài.

## Trên đường phố

## Chú ý khi lái xe



- Tập trung lái xe an toàn, tuân thủ tất cả các giới hạn tốc độ, biển báo đường bộ và tín hiệu giao thông được pháp luật quy định.
- Không đặt công tắc máy sang bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí "ON" khi đang lái xe. Hành động này sẽ tắt hệ thống trợ lực tay lái, khiến việc đánh lái trở nên vô cùng khó khăn. Ngoài ra, hệ thống phanh sẽ không hoạt động hiệu quả, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn vô cùng cao.



- Nếu bạn nhận thấy bất kỳ tiếng ồn, rung động hoặc mùi bất thường từ bất kỳ bộ phận nào của xe, hãy ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn và thực hiện kiểm tra.
- Nếu đèn cảnh báo bật sáng hoặc âm cảnh báo kêu khi bạn đang lái xe, hãy ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn và tiến hành kiểm tra.
- Ngoại trừ trường hợp kết hợp để sử dụng cần số, không nghỉ chân lên bàn đạp ly hợp vì có thể đẩy nhanh quá trình mài mòn ly hợp.

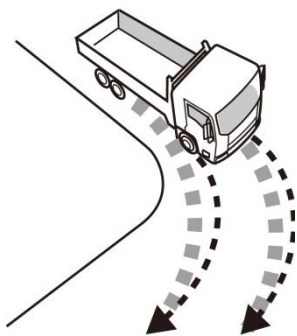


- Giảm tốc độ vừa đủ khi đến gần khúc cua. Đạp phanh hoặc bẻ lái gấp trong khi vào cua có thể khiến hàng hóa xô dịch hoặc rơi ra, lốp xe bị trượt và xe bị lật nghiêng.
- Trong khi lái xe, ngoại trừ trường hợp chuyển số, không nghỉ tay lên cần số vì có thể khiến quá trình truyền động bị lỗi.
- Tránh cọ xát thành lốp vào lề đường hoặc lái xe qua những chỗ lồi lõm trên mặt đường.
- Lốp xe có thể bị hư hại, dẫn đến nổ lốp hoặc xẹp lốp.



### **Đường hẹp hoặc tắc nghẽn**

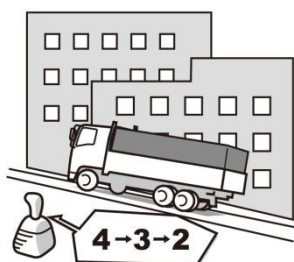
Khi vượt xe hoặc nhường đường trên đường núi hẹp, đường đô thị hẹp hoặc tắc nghẽn, hãy chú ý đến chướng ngại vật ở hai bên và tình trạng cũng như vị trí của mép đường.



**Khi vào cua, bánh sau sẽ di chuyển theo hành trình hẹp hơn về phía cua so với bánh trước**

Quan sát gương chiếu hậu để đảm bảo an toàn.

### Lái xe lên hoặc xuống dốc



#### Lên dốc

Chủ động về số thấp để tránh động cơ phải làm việc quá tải.



#### Xuống dốc

- Không lái xe quá nhanh trên đường xuống dốc.
- Sử dụng cùng (các) số ly hợp mà bạn đã dùng khi lái xe lên đồi. Ngoài ra, hãy sử dụng phanh xả để tránh việc xe lao đi quá nhanh.
- Không để động cơ chạy quá tải.



#### LƯU Ý

##### Động cơ chạy quá tải

- Động cơ chạy tải khi tốc độ động cơ tăng lên làm cho kim đồng hồ đo vòng tua chạm tới vùng màu đỏ. Đây là tình trạng nguy hiểm vì có thể gây hư hại động cơ.

## Hệ thống phanh



Xe được hệ thống phanh khí nén toàn phần cho lực phanh mạnh chỉ với một động tác nhấn nhẹ lên bàn đạp phanh. Không nhấn mạnh hết hành trình của bàn đạp phanh trừ trường hợp khẩn cấp.

- ① Khoảng cách phanh thay đổi tùy theo tốc độ xe và điều kiện đường xá. Trước hết, hãy giảm tốc độ vừa đủ bằng cách sử dụng phanh động cơ, phanh xả.
- ② Nhấn và giữ bàn đạp phanh, điều khiển xe phía mà bạn muốn dừng lại.
- ③ Nhả chân phanh.

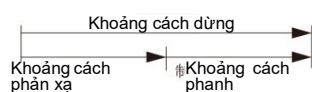


### CHÚ Ý

- Không nhả hoàn toàn bàn đạp phanh. Nếu nhả bàn đạp phanh hoàn toàn, sẽ có một khoảng thời gian trễ ngắn trước khi phanh có thể tái kích hoạt vào lần tiếp theo nhấn bàn đạp, có nghĩa là khoảng cách dừng có thể tăng lên.



- ④ Ngay trước vị trí bạn muốn xe dừng lại, hãy nhấn nhẹ bàn đạp phanh để xe dừng hẳn.



### Khoảng cách dừng

Khoảng cách dừng của xe bao gồm khoảng cách phản xạ (từ điểm mà người lái xe nhận thấy nguy hiểm và nhấn bàn đạp đến điểm bắt đầu hoạt động của phanh) và khoảng cách phanh (từ điểm bắt đầu hoạt động của phanh đến điểm phương tiện dừng hẳn lại). Hãy luôn chú ý đến yếu tố khoảng cách dừng. Duy trì tốc độ và khoảng cách an toàn với xe phía trước, đề phòng trường hợp khẩn cấp.



## Duy trì tầm nhìn thông thoáng

**Khi kính chắn gió trước bị đọng hơi sương**

Sử dụng máy sưởi để thổi khí nóng giúp sấy kính chắn gió hoặc hút ẩm cabin bằng máy điều hòa và đặt núm chọn cửa gió ở vị trí "❄️" hoặc "❄️". Đặt cần chọn nguồn gió ở vị trí lấy gió ngoài. Đồng thời, có thể sử dụng kèm thêm các loại bình xịt chống đọng hơi sương trên kính.

**Tầm nhìn ban đêm**

Nếu có dầu phủ trên bề mặt kính chắn gió, đèn chiếu sáng của phương tiện giao thông theo hướng ngược lại sẽ bị phản chiếu theo nhiều góc khác nhau, khiến bạn khó quan sát phía trước. Hãy sử dụng nước rửa kính chuyên dụng để vệ sinh bằng cần gạt mưa.

**LƯU Ý**

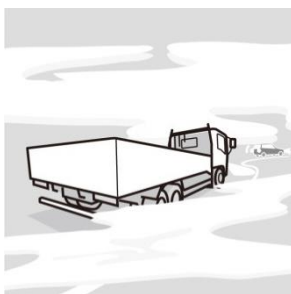
- Cánh gạt nước bị mòn không thể lau sạch kính chắn gió và do đó không thể duy trì tầm nhìn. Khi các lưỡi gạt nước bị mòn, hãy thay thế chúng bằng các chi tiết mới.

## Lái xe ban đêm



Lái xe ban đêm nguy hiểm hơn ban ngày vì tầm quan sát bị hạn chế đi rất nhiều. Hãy giảm tốc độ và duy trì một khoảng cách an toàn trước đầu xe.

### Lái xe trong điều kiện sương mù



Bật đèn sương mù (nếu có) và lái xe chậm rãi, chú ý nên lấy vạch trung tâm của làn đường làm chuẩn. Sẽ rất nguy hiểm nếu chỉ phụ thuộc vào đèn của xe đi trước vì chúng có thể gây ra ảo ảnh quang học. Luôn cảnh giác khi lái xe trong điều kiện sương mù.

### Đường cao tốc

1. Tốc độ trên đường cao tốc luôn cao hơn nhiều so với đường phố thông thường, do đó, tiềm ẩn nhiều nguy cơ hơn. Ngoài ra, sự cố trên đường cao tốc là mối nguy hiểm lớn đối với các phương tiện khác và có thể gây ra tai nạn. Hãy tập trung vào việc lái xe an toàn. Luôn đảm bảo thực hiện kiểm tra hàng ngày trước khi lái xe và tuân thủ các kỹ thuật lái xe trên đường cao tốc.

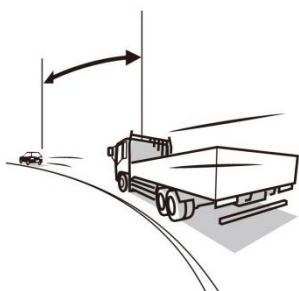
Khi thực hiện kiểm tra hàng ngày trước khi lái xe, hãy đặc biệt chú ý khi kiểm tra các hạng mục trong bảng bên trái đây.

| Lốp             | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra độ sâu còn lại của rãnh lốp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Động cơ         | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra để đảm bảo rằng nước làm mát động cơ không bị rò rỉ từ bộ tản nhiệt và các bộ phận khác của hệ thống làm mát.</li> <li>• Kiểm tra mức nước làm mát động cơ còn lại trong bình.</li> <li>• Kiểm tra đảm bảo dây đai quạt được căng đúng cách và không bị hư hại.</li> <li>• Kiểm tra mức nhớt động cơ còn lại trong bình.</li> </ul> |
| Bình nhiên liệu | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra mức nhiên liệu còn lại trong bình.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                       |



Kiểm tra thường xuyên (trước khi khởi hành)→ Xem trang 7-33

2. Khi chuyển làn, nhập làn trên đường cao tốc, hãy sử dụng đèn tín hiệu chuyển hướng. Tăng tốc độ vừa đủ khi bạn đang ở trong làn đường tăng tốc. Chú ý đến các xe phía sau và các điều kiện trên làn đường bạn đang hướng tới. Nhập làn an toàn, không cản trở các phương tiện đang lưu thông trên làn đường đó.



3. Cảm giác của bạn về tốc độ di chuyển trên cao tốc sẽ không hoàn toàn chính xác. Thường xuyên để ý đồng hồ tốc độ và duy trì khoảng cách an toàn. Ví dụ, nên duy trì khoảng cách giữa các xe là 80m khi tốc độ di chuyển là 80 km/h.



4. Trong quá trình lái xe ở tốc độ cao, đột ngột đánh lái dù với góc đánh lái rất nhỏ cũng có thể khiến xe mất kiểm soát. Vì vậy, hãy đánh lái một cách từ tốn..

5. Việc lạm dụng bàn đạp phanh là điều vô cùng nguy hiểm vì nó nhanh chóng làm mòn má phanh và gây trượt phanh. Hãy kết hợp phanh động cơ và phanh khí xả một cách hợp lý khi bạn muốn giảm tốc.



## LƯU Ý

## [Trượt phanh]

- Việc lạm dụng phanh thường xuyên có thể khiến phanh quá nhiệt, làm giảm lực ma sát của các bề mặt đồng nghĩa rằng phanh hoạt động kém hiệu quả hơn bình thường. Hiện tượng này được gọi là hiện tượng trượt phanh.

6. Khi bạn muốn rẽ ra khỏi đường cao tốc, hãy sử dụng đèn tín hiệu để báo trước ý định chuyển hướng của bạn. Chú ý các phương tiện phía sau, rẽ ra khỏi đường cao tốc một cách gọn gàng, không cản trở các phương tiện khác đang lưu thông.

7. Hãy giảm tốc khi vào cua.

**Lái xe trong điều kiện mưa tuyết hoặc băng giá**

Đường phủ băng tuyết có thể rất trơn. Hãy kiểm soát tốc độ và thận trọng khi phanh hay đánh lái.

**Lái xe ở vùng khí hậu lạnh****Lên xuống xe**

Bậc lên xuống có thể trở nên trơn trượt ở những khu vực khí hậu lạnh. Cần thận khi lên xuống xe.

**Ngồi trên ghế tài xế**

Giữ sạch băng tuyết ở đế giày khi lên xuống xe. Lái xe khi giày bám băng tuyết có thể khiến giày trượt trên bàn đạp và bạn sẽ không thể nhấn bàn đạp đúng cách, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định. Đồng thời, độ ẩm trong cabin sẽ tăng lên, khiến hơi sương đọng trên kính nhiều hơn.

**Khởi động động cơ**

Hãy kiểm tra bàn đạp ga khi khởi động động cơ.

**Kiểm tra mức nhiên liệu**

Sử dụng xích bọc lốp sẽ khiến động cơ tiêu tốn nhiên liệu hơn. Hãy tính toán lượng nhiên liệu cần sử dụng cho hành trình của bạn và bơm thêm nhiên liệu khi có thể.

Nhiên liệu → Xem trang 6-14

### Lái xe trong điều kiện mưa tuyết hoặc băng giá (Tắm chắn bùn)



#### Chú ý đến cảm nhận khi đánh lái



##### CHÚ Ý

- Ở khu vực khí hậu lạnh, nước và tuyết bắn lên từ lốp xe có thể đóng băng và tích tụ bên trong chắn bùn, làm cản trở bánh xe khi đánh lái. Hãy chú ý tới các mảng tuyết tích tụ, xuống xe và cạo bỏ khi chúng đã quá dày. Không cạo bỏ băng tuyết bằng dao hay vật sắc nhọn. Điều này có thể làm hư hại các chi tiết cao su.



#### Thường xuyên kiểm tra hệ thống phanh



##### CHÚ Ý

- Khi lái xe hoặc dừng đỗ xe trên đường ở khu vực khí hậu lạnh, băng tuyết có thể hình thành trên hệ thống phanh, làm giảm hiệu quả của phanh. Trong khi đang lái xe, hãy thường xuyên nhấn nhẹ bàn đạp phanh và kiểm tra hiệu quả vận hành của hệ thống phanh. Cần lưu ý khoảng cách tới các phương tiện phía trước và phía sau khi rà phanh kiểm tra theo cách này.
- Ngoài ra, hãy kiểm tra hiệu quả vận hành của phanh ngay từ khi chuẩn bị xuất phát sau một thời gian dừng đỗ. Nếu phanh không phản hồi tốt, hãy lái xe thật chậm và nhấn nhẹ bàn đạp phanh nhiều lần cho đến khi phanh khô và bắt đầu hoạt động bình thường.

### Loại bỏ tuyết bám trên kính và gầm xe



Để duy trì tầm nhìn rõ ràng, hãy sử dụng bàn cạo bằng nhựa để loại bỏ băng tuyết trên bề mặt kính. Với dụng cụ, bạn có thể loại bỏ tuyết và sương giá mà không làm xước kính. Đồng thời, hãy kiểm tra xem các lưới gạt nước có bị bám băng tuyết hay không.

Ngoài ra, hãy quan sát gầm xe và loại bỏ bất kỳ mảng băng tuyết tích tụ nào dưới đó. Cần cẩn thận tránh làm hư hại các chi tiết của xe.



## KHUYẾN CÁO

- Không cạo bỏ băng tuyết bằng dao hay vật sắc nhọn. Điều này có thể làm hư hại các chi tiết cao su.

## Lái xe trên những mặt đường xấu (Cát sỏi hoặc Bùn đất)



Hãy sử dụng số thấp và giữ ở tốc độ ổn định khi lái xe qua đường không trải nhựa hoặc bùn lầy.

Nếu xe bị kẹt trong bùn, việc nhấn ga mạnh sẽ chỉ khiến xe lún sâu hơn và khó thoát ra hơn. Đặt đá sỏi, cành cây hoặc chèn vải dưới lốp xe để tăng độ bám đường, hoặc liên tục đánh lái tiến và lùi để tận dụng động năng của xe nhằm thoát khỏi vũng bùn.

Khi bắt buộc phải lái xe qua khu vực bùn lầy, sử dụng xích bọc lốp là một cách hiệu quả để tránh bị kẹt.



## KHUYẾN CÁO

- Khi lái xe qua đường cát sỏi hoặc bùn lầy, hãy chú ý tránh phanh gấp, tăng tốc đột ngột hoặc bẻ lái gấp. Những hành động như vậy có thể khiến chiếc xe bị kẹt và không thể thoát ra được.
- Sau khi lái xe qua bùn lầy, các mảng bám dính vào xe đều có thể gây hại cho hệ thống lái, phanh và hệ thống truyền động. Nhanh chóng rửa xe và loại bỏ tất cả mảng bùn và các vết bẩn khác bám trên xe.

Bảo dưỡng Ngoại thất → Xem trang 7-125

**Chú ý khi dừng đỗ****Dừng đỗ ở khu vực khí hậu lạnh****Khởi động động cơ ở khu vực khí hậu lạnh**

Động cơ cần được làm ấm trước khi khởi động. Nếu gặp khó khăn khi đề nổ, hãy đợi một lát để ắc-quy hồi lại và khởi động xe khi động cơ đã được làm ấm hoàn toàn.

Trong những ngày lạnh giá → Xem trang 4-6

**Dừng đỗ ở khu vực khí hậu lạnh**

Hãy dừng đỗ xe ở nơi thích hợp, tránh để xe trực tiếp dưới mưa tuyết.

Ngoài ra, khi đánh xe vào gara, bạn nên quay đầu xe hướng vào trong, đỗ xe ở những nơi thông thoáng, càng xa cửa gara càng tốt.

**CHÚ Ý**

- Khi có nguy cơ phanh tay bị đóng băng ở khu vực khí hậu lạnh, hãy làm khô lốp lót và trống phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp phanh năm hoặc sáu lần ở tốc độ 30 km/h trước khi dừng hẳn, sau đó kéo phanh tay.

**Chú ý khi lái xe ở khu vực khí hậu nóng**

Động cơ sẽ dễ bị quá nhiệt khi vận hành trong môi trường có nhiệt độ cao. Để tránh động cơ quá nhiệt, hãy lưu ý những điều sau:

- Hãy pha nước làm mát ở nồng độ phù hợp để ngăn động cơ bị hư hỏng do quá nhiệt.

**CHÚ Ý**

- Không pha nước giếng, nước sông hoặc các loại nước khác vào hệ thống làm mát động cơ. Nó sẽ đẩy nhanh quá trình hình thành rỉ sét và đóng cặn.

Nước làm mát động cơ → Xem trang 7-56

- Nếu vật thể lạ (côn trùng, bùn, v.v.) mắc kẹt trong đường dẫn khí của bộ tản nhiệt, hiệu suất của hệ thống làm mát sẽ kém đi. Kiểm tra các đường dẫn khí xem có bị tắc nghẽn không và xả sạch bất kỳ vật thể lạ nào bằng nước với áp suất thấp.

Vệ sinh → Xem trang 7-131

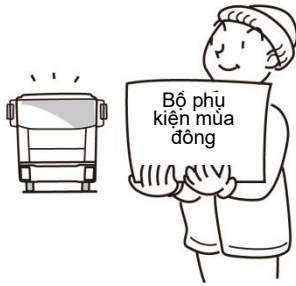
**KHUYẾN CÁO**

- Nhiệt độ môi trường tăng cao sẽ đẩy nhanh sự bay hơi của dung dịch điện phân trong ắc-quy. Thường xuyên kiểm tra mức dung dịch của ắc-quy và bổ sung khi cần thiết.

Ắc-quy → Xem trang 7-118



### Chú ý khi lái xe ở khu vực khí hậu lạnh



Các lưu ý sau áp dụng cho các khu vực khí hậu có nhiều băng tuyết và các vùng đồi núi, các khu trượt tuyết và các vùng khác nhiệt độ cực thấp và/hoặc có mưa tuyết. Hãy tham khảo các thông tin này khi lái xe trong mùa đông ở các khu vực khác.

Để bảo vệ xe của bạn, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu địa phương thực hiện các biện pháp chuẩn bị cho mùa đông được mô tả sau đây. Bạn cũng nên chuẩn bị những trang bị này trước khi lái xe đến một vùng khí hậu lạnh giá.

Nước làm mát động cơ → Xem trang 7-56

Nước rửa kính chắn gió → Xem trang 7-113

Ắc-quy → Xem trang 7-118

Nhớt động cơ → Xem trang 7-38

Sử dụng xích bọc lốp → Xem trang 6-18

Lốp chuyên dụng cho mùa đông → Xem trang 6-16



#### CHÚ Ý

- Không che chắn mặt trước của bộ tản nhiệt bằng báo, bìa cứng hoặc bất kỳ vật liệu dễ cháy nào khác để làm tăng nhiệt độ nước làm mát động cơ.
- Khi làm ấm động cơ nhưng nhiệt độ nước làm mát động cơ không tăng, hãy yêu cầu Đại lý Isuzu địa phương kiểm tra bộ điều chỉnh nhiệt.
- Nếu bạn đỗ xe ở nơi có nhiều tuyết rơi, tuyết tích tụ xung quanh xe có thể cản trở hệ thống thông gió. Vận hành động cơ trong tình huống như vậy có thể khiến khí thải lọt vào cabin, dẫn đến ngộ độc khí CO. Hãy thực hiện các hành động phòng ngừa, ví dụ như dọn dẹp tuyết xung quanh xe.

Nhiên liệu → Xem trang 6-14

### Sử dụng nước làm mát động cơ



Để ngăn ngừa hư hại động cơ do chất làm mát bị đóng băng, hãy trộn chất làm mát và nước để có nồng độ phù hợp theo mùa.

Thay nước làm mát động cơ → Xem trang 7-59

Sử dụng nước làm mát có tuổi thọ cao → Xem trang 7-57

## Nhiên liệu



## CHÚ Ý

- Sử dụng nhiên liệu không phải là dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp sẽ gây ảnh hưởng xấu đến động cơ và bộ lọc khí thải (SCR) và có thể gây ra trục trặc. Nếu bạn vô tình đổ nhầm loại nhiên liệu vào bình chứa, hãy xả hết nhiên liệu ra ngoài. Khởi động động cơ với loại nhiên liệu không phù hợp tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ hoặc hư hại động cơ.
- Sử dụng nhiên liệu diesel không phải dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp có thể vi phạm các yêu cầu pháp lý của địa phương.
- Mở nắp bình xăng một cách từ tốn. Nếu bạn mở đột ngột, nhiên liệu có thể trào ra ngoài.



## KHUYẾN CÁO

- Hãy bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (dưới 50 ppm). Nếu bạn bơm vào loại nhiên liệu kém chất lượng, phụ gia khử nước hoặc các loại phụ gia khác, xăng, dầu hỏa hoặc nhiên liệu gốc cồn, chúng có thể gây hại cho bộ lọc nhiên liệu, ngăn cản sự vận hành trơn tru của các bộ phận được bôi trơn bằng nhiên liệu trong kim phun và ảnh hưởng xấu đến động cơ và bộ chuyển đổi xúc tác PM, từ đó có thể dẫn đến những sự cố nghiêm trọng.



## LƯU Ý

- Các thông số kỹ thuật của nhiên liệu diesel khác nhau tùy theo mùa và khu vực.
- Bảng trên chỉ mang tính chất tham khảo. Điều kiện thực tế có đôi chút khác biệt, vì vậy nhiên liệu có thể bị đóng băng ở nhiệt độ gần với giá trị ghi trong bảng.
- Khi lái xe qua khu vực khí hậu lạnh, hãy đổ lượng nhiên liệu trong bình vừa đủ để đến được khu vực khí hậu lạnh hơn. Ngay sau khi bạn đến vùng lạnh hơn, hãy đổ loại nhiên liệu có nhiệt độ đóng băng thấp hơn tương ứng.
- Khi đưa xe đến vùng lạnh giá bằng tàu hay phà, chỉ đổ vào bình một lượng nhiên liệu tối thiểu.

## Về dung dịch ure (tương đương loại AdBlue®)



## KHUYẾN CÁO

- Nhiệt độ đông đặc của dung dịch ure (AdBlue®) là -11 °C. Hệ thống SCR có chức năng sưởi ấm dựa trên chất làm mát động cơ, do đó động cơ vẫn có thể khởi động ngay cả khi ure (AdBlue®) bị đóng băng.



## CHÚ Ý

- Không sử dụng đèn khò hoặc máy sưởi để làm nóng bình chứa ure.

Hoạt tính của ure (AdBlue®) → Xem trang 2-36

Sử dụng dung dịch ure (AdBlue®) chuyên dụng → Xem trang 2-36

Bơm dung dịch ure (AdBlue®) → Xem trang 2-37

Bình chứa ure → Xem trang 3-9

Khi dung dịch Urea (AdBlue®) đã cạn → Xem trang 8-16

**Khi băng tuyết lấp kín ổ khoá trên cửa hoặc cản trở việc mở cửa**

Nếu dùng quá nhiều lực khi tra chìa khóa vào cửa, chìa khóa có thể bị bể cong. Và nếu bạn cố gắng mở cửa với lực quá mạnh, gioăng cao su xung quanh cửa có thể bị bung ra hoặc bị hư hại. Hãy dùng nước ấm để làm tan băng, sau đó nhanh chóng lau sạch nước đọng và mở cửa.

Nếu cần gạt nước, gương chỉnh điện hoặc cửa sổ chỉnh điện bị đóng băng, hãy sử dụng nước ấm để làm tan băng sau đó vận hành hệ thống. Nếu không, bạn có thể làm hỏng động cơ của các bộ phận này hoặc làm hao mòn ắc-quy. Chú ý lau sạch nước đọng.

**Lốp chuyên dụng cho mùa đông**

Mặt cắt của lốp chuyên dụng cho mùa đông



Mặt tiếp xúc

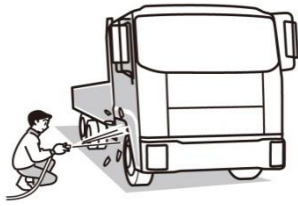
Mặt cắt của lốp chuyên dụng cho mùa đông

Lốp chuyên dụng cho mùa đông được coi là hết khấu hao khi các rãnh lốp đã mòn tới một nửa chiều sâu so với lốp mới. Lúc này, hình minh hoạt mặt cắt cho thấy lốp không còn có thể hoạt động tốt khi tuyết sẽ tích tụ trong các rãnh. Hãy thay lốp mới để đảm bảo an toàn.

**CHÚ Ý**

- Tránh bề lái hoặc phanh gấp. Kết hợp phanh động cơ để giảm tốc. Khi đạp phanh trên đường có tuyết hoặc đông lạnh, hãy nhấp nhả bàn đạp nhiều lần thay vì nhấn mạnh một lần. Một cú nhấn mạnh hết hành trình của bàn đạp phanh sẽ rất nguy hiểm vì nó có thể khiến xe bị trượt bánh.
- Không lái xe với tốc độ cao trên đường khô khi sử dụng lốp chuyên dụng cho mùa đông.
- Tuân thủ các yêu cầu pháp lý của địa phương khi sử dụng lốp chuyên dụng này.

## Vệ sinh xe sau khi di chuyển trên đường mưa tuyết



## CHÚ Ý

- Loại bỏ tuyết bám bên trong chắn bùn và ống phanh. Nếu không, nó có thể làm hỏng các chi tiết của xe. Sau khi lái xe qua khu vực có muối khoáng, hãy rửa sạch mặt dưới của xe càng sớm càng tốt để tránh muối gây rỉ sét các chi tiết kim loại. Phun nước dưới áp lực cao là một cách hiệu quả để xả sạch muối.
- Sau khi rửa xe, lau khô các khe cửa.



## KHUYẾN CÁO

- Trên mẫu xe được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS), cảm biến tốc độ của xe được lắp trên bánh xe. Khi loại bỏ băng tuyết và các mảnh bám khác, cần hết sức cẩn thận để tránh làm hư hại các chi tiết này.
- Không cạo bỏ băng tuyết bằng dao hay vật sắc nhọn. Điều này có thể làm hư hại các chi tiết cao su.

**Sử dụng xích bọc lốp**

Trước khi bắt đầu vào mùa đông, hãy chuẩn bị bằng cách bọc xích cho lốp xe, điều chỉnh độ dài và kiểm tra xem có dấu hiệu hư hại trên xích lốp hay không.

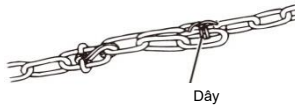
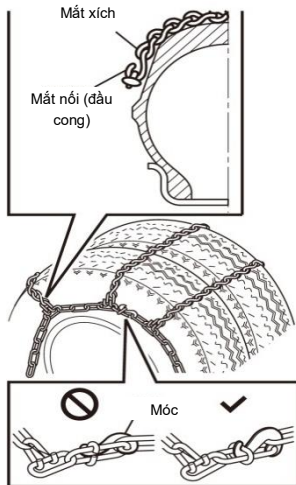
**CHÚ Ý**

- Bọc xích lốp vừa vặn và không bị lỏng. Lái xe với xích lốp bị lỏng có thể gây ảnh hưởng đến các bộ phận khác hoặc xích bị bung ra, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn.
- Nếu nghe thấy âm thanh bất thường, điều đó có thể cho thấy khả năng xích bọc lốp đã bị đứt hoặc rạn một phần. Ngay lập tức dừng xe tại nơi an toàn và kiểm tra tình trạng của xích.
- Hãy cẩn thận tránh tự làm bản thân bị thương khi xử lý xích bọc lốp.

**KHUYẾN CÁO**

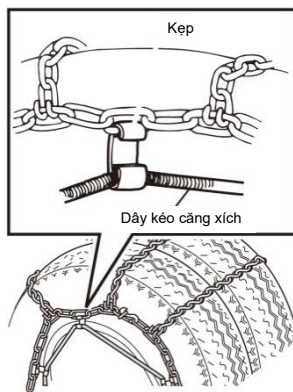
- Không bọc xích lốp đối với bánh trước. Đảm bảo bánh sau được bọc xích lốp với kích cỡ phù hợp.
- Sử dụng loại xích phù hợp với lốp kép. Đối với xích lốp, chúng có thể không tương thích tùy theo thông số kỹ thuật của xe, vì vậy hãy tham khảo Đại lý Isuzu gần nhất để biết thêm chi tiết.
- Đối với lốp kép, không chỉ bọc xích đơn trên lốp ngoài. Xích có thể cọ xát vào các thành phần khác và ảnh hưởng không tốt đến khả năng vận hành xe.
- Các mặt bên của lốp radial dễ bị hỏng do xích lốp. Vì vậy hãy sử dụng xích được thiết kế riêng cho lốp radial hoặc thay bằng lốp mùa đông.
- Khi mua xích lốp, hãy thử lắp vào lốp và điều chỉnh độ dài cho phù hợp.
- Khi xe được bọc xích lốp, hãy lái xe ở tốc độ dưới 30 km/h và tránh các bề mặt không phải là đường có băng tuyết.
- Để lắp và xử lý xích lốp, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng kèm theo xích lốp.

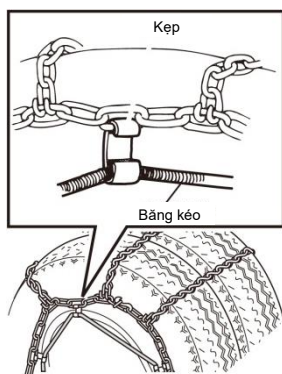
### Cách đeo xích bọc lốp



- ① Đảm bảo xích lốp không bị xoắn, đặt xích lên lốp sao cho các đầu cong của mắt xích hướng ra bên ngoài (phía tiếp xúc với mặt đất).
- ② Kéo cả hai đầu của xích lốp càng xa càng tốt. Ghép các móc bên trong trước, sau đó tới các móc bên ngoài.
- ③ Móc phải được nối phẳng với mặt lốp. Ngoài ra, hãy đảm bảo rằng xích không bị xoắn hoặc uốn.

- ④ Dùng dây buộc gọn phần xích thừa để không va vào thân xe hoặc ống phanh.
- ⑤ Móc các kẹp lên dây xích (với mặt kẹp hướng ra ngoài) sao cho các kẹp được định vị đều xung quanh dây kéo căng.
- ⑥ Sau khi lắp xích lốp và chạy thử, hãy kiểm tra xem xích có bị lỏng hay bị bung ra không.



**Cách tháo xích bọc lốp**

- ① Tháo dây kéo căng và dây buộc, sau đó tháo móc bên ngoài trước.
- ② Di chuyển xe từ từ và tháo dần xích ra khỏi lốp.





**TRƯỚC KHI SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG****7-1****THÔNG TIN DỊCH VỤ SỬA CHỮA****7-14****KIỂM TRA HÀNG NGÀY****7-32****SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG VẤN ĐỀ ĐỘNG CƠ****7-36****DỊCH VỤ VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN KHUNG GẦM****7-68****CÁC DỊCH VỤ SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG KHÁC****7-112****BẢO DƯỠNG NỘI – NGOẠI THẤT****7-124**

**Chuẩn bị kiểm tra**

Dưới đây là bảng tóm tắt quy trình kiểm tra và bảo trì đơn giản. Nếu bạn muốn biết chi tiết về dịch vụ kiểm tra và bảo dưỡng, vui lòng tham khảo phụ lục "Hướng dẫn bảo trì" và tham vấn ý kiến Đại lý Isuzu địa phương.

Kiểm Tra Hàng Ngày (Trước Khi Khởi Hành) → Tham khảo trang 7-33

Danh Mục Kiểm Tra Và Chuẩn Bị Thông Thường → Tham khảo trang 7-17

Danh Mục Phụ Tùng Cần Thay Thế Định Kỳ → Tham khảo trang 7-18

**Các biện pháp phòng ngừa trước khi kiểm tra và cân chỉnh****CẢNH BÁO**

- Chọn vị trí có bề mặt bằng phẳng và chắc chắn để thực hiện công việc kiểm tra và bảo dưỡng. Đảm bảo sử dụng các khối chặn bánh xe. Sẽ rất nguy hiểm nếu xe đột nhiên di chuyển trong quá trình kiểm tra bảo dưỡng.
- Kéo mạnh cần phanh tay và đưa cần số về vị trí "N".
- Tắt động cơ và rút chìa khóa khỏi công tắc máy trước khi thực hiện bất kỳ kiểm tra nào.
- Khi thực hiện công việc trên hệ thống điện, hãy ngắt kết nối cáp âm của ắc quy.
- Tham khảo "Cách sử dụng bộ kích gầm" để thao tác kích nâng gầm xe.
- Không thực hiện quy trình gần khu vực có lửa cháy hoặc các nguồn nhiệt khác.
- Động cơ, ống xả và két nước sẽ rất nóng sau khi xe vừa vận hành. Hãy cẩn thận xung quanh các bộ phận này để tránh bị bỏng. Thực hiện tất cả các kiểm tra khi động cơ đã nguội.
- Thay nhớt và bộ lọc nhớt khi nhớt đã nguội.
- Thực hiện cẩn thận các thao tác ở nhiệt độ cao vì có thể gây bỏng.
- Khi thay thế lọc nhiên liệu, hãy tháo nắp bình nhiên liệu để giảm áp hệ thống nhiên liệu, nếu không giảm áp có thể gây tràn nhiên liệu và tiềm ẩn nguy cơ xảy ra cháy nổ.
- Không để động cơ vận hành trong gara hoặc nhà kho kín gió. Điều này có thể gây ra ngộ độc khí CO.

Xử lý các điểm kích gầm → Tham khảo trang 7-5

**LƯU Ý**

- Chỉ sử dụng các dụng cụ chuyên dụng.
- Không để các bộ phận hoặc dụng cụ đã tháo rời trong khoang động cơ. Chúng có thể làm hỏng thiết bị nếu mắc vào dây cu-roa hoặc các bộ phận chuyển động khác.
- Nước bẩn, bụi bẩn và các tạp chất khác làm suy giảm nghiêm trọng hiệu quả của nhớt, mỡ bôi trơn và dung dịch khi bị lẫn vào, đồng thời làm hỏng các bộ phận của xe.
- Hãy hết sức thận trọng để tránh chất bẩn tiếp xúc với các bộ phận hoặc vật liệu đã bị loại bỏ sau khi thay thế hoặc bổ sung.
- Sau khi thao tác xong, kiểm tra khả năng vận hành bình thường của các bộ phận này.

### Các Bộ Phận bỏ đi, dầu nhớt và các dung dịch khác



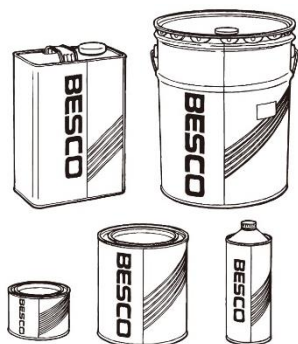
#### LƯU Ý

- Các bộ phận và nhớt thải bỏ đi có thể ảnh hưởng xấu đến môi trường sống. Việc xử lý tương ứng cũng không hề đơn giản nên bạn hãy đến đại lý của Isuzu để kiểm tra và thay thế

Khi thay nhớt, bộ lọc, nước làm mát động cơ hoặc các dung dịch khác, hãy đảm bảo chuẩn bị trước một thùng chứa để loại bỏ chúng.

Sử dụng các phương pháp phù hợp với các yêu cầu pháp lý để loại bỏ hoặc vứt bỏ các bộ phận, nhớt, bộ lọc hoặc nước làm mát động cơ sau khi thay đổi hoặc thay thế.

### Dầu nhớt và Mỡ Bôi Trơn Chính Hãng Isuzu



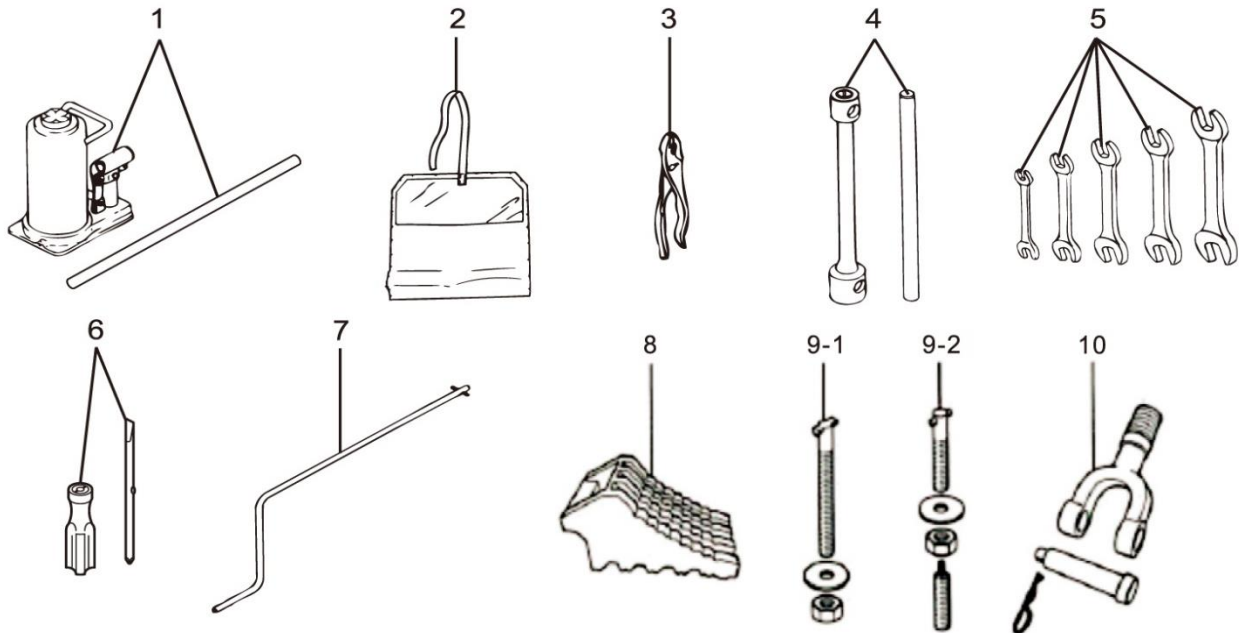
Việc bổ sung và thay nhớt định kỳ là vô cùng quan trọng để duy trì hoạt động của xe và ngăn ngừa các sự cố hỏng hóc.

Isuzu đảm bảo chất lượng và hiệu suất của nhớt và mỡ bôi trơn chính hãng của Isuzu. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng nhớt, mỡ bôi trơn chính hãng của Isuzu để bảo trì và bảo dưỡng xe của mình.

## Dụng cụ

Xe được trang bị các dụng cụ thông thường để kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ. Nếu có nhu cầu điều chỉnh với những yêu cầu đặc biệt, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu..

## Tên dụng cụ



|     |                                                                       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|
| 1   | Kích nâng thủy lực và tay nâng                                        |
| 2   | Túi đựng dụng cụ                                                      |
| 3   | Kìm                                                                   |
| 4   | Tuýp mỡ bánh xe và cần                                                |
| 5   | Cờ lê<br>(10×12) (14×17) (19×22) (24×27)                              |
| 6   | Tuốc nơ vít (đầu Phillips / loại có thể hoán đổi đầu phẳng) 1 cái     |
| 7   | Cần mở lốp dự phòng                                                   |
| 8   | Khối chặn bánh xe 2 cái                                               |
| 9-1 | Khóa bu-lông C * Mẫu G.E: 3 nhóm Các mẫu khác: 4 nhóm                 |
| 9-2 | Khóa bu-lông C * Mẫu G.E kiểu trực trước và trực sau bên phải: 1 nhóm |
| 10  | Móc kéo (thân móc kéo, chốt kẹp, chốt lò xo)                          |



## LƯU Ý

- Hãy đảm bảo mang theo tất cả các dụng cụ được cung cấp trên xe.

## Kích Nâng

Sử dụng kích nâng để nâng xe lên khi thay lốp.

## Hướng Dẫn Sử Dụng Kích Nâng



## CẢNH BÁO

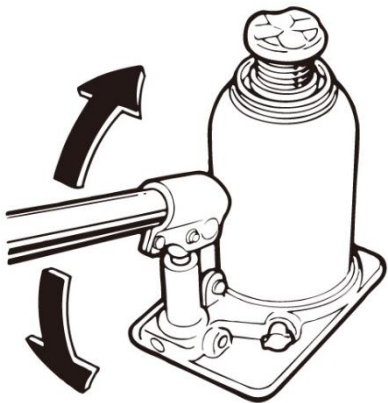
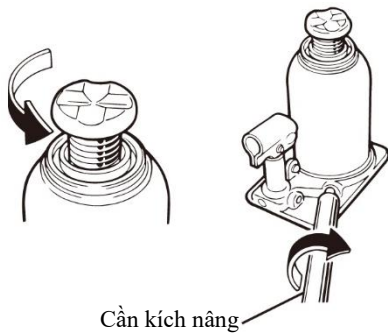
- Chọn mặt sàn phẳng và cứng để sử dụng kích nâng. Khi sàn bị nâng hoặc mềm, kích nâng có thể bị nâng hoặc trượt dễ gây ra tai nạn.
- Dùng phanh tay và cố định bánh xe. Nếu chỉ sử dụng phanh tay, xe có thể chuyển động khi nâng bánh sau lên.
- Khi sử dụng kích nâng, không được để bất kỳ người nào trong xe hoặc bất cứ thứ gì phía sau xe.
- Khi sử dụng kích nâng, hãy lau sạch bụi bẩn và dầu nhớt / mỡ bôi trơn bám trên kích và các khớp đỡ của kích nâng. Bụi bẩn có thể làm trượt kích và đổ xe, rất nguy hiểm.
- Khi sử dụng kích nâng, tắt động cơ và xoay công tắc máy thành "LOCK".
- Không được mở cửa hoặc khởi động động cơ khi sử dụng kích nâng. Kích nâng có thể bị dịch chuyển do rung chấn. Ngoài ra, không được vươn đầu ra để quan sát hoặc đề vào phần dưới của thân xe.
- Khi sử dụng kích nâng, hãy chắc chắn đã đỡ phần thân xe bằng giá đỡ của kích nâng khi di chuyển vào gầm xe.
- Không đặt lốp dự phòng đã tháo rời gần vị trí kích nâng dưới thân xe để tránh nguy hiểm khi kích nâng bị dịch chuyển.

### Cách Vận Hành Kịch Nâng

Đầu kịch nâng

Tay nâng

Van xả



#### Cách nâng (dựng kịch nâng)

- ① Dựng kịch nâng dưới điểm đỡ.  
Mặt đất nơi đặt kịch nâng phải bằng phẳng và cứng.  
Điểm đỡ → Tham khảo trang 7-7

- ② Xoay đầu kịch nâng sao cho phù hợp với chiều cao của điểm đỡ. Vận trái để tăng.
- ③ Sử dụng tay nâng của kịch để vận khóa hoàn toàn van kịch.

- ④ Vận hành tay nâng lên và xuống để nâng cao kịch một chút chạm vào vị trí kịch.
- ⑤ Chắc chắn rằng kịch đã thẳng hàng với điểm đỡ và sau đó mới bắt đầu nâng xe.

#### Cách hạ xuống



##### KHUYẾN CÁO

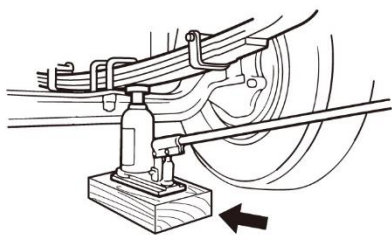
- Khi hạ xe xuống không được dùng kịch nâng đột ngột. Điều này có thể làm kịch nâng bị hỏng.





- ① Căn chỉnh phần lồi của cần kích nâng với van an toàn.
- ② Xoay cần điều khiển sang trái để hạ kích nâng.
- ③ Sau khi kích nâng hoàn toàn hạ xuống, vặn chặt van an toàn.
- ④ Vặn đầu kích nâng hoàn toàn về phía bên phải.

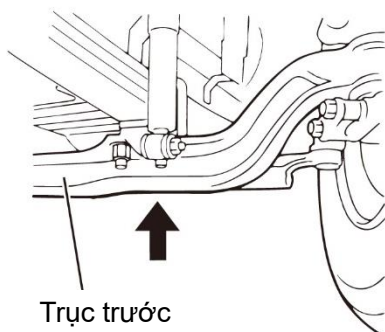
### Điểm đỡ



#### CHÚ Ý

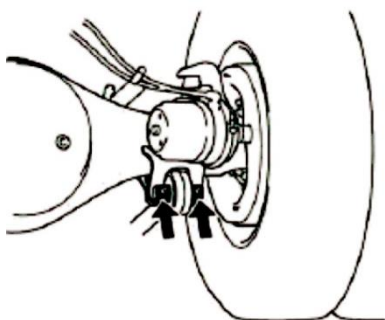
- Khi trục kích nâng không đủ dài, hãy lót một tấm gỗ càng lớn & dày càng tốt dưới kích nâng.
- Tùy thuộc vào tình trạng của xe (xẹp lốp, v.v.), kích nâng có thể không thể chạm vào phần trục trước.

Điểm đỡ khi bánh trước bị xẹp lốp → Tham khảo trang 7-8



[Bánh trước]

Đặt kích nâng dưới nhíp xe của trục trước



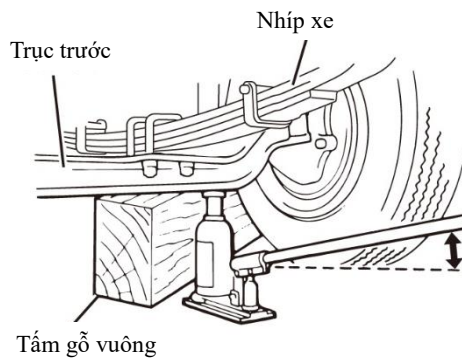
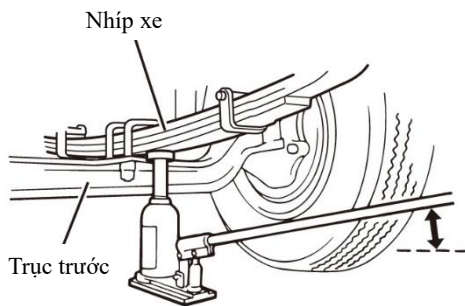
[Bánh sau]

### Điểm đỡ khi bánh trước bị thủng lốp



#### CẢNH BÁO

- Đặt kích nâng ở vị trí gần trục trước nhất.
- Tấm gỗ vuông được dùng để nâng ổn định nên là loại càng lớn càng tốt.
- Mặt dưới của nhíp xe được làm cong, vì vậy hãy cẩn thận khi sử dụng kích nâng. Khi kích nâng dịch chuyển sẽ bị xe đè xuống, rất nguy hiểm.



Kích nâng không thể được sử dụng để làm điểm đỡ thường dùng. Gỗ vuông và các đồ vật khác nên được sử dụng theo các phương pháp sau.

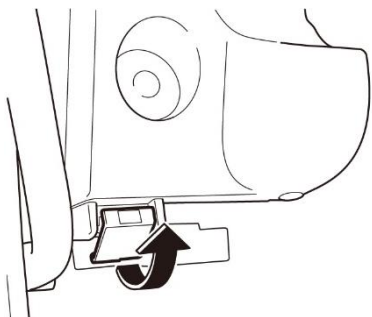
- ① Khối chặn bánh xe nên được sử dụng cho cả phía trước và phía sau của lốp bánh sau.
- ② Đặt kích nâng dưới nhíp xe ở phía trước của trục trước, sau đó bắt đầu nâng lên.
- ③ Đặt miếng gỗ vuông dưới trục trước.
- ④ Hạ kích nâng xuống một chút và đặt kích nâng xuống dưới trục trước trước khi chắc chắn rằng thanh gỗ vuông đã đỡ trục trước hoàn toàn.
- ⑤ Đặt kích ở điểm đỡ và nâng nó lên đến độ cao nơi có thể tháo lốp.

Điểm đỡ → Tham khảo trang 7-7

## Ca-pô xe

Mở ca-pô xe trước để kiểm tra, bổ sung hoặc thay thế nhớt và dung dịch.

### Cách mở

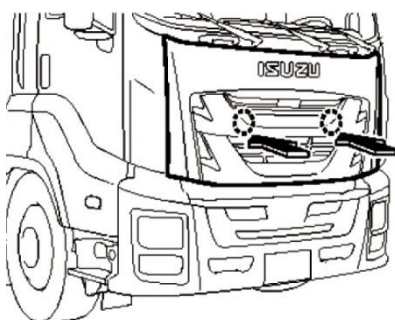


#### CẢNH BÁO

- Không kéo cần khi lái xe. Điều này cực kỳ nguy hiểm, vì việc mở nắp ca-pô phía trước khi đang lái xe sẽ cản tầm nhìn của bạn.
- Khi mở ca-pô phía trước, đảm bảo chuyển công tắc máy thành "LOCK". Nếu không, tay của bạn có thể bị vướng vào liên kết gạt nước của kính chắn gió và bị thương.

- ① Kéo tay cầm ở dưới cùng bên phải của bảng điều khiển.
- ② Đặt tay vào lưới tản nhiệt, di chuyển cần khóa ở giữa nắp ca-pô phía trước sang phải để nhả khóa nắp ca-pô phía trước..
- ③ Mở hoàn toàn nắp ca-pô phía trước.

### Cách Đóng



Dùng lòng bàn tay ấn vào các vị trí khóa ở phần dưới của nắp ca-pô phía trước để khóa nắp an toàn. Hãy chắc chắn rằng ca-pô xe trước đã được khóa hoàn toàn.

**Nâng cabin Xe**

Nâng cabin để kiểm tra, bổ sung hoặc thay thế nhớt và dung dịch.

**CẢNH BÁO**

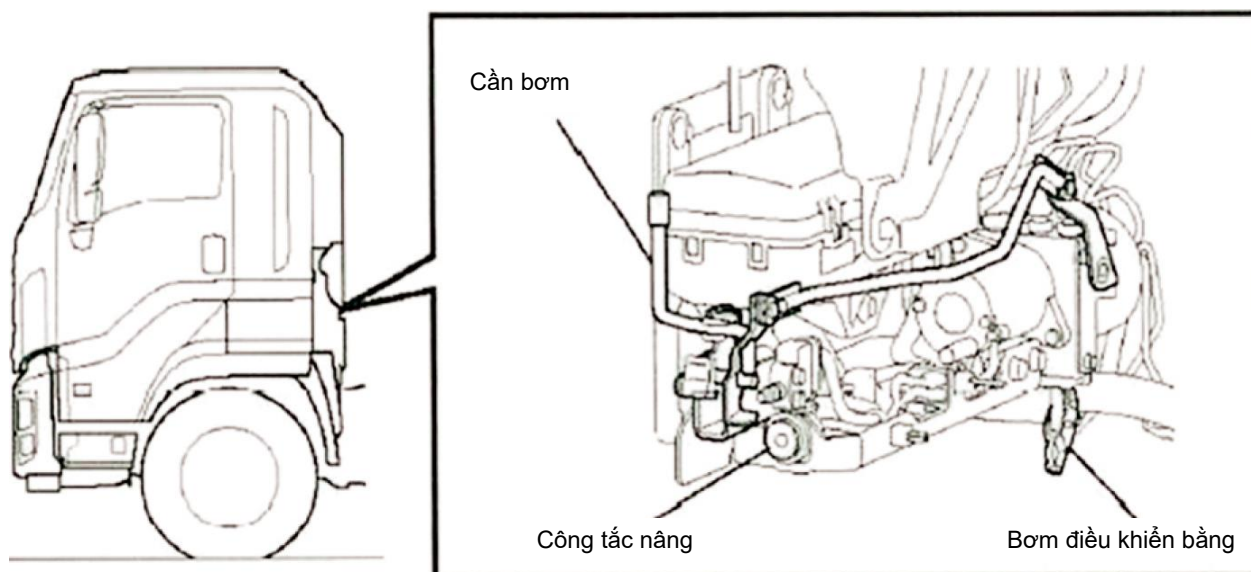
- Khi đầu xe dừng nửa chừng, không được đi vào bên dưới. Mặt trước có thể bị rơi xuống.
- Không được rướn người vào bên dưới phần đầu ô tô khi phần đầu ô tô đang được nâng lên, nếu không bạn có thể bị nguy hiểm.

**THẬN TRỌNG**

- Chỉ nâng cabin trên bề mặt bằng phẳng.
- Đảm bảo có phanh tay, cần số ở vị trí Neutral và sử dụng khối chặn bánh xe để cố định bánh xe.
- Khi nâng cabin, hãy đóng chặt cửa trái và phải. Bạn nên tránh mở hoặc đóng cửa khi cabin đang nâng.
- Khi bạn buộc phải mở hoặc đóng cửa trong khi cabin đang được nâng, hãy đỡ chắc trọng lượng của cửa trong khi mở hoặc đóng. Việc đóng mở cửa bằng tay sẽ rất nguy hiểm. Cánh cửa có thể va vào bạn hoặc ai đó và gây ra thương tích hoặc cánh cửa có thể bị hỏng. Chắc chắn rằng cửa đã đóng hoàn toàn sau khi đóng.
- Xác nhận rằng không có ai ở gần xe hoặc bên trong xe khi nâng cabin.
- Bộ giảm thanh và ống xả sẽ rất nóng ngay sau khi lái xe. Hãy hết sức thận trọng để tránh vô tình chạm vào những thứ này khi thực hiện thao tác nâng cabin.
- Chỉ nâng cabin khi động cơ đã tắt.
- Mở hoàn toàn nắp ca-pô phía trước. Nếu nắp phía trước không được mở hoàn toàn trong quá trình nâng cabin xe, nó có thể bị hỏng.
- Đảm bảo rằng mọi thứ đã được lấy ra khỏi giá nóc xe.

**KHUYẾN CÁO**

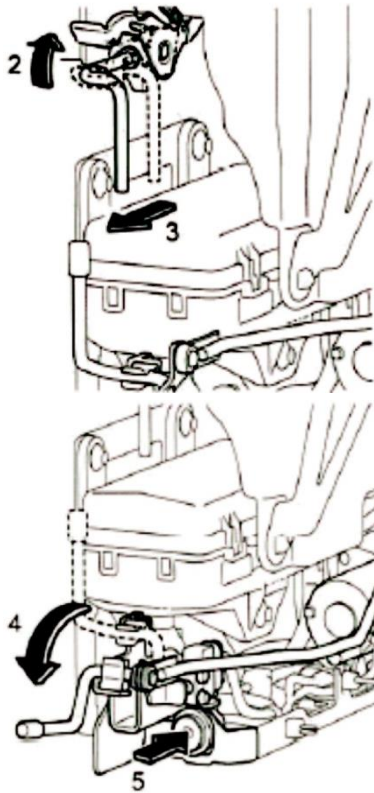
- Kiểm tra các khu vực phía trước và phía trên cabin xem có đủ khoảng trống khi nâng cabin trong nhà. (Cần phải để ý đặc biệt nếu xe của bạn được trang bị tấm chắn gió.)
- Không nâng cabin khi có vật đặt trên hoặc trong bảng điều khiển, ghế ngồi, giá giữ ly hoặc trên sàn.
- Cần loại bỏ hết băng hoặc tuyết tích tụ trên đầu cần trước khi nâng cabin. Nếu không, nó có thể làm hỏng cần, đèn hoặc các bộ phận khác của xe.
- Trừ trường hợp khẩn cấp, không được nửa chừng ngừng nâng cabin. Điều này có thể làm cho cơ cấu nâng bị trục trặc.

**Tên từng bộ phận****Cách nâng cabin lên****CẢNH BÁO**

- Chỉ nâng cabin khi động cơ đã tắt máy.

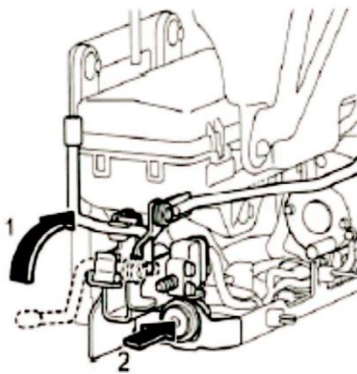
**CẢNH BÁO**

- Mô tơ nâng cabin sẽ không hoạt động khi cần số không ở Neutral hoặc nắp ca-pô phía trước đã đóng.



- ① Mở hoàn toàn nắp ca-pô phía trước.
- ② Kéo móc treo lên.
- ③ Kéo cần khóa bằng tay phải và vận cần khóa xuống để nhả khóa cabin. Một tiếng còi sẽ vang lên. Cabin sẽ nâng nhẹ lên vào lúc này.
- ④ Đặt cần bơm ở vị trí "nâng lên"
- ⑤ Nhấn giữ công tắc nâng cho đến khi cabin ngừng nâng. Khi cabin xe được nâng hoàn toàn, còi sẽ dừng báo.

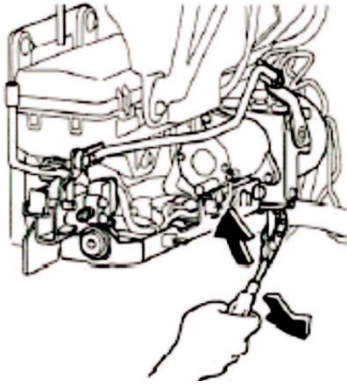
### Cách Hạ Cabin



- ① Đặt cần bơm ở vị trí "nâng xuống". Một tiếng còi sẽ vang lên..
- ② Nhấn công tắc nâng cho đến khi ca bin được hạ xuống hoàn toàn. Khi bạn không còn nghe thấy âm báo, hãy nhả nút công tắc.
- ③ Đóng nắp ca-pô phía trước.

**Các biện pháp khi hệ thống nâng cabin xe bị lỗi****CẢNH BÁO**

- Nếu bạn thấy có bất kỳ điều gì bất thường về âm báo của còi, mô tơ nâng cabin, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu.



Hệ thống nâng cabin thủy lực điều khiển bằng điện sẽ không hoạt động khi hết bình điện, hoặc động cơ nâng hoặc mô tơ bơm bị lỗi. Trong trường hợp này, vui lòng mở hoàn toàn nắp ca-pô phía trước. Vì không thể sử dụng công tắc hướng lên, hãy lắp tước nơ vít vào mô tơ bơm bằng tay và lắc lên xuống để nâng (hoặc hạ) đầu xe. Vận hành cần bơm như bình thường.

**Thông Tin Dịch Vụ**

|                                                             |      |
|-------------------------------------------------------------|------|
| • Danh sách dữ liệu bảo trì                                 | 7-15 |
| • Danh sách giá trị tiêu chuẩn                              | 7-16 |
| • Danh sách kiểm tra và chuẩn bị                            | 7-17 |
| • Danh sách các bộ phận cần phải được thay thế thường xuyên | 7-18 |



## Danh Sách Bảo Trì

| Mô tả                                                                            |                                                        | Tham khảo trang |
|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|
| Danh sách giá trị tiêu chuẩn                                                     |                                                        | 7-16            |
| Danh sách kiểm tra và chuẩn bị thường xuyên (trong thời gian kiểm tra)           |                                                        | 7-17            |
| Danh sách các bộ phận phải được thay thế thường xuyên (trong thời gian thay thế) | Nhớt & dung dịch (thương hiệu, công suất được đề xuất) | 7-18            |
|                                                                                  | Bộ lọc                                                 | 7-20            |
|                                                                                  | Các bộ phận cao su, v.v                                | 7-20            |
|                                                                                  | Dung dịch lau cửa sổ                                   | 7-21            |
|                                                                                  | Các bộ phận khác                                       | 7-22            |
|                                                                                  | Nhớt                                                   | 7-23            |



## KHUYẾN CÁO

- Nhớt (nhớt động cơ), dung dịch (dung dịch ắc quy, nước tản nhiệt) thực hiện các chức năng như bôi trơn, làm mát và chống rỉ sét sẽ giảm dần trong quá trình sử dụng hoặc xuống cấp do nhiễm bẩn, làm giảm hiệu năng của một vài bộ phận xe hoặc dẫn đến các sự cố (Cháy, hoạt động kém). Ngoài ra, các bộ phận chứa cao su sẽ xuống cấp theo thời gian và dễ bị hỏng; vỏ chống nước và bụi của một số bộ phận cũng dễ bị nứt. Để đảm bảo chức năng, hoạt động và an toàn xe, vui lòng tuân thủ chu kỳ thay thế (tùy theo quãng đường và thời gian [tháng, năm], cái nào đến trước) để kiểm tra, bổ sung, thay thế.

## Danh sách giá trị tiêu chuẩn

| Mô tả                           | Giá trị chuẩn [giá trị tham khảo]                                             | Tham khảo trang |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Độ căng dây cu-roa              | tham khảo nội dung                                                            | 7-52            |
| Tốc độ không tải động cơ        | 450~500 vòng/phút                                                             |                 |
| Độ rơ vô lăng                   | 20~50 mm                                                                      |                 |
| Độ rơ bàn đạp ly hợp            | 40~60 mm                                                                      | 7-102           |
| Áp suất lốp                     | tham khảo nội dung                                                            | 7-74            |
| Độ sâu còn lại của rãnh lốp     | 1,6 mm trở lên khi lái xe bình thường<br>3,2 mm trở lên khi lái xe tốc độ cao | 7-75            |
| Lực siết dây cu-roa ốc bánh xe  | 550~600 N·m( có bôi trơn)                                                     | 7-86            |
| Lực siết bu-lông xả nhớt hộp số | 60 N.m                                                                        | 7-106           |

### Danh sách kiểm tra và chuẩn bị

Đây là bảng tóm tắt các công tác kiểm tra và bảo trì đơn giản. Để biết thêm chi tiết về công tác kiểm tra và bảo dưỡng, vui lòng tham khảo phụ lục "Hướng dẫn bảo trì" và tham khảo ý kiến Đại lý Isuzu gần nhất.

| Bộ phận                   | Danh mục                                               | Thời gian kiểm tra          | Tham khảo trang |
|---------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|
| Hộp lái                   | Dầu trợ lực lái                                        | Mỗi 3 tháng                 | 7-110           |
|                           | Tình trạng bộ lọc dầu trợ lực lái                      | Every 100,000km (or 1 year) | 7-111           |
| Bàn đạp phanh             | Độ rơ, hành trình và độ cao bàn đạp phanh              | Mỗi 3 tháng                 | 7-69            |
| Cơ cấu phanh đỗ xe        | Hành trình cần phanh tay                               | Mỗi 3 tháng                 | 7-70            |
| Trống phanh và guốc phanh | Khe hở giữa trống phanh và guốc phanh                  | Mỗi 3 tháng                 | 7-71            |
| Cụm trục bánh xe          | Tình trạng lốp                                         | Mỗi 3 tháng                 | 7-72            |
|                           | Độ lỏng của dây cu-roa ốc bánh xe và bu-lông trục      | Mỗi 3 tháng                 | 7-87            |
| Bộ ly hợp                 | Độ rơ, hành trình và độ cao bàn đạp ly hợp             | Mỗi 3 tháng                 | 7-102           |
|                           | Hoạt động ly hợp                                       | Mỗi 3 tháng                 | 7-102           |
|                           | Mức dầu ly hợp                                         | Mỗi 3 tháng                 | 7-105           |
| Hộp số                    | Mức nhớt và tình trạng nhớt                            | Mỗi 3 tháng                 | 7-105           |
| Bộ vi sai                 | Mức nhớt và tình trạng nhớt                            | Mỗi 3 tháng                 | 7-108           |
| Bình điện                 | Tình trạng bình & cọc bình                             | Mỗi 3 tháng                 | 7-118           |
| Động cơ                   | Trạng thái nổ cầm chừng và tăng ga                     | Mỗi 3 tháng                 | 7-37            |
|                           | Tình trạng lọc gió                                     | Mỗi 3 tháng                 | 7-47            |
| Hệ thống bôi trơn         | Mức nhớt các bộ phận                                   | Mỗi 3 tháng                 | 7-38            |
| Hệ thống nhiên liệu       | Trạng thái bộ lọc tách nước                            | Mỗi 3 tháng                 | 7-98            |
| Hệ thống làm mát          | Tình trạng hỏng hóc và độ căng dây cu-roa              | Mỗi 3 tháng                 | 7-52            |
|                           | Rò rỉ nước                                             | Mỗi năm                     | 7-58            |
| Ống xả                    | Độ chặt và tình trạng hỏng hóc                         | Mỗi 3 tháng                 | 7-64            |
| Máy nén khí               | Bình khí nén và lọc khí nén                            | Mỗi 3 tháng                 | 7-90            |
| Các bộ phận khác          | Tình trạng bôi trơn của các bộ phận khác phần khung xe | Mỗi 3 tháng                 | 7-23            |

### Danh Sách Các Bộ Phận Phải Được Thay Thế Thường Xuyên



#### KHUYẾN CÁO

- Khi chu kỳ thay thế diễn ra đồng thời với thời gian sử dụng và quãng đường đã chạy thì nên cân nhắc thực hiện trên cơ sở điều kiện nào diễn ra trước sẽ cần bảo trì trước



#### KHUYẾN CÁO

- Lượng nhớt được mô tả ở trên là tiêu chuẩn để thay thế. Sau khi thay nhớt, vui lòng kiểm tra xem nhớt bôi trơn có đến đúng vị trí đã định hay không.

| Mẫu mã       | Chu kỳ thay thế | Dung tích [Tham khảo] | Thương hiệu                                | Ghi chú                                  | Tham khảo trang |
|--------------|-----------------|-----------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------|
| Nhớt động cơ |                 |                       |                                            |                                          |                 |
| 6UZ1         | Mỗi 20000 km*1  | 31L                   | • Chính hãng Isuzu (BESCO CLEAN -30, v.v.) | Có dung tích bộ lọc chính và bộ lọc phụ. | 7-41            |
| 6WG1         |                 | 29L                   |                                            |                                          |                 |

\*1: Khi xe mới đã di chuyển được 1,000 km

| Mẫu mã                  |                       | Chu kỳ thay thế                           | Dung tích [Tham khảo]                                     | Thương hiệu                                                                                                                                                               | Ghi chú                                                                                                                                    | Tham khảo trang |
|-------------------------|-----------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Nhớt hộp số             |                       |                                           |                                                           |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                 |
| ZF8 / 16 cấp số         |                       | Chu kỳ thay được xác định bởi thương hiệu | 15.4L cho lần đầu tiên, 12.4L để bảo trì (+ 0.5L với PT0) | ZF-Ecofluidm                                                                                                                                                              |                                                                                                                                            | 7-106           |
| Nhớt cụm vi sai         |                       |                                           |                                                           |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                 |
| 17.5 " HT               | Phía sau / phía trước | Mỗi 50,000km (hoặc 1 năm) * 1             | 18L                                                       | Nhớt hộp số BESCO gear oil SH90<br>• Nhớt hộp số BESCO gear oil SH140<br>• Nhớt hộp số BESCO gear oil SH80W-90<br>• Nhớt hộp số BESCO gear oil<br>• LSD (Với dòng xe LSD) | Nhớt là lượng thay nhớt tiêu chuẩn. Vui lòng xác chắc chắn rằng nhớt đã được thêm vào lỗ phun.                                             | 7-108           |
|                         | sau                   |                                           | 12L                                                       |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                 |
| 18.5 " H                |                       |                                           | 13L                                                       |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                 |
| Dầu trợ lực lái         |                       |                                           |                                                           |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                 |
| C※R-2<br>C※R-2          |                       | Mỗi 100,000km(hoặc 1 year)*2              | 6L                                                        | • BESCO ATF III<br>• BESCO ATF II<br>• Dầu trợ lực lái BESCO (dành cho xe lớn)                                                                                            |                                                                                                                                            | 7-110           |
| CYH                     |                       |                                           | 7.5L                                                      |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                 |
| Dầu ly hợp ◎            |                       |                                           |                                                           |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                 |
| Tất cả mẫu mã           |                       | Hàng năm                                  | 0.25L                                                     | Dầu ly hợp BESCO super clutch oil (D0T3)                                                                                                                                  | Hãy nhớ ở đây không phải bổ sung nhớt mà là tổng dung tích của bình xăng, xy lanh chính, bộ trợ lực ly hợp (không bao gồm lượng đường ống) | 7-105           |
| Dầu nâng cabin thủy lực |                       |                                           |                                                           |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |                 |
| Tất cả mẫu mã           |                       | Mỗi 2 năm                                 | 0.63L                                                     | Dầu BESCO Tiltup oil                                                                                                                                                      | Xin nhớ rằng, ở đây không phải lượng dầu thay định kỳ, mà là tổng dung tích bao gồm đường ống.                                             |                 |

\* 1: Khi xe mới di chuyển được 1.000 km

\* 2: Khi xe mới di chuyển được 5.000km

◎: Khi thay thế cần được phân tích hoạt động, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu.

| Mẫu mã                 | Chu kỳ thay thế                               | Dung tích [Tham khảo] | Thương hiệu                                              | Ghi chú     | Tham khảo trang |
|------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------|-------------|-----------------|
| Nước tản nhiệt động cơ |                                               |                       |                                                          |             |                 |
| 6UZ1<br>6WG1           | Nồng độ 50%:<br>mỗi 600.000km<br>(hoặc 3 năm) | 44L                   | BESCO LLC Supertype E<br>hoặc BESCO LLC Super type<br>AS | Nồng độ 50% | 7-56            |

### Các loại lọc

| Danh mục                     | Chu kỳ thay thế                      | Tham khảo trang |
|------------------------------|--------------------------------------|-----------------|
| Lõi lọc nhớt động cơ         | Mỗi 20.000 km                        | 7-43            |
| Lõi lọc nhiên liệu chính     | Mỗi 40.000km                         | 7-62            |
| Lõi bộ lọc nhiên liệu sơ cấp |                                      | 7-98            |
| Bộ lọc khí nén               | Sau khi làm sạch 6 lần hoặc hàng năm | 7-47            |
| Bộ lọc urê                   | Mỗi 150.000km (hoặc 1 năm)           | 7-65            |
| Bộ lọc điều hòa              | Làm sạch 1 tháng một lần             | 5-11            |

### Các bộ phận cao su, v.v

| Danh mục                                                  | Chu kỳ thay thế            | Ghi chú                            |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|
| Đường ống trợ lực lái                                     | Mỗi 4 năm                  |                                    |
| Bộ phận cao su bên trong hộp lái                          | Mỗi 4 năm                  |                                    |
| Phanh tay, van phanh                                      | Mỗi 2 năm                  |                                    |
| Ống phanh                                                 | Mỗi 2 năm                  |                                    |
| Cần đẩy trống phanh                                       | Mỗi 3 năm                  | Hoặc đổi mới động cơ 3 năm một lần |
| Vách buồng phanh và các bộ phận cao su                    | Mỗi 2 năm                  | Không bao gồm phần "piggyback"     |
| Bộ phận buồng phanh - phanh đỗ (piggyback)                | Mỗi 3 năm                  |                                    |
| Van chuyển tiếp, bộ phận cao su của van chuyển tiếp nhanh | Mỗi 2 năm                  | Chỉ có phần "phanh tay"            |
| Đường ống mô-đun ABS                                      | Mỗi 2 năm                  |                                    |
| Van phanh                                                 | Mỗi 10 năm                 |                                    |
| Van relay trước và các phần cao su                        | Mỗi 10 năm                 | Ngoại trừ phần "phanh tay"         |
| Van relay sau và các phần cao su                          | Mỗi 10 năm                 | Ngoại trừ phần "phanh tay"         |
| Chất hút ẩm, bộ lọc và bộ phận cao su của bộ sấy khí      | Mỗi 100,000km (hoặc 1 năm) |                                    |
| Các bộ phận cao su hệ thống khí nén                       | Mỗi 2 năm                  |                                    |
| Ống mềm đồng hồ đo áp suất khí nén                        | Mỗi 4 năm                  |                                    |
| Ống mềm máy nén khí                                       | Mỗi 2 năm                  |                                    |
| Đường ống nhiên liệu                                      | Mỗi 4 năm                  |                                    |

Dung Dịch Rửa Kính Chắn Gió

Tỷ lệ hỗn hợp của dung dịch rửa kính chắn gió

| Dung tích [Tham khảo] | Chu kỳ       | Nước sạch | Dung dịch rửa kính chắn gió   | Độ đóng băng | Tham khảo trang |
|-----------------------|--------------|-----------|-------------------------------|--------------|-----------------|
| 4.5L                  | Thông thường | 2         | 1                             | Khoảng -10°C | 7-113           |
|                       | Mùa đông     | 1         | 1                             | Khoảng -20°C |                 |
|                       | Lạnh         | 0         | Sử dụng dung dịch chuyên dụng | Khoảng -50°C |                 |

Các Bộ Phận Khác

| Danh mục                        | Chu kỳ thay thế            | Ghi chú |
|---------------------------------|----------------------------|---------|
| Công tắc đèn tín hiệu đỗ xe     | 2 năm một lần              |         |
| Bộ phận phun urê (hệ thống SCR) | Mỗi 750.000km              |         |
| Cảm biến NOx (hệ thống SCR)     | Mỗi 750.000km (hoặc 7 năm) |         |



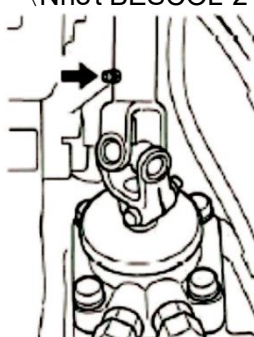
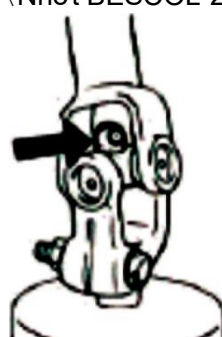
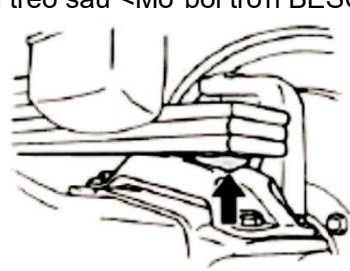
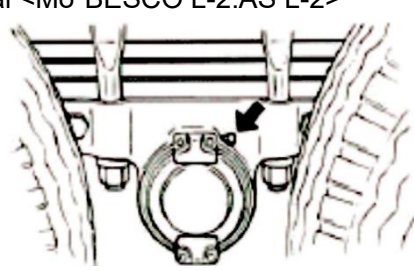
## Bôi trơn



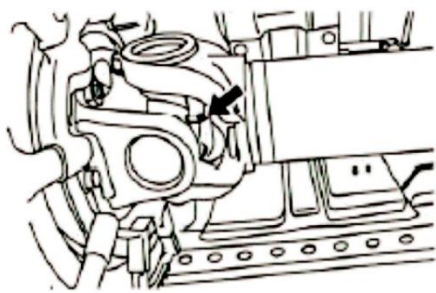
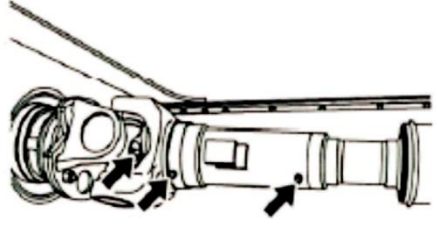
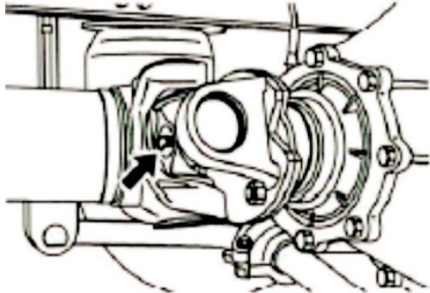
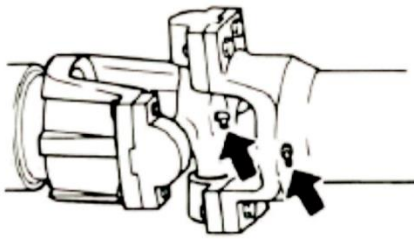
## KHUYẾN CÁO

- Các bộ phận khác nhau yêu cầu các loại (đặc tính) bôi trơn khác nhau. Mỡ BESCOL-3 2, BESCOASL-3 2 (mỡ đa dụng) có thể dùng được cho các nhu cầu sử dụng bôi trơn thông thường trong khi mỡ bôi trơn BESCO (mỡ cho khung gầm) chỉ sử dụng cho khung gầm. Vui lòng kiểm tra lại tất cả các bộ phận đã sử dụng các loại mỡ được khuyến nghị và chọn các loại mỡ thích hợp.

Sau mỗi 5.000 km lái xe, bổ sung <Mỡ BESCOL-2-ASL-2, Mỡ bôi trơn BESCO> vào các vị trí sau.

|                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Trục lái &lt;Nhớt BESCOL-2-ASL-2&gt;</p>  <p>[Dưới cabin] 1 điểm, nâng cabin để thực hiện</p>                                 | <p>Trục lái &lt;Nhớt BESCOL-2-ASL-2&gt;</p>  <p>[Dưới cabin] 1 điểm</p>                       |
| <p>Hệ thống treo sau &lt;Mỡ bôi trơn BESCO&gt;</p>  <p>[Đệm nhíp] Khoảng 4 điểm<br/>Phủ hoàn toàn trên bề mặt lò xo bị mòn.</p> | <p>Trục lái &lt;Mỡ BESCO L-2.AS L-2&gt;</p>  <p>[Phần trục cân bằng] trái và phải 2 điểm</p> |

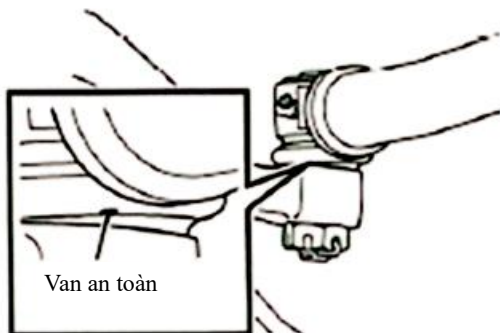
Sau mỗi 5.000 km lái xe, bổ sung <Mỡ BESCOL-2-ASL-2, Mỡ bôi trơn BESCO> vào các vị trí sau.

|                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Trục truyền động</p>  <p>[khớp chữ thập]</p>  | <p>Trục truyền động</p>  <p>[Khớp trượt]<br/>[Ống trượt] Trục truyền động không có vị trí bơm mỡ =&gt; Không cần mỡ bôi trơn.</p> |
| <p>Trục truyền động</p>  <p>[Khớp chữ thập]</p> | <p>Trục truyền động</p>  <p>[Giữa 2 trục phía sau] khớp chữ thập và khớp trượt</p>                                                |

Sau mỗi 25.000 km hành trình lái xe (hoặc 6 tháng), hãy bổ sung <Mỡ BESCOL-2-ASL-2, Mỡ bôi trơn BESCO> vào những vị trí sau.

**KHUYẾN CÁO**

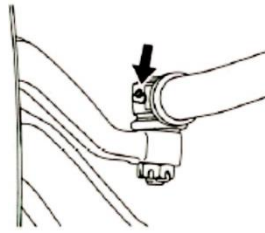
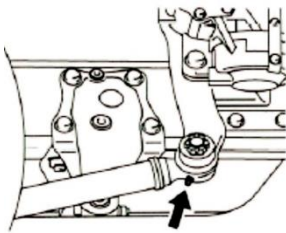
- Tránh trộn lẫn với các nhãn hiệu khác (mỡ bôi trơn). Đảm bảo sử dụng mỡ đã được khuyến nghị cho mỗi bộ phận. Sử dụng mỡ bôi trơn ở một vị trí không được chỉ định có thể làm hỏng vòng bi.
- Khi bơm đầy khớp chữ thập trục truyền động, đặc biệt chú ý bơm mỡ cho đến khi mỡ bôi trơn tràn cả bốn phốt chắn nhót trên vòng bi kim. Sau khi tra mỡ, vui lòng lau khô phần mỡ bôi trơn bị tràn ra.

**CHÚ Ý**

- Khi bơm mỡ đầy trục tay lái xe và thanh nối, hãy châm mỡ bôi trơn cho đến khi tràn ra van an toàn. Nếu có mỡ tràn ra ở những vị trí khác ngoài van an toàn, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần bạn.

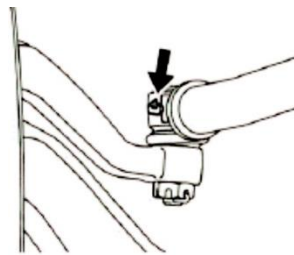
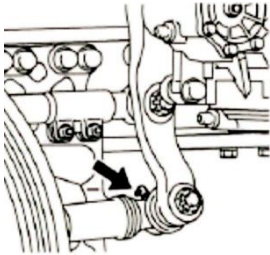
Hệ thống lái với thanh kéo dọc

<Mỡ BESCOL-2 AS L-2>

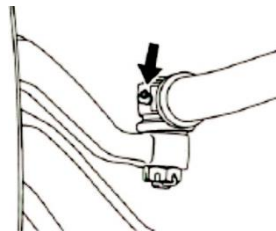
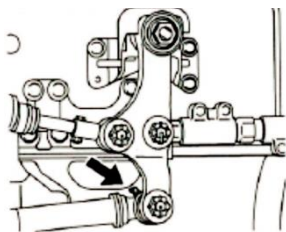


Phía trước và phía sau 2 điểm (loại xe C \* E \*)

Đòn lái <Mỡ BESCO L-2 AS L-2>

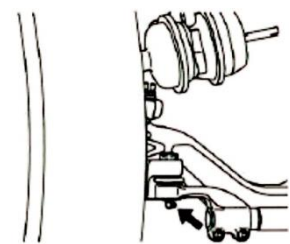


Phía trước và cầu trước 2 điểm (loại xe CYH)



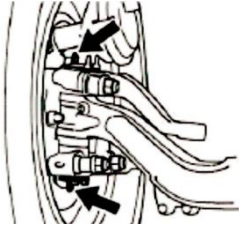
Cầu trước và cầu sau 2 điểm (loại xe CYH)

Đòn kéo <Mỡ BESCO L-2 AS L-2>

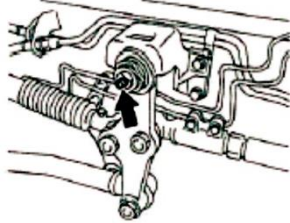


Bên trái và bên phải 2 điểm (xe 1 cầu phía trước) Trái và phải 2 điểm (xe 2 cầu phía trước)

Chốt king-pin <Mỡ BESCO L-2 AS L-2>

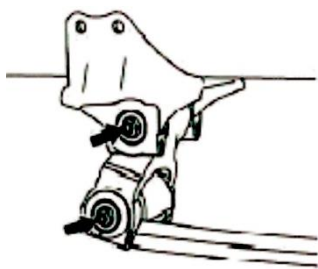


Thanh dẫn động <Mỡ BESCO L-2 AS L-2>

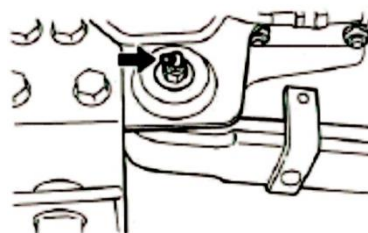


(Xe loại C×H)

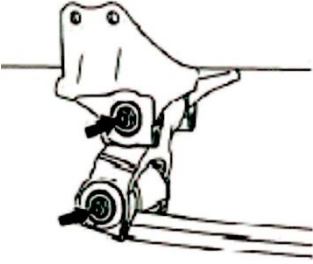
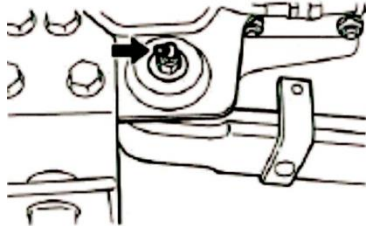
Hệ thống treo trước &lt;Mỡ bôi trơn BESCO&gt;



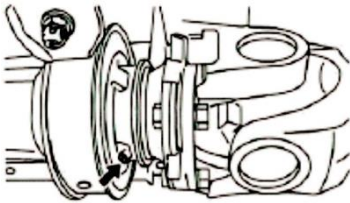
Hệ thống treo trước &lt;Mỡ bôi trơn BESCO&gt;



Sau khi lái xe mỗi 25.000 km, hãy bổ sung < Mỡ bôi trơn BESCO > vào các vị trí sau.

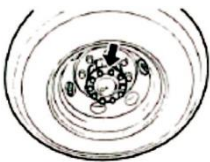
|                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Hệ thống treo trước &lt;Mỡ bôi trơn BESCO &gt;</p>  <p>trái và phải 2 vị trí &lt;loại xe CXR, EXR&gt;</p> | <p>Hệ thống &lt;Mỡ bôi trơn BESCO&gt;</p>  <p>trái và phải 2 vị trí &lt;loại xe CXR, EXR&gt;</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Sau khi lái xe mỗi 50.000 km (hoặc 1 năm), thêm <Mỡ BESCO-3.2, Mỡ BESCOASL-3.2> vào các vị trí sau.

|                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Vòng bi bạc đạn treo★</p>  <p>Trái và phải 2 vị trí &lt;loại xe CXR, EXR&gt;</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Nếu cần tháo rời khi thay thế mỡ bôi trơn moay-ơ, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu.

Bán trục ★



|            | Hạng mục | Dung tích | Ghi chú                                       |
|------------|----------|-----------|-----------------------------------------------|
| Bánh trước | ISO10    | 805g      | Dung tích lượng mỡ cần thiết cho 1 cụm moay-ơ |
| Bánh sau   | ISO10    | 1,820g    |                                               |

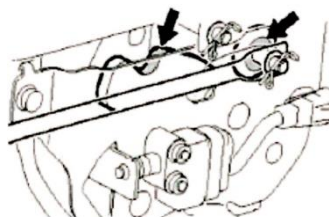


Sau khi lái xe mỗi 25.000 km (hoặc 1 năm), bổ sung <Mỡ BESCO-2 · ASL-2> vào các vị trí sau.

**KHUYẾN CÁO**

- Trước khi bơm mỡ, vui lòng làm sạch bụi bẩn các vị trí bơm.

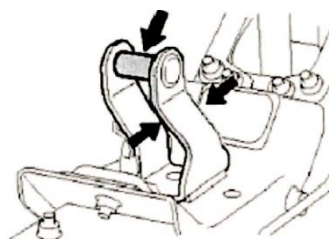
Cụm khóa cabin



Bên trái 2 điểm

Chỗ trượt cũng cần tra mỡ

Khung đệm cabin

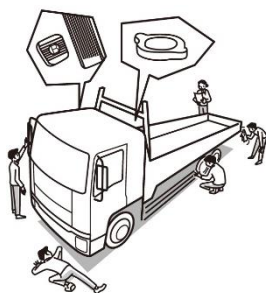


Trái và phải mỗi nơi 2

**Kiểm Tra Định Kỳ**

|                                             |      |
|---------------------------------------------|------|
| • Kiểm tra định kỳ (Trước khi lái)          | 7-33 |
| • Kiểm tra bộ phận bất thường được tìm thấy | 7-35 |

### Kiểm tra định kỳ (Trước khi lái)



Kiểm tra định kỳ là nghĩa vụ của người lái xe được Luật Phương tiện Giao thông Đường bộ quy định. Trước khi lái xe, vui lòng kiểm tra định kỳ, để đảm bảo rằng không có điều gì bất thường. Để đảm bảo việc lái xe an toàn và thoải mái, vui lòng xem kỹ quãng đường đã đi, tình trạng hoạt động và các điều kiện khác. Và để đáp ứng và chuẩn bị một cách phù hợp cho chu kỳ kiểm tra, nếu phát hiện thấy bất thường sau khi kiểm tra hoặc có bất kỳ bất thường nào trong lần vận hành gần nhất và trong ngày hôm trước, hãy sửa chữa tại đại lý của ISUZU để khôi phục tình trạng xe.

### Kiểm tra định kỳ (Trước khi lái)

#### [1. Kiểm tra các bộ phận bất thường được tìm thấy trong lần lái xe trước]

| Hạng mục                                                             | Tham khảo trang |
|----------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Kiểm tra các bộ phận bất thường được tìm thấy trong lần lái xe trước | 7-35            |

#### [2. Mở nắp ca-pô phía trước và kiểm tra]

| Hạng mục                        | Tham khảo trang |
|---------------------------------|-----------------|
| Lượng nhớt động cơ * 1          | 7-38            |
| Độ căng dây cu-roa, hư hỏng * 1 | 7-52            |
| Mức dung dịch các loại * 1      | 7-113           |

#### [3. Vị trí ghế lái]

| Hạng mục                                                  | Tham khảo trang |
|-----------------------------------------------------------|-----------------|
| Tình trạng vận hành động cơ, có âm thanh bất thường không | 7-37            |
| Hành trình bàn đạp phanh                                  | 7-69            |
| Âm thanh xả của van phanh                                 | 7-69            |
| Mức độ tăng áp suất không khí                             | 7-91            |
| Hành trình phanh đỗ xe                                    | 7-70            |
| Trạng thái phun dung dịch rửa kính, gạt nước * 1          | 7-113, 7-115    |

**[4. Đi 1 vòng quanh xe]**

| Hạng mục                                                       | Tham khảo trang |
|----------------------------------------------------------------|-----------------|
| Đèn chiếu sáng, các công tắc, bụi bẩn, hư hỏng                 | 7-117           |
| Lượng nước bình điện * 1                                       | 7-120           |
| Lượng dung dịch làm mát * 1                                    | 7-58            |
| Lượng nước ngưng tụ trong các bình khí nén. (lượng nước xả ra) | 7-90            |
| Chức năng bộ sấy khí nén * 2                                   | 7-96            |

**[5. Kiểm tra lốp xe]**

| Hạng mục               | Tham khảo trang |
|------------------------|-----------------|
| Áp suất lốp            | 7-73            |
| Nứt, hư hỏng           | 7-75            |
| Hao mòn bất thường     | 7-75            |
| Độ sâu rãnh lốp xe * 1 | 7-75            |
| Tình trạng mâm xe      | 7-77            |

**[6. Lái thử]**

| Hạng mục                           | Tham khảo trang |
|------------------------------------|-----------------|
| Phanh có linh hoạt không           | 7-69            |
| Tốc độ thấp và trạng thái tăng tốc | 7-37            |
| Hoạt động ly hợp * 2               | 7-102           |

\* 1: Khoảng thời gian thích hợp để thực hiện các hạng mục kiểm tra này được xác định trên cơ sở các yếu tố như quãng đường đã đi và tình trạng tại thời điểm hoạt động.

\* 2: Đây là những hạng mục kiểm tra do Isuzu khuyến nghị.

**Kiểm tra các bộ phận bất thường được tìm thấy trong lần lái xe trước**

Vui lòng kiểm tra các bộ phận bất thường được tìm thấy trong ngày hôm trước hoặc lần lái xe trước. Sửa chữa tại Đại lý Isuzu để khôi phục tình trạng lái được.

**DỊCH VỤ VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG CƠ**

|                                            |      |
|--------------------------------------------|------|
| • Tình trạng động cơ                       | 7-37 |
| • Nhớt động cơ                             | 7-38 |
| • Lọc nhớt động cơ                         | 7-43 |
| • Lỗi lọc tách nhớt động cơ                | 7-46 |
| • Lọc gió động cơ                          | 7-47 |
| • Dây cu-roa                               | 7-51 |
| • Dây cu-roa máy nén điều hòa không khí ★★ | 7-55 |
| • Nước làm mát động cơ                     | 7-56 |
| • Bộ lọc nhiên liệu                        | 7-62 |
| • Ống xả                                   | 7-64 |
| • Bộ lọc urê                               | 7-65 |

**Tình Trạng Động Cơ**

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

**Kiểm tra tình trạng vận hành động cơ, âm thanh bất thường**

Vận công tắc máy để khởi động động cơ.

Kiểm tra để đảm bảo rằng động cơ khởi động nhanh chóng và không có tiếng ồn bất thường.

Phương Pháp Khởi Động Động Cơ → Tham khảo trang 4-4

**Kiểm Tra Tình Trạng Của Động Cơ Ở Tốc Độ Thấp Và Trong Khi Tăng Tốc**

- ① Vận công tắc máy để khởi động động cơ và làm nóng động cơ.

Phương pháp khởi động động cơ → Tham khảo trang 4-4

- ② Kiểm tra để đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong phạm vi tốc độ không tải tiêu chuẩn. Tuy nhiên, lưu ý rằng điều này loại trừ điều kiện sau:
  - Khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp

Núm điều khiển chạy không tải → Tham khảo trang 4-64

- ③ Chạy xe, đảm bảo chân ga không bị dính khi tăng tốc dần, tốc độ động cơ tăng nhẹ nhàng và động cơ không bị gấn.

## Nhớt Động Cơ



Nhớt động cơ được sử dụng để làm mát bên trong động cơ và xả cặn bẩn bên trong động cơ. Nhớt động cơ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động và tuổi thọ của động cơ, mức tiêu hao nhiên liệu, nên khuyến bạn sử dụng nhớt động cơ được khuyến nghị.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15



### KHUYẾN CÁO

- Nhớt động cơ được sử dụng để bôi trơn và tản nhiệt các chi tiết bên trong động cơ. Trong quá trình vận hành, quá trình bay hơi có thể khiến nhớt động cơ bị giảm chất lượng hoặc mất đi. Nếu không được bổ sung hoặc thay thế có thể làm cho động cơ bị hư hỏng. Tình hình cũng khác nhau tùy vào các điều kiện sử dụng khác nhau. Khi nhớt động cơ bị giảm chất lượng hoặc mất đi trước thời hạn quy định, vui lòng bổ sung hoặc thay thế.
- Nhiên liệu sẽ dần lẫn trong nhớt động cơ, dẫn đến thành sự bôi trơn động cơ giảm xuống. Đảm bảo thay nhớt động cơ trong khoảng thời gian quy định.

## Kiểm tra nhớt động cơ



### KHUYẾN CÁO

- Nếu mức nhớt động cơ cao hơn vạch "MAX" trên que thăm nhớt, động cơ có thể bị hỏng.

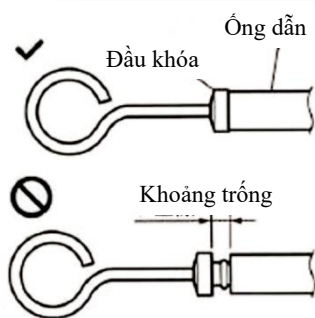
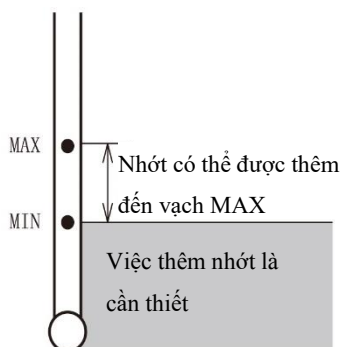
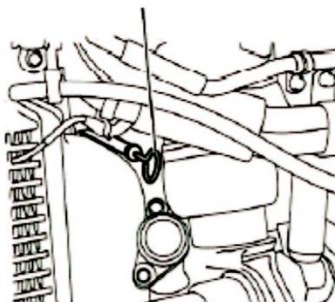


### CHÚ Ý

- Thực hiện tất cả các kiểm tra mức nhớt động cơ trước khi khởi động động cơ.
- Không thể kiểm tra mức nhớt một cách chính xác khi động cơ đang chạy.
- Khi động cơ đã chạy, hãy đợi từ 20 đến 30 phút sau khi dừng động cơ và sau đó kiểm tra mức nhớt.



Que thăm nhớt



Mở nắp ca-pô phía trước và kiểm tra mức nhớt động cơ bằng que thăm nhớt. Mức nhớt động cơ bình thường giữa "MAX" và "MIN". Ngoài ra, hãy kiểm tra nhớt động cơ xem có bị rò rỉ không.

**Nắp ca-pô phía trước → Tham khảo trang 7-9**

- ① Rút que thăm nhớt và lau sạch nhớt bám trên que thăm nhớt.
- ② Lắp lại que thăm nhớt hoàn toàn và sau đó nhẹ nhàng tháo nó ra. Nếu mức nhớt nằm trong khoảng "MAX" và "MIN", nhớt đang ở mức chính xác.
- ③ Nếu mức nhớt thấp, hãy bổ sung nhớt đến mức "MAX".
- ④ Sau khi kiểm tra mức nhớt, hãy lắp lại que thăm nhớt hoàn toàn.

**CHÚ Ý**

- Khi lắp que thăm nhớt, hãy cẩn thận để không làm cong nó. Điều này có thể làm cho que thăm nhớt bị biến dạng.
- Nhấn que thăm nhớt cho đến khi đầu khóa khớp với ống dẫn. Nếu có khe hở nào, nó có thể dẫn nước vào động cơ, gây hỏng hóc..

## Châm thêm nhớt động cơ



## CẢNH BÁO

- Khi thêm nhớt, hãy cẩn thận để không làm đổ bất kỳ thứ gì, nhưng hãy giữ sẵn một chiếc giẻ lau để đề phòng khi có bất kỳ sự cố tràn nhớt nào. Nếu nhớt tràn vào động cơ, hãy cẩn thận lau sạch. Nếu không thực hiện biện pháp phòng ngừa này, nhớt tràn có thể gây bốc cháy và đám cháy có thể lan rộng.
- Không để các vật dụng dễ cháy, chẳng hạn như giẻ lau hoặc găng tay, trong khoang máy. Chúng có thể gây ra hỏa hoạn.

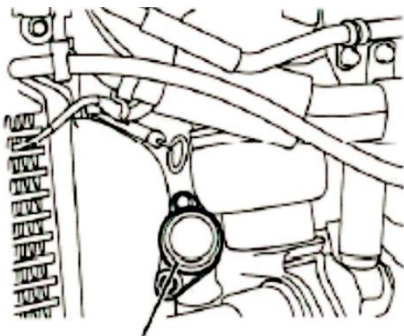


## KHUYẾN CÁO

- Ngăn bụi bẩn xâm nhập vào cổng châm khi thêm nhớt. Nếu vật thể lạ bị trộn lẫn với nhớt, nó có thể làm hỏng động cơ.
- Nếu bạn bổ sung nhớt đến khi vượt trên mức "MAX" trên que thăm nhớt, động cơ có thể bị trục trặc, vì vậy hãy đảm bảo kiểm tra mức nhớt bằng que thăm nhớt.

Khi mức nhớt động cơ gần mức "MIN", hãy tháo nắp ca-pô, sau đó tháo que thăm nhớt và bổ sung nhớt động cơ. Sau khi hoàn thành, bạn hãy đậy nắp ca-pô thật chắc chắn, cắm que thăm nhớt thật chặt.

Nắp



Nắp châm nhớt

Bên trong khoang động cơ

Nắp châm nhớt



2 vị trí phía trước và phía sau (loại xe C \* E \*)

## Thay nhớt động cơ



## CẢNH BÁO

- Khi thêm nhớt, hãy cẩn thận để không làm đổ bất kỳ thứ gì, nhưng hãy giữ sẵn một chiếc giẻ lau để đề phòng khi có bất kỳ sự cố tràn nhớt nào. Nếu nhớt tràn vào động cơ, hãy cẩn thận lau sạch. Nếu không thực hiện biện pháp phòng ngừa này, nhớt tràn có thể gây bốc cháy và đám cháy có thể lan rộng.
- Không để các vật dụng dễ cháy, chẳng hạn như giẻ lau hoặc găng tay, trong khoang máy. Chúng có thể gây ra hỏa hoạn. Đồng thời, vui lòng không để các dụng cụ, vật dụng khác bên trong khoang máy.
- Nhớt động cơ bị nóng sau khi lái xe, vì vậy khi thay nhớt sau khi lái xe, hãy cẩn thận để không bị bỏng.



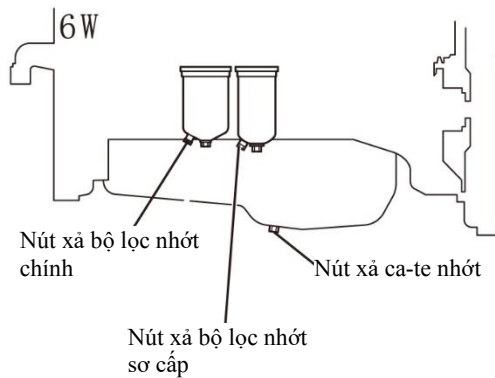
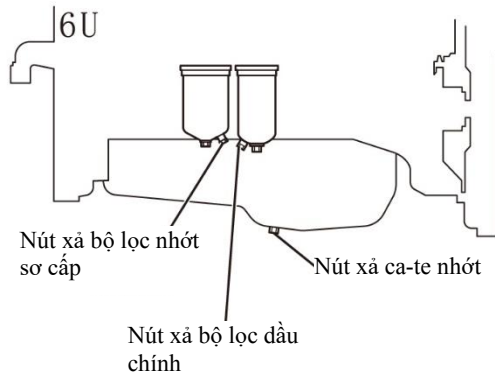
## KHUYẾN CÁO

- Khi thay nhớt động cơ, hãy thay cùng một lúc lọc nhớt.
- Không vận hành động cơ chạy không tải thời gian lâu. Nó có thể làm động cơ bị hư hỏng.
- Nếu bạn bổ sung nhớt đến khi vượt trên mức "MAX" trên que thăm nhớt, động cơ có thể bị trục trặc, vì vậy hãy đảm bảo kiểm tra mức nhớt bằng que thăm nhớt.
- Nhớt thải phải được xử lý theo phương pháp phù hợp với các yêu cầu quy định tại quốc gia của bạn.

## Thay nhớt động cơ

Khoảng thời gian thay nhớt

Thay nhớt động cơ theo Lịch Bảo Dưỡng.



### Thay nhớt động cơ

1. Làm sạch xung quanh nắp châm nhớt để các vật thể lạ không xâm nhập. Tháo nắp châm nhớt ra.

2. Đặt một thùng chứa để hứng nhớt bên dưới cac-te nhớt và lọc nhớt.

Tháo các nút xả sau để xả nhớt động cơ:

- Cac-te nhớt
- Bỏ lọc nhớt chính
- Lọc nhớt sơ cấp



### CHÚ Ý

- Nhớt thải phải được xử lý theo phương pháp phù hợp với các yêu cầu quy định tại quốc gia của bạn.

3. Sau khi siết chặt các bu-lông xả theo lực siết tiêu chuẩn, rút que thăm nhớt và cẩn thận đổ đầy nhớt động cơ được chỉ định qua nắp châm nhớt.

**Bộ lọc nhớt động cơ**

Lọc nhớt động cơ, dùng để loại bỏ cặn bẩn lẫn trong nhớt. Lọc nhớt ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động và tuổi thọ của động cơ, mức tiêu hao nhiên liệu, nên khuyên bạn hãy sử dụng các bộ phận chính hãng của Isuzu.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

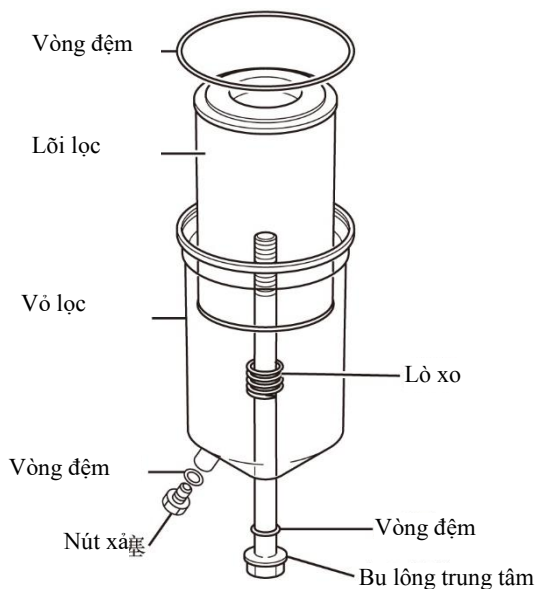
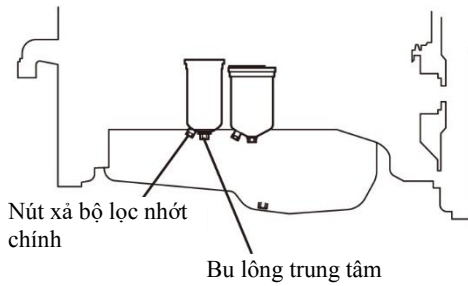
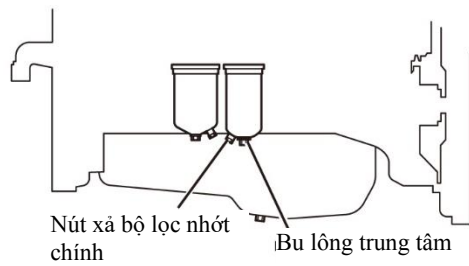
**KHUYẾN CÁO**

- Khi thay thế, nên sử dụng lọc nhớt chính hãng Isuzu. Sử dụng các sản phẩm khác có thể gây ra sự cố.
- Vui lòng thay lọc nhớt và nhớt động cơ cùng một lúc.
- Nhớt thải phải được xử lý theo phương pháp phù hợp với các yêu cầu quy định tại quốc gia của bạn.

**Thay bộ lọc nhớt****KHUYẾN CÁO**

- Khi lắp đặt vỏ lọc, hãy giữ nó để ngăn nó xoay, và vặn chặt bu-lông trung tâm. Nếu vỏ bộ lọc quay, vòng đệm có thể bị hỏng, dẫn đến rò rỉ nhớt.
- Sau khi thay lọc nhớt, khởi động động cơ để kiểm tra xem có rò rỉ xung quanh bộ lọc không.

## Thay bộ lọc nhớt



## Lọc nhớt chính

1. Tháo nắp châm nhớt. Tháo nút xả của lọc nhớt để xả nhớt vào thùng chứa.
2. Nới lỏng chốt giữa và tháo lõi lọc cùng với vỏ bộ lọc.
3. Rửa bên trong vỏ bộ lọc và lắp lõi lọc mới. Ngoài ra, hãy thay thế luôn các vòng đệm.
4. Vặn chặt nút xả và bu-lông tâm theo tiêu chuẩn lực siết đã định.

## Lực siết bu-lông trung tâm

45 - 55 N·m (4.6 - 5.6 kgf·m/33 - 41 lb·ft)

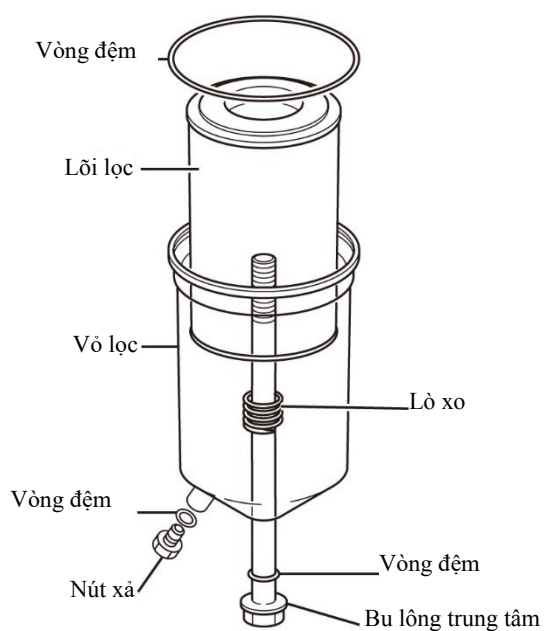
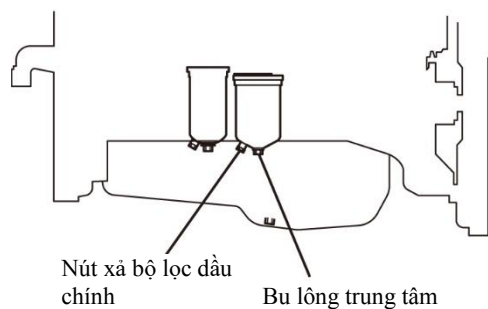
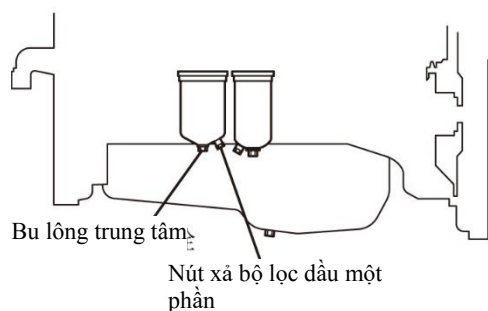
## Lực siết nút xả bộ lọc nhớt chính

40 - 50 N·m (4.1 - 5.1 kgf·m/30 - 37 lb·ft)



## KHUYẾN CÁO

- Khi lắp đặt vỏ lọc, hãy giữ nó để ngăn nó xoay, và vặn chặt bu-lông giữa. Nếu vỏ bộ lọc quay, vòng đệm có thể bị hỏng, dẫn đến rò rỉ nhớt.
- Sau khi thay lọc nhớt, khởi động động cơ để kiểm tra xem có rò rỉ xung quanh bộ lọc không.



### Lọc nhớt sơ cấp

1. Tháo nắp châm nhớt. Tháo nút xả của lọc nhớt để xả nhớt vào thùng chứa.
2. Nới lỏng chốt giữa và tháo lõi lọc cùng với vỏ bộ lọc.
3. Rửa bên trong vỏ bộ lọc và lắp lõi lọc mới. Ngoài ra, hãy thay thế luôn các vòng đệm.
4. Vặn chặt nút xả và bu-lông tâm theo tiêu chuẩn độ siết đã định.

#### Lực siết bu-lông trung tâm

95 - 105 N·m (9.7 - 10.7 kgf·m/70 - 77 lb·ft)

#### Lực siết nút xả bộ lọc nhớt sơ cấp

25 - 35 N·m (2.6 - 3.6 kgf·m/19 - 26 lb·ft)



#### KHUYẾN CÁO

- Khi lắp đặt vỏ lọc, hãy giữ nó để ngăn nó xoay, và vặn chặt bu-lông trung tâm. Nếu vỏ bộ lọc quay, vòng đệm có thể bị hỏng, dẫn đến rò rỉ nhớt.
- Sau khi thay lọc nhớt, khởi động động cơ để kiểm tra xem có rò rỉ xung quanh bộ lọc không.

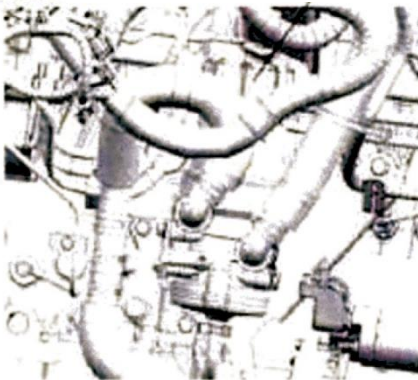
**Lỗi lọc tách nhớt động cơ**

Lọc tách nhớt động cơ, dùng để loại bỏ cặn bẩn bị lẫn trong nhớt. Bộ lọc tách nhớt ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động và tuổi thọ của động cơ, mức tiêu hao nhiên liệu, nên khuyên bạn hãy sử dụng các bộ phận chính hãng của Isuzu.

**Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15**

**Thay thế lõi lọc tách thớt động cơ****6WG1**

Nắp ca-pô



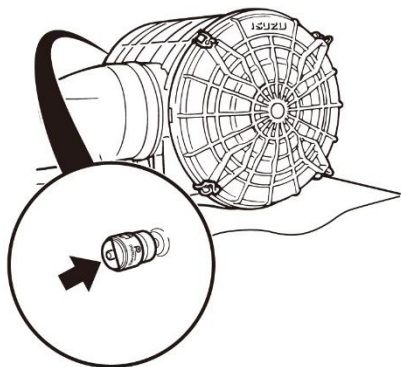
- ① Mở nắp ca-pô, tháo lõi lọc.
- ② Gắn bộ lọc mới. Vui lòng thay luôn vòng đệm.
- ③ Đóng nắp ca-pô
- ④ Gắn theo thứ tự ngược lại với khi tháo.



**Lọc gió động cơ**

Lọc gió được sử dụng để loại bỏ bụi bẩn trong không khí vào bên trong buồng đốt, giữ cho khí nạp được sạch sẽ. Lọc gió ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động và tuổi thọ của động cơ, mức tiêu hao nhiên liệu, nên khuyên bạn hãy sử dụng các bộ phận chính hãng của Isuzu..

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

**Kiểm tra lọc gió động cơ**

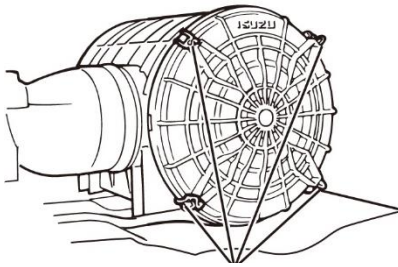
Kiểm tra tín hiệu của chỉ báo xem nó có màu đỏ không. Nếu nó trong suốt, lọc gió động cơ hoạt động bình thường. Nếu nó có màu đỏ, cần phải làm sạch lọc gió.

## Vệ sinh và thay thế lọc gió động cơ

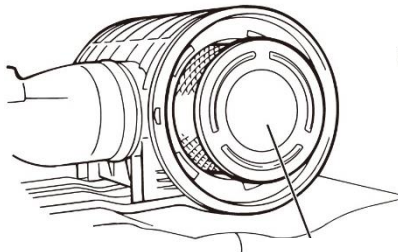


## KHUYẾN CÁO

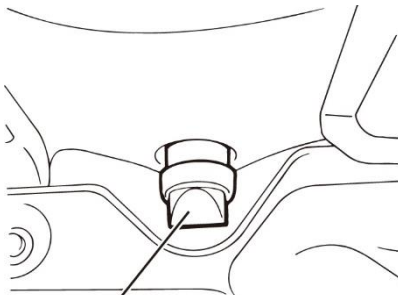
- Sau khi vệ sinh hoặc thay thế lọc gió động cơ, hãy nhớ nhấn nút “reset” phía trên đầu bộ thông báo để hiển thị lại tín hiệu là “trong suốt”.



Kẹp cố định



Lõi lọc gió



Van xả

- ① Nâng cabin xe.  
Nâng cabin xe → Tham khảo trang 7-10
- ② Mở các kẹp cố định nắp lọc gió động cơ và tháo nắp.
- ③ Tháo lõi lọc làm sạch không khí.
- ④ Loại bỏ bụi bẩn tích tụ trên nắp lọc gió và vỏ lọc không khí.
- ⑤ Làm sạch van xả ở dưới cùng của lọc gió.
- ⑥ Làm sạch lõi lọc làm sạch không khí.



## KHUYẾN CÁO

- Không gõ hoặc đập lõi lọc gió, vì điều này có thể làm hỏng lõi lọc.



Chọn một trong các phương pháp làm sạch sau đây tùy thuộc vào mức độ bẩn của lõi lọc.

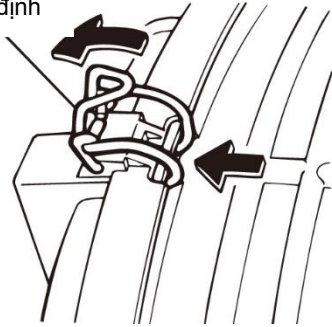
- a. Khi bụi khô đã bám vào lõi lọc
  1. Trong khi xoay lõi lọc, thổi khí nén từ bên trong không quá 690 kPa (7,0 kgf / cm<sup>2</sup> / 100 psi) để loại bỏ bụi.
  2. Kiểm tra xem lõi lọc có bị hư hỏng hoặc trở nên mỏng thành từng đám hay không.
- b. Khi lõi lọc bị đen do khói nhớt hoặc muội than
  1. Ngâm thiết bị trong hỗn hợp nước và chất tẩy rửa trung tính trong khoảng 20 phút..
  2. Rửa kỹ lõi lọc trong nước sạch..
  3. Sau khi làm sạch, để lõi lọc khô tự nhiên ở vị trí thông thoáng.



## CHÚ Ý

- Quá trình làm khô bằng không khí sẽ mất từ 2 đến 3 ngày. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng lõi lọc chính hãng dự phòng.

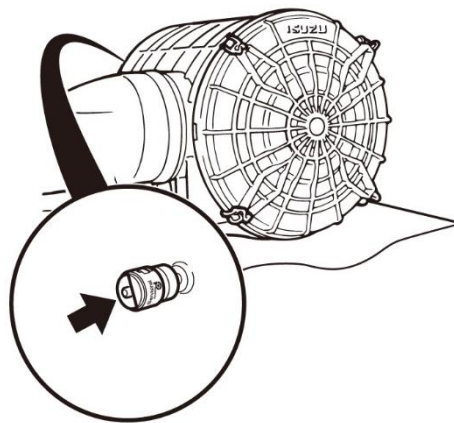
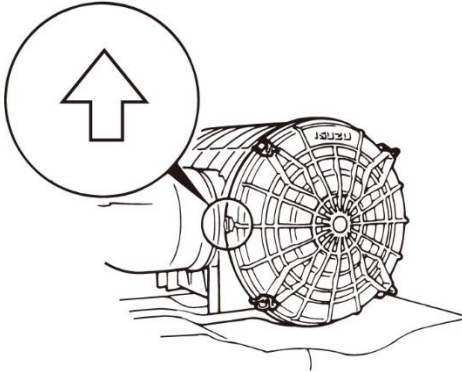
Kẹp cố định



- ⑦ Lắp lõi lọc.
- ⑧ Lắp nắp lọc gió và khóa chặt các kẹp.


**CHÚ Ý**

- Lắp nắp có dấu "ISUZU" của nó hướng lên trên và với các khía ở cả hai bên khớp với các khía trên vỏ.



- ⑨ Sau khi làm sạch lõi lọc, nhấn nút "Reset" ở cuối bộ thông báo để đặt lại tín hiệu.

### Dây cu-roa

Dây cu-roa được sử dụng để truyền lực động cơ đến các thiết bị phụ trợ vận hành bằng công suất động cơ, từ đó khởi động các cơ quan khác nhau. Khi thay dây cu-roa, chúng tôi đề xuất sử dụng các bộ phận chính hãng của Isuzu.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15



#### KHUYẾN CÁO

- Dây cu-roa có gân chữ V được sử dụng trong động cơ của bạn yêu cầu độ căng phải được điều chỉnh chính xác hơn so với dây cu-roa V thông thường. Độ căng không phù hợp có thể gây ra tiếng ồn hoặc đứt dây cu-roa. Khi dây cu-roa bị hỏng, điện áp không được sạc đúng cách và trở thành nguyên nhân gây ra hiện tượng yếu bình điện. Bạn phải kiểm tra kỹ độ căng của dây cu-roa.
- Để kiểm tra chính xác độ căng của dây cu-roa, hãy sử dụng máy đo độ căng sóng âm, máy đo này sẽ cho bạn biết tần số rung động của dây cu-roa (được gọi là độ căng của dây cu-roa) là bao nhiêu được liệt kê ở bên dưới.
- Để biết thêm về máy đo độ căng sóng âm, liên hệ đến Đại lý Isuzu gần bạn.

[Thận trọng khi điều chỉnh dây cu-roa]

- Khi dây cu-roa mới được lắp vào, nó được kéo căng ở trạng thái nguyên bản. Ngoài ra, khi lắp hoặc lắp lại dây cu-roa mới, dây cu-roa cần được điều chỉnh theo các bước sau, sao cho thích ứng với rãnh dây cu-roa.
- Căn chỉnh dây cu-roa theo quy định và điều chỉnh độ căng của dây cu-roa.
- Khởi động động cơ và để động cơ chạy không tải trong khoảng 5 phút để giữ cho dây cu-roa căng đều giữa các pu-ly.
- Dừng động cơ và điều chỉnh lại độ căng dây cu-roa về giá trị tiêu chuẩn.

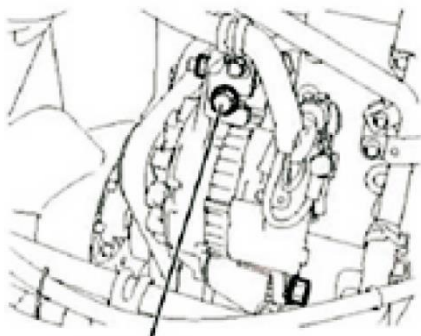
## Kiểm tra dây cu-roa

Ấn vào phần giữa dây cu-roa giữa các pu-ly (xem hình vẽ) với một lực 98 N (10,0 kgf / 22 lb) và kiểm tra độ võng. Lượng lệch phải nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn được đưa ra ở bên dưới. Nếu không, hãy điều chỉnh độ căng hoặc thay thế dây cu-roa.

Khi kiểm tra bằng tần số rung, hãy đặt và giữ bề mặt của micrô cảm biến song song với dây cu-roa giữa các pu-ly 10 mm (0,39 in) (được chỉ bằng mũi tên) và dùng tay cầm tuốc nơ vít gõ vào dây cu-roa để làm dây cu-roa rung và đo giá trị. Đo giá trị 2 hoặc 3 lần và tính giá trị trung bình. Giá trị trung bình phải nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn được đưa ra ở bên dưới. Nếu không thuộc giá trị đó, hãy điều chỉnh độ căng.

|    | Dây cu-roa      | Giá trị chuẩn             |              |
|----|-----------------|---------------------------|--------------|
|    |                 | Độ võng                   | Tần số rung  |
| 6U | Dây mới         | 6 - 7 mm (0.24 - 0.28 in) | 178 - 198 Hz |
|    | Khi tái sử dụng | 8 - 9 mm (0.31 - 0.35 in) | 151 - 163 Hz |
| 6W | Dây mới         | 11 - 13 mm                | 93 - 104 Hz  |
|    | L               | 15 - 17 mm                | 79 - 86 Hz   |

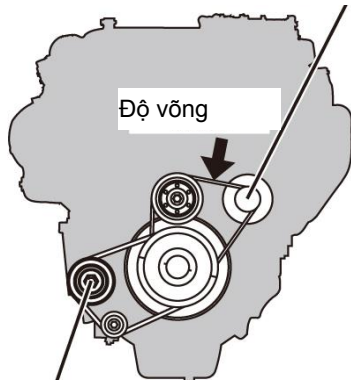
### Điều chỉnh dây cu-roa



Bu-lông điều chỉnh

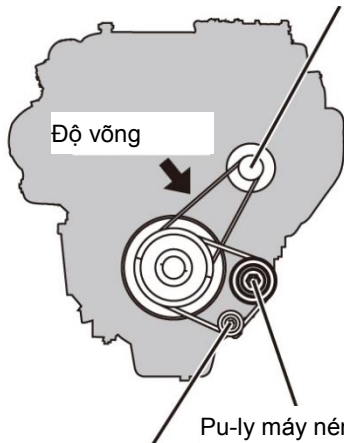
Loại xe động cơ 6UZ1

Pu-ly máy phát điện



Pu-ly máy nén lạnh

Pu-ly máy phát điện



Pu-ly máy nén lạnh

Bánh trung gian

1. Nới lỏng các bu-lông và dây cu-roa ốc lắp ở trên và dưới máy phát điện.
2. Xoay bu-lông điều chỉnh cho đến khi lực căng dây cu-roa nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn.
3. Sau khi điều chỉnh, siết chặt bu-lông và dây cu-roa ốc đã nới lỏng.

Kiểm tra xem độ võng của dây cu-roa có nằm trong giá trị tiêu chuẩn không khi phần giữa của dây cu-roa giữa pu-ly máy phát điện và pu-ly trung gian được ấn với một lực xấp xỉ. **98 N** (10,0 kgf / **22 lb**).

Khi kiểm tra bằng tần số rung, hãy đặt và giữ bề mặt của micrô cảm biến song song với dây cu-roa giữa các pu-ly 10 mm (0,39 in) (được chỉ bằng mũi tên) và dùng tay cầm tuốc nơ vít gỗ vào dây cu-roa để làm dây cu-roa rung và đo giá trị. Đo giá trị 2 hoặc 3 lần và tính giá trị trung bình. Giá trị trung bình phải nằm trong phạm vi giá trị tiêu chuẩn được đưa ra ở bên dưới. Nếu không thuộc giá trị đó, hãy điều chỉnh độ căng.

| Dây cu-roa      | Giá trị chuẩn             |              |
|-----------------|---------------------------|--------------|
|                 | Độ võng                   | Tần số rung  |
| Dây mới         | 6 - 7 mm (0.24 - 0.28 in) | 178 - 198 Hz |
| Khi tái sử dụng | 8 - 9 mm (0.31 - 0.35 in) | 151 - 163 Hz |



## KHUYẾN CÁO

- Khi lắp pu-ly cùng với việc lắp dây cu-roa vào hoàn toàn, hãy đảm bảo rằng pu-ly tiếp xúc với tất cả các rãnh trên dây cu-roa.

Tình trạng ban đầu



Lật ngược lại



## CHÚ Ý

- Khi luồn dây cu-roa giữa bộ phận làm lệch hướng không khí và quạt, việc lật ngược dây cu-roa (với các rãnh hướng ra ngoài) sẽ giúp dây cu-roa không bị vướng vào các bộ phận và giảm bớt khó khăn khi lắp đặt.
- Sau khi lắp dây cu-roa, đưa dây cu-roa trở lại vị trí ban đầu (rãnh vào trong).



### Dây cu-roa máy nén điều hòa không khí ★

Nếu dây cu-roa máy nén điều hòa không khí bị lỏng, hoặc làm giảm hiệu suất làm mát, cần phải kiểm tra độ căng của dây cu-roa để đảm bảo rằng bên trong cabin được làm mát phù hợp.

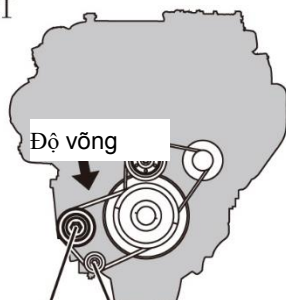
Kiểm tra dây cu-roa máy nén

Khi ấn vào vị trí trung gian giữa các pu-ly với một lực khoảng 98 N (10,0 kgf / 22 lb), hãy kiểm tra xem độ võng của dây cu-roa có nằm trong giá trị tiêu chuẩn hay không.

Khi kiểm tra bằng tần số rung, hãy đặt và giữ bề mặt của micrô cảm biến vào dây cu-roa giữa các pu-ly 10 mm (0,39 in) (được chỉ bằng mũi tên) và dùng tay cầm tuốc nơ vít gỗ vào dây cu-roa để làm dây cu-roa rung và đo giá trị. Đo giá trị này từ 2 đến 3 lần và tính giá trị trung bình. Giá trị trung bình phải nằm trong các giá trị tiêu chuẩn như mô tả bên dưới. Nếu không, hãy điều chỉnh độ căng.

|    | Dây cu-roa      | Giá trị chuẩn               |              |
|----|-----------------|-----------------------------|--------------|
|    |                 | Độ võng                     | Tần số rung  |
| 6U | Dây mới         | 6 - 7 mm (0.24 - 0.28 inch) | 178 - 198 Hz |
|    | Khi tái sử dụng | 8 - 9 mm (0.31 - 0.35 inch) | 151 - 163 Hz |
| 6W | Dây mới         | 11 - 13 mm                  | 93 - 104 Hz  |
|    | L               | 15 - 17 mm                  | 79 - 86 Hz   |

6UZI

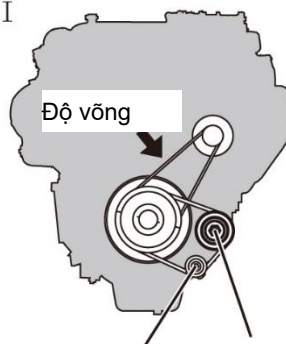


Dây cu-roa máy nén điều hòa

Điều chỉnh

1. Nới lỏng đai ốc pu-ly căng dây cu-roa.
2. Sử dụng bu-lông điều chỉnh để điều chỉnh độ căng của dây cu-roa.
3. Sau khi điều chỉnh, siết chặt đai ốc pu-ly căng dây cu-roa.

6WGI



Dây cu-roa máy nén điều hòa không tải

Lực siết

31 - 47 N.m (3.2 - 4.8 kg.m / 23 - 35 lb.ft)

### Dung Dịch Làm Mát Động Cơ

Dung dịch làm mát không chỉ là nước, mà còn là hỗn hợp nước cất và chất chống đông tuổi thọ cao (BESCO LLC Super type E hoặc BESCO LLC Super type AS) được trộn theo tỷ lệ thích hợp. Quá trình đốt cháy và ma sát bên trong động cơ sẽ sinh ra nhiệt, vai trò của dung dịch làm mát là giảm nhiệt động cơ.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15



#### CẢNH BÁO

- Chỉ kiểm tra, bổ sung hoặc thay nước làm mát động cơ sau khi động cơ đã đủ nguội.
- Không nới lỏng hoặc tháo nắp bình phụ khi dung dịch làm mát động cơ vẫn còn nóng. Hơi nóng hoặc nước sôi có thể bốc ra và gây bỏng. Đặt nắp bằng vải, v.v ... và tháo dần sau khi động cơ nguội hoàn toàn và nhiệt độ của nước làm mát động cơ xuống thấp.
- Khi thực sự cần thiết phải tháo kết nước hoặc nắp ca-pô, hãy đợi nước làm mát nguội lại và phủ vải dày lên nắp ca-pô sau đó nới lỏng từ từ.
- Dung dịch làm mát động cơ là chất độc hại, nếu uống nhầm nước làm mát động cơ, hãy nôn ra và đến cơ sở y tế ngay lập tức.
- Nếu dung dịch làm mát động cơ dính vào mắt bạn, hãy rửa sạch ngay lập tức bằng một lượng lớn nước thường trong 15 phút hoặc lâu hơn. Ngoài ra, nếu vẫn cảm thấy bất thường như kích ứng, hãy đến cơ sở chăm sóc y tế để kiểm tra.
- Nếu dung dịch làm mát động cơ dính vào da của bạn, hãy rửa sạch bằng xà phòng với một lượng lớn nước thường. Ngoài ra, nếu vẫn cảm thấy bất thường, hãy đến cơ sở chăm sóc y tế để kiểm tra.
- Dung dịch làm mát động cơ dễ cháy và do đó, phải tránh xa ngọn lửa và các nguồn nhiệt khác. Nước làm mát động cơ cũng có thể bốc cháy nếu nó tiếp xúc với bề mặt nóng, chẳng hạn như ống xả. Hãy thận trọng để ngăn ngừa điều này xảy ra.



#### KHUYẾN CÁO

- Thay dung dịch làm mát động cơ định kỳ.
- Nếu dung dịch làm mát động cơ không được thay thế định kỳ, nó sẽ bị xuống cấp và có thể gây ra rỉ sét, rò rỉ nước, tắc kết nước hoặc lỗi bộ gia nhiệt và làm hỏng hệ thống SCR.



#### CHÚ Ý

[Dung dịch làm mát]

- Dung dịch làm mát động cơ là chất lỏng được tạo ra bằng cách trộn dung dịch làm mát (BESCO LLC Super type E hoặc BESCO LLC Super type AS) và nước cất ở nồng độ thích hợp.

**Sử dụng môi chất chống đông tuổi thọ cao**

Để ngăn ngừa hư hỏng động cơ do nước làm mát động cơ bị đóng băng và để bảo vệ hệ thống làm mát khỏi bị ăn mòn, hãy trộn dung dịch làm mát được Isuzu khuyến nghị (LLC) và nước ở nồng độ 50%.

**CẢNH BÁO**

- Chất làm mát là chất độc và không được uống. Nếu uống nhầm chất làm mát, hãy lập tức nôn ra và đưa đi cấp cứu kịp thời.
- Nếu chất làm mát dính vào mắt, hãy rửa sạch ngay lập tức với một lượng lớn nước trong 15 phút hoặc lâu hơn. Ngoài ra, nếu vẫn cảm thấy bất thường như kích ứng, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Nếu chất làm mát dính vào da, hãy rửa sạch bằng xà phòng với một lượng lớn nước. Ngoài ra, nếu thấy bất thường, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
- Để bảo quản, hãy đóng chặt nắp và để ở nơi trẻ em không thể tiếp cận.
- Chất làm mát là chất dễ cháy, và do đó, nó phải tránh xa ngọn lửa và các nguồn nhiệt khác. Chất làm mát cũng có thể bốc cháy nếu nó tiếp xúc với bề mặt nóng, chẳng hạn như ống xả. Hãy thận trọng để ngăn chặn điều này xảy ra.

**CHÚ Ý**

- Chỉ sử dụng chất làm mát được Isuzu khuyến nghị là BESCO LLC Super loại E hoặc Besco LLC Super loại AS.
- Sử dụng loại nước làm mát khác loại khuyến nghị có thể làm hỏng động cơ, kết nước, lõi bộ sưởi và hệ thống SCR.



## KHUYẾN CÁO

- Nồng độ sử dụng ở các khu vực lạnh (quy cách khu vực lạnh) là 50%.
- Nước pha với môi chất làm lạnh tuổi thọ cao phải là nước tinh khiết (nước cất) và tuyệt đối không được dùng nước nước sạch, nước giếng, nước sông.
- Không sử dụng dung dịch làm mát ở bất kỳ nồng độ nào khác với nồng độ được chỉ định. Nếu nồng độ dung dịch làm mát là 60% hoặc cao hơn, có thể xảy ra hiện tượng quá nhiệt, trong khi nếu ở mức 30% hoặc thấp hơn, chức năng chống ăn mòn lại không có tác dụng.
- Sử dụng dung dịch làm mát ở bất kỳ nồng độ nào khác với nồng độ được chỉ định có thể làm giảm hiệu suất chống đóng băng và dung dịch làm mát động cơ có thể bị đóng băng.
- Vui lòng điều chỉnh nồng độ tùy thuộc vào hoàn cảnh.
- Nếu dung dịch làm mát động cơ bị hao hụt nhanh chóng, hãy đến ngay Đại lý Isuzu để kiểm tra hoặc sửa chữa.

## Kiểm Tra Mức Dung Dịch Làm Mát Động Cơ

Khi động cơ nguội, kiểm tra mức dung dịch làm mát động cơ trong bình nước phụ. Mức dung dịch phải nằm giữa dòng "MAX" và "MIN". Nếu mức dung dịch làm mát động cơ thấp hơn vạch "MIN", hãy bổ sung bằng cách đổ đầy đến vạch "MAX". Kiểm tra để đảm bảo không có rò rỉ từ két nước hoặc ống tản nhiệt. Kiểm tra chất lỏng hoặc vết bẩn trên nền đất cho thấy rò rỉ nơi xe đang đậu. Ngoài ra, hãy kiểm tra ống tản nhiệt xem có vết nứt và hư hỏng không. Khi phát hiện thấy rò rỉ nước hoặc hư hỏng trên ống, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu.



## CHÚ Ý

- Nếu bạn tiếp tục chạy động cơ trong khi đèn cảnh báo đang sáng hoặc khi nước làm mát động cơ bị rò rỉ, động cơ có thể đột ngột ngừng hoạt động.



## LƯU Ý

- Không cần tháo nắp bình nước phụ.

### Thêm Dung Dịch Làm Mát Động Cơ

Khi dung dịch làm mát trong két nước không đủ, hãy mở nắp ca-pô và thêm dung dịch hỗn hợp gồm nước sạch và môi chất làm lạnh tuổi thọ cao BESCO LLC Super Type E AS. Sau đó, vận chặt nắp một cách an toàn.



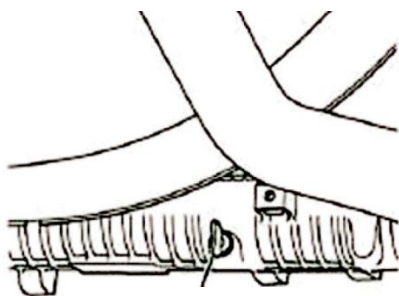
#### KHUYẾN CÁO

- Khi két nước đã cạn, hãy đổ đầy chất làm mát theo thứ tự được mô tả trong "Phương pháp thêm nước".
- Nếu mức dung dịch làm mát động cơ thay đổi nhanh chóng, hãy đưa xe của bạn đi kiểm tra tại Đại lý Isuzu.

Phương pháp thêm dung dịch làm mát → Tham khảo trang 7-61

### Thay Dung Dịch Làm Mát Động Cơ

Nút xả tản nhiệt



Nút xả

Khi thay dung dịch làm mát. Két nước, bình nước phụ và hệ thống làm mát nên được làm sạch cùng một lúc.

Thay dung dịch làm mát có thể được thực hiện theo trình tự sau. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn khuyên bạn nên đến Đại lý Isuzu.

Làm sạch lõi Intercooler → Tham khảo trang 7-131



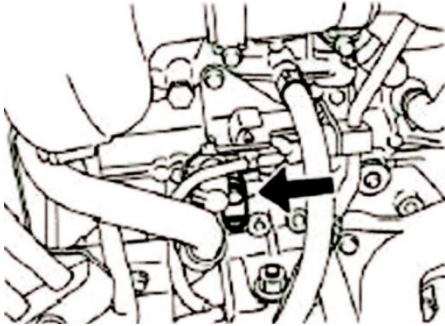
#### CHÚ Ý

- Không khởi động động cơ khi dung dịch làm mát động cơ đã được xả ra khỏi két nước. Điều này có thể làm động cơ đột ngột ngừng hoạt động.
- Khi thay đổi dung dịch làm mát, hãy thực hiện theo trình tự. Nếu trình tự vận hành sai, có thể khiến không khí tồn đọng trong hệ thống làm mát, khiến động cơ quá nóng.



## KHUYẾN CÁO

- Đổ bỏ và xử lý dung dịch làm mát đã xả ra theo quy định.
- Sử dụng loại môi chất làm lạnh tuổi thọ cao không được chỉ định có thể làm giảm tuổi thọ của động cơ do ăn mòn hoặc các vấn đề tương tự.
- Vặn chặt các bu-lông xả nước bằng tay. Không sử dụng kìm và các dụng cụ khác, vì có thể gây hư hỏng.



## Lực siết của vòi xả nước tản nhiệt

13-23N·m{1.3-2.3kgf·m}

## Làm sạch hệ thống làm mát động cơ

- ① Đổ đầy nước sạch vào bình nước phụ đến vạch "MAX".
- ② Kiểm tra và vệ sinh nắp bình nước phụ. Thay thế nắp nếu có bất kỳ điều gì bất thường với nó.
- ③ Đóng nắp bình nước phụ.
- ④ Khởi động động cơ và để nó chạy không tải trong 20 phút. Dừng động cơ, đợi cho đến khi động cơ nguội rồi xả hết nước làm mát ra.

**Châm đầy hệ thống làm mát**

- ① Chắc chắn rằng động cơ đã nguội hoàn toàn trước khi bắt đầu thực hiện.
- ② Kiểm tra xem két nước và từng bu-lông xả nước làm mát động cơ đã được cài chắc chắn chưa.
- ③ Đổ đầy dung dịch vào két nước cho đến khi mức dung dịch làm mát động cơ dâng lên đến cổng bình.

**CHÚ Ý**

- Đổ đầy từ từ dung dịch làm mát động cơ để tránh không khí bị lẫn vào.

- ④ Bóp ống trên của két nước hai hoặc ba lần. Nếu hành động này dẫn đến việc không khí được xả ra khỏi ống và mức dung dịch làm mát động cơ hạ xuống, hãy bổ sung nước làm mát động cơ lên đến vạch "MAX" của bình phụ. Lặp lại cho đến khi mức dung dịch làm mát động cơ không còn giảm nữa.
  - ⑤ Đóng nắp bình phụ.
  - ⑥ Đổ đầy nước làm mát động cơ vào két nước cho đến khi mức chất lỏng tăng đến vạch đánh dấu "MAX".
  - ⑦ Khởi động động cơ, để động cơ chạy không tải trong 5 phút hoặc hơn và sau đó dừng động cơ.
  - ⑧ Sau khi đảm bảo rằng dung dịch làm mát động cơ không còn nóng. Nếu mức dung dịch làm mát động cơ giảm, hãy bổ sung dung dịch làm mát động cơ đến vạch "MAX" của thùng phụ. Khi két nước đã cạn, hãy thêm dung dịch làm mát cho đến khi mức chất lỏng tăng lên đến cổng bình. Khi mức dung dịch làm mát giảm nhanh, hãy kiểm tra xem đường ống tản nhiệt có bị rò rỉ hay không, nếu có dấu vết chất lỏng tại nơi đầu xe hoặc rò rỉ, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu.
  - ⑨ Khởi động động cơ, tắt máy lạnh. Làm ấm động cơ ở tốc độ 2.000 vòng / phút cho đến khi đồng hồ thông báo mực nước đã đến mức giữa. Ngoài ra, hãy kiểm tra xem van hằng nhiệt có mở không bằng phương pháp sau.
    - Kiểm tra xem van hằng nhiệt có mở hay không bằng cách kiểm tra xem ống trên và ống dưới có nóng không.
    - Nếu xe được trang bị lò sưởi, hãy xoay núm điều chỉnh nhiệt độ đến vị trí "HOT" và đảm bảo rằng có khí nóng thoát ra.
  - ⑩ Để động cơ chạy không tải trong 5 phút rồi dừng động cơ.
  - ⑪ Sau khi chắc chắn rằng dung dịch làm mát động cơ không còn nóng, hãy kiểm tra mức dung dịch làm mát động cơ. Nếu mức dung dịch làm mát động cơ đã giảm, hãy bổ sung dung dịch làm mát động cơ đến vạch "MAX" của bình phụ. Khi két nước đã cạn, hãy thêm dung dịch làm mát cho đến khi mức chất lỏng tăng lên đến cổng bình.
- Lặp lại các bước từ ⑨ đến ⑪ cho đến khi mức dung dịch làm mát động cơ không còn giảm nữa.
- ⑫ Kiểm tra mức dung dịch làm mát động cơ của bình phụ vào sáng hôm sau. Nếu mức chất lỏng giảm, hãy thêm dung dịch làm mát vào két nước đến vạch "MAX" và vặn chặt nắp két nước.
  - ⑬ Đậy nắp ca-pô lại.

**Thay lọc Urê****KHUYẾN CÁO**

- Hệ thống SCR sẽ tiếp tục hoạt động trong khoảng 1 phút sau khi công tắc máy được chuyển sang vị trí "LOCK". Vui lòng đợi hơn 3 phút trước khi kiểm tra hoặc sửa chữa..
- Không thể sử dụng lại lượng urê(AdBlue®) đã thải ra. Việc sử dụng lại có thể gây hỏng hệ thống SCR.
- Vứt bỏ lọc urê (AdBlue®) theo chỉ định.
- Lau sạch vật thể lạ bằng khăn sạch. Không sử dụng các dụng cụ như khí nén. Việc thổi bằng khí nén có thể làm bẩn đường ống dẫn dung dịch urê với các vật thể lạ và gây hỏng hệ thống SCR.

Cách hoạt động của Urê (AdBlue®)→ Tham khảo trang 2-36

## Bộ Lọc Nhiên Liệu

Bộ lọc nhiên liệu dùng để lọc cặn bẩn trong nhiên liệu, cấp 7JC. Bộ lọc nhiên liệu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động và tuổi thọ của động cơ, mức tiêu hao nhiên liệu, nên khuyến bạn sử dụng các bộ phận chính hãng của Isuzu.

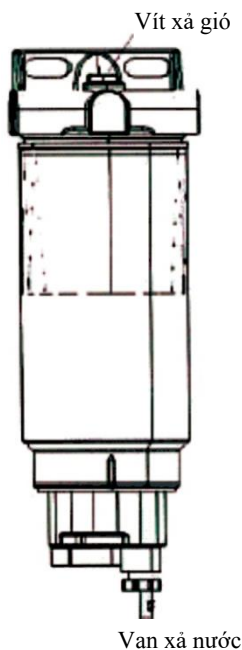
Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15



## KHUYẾN CÁO

- Nếu không xả nước, đóng băng hoặc các hiện tượng khác sẽ làm hỏng xe.

## Xả Nước Từ Bộ Lọc Nhiên Liệu



- ② Đặt khay hứng dưới bộ lọc nhiên liệu và lắp một ống nhựa trong suốt cùng (đường kính trong 6 mm) trên van xả nước.
- ③ Nới lỏng van xả nước.
- ④ Tháo nắp chụp & nới lỏng vít xả gió. Xả nước và cặn bẩn từ bộ lọc nhiên liệu qua van xả nước.



## KHUYẾN CÁO

- Không nới lỏng van xả nước quá nhiều. Nếu không, vít xả gió có thể bị rơi ra

- ④ Kiểm tra tình trạng nước xả ra và cặn. Vặn chặt vít xả gió.
- ⑤ Vặn chặt van xả nước, tháo ống nước.
- ⑥ Xả nước trong bộ lọc nhiên liệu sơ cấp.  
Xả nước của bộ lọc nhiên liệu sơ cấp → Tham khảo trang 7-99
- ⑦ Xả gió trong hệ thống.  
Phương pháp xả gió → Tham khảo trang 8-13



## Thay thế bộ lọc nhiên liệu



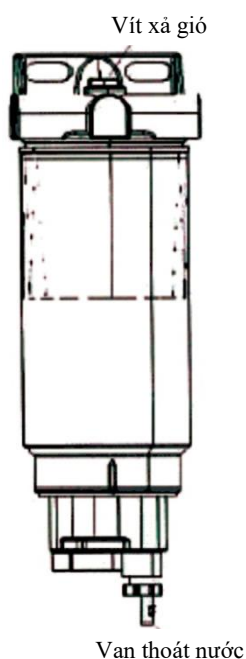
## CẢNH BÁO

- Không siết quá chặt các bu-lông. Làm như vậy có thể làm hỏng bề mặt tiếp xúc, dẫn đến rò rỉ nhiên liệu và hỏa hoạn.
- Sau khi thay thế, khởi động động cơ và kiểm tra xem nhiên liệu có bị rò rỉ xung quanh bộ lọc nhiên liệu hay không. Rò rỉ nhiên liệu có thể gây ra hỏa hoạn.



## KHUYẾN CÁO

- Bỏ và vứt lõi lọc nhiên liệu đã tháo ra theo quy định.



- ① Tham khảo "Xả Nước Bộ lọc Nhiên liệu" để xả nhiên liệu trong cụm lọc.
- ② Nới lỏng bu-lông nắp vỏ, tháo nắp phía trên, tháo lõi lọc nhiên liệu.
- ③ Vệ sinh vỏ của cụm lọc, lắp lõi lọc mới vào.

Vui lòng thay mới các gioăng O cùng thời điểm.

- ④ Xả gió bên trong bộ lọc nhiên liệu.

Phương pháp xả gió→ Tham khảo trang 8-13

## Ống Xả

Ống xả được sử dụng để đưa hoàn toàn khí thải từ động cơ đến hệ thống SCR, hệ thống này có chức năng giảm thanh và làm mát khí thải. Do một số nguyên nhân như ống xả bị ăn mòn hoặc hư hỏng, chất lượng của bộ giảm thanh bị suy giảm, hệ thống SCR có thể thải khí xả không được khử bằng urê ra ngoài khí quyển. Vì vậy, vui lòng kiểm tra thường xuyên.

## Kiểm Tra Ống Xả

Kiểm tra ống xả và thiết bị cố định có sai sót hay không, liệu có hư hỏng và ăn mòn do các lỗ và vết nứt gây ra hay không. Nếu có bất thường, ống xả phải được sửa chữa, thay thế. Vui lòng liên hệ với Đại lý của ISUZU.



### KHUYẾN CÁO

- Nên rửa sạch sau khi lái xe trên bờ biển hoặc trên những con đường có phủ chất chống đông. Nếu không rửa và tiếp tục sử dụng có thể dẫn đến việc ống xả sớm bị ăn mòn.

**Bộ Lọc Urê**

Bộ lọc urê dùng để lọc cặn bẩn. Khi thay thế bộ lọc urê, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng các bộ phận chính hãng của Isuzu.

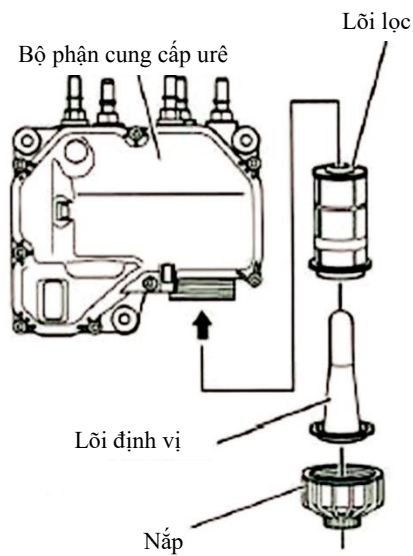
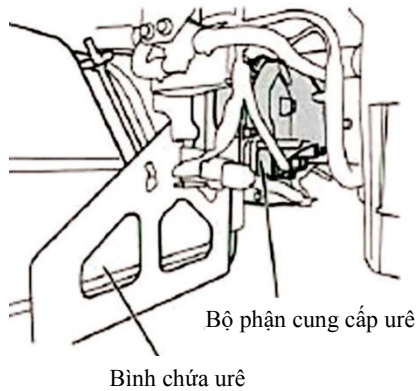
Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

**Thay Thế Bộ Lọc Urê****KHUYẾN CÁO**

- Hệ thống SCR sẽ tiếp tục hoạt động trong khoảng 1 phút sau khi công tắc máy được chuyển sang vị trí "LOCK". Vui lòng đợi hơn 3 phút trước khi kiểm tra hoặc sửa chữa.
- Không thể sử dụng lại lượng urê (AdBlue®) đã thải ra. Việc sử dụng lại có thể gây hỏng hệ thống SCR.
- Vứt bỏ lọc urê (AdBlue®) theo chỉ định.
- Lau sạch dị vật bằng khăn sạch. Không sử dụng các công cụ như thổi khí nén. Việc thổi bằng dụng cụ khí nén có thể làm ô nhiễm đường ống dẫn dung dịch urê với các vật chất ngoại lai, có thể gây hỏng hệ thống SCR.

Cách hoạt động của Urê (AdBlue®) → Tham khảo trang 2-36

Loại bỏ Urê (AdBlue®) → Tham khảo trang 2-38



### Phương pháp thay thế

- ① Vận công tắc máy thành "LOCK" và đợi hơn 3 phút cho đến khi bộ phận cung cấp urê ngừng hoạt động.
- ② Đặt 1 cái khay bên dưới bộ phận cung cấp urê, nới lỏng nắp và tháo lỗi lọc và bộ cân bằng.
- ③ Lắp đặt một bộ lọc mới và các thành phần của bộ cân bằng.
- ④ Vận chặt nắp.

### Lực siết của nắp lọc urê

20-25 N·m {2.0-2.5 kgfm}

### DỊCH VỤ VÀ BẢO DƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN KHUNG GÀM

|                                     |       |
|-------------------------------------|-------|
| • Phanh đỗ                          | 7-68  |
| • Phanh tay                         | 7-69  |
| • Trống phanh                       | 7-70  |
| • Lốp xe                            | 7-71  |
| • Cách chuẩn bị thay lốp xe         | 7-77  |
| • Thay lốp (Bánh xe 10 bu-lông ISO) | 7-79  |
| • Lốp dự phòng★                     | 7-87  |
| • Bình khí nén                      | 7-89  |
| • Áp suất khí nén                   | 7-90  |
| • Bộ lọc khí nén                    | 7-93  |
| • Bộ lọc nhiên liệu sơ cấp          | 7-94  |
| • Bộ ly hợp★                        | 7-98  |
| • Dầu trợ lực ly hợp                | 7-100 |
| • Nhớt hộp số                       | 7-102 |
| • Nhớt cầu xe                       | 7-104 |
| • Dầu trợ lực lái                   | 7-106 |
| • Bộ lọc dầu trợ lực lái            | 7-107 |

## Phanh Đỗ

## Kiểm Tra Hiệu Suất Phanh



Đạp bàn đạp phanh và kiểm tra xem hành trình của bàn đạp đã đủ chưa và cũng kiểm tra xem bàn đạp có hoạt động trơn tru, không có hiện tượng bám dính bất thường không. Nhả bàn đạp phanh sau khi đạp để kiểm tra xem có âm thanh xả khí nén phát ra từ cửa xả ở van phanh và bàn đạp hoàn toàn trở về vị trí tự do ban đầu hay không.

## Khoảng cách dịch chuyển của bàn đạp

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để cảm nhận lực cản, đây là khoảng cách dịch chuyển bàn đạp phía trước.

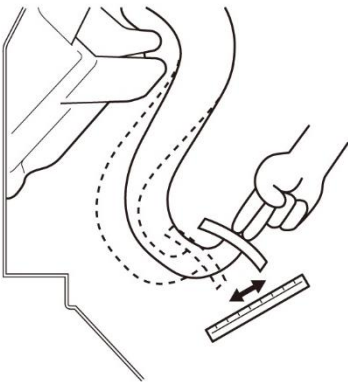
11.0-  
19.0 mm

## Kiểm Tra Xem Phanh Có Linh Hoạt Không



## CHÚ Ý

- Kiểm tra hiệu suất phanh nên được thực hiện trên đường đủ rộng với tầm nhìn tốt, đồng thời chú ý một cách đúng mức đến giao thông ở phía sau và xung quanh.



Cho xe chạy chậm trên đường khô ráo và đạp phanh. Kiểm tra xem xe có phanh hoàn toàn, hiệu quả và không bị kéo về một phía không.

## Phanh Tay

Phanh tay dùng để dừng xe tạm thời và khóa bánh xe lại. Nếu có gì bất thường, vui lòng liên hệ với Đại lý của ISUZU.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

## Kiểm Tra Hành Trình Cần Điều Khiển

|                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div data-bbox="164 582 395 645"> CHÚ Ý</div> <div data-bbox="177 645 598 974"><p>Núm nhà phanh</p></div> | <p>Dừng lại ở một vị trí bằng phẳng, chắc chắn trên mặt đất và sử dụng các khối nêm chặn bánh xe để cố định xe.</p> <p>Khi cần phanh tay được đặt lại hoàn toàn và phanh tay được kéo nhẹ ở trạng thái nhả, nhẹ nhàng xoay thân cần điều khiển để đảm bảo rằng nó thực sự được khóa ở vị trí đỗ và kiểm tra xem âm thanh xả khí nén có phát ra không.</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## Trống phanh

Khoảng cách giữa má phanh và trống phanh được điều chỉnh tự động.

Khi má phanh bị mòn, nó có thể làm tăng khoảng cách giữa má phanh và trống phanh, giảm tính linh hoạt của phanh. Trong trường hợp có bất thường, vui lòng liên hệ với Đại lý của ISUZU

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15



### CẢNH BÁO

- Không tiếp tục lái xe sau khi má phanh đã được sử dụng quá lâu. Điều này có thể làm hỏng phanh hoặc giảm tính linh hoạt của phanh và rất nguy hiểm.
- Nếu khoảng hở giữa trống phanh và má phanh quá lớn, nó có thể dẫn đến việc phanh không phản hồi; nếu khoảng hở quá nhỏ, có thể dẫn đến quá nhiệt, hiệu quả phanh hoặc thậm chí gây cháy. Điều này rất nguy hiểm.

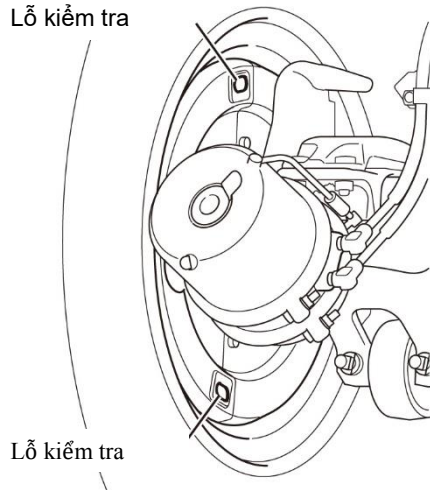
## Kiểm tra khe hở từ trống phanh đến má phanh



### LƯU Ý

- Khi khe hở của má phanh nằm ngoài phạm vi tiêu chuẩn, hãy kiểm tra với Đại lý của Isuzu gần bạn.

Lỗ kiểm tra



Khoảng cách giữa trống phanh và má phanh được điều chỉnh tự động.

Kiểm tra khoảng hở định kỳ bằng phương pháp sau.

- ① Đổ xe trên mặt đất bằng phẳng, ngăn không cho xe di chuyển bằng cách đặt khối chặn bánh xe vào bánh trước và sau của xe, đồng thời nhả hoàn toàn phanh đỗ.
- ② Tháo nút cao su khỏi lỗ kiểm tra trên nắp che bụi phanh.
- ③ Đưa thước đo độ hở qua lỗ kiểm tra ở giữa trống phanh và má phanh để kiểm tra xem khe hở có phù hợp với thông số kỹ thuật được chỉ ra dưới đây không.

### Giá trị tiêu chuẩn

Khe hở giữa trống và má phanh không được lớn hơn 1,3 mm.

Không được có lực cản khi xoay bánh xe (Khi nhiệt độ của trống phanh gần như bằng với nhiệt độ bên ngoài).



**Lốp Xe**

Bánh xe có ảnh hưởng lớn đến sự an toàn và thoải mái khi lái xe. Nếu bất kỳ bánh xe nào bị rơi ra khỏi xe, nó không chỉ khiến xe bị hỏng trên đường và cản trở các phương tiện lưu thông khác mà còn có thể dẫn đến tai nạn nghiêm trọng. Chúng tôi đặc biệt khuyên bạn nên kiểm tra bánh xe và lốp xe và bảo dưỡng chúng trong tình trạng đạt yêu cầu.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

**CẢNH BÁO**

- Nếu bạn phát hiện thấy bất kỳ điều gì bất thường trong bu-lông bánh xe, đai ốc bánh xe hoặc moay-ơ bánh xe khi bạn kiểm tra chúng, hãy tránh điều khiển xe và liên hệ với Đại lý của ISUZU càng sớm càng tốt.
- Nếu bạn phát hiện thấy có bất cứ điều gì bất thường trên bánh xe bên trái, hãy kiểm tra bánh xe bên phải cẩn thận để tìm các khuyết điểm tương tự. Một khuyết điểm trên một bánh xe có thể là dấu hiệu của nhiều khuyết điểm trên các bánh xe khác.

## Áp suất khí nén



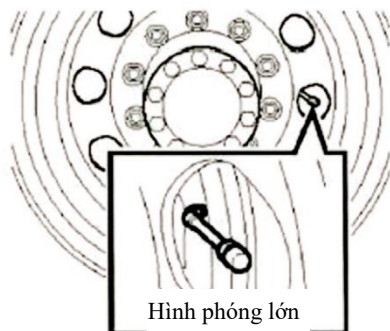
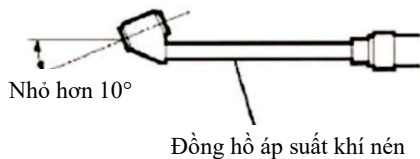
### CẢNH BÁO

- Lốp xe bị bơm căng không đủ hoặc bị mòn sẽ rất nguy hiểm vì chúng dễ bị trượt và thậm chí có thể bị nổ. Nếu chúng nổ, lốp xe có thể bị cháy và điều này có thể gây cháy xe.
- Nếu bạn lái xe trên những chiếc lốp non hơi hoặc bị thủng, các bu-lông bánh xe sẽ bị căng quá mức. Trong điều kiện này, bu-lông có thể bị gãy và bánh xe có thể văng ra khỏi xe, có thể gây ra tai nạn.



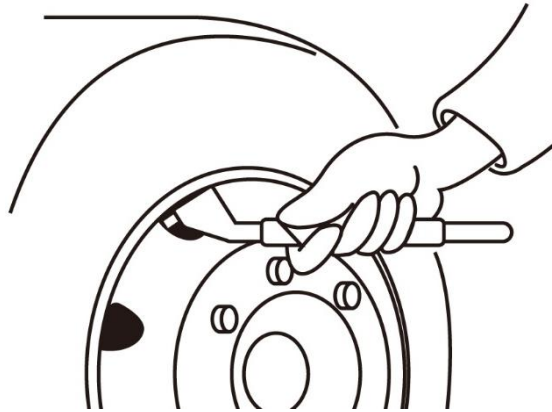
### CHÚ Ý

- Lốp xe quá căng sẽ khó đi và có khả năng gây hư hỏng hàng hóa. Lốp xe quá căng sẽ tích tụ nhiệt và có thể bị nổ. Luôn điều chỉnh lốp xe của bạn ở áp suất khí nén tiêu chuẩn.
- Nếu sử dụng van nối bánh xe không phải hàng chính hãng của Isuzu, van có thể bị hỏng. Van hư hỏng sẽ dẫn đến rò rỉ khí, vui lòng tháo van nối trước khi lái xe.
- Khi kiểm tra và đo áp suất khí nén hoặc độ căng lốp bên trong, hãy kiểm tra xem van nối có bị lỏng không. Điều này có thể gây ra rò rỉ không khí.



### LƯU Ý

- Thiết bị bơm lốp được bố trí gần với lốp. Để kiểm tra / đo áp suất lốp hoặc bơm lốp, đồng hồ đo áp suất khí phải được đặt đối diện với thiết bị bơm khí. Đặc biệt khi kiểm tra, đo áp suất lốp bên trong (loại lốp đôi), do que đo áp suất lốp loại góc thông thường (đầu uốn cong 1 góc khoảng 20 °) không thể đảm bảo độ kín khí giữa nó và van lốp, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng que đo áp suất lốp loại đường thẳng (đầu uốn cong 1 góc nhỏ hơn 10 °).
- Áp suất lốp bên trong và bên ngoài phải giống nhau.
- Lắp van nối dài để kiểm tra và đo áp suất hoặc độ căng của lốp đôi. Ngoài ra, nếu van nối dài được sử dụng là bộ phận chính hãng của Isuzu, bạn có thể lái xe ở trạng thái đã lắp đặt.



Sử dụng que đo áp suất lốp để đo áp suất của lốp (bao gồm cả lốp dự phòng). Nếu áp suất kém, vui lòng điều chỉnh về áp suất tiêu chuẩn. Trước khi lái xe, hãy kiểm tra tình trạng làm mát của lốp, đo áp suất khí nén (xe khi vận hành sẽ khiến áp suất lốp tăng thêm khoảng 10%).

Sau khi kiểm tra và đo áp suất lốp, hãy đảm bảo bạn đã đẩy nắp van lại. Trên cửa ra vào phía người lái có nhãn ghi áp suất tiêu chuẩn của lốp (bao gồm cả áp suất của lốp không tiêu chuẩn) trên nhãn.

#### Tiêu chuẩn chung cho bánh trước và sau

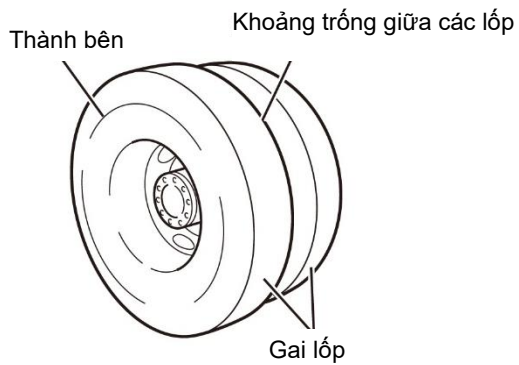
| Kích thước lốp   | Áp suất tiêu chuẩn kPa |
|------------------|------------------------|
| 12R22.5-16PR     | 830                    |
| 12R22.5-18PR     | 930                    |
| 315/80R22.5-16PR | 760                    |
| 315/80R22.5-18PR | 830                    |
| 315/80R22.5-20PR | 900                    |

## Kiểm Tra Vết Nứt Và Vết Hư Hỏng Của Lốp



### KHUYẾN CÁO

- Không sử dụng lốp bị nứt hoặc bị hỏng. Điều này có thể gây thủng lốp và rất nguy hiểm.



Kiểm tra mặt lốp của lốp và thành bên xem có bị rạn nứt, hư hỏng, ma sát không cân bằng không. Kiểm tra xem có tấm kim loại nào trong rãnh lốp, đinh, vướng đá giữa hai bánh xe không.

## Kiểm Tra Độ Sâu Của Rãnh Lốp Và Độ Mòn Và Vết Rách Bất Thường



### CẢNH BÁO

- Lốp bị hỏng rất dễ làm bị thủng hoặc nổ khi đang lái xe, rất nguy hiểm.



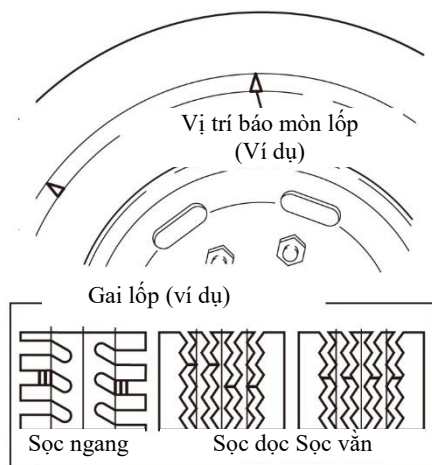
### THẬN TRỌNG

- Rãnh lốp không đủ độ sâu có thể gây trơn trượt khi đi với tốc độ cao.



### LƯU Ý

- Trượt là hiện tượng bánh xe mất độ bám với mặt đường, gây mất kiểm soát tay lái và phanh khi chạy với vận tốc quá nhanh trên đường.



Kiểm tra xem bộ chỉ báo hiển thị độ mòn của bề mặt lốp của lốp (chỉ báo độ mòn) và sử dụng máy đo độ sâu để kiểm tra độ sâu của rãnh lốp trên bề mặt lốp có nằm trong giá trị tiêu chuẩn hay không.

Thay lốp mới khi có độ mòn vượt quá mức cho phép.

Và kiểm tra xem có hao mòn không cân bằng và vết rách và các hao mòn bất thường khác hay không.

| Độ sâu rãnh lốp        |                 |
|------------------------|-----------------|
| Chạy trên đường thường | 0.06in hoặc hơn |
| Chạy trên cao tốc      | 0.13in hoặc hơn |

### Kiểm Tra Lốp Xe Đã Sử Dụng Thời Gian Dài

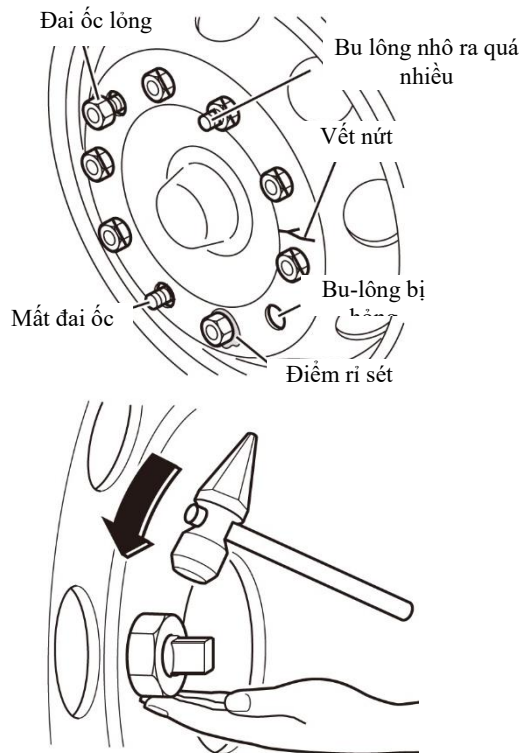
Lốp xe là cấu tạo từ cao su và sẽ bị lão hóa chậm trong thời gian dài sử dụng. (Lốp dự phòng và lốp dự trữ khác được lắp trên trục bánh xe cũng giống nhau). Sau thời gian sử dụng từ 5 đến 7 năm, nếu tiếp tục sử dụng, vui lòng kiểm tra kỹ lưỡng để đảm bảo an toàn khi lái xe.

## Kiểm Tra Việc Lắp Đặt Mâm bánh xe



### CẢNH BÁO

- Không tiếp tục lái xe khi có bất kỳ dấu hiệu bất thường nào chẳng hạn như của bu-lông bánh xe, đai ốc, mâm xe có chấu, v.v. và liên hệ với nhà Đại lý Isuzu ngay lập tức. Tiếp tục lái xe sẽ khiến bánh xe bị rơi ra và xảy ra các tai nạn khác.



### Quan sát

Quan sát việc lắp đặt mâm bánh xe.

- ① Kiểm tra xem các bu-lông và đai ốc bánh xe đã được lắp đặt hoàn chỉnh chưa.
- ② Kiểm tra xem có chất lỏng gây rỉ sét trên mâm xe, bu-lông bánh xe và đai ốc; xem mâm có bị nứt và hư hỏng hay không.
- ③ Kiểm tra chiều dài của bu-lông bánh xe nhô ra khỏi đai ốc bánh xe. Kiểm tra độ dài nhô ra của lớp có giống nhau không, độ dài nhô ra của lớp khác nhau có giống nhau không.

### Kiểm tra bằng búa kiểm tra / búa thường

Giữ đai ốc bánh xe bằng ngón tay của bạn và gõ vào đai ốc theo hướng siết chặt bằng búa kiểm tra hoặc búa thường.



### KHUYẾN CÁO

- Hướng siết chặt được chỉ ra bởi các dấu hiệu bu-lông bánh xe. Tiện bên phải sẽ đánh dấu là chữ R.

Cảm nhận độ rung của đầu ngón tay có khác với các loại đai ốc khác hay không, và lắng nghe âm thanh có đánh chắc không.

**Đào Vị Trí Lốp Xe**

Độ mòn của lốp có thể khác nhau ở các vị trí lắp đặt khác nhau. Nên thay đổi vị trí lốp thường xuyên để cân bằng độ mòn và kéo dài tuổi thọ.

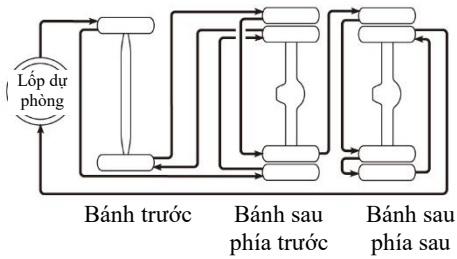
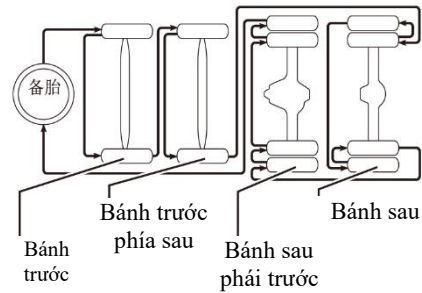
**CẢNH BÁO**

- Nếu lốp có kích thước khác nhau được sử dụng giữa cầu trước và cầu sau, không đổi các lốp giữa cầu trước và cầu sau; nếu không, lốp xe sẽ bị tải trọng vượt quá giới hạn của chúng. Điều này rất nguy hiểm vì lốp và mâm bánh xe có thể bị vỡ khi chịu tải trọng quá lớn.
- Đảm bảo kiểm tra xem có bất kỳ bất thường nào ở bu-lông bánh xe, đai ốc bánh xe và mâm bánh xe khi mâm bánh xe được tháo ra không.
- Nếu bạn tìm thấy bất kỳ tình trạng bất thường nào trên bu-lông bánh xe, đai ốc bánh xe hoặc mâm bánh xe, không tiếp tục sử dụng bánh xe. Liên hệ với Đại lý của ISUZU càng sớm càng tốt. Tiếp tục lái xe sẽ khiến bánh xe bị rơi ra và xảy ra các tai nạn khác.
- Sau khi lắp đặt mâm bánh xe, lần chạy đầu tiên sẽ làm giảm lực siết của nó. Sau khi lắp đặt, nên siết chặt đai ốc bánh xe sau mỗi 50-100 km chạy.

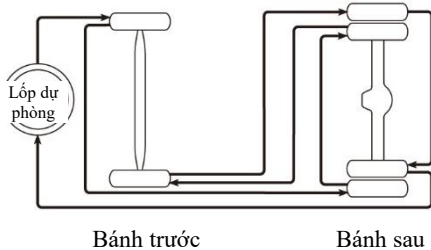
Siết Chặt Lại Đai Ốc Bánh Xe (Bánh xe 10 bu-lông) → Tham khảo trang 7-86

**Xe cầu sau đôi**

(Lốp trước và lốp sau có cùng kích thước)

**Xe 4 trục (sàn thấp)****Xe hai trục**

(Lốp trước và lốp sau có cùng kích thước)

**Sự khác biệt về đường kính ngoài**

|               |                   |
|---------------|-------------------|
| Xe tiêu chuẩn | Lốp hướng tâm     |
|               | Trong khoảng 8 mm |

Đối với xe có các trục đồng đều thì lốp sử dụng là cùng một loại thông số. Việc sử dụng đồng trục các loại lốp khác nhau sẽ khiến tay lái mất kiểm soát khi phanh, thân xe rung lắc.

Lốp mới dễ bị mòn, lốp trước nên lắp theo 2 cái trong 1 nhóm.

Khi lắp lốp đôi có đường kính ngoài khác nhau, lốp nhỏ hơn nằm ở bên trong.

Sự khác biệt về đường kính ngoài của lốp đôi nên nằm trong phạm vi bảng trên. Vượt quá phạm vi này sẽ làm đẩy nhanh tốc độ mòn của lốp.



### Thay Thế Lốp Xe (ISO Bánh Xe 10 Bu Lông)

Khi thay thế mâm thép, mâm nhôm, bu-lông bánh xe hoặc đai ốc bánh xe, nên sử dụng các phụ tùng chính hãng của Isuzu.

### Thay Đổi Mâm nhôm Và Mâm thép

Mâm thép và mâm nhôm cần có bu-lông bánh xe tương ứng để lắp đặt. Đối với các bu-lông bánh xe chuyên dụng cho mâm thép và mâm nhôm, chúng được phân biệt để sử dụng cho bánh trước và bánh sau. Khi thay đổi mâm nhôm sang mâm thép hoặc ngược lại, hãy thay thế bu-lông bánh xe bằng loại được thiết kế dành riêng cho loại bánh xe cụ thể.

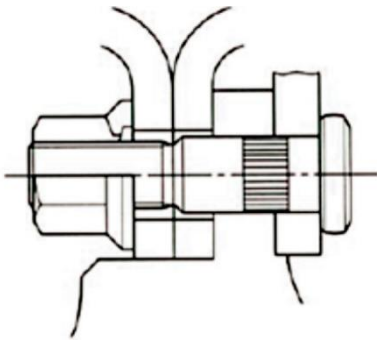
Việc thay thế bu-lông bánh xe yêu cầu công việc tháo rời, vì vậy hãy liên hệ với Đại lý ISUZU.



#### CẢNH BÁO

- Nếu sử dụng bu-lông bánh xe không chính xác, khả năng bắt chặt kém có thể dẫn đến hư hỏng ren của bu-lông bánh xe hoặc đai ốc bánh xe do chỗ cố định không đủ và độ bắt bu-lông kém do độ dài của bu-lông không phù hợp, có thể gây ra tai nạn bung bánh xe.
- Không sử dụng bu-lông của mâm thép cho mâm nhôm, và cũng không sử dụng bu-lông bánh xe của bánh trước cho bánh sau.
- Tránh sử dụng lẫn lộn mâm thép và mâm nhôm.
- Không sử dụng mâm bánh xe đã được sử dụng trên xe khác vì có vết mòn bề mặt tiếp xúc của nó với moay-ơ, điều này có thể gây lỏng các đai ốc của bánh xe.

## Tháo lốp xe (10 bu lông)



## CẢNH BÁO

Tháo lốp xe (10 bu-lông) Sử dụng kích nâng như mô tả trong Chương "Kích nâng".

- Lốp đôi được siết chặt bằng cùng một bu-lông. Nới lỏng các bu-lông, cả bên trong và bên ngoài lốp sẽ rời khỏi bánh xe. Khi nới lỏng bu-lông trong trường hợp chỉ thay lốp ngoài... bạn cũng phải đảm bảo an toàn khi nâng xe.
- Để tránh nguy hiểm khi kích bị trượt, hãy đặt lốp đã tháo hoặc lốp dự phòng gần kích nâng dưới thân xe.

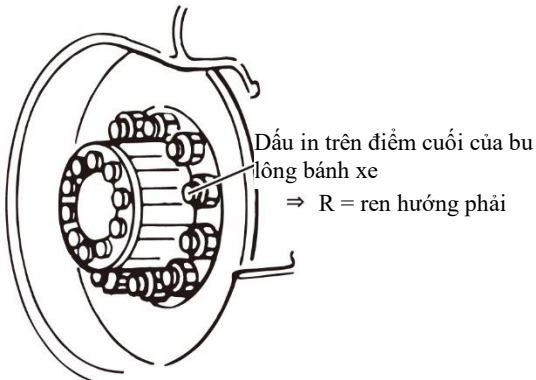
Hướng Dẫn Sử Dụng Kích Nâng → Tham khảo trang

7-5



## LƯU Ý

- Ống xả và bộ giảm thanh khi vừa chạy xe xong còn rất nóng nên đừng chạm vào chúng.
- Các lốp xe khá nặng nên cẩn thận để không bị thương khi tháo và lắp.
- Lốp bên trái và bên phải đều là loại ren hướng phải. Xác nhận dấu "R" trên bu-lông bánh xe cho biết hướng ren.
- Việc siết chặt quá mức làm xáo trộn hướng của lực sẽ dẫn đến hiện tượng giãn dài bu-lông và làm hỏng bề mặt tiếp xúc giữa mâm và bu-lông.



① Khi tháo lốp trước, nên dùng phanh tay và cố định lốp sau bằng khối chặn bánh xe. Khi tháo lốp sau, nên sử dụng phanh tay và lốp trước phải được cố định bằng khối chặn bánh xe.

② Kích nâng phải được đặt ở điểm đỡ.

③ Chiều cao của kích nâng phù hợp khi lốp vừa được nâng lên khỏi mặt đất & không bị giới hạn xoay.

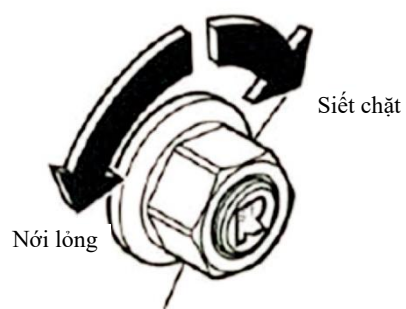
④ Sử dụng tuýp đặc biệt để nới lỏng đai ốc bánh xe cho đến khi lốp có thể lỏng ra. Tại thời điểm này vẫn chưa nên tháo hẳn đai ốc khỏi bánh xe.



## CHÚ Ý

- Không nới lỏng quá mức đai ốc bánh xe. Điều này có thể gây ra hư hại hoặc chấn thương.

⑤ Nâng xe cho đến khi lốp có thể xoay hoàn toàn.



⑥ Tháo van nổi dài của bánh xe bên trong (lốp đôi) phía sau.

⑦ Tháo tất cả các đai ốc đã nới lỏng và tháo lốp bên ngoài. Sau đó tháo lốp bên trong.

Khi tháo và lắp lốp, hãy cẩn thận để không làm hỏng bu-lông bánh xe và mặt lắp của mâm

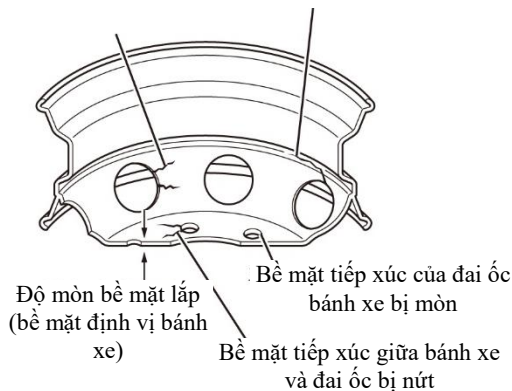


## CHÚ Ý

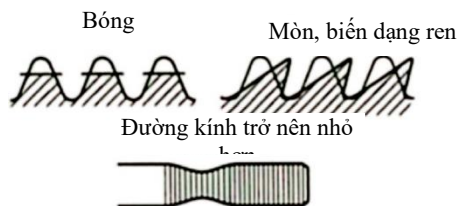
- Xe có hệ thống ABS nên sử dụng cùng loại lốp có kích thước quy định.
- Khi thay lốp, lốp xe nên được nâng rời khỏi mặt đất. Nếu không, sẽ không đạt được lực siết phù hợp, điều này sẽ làm cho đai ốc bị lỏng và rơi ra.
- Tẩy sạch bụi bẩn và rỉ sét trên lốp và bề mặt lắp, bề mặt tiếp xúc của moay-ơ, bề mặt tiếp xúc của bu-lông. Nếu không, sẽ không đạt được lực siết phù hợp, dẫn đến lỏng đai ốc.
- Khi tuổi thọ tăng lên, bề mặt tiếp xúc của đai ốc và bề mặt gắn kết của nó với moay-ơ sẽ bị mòn đáng kể, điều này sẽ khiến đai ốc bị lỏng ra.

Vết nứt xung quanh

Các vị trí hàn bị nứt



Kiểm tra rỉ sét, mài mòn bề mặt, ăn mòn, biến dạng ren, đường kính nhỏ hơn, vết nứt, hỏng hóc

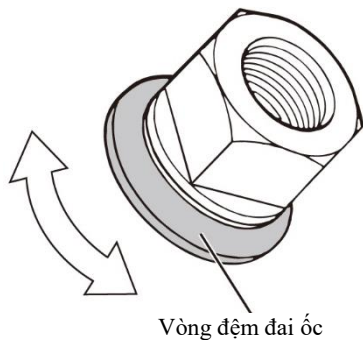


① Hãy chú ý những điểm sau đây khi kiểm tra mâm bánh xe.

- Kiểm tra các vết nứt hoặc hư hỏng xung quanh các lỗ bu-lông.
- Kiểm tra bề mặt tiếp xúc của trục xem có vết nứt, hư hỏng hoặc bị mòn không.
- Kiểm tra các vết nứt hoặc hư hỏng trong khu vực các mối hàn.
- Kiểm tra bề mặt lắp đặt trục và bề mặt tiếp xúc của trục xem có bị mòn hoặc hư hỏng không.

② Hãy chú ý đến những điểm sau đây khi kiểm tra bu-lông và đai ốc của trục bánh xe.

- Kiểm tra các vết nứt hoặc hư hỏng
- Kiểm tra xem bu-lông có bị kéo giãn và không có vết rỉ sét hay không.
- Kiểm tra các phần của bu-lông bị gãy, đường kính giảm, ren bị mòn.

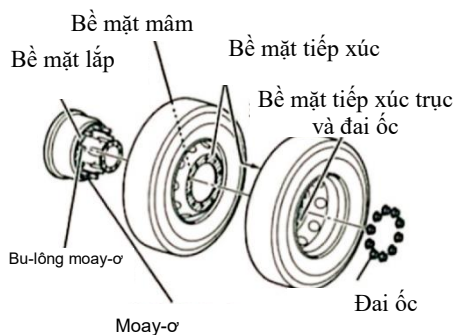


- Kiểm tra xem vòng đệm đai ốc có quay trơn tru không. Nếu không trơn tru, hãy thay thế mới.

- ③ Kiểm tra xem bề mặt trục của giá lắp đặt mâm bánh xe có bị mòn hoặc hư hỏng rõ ràng hay không.

**CHÚ Ý**

- Lau sạch vết rỉ sét và bụi bẩn, phủ một lớp mỏng lên các bu-lông bằng nhớt động cơ, nhớt hộp số hoặc dầu trợ lực lái và siết chặt đai ốc vào đầu dưới của bu-lông. Nếu vòng quay không trơn tru, nghĩa là trục bu-lông đang có bất thường.
- Nếu có bất kỳ bất thường nào xảy ra, hãy thay thế các bu-lông và đai ốc của trục cùng một lúc.
- Khi bu-lông bị hỏng, hãy thay thế tất cả các bu-lông và đai ốc trên lớp.
- Thay thế bu-lông bánh xe sẽ yêu cầu hoạt động tiến hành phân tách. Liên hệ với Đại lý của ISUZU gần nhất.

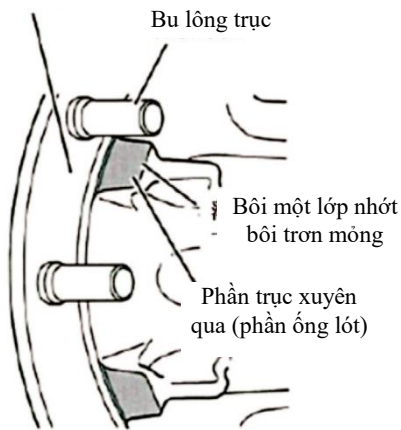


- ④ Làm sạch bề mặt lắp đặt mâm bánh xe và bề mặt tiếp xúc, bề mặt lắp moay-ơ, bề mặt bán trục xuyên qua, bề mặt tiếp xúc đai ốc, phần bu-lông của moay-ơ bánh xe bị rỉ sét, bụi và bùn, v.v.

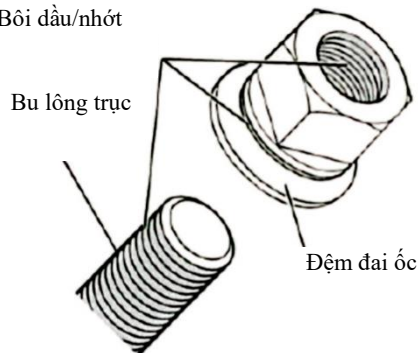
**CHÚ Ý**

- Việc siết chặt trực tiếp mà không loại bỏ bụi bẩn hoặc rỉ sét có thể làm lỏng các đai ốc.

Không bôi chất bôi  
trơn (bề mặt mâm)



Bôi dầu/nhớt



- ⑤ Để ngăn ngừa rỉ sét, hoặc mâm bánh xe được cố định trên trục, nên phủ lớp mỏng dung dịch bôi trơn trong các bộ phận lắp ghép. Nên làm sạch các vết rỉ sét trước khi bôi dầu nhớt.

Không để dung dịch bôi trơn dính vào bề mặt ngoài của các chi tiết.

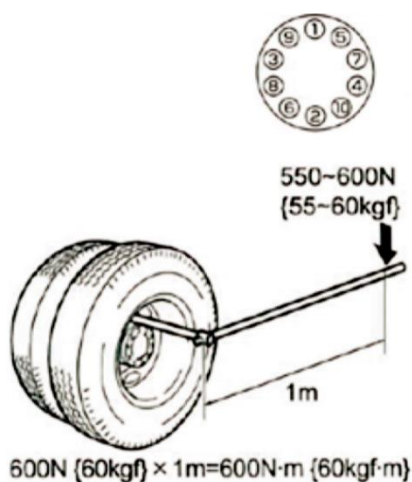
- ⑥ Trong phần bu-lông và đai ốc bánh xe nên được phủ một lớp nhớt động cơ mỏng, nhớt hộp số hoặc dầu trợ lực lái.



#### CHÚ Ý

- Dung dịch bôi trơn, chẳng hạn như nhớt động cơ, không được bôi lên bề mặt tiếp xúc của mâm bánh xe và vòng đệm đai ốc. Điều này có thể dẫn đến ăn mòn hoặc bề mặt tiếp xúc của đai ốc bị lỏng.
- Không sử dụng dầu có chứa molybden disulfide. Lực siết quá mức có thể gây ra hư hỏng cho bu-lông.
- Súng siết khí nén có thể tạo ra lực siết vượt quá độ so với lực siết được chỉ định và có thể khiến bu-lông bánh xe bị gãy, hãy kiểm tra kỹ lực siết bánh xe.
- Khi sử dụng súng siết khí nén, hãy chú ý kỹ đến thời điểm và thời gian siết của van điều tiết áp suất khí và kiểm tra lại lực siết bằng cân cần lực.

Thứ tự siết chặt đai ốc 10 bu lông



- ⑦ Các lỗ trên tấm moay-ơ phụ trợ bánh xe sẽ liên kết với bu-lông. Hãy cẩn thận để không làm xước phần bu-lông bánh xe, gá nó vào sâu phía trong và lắp nó vào cùng bánh xe.

Khi lắp bánh sau, van khí bên trong và bên ngoài lốp phải được dịch chuyển 180° để dễ kiểm tra/đo áp suất khí nén.

Lốp đôi cũng được siết chặt tương tự bằng bu-lông. Hãy cẩn thận không để bánh xe rơi ra trong khi đang được lắp.

- ⑧ Lắp bu-lông và siết chặt tạm thời cho đến khi lốp không còn rung động khi lắc bánh xe.
- ⑨ Xoay van xả kích nâng sang trái và từ từ hạ xe xuống.
- ⑩ Vận chặt bu-lông bánh xe theo đường chéo từ hai hoặc ba lần.
- ⑪ Cuối cùng, sử dụng cần cân lực và các dụng cụ khác, vận chặt đến lực siết cụ thể.

#### Lực siết phù hợp

550-600 N·m(55-60kgf·m) (đã bôi trơn)



#### CẢNH BÁO

- Sau khi lắp bánh xe, lần chạy/vận hành đầu tiên sẽ làm lực siết bị giảm dần. Hãy siết chặt đai ốc bánh xe lại sau mỗi 50-100 km.

Siết Đai ốc (ISO 10 bu-lông) → Tham khảo trang 7-86



#### KHUYẾN CÁO

- Sau khi thay lốp, hãy bẻ lái sang trái và phải để đảm bảo rằng các bánh xe không va chạm với các bộ phận xung quanh. Nếu nghi ngờ, hãy tham khảo ý kiến Đại lý của ISUZU gần nhất.

## Siết đai ốc (ISO 10 bu lông)



## CẢNH BÁO

- Sau khi lắp bánh xe, lần chạy đầu tiên sẽ làm lực siết bị giảm dần. Sau khi lắp đặt, mỗi lần lái xe 50-100km, nên dùng cân lực và các dụng cụ khác để siết chặt các đai ốc bánh xe lại. Nếu đai ốc vẫn bị lỏng hoặc có bất kỳ bất thường nào khác sau khi siết chặt, hãy đến ngay Đại lý của Isuzu để được kiểm tra và lắp đặt.



## CHÚ Ý

- Lớp bên trái và bên phải đều là loại ren hướng phải. Xác nhận dấu "" trên bu-lông bánh xe cho biết hướng ren.
- Chèn cờ lê vặn bu-lông đủ sâu để siết chặt đai ốc đến lực siết cụ thể. Việc sử dụng ống nối, chân và các phụ trợ khác khi siết sẽ dẫn đến quá chặt, có thể làm hỏng các bộ phận.
- Việc siết quá chặt có thể làm cho bu-lông dài ra và làm hỏng bề mặt tiếp xúc của bánh xe với bu-lông.
- Việc siết chặt không đủ hoặc quá mức của các bu-lông có thể dẫn đến gãy bu-lông và nứt mâm xe và có thể làm bánh xe bị rơi ra
- Khi thay lớp, không sử dụng lẫn lộn nhiều loại lớp khác nhau hoặc sử dụng các loại lớp có kích thước không xác định, có thể ảnh hưởng tốt đến sự an toàn khi lái xe.



## LƯU Ý

- Lực siết của đai ốc được in trên nhãn phía cửa bên ghế người lái.



Siết chặt đai ốc đến lực siết cụ thể

## Lực siết đai ốc bánh xe

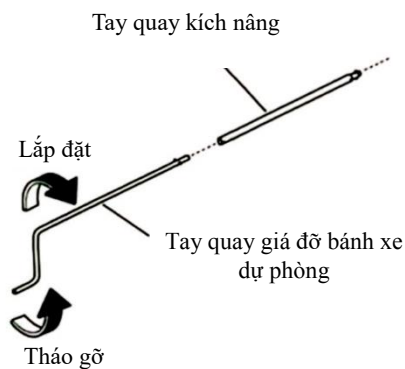
550-600 N·m(55-60kgf·m) (đã bôi trơn)



## Lốp Dự Phòng ★

Lốp dự phòng được sử dụng trong những trường hợp lốp chính không thể sử dụng được hoặc những trường hợp hợp lốp xe cần được hoán đổi

### Lắp Đặt Và Tháo Gỡ



#### LƯU Ý

- Đối với các kiểu xe có trang bị bình khí nén, hãy sử dụng cần vận hành kích nâng thủy lực vào giá đỡ bánh xe dự phòng.

#### Tháo gỡ

Lắp tay quay giá đỡ bánh xe dự phòng vào giá gắn bánh xe dự phòng và quay hướng ngược chiều kim đồng hồ.

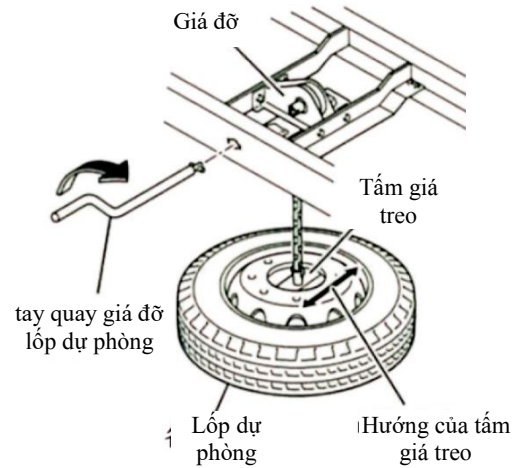
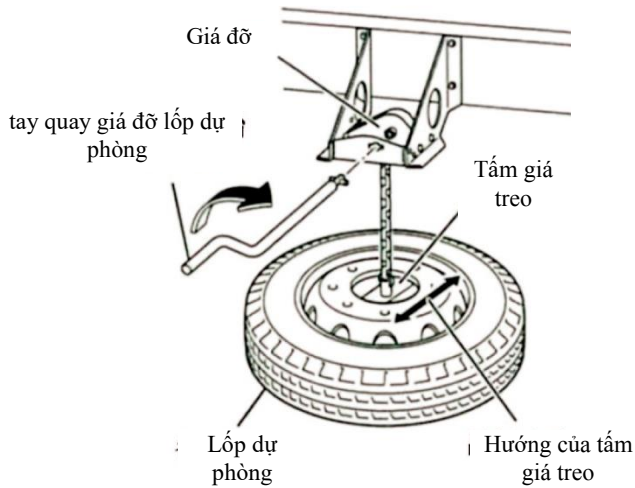
#### Lắp đặt



#### CHÚ Ý

- Nếu xích bị xoắn khi được quấn, nó sẽ trở nên lỏng trong khi chạy do rung hoặc chấn động và lốp có thể bị rơi ra; điều này rất nguy hiểm.
- Sau khi cất lốp vào giá chứa lốp, hãy kiểm tra xem lốp xe có được giữ chắc chắn không. Nếu lốp xe được giữ lại một cách lỏng lẻo, lốp xe sẽ càng trở nên lỏng lẻo hơn trong khi bạn đang lái xe do rung/chấn động và có thể bị rơi ra => điều này rất nguy hiểm.

- ① Đặt lốp có mặt lồi của đĩa lốp xe hướng lên trên và sau đó lắp tấm giá treo vào bên trong đĩa lốp xe bằng các móc của nó và gài đúng cách.
- ② Kiểm tra để đảm bảo xích không bị xoắn.
- ③ Lắp tay quay giá đỡ lốp dự phòng vào cụm giá đỡ và quay theo chiều kim đồng hồ để cuộn dây xích vào. Không để xoắn dây xích trong khi cuộn dây. Tấm giá treo phải vuông góc với giá treo khi lốp dự phòng đến vị trí cất giữ.



- ④ Sau khi cuộn dây xích, hãy xoay thêm tay quay giá đỡ lốp dự phòng với một lực ít nhất là 294 N (30 kgf) để cố định lốp. Rút tay quay giá đỡ lốp dự phòng ra khỏi giá đỡ mà không cần xoay ngược lại.
- ⑤ Sau khi cất lốp dự phòng, hãy kiểm tra lốp dự phòng không bị lỏng bằng cách dùng chân ấn mạnh vào lốp. Nếu lốp bị lỏng, hãy buộc chặt lại sau khi kiểm tra rằng không có khuyết điểm nào ở bộ phận giá đỡ như giá đỡ hoặc tấm móc treo bị cong. Nếu bạn không thể buộc chặt lốp xe vào giá đỡ, đừng lái xe và hãy liên hệ với Đại lý của ISUZU.

**Bình khí nén**

Khí nén cho hệ thống phanh và hệ thống treo khí nén. Nếu có nước trong bình chứa khí, nó sẽ làm cho phanh và thiết bị dựa vào áp suất khí nén hoạt động bị hư hỏng. Để đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy nhớ xả hết nước trong bình chứa khí hàng ngày.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

**Kiểm Tra Bình khí nén****CẢNH BÁO**

- Nếu nước tích tụ trong bình chứa khí, nó có thể làm đóng băng đường ống dẫn khí, làm cho máy nén khí bị hỏng hoặc phanh bị trục trặc. Đó là vấn đề nguy hiểm. Điều này là đặc biệt nghiêm trọng vào mùa đông, có thể dẫn đến việc bị rỉ sét bên trong đường ống & gây rò rỉ.

Khi có nước trong bình chứa khí, hãy kéo vòng kéo của vòi xả ở phần dưới của bình khí nén để xả nước.

Sau khi thoát nước, kiểm tra xem có bất kỳ rò rỉ nào ở vòi thoát nước hay không.

Khi bình chứa khí thoát ra một lượng ẩm lớn, tức là chất hút ẩm của bộ lọc khí nén đã kém đi. Vui lòng liên hệ Đại lý của Isuzu để thay chất hút ẩm mới.

## Áp suất khí nén

Khi áp suất thấp, hệ thống phanh và các thiết bị hoạt động bằng áp suất khí nén sẽ hoạt động không hiệu quả, rất nguy hiểm. Hãy luôn chú ý kiểm tra hoạt động của kim chỉ của đồng hồ áp suất khí nén và thời gian tăng áp suất để đảm bảo lái xe thoải mái và an toàn.

## Kiểm Tra Áp suất khí nén

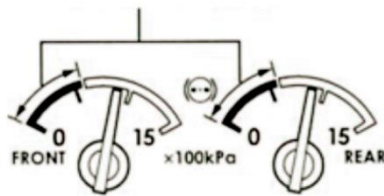


### CẢNH BÁO

- Không vận hành xe khi đèn cảnh báo phanh đang bật. Phanh lúc này đang không phát huy hết tác dụng, điều này dễ dẫn đến nguy hiểm.

Đồng hồ đo áp suất phanh

Khu vực đo (Đo)



Đồng hồ đo áp suất khí chính

- ① Kiểm tra áp suất khí nén bằng đồng hồ đo áp suất khí nén (trạng thái nạp đầy).

| Đồng hồ đo áp suất khí phanh |                                             |
|------------------------------|---------------------------------------------|
| Áp suất khí nén thông thường | 900~930kPa<br>(9.2~9.5kgf/cm <sup>2</sup> ) |

- ② Kiểm tra áp suất của trường hợp nạp đầy. Đảm bảo rằng cần phanh tay đã được siết chặt, và mở vòi xả dưới bình để xả hết không khí trong bình.
- ③ Tính toán thời gian cần thiết để đèn cảnh báo " : khi động cơ bắt đầu chạy không tải, nếu nó nằm trong phạm vi hiển thị trong bảng sau, đó là điều bình thường

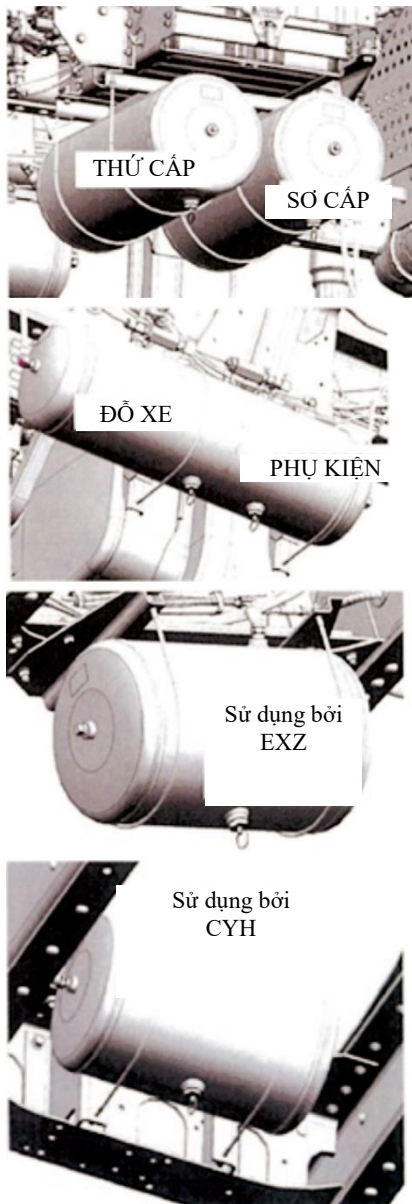


## LƯU Ý

- Ngay cả khi đồng hồ áp suất khí nén phanh trở lại bình thường, máy nén sẽ tiếp tục hoạt động miễn là đồng hồ áp suất khí nén chính vẫn chưa trở lại bình thường.

Khi đèn cảnh báo tắt, kim chỉ báo sẽ dao động nhẹ với các nhiệt độ khác nhau. Tuy nhiên, nếu áp suất không thể tăng lên, thời gian tăng áp suất khác với bảng trên hoặc chênh lệch giữa hai chỉ số của que đo áp suất khí nén quá lớn, hãy liên hệ với Đại lý của ISUZU.

## Bình khí nén



Bình khí nén có thể có nước. Đôi khi, nước tích tụ trong bình chứa khí, vì vậy hãy kéo vòng của vòi xả ở dưới cùng của bình chứa khí để xả hết nước. Sau khi xả hết nước, hãy kiểm tra để đảm bảo rằng không có rò rỉ khí từ vòi xả.

Nếu có nhiều nước thoát ra từ bình khí nén, chất hút ẩm của bộ lọc khí nén có thể đã bị giảm chất lượng. Khi cần thay thế chất hút ẩm, hãy yêu cầu Đại lý của ISUZU thực hiện việc này.

Sơ đồ này là một ví dụ. Xả nước từ tất cả các bình khí nén được trang bị trong xe.



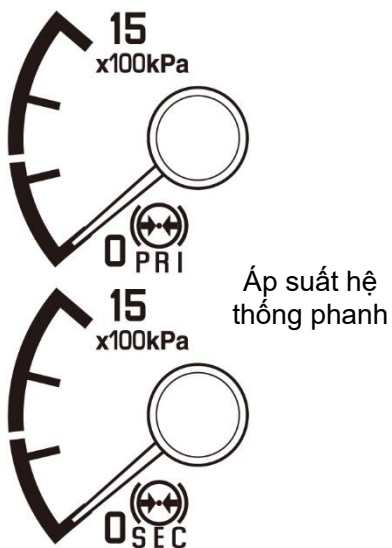
## CẢNH BÁO

- Nước đọng lại trong bình khí nén có thể khiến hơi ẩm bị đóng băng bên trong đường ống dẫn khí, đặc biệt là trong điều kiện khí hậu lạnh. Điều này rất nguy hiểm vì máy nén khí có thể bị hỏng và có thể gây mất lực phanh. Sự tích tụ nước cũng sẽ gây rỉ sét đường ống, có thể dẫn đến rò rỉ khí.



## Áp suất khí nén

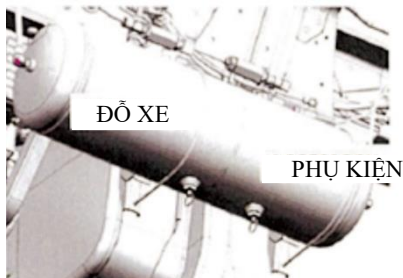
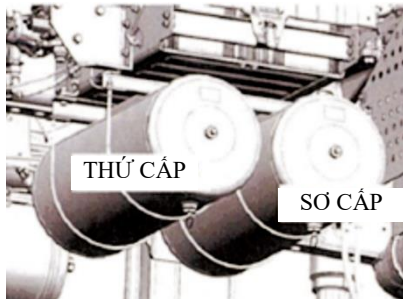
## Kiểm tra áp suất khí nén



1. Kiểm tra đồng hồ đo áp suất khí nén xem hệ thống phanh sơ cấp và thứ cấp có được nạp khí đến áp suất thích hợp không.

## Khoảng áp suất thích hợp

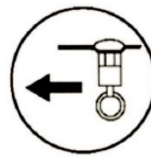
**740 - 830 kPa**(7.5 - 8.5 kgf/cm<sup>2</sup>/107 - 121 psi)



2. Tiếp theo, kiểm tra tốc độ tăng áp suất khí nén. Sau khi xác nhận rằng cần phanh tay đã được kéo hoàn toàn, hãy kéo vòi xả ở dưới cùng của bình khí nén để xả hết không khí trong bình chứa khí.

**CẢNH BÁO**

- Không điều khiển xe khi đèn cảnh báo bật sáng. Phanh khí đó chưa sẵn sàng hoạt động và sẽ rất nguy hiểm nếu vận hành xe.



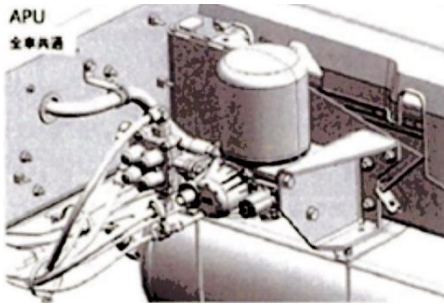
3. Khởi động động cơ và để chạy không tải. Hệ thống phanh khí nén sẽ hoạt động bình thường nếu thời gian làm sạch bộ lọc khí nén khớp với tiêu chuẩn.

| Mẫu            | Thời gian (phút) |
|----------------|------------------|
| Tất cả các mẫu | xấp xỉ 11        |

Thời gian cần trước khi làm sạch bộ lọc khí nén có thể khác nhau một chút tùy thuộc vào nhiệt độ và các điều kiện môi trường khác. Tuy nhiên, bạn nên liên hệ với Đại lý của ISUZU nếu áp suất khí nén hoàn toàn không tăng hoặc thời gian cần trước khi đạt áp suất thích hợp khác đáng kể so với chỉ dẫn trong bảng hoặc kim của hai đồng hồ đo áp suất khí nén cho thấy áp suất khác nhau đáng kể.



## Bộ lọc khí nén



Thay thế chất hút ẩm theo Lịch bảo trì. Hãy cẩn thận và đảm bảo rằng cổng xả không bị tắc nghẽn hoặc cản trở bởi vật lạ.

Bộ lọc khí nén loại bỏ hơi ẩm có trong đường ống dẫn khí của xe bằng cách sử dụng chất hút ẩm bên trong. Nếu có nhiều nước được xả ra khi mở vòi xả trên bình khí nén trong quá trình kiểm tra trước khi vận hành, chất hút ẩm đã bị giảm chất lượng và cần được thay mới. Yêu cầu Đại lý của ISUZU tiến hành thay thế. Ngoài ra, cần thay thế định kỳ các bộ phận cao su bên trong bộ lọc khí nén. Hãy nhờ Đại lý Isuzu gần bạn để tiến hành thay thế.



## CẢNH BÁO

- Đảm bảo thay bộ lọc khí nén.

Sử dụng chất hút ẩm kém chất lượng có thể khiến nước ngưng tụ trong các bình khí. Nó có thể khiến hơi ẩm đóng băng bên trong đường ống dẫn khí, đặc biệt là trong khí hậu lạnh. Điều này rất nguy hiểm vì máy nén khí có thể bị hỏng và gây không còn đủ lực phanh. Sự tích tụ nước cũng sẽ gây ra rỉ sét trong đường ống, có thể dẫn đến rò rỉ khí.

Lịch Bảo Trì → Tham khảo trang 7-133

**Bộ lọc khí nén**

Bộ lọc khí nén được sử dụng để loại bỏ hơi ẩm từ đường ống dẫn khí của xe. Khi thay thế bộ lọc, bạn nên sử dụng các bộ phận chính hãng của Isuzu.

**Kiểm Tra Bộ lọc khí nén****CẢNH BÁO**

- Nếu chất hút ẩm trong bộ lọc khí nén kém đi, nó sẽ làm tích tụ hơi ẩm trong bình, đặc biệt là vào mùa đông, nước trong đường ống dẫn khí rất dễ bị đóng băng. Điều này sẽ làm cho máy nén khí bị hỏng hoặc giảm khả năng phanh, rất nguy hiểm. Ngoài ra, nó cũng có thể dẫn đến rỉ sét bên trong đường ống, gây rò rỉ.

Khi tiến hành kiểm tra hàng ngày (trước khi sử dụng), nếu thấy lượng nước thoát ra từ vòi thoát nước của bình gas lớn, chất hút ẩm đã bị giảm chất lượng và nên được thay thế. Vui lòng liên hệ với Đại lý của ISUZU.

Ngoài ra, bộ lọc khí nén và các bộ phận cao su bên trong cũng cần được thay thế thường xuyên. Vui lòng liên hệ với Đại lý của ISUZU.

Bình khí nén → Tham khảo trang 7-92

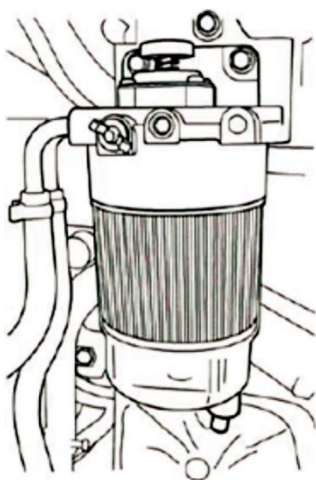
**Bộ Lọc Nhiên Liệu Sơ Cấp**

Bộ lọc sơ cấp được sử dụng để lọc cặn bẩn, nước và các tạp chất khác trong nhiên liệu. Bộ lọc sơ cấp có tác động lớn đến hiệu suất và tuổi thọ của động cơ, do đó, chúng tôi khuyến nghị sử dụng bộ lọc sơ cấp chính hãng của Isuzu.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

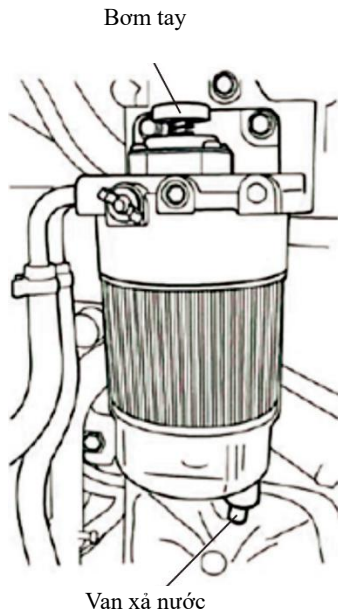
**CẢNH BÁO**

- Sau khi lắp đặt, khởi động động cơ và kiểm tra xem nhiên liệu có bị rò rỉ xung quanh bộ lọc sơ cấp hay không. Rò rỉ nhiên liệu có thể gây ra hỏa hoạn.



Kiểm tra bộ lọc sơ cấp, nếu bị nhiễm bẩn nghiêm trọng, vui lòng thay thế nó.

### Xả Nước Bộ Lọc Nhiên Liệu Sơ Cấp



- ① Đặt 1 cái khay dưới bộ lọc sơ cấp và lắp một ống trong suốt cùng các bộ phận khác (đường kính trong 8 mm) trên van xả.
- ② Mở van xả nước.
- ③ Bơm tay lên xuống từ 10 đến 20 lần. Xả nước từ van xả trong bộ lọc sơ cấp và chặn.
- ④ Kiểm tra lượng nước và chặn bần thải ra và cấm nút thông hơi.
- ⑤ Tháo vòi, một lần nữa điều hướng dòng nước bằng cách bơm lên xuống nhiều lần.
- ⑥ Kiểm tra xem có rò rỉ nhiên liệu ở van xả nước không.
- ⑦ Kiểm tra xem phần động cơ có bị rò rỉ nhiên liệu sau khi xả nước.

Xả Nước Bộ lọc Nhiên liệu → Tham khảo trang 7-62

- ⑧ Xả gió bên trong bộ lọc nhiên liệu.

Phương pháp xả gió → Tham khảo trang 8-13

- ⑨ Sau khi khởi động động cơ, hãy đảm bảo rằng lời nhắc "Fuel Filter (Drain)" trên màn hình đa thông tin đã được tắt.

### Thay Thế Bộ Lọc Nhiên Liệu Sơ Cấp



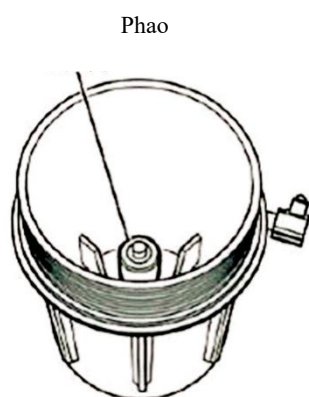
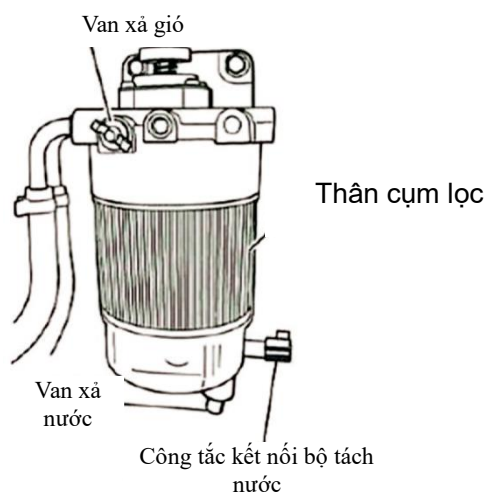
#### CẢNH BÁO

- Khi lắp bộ lọc, hãy cẩn thận không để vòng đệm rơi vào trong đó. Vô tình mắc vòng đệm bên trong có thể gây rò rỉ nhiên liệu và cháy.



#### KHUYẾN CÁO

- Khi thay thế bộ lọc, vui lòng thay thế cả bộ phụ tùng kèm theo.
- Loại bỏ và vứt bỏ bộ lọc đã thay thế như theo chỉ định.



- ① Tháo công tắc kết nối bộ tách nước.
- ② Đặt 1 cái khay dưới bộ lọc sơ cấp, và lắp một ống trong suốt cùng các bộ phận khác (Đường kính trong 8 mm) trên van xả nước.
- ③ Mở van xả nước.



## KHUYẾN CÁO

- Không nói lỏng van xả nước quá nhiều. Nếu không, van xả nước có thể bị rơi ra.

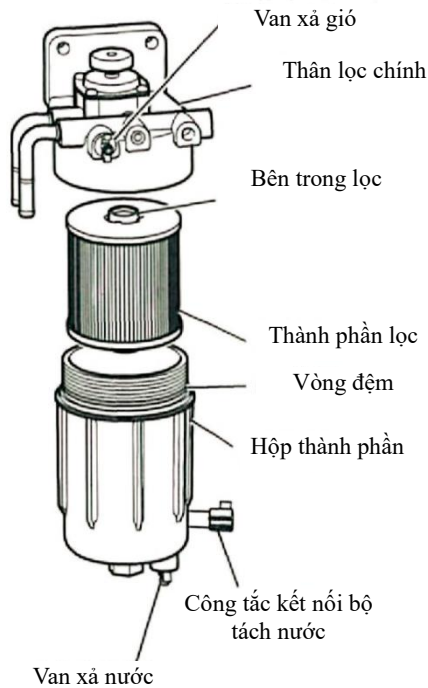
- ④ Mở van xả nước. Van xả sẽ xả thải nhiên liệu trong bộ lọc ra cùng.
- ⑤ Kiểm tra lượng nhiên liệu thải ra và siết van lại.
- ⑥ Tháo ống nước ra khỏi van xả nước.
- ⑦ Sử dụng một dụng cụ (cờ lê, v.v.: 27 mm) để nói lỏng phần lực giác của đáy bộ lọc ngược chiều kim đồng hồ rồi tháo bộ lọc ra.



## KHUYẾN CÁO

- Đảm bảo rằng phao ở đáy hộp lọc có thể di chuyển tự do.
- Mở công tắc kết nối bộ tách nước và đảo ngược bộ lọc để màn hình đa thông tin hiển thị "Fuel filter (drain)".
- Nếu vật thể lạ được tìm thấy ở dưới cùng của bộ lọc, hãy bỏ nó đi.

- ⑧ Kéo bộ lọc xuống và tháo vòng đệm ra. Nếu bạn phát hiện thấy vật thể lạ tích tụ bên trong thân bộ lọc, hãy lau lại bằng vải sạch.

**KHUYẾN CÁO**

- Lau sạch vật thể lạ bằng khăn sạch. Không sử dụng các công cụ như khí nén. Sử dụng quạt gió để thổi các vật thể lạ vào đường hết thống/đường ống nhiên liệu có thể gây ra sự cố động cơ.

- ⑨ Cẩn thận để không làm hỏng các bộ phận. Cẩn thận gắn vòng đệm mới vào bu-lông.
- ⑩ Bôi một lớp mỏng dầu nhẹ và sạch vào nguyên gói lọc mới và lắp hoàn toàn vào thân lọc.

**KHUYẾN CÁO**

- Cẩn thận không để các vật thể lạ lọt vào các cổng vào / ra của bộ lọc nhiên liệu.

- ⑪ Bôi một lớp nhớt mỏng vào vòng đệm của lõi lọc và vận nó hoàn toàn theo chiều kim đồng hồ vào thân bộ lọc. Nếu lõi lọc không được lắp hoàn toàn vào thân bộ lọc, thì vỏ bộ lọc cũng sẽ không thể lắp vào hoàn toàn. Vừa xoay vừa lắp lại lõi lọc.
- ⑫ Lắp bộ lọc.

**Lực siết cần thiết để siết chặt lõi lọc**

28~32N·m(2.9~3.3kgf·m)

- ⑬ Vận chặt van xả nước và gắn lại công tắc kết nối bộ tách nước.
- ⑭ Xả không khí khỏi bộ lọc.

Phương pháp xả gió → Tham khảo trang 8-13

**CẢNH BÁO**

- Sau khi thay lọc nhiên liệu, khởi động động cơ để kiểm tra xem nhiên liệu có bị rò rỉ xung quanh bộ lọc nhiên liệu hay không. Rò rỉ nhiên liệu có thể gây ra hỏa hoạn.

## Bộ Ly Hợp ★

Đĩa ly hợp bị mòn trong quá trình sử dụng bộ ly hợp, và điều này làm giảm hành trình tự do của bàn đạp ly hợp. Nếu bạn tiếp tục sử dụng bộ ly hợp với hành trình bàn đạp ly hợp giảm, ly hợp sẽ dễ bị trượt. Ngược lại, nếu hành trình tự do của bàn đạp quá nhiều, bộ ly hợp ngắt kém, khiến việc sang số khó khăn.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

## Kiểm Tra Bộ Ly Hợp

Kiểm tra xem có nghe thấy âm thanh bất thường hoặc bàn đạp ly hợp nặng bất thường khi nhấn bàn đạp ly hợp trong khi động cơ đang chạy không. Nếu nghe thấy âm thanh bất thường hoặc hoạt động của bàn đạp ly hợp nặng mặc dù áp suất không vẫn bình thường, hãy châm thêm dầu bôi trơn. Ngoài ra, hãy kiểm tra xem cần sang số có thể được đặt ở vị trí số 1 hoặc số lùi một cách dễ dàng hay không.

Dầu Bôi Trơn → Tham khảo trang 7-23



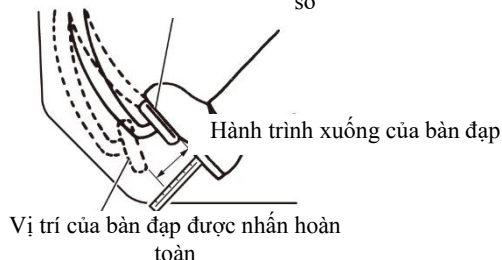
## CHÚ Ý

- Nhả bàn đạp ly hợp từ từ để tránh việc xe khởi động quá đột ngột.

Đồng thời kiểm tra để đảm bảo bộ ly hợp hoạt động trơn tru, không bị trượt khi xe bắt đầu chuyển động chậm.



Vị trí bàn đạp ngay trước khi bộ ly hợp vào số



## Kiểm Tra Hành Trình Tự Do Của Bàn Đạp Ly Hợp

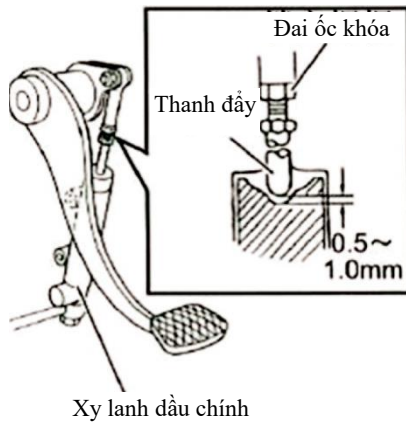
Nhấn nhẹ bàn đạp ly hợp bằng tay cho đến khi bạn cảm thấy có lực cản nhẹ. Khoảng cách chuyển động của bàn đạp đến thời điểm này là hành trình tự do.

## Kiểm Tra Hành Trình Xuống Của Bàn Đạp Ly Hợp

- ① Đảm bảo rằng phanh đỗ đã được kéo lên hoàn toàn. Khởi động và chạy động cơ ở chế độ không tải, sau đó nhấn hết bàn đạp ly hợp.
- ② Di chuyển cần số về vị trí số 1 rồi nhả bàn đạp từ từ. Bàn đạp ly hợp hoạt động bình thường nếu hành trình xuống của bàn đạp từ vị trí được nhấn hoàn toàn đến vị trí ngay trước khi bộ ly hợp vào số từ 50 mm trở lên.

| Mục kiểm tra                                                             | Giá trị tiêu chuẩn<br>[Giá trị tham khảo] |
|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Hành trình tự do bộ ly hợp                                               | 40~60 mm                                  |
| Khoảng cách khi đạp vào hết bàn đạp ly hợp đến khi bộ ly hợp vừa kết nối | 1.97 in hoặc hơn                          |





- ① Kiểm tra hành trình tự do của bàn đạp ly hợp. Nếu hành trình tự do của bàn đạp ly hợp vẫn không đạt được giá trị tiêu chuẩn, hãy làm theo các bước dưới đây để tiếp tục điều chỉnh.
- ② Tháo lò xo hồi vị bàn đạp ly hợp.
- ③ Nới lỏng đai ốc khóa của thanh đẩy xy lanh chính.
- ④ Xoay thanh đẩy cho đến khi nó tiếp xúc với piston.
- ⑤ Sau đó từ vị trí này quay ngược lại  $2/5 \sim 4/5$  vòng. Lúc này, đỉnh của piston và khe hở giữa van xả là  $0,5 \sim 1,0$  mm.
- ⑥ Vặn chặt đai ốc khóa và lắp lò xo hồi vị.
- ⑦ Độ siết của đai ốc khóa là  $19.6 \pm 5$  N.m.

### Dầu Trợ Lực Ly Hợp

Dầu ly hợp dùng điều khiển bộ ly hợp và trợ lực ly hợp, nó kết nối và ngắt ly hợp theo áp suất dầu điều khiển. Bạn nên sử dụng đúng loại dầu ly hợp được khuyến nghị khi thay thế.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15



#### CHÚ Ý

- Dầu trợ lực ly hợp có thể làm hỏng sơn và các vật liệu cấu thành xe như nhựa, vinyl và cao su. Nó cũng có tính ăn mòn cao đối với kim loại. Nếu nó bị đổ, ngay lập tức lau sạch khu vực đó và rửa sạch dung dịch đó bằng nước.
- Không trộn dầu trợ lực ly hợp với chất lỏng của một nhãn hiệu không được chỉ định. Do phản ứng hóa học, bất kỳ hỗn hợp chất lỏng nào có nhãn hiệu khác nhau sẽ gây ra hỏng hóc hệ thống ly hợp.
- Cần thận không làm đổ chất lỏng ly hợp lên bề mặt sơn hoặc để chất lỏng tiếp xúc với da của bạn. Nếu điều này xảy ra, hãy nhanh chóng lau đi.
- Dầu trợ lực ly hợp dễ dàng hấp thụ độ ẩm. Hãy đóng chặt nắp hộp khi bảo quản.
- Nếu dầu trợ lực ly hợp giảm quá nhanh, có thể có vấn đề trong hệ thống ly hợp hoặc đĩa ly hợp có thể bị mòn quá giới hạn an toàn. Hãy yêu cầu Đại lý của ISUZU kiểm tra xe của bạn ngay lập tức.

**Kiểm Tra Dầu Trợ Lực Ly Hợp**

Kiểm tra bình dầu trợ lực ly hợp phía sau nắp trước để biết mức chất lỏng. Mức dầu thường phải nằm trong khoảng "MAX" và "MIN". Nếu nó nằm dưới vạch "MIN", hãy bổ sung dầu trợ lực ly hợp với loại được khuyến nghị.

Ca-pô phía trước → Tham khảo trang 7-9

**Châm Thêm Dầu Trợ Lực Ly Hợp****CHÚ Ý**

- Trước khi đổ đầy bình, hãy làm sạch khu vực xung quanh nắp bình và đổ đầy dầu trợ lực ly hợp từ một bình sạch. Các vật thể lạ lọt vào trong bình có thể làm hỏng hệ thống ly hợp.
- Khi châm thêm, lưu ý không để lẫn tạp chất hoặc nước vào bình. Nếu không, hệ thống ly hợp có thể gặp trục trặc hoặc hư hỏng.

Mở nắp ca-pô trước, tháo nắp bình dầu ly hợp và châm thêm dầu cho đến vị trí vạch MAX.

## Nhớt hộp số

Hộp số là thiết bị truyền đi công suất của động cơ. Nhớt hộp số sà có thể được sử dụng để bôi trơn bên trong hộp số sà và bảo vệ các bánh răng bên trong. Ngoài ra, nó có thể ngăn ngừa mài mòn và hư hỏng bánh răng. Bạn nên sử dụng các loại nhớt được khuyến nghị khi thay mới.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

## Kiểm Tra Nhớt hộp số



### KHUYẾN CÁO

- Đảm bảo làm sạch van xả trước khi lắp.

Tháo bu-lông kiểm tra mực nhớt và xác nhận mực nhớt hộp số. Nếu mực nhớt gần lỗ kiểm tra, nghĩa là mực nhớt đang đủ. Đồng thời kiểm tra nhớt hộp số xem có bị rò rỉ hay không.

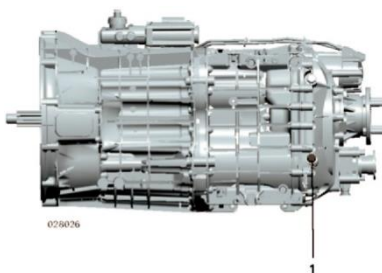
## Thay Nhớt hộp số



### KHUYẾN CÁO

- Đảm bảo đã làm sạch các vị trí kiểm tra & bu-lông trước rồi mới lắp vào.
- Hộp số là một hộp toàn bộ bằng nhôm, vì vậy hãy cẩn thận không được dùng lực quá mạnh khi lắp các bu-lông kiểm tra mực nhớt. Vượt quá lực siết quy định khi siết chặt bu-lông có thể dẫn đến hư bu-lông/hộp số.
- Nhớt đổ bỏ phải được xử lý theo phương pháp phù hợp với các yêu cầu quy định tại quốc gia của bạn.
- Chất bôi trơn và dung dịch tẩy rửa bị nghiêm cấm đổ bỏ vào môi trường đất, nước ngầm và hệ thống thoát nước. Thu gom chất chất bôi trơn vào một thùng chứa thích hợp và xử lý theo quy định thích hợp của cơ quan bảo vệ môi trường.

### Xả nhớt



Bu-lông xả nhớt từ tính (1), lực siết = 60 N.m

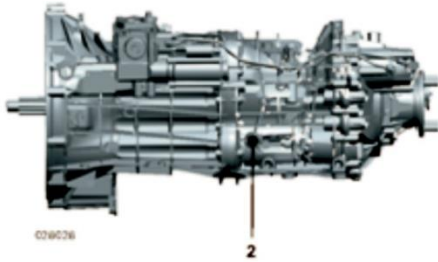
### Lưu ý

Trong trường hợp lái trong thành phố, xe nên kiểm tra nhớt sau một quãng đường dài, lúc này nhiệt độ nhớt của hộp số cao và độ nhớt sẽ thấp hơn.

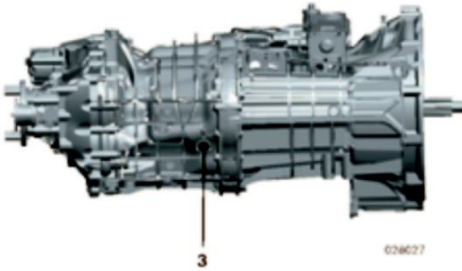


### CHÚ Ý

- Chạm vào hộp số và nhớt đang nóng có thể gây bỏng.

**Châm nhớt**

Lỗ châm nhớt (2), lực siết = 60 N.m



Lỗ châm nhớt (3), lực siết = 60 N.m

Nới lỏng bu-lông xả nhớt và thu lại nhớt đã xả ra vào một thùng chứa thích hợp. Làm sạch bu-lông xả nhớt từ tính (1), các bu-lông kiểm tra mức nhớt và siết chặt đến lực siết thích hợp.

**Lỗ châm nhớt**

- Châm nhớt đúng là khi mức nhớt chạm đến mép dưới của lỗ châm.

**Kiểm tra mức nhớt hộp số****CẢNH BÁO**

- Quá nhiều nhớt trong hộp số có thể gây hỏng hộp số và có nguy cơ bị tai nạn.

**Kiểm tra định kỳ mức nhớt hộp số:**

- Khi kiểm tra mức nhớt yêu cầu phải đỗ xe trên bề mặt bằng phẳng.
- Không được kiểm tra mức nhớt ngay sau khi xe vừa đi được một quãng đường dài (điều này có thể dẫn đến sai số mức nhớt).
- Kiểm tra mức nhớt khi nhớt đã nguội (40 °C).
- Tháo bu-lông kiểm tra để kiểm tra mức nhớt.
- Nếu phát hiện thấy mức nhớt thấp hơn mép dưới của lỗ châm, hãy châm nhớt cho đến khi nhớt vừa tràn ra.

**CHÚ Ý**

- Hãy kiểm tra sự rò rỉ nhớt hộp số mỗi khi kiểm tra mức nhớt.

### Nhớt cầu xe / bộ vi sai

Bộ vi sai là thiết bị truyền lực tới lốp. Nhớt bộ vi sai có thể được sử dụng để bôi trơn bên trong bộ vi sai và bảo vệ các bánh răng bên trong.

Ngoài ra, nó có thể ngăn ngừa mài mòn và hư hỏng bánh răng. Bạn nên sử dụng đúng loại nhớt được khuyến nghị khi thay thế.

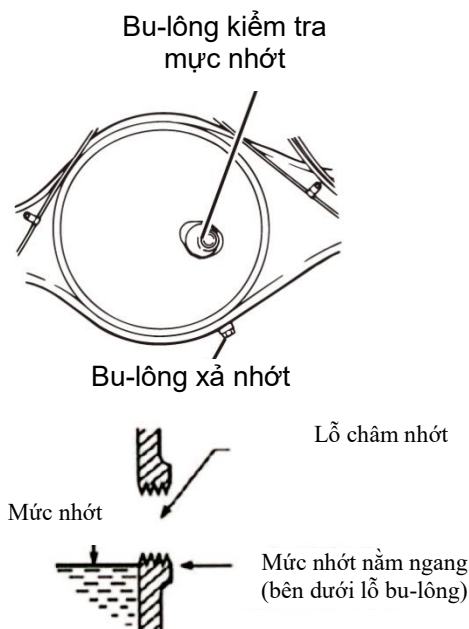
Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

### Kiểm tra nhớt cầu xe / bộ vi sai



#### KHUYẾN CÁO

- Đảm bảo làm sạch bu-lông xả nhớt trước khi lắp vào.



- ① Tháo bu-lông kiểm tra mực nhớt
- ② Kiểm tra xem nhớt có chạm đến đáy của lỗ bu-lông kiểm tra hay không.
  - Nếu thấy thiếu nhớt, hãy châm thêm nhớt từ lỗ bu-lông kiểm tra mực nhớt.
- ③ Lắp bu-lông kiểm tra mực nhớt với lực siết phù hợp. Đồng thời, hãy kiểm tra xem nhớt có bị rò rỉ hay không.

| Lực siết            |                     |
|---------------------|---------------------|
| Loại bu-lông 4 cạnh | 29~59 N.m (3~6kgfm) |
| Loại bu-lông 6 cạnh | 49~88 N.m (5~9kgfm) |

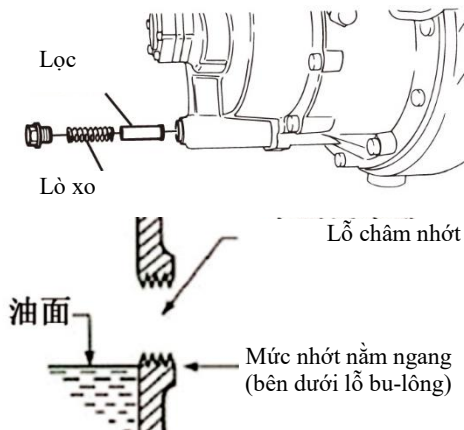
### Thay Nhớt Cầu Xe / Bộ Vi Sai



#### KHUYẾN CÁO

- Đảm bảo đã làm sạch bu-lông xả nhớt trước khi lắp vào.
- Nhớt xả ra phải được xử lý theo phương pháp phù hợp với các yêu cầu quy định tại quốc gia của bạn.

Loại xe CZY (17,5 " HT)



- ① Tháo cả 2 bu-lông kiểm tra mực nhớt và (các) bu-lông xả nhớt để xả nhớt vào bình chứa chuyên dụng.

Tháo bu-lông lọc nhớt của cầu trước và cầu sau loại CZY (17,5 " HT) và tháo bộ lọc nhớt. Rửa phần lọc bằng dầu sạch, lau khô, sau đó lắp lại và vặn bu-lông lại.

- ② Sau khi lắp bu-lông xả nhớt, đổ nhớt mới vào các vị trí châm nhớt.

Tháo bu-lông châm nhớt trên các cầu xe loại C\*Z\*Y (16,5 "HT), C\*Z\*Y (14,5" HT) (14,5 "HT) và châm thêm khoảng 0,5L.

- ③ Sau khi đổ đầy, vui lòng xác nhận mức nhớt đã được châm đủ cầu xe.

- ④ Lắp lại các bu-lông kiểm tra.

| Lực siết            |                      |
|---------------------|----------------------|
| Loại bu-lông 4 cạnh | 29~59 N·m (3~6kgf·m) |
| Loại bu-lông 6 cạnh | 49~88 N·m (5~9kgf·m) |

## Dầu Trợ Lực Lái

Dầu trợ lực lái là dầu giúp hỗ trợ vận hành thao tác đánh lái. Để thay thế dầu trợ lực lái, nên sử dụng đúng loại dầu được khuyến nghị.

Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

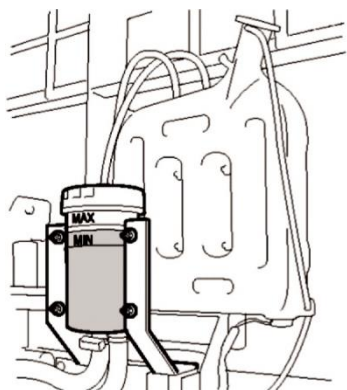


### CHÚ Ý

- Không trộn lẫn các loại dầu khác vào dầu trợ lực lái vì điều này có thể gây ra các biến đổi hóa học và gây ra trục trặc.
- Hãy cẩn thận không để dầu trợ lực lái dính vào bề mặt sơn hoặc da của bạn. Nếu bạn vô tình dính phải dầu trợ lực lái hoặc dầu trợ lực lái bị đổ, hãy lau đi càng sớm càng tốt.
- Nếu dầu trợ lực lái bị giảm đáng kể, hãy đến Đại lý của ISUZU gần nhất ngay lập tức.

## Kiểm Tra Dầu Trợ Lực Lái

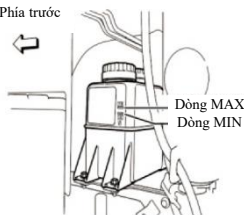
Trừ loại CYH



Mức dầu phải nằm trong khoảng "MAX" và "MIN" trên bình dầu. Nếu mức dầu thấp, hãy bổ sung dầu lên đến vạch "MAX" bằng cách sử dụng dầu trợ lực lái do Isuzu đề xuất. Ngoài ra, kiểm tra xem có rò rỉ dầu trợ lực lái không.

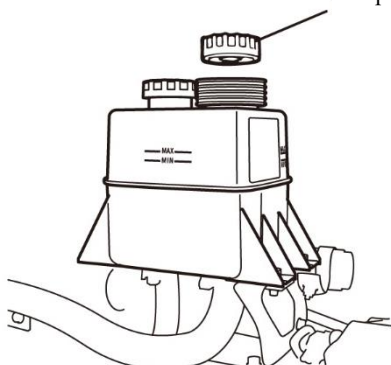
Loại CYH

Phía trước



## Bổ Sung Dầu Trợ Lực Lái

Nắp đậy



### KHUYẾN CÁO

- Khi châm thêm dầu trợ lực lái, hãy làm sạch nắp đậy và sử dụng một thùng chứa dầu sạch. Vật thể lạ trong dầu trợ lực có thể gây hỏng cả hệ thống trợ lực lái.

Tháo nắp đậy để bổ sung chất lỏng trợ lực lái và châm thêm cho đến vạch "MAX".

## Bộ Lọc Dầu Trợ Lực Lái

Mục đích của bộ lọc dầu trợ lực lái là loại bỏ bụi bẩn hoặc mảnh vụn đã lẫn vào dầu trợ lực lái. Nếu cần thay thế dầu mới, bạn nên sử dụng sản phẩm chính hãng của Isuzu.

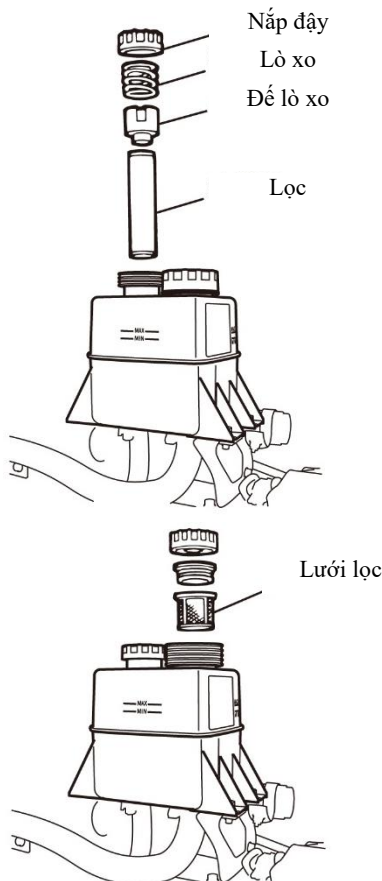
Danh Sách Dữ Liệu Bảo Trì → Tham khảo trang 7-15

## Làm Sạch Bộ Lọc Dầu Trợ Lực Lái



## LƯU Ý

- Trong quá trình vệ sinh bộ lọc, hãy cẩn thận không để bụi hoặc các vật thể lạ khác lọt vào bên trong bình chứa. Vật thể lạ trong dầu có thể gây hỏng hóc hệ thống trợ lực lái.
- Khi thổi khí nén vào bộ lọc dầu trợ lực lái phải thổi khí nén từ phía ngoài vào.
- Nhiên liệu diesel được sử dụng để làm sạch phải được xử lý theo phương pháp phù hợp với yêu cầu quy định tại quốc gia của bạn.



- ① Tháo nắp khỏi bình dầu trợ lực lái.
- ② Tháo lò xo, đế lò xo, và rút bộ lọc. Lấy bộ lọc ra từ từ và cẩn thận để không làm rơi các vật thể lạ bám trên bộ lọc vào bình dầu.
- ③ Rửa bộ lọc trong nhiên liệu diesel.
- ④ Thổi khí nén ở khoảng 200 kPa (2,0 kgf / cm<sup>2</sup>) trên bề mặt bên ngoài của bộ lọc để làm sạch các vật thể lạ từ bên trong bộ lọc.
- ⑤ Rửa lại bộ lọc bằng nhiên liệu diesel để loại bỏ vật thể lạ.
- ⑥ Làm khô bộ lọc bằng khí nén để loại bỏ hoàn toàn tất cả nhiên liệu diesel còn sót lại.
- ⑦ Lắp bộ lọc, đế lò xo và lò xo theo trình tự đó, sau đó đóng nắp.
- ⑧ Tháo bộ lọc sơ cấp khỏi vị trí châm dầu, kiểm tra xem có bụi hoặc vật chất khác bám vào hay không và làm sạch nó. Kiểm tra xem mức dầu có đạt yêu cầu hay không.





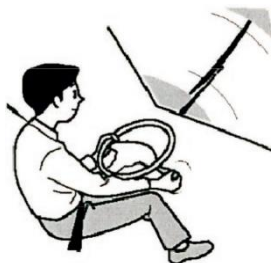
**CÁC DỊCH VỤ SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG KHÁC**

|                                       |       |
|---------------------------------------|-------|
| • Nước rửa kính                       | 7-113 |
| • Cần gạt mưa                         | 7-115 |
| • Đèn (Hệ thống chiếu sáng)           | 7-117 |
| • Đèn tín hiệu (Đèn báo chuyển hướng) |       |
| • Bình điện                           | 7-118 |

### Nước rửa kính

Nước rửa kính có tác dụng rửa trôi bụi bẩn, cặn bám.

### Kiểm tra cần gạt mưa • Nước rửa kính



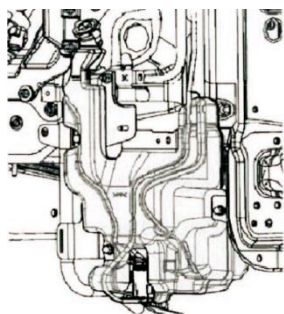
Kiểm tra mức chất lỏng trong bình nước rửa kính chắn gió. Ngoài ra, hãy phun nước rửa lên kính chắn gió và bật cần gạt để kiểm tra xem có khu vực nào chưa được lau sạch hay không. Đồng thời, hãy kiểm tra xem vòi phun nước rửa kính có vận hành trơn tru không.

### Bổ sung nước rửa kính



#### KHUYẾN CÁO

- Phương tiện khi xuất xưởng chỉ chứa nước thông thường trong bình nước rửa kính. Điều chỉnh nồng độ nước rửa kính phù hợp với nhu cầu của riêng bạn. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn về tỷ lệ pha loãng với nước máy được đóng gói đi kèm theo sản phẩm nước rửa kính chắn gió.
- Không được sử dụng các sản phẩm kém chất lượng, nước làm mát động cơ và nước xả phòng. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến tắc vòi phun hoặc làm hỏng bề mặt sơn vỏ xe.
- Không sử dụng vòi phun khi bình chứa đã cạn. vì có thể dẫn đến hư hỏng động cơ của vòi phun.



Mở nắp động cơ phía trước, tháo nắp bình nước rửa kính và bổ sung dung dịch đã pha loãng cho đến vạch "MAX".

Tỉ lệ pha loãng nước rửa kính

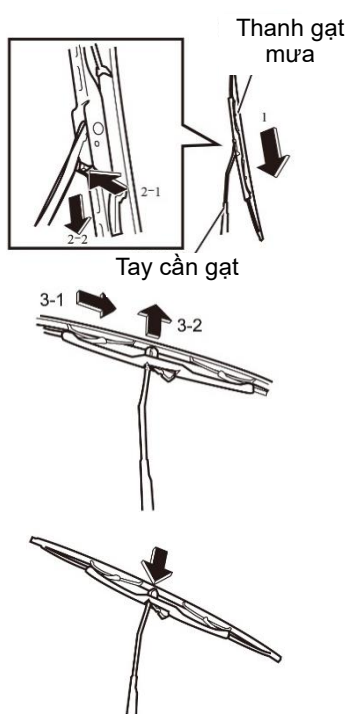
| Dung tích<br>[ước tính] | Mùa          | Nước<br>máy | Dung dịch vệ sinh kính        | Nhiệt độ đóng băng |
|-------------------------|--------------|-------------|-------------------------------|--------------------|
|                         | Thông thường | 2           | 1                             | Khoảng -10°C       |
| 4.5L                    | Mùa đông     | 1           | 1                             | Khoảng -20°C       |
|                         | Rất lạnh     | 0           | Sử dụng dung dịch nguyên chất | Khoảng -50°C       |

## Thanh gạt mưa

### Thường xuyên kiểm tra

Bật vòi phun nước rửa kính và sau đó vận hành cần gạt nước kính chắn gió để kiểm tra những điểm/vị trí lau kém hiệu quả. Ngoài ra, hãy xác nhận rằng từng chế độ "(ngắt quãng)", "LO" và "HI" hoạt động bình thường.

## Thay thế thanh gạt mưa



### Cách tháo

1. Dựng thẳng tay cần gạt
2. Mở thanh gạt bằng cách ấn nhẹ về phía tay cần, trượt nhẹ phần thanh gạt xuống dưới
3. Khi phần thanh gạt và phần tay cần vuông góc với nhau, nhấc thanh gạt ra khỏi tay cần

### Cách lắp

1. Đưa phần thanh gạt vào giá lắp theo hướng vuông góc với phần tay cần.

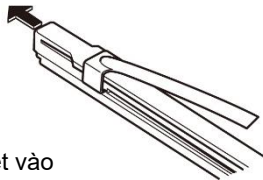
2. Khi phần thanh gạt đã nằm song song với tay cần, đẩy nhẹ chốt lên để khoá lại.

**KHUYẾN CÁO**

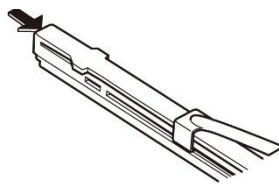
- Không hạ cần gạt nước khi đã tháo phần thanh gạt; kính chắn gió có thể bị xước hoặc vỡ.
- Bất cứ khi nào thanh gạt đã được gắn vào, hãy đảm bảo rằng nó đã được khóa cố định vị trí. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến việc thanh gạt sẽ bị lệch khi bật công tắc.

**Thay thế chi tiết cao su của thanh gạt**

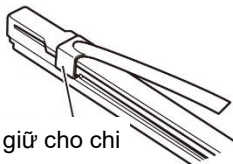
Rút ra



Nhét vào



Đảm bảo giữ cho chi tiết này ko bị trượt

**Cách tháo**

1. Tháo bình nước rửa kính khỏi tay cần
2. Kéo phần chi tiết cao su cũ theo hướng mũi tên, sau đó rút ra hoàn toàn.

**Cách lắp**

1. Đưa chi tiết cao su mới vào tay cần.
2. Tiếp tục đẩy vào cho tới khi lấy của gạt nước khớp vào lỗ trên chi tiết lưỡi cao su, kiểm tra xem tất cả đã ăn khớp chắc chắn hay chưa.
3. Lắp bình nước rửa kính vào tay cần.

## Đèn (Hệ thống chiếu sáng) • Đèn tín hiệu (Đèn báo chuyển hướng)

Nhiều vị trí trên xe được trang bị hệ thống chiếu sáng (đèn). Không sử dụng đèn khi di chuyển sẽ tiềm ẩn nguy cơ tai nạn. Để điều khiển xe an toàn, cần phải kiểm tra tình trạng của đèn. Nếu bạn cần thay thế đèn, nên sử dụng các phụ tùng ISUZU chính hãng.

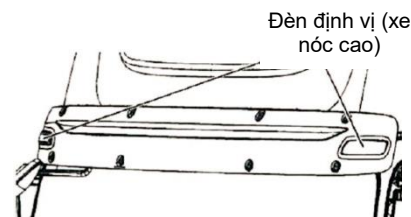
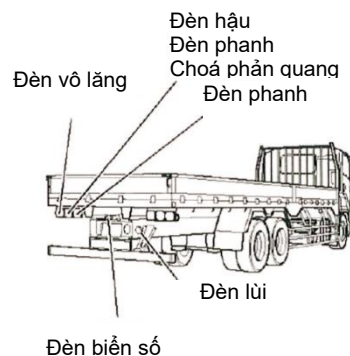
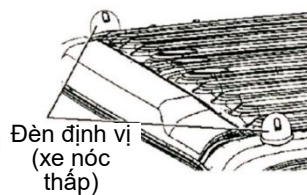
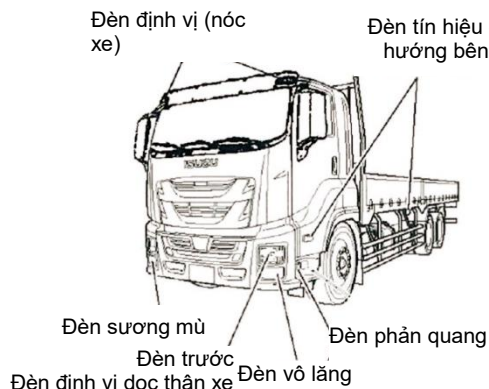
### Kiểm tra hệ thống đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu chuyển hướng



#### KHUYẾN CÁO

- Khi đèn trước tắt, nếu đèn xi nhan không sáng ngay cả khi công tắc đèn (đèn tín hiệu chuyển hướng) được vận hành, cho thấy hệ thống có vấn đề bất thường, hãy đến ngay Đại lý Isuzu để được kiểm tra và sửa chữa.

- ① Nhấn từng công tắc sang "ON" để kiểm tra xem chức năng từng đèn có hoạt động bình thường hay không, có sáng hay nhấp nháy bất thường hay không.
- ② Kiểm tra xem hướng chiếu xạ hoặc độ sáng có bất thường hay không.
- ③ Kiểm tra xem có bụi bẩn hoặc hư hỏng trên bề mặt gương của từng đèn hay không, hoặc đèn có được lắp đúng cách trên thân xe hay không.



**Bình điện**

Bình điện đóng vai trò quan trọng giúp khởi động động cơ, cung cấp năng lượng cho hệ thống chiếu sáng, phụ kiện và nhiều linh kiện điện tử khác. Nếu bạn cần thay thế bình điện, hãy sử dụng các phụ tùng chính hãng của ISUZU.

Dữ liệu Danh mục Bảo dưỡng → Xem trang 7-15

**Thận trọng khi sử dụng bình điện****NGUY HIỂM**

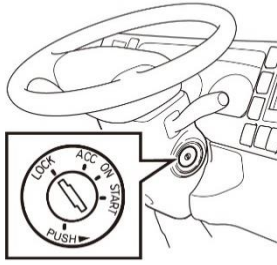
- Khi mức dung dịch điện phân của bình điện dưới mức "LOWER LEVEL", việc sử dụng hoặc sạc điện sẽ làm tăng khả năng hư hại cho bình điện, tiềm ẩn nguy cơ quá nhiệt và cháy nổ rất cao.
- Nếu dung dịch bình điện dính vào mắt, hãy rửa sạch ngay lập tức với thật nhiều nước và tiếp tục rửa trong ít nhất năm phút nữa. Sau đó, hãy tới gặp bác sỹ để nhận trợ giúp y tế.
- Khi sử dụng các công cụ hoặc các vật kim loại khác ở gần bình điện, hãy cẩn thận để ngăn chúng tiếp xúc với cực dương bình điện. Vì bản thân xe đang là cực âm, bất kỳ sự tiếp xúc nào như vậy đều có thể dẫn đến chạm mạch rất nguy hiểm.
- Ắc quy xe sẽ tạo ra khí hydro rất dễ bốc cháy. Vì lý do này, không bao giờ được thực hiện các hoạt động tạo ra tia lửa hoặc sử dụng ngọn lửa gần bình điện xe. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến cháy nổ nếu khí hydro bốc cháy. Sử dụng khăn ẩm để lau chất lỏng bị tràn ra ngoài.

**CẢNH BÁO**

- Luôn tắt động cơ bất cứ khi nào cần kiểm tra bình điện.
- Axit sunfuric loãng được sử dụng làm dung dịch điện phân. Phải đặc biệt cẩn thận không để dung dịch này tiếp xúc với da, quần áo hoặc bề mặt kim loại. Trong trường hợp chất lỏng này tiếp xúc với da của bạn, v.v., ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước.
- Khi tháo cáp bình điện khỏi bình điện, hãy bắt đầu với cáp âm. Khi nối lại, cáp âm phải được kết nối cuối cùng.
- Khi kiểm tra hoặc bổ sung dung dịch điện phân cho bình điện, hãy cẩn thận không để chất lỏng dính vào ống nylon, dây nịt, bình chứa khí .v.v... Nếu những chi tiết này bị dính axit, ngay lập tức rửa sạch lại bằng nước. Đặc biệt, ống nylon không chịu được axit, vì vậy nó có khả năng đã bị hư hỏng.
- Hãy tháo các dây cáp bình trước khi sạc bình điện.



Hãy luôn giữ bình điện sạch sẽ. Nếu không kịp thời làm sạch bụi bẩn, dung dịch điện phân có thể bị lẫn tạp chất, làm hỏng tấm điện cực làm giảm tuổi thọ của bình điện.



#### Khi kiểm tra và sửa chữa

Khi kiểm tra và sửa chữa hệ thống điện bao gồm cả bình điện, hãy đặt công tắc máy ở vị trí "LOCK" và các công tắc còn lại ở vị trí "OFF". Tháo các cáp bình điện ra và sau đó bắt đầu các thao tác khác.

Nếu bình điện không được ngắt kết nối trong quá trình kiểm tra và sửa chữa, các bộ phận thuộc hệ thống điện có thể bị hư hỏng.

#### Khi tháo bình điện

Bắt đầu tháo bình điện từ phía các cáp bình. Không để các dụng cụ và các thiết bị khác tiếp xúc với cực dương  $\oplus$  của bình điện và thân xe trong tình trạng phía cáp cực âm  $\ominus$  chưa được tháo khỏi bình điện vì có thể gây ra hiện tượng chạm mạch rất nguy hiểm. Điều này cũng tiềm ẩn nguy cơ hư hại hệ thống điện.

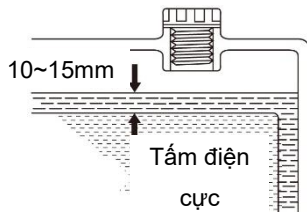
#### Sạc điện bình điện

- Khuyến nghị tháo bình điện ra khỏi xe trước khi sạc. Tháo các nút trên nắp bình và sạc ở nơi thoáng khí. Trường hợp sạc bình điện trực tiếp trên xe, hãy đảm bảo các cáp bình đã được tháo rời.
- Tắt công tắc bộ sạc trước khi nối hoặc tháo bộ sạc với bình điện.
- Tháo các cáp bình điện trước khi sạc nhanh, nếu không máy phát điện có thể bị hỏng.

#### Khi lắp bình điện

1. Khi lắp bình điện vào xe, hãy chú ý đến hướng của bình điện và cố định nó thật chắc chắn để không bị rơi lỏng. Nếu không được lắp chắc chắn, bình điện hoặc tấm điện cực bên trong có thể bị hư hại do rung lắc trong quá trình xe di chuyển.
2. Khi lắp các cáp bình điện, hãy nối cáp với cực dương trước tiên còn cực âm của bình điện thì phải được nối sau cùng.

### Kiểm tra mức dung dịch điện phân trong bình điện



Kiểm tra đảm bảo bề mặt dung dịch điện phân có nằm trong mức "UPPER" và "LOWER", đó là mức dung dịch phù hợp. Nếu không có vạch mức nào được chỉ ra trên vỏ bình điện thì khoảng cách giữa bề mặt dung dịch điện phân cao hơn các tấm điện cực từ 10 đến 15 mm được coi là phù hợp.

### Bổ sung dung dịch điện phân

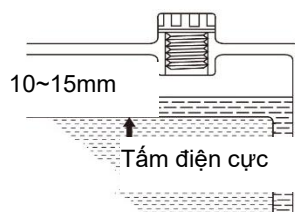
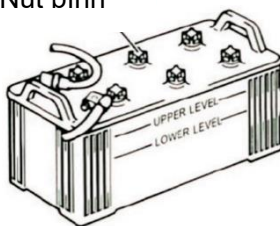


#### LƯU Ý

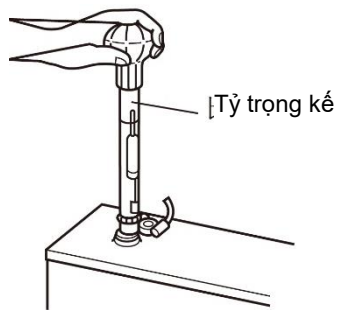
- Không được bơm dung dịch điện phân quá vạch "UPPER LEVEL". Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể khiến dung dịch bị tràn và ăn mòn các cực của bình điện và các bộ phận khác. Lau sạch ngay mọi vết dung dịch điện phân bị tràn bằng nước tinh khiết.
- Bất cứ khi nào dung dịch bình điện đã được thêm vào, bình điện cần phải được sạc lại nhanh chóng (bằng cách lái xe). Đặc biệt, trong những tháng mùa đông, dung dịch bình điện có thể đóng băng và làm hỏng vỏ bình điện nếu bạn không sạc lại thường xuyên.
- Nếu mức dung dịch bình điện tiếp tục giảm với tốc độ nhanh bất thường, hãy tiến hành kiểm tra ngay lập tức tại Đại lý Isuzu gần nhất.

Khi dung dịch điện phân không đủ, hãy tháo nắp bình điện, mở nút và bổ sung thêm nước cất đến vạch "UPPER LEVEL" hoặc 10 ~ 15 mm ngập tấm điện cực. Sau khi bổ sung, vui lòng vặn chặt các nút bình vào nắp bình điện.

Nút bình



## Kiểm tra tỷ trọng dung dịch điện phân



Kiểm tra tỷ trọng của dung dịch điện phân bằng tỷ trọng kế. Nếu tỷ trọng quá thấp, cần sạc điện cho bình điện

| Tỷ trọng dung dịch điện phân (ở nhiệt độ 20°C (68°F)) |
|-------------------------------------------------------|
| 1,27 - 1,29                                           |

### Vệ sinh các cọc bình



1. Kiểm tra các cáp bình có bị lỏng hoặc mòn hay không.
2. Nếu cáp bình bị ăn mòn và phủ một lớp bột trắng, hãy rửa sạch phần này bằng nước ấm và lau khô. Sau đó, bôi một lớp mỡ bôi trơn mỏng vào các đầu cáp.
3. Cuối cùng, nối cáp vào bình điện. Xem phần "Cạn bình điện" để nắm rõ các bước cần thực hiện nếu bình điện đã cạn hoàn toàn.
4. Nếu cáp bị mài mòn nghiêm trọng, hãy đánh mịn bằng chổi kim loại và giấy ráp.

#### Lực siết tại các cực

5 - 7 N·m (0.5 - 0.7 kgf·m/43 - 61 lb·in)

Cạn bình điện → Xem trang 8-12



#### CHÚ Ý

- Không xịt trực tiếp nước để làm sạch bên trong cabin. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến trục trặc hoặc hư hỏng thiết bị điều khiển điện tử, các bộ phận điện hoặc làm rỉ sét sàn cabin.
- Không sử dụng vòi xịt của máy rửa áp lực cao để phun trực tiếp lên các giắc nối của thiết bị điện. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến lỗi hệ thống điện.
- Không xịt nước áp lực cao vào hoặc gần khu vực van phanh sau nắp ca-pô. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến hoạt động không chính xác của các bộ phận tại khu vực này.
- Không xịt nước trực tiếp vào két nước, dàn nóng, đường ống điều hòa không khí hoặc khu vực bộ lọc gió điều hòa không khí.
- Không tuân theo các biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến nước tràn vào bên trong cabin.



## LƯU Ý

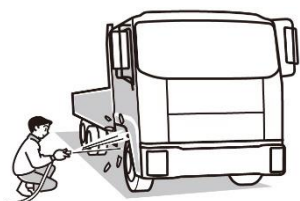
- Nếu sử dụng máy rửa tự động trên xe có vỏ sơn đen hoặc ánh kim, bề mặt sơn có thể bị hỏng do chổi quét, mất độ bóng hoặc để lại các vết xước.
- Khi vệ sinh khu vực mui xe, hãy chuyển cần gạt nguồn lấy gió sang vị trí "OFF" để ngăn nước tràn vào trong cabin.
- Không phun nước trực tiếp vào két nước, dàn nóng, đường ống điều hòa không khí hoặc khu vực bộ lọc gió điều hòa không khí. Không tuân theo các biện pháp phòng ngừa này có thể gây nước tràn vào trong cabin.
- Không phun nước vào khoang máy hoặc các bộ phận của hệ thống điện. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn giảm hiệu quả khởi động và vận hành động cơ, cũng như các vấn đề về hệ thống điện.
- Gập gương và thu ăng ten lại trước khi vệ sinh xe.
- Khi vệ sinh xe, hãy đảm bảo tuân thủ các lưu ý sau để tránh biến dạng nhiệt của các chi tiết nhựa, hư hỏng cơ học hoặc nước tràn vào cabin.
  - Tránh sử dụng vòi xịt nước có áp lực cao hoặc nhiệt độ cao để làm sạch bề mặt thân xe.
  - Giữ khoảng cách giữa vòi phun nước và xe trên 0,4 mét (15,75 inch) và để vòi phun vuông góc với kính cửa.
- Đảm bảo rằng chất tẩy rửa đã được xả sạch hoàn toàn. Đặc biệt trong trường hợp sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh (thường được sử dụng trong các ứng dụng công nghiệp), vì chúng có thể gây ra hiện tượng rạn nứt kính nếu chất tẩy rửa không được xả sạch hoàn toàn.

**BẢO DƯỠNG NỘI - NGOẠI THẤT CỦA XE**

- |                         |       |
|-------------------------|-------|
| • Bảo dưỡng ngoại thất  | 7-125 |
| • Bảo dưỡng nội thất    | 7-128 |
| • Kiểm tra và bảo dưỡng | 7-132 |

## Bảo dưỡng ngoại thất

### Vệ sinh xe



Nếu vận hành xe khi có vật liệu lạ bám bên ngoài, chúng có thể phản ứng hóa học với lớp sơn, gây ra các vết ố, đổi màu, rỉ sét hoặc ăn mòn đối với các chi tiết trên xe. Ngoài ra, vật liệu lạ có thể bị mắc kẹt trong các bộ phận cơ học, ảnh hưởng tiêu cực đến chức năng vận hành xe hoặc hình thành lực cản khí động học. Do đó, trong những trường hợp sau đây, xe phải được rửa sạch và loại bỏ hoàn toàn tất cả các vật liệu lạ.

- Khi muội than, bột sắt, bọt chết, phân chim, nhựa cây, hoặc chất nhờn từ nhựa than đá và khói bám vào bề mặt sơn.
- Khi xe vừa đi qua khu vực ven biển.
- Khi xe vừa đi qua khu vực có hóa chất trên đường.
- Khi một lượng lớn bùn hoặc chất bẩn đã bám bên ngoài xe.

### Phương pháp vệ sinh xe



#### CHÚ Ý

- Không xịt nước trực tiếp để làm sạch bên trong cabin. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến trục trặc, hư hỏng thiết bị điều khiển điện tử hoặc các bộ phận điện hoặc làm rỉ sét sàn cabin.
- Không sử dụng vòi xịt của máy rửa áp lực cao để xịt trực tiếp lên giắc nối của thiết bị điện. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến lỗi hệ thống điện.
- Không xịt nước áp lực cao vào hoặc gần khu vực van phanh phía sau ca-pô xe. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến hoạt động không chính xác của các bộ phận tại khu vực này.
- Không xịt nước trực tiếp vào két nước, dàn nóng, đường ống điều hòa không khí hoặc khu vực bộ lọc gió điều hòa không khí. Không tuân theo biện pháp phòng ngừa này có thể gây nước tràn vào trong cabin.

- ① Vặn vòi nước mở hết cỡ và rửa sạch khung gầm xe cùng hệ thống treo.
- ② Đóng tất cả các khe hở, rửa sạch bên ngoài cabin và thân xe bằng chất tẩy rửa trung tính.
- ③ Làm sạch bánh xe bằng bàn chải và chất tẩy rửa.
- ④ Sau khi xả sạch hoàn toàn chất tẩy rửa, hãy sử dụng khăn vải sạch để lau khô bề mặt

**Bảo quản xe**

Để duy trì vẻ ngoài cho chiếc xe của bạn, hãy đặc biệt chú ý vị trí dừng đỗ.

Nếu xe được bảo quản hoặc lưu giữ trong thời gian dài ở bất kỳ địa điểm nào sau đây, lớp sơn có thể bị biến đổi hoá học, gây ra các vết ố, đổi màu, rỉ sét và ăn mòn đối với các chi tiết trên xe.

- Các vị trí nhiều dầu nhớt, muội than, khói đặc hoặc bột kim loại dễ bám dính
- Các khu vực xung quanh các nhà máy được phẩm và các cơ sở sản sinh ra chất thải hóa học.
- Khu vực ven biển
- Những vị trí có thể bám nhiều xác côn trùng, phân chim hoặc nhựa cây.

**CHÚ Ý**

- Không được bôi sáp làm bóng lên kính chắn gió. Không tuân theo biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến phản xạ ánh sáng không đều, làm giảm tầm nhìn của tài xế.

**KHUYẾN CÁO**

- Không sử dụng sáp làm bóng có chứa thành phần chất mài mòn. Không tuân theo biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến trầy xước bề mặt sơn hoặc các thành phần nhựa.
- Việc bôi sáp làm bóng lên bề mặt thành phần cao su có thể làm chúng biến tính và hư hỏng.

**LƯU Ý**

- Không được bôi sáp làm bóng lên kính chắn gió. Một lớp sáp có thể làm giảm tầm nhìn của bạn trong thời tiết mưa và cũng có thể cản trở chuyển động của cần gạt nước.
- Nhớt động cơ tiếp xúc với kính chắn gió có thể làm ố hoặc đổi màu kính. Cần làm sạch các vết nhớt trên kính ngay lập tức.

Có thể sử dụng sáp làm bóng từ 1 đến 2 lần mỗi tháng, hoặc khi phần lưới gạt nước đã bị lão hoá, khi này sáp có thể được bôi lên bề mặt sơn và phần mạ. Trong bóng râm, hãy duy trì nhiệt độ bề mặt sơn bôi sáp dưới 40 °C.



## Chăm sóc kính chắn gió



Nếu kính chắn gió chưa được làm sạch hoàn toàn bằng cần gạt nước, hãy làm sạch thủ công với nước rửa kính.

**Bảo dưỡng nội thất xe**

Loại bỏ bụi bẩn bên trong cabin bằng máy vệ sinh xe chuyên dụng hoặc máy hút bụi, và nhẹ nhàng lau sạch các bề mặt bằng khăn ướt với nước máy.

**CẢNH BÁO**

- Khi lau chùi bên trong cabin, tuyệt đối không được xịt nước trực tiếp. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến hỏng hóc xe và có thể gây cháy nổ nếu nước xâm nhập vào hệ thống âm thanh hoặc các bộ phận điện khác nằm bên dưới sàn xe.
- Không nên sử dụng ete, dầu hỏa, xăng và các dung môi hữu cơ khác để làm sạch dây an toàn. Ngoài ra, không được tẩy trắng hoặc nhuộm lại dây đai an toàn. Việc không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa này có thể dẫn đến việc giảm hiệu suất hoặc độ bền của dây an toàn. Theo đó, dây đai có thể hoạt động không hiệu quả trong trường hợp va chạm và tiềm ẩn nguy cơ dẫn tới thương tích nghiêm trọng đe dọa tính mạng. Khi vệ sinh, hãy dùng nước ấm có hòa tan một ít chất tẩy rửa trung tính để lau nhẹ 2 mặt dây an toàn.

**CHÚ Ý**

- Không bao giờ được làm sạch nội thất của xe bằng dung môi có tính axit hoặc kiềm, hoặc ete - dầu hỏa, xăng và các dung môi hữu cơ khác. Việc không tuân thủ biện pháp phòng ngừa này có thể gây ra tình trạng ố hoặc đổi màu bề mặt.
- Một số loại sản phẩm tẩy rửa có chứa các hợp chất này. Cần lưu ý đọc kỹ nhãn ghi thành phần của sản phẩm trước khi sử dụng.
- Không được sử dụng chất tẩy rửa kính có chứa các hợp chất này để làm sạch bên trong kính chắn gió hoặc kính cửa sổ. Để làm sạch kính, hãy lau bằng khăn ướt với nước ấm hoặc lạnh.
- Chất tạo mùi thơm (dạng lỏng, rắn, gel hoặc dạng tấm) không được tiếp xúc trực tiếp với hoặc tràn vào các bộ phận bên trong như hệ thống điều hòa không khí hoặc âm thanh. Các hợp chất có trong các sản phẩm này có thể gây biến màu, ố hoặc bong tróc sơn.

## Chăm sóc dây an toàn

Dây an toàn bị vấy bẩn có thể gây ra các vấn đề khi thu rút, vì thế, hãy kiểm tra và vệ sinh dây an toàn thường xuyên.



### CHÚ Ý

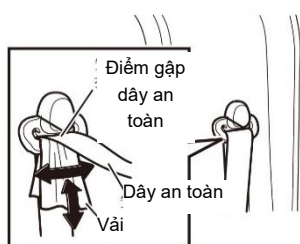
- Dây đai an toàn có thể bị mất độ bền khi tẩy trắng hoặc nhuộm màu, hoặc khi làm sạch bằng xăng, chất tẩy sơn hoặc các chất dễ bay hơi khác.
- Không tháo rời hệ thống dây đai an toàn để loại bỏ bất kỳ vật lạ hoặc vật thể nào vô tình lọt vào chốt khóa. Thay vào đó, hãy đưa xe tới kiểm tra và bảo dưỡng tại các Đại lý Isuzu.

## Vệ sinh thiết bị thu rút dây an toàn



### KHUYẾN CÁO

- Không sử dụng bất cứ dụng cụ nào để luồn qua phần giữ nếp gấp hoặc cố gắng loại bỏ bụi bẩn cứng đầu trong khe thu rút. Hành động này có thể gây ra hư hỏng các bộ phận bằng nhựa hoặc dây đai an toàn.



- ① Gấp một miếng vải cotton, gạc thấm nước hoặc tương tự có chiều rộng khoảng 5 cm thành hình chữ nhật.
- ② Hòa chất tẩy rửa trung tính vào nước ấm theo tỉ lệ 1/20.
- ③ Làm ướt miếng vải trong hỗn hợp chất tẩy rửa, luồn nó qua phần khớp gấp sau của đai và trượt nó qua lại và theo chiều ngang cho đến khi không còn nhìn thấy bụi bẩn.
- ④ Rút miếng vải ẩm ra, dùng miếng vải khô để lau nước còn sót lại trên phần giữ nếp gấp, sau đó để nó khô tự nhiên, tránh ánh nắng trực tiếp.
- ⑤ Kiểm tra khả năng thu rút và kéo căng của dây an toàn sau khi vệ sinh.

## Vệ sinh phần đai



### KHUYẾN CÁO

- Kiểm tra xem dây an toàn có thu rút đúng cách, các bộ phận gắn có bị lỏng, bộ phận kim loại bị biến dạng và dây đai bị hỏng, sờn hoặc phai màu hay không. Nếu phát hiện dấu hiệu bất thường, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu.

Chối các-  
bon



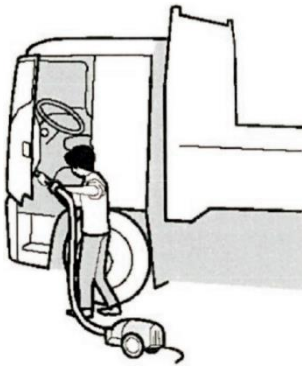
- ① Kéo hoàn toàn dây đai ra và kiểm tra bất kỳ sự khác biệt nào về màu sắc giữa mặt trước và mặt sau.
- ② Hòa chất tẩy rửa trung tính vào nước ấm theo tỉ lệ 1/20.
- ③ Làm ướt một bàn chải nhỏ lông mềm (bằng nylon hoặc chất liệu tương tự) trong hỗn hợp và sử dụng bàn chải này để làm sạch bụi bẩn.
- ④ Lau lại dây an toàn bằng vải khô, sau đó để khô tự nhiên, tránh ánh nắng trực tiếp.
- ⑤ Kiểm tra khả năng thu rút và kéo văng của dây an toàn sau khi vệ sinh.

### Chăm sóc vải bọc ghế và thảm



#### CHÚ Ý

- Không sử dụng dầu hỏa gần nguồn phát lửa.
- Hãy đảm bảo sử dụng dầu hỏa ở nơi thông thoáng.

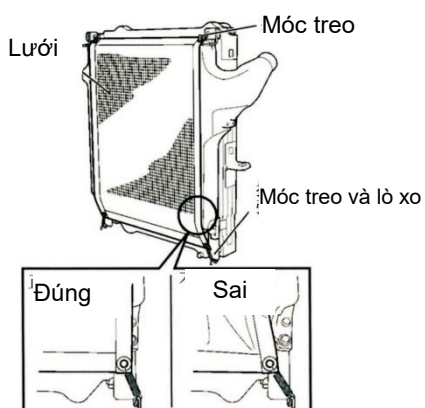


#### Ghế bọc vải

Vui lòng sử dụng máy hút bụi để loại bỏ bụi bẩn hoặc rác vụn do thực phẩm, đồ uống và các vật dụng khác để lại tương tự như phương pháp làm sạch các sản phẩm gia dụng.

Hãy sử dụng chất tẩy rửa được dán nhãn là chất tẩy rửa trung tính hoặc chất tẩy rửa tổng hợp có cồn thể hệ mới. Dầu hỏa chỉ được dùng để lau các vết dầu (nhớt máy, dầu mỡ, mỹ phẩm, xi đánh giày,...).

### Vệ sinh và kiểm tra lưới ngăn côn trùng



#### Kiểm tra

1. Kiểm tra bụi bẩn trên lưới ngăn côn trùng, độ khít của các mắt lưới. Nếu lưới bị chùng hoặc thủng, hãy thay thế bằng tấm lưới mới.
2. Hãy tháo lưới ngăn côn trùng trước khi vệ sinh hoặc thay thế.

#### Cách tháo

1. Tháo lò xo bên dưới của lưới khỏi móc của két nước.
2. Tháo lưới khỏi móc trên nóc két nước.

#### Vệ sinh

1. Trải lưới ra, làm ướt và cọ bằng chổi mềm.
2. Sau khi vệ sinh, phơi lưới ở nơi khô thoáng.
3. Nếu lưới vẫn bẩn sau khi vệ sinh, bạn nên thay bằng tấm lưới mới.

#### Cách lắp

Cố định lưới vào móc phía trên nóc của két nước, sau đó cài lò xo ở phía mép dưới vào móc bên dưới của két nước.



#### CHÚ Ý

- Lắp đặt lưới ngăn côn trùng không gây cản trở lối tản nhiệt hoặc lối làm mát.
- Nếu lưới ngăn côn trùng bị hỏng, hãy thay thế nó.
- Cần cẩn thận khi lắp hoặc tháo lưới ngăn côn trùng để tránh các ngón tay bị kẹp bởi lò xo hoặc móc.



#### KHUYẾN CÁO

Thường xuyên vệ sinh hoặc thay thế lưới ngăn côn trùng

Lịch bảo dưỡng → Xem trang 7-132

### Kiểm tra và Bảo dưỡng

Để lái xe an toàn và tiết kiệm, chúng tôi khuyên nghị kiểm tra và bảo dưỡng xe thường xuyên theo lịch trình trong phần này.

### Lịch bảo dưỡng

Để lái xe an toàn và tiết kiệm, chúng tôi khuyên nghị kiểm tra và bảo dưỡng xe thường xuyên theo lịch trình trong phần này.

Để lái xe an toàn với chi phí tối ưu, việc thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng xe tại các Đại lý Isuzu theo Lịch Bảo dưỡng cụ thể là điều rất cần thiết.

Hãy liên hệ với Đại lý Isuzu để được kiểm tra nếu cần phải tháo rời và / hoặc cần tới các thiết bị chuyên dụng.

Ký hiệu cho các hình thức bảo dưỡng

I: Kiểm tra sau đó vệ sinh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần thiết

A: Điều chỉnh

R: Thay thế

T: Siết lực tiêu chuẩn

L: Thêm chất bôi trơn



#### KHUYẾN CÁO

- Khi kiểm tra các hạng mục được liệt kê dưới đây, hãy cũng kiểm tra các hạng mục kiểm tra định kỳ.

\* Xe của bạn sẽ cần bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu như vận hành trong môi trường khắc nghiệt.

Lịch bảo dưỡng cho xe hoạt động trong môi trường khắc nghiệt → Xem trang 7-141



[illegible]



## Lịch bảo dưỡng (Số 2)

I : Kiểm tra sau đó vệ sinh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần thiết A: Căng chỉnh R: Thay thế

T: Siết chặt lại với lực siết như hướng dẫn L: Thêm chất bôi trơn

| Khoảng cách giữa hai lần<br>kiểm tra                                                                                           | 1<br>0,6 | 5<br>3 | 10<br>6 | 15<br>9 | 20<br>12 | 25<br>15 | 30<br>18 | 35<br>21 | 40<br>24 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------|---------|---------|----------|----------|----------|----------|----------|
| $\times 1000\text{km}$<br>$\times 1,000 \text{ miles}$                                                                         |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Rơ lỏng cơ cấu điều khiển chuyển số                                                                                            | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Rơ lỏng khớp cac-đăng                                                                                                          | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| * Mòn khớp cac-đăng và khớp trượt                                                                                              | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Rơ lỏng bạc đạn treo và các chi tiết liên quan                                                                                 | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Nhót cụm vi sai cầu sau                                                                                                        | R        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | R        |
| *  Nhót cụm vi sai cầu giữa                   | R        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | R        |
| Vỏ trục các cầu sau bị hư hại hoặc móp méo                                                                                     | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Trục cầu trước bị hư hại hoặc móp méo                                                                                          | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| * Bu-lông U nhíp xe                                                                                                            | T        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | T        |
| Các hồng trên nhíp xe                                                                                                          | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Hệ thống treo không cân bằng do lá nhíp bị xuống cấp                                                                           | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Giá lắp lá nhíp bị lỏng hoặc hư hại                                                                                            | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Lá nhíp bị lệch                                                                                                                | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Giảm chấn bị rò rỉ hoặc hư hại                                                                                                 | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Rơ lỏng giảm chấn                                                                                                              | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Vật thể lạ găm vào bánh xe                                                                                                     | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Bu-lông bánh xe                                                                                                                | T        | T      | T       | T       | T        | T        | T        | T        | T        |
| Siết chặt lại các bu-lông bánh xe (bánh xe loại ISO 10 bu-lông )                                                               |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Xem trang 7-96                                                                                                                 |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Hư hỏng mâm bánh xe                                                                                                            | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Rơ lỏng cụm bạc đạn moay-ơ bánh trước                                                                                          | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Rơ lỏng cụm bạc đạn moay-ơ bánh sau                                                                                            | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Mỡ bôi trơn cụm moay-ơ các bánh trước – sau                                                                                    | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | R        |
| Dầu trợ lực lái                                                                                                                | R        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | -        |
| Lược dầu trợ lực lái                                                                                                           | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | -        |
| Sự lắp ghép của các bộ phận hệ thống lái                                                                                       | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Rơ lỏng bạc đạn hệ thống lái                                                                                                   | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Hư hại, rơ lỏng các liên kết hệ thống lái                                                                                      | I        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Tình trạng các chốt lái trực trước                                                                                             | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Góc đặt bánh xe                                                                                                                | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Sự đánh lái sang trái/phải                                                                                                     | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Rơ lỏng trục khớp kingpin                                                                                                      | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Hoạt động của van phanh                                                                                                        | I        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Rò rỉ hoặc hư hại trên đường ống hệ thống phanh (ống kim loại - ống nylon)                                                     | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
|  Sự mài mòn trục cam S bánh xe (kiểu S-cam) | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |

100

## Lịch bảo dưỡng (Số 3)

I : Kiểm tra sau đó vệ sinh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần thiết      A: Căng chỉnh R: Thay thế

T: Siết chặt lại với lực siết như hướng dẫn      L: Thêm chất bôi trơn

| Khoảng cách giữa hai lần kiểm tra<br>×1000km<br>x1,000 miles                                                                                                                   | 1<br>0,6 | 5<br>3 | 10<br>6 | 15<br>9 | 20<br>12 | 25<br>15 | 30<br>18 | 35<br>21 | 40<br>24 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------|---------|---------|----------|----------|----------|----------|----------|
| <input type="checkbox"/> Hành trình của thanh điều chỉnh khe hở phanh (Kiểu S-cam)                                                                                             | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Hoạt động của các bầu phanh                                                                                                                                                    | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| <input type="checkbox"/> Xy lanh phanh bánh xe (Kiểu thanh nêm)                                                                                                                |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| * Bề mặt của má phanh                                                                                                                                                          | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| * Khe hở má phanh                                                                                                                                                              | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| * Mài mòn hoặc hư hại của trống phanh                                                                                                                                          | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Đường ống hệ thống phanh                                                                                                                                                       | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | R        |
| Bộ lọc khí nén                                                                                                                                                                 |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Các bình khí nén                                                                                                                                                               |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Ống bầu phanh và màng phanh                                                                                                                                                    |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Bầu phanh đỗ                                                                                                                                                                   |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Các chi tiết cao su của van phanh, van rò rỉ, van phanh đỗ, van phanh tay rò rỉ, van điều khiển rò rỉ, van xả nhanh, LSPV, bộ điều áp suất khí nén, bộ lọc khí nén, MPV và DCV |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Bộ chấp hành ABS                                                                                                                                                               |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Chức năng – hoạt động van điều khiển phanh đỗ                                                                                                                                  | I        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Bơm nhớt bộ nâng cabin điện thủy lực                                                                                                                                           |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Lọc gió điều hoà                                                                                                                                                               | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Tỷ trọng dung dịch bình điện                                                                                                                                                   | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Hoạt động của mô tơ khởi động                                                                                                                                                  | -        | -      | -       | -       | I        | -        | -        | -        | I        |
| Độ mòn chổi than mô tơ khởi động                                                                                                                                               | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Hoạt động của máy phát điện                                                                                                                                                    | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Máy phát không chổi than                                                                                                                                                       | -        | -      | -       | -       | -        | -        | -        | -        | I        |
| Hư hại hoặc lỏng các giắc nối điện                                                                                                                                             | -        | I      | I       | I       | I        | I        | I        | I        | I        |
| Ống trượt của trục vô lăng                                                                                                                                                     | -        | L      | L       | L       | L        | L        | L        | L        | L        |
| Chốt nhíp trước                                                                                                                                                                | -        | L      | L       | L       | L        | L        | L        | L        | L        |
| Võng - cụm nhíp trước                                                                                                                                                          | -        | L      | L       | L       | L        | L        | L        | L        | L        |
| <input type="checkbox"/> Chốt nhíp sau                                                                                                                                         | -        | L      | L       | L       | L        | L        | L        | L        | L        |
| <input type="checkbox"/> Đế trượt nhíp sau                                                                                                                                     | -        | L      | L       | L       | L        | L        | L        | L        | L        |
| <input type="checkbox"/> Đệm nhíp sau                                                                                                                                          | -        | L      | L       | L       | L        | L        | L        | L        | L        |
| <input type="checkbox"/> Trục cân bằng (ba-lăng-xê)                                                                                                                            | -        | L      | L       | L       | L        | L        | L        | L        | L        |
| <input type="checkbox"/> Khớp nối                                                                                                                                              |          |        |         |         |          |          |          |          |          |
| Khớp cac-đăng và khớp trượt trục dẫn động                                                                                                                                      | -        | L      | L       | L       | L        | L        | L        | L        | L        |

|                                                                   |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------|----|----|----|----|----|----|----|--|----|----|----|-----|-----|------------------------------------------------------------------------------------|
| 45                                                                | 50 | 55 | 60 | 65 | 70 | 75 | 80 |  | 85 | 90 | 95 | 100 | 105 | Theo chỉ số trên đồng hồ đo quãng đường hoặc số tháng, tùy điều kiện nào đến trước |
| 27                                                                | 31 | 34 | 37 | 40 | 43 | 46 | 49 |  | 52 | 55 | 59 | 62  | 65  |                                                                                    |
| I                                                                 | I  | I  | I  | I  | I  | I  | I  |  | I  | I  | I  | I   | I   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| -                                                                 | -  | -  | -  | -  | -  | -  | I  |  | -  | -  | -  | -   | -   | hoặc mỗi 12 tháng                                                                  |
| Mỗi 12 tháng: I<br>Mỗi 36 tháng: R                                |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| I                                                                 | I  | I  | I  | I  | I  | I  | I  |  | I  | I  | I  | I   | I   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| I                                                                 | I  | I  | I  | I  | I  | I  | I  |  | I  | I  | I  | I   | I   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| -                                                                 | -  | -  | -  | -  | -  | -  | I  |  | -  | -  | -  | -   | -   | hoặc mỗi 12 tháng                                                                  |
| I                                                                 | I  | I  | I  | I  | I  | I  | R  |  | I  | I  | I  | I   | I   | hoặc mỗi tháng: I<br>hoặc mỗi 12 tháng: R                                          |
| Thay chất hút ẩm mỗi 100.000 km (62.000 dặm)<br>hoặc mỗi 12 tháng |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| Xả nước mỗi 20.000 km (12.000 dặm) hoặc mỗi 3 tháng               |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| Mỗi 24 tháng: R                                                   |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| Mỗi 36 tháng: R                                                   |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| Mỗi 24 tháng: R                                                   |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| Mỗi 24 tháng: R                                                   |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| I                                                                 | I  | I  | I  | I  | I  | I  | I  |  | I  | I  | I  | I   | I   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| Mỗi 24 tháng: R                                                   |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| I                                                                 | I  | I  | I  | I  | I  | I  | I  |  | I  | I  | I  | I   | I   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| -                                                                 | -  | -  | I  | -  | -  | -  | I  |  | -  | -  | -  | I   | -   | hoặc mỗi 6 tháng                                                                   |
| -                                                                 | -  | -  | I  | -  | -  | -  | I  |  | -  | -  | -  | I   | -   | hoặc mỗi 6 tháng                                                                   |
| -                                                                 | -  | -  | -  | -  | -  | -  | I  |  | -  | -  | -  | -   | -   | hoặc mỗi 12 tháng                                                                  |
| I                                                                 | I  | I  | I  | I  | I  | I  | I  |  | I  | I  | I  | I   | I   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| -                                                                 | -  | -  | -  | -  | -  | -  | I  |  | -  | -  | -  | -   | -   | hoặc mỗi 12 tháng                                                                  |
| I                                                                 | I  | I  | I  | I  | I  | I  | I  |  | I  | I  | I  | I   | I   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| L                                                                 | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  |  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| L                                                                 | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  |  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| L                                                                 | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  |  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| L                                                                 | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  |  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| L                                                                 | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  |  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| L                                                                 | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  |  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| L                                                                 | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  |  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| Xem hướng dẫn về khớp nối                                         |    |    |    |    |    |    |    |  |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| L                                                                 | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  |  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |

I : Kiểm tra sau đó vệ sinh, sửa chữa hoặc thay thế nếu cần thiết

R: Thay thế

T: Siết chặt đến lực siết quy định

L: BỔ sung bơi trườn

[illegible]

|                                            |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |                                                                                    |
|--------------------------------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|-----|-----|------------------------------------------------------------------------------------|
| 45                                         | 50 | 55 | 60 | 65 | 70 | 75 | 80 | 85 | 90 | 95 | 100 | 105 | Theo chỉ số trên đồng hồ đo quãng đường hoặc số tháng, tùy điều kiện nào đến trước |
| 27                                         | 31 | 34 | 37 | 40 | 43 | 46 | 49 | 52 | 55 | 59 | 62  | 65  |                                                                                    |
| L                                          | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| L                                          | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L  | L   | L   | hoặc hàng tháng                                                                    |
| -                                          | L  | -  | -  | -  | -  | L  | -  | -  | -  | -  | L   | -   | hoặc mỗi 6 tháng                                                                   |
| -                                          | L  | -  | -  | -  | -  | L  | -  | -  | -  | -  | L   | -   | hoặc mỗi 6 tháng                                                                   |
| -                                          | L  | -  | -  | -  | -  | L  | -  | -  | -  | -  | L   | -   | hoặc mỗi 6 tháng                                                                   |
| Mỗi 120.000 km (75.000 dặm) hoặc 2 năm: R  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| -                                          | -  | -  | R  | -  | -  | -  | -  | -  | -  | -  | -   | -   |                                                                                    |
| Mỗi 750.000 km (466.000 dặm) hoặc 2 năm: R |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| 3 tháng 1 lần: I 24 tháng 1 lần: R         |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| 12 tháng 1 lần: I                          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| 12 tháng 1 lần: I                          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |                                                                                    |
| 12 tháng 1 lần: I                          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |     |                                                                                    |

Lịch bảo dưỡng cho xe hoạt động trong môi trường khắc nghiệt

Điều kiện lái xe

A: Kéo theo rơ-moóc

B: Liên tục dừng nghỉ

C: Di chuyển trên đường xấu, đường đồi núi, leo dốc

D: Di chuyển ở khu vực nhiều bụi bặm

E: Di chuyển ở khu vực nhiều băng tuyết hoặc ven biển

| Hạng mục                                                    | Quãng đường di chuyển                                                 | Điều kiện vận hành |   |   |   |   |     |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------|---|---|---|---|-----|
|                                                             |                                                                       | A                  | B | C | D | E | B+E |
| Nhớt động cơ                                                | Thay thế mỗi 10.000 km (6.000 dặm) hoặc mỗi 3 tháng                   | A                  |   |   | D |   | B+E |
| Lọc nhớt động cơ thứ cấp                                    | Thay thế mỗi 10.000 km (6.000 dặm) hoặc mỗi 3 tháng                   | A                  |   |   | D |   | B+E |
| Lọc nhớt động cơ sơ cấp                                     | Thay thế mỗi 10.000 km (6.000 dặm) hoặc mỗi 3 tháng                   | A                  |   |   | D |   | B+E |
| Lọc gió động cơ                                             | Thay thế mỗi 20.000 km (12.000 dặm) hoặc mỗi 12 tháng (6 lần vệ sinh) |                    |   |   | D |   |     |
| Rơ lỏng giá lắp ống xả                                      | Kiểm tra mỗi 2.500 km (1.500 dặm)                                     | A                  | B | C |   | E |     |
| Nhớt hộp số                                                 | Xem trang 142 trong Chương 7                                          |                    |   |   |   |   |     |
| Nhớt hộp số (mẫu xxx)                                       | XXX                                                                   |                    |   |   |   |   |     |
| Nhớt cụm vi sai cầu sau                                     | Thay thế mỗi 20.000 km (12.000 dặm) hoặc mỗi 6 tháng                  | A                  |   | C |   |   |     |
| <input type="checkbox"/> V Nhớt cụm khóa vi sai các cầu sau | Thay thế mỗi 20.000 km (12.000 dặm) hoặc mỗi 6 tháng                  | A                  |   | C |   |   |     |
| Hư hại, rơ lỏng các chi tiết hệ thống lái                   | Kiểm tra mỗi 10.000 km (6.000 dặm) hoặc mỗi 3 tháng                   |                    | B |   |   |   |     |
| Mài mòn má phanh                                            | Kiểm tra mỗi 2.500 km (1.500 dặm)                                     | A                  | B | C | D |   |     |
| Hư hỏng bề mặt trống phanh                                  | Kiểm tra mỗi 20.000 km (12.000 dặm) hoặc mỗi 6 tháng                  | A                  | B | C | D |   |     |
| Đai ốc bu-lông U nhíp                                       | Siết lại mỗi 20.000 km (12.000 dặm) hoặc mỗi 6 tháng                  |                    |   | C |   |   |     |
| Bề mặt khớp cac-đăng & khớp trượt                           | Kiểm tra mỗi 20.000 km (12.000 dặm) hoặc mỗi 6 tháng                  |                    |   | C |   |   |     |

## Lịch bảo dưỡng – Hộp số ZF

Hệ truyền động của chiếc xe của bạn có thể ở trong tình trạng tốt khi được bảo dưỡng thường xuyên. Trên hết, hãy đảm bảo thay nhớt hộp số thường xuyên theo đúng Lịch bảo dưỡng đã định.

| Điều kiện lái xe                                                                                   | Cấp nhớt                             |                                       |                                        |                    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------|--------------------|
|                                                                                                    | 02A                                  | 02B                                   | 02D/02L                                | 02E (ZF-EcofluidM) |
| Điều kiện khắc nghiệt<br>(vận chuyển trong địa phương / đường dài, điều kiện vận hành khắc nghiệt) | 60.000 km (36.000 dặm) hoặc 12 tháng | 120.000 km (72.000 dặm) hoặc 12 tháng | 240.000 km (144.000 dặm) hoặc 12 tháng |                    |
| Điều kiện thông thường<br>(vận chuyển đường dài)                                                   | 90.000 km (54.000 dặm) hoặc 12 tháng | 160.000 km (96.000 dặm) hoặc 12 tháng | 300.000 km (180.000 dặm) hoặc 12 tháng |                    |

Hãy thay nhớt ở khoảng thời gian / quãng đường khuyến nghị, tùy thuộc điều kiện nào tới trước

## Giới hạn nhiệt độ thấp nhất

| Nhiệt độ bảo quản nhớt | Độ nhớt SAE              | Loại nhớt                  |
|------------------------|--------------------------|----------------------------|
| -25°C (-13°F) hoặc hơn | 80W/80W-85/80W-90        | 02A/02B                    |
| -40°C (-40°F) hoặc hơn | 75W/75W-80/75W-85/75W-90 | 02E (ZF-EcofluidM)/02D/02L |



Cấp nhớt và sản phẩm nhớt thương mại được chấp nhận sử dụng

Cấp nhớt 02A

Độ nhớt của nhớt hộp số SAE 80W/80W-85/80W-90/85W-90/90



#### KHUYẾN CÁO

- Trong vùng khí hậu thời tiết ôn hoà, sự điều khiển sang số sẽ bị khó hơn nếu sử dụng cấp độ nhớt cao hơn SAE 80W.

#### Nhà sản xuất (02A)

ADDINOLLUBE OIL GMBH, LEUNA/D  
 ADDINOLLUBE OIL GMBH, LEUNA/D  
 AGIP SCHMIERTECHNIK GMBH, WÜRZBURG/D  
 ARALAG, BOCHUM/D  
 ARALAG, BOCHUM/D  
 AVIAMINERALÖL-AG, MÜNCHEN/D  
 BAYWAAG, MUNCHEN/D  
 BEHRANOILCO., TEHRAN/IR  
 BELGINMADENIYAGLAR, GEBZEKOCAELI/TR  
 BLASERSWISSLUBEAG, HASLE-RÜGSAU/CH  
 BLASERSWISSLUBEAG, HASLE-RÜGSAU/CH  
 BLASERSWISSLUBEAG, HASLE-RÜGSAU/CH  
 BP INTERNATIONAL, PANGBOIM, READING/GB  
 BP INTERNATIONAL, PANGBOUKNE, READING/GB  
 BP INTERNATIONAL, PANGBOIM, READING/GB  
 BP INTERNATIONAL, PANGBOURNE, READING/GB  
 BP INTERNATIONAL, PANGBOUENE, READING/GB  
 BUCHERAGLANGENTHAL, LANGENTHAL/CH  
 BUCHERAGLANGENTHAL, LANGENTHAL/CH  
 CALPAMMINERALÖL-GMBH, ASCHAWENBURG/D  
 CALPAMMINERALÖL-GMBH, ASCHAWENBURG/D  
 CASTROL INTEHNATIONAL, PANGBOURNEREADING/GB  
 CASTROL INTEENATIONAL, PANGBOURNEREADING/GB  
 CEP SALUBRICANTSS.A., MADRID/E  
 CEP SALUBRICANTSS.A., MADRID/E  
 CEP SALUBRICANTSS.A., MADRID/E  
 CHEVRONBRASILLTDA., RIODEJANEIRO/BRAZIL  
 CHEVRONTEXACO, GHENT/B  
 CHEVRONTEXACO, GHENT/B  
 CHEVRONTEXACO, GHENT/B  
 CLAASKGAAMBH, HARSEWINKEL/D  
 COMP.BRASIL.D.PETRO.IPIRANGA, RIODEJANEIRO/BR  
 CONDATLUBRIFIANTS, CHASSESURKHONE/F  
 DEOLIEBRONB.V., ZWIJNDRECHT/NL  
 ENIS.P.A.REFINING&MARKETINGDIVISION, ROME/I  
 ENIS.P.A.REFINING&MARKETINGDIVISION, ROME/I  
 EXXONMOBILCORPORATION, FAIRFAX,VIRGINIA/USA  
 EXXONMOBILCORPORATION, FAIRFAX,VIRGINIA/USA  
 FUCHSPETROLUBAG, MANNHEIM/D  
 GINOUVESGEORGESSA, LAFARLEDE/F  
 GULFOILINTEBNATIONAL, PITTSBURG/USA  
 GULFOILINTEBNATIONAL, PITTSBURG/USA  
 HUILESBERLIETS.A., SAINTPRIEST/F  
 HUILESBERLIETS.A., SAINTPRIEST/F  
 IGOLFRANCESA, AMIENS/F

#### Tên thương mại (02A)

ADDINOLGETRIEBE OIL GS80W  
 ADDINOLGETRIEBE OIL GS80W-90  
 AUTOLGETRIEBE OIL 80W-90  
 ARALGETRIEBE OIL EP80W  
 ARALGETRIEBE OIL EP80W-90  
 AVIAGEAR OIL MZ80  
 BAYWAMEHRZWECKGETRIEBE OIL SAE80  
 BEHRANSAMANDMB80W-90  
 BELGEAREPMB80  
 EP-GETRIEBE OIL 80W-100  
 EP-GETRIEBE OIL 80W-68  
 EP-GETRIEBE OIL 80W90  
 BPENERGEAREP80W  
 BPENERGEAREP80W-90  
 BPENERGEAREP90  
 FRONTOLEMEHRZWECKGETRIEBE5LSAE80W  
 FRONTOLEMEHRZWECKGETRIEBE OIL SAE90  
 MOTOEXGEAR OIL EP80W  
 MOTOEXGEAR OIL EP80W/90  
 CALPAMMPGEAR OIL 80WGL4  
 CALPAMMPGEAR OIL 80W90GL4  
 CASTROL EP80W90  
 CASTROL UNITRON80W  
 CEP SATRANSMISIONES80W-90  
 ERT OIL TRANSMISIONES80W-90  
 ERT OIL TRANSMISIONESFSAE80  
 UNIVERSALEPSAE80W  
 GEARTEXEP-A80W  
 GEARTEXEP-A80W-90  
 GEARTEXEP-A85W-90  
 CLAASAGRISHIFT4SC80W90  
 IPIRGER OIL EP80W  
 GEARA (80W)  
 TORMULTIPURPOSEGERA OIL SAE80W90  
 R0TRAHY80W-90  
 R0TRAHYDB80W  
 ESS0GEAR OIL GP-D80W  
 MOBILUBEGX-A80W  
 TITANGEARMP SAE80W  
 Y0RK791SAE80W85  
 GULFGEARXP80W  
 GULFGEARXP80W-90  
 RT0EP80W  
 RT0EP80W-90  
 TRANSEPASAE80W-85W

INDIANOILC08P0RATI0NLTD., SJUMBAI/IND  
INDIANOILCORPORATIONLTD., MUMBAI/IND  
INDIANOILCOEPORATIONLTD., MUMBAI/IND  
KOMPRESSOL-OELVERKAUFSGMBH, KÖLN/D

KRAWTS.L., ANDOAIN/E  
KROON-OILB.V., ALMELO/NL  
KUWAITPETROLEUMR&TB.V., EUROPOORTRT/NL  
KUWAITPETROLEUMR&TB.V., EUROPOORTRT/NL  
KUWAITPETROLEUMR&TB.V., EUROPOORTRT/NL  
LIQUIMOLY GMBH, ULM/D  
LIQUIMOLY GMBH, ULM/D  
MAZIVAZAGREBD.0.0, ZAGREB/HR  
MAZIVAZAGREBD.0.0, ZAGREB/HR  
MEGUINGMBH&CO.KGMINERALOELWERKE, SAARLOUIS/D  
MEGUINGMBH&CO.KGMINERALOELWERKE, SAARLOUIS/D

MOL-LUBKFT., ALMÖSFÜZITÖ/H  
MOTULSA, AUBERVILLIERSCEDEX/F  
NESTEMARKKINIOINTIOY, ESPOO/FIN  
NEWPROCESSAG, TÖBACH/CH  
OEST, GEORGINERALÖLWEKK, FREUDENSTADT/D  
OEST, GEORGINERALÖLVEHK, FREUDENSTADT/D  
OMVREFINING&MARKETINGGMBH, WIEN/A  
OMVREFINING&MARKETINGGMBH, WIEN/A  
OPETPETROL CÜLÜKA.S., IZMIR/TR  
ORLENOILSP.ZO.0, KRAKOW/PL  
ORLENOILSP.ZO.0, KRAKOW/PL  
PAKELOMOTOROILS.R.L., SANBONIFACIO (VR) /1  
PAKELOMOTOROILS.R.L., SANBONIFACIO (VR) /1  
PANOLINAG, MADET SWIL/CH  
PANOLINAG, MADET SWIL/CH  
PETROBRASDISTRIBUIDORAS.A., DUQUEDECAXIAS/BR  
PETROBRASDISTRIBUIDORAS.A., DUQUEDECAXIAS/BR  
PETROGALS.A., LISBOA/P  
PETROGALS.A., LISBOA/P  
PRISTAOILEAD, ROUSSE/BG  
PTPERTAMINA (PERSERO), JAKARTA/RI  
PTPERTAMINA (PERSERO), JAKARTA/RI  
RAVENSBERGERSCHMIERSTOWVERTRIEBGMBH,  
WERTHER/D  
RAVENSBERGERSCHMIERSTOWVERTRIEBGMBH,  
WERTHER/D  
REPSOLYPFLUBRICANTESYESPECIALIDADES, MADRID/E  
S-OILCOKPORATION, SEOUL/KOREA  
S.A.E.L., MADRID/E  
SHELLBRASIL, BARKADATIJUCA-RIODEJANEIRO/BR  
SHELLINTEKNATIONALPETROLEUMCOMPLTD, LONDON/GB  
SHELLINTEENATIONALPETROLEUMCOMPLTD, LONDON/GB  
SRSSCHMIERSTOWVERTRIEBGMBH, SALZBERGEN/D

SRSSCHMIERSTOWVERTRIEBGMBH, SALZBERGEN/D

SRSSCHMIERSTOWVERTRIEBGMBH, SALZBERGEN/D

SUOMENPETROOLIOY, HAMINA/FIN  
SUOMENPETROOLIOY, HAMINA/FIN  
TOTALISUOILCO.LTD., SEOUL/ROK  
TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F

SERVOGEARHPSOW (T)  
SERVOGEARHP80W-90 (T)  
SERVOGEARHP90 (T)  
KOMPRESSOL-MEHRZWECK-  
GETRIEBE0ELSAE80W-90  
HIDROILSAE80W90  
GEARLUBEGL-480W-90  
Q8T35SAE80W  
Q8T35SAE80W-90  
Q8T35SAE90  
LIQUIMOLYGETRIEBEÖLGL4SAE80W  
LIQUIMOLYGETRIEBEÖLGL4SAE85W-90  
INATRANSM0LDB80W  
INATRANSM0LHD80W-90  
MEGOLMEHRZWECKGETRIEBE0ELGUSAESOW  
MEGOLMEHRZWECKGETRIEBE0ELGL4SAE85W-  
90  
MOLHYKOM0L80W  
MOTULGEARMB80W  
NESTEGEAREP80W-90  
EPGEAR0ILSAE80W  
OESTMEHRZWECK-GETRIEBEÖLSAE80W  
OESTMEHRZWECK-GETRIEBEÖLSAE80W-90  
OMVGEAR0ILMPSAE80W-85  
OMVGEAR0ILMPSAE85W-90  
ORSAEPM80W  
PLATINUMGEASGL-480W  
PLATINUMGEARGL-480W/90  
PAKEL0GEAR0ILEP/FZSAE80W  
PAKEL0GEAR0ILEP/FZSAE80W/90  
PAN0LINEPGEAR80W  
PAN0LINEPGEAR80W/90  
LUBRAXTRM-4 (SAE80W)  
LUBRAXTRM-4SAE90  
GALPTRANS0IL80W90  
GALPTRANS0IL80W  
PRISTAEP80W  
R0REDEP-ASAE80W-90  
R0REDEP-ASAE90  
RAVENOLMZ-GETRIEBEÖL8OGL4

RAVENOLMZ-GETRIEBEÖL80W-90GL4

CSEPMSAE80W  
DRAG0NGEARTM80W  
GULFGEARLUBRICANT80W-85  
SHELLSPIRAXG80W (INBRASILONLY)  
SEHLLSPIRAXEP80  
SHELLSPIRAXMA80W  
WINTERSHALLWIOLINMEHRZWECK-  
GETRIEBEÖL80  
WINTERSHALLWIOLINMEHRZWECK-  
GETRIEBEÖL80W-90  
WINTERSHALLWIOLINMEHRZWECK-  
GETRIEBEÖL90  
TEB0ILEPSAE80W  
TEB0ILEPSAE80W-90  
T0TALEP80W  
ANTAREP80W  
ANTAREP80W-90  
FINAP0NTONICN80W-85  
FINAP0NTONICN80W-90  
T0TALEP80W-85  
T0TALEP80W-90  
TRANSELFEP80W

TOTALLUBRIFIANTSS. A., PARIS/F  
UNILOPAL, SAUMURCEDEX/F  
VALVOLINEEUROPE, DORDRECHT/NL  
YACCO, STPIERRELESELBEUF/F

TRANSELFEP80W-90  
UNIL0PALGEAREPSAE80W85W  
HIGHPERFORMANCEGEAR01LGL-480W  
BVXM10080W85

### Cấp nhớt

Độ nhớt của nhớt hộp số SAE 75W-80/75W-85/75W-90/80W/80W-85/80W-90/ 85W-90/90



#### KHUYẾN CÁO

- Trong vùng điều kiện thời tiết ôn hoà, Chất lượng di chuyển bị hạn chế nếu sử dụng cấp độ nhớt cao hơn SAE 80W.

#### Manufacturer (02B)

ADDINOLLUBEOLGMBH, LEUNA/D  
AGIPSCHMIERTECHNIKMBH, WORZBURG/D  
ARALAG, B0CHUM/D  
ARMORINES.A., LANESTERCEDEX/F  
AVIAMINERALOL-AG, MUNCHEN/D  
AVIAMINERALOL-AG, MONCHEN/D  
BAYWAAG, MONCHEN/D 02B  
BEHRANOILCO., TEHRAN/IR  
BPINTERNATIONAL, PANGBOURNE, READING/GB  
BPINTERNATIONAL, PANGBOURNE, READING/GB  
BPINTERNATIONAL, PANGBOURNE, READING/GB  
BPINTERNATIONAL, PANGBOURNE, READING/GB  
BUCHERAGLANGENTHAL, LANGENTHAL/CH  
CALPAMMINERALOI-gmbh, ASCHAWENBURG/D  
CASTROLINTERNATIONAL, PANGBOURNEREADING/GB  
CASTROLINTERNATIONAL, PANGBOURNEREADING/GB  
CASTROLINTERNATIONAL, PANGBOURNEREADING/GB  
CEPSALUBRICANTSS.A., MADRID/E  
CHEVRONTEXACO, GHENT/B  
CHEVRONTEXACO, GHENT/B  
CHEVRONTEXACO, SYDNEY/AUS  
CHEVRONTEXACO, SYDNEY/AUS  
DAFTRUCKSN.V., EINDHOVEN/NL  
DEOLIEBRONB.V., ZWIJTTORECHT/NL  
ENIS.P.A.REFINING&MARKETINGDIVISION, ROME/I  
ENIS.P.A.REFINING&MARKETINGDIVISION, ROME/I  
EXXONMOBILCORPORATION, FAIRFAX,VIRGINIA/USA  
EXXONMOBILCORPORATION, FAIRFAX,VIRGINIA/USA  
FALCONOILCOMPANYLTD., SHARJAH/UAE  
FINKEMINERALFILWERKMBH, VISSELHfiVEDE/D  
FUCHSPETROLUBAG, MANNHEIM/D  
GENOLGMBH&CO., WIEN/A  
GINOUVESGEORGESSA, LAFARLEDE/F  
GRUPALOTOSA, GDANSK/PL  
GULFOILINTERNATIONAL, PITTSBURG/USA  
GULFOILINTERNATIONAL, PITTSBURG/USA  
GULFOILINTERNATIONAL, PITTSBURG/USA  
GULFOILINTERNATIONAL, PITTSBURG/USA  
GULFOILINTERNATIONAL, PITTSBURG/USA

#### Trade name (02B)

ADDINOLGETRIEBE0LGX80W90ML  
AGIPROTATRUCKGEARS, SAE75W-90  
AEALGETRIEBE0LEPPLUS80W-90  
BM80  
AVIASYNT0GEARFE75W-90EP  
AVIASYNT0GEARFE80W-90  
BAYWASUPER8090MC  
BEHEANSAMAND0EM180W-90  
BPENERGEAKDL80W-90  
BPENERGEARHT80W-90  
ENERGEABSHX-MSAE75W-90  
FR0NTOLGETRIEBEÖLFESAE80W-90  
MOTOREXUNISYNTTX  
CALPAMMULTIGEAR01LFE80W90  
CASTROLDYNADRIVE80W-90  
CASTROLDYNADRIVEPLUS75W90  
CASTROLMULTIDRIVE80W90  
CEPSATRANSMISIONESEPF+LD75W-90  
MULTIGEAR80W-90  
MULTIGEAR80W-90  
CALTEXTRANSLUBE0LDSAE80W  
CALTEXTRANSLUBE0LDSAE90  
DAFSUPER80W90  
TORUNIGEAR75W90LD  
ROTALSX75W-90  
ROTATRUCKGEAR80W-90  
MOBILUBE1SHC75W-90  
MOBILUBES80W-90  
FALCONSUPEREPGEAR01L80W/90GL-4  
AVIATICONFINK0GEARSUPER80W-90  
TITANSUPERGEABMC80W-90  
GEN0LGEAR-SYN80I-90  
YORK896  
TITANISSUPERGL-580W/90  
GULFGEABMZ80W  
GULFGEARMZ80W-90  
GULFGEAKMZ85W-90  
GULFGEARMZ90  
GULFGEARTDL80W-90

GULFOILINTEKNATIONAL, PITTSBURG/USA  
 HANDELMIJNOVL.B.V., NIJMEGEN/NL  
 HUILESBERLIETS.A., SAINTPRIEST/F  
 HUILESBERLIETS.A., SAINTPRIEST/F  
 IGOLFRANCESA, AMIENS/  
 IGOLFRANCESA, AMIENS/F  
 KROON-OILB.V., ALMELO/NL  
 KUWAITPETROLEUMR&TB.V., EUROPOORTRT/NL  
 KUWAITPETROLEUMR&TB.V., EUROPOORTRT/NL  
 LIQUIMOLYGBH, ULM/D  
 MAZIVAZAGREBD.0.0, ZAGREB/HR  
 MAZIVAZAGREBD.0.0, ZAGREB/HR  
 MEGUINGMBH&CO.KGMINERALOELWERKE, SAARLOUIS/D  
 MEGUINGMBH&CO.KGMINERALOELWERKE, SAAELOUIS/D  
 MILLERSOILSLIMITED, BRIGHOUSE/GB  
 MINERALOL-RAWIN.DOLLBERGEN, UETZE-DOLLBERGEN/D  
 MINERALÖL-RAWIN.DOLLBERGEN, UETZE-DOLLBERGEN/D

MINERALOL-RAWIN.DOLLBERGEN, UETZE-DOLLBERGEN/D  
 MODRICA OIL REFINERY, MODRICA/BIH  
 MODRICA OIL REFINERY, MODRICA/BIH  
 MORRISLUBRICANTS, SHREWSBURY/GB  
 MORRISLUBRICANTS, SHREWSBURY/GB  
 MOTULSA, AUBERVILLIERSCEDEX/F  
 NESTESIARKKINOINTIOY, ESPOO/FIN  
 NEWPROCESSAG, TUBACH/CH  
 OEST, GEORGMINERALOLWESK, FREUDENSTADT/D  
 OEST, GEORGMINERALOLVEHK, FREUDENSTADT/D  
 OKNEDERLAND, STAPHORST/NL  
 OKNEDERLAND, STAPHORST/NL  
 OMVREFINING&MARKETINGGMBH, WIEN/A  
 OMVREFINING&MARKETINGGMBH, WIEN/A  
 OMVREFINING&MARKETINGGMBH, WIEN/A  
 PAKELOMOTOROILS.R.L, SANBONIFACIO (VR) /I  
 PAKELOMOTOROILS.R.L, SANBONIFACIO (VR) /I  
 PAKELOMOTOROILS.R.L, SANBONIFACIO (VR) /I  
 PAKELOMOTOROILS.R.L, SANBONIFACIO (VR) /I  
 PAKELOMOTOROILS.R.L, SANBONIFACIO (VR) /I  
 PAKELOMOTOROILS.R.L, SANBONIFACIO (VR) /I  
 PANOLINAG, MADET SWIL/CH  
 PANOLINAG, MADET SWIL/CH  
 PETROGALS.A., LISBOA/P  
 RAVENSBERGERSCHMIERSTOWVERTRIEBGMBH,  
 WERTHER/D  
 REPSOLYFLUBRICANTESYESPECIALIDADES, MADRID/E  
 S.A.E.L., MADRID/E  
 SHARJAHNATIONALLUBEOILCO.LTD., SHARJAH/UA  
 SHELLINTERNATIONALPETROLEUMCOMPLTD, LONDON/GB  
 SHELLINTEKNATIONALPETROLEUMCOMPLTD, LONDON/GB  
 SHELLINTEBNATIONALPETROLEUMCOMPLTD, LONDON/GB  
 SRSSCHMIERSTOWVERTRIEBGMBH, SALZBERGEN/D  
 SRSSCHMIERSTOWVERTRIEBGMBH, SALZBERGEN/D  
 STATOILLUBRICANTS, STOCKHOLM/S  
 STRUB+COAG, REIDEN/CH  
 STRUB+COAG, REIDEN/CH  
 TEDEXPRODUCTIONSP.Z.0.0., TOMASZOWMZOWIECKI/PL  
 TEDEXPRODUCTIONSP.Z.0.0., TOMASZOWMZOWIECKI/PL  
 TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
 TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
 TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
 TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
 TOTALLUBRIFIANTSS.A., PARIS/F

GULFSYNGEAR75W-90  
 KENDALLT0TALDRIVELINEED75W90  
 RT0LONGEVIAPEC080W-90  
 RT0LONGEVIAATCXEC075W-90  
 GEASM80W90  
 SYNTHGEARS75W90  
 TRANSMISSION0ILSP1011  
 Q8GEAR0ILXGSAE80W-90  
 Q8TRANSGSSAE75W-90  
 HYP0IDGETRIEBE5LTDLSAE80W-90  
 INAHIPEN0LSHD75W-90  
 INAHIPEN0LTDL80W-90  
 MEGOLGETRIEBEOELTRUCK-SYNTHSAE75W-90  
 MEGOLHYPOID-GETRIEBEOELTDL80W-90  
 SYNTRANFE  
 PENNAS0LMEHRZWECK-GETRIEBE0ELGL4SAE80W  
 PENNAS0LMEHRZWECK-GETRIEBE0ELGUSAE85W-90  
 PENNAS0LMEHRZWECK-GETRIEBE0ELGL4SAE90  
 TRANSLUBEGL-4SAE80W  
 TRANSLUBEGL-4SAE90  
 L0DEX0LSS80W  
 SERV0LEP80W/90  
 MOTULGEARSYNNTDL75W-90  
 NESTEHYP0IDITDLS75W-90  
 GEABOILSYNTH  
 OESTMEHRZWECK-GETRIEBEÖLFESAE80W-90  
 OESTSYNTHGETRIEBE0LSAE75W-90  
 OKUNI-VEHICLEDAN0ILLD-SAE75W/90  
 QUINT0LTRANSMISSION0ILVS-45SAE75W/90  
 0MVGEAR0ILXD-4SAE80W-85  
 0MVUNIGEARSSAE75W-90  
 0MVUNIGEARSAE80W-90  
 PAKEL0GL0BALGEABCBSSAE75W/85  
 PAKEL0GL0BALGEARSASAE80W  
 PAKEL0GL0BALGEARSASAE80W/85  
 PAKEL0GL0BALGEARSASAE80W/90  
 PAKEL0GL0BALGEARSASAE85W/90  
 PAKEL0GL0BALMULTIGEARTSSAE75W/90  
 PAN0LINSUPERDUTYSYNTH75W/90  
 PAN0LINT0PGEAR80W/90  
 GALPTRANSVEXTDL75W90  
 RAVEN0LSLGSPEC.LKWGETR.ÖL80W90

VEHICLETAG0FELD75W90  
 GULFSYTHETICGEARLUBRICANT75W-90  
 SHABLUPEGEABLUBE80W/90 (GL-4)  
 SHELLSPIRAXGX80W  
 SHELLSPIRAXGX80W-90  
 SHELLSPIRAXMX80W-90  
 WINTERSHALLGETRIEBEFLUIDSML80W-90  
 WINTERSHALLW10LINRSG80  
 GEARWAYG480W  
 STRUBMULTIGEARSG080W-90  
 VULC0GEARSYNTHSGX75W-90  
 TEDEXGEAR0ILSAE80W  
 TEDEXSUPERGEAR0IL (3343M) SAE80W90  
 ANTAREPS75W-90  
 ANTARUNIVERSALFE80W-90  
 FINAP0NTONICFDL75W-90  
 FINAPQNT0NICMDL80W-90  
 TOTALTRANSMISSIONMDL80L-90

TOTALLUBRIFIANTSS. A., PARIS/F  
 TOTALLUBRIFIANTSS. A., PARIS/F  
 TOTALLUBRIFIANTSS. A., PARIS/F  
 TOTALLUBRIFIANTSS. A., PARIS/F  
 VALVOLINEEUROPE, DORDRECHT/NL  
 VIALOILLTD., MOSCOW/RUS  
 YACCO, STPIERRELESELBEUF/F  
 ZELLER+GMELINGMBH&CO., EISLINGEN/D  
 ZWRIEDRICHSHAFENAG, FRIEDRICHSHAFEN/D

TOTALTRANSMISSIONRSFE80W-90  
 TOTALTRANSMISSIONSYNFE75W-90  
 TRANSELFSYNTHESFE75W-90  
 TRANSELFUNIVERSALFE80W-90  
 SYNPOWERGEAB0ILTDL75W-90  
 CONSOLTRANSLUX  
 BVXIOOO  
 DIVINOLGEAR0ILST0SAE80W-90  
 ZF-ECOFLUIDX

## Oil Class 02D

Độ nhớt của nhớt hộp số SAE 75W-80 (semi-synthetic, synthetic)

Manufacturer (02D)

AGIP SCHMIERTECHNIK GMBH, WURZBURG/D  
 ARALAG, BOCHUM/D  
 BP INTERNATIONAL, PANGBOUENE, READING/GB  
 BUCHERAGLANGENTHALLANGENTHAL/CH  
 CEP SALUBRICANTSS.A., MADRID/E  
 CHEVRON TEXACO, GHENT/B  
 DAF TRUCKS N.V., EINDHOVEN/NL  
 DEOLIEBRONB.V., ZWIJWDRECHT/NL  
 ENIS.P.A. REFINING & MARKETING DIVISION, ROME/I  
 EXXON MOBIL CORPORATION, FAIRFAX, VIRGINIA/USA  
 FUCHS PETROLUB AG, MANNHEIM/D  
 GINOUVES GEORGE S.A., LAFARLEDE/F  
 GULFOIL INTERNATIONAL, PITTSBURG/USA  
 HANDELMIJNOVIOLB.V., NIJMEGEN/NL  
 HUILES BERLIETS.A., SAINT PRIEST/F  
 IGOLFRANCE S.A., AMIENS/F  
 KROON-OILB.V., ALMELO/NL  
 KUWAIT PETROLEUM R&TB.V., EUEOPOORT RT/NL  
 MAZIVAZAGREB D.O.O., ZAGREB/HR  
 MOTULSA, AUBERVILLIERS CEDEX/F  
 OK NEDERLAND, STAPHORST/NL  
 OMV REFINING & MARKETING GMBH, WIEN/A  
 PAKEL MOTOR OILS.R.L., SANBONIFACIO (VR) /I  
 PANOLINAG, MADETSWIL/CH  
 PETROGALS.A., LISBOA/P  
 PETRONAS LUBRICANTS INTERN., KUALALUMPUB/MAL  
 PETRONAS LUBRICANTS INTERN., KUALALUMPUR/MAL  
 RAL OYLUBRICANTESS.A.DEC.V., TIANGUISTENCO/MEX  
 REPSOL YPF LUBRICANTES YESPECIALIDADES, MADRID/E  
 S.A.E.L., MADRID/E  
 SHELL INTEKNATIONAL PETROLEUM COMPLTD, LONDON/GB  
 TOTAL LUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
 TOTAL LUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
 TOTAL LUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
 TOTAL LUBRIFIANTSS.A., PARIS/F  
 UNILOPAL, SAUMUR CEDEX/F  
 VALVOLINEEUROPE, DORDRECHT/NL  
 YACCO, STPIERRELESELBEUF/F

Trade name (02D)

AUTOLGETRIEBE ÖL VSL-475W-80  
 ARALGETRIEBE ÖL SNSSAE75W-80  
 CASTROL SYNTRANSZ  
 MOTOREX PRISMAT F75W/80  
 CEP SATRANSMISIONESFE+LD75W-80  
 MULTIGEAR MTF75W-80W  
 DAF PREMIUM75W80W  
 T08MT/LDGEAR0IL75W80  
 R0TRAMULTIGEAR75W-80  
 MOBILUBEXHP75W-80  
 TITANCYTRACLD75W-80  
 Y08K89475W-80  
 GULFGEARTX75W-80  
 KENNOC0FLEETTRANSMISSIONLUBEEDSAE75W-80W  
 RT0LONGEVIAEC075W-80  
 TRANSGEARZF75W80  
 GEARSYNTHMT/LD75W-80  
 Q8T60SAE75W-80  
 INATRANSM0LHD75W-80  
 MOTULM0TYLGEAR75W-80  
 OKCAEDAN0ILMT/LDSAE75W/80  
 OMVGEAR0ILLDISAE75W-80  
 PAKEL0G0LDENGEARLDSAE75W/80  
 PAN0LINTRANSGEAR75W/80W  
 GALPTRANSVEXTDLULTRA75W80  
 TUTELATRUCKGEAKFE (SAE75W80)  
 TUTELATRUCKGEARLITESAE75W80  
 NEWEXPERIENCESYNTHETIC0IL341  
 VEHICLE TAGO CAJASFELD75W-80  
 GULFINTARDEGEAR0IL75W-80  
 SHELLTRANSMISSION0ILZFLD75W-80  
 ANTARLD75W-80  
 FINAP0NTONICTI75W-80  
 TOTALTRANSMISSIONTI75W-80  
 TRANSELF75W-80  
 GERIONLD75W80  
 DURABLENDGEAR0ILGL-4SAE75W-80  
 BVXZ-50075W-80

## Cấp nhớt 02E

Độ nhớt của nhớt hộp số SAE 75W-80

(Tổng hợp)

Nhà sản xuất (02E)

CASTROLINTERNATIONAL, PANGBOURNEREADING/GB

ZWIREDRICHSHAFENAG, FRIEDRICHSHAFEN/D

Tên thương mại (02E)

CASTR0LSYNTRANSMAX75W-80

ZF-ECOFLUIDM

## Cấp nhớt 02L

Độ nhớt của nhớt hộp số SAE 75W-80/75W-85

(Bán tổng hợp, tổng hợp)

Nhà sản xuất (02L)

FUCHSPETROLUBAG, MANNHEIM/D

Tên thương mại (02L)

FUCHSTITANCYTRACMANSYNTH/75W-80

### Dung dịch, nhớt bôi trơn và nhiên liệu khuyến nghị

Việc lựa chọn sử dụng đúng loại dầu nhớt và nhiên liệu diesel là điều cực kỳ quan trọng để chiếc xe Isuzu của bạn vận hành bền bỉ trong thời gian lâu dài.

Thay nhớt theo đúng Lịch trình bảo dưỡng được chỉ định cho xe của bạn. Sử dụng nhớt chính hãng Isuzu hoặc những loại nhớt được khuyến nghị trong danh sách dưới đây. Khoảng thời gian thay nhớt được quy định trong lịch trình bảo dưỡng cùng các điều khoản và điều kiện của bảo hành xe mới được khuyến nghị cho xe sử dụng nhớt Isuzu chính hãng hoặc các loại nhớt được liệt kê dưới đây.

| NHỚT BÔI TRƠN                     | NHÀ SẢN XUẤT   | THƯƠNG HIỆU                              | CẤP               |             |      |
|-----------------------------------|----------------|------------------------------------------|-------------------|-------------|------|
|                                   |                |                                          | API               | ACEA JASO   |      |
| Động cơ diesel                    | ISUZU GENUINE  | BESCOMULTI-ZTYPECF-4 (10W-30)            | CF-4              | E5/E3       | DH-1 |
|                                   | ISUZU GENUINE  | BESCOS-3 (10W), (20W), (30), (40)        | CD                |             |      |
|                                   | Shell          | RimulaR3X (15W-40)                       | CH-4/CG-4/CF-4/CF |             |      |
|                                   | Shell          | RimulaR2Extra (15W-40)                   | CF-4/CF           | E2          | DH-1 |
|                                   | ExxonMobil     | RimulaR2 (30), (40)                      | CF                |             |      |
|                                   | Castrol        | DelvacMX (15W-40)                        | CI-4              |             |      |
|                                   | BP             | TectonJ-Max (15W-40)                     | CH-4              | E3<br>E3/E5 | DH-1 |
|                                   | Caltex/Chevron | Vane1lusC6Extra (15W-40)                 | CH-4              |             |      |
|                                   | Caltex/Chevron | De1oGo1dMultigrade (15W-40)              | CF                |             |      |
|                                   | Caltex/Chevron | De1o400đa cấp (15W-40)                   | CH-4/CF           | E2          |      |
| Hộp số (Trừ kiểu ZF9S1310)        | ISUZU GENUINE  | BESCOGEAROLSH(80W-90), (90), (140)       | GL-5              |             |      |
|                                   | Castrol        | Syntrax Universal (80W-90)               | GL-5              |             |      |
|                                   | Caltex         | ThubanGL-5EP (80W-90), (85W-140)         | GL-5              |             |      |
| Nhớt cầu xe / cụm vi sai          | ISUZU GENUINE  | BESCOGEAROLSH(80W-90), (90), (140)       | GL-5              |             |      |
|                                   | ExxonMobil     | Mobilube HD (80W-90)                     | GL-5              |             |      |
|                                   | Castrol        | Syntrax Universal (80W-90)               | GL-5              |             |      |
|                                   | Caltex         | ThubanGL-5EP (80W-90), (85W-140)         | GL-5              |             |      |
| Dầu trợ lực lái                   | ISUZU GENUINE  | BESC0ATFII (power steering only), ATFIII |                   |             |      |
|                                   | Shell          | SpiraxS3ATFMD3 (Dexron® III)             |                   |             |      |
|                                   | Castrol        | TQDIII (Dexron® III)                     |                   |             |      |
|                                   | BP             | Autran DXIII (Dexron® III)               |                   |             |      |
|                                   | Caltex/Texaco  | Texamaticl888 (Dexron® III)              |                   |             |      |
| Bạc đạn treo                      | ISUZU GENUINE  | BESC0L-2GREASE (No.2), L-3GREASE (No.3)  |                   |             |      |
| Mỡ moay-ơ bánh xe                 | Shell          | GadusS3V220C2 (No.2)                     |                   |             |      |
| Bơm nước                          | ExxonMobil     | MobilgreaseXHP222/223 (No.2), (No.3)     |                   |             |      |
| Khớp trượt trục dẫn động          | Caltex/Texaco  | Starplex EP(No.2)                        |                   |             |      |
| Khớp cac-đăng                     |                |                                          |                   |             |      |
| Khớp king-pin                     |                |                                          |                   |             |      |
| Trục lái                          |                |                                          |                   |             |      |
| Cơ cấu lái                        |                |                                          |                   |             |      |
| (mỡ bôi trơn đa dụng)             |                |                                          |                   |             |      |
| Mỡ bôi trơn đa dụng có molybdenum | Shell          | GadusS2V220AD2 (No.2)                    |                   |             |      |
|                                   | Caltex         | MolytexGreaseEP2 (No.2)                  |                   |             |      |

| NƯỚC LÀM MÁT             | NHÀ SẢN XUẤT                                                                                                              | THƯƠNG HIỆU*                                                                                                         |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hệ thống làm mát động cơ | ISUZU GENUINE<br>Caltex/Texaco/Chevron<br>Caltex/Texaco/Chevron<br>Caltex/Texaco/Chevron<br>Caltex/Texaco/Chevron<br>BASF | BESCOLLCSUPERTYPEE, AS<br>Extended Life Coolant<br>Havoline XLC<br>Delo ELC<br>Delo ELC Nitrite Free<br>GlysantinG34 |

\*: Hãy sử dụng các loại nước làm mát được ISUZU khuyến nghị, hoặc GENERAL MOTORS ENGINEERING STANDARDS GM6277M (Chất làm mát từ ethylene glycol không silicat và không borat) hoặc tương đương.

**KHUYẾN CÁO**

- Pha loãng với nước tinh khiết ở tỉ lệ thích hợp.

| DUNG DỊCH                | THƯƠNG HIỆU                      |
|--------------------------|----------------------------------|
| Nâng cabin điện thủy lực | Dầu MIL-H-5606E hoặc tương đương |

| DUNG DỊCH  | NHÀ SẢN XUẤT              | THƯƠNG HIỆU                            | CẤP*         |
|------------|---------------------------|----------------------------------------|--------------|
| Dầu ly hợp | ISUZU GENUINE<br>ACDelco™ | BESCObrakefluidsuperDelcosupr<br>eme11 | DOT3<br>DOT3 |

| NHIÊN LIỆU DIESEL / TIÊU CHUẨN ĐƯỢC ÁN DỤNG (nồng độ Sulfur dưới 50 mm) |                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản (JIS)                                   | Dựa theo tiêu chuẩn JIS K2204: 2007 cho nhiên liệu dầu Diesel         |
| Tiêu chuẩn Công nghiệp Đức (DIN)                                        | Dựa theo tiêu chuẩn EN590: 2004                                       |
| Hiệp hội Thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ (ASTM)                           | Dựa theo tiêu chuẩn D975-04c số 1-D S15 hoặc số 2-D S15 (dưới 15 ppm) |
| Tiêu chuẩn Anh Quốc (BS)                                                | Dựa theo tiêu chuẩn EN590: 2004                                       |





## CHÚ Ý

- Hãy bảo sử dụng nhiên liệu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (dưới 50 ppm). Nếu bạn sử dụng loại nhiên liệu kém chất lượng, phụ gia khử nước / các loại phụ gia khác, xăng, dầu hỏa hoặc nhiên liệu gốc cồn... Chúng có thể gây hại cho bộ lọc nhiên liệu, ảnh hưởng vận hành trơn tru của các bộ phận được bôi trơn bằng nhiên liệu trong hệ thống nhiên liệu và ảnh hưởng xấu đến động cơ, bộ chuyển đổi xúc tác PM, từ đó có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.
- Nếu bạn vô tình đổ nhầm loại nhiên liệu vào xe, hãy xả hết nhiên liệu ra ngoài. Khởi động động cơ với nhiên liệu không phù hợp sẽ tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ hoặc hư hỏng động cơ.
- Mở nắp thùng nhiên liệu một cách từ từ. Nếu mở đột ngột, nhiên liệu có thể trào ra ngoài..

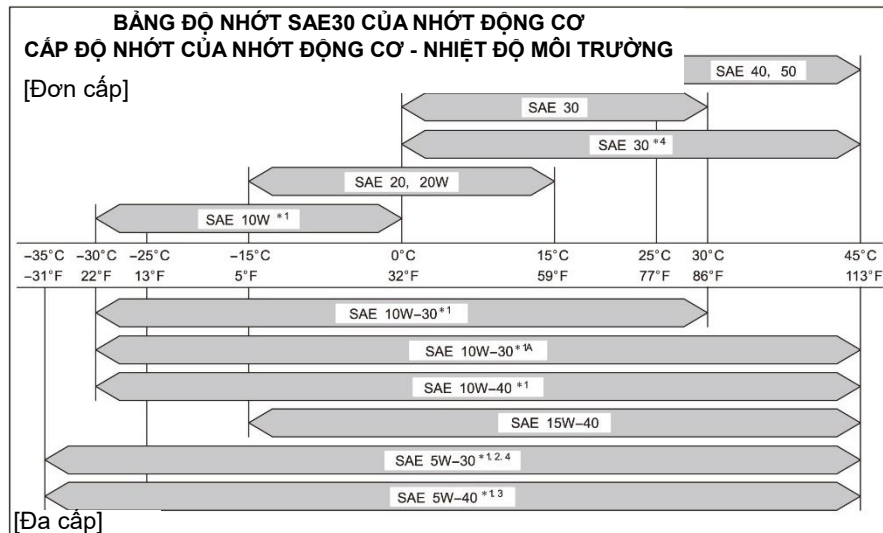


## KHUYẾN CÁO

- Chỉ được sử dụng đúng loại nhiên liệu được khuyến nghị. Không sử dụng các loại nhiên liệu khác vì có thể làm hư hại động cơ.

### Bảng độ nhớt của nhớt động cơ

Chọn các loại nhớt động cơ và nhớt hộp số phù hợp theo bảng dưới đây. Một điều quan trọng nữa là hãy chọn độ nhớt phù hợp với nhiệt độ mà xe của bạn vận hành. Tham khảo các bảng sau để lựa chọn chính xác các thông số phù hợp.

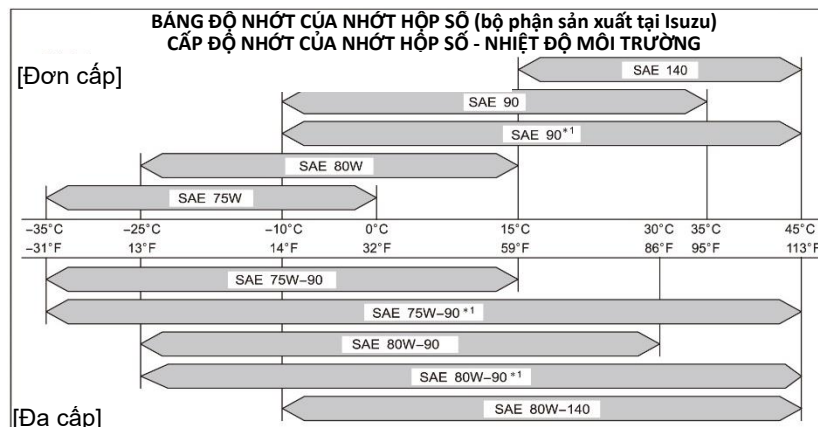


\*1: Ở nhiệt độ môi trường dưới -25°C (-13°F), mục này chỉ áp dụng cho trường hợp sử dụng các thiết bị hỗ trợ khởi động (sấy cacte nhớt, sấy thân động cơ, v.v.)

\*2: Đối với loại nhớt 5W-30 cho xe thương mại (CV), chỉ có thể sử dụng nhớt Isuzu chính hãng

\*3: Nhớt 5W-40 được khuyến nghị chỉ dành cho các vùng lạnh (Nga, Trung Quốc, v.v.).

\*4: Có thể sử dụng ở nhiệt độ môi trường lên đến 45°C (113°F) trong trường hợp sử dụng nhớt Isuzu chính hãng.



\*1: Có thể sử dụng ở nhiệt độ môi trường lên đến 45°C (113°F) trong trường hợp sử dụng nhớt Isuzu chính hãng.

## Vị trí bôi trơn

Mẫu CXR/EXR (với kiểu trục R066/F075 và R130)

○ KIỂM TRA hoặc BỎ

Ⓔ ....NHỚT ĐỘNG CƠ

Ⓑ ...DẦU PHANH

SUNG

○ THAY ĐỔI

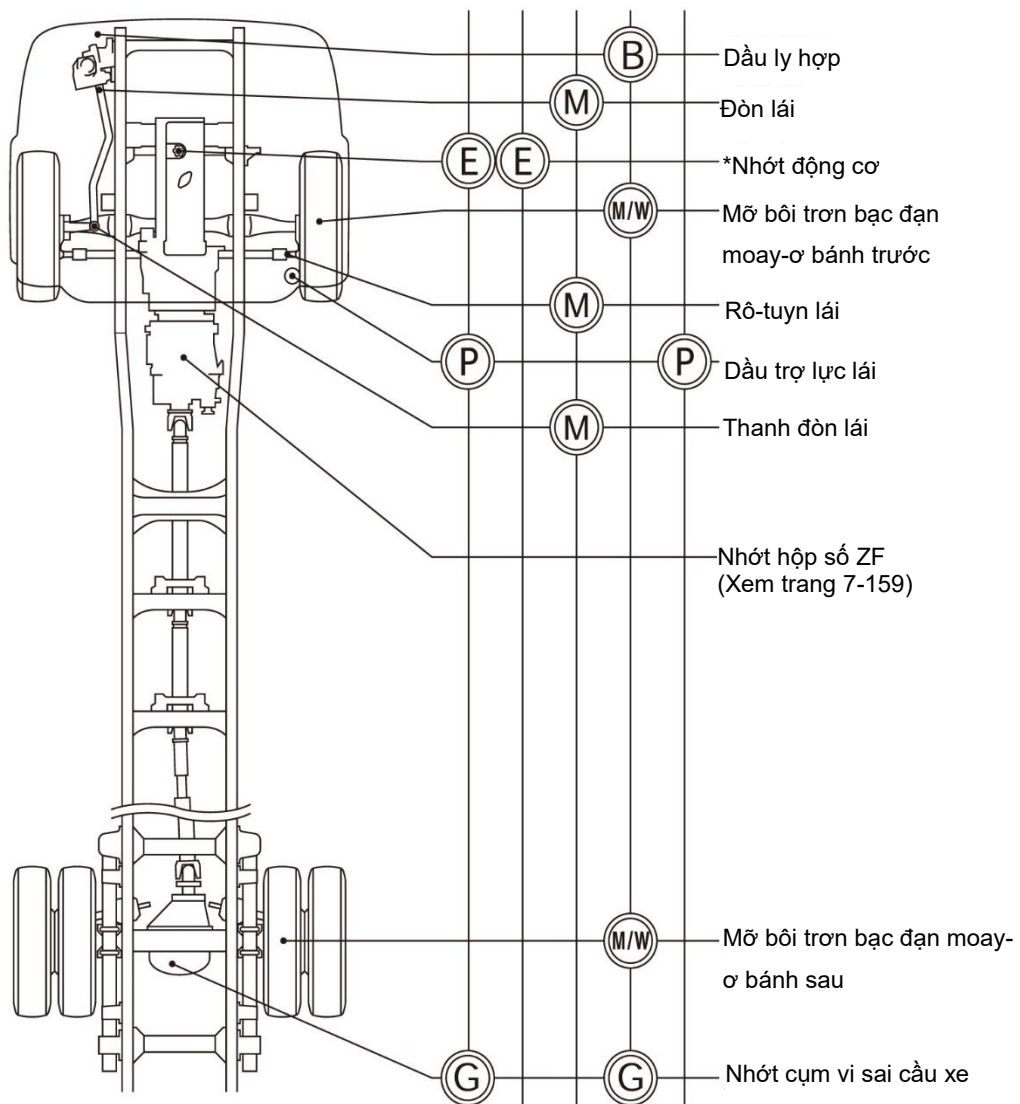
Ⓖ ....NHỚT HỘP SỐ

⒫ ...DẦU TRỢ LỰC LÁI

Ⓜ ....MỠ BÔI TRƠN ĐA DỤNG

Ⓜ/W ....MỠ BÔI TRƠN ĐA DỤNG hoặc MỠ BẠC

ĐẠN BÁNH XE



1.000 km đầu tiên (600 dặm)

Mỗi 6 tháng hoặc 20.000km (12.000 dặm)

Mỗi 6 tháng hoặc 25.000km (15.000 dặm)

Mỗi 12 tháng hoặc 40.000km (24.000 dặm)

Mỗi 12 tháng hoặc 50.000km (31.000 dặm)

\* Kiểm tra mức nhớt và các dung dịch hàng ngày

Mẫu CYZ/EXZ với hệ thống treo nhíp

(Với trục sau kiểu F075 và RT210/RT250)

○ KIỂM TRA hoặc  
BỔ SUNG

● THAY ĐỔI

Ⓔ ...NHỚT ĐỘNG CƠ

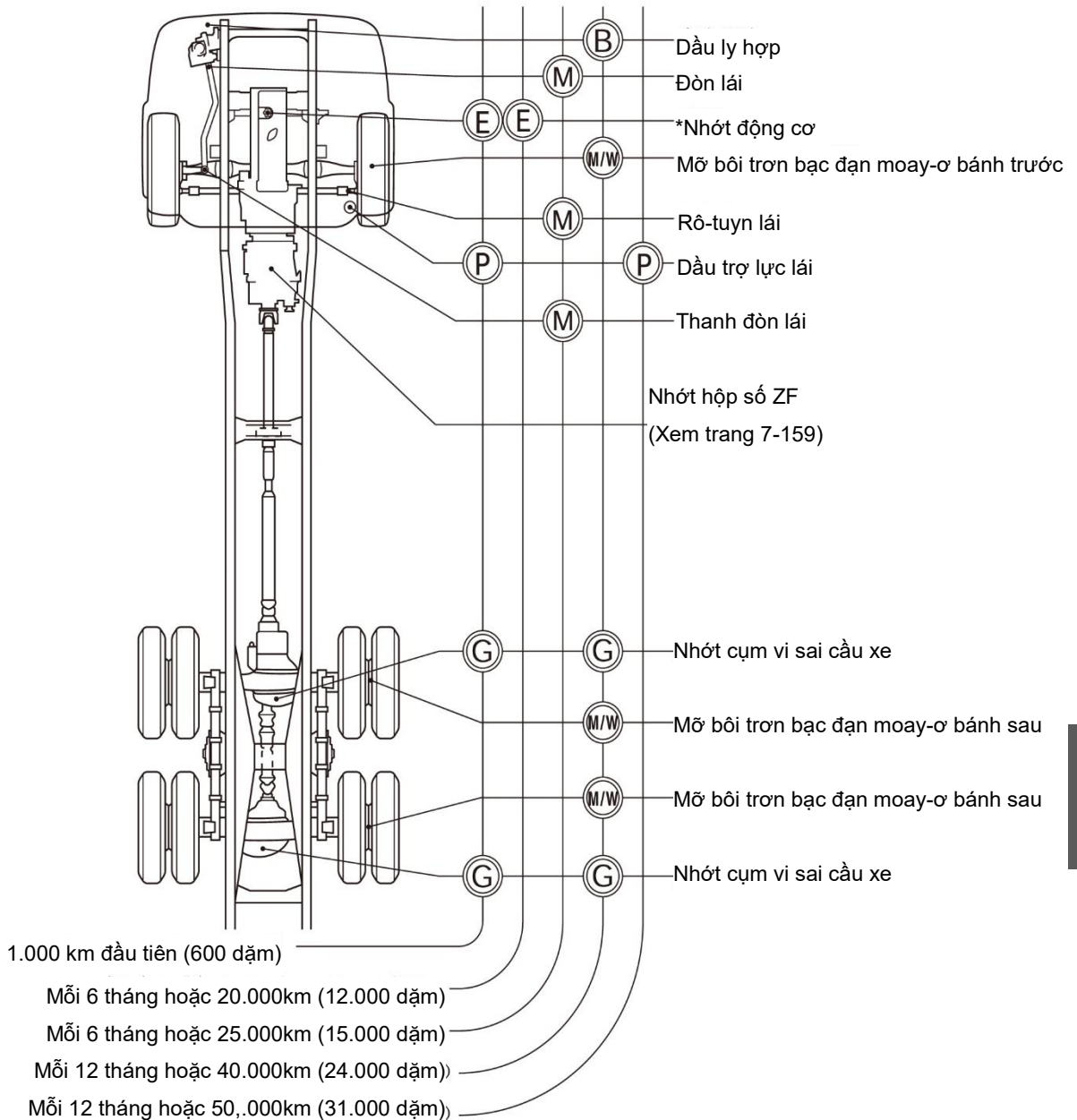
Ⓖ ....NHỚT HỘP SỐ

Ⓜ ....MỠ BÔI TRƠN ĐA DỤNG

Ⓜ/Ⓦ ....MỠ BÔI TRƠN ĐA DỤNG hoặc MỠ BẠC  
ĐẠN BÁNH XE

Ⓑ ...DẦU PHANH

Ⓟ ...DẦU TRỢ LỰC LÁI



\* Kiểm tra mức nhớt và dung dịch hàng ngày

## Mẫu CYZH với hệ thống treo nhíp

(Với trục sau kiểu F075 và RT210/RT250)

○ KIỂM TRA hoặc

BỔ SUNG

● THAY ĐỔI

Ⓔ ...NHỚT ĐỘNG CƠ

Ⓖ ...NHỚT HỘP SỐ

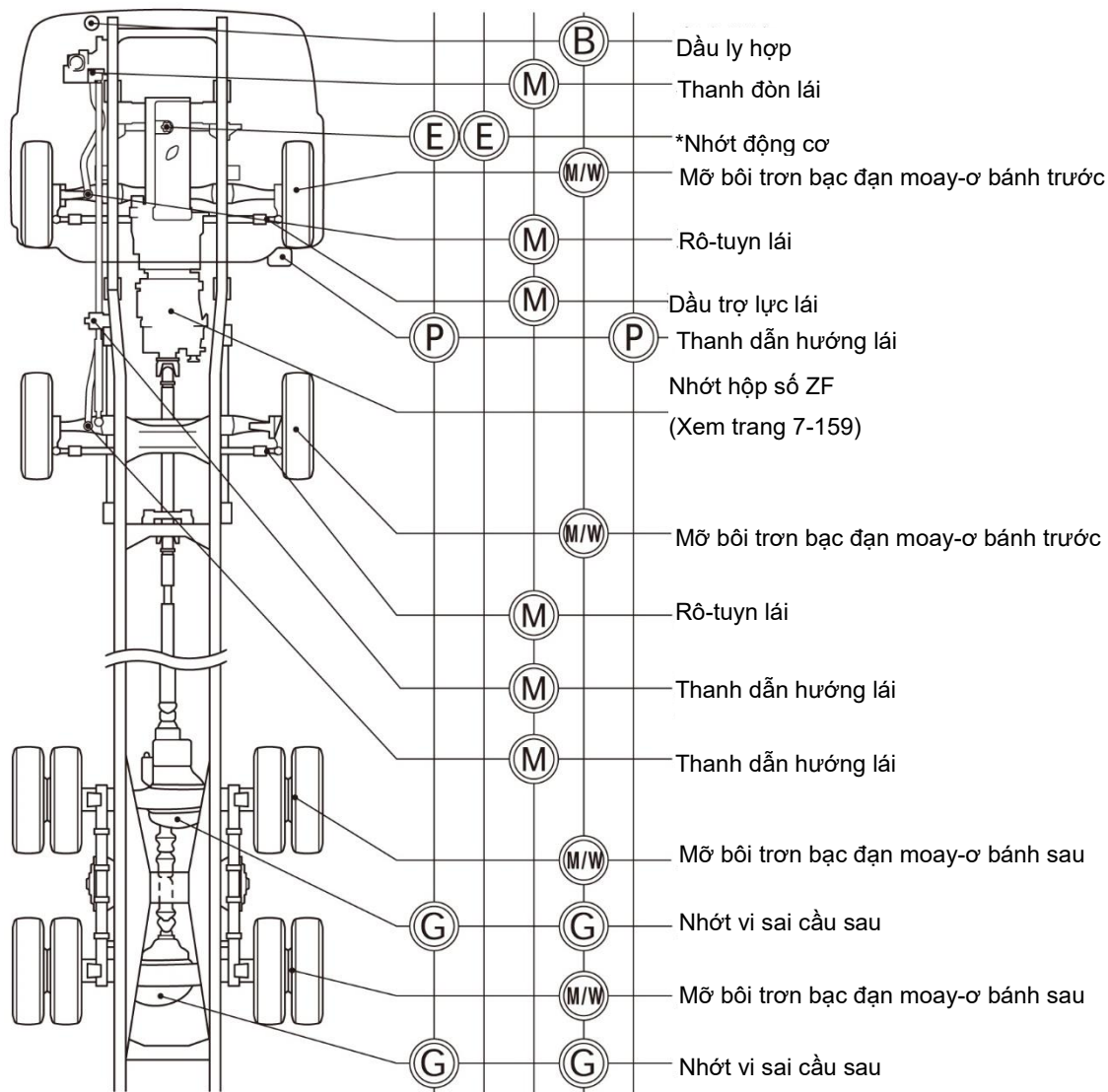
Ⓜ ...MỠ BÔI TRƠN ĐA DỤNG

Ⓜ/W ...MỠ BÔI TRƠN ĐA DỤNG hoặc MỠ BẠC

ĐẠN BÁNH XE

Ⓑ ...DẦU PHANH

Ⓟ ...DẦU TRỢ LỰC LÁI



1.000 km đầu tiên (600 dặm)

Mỗi 6 tháng hoặc 20.000km (12.000 dặm)

Mỗi 6 tháng hoặc 25.000km (15.000 dặm)

Mỗi 12 tháng hoặc 40.000km (24.000 dặm)

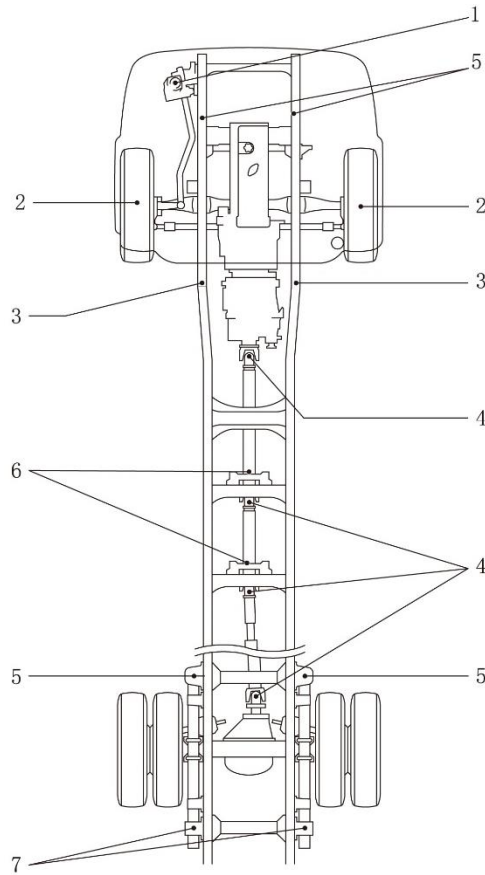
Mỗi 12 tháng hoặc 50.000km (31.000 dặm)

\* Kiểm tra mức nhớt và dung dịch hàng ngày

### Điểm bôi trơn

CXR/EXR (Với trục sau kiểu F075 và R130)

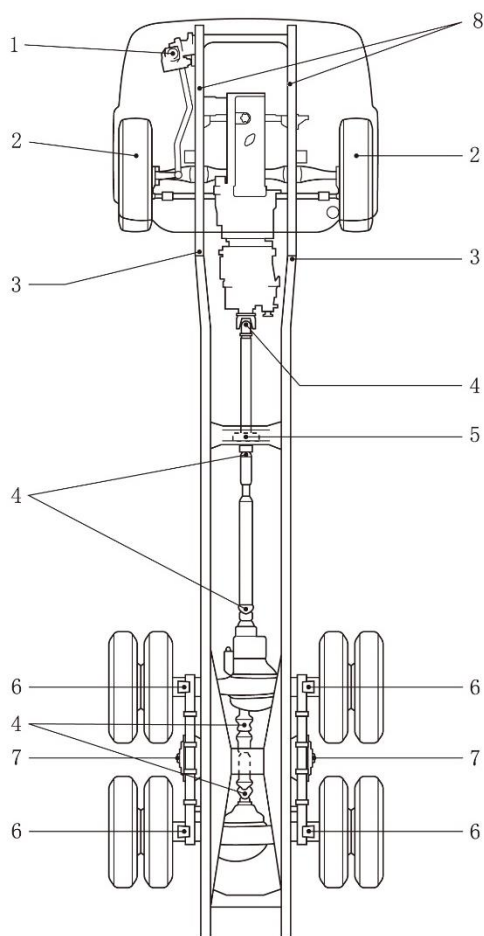
Mỗi tháng hoặc mỗi 5.000km (3.000 dặm)



- |                          |                               |
|--------------------------|-------------------------------|
| 1. Trục lái & khớp trượt | 4. Khớp cac-đăng & khớp trượt |
| 2. Khớp king-pin         | 5. Chốt nhíp                  |
| 3. Nhíp xe và chốt nhíp  | 6. Bạc đạn treo               |
|                          | 7. Giá trượt nhíp             |

CYZ/EXZ với hệ thống treo lò xo lá nhíp (trục sau kiểu F075 và RT210/RT250)

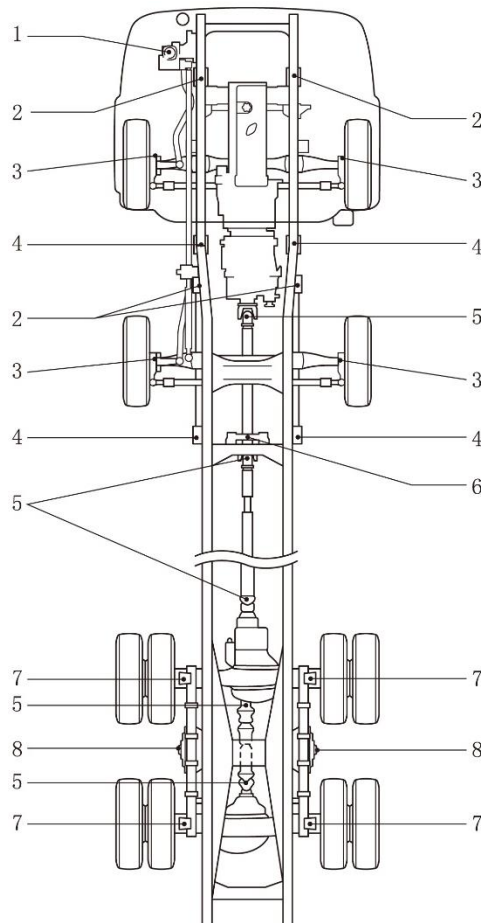
Mỗi tháng hoặc mỗi 5.000km (3.000 dặm)



- |                               |                               |
|-------------------------------|-------------------------------|
| 1. Trục lái & khớp trượt      | 5. Bạc đạn treo               |
| 2. Khớp king-pin              | 6. Giá trượt nhíp             |
| 3. Nhíp xe và chốt nhíp       | 7. Trục cân bằng (ba-lăng-xê) |
| 4. Khớp cac-đăng & khớp trượt | 8. Chốt nhíp                  |

Mẫu CYH với hệ thống treo lò xo lá nhíp (trục sau kiểu F075 và RT210/RT250)

Mỗi tháng hoặc mỗi 5.000km (3.000 dặm)



- |                          |                               |
|--------------------------|-------------------------------|
| 1. Trục lái & khớp trượt | 5. Khớp cac-đăng & khớp trượt |
| 2. Chốt nhíp             | 6. Bạc đạn treo               |
| 3. Khớp king-pin         | 7. Giá trượt nhíp             |
| 4. Nhíp xe và chốt nhíp  | 8. Trục cân bằng (ba-lăng-xê) |





|                                                                |      |
|----------------------------------------------------------------|------|
| • Nguyên nhân và phương án xử lý lỗi kỹ thuật                  | 8-2  |
| • Xe gặp sự cố khi đang di chuyển                              | 8-7  |
| • Nổ lốp                                                       | 8-8  |
| • Động cơ ngừng hoạt động khi đang di chuyển                   | 8-10 |
| • Xe gặp sự cố trên các đường giao cắt                         | 8-10 |
| • Lỗi hệ thống phanh                                           | 8-11 |
| • Cạn bình điện                                                | 8-12 |
| • Cạn bình nhiên liệu                                          | 8-13 |
| • Cạn bình ure (AdBlue®)                                       | 8-16 |
| • Đèn cảnh báo bật sáng                                        | 8-17 |
| • Đồng hồ taplo hiện lỗi (ngoại trừ đồng hồ báo nhiệt độ nước) | 8-23 |
| • Quá nhiệt (Bao gồm đồng hồ báo nhiệt độ nước)                | 8-24 |
| • Không nhả được phanh đỗ                                      | 8-25 |
| • Hệ thống chiếu sáng (các loại đèn) không sáng                | 8-27 |
| • Thay thế cầu chì và rơ-le                                    | 8-37 |
| • Cầu chì đứt chậm bị hỏng                                     | 8-43 |
| • Xảy ra tai nạn                                               | 8-44 |
| • Xe bị kẹt ở đường bùn đất - gặp ghềnh                        | 8-44 |
| • Kéo, cẩu xe                                                  | 8-45 |

### Nguyên nhân và Phương án xử lý

Để ngăn ngừa những rủi ro có thể phòng tránh, hãy tiến hành kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ một cách thường xuyên. Để tránh bị hư hỏng nặng hơn, hãy xử lý sớm những vấn đề nhỏ và ít nghiêm trọng.

Nếu xảy ra bất kỳ sự cố nào như được liệt kê dưới đây, vui lòng kiểm tra và xử lý theo hướng dẫn trong bảng sau.

Nếu không thể tự xử lý và giải pháp trong bảng không hiệu quả hoặc không nắm rõ chính xác về sự cố, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất hoặc tại địa phương của bạn.



#### KHUYẾN CÁO

Dấu © trên cột biện pháp tượng trưng cho yêu cầu chạy thử sau sửa chữa. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu địa phương.

| Hiện tượng              |                                                  | Nguyên nhân                                             | Khắc phục                                                                    | Trang tham khảo |
|-------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Động cơ không hoạt động | Mô tơ khởi động động cơ không vận hành hoặc yếu. | Cạn bình điện                                           | Sạc điện hoặc thay thế                                                       | 8-12            |
|                         |                                                  | Các cực của bình điện bị lệch, lỏng hoặc mòn            | Sau khi xử lý các cực gặp vấn đề, hãy nối lại dây dẫn                        | 7-122           |
|                         |                                                  | Dây nối mass của mô tơ khởi động bị lệch, lỏng hoặc mòn | Sau khi xử lý các cực gặp vấn đề, hãy nối lại dây dẫn                        | —               |
|                         |                                                  | Lỗi mô tơ khởi động và hệ thống điện                    | ©                                                                            |                 |
|                         | Động cơ không nổ máy                             | Hết nhiên liệu                                          | Kiểm tra phát hiện dấu hiệu rò rỉ nhiên liệu trước khi bổ sung đầy lại.      | 8-13            |
|                         |                                                  | Khí xâm nhập vào hệ thống nạp nhiên liệu.               | Xả gió hệ thống nhiên liệu                                                   | 8-13            |
|                         |                                                  | Tắc lọc nhiên liệu                                      | Thay thế bộ lọc sau khi xả nước.                                             | 7-63<br>7-99    |
|                         |                                                  | Nhiên liệu đóng băng                                    | Làm nóng ống dẫn nhiên liệu bằng nước nóng và chờ nhiệt độ hệ thống tăng lên | —               |
|                         |                                                  | Lỗi bơm cao áp                                          | ©                                                                            | —               |
|                         |                                                  | Hết dung dịch ure (AdBlue®)                             | Châm đầy dung dịch ure (AdBlue®)                                             | 2-37<br>3-10    |
|                         |                                                  | Ure (AdBlue®) chất lượng kém                            | ©                                                                            | —               |
|                         |                                                  | Lỗi hệ thống điều khiển động cơ                         | ©                                                                            | —               |
|                         |                                                  | Lỗi thiết bị làm ấm động cơ                             | ©                                                                            |                 |

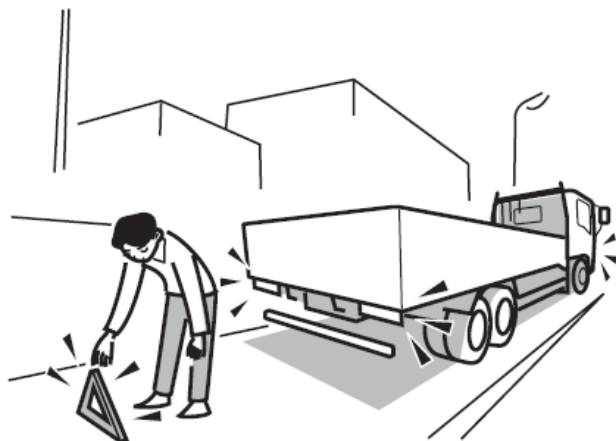
| Hiện tượng                             | Nguyên nhân                                                    | Khắc phục                                                                                                                    | Trang tham khảo      |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| Động cơ tắt máy ngay sau khi khởi động | Tốc độ chạy không tải quá thấp                                 | Điều chỉnh thông qua van điều tiết không tải                                                                                 | 4-64                 |
|                                        | Tắc lọc nhiên liệu                                             | Thay thế bộ lọc sau khi xả nước.                                                                                             | 7-63                 |
|                                        | Tắc lưới lọc nhiên liệu                                        | Thay lưới lọc                                                                                                                | 7-99                 |
|                                        | Lỗi hệ thống điều khiển động cơ                                | ☉                                                                                                                            | —                    |
|                                        | Tắc lọc gió động cơ                                            | Vệ sinh hoặc thay thế lọc gió động cơ                                                                                        | 7-48                 |
|                                        | Lỗi bơm cao áp                                                 | ☉                                                                                                                            | —                    |
| Động cơ vận hành không ổn định         | Lỗi hệ thống nhiên liệu                                        | ☉                                                                                                                            | —                    |
|                                        | Khí và nước xâm nhập và hệ thống nhiên liệu                    | Thao tác xả gió và xả nước ra khỏi lọc nhiên liệu                                                                            | 7-63<br>7-99<br>8-13 |
|                                        | Lỗi hệ thống điều khiển động cơ                                | ☉                                                                                                                            | —                    |
| Khói trắng từ ống xả                   | Làm ấm động cơ chưa đủ                                         | Tiếp tục làm ấm động cơ                                                                                                      | 4-63                 |
|                                        | Nhớt động cơ quá nhiều                                         | Điều chỉnh về mức nhớt phù hợp                                                                                               | 7-38                 |
|                                        | Lỗi hệ thống điều khiển động cơ                                | ☉                                                                                                                            | —                    |
|                                        | Lỗi bơm cao áp                                                 | ☉                                                                                                                            | —                    |
|                                        | Lỗi hệ thống nhiên liệu                                        | ☉                                                                                                                            | —                    |
|                                        | Duy trì tốc độ chạy không tải trong thời gian dài (trên 2 giờ) | Đỗ xe ở nơi an toàn, tránh gây cản trở giao thông, đạp hết hành trình bàn đạp ga và kiểm tra phát hiện khói trắng từ ống xả. | —                    |

| Hiện tượng          | Nguyên nhân                             | Khắc phục                                    | Trang tham khảo |
|---------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------|
| Khói đen từ ống xả  | Lỗi hệ thống điều khiển động cơ         | ☉                                            | —               |
|                     | Lỗi bơm cao áp                          | ☉                                            | —               |
|                     | Tắc lọc gió động cơ                     | Vệ sinh hoặc thay thế lọc gió động cơ        | 7-48            |
|                     | Lỗi hệ thống nhiên liệu                 | ☉                                            | —               |
|                     | Tắc đường ống khí xả                    | ☉                                            | —               |
|                     |                                         |                                              | —               |
| Quá nhiệt           | Cạn nước làm mát                        | Bổ sung                                      | 7-59            |
|                     | Mặt trước của két nước bị tắc bởi rác   | Vệ sinh                                      | 7-131           |
|                     | Nắp bình nước phụ chưa đóng chặt        | Đóng lại nắp hoặc thay thế nắp bình nước phụ |                 |
|                     | Nước làm mát bị bẩn                     |                                              | 7-59            |
|                     | Lỗi ly hợp quạt tản nhiệt động cơ       | ☉                                            |                 |
|                     | Nắp két nước bị bẩn hoặc hư hại         | Vệ sinh hoặc thay thế                        |                 |
| Mất áp suất nhớt    |                                         |                                              |                 |
|                     | Thiếu hụt nhớt động cơ                  | Bổ sung                                      | 7-40            |
|                     | Lỗi trong động cơ                       | ☉                                            | —               |
|                     | Lỗi đồng hồ taplo, đèn và công tắc, v.v | ☉                                            | —               |
| Mất áp suất khí nén | Lỗi máy nén khí                         | ☉                                            | —               |
|                     | Rò rỉ đường ống khí nén                 | ☉                                            | —               |
|                     | Lọc gió bị tắc                          | ☉                                            | —               |

| Hiện tượng                   | Nguyên nhân                                                           | Khắc phục                                                | Trang tham khảo |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|
| Động cơ / xe không hoạt động | Cần phanh tay chưa hạ                                                 | Hạ đúng cách                                             | —               |
|                              | Phanh bị kéo lên                                                      | ◎ (Điều chỉnh khoảng trống giữa trống phanh và má phanh) | —               |
|                              |                                                                       | Bơm khí                                                  | 7-91            |
|                              | Trượt ly hợp                                                          | Điều chỉnh độ rơ ly hợp                                  | 7-103           |
|                              | Tắc lọc gió động cơ                                                   | Vệ sinh bộ lọc gió                                       | 7-48            |
|                              | Tắc lọc nhiên liệu                                                    | Thay thế bộ lọc sau khi xả nước.                         | 7-63            |
|                              | Tắc lưới lọc nhiên liệu                                               | Thay thế lưới lọc                                        | 7-99            |
|                              | Lỗi hệ thống điều khiển động cơ                                       | ◎                                                        | —               |
|                              | Lỗi động cơ                                                           | ◎                                                        | —               |
|                              |                                                                       |                                                          | —               |
| Phanh phản hồi chậm          | Khoảng trống giữa trống phanh và má phanh quá lớn                     | ◎                                                        | —               |
|                              | Mất áp suất khí nén                                                   | Tăng tốc độ động cơ và tốc độ bơm khí                    | 7-91            |
| Phanh không đều              | Áp suất lốp giữa các bánh xe không cân đối                            | Điều chỉnh áp suất lốp phù hợp                           | 7-73            |
|                              | Lốp mòn không đều                                                     | Thay thế lốp                                             | 7-80            |
|                              | Khoảng trống giữa trống phanh và má phanh ở các bánh xe không cân đối | ◎                                                        | 7-72            |
| Vô lăng kém linh hoạt        | Hàng hoá phía trước quá nặng                                          | Sắp xếp lại hàng hoá                                     | 2-5             |
|                              | Thiết hụt dầu trợ lực lái                                             | Bổ sung thêm                                             | 7-110           |
|                              | Mất áp suất lốp trước                                                 | Điều chỉnh áp suất lốp phù hợp                           | 7-73            |

| Hiện tượng                            |                  | Nguyên nhân                                         | Khắc phục                                  | Trang tham khảo |
|---------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|
| Vô lăng rung lắc                      |                  | Bu-lông bánh xe / trục bị lỏng                      | Siết chặt lại với lực siết theo hướng dẫn. | 7-87            |
|                                       |                  | Áp suất lốp không cân bằng                          | Điều chỉnh áp suất khí nén phù hợp         | 7-73            |
|                                       |                  | Các lốp mất cân bằng động                           | ☉                                          | —               |
|                                       |                  | Độ rơ vô lăng quá lớn                               | ☉                                          | —               |
| Vô lăng phản hồi trả lái chậm         |                  | Thiếu hụt dầu trợ lực lái                           | Châm thêm dầu trợ lực lái                  | 7-23            |
|                                       |                  | Sai góc đặt bánh xe                                 | ☉                                          | —               |
| Ly hợp phản hồi chậm khi nhấn bàn đạp |                  | Thiếu hụt áp suất khí nén                           | Thêm khí nén                               | 7-91            |
|                                       |                  | Thiếu hụt nhớt hộp số ly hợp                        | Bổ sung                                    | 7-105           |
|                                       |                  | Độ rơ bàn đạp ly hợp quá lớn                        | Điều chỉnh về độ rơ phù hợp                | 7-103           |
| Âm thanh, tiếng ồn bất thường         | Từ hộp số        | Thiếu hụt nhớt hộp số                               | Bổ sung                                    | 7-106           |
|                                       |                  | Lỗi trong hộp số                                    | ☉                                          | —               |
|                                       | Từ cụm vi sai    | Thiếu hụt nhớt cụm vi sai                           | Bổ sung                                    | 7-108           |
|                                       |                  | Lỗi trong cụm vi sai                                | ☉                                          | —               |
|                                       | Từ trục dẫn động | Thiếu hụt mỡ bôi trơn cho các bộ phận               | Nạp thêm nhớt bôi trơn                     | 7-23            |
|                                       |                  | Rãnh trục then, bạc đạn và các chi tiết khác bị mòn | ☉                                          | —               |

### Xe gặp trục trặc khi đang đang di chuyển



- ① Bật đèn báo nguy hiểm nhấp nháy và dừng xe ngay lập tức ở khu vực an toàn (lề đường, vỉa hè, tránh gây cản trở giao thông).
- ② Hướng dẫn hành khách xuống xe và di chuyển đến nơi an toàn.
- ③ Sử dụng điện thoại hoặc số máy khẩn cấp để thông báo tình trạng lỗi và các thông tin khác.



#### CẢNH BÁO

[Rò rỉ nhiên liệu]

- Trong trường hợp rò rỉ nhiên liệu, các tia lửa có thể dẫn tới cháy nổ. Hãy tắt động cơ ngay lập tức





## KHUYẾN CÁO

- Xe Isuzu được giao kèm theo "Hướng dẫn Mạng lưới Dịch vụ Quốc gia" đặt trong túi giấy chứng nhận kiểm tra xe, vui lòng tham khảo tài liệu.

## Nổ lốp

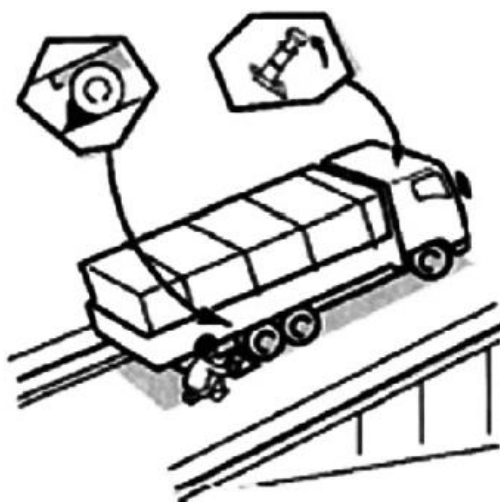


## CẢNH BÁO

- Tiếp tục lái xe sau khi nổ lốp sẽ tạo nên áp lực rất lớn lên các bu lông của bánh xe, tiềm ẩn nguy cơ nứt vỡ khiến bánh xe rơi ra ngoài.



Khi bị thủng lốp trong quá trình lái xe, hãy giữ chắc tay lái và dừng xe từ từ, tránh phanh gấp. Hãy tiến hành thay lốp ở địa điểm an toàn và bằng phẳng, tránh gây cản trở giao thông. Khi thay lốp trên đường, hãy sử dụng đèn cảnh báo nguy hiểm và biển cảnh báo đỗ xe để cảnh báo các xe phía sau. Kéo cần phanh tay lên, và cố định bánh xe chéo với vị trí thay lốp (ví dụ, cố định bánh trước bên phải khi thay lốp của bánh sau bên trái), bằng đá và khối chặn. Hãy hướng dẫn hành khách xuống xe vào nơi an toàn.



Thay lốp (ISO 10 bu-lông) → Xem trang 7-80

Các điểm kích gầm → Xem trang 7-5

Lốp dự phòng □ → Xem trang 7-88

## Động cơ ngừng hoạt động khi đang di chuyển



Đạp chân phanh từ từ để giảm tốc độ và dừng ngay ở nơi an toàn để kiểm tra và sửa chữa. Nếu động cơ ngừng hoạt động khi đang lái xe do hết nhiên liệu, bên cạnh việc châm thêm nhiên liệu, hãy hiện thao tác xả gió khỏi hệ thống nhiên liệu để đảm bảo động cơ có thể khởi động lại.

Cạn bình nhiên liệu → Xem trang 8-13



## CẢNH BÁO

- Khả năng vận hành xe có thể gặp vấn đề. Hãy dừng xe tại nơi an toàn theo chỉ dẫn.
- Thao tác đánh lái trở nên khó khăn hơn do lỗi bộ trợ lực (thiết bị hỗ trợ đánh lái). Hãy cố gắng dùng nhiều lực hơn để điều khiển vô lăng.

## Xe gặp sự cố trên các đường giao cắt



## CHÚ Ý

- Khi xe gặp sự cố trên các loại đường giao cắt, trước tiên hãy cố gắng nhanh chóng di chuyển xe ra khỏi khu vực giao cắt.

## Lỗi hệ thống phanh



Khi hệ thống phanh đột ngột bị lỗi, hãy về số theo thứ tự số 3 → số 2 → số 1 để giảm tốc độ, giữ chắc vô lăng và từ từ kéo cần phanh tay lên, dừng đỗ xe bên phải của đường (bên trái nếu ở các nước tay lái nghịch). Tại các khu vực miền núi, xe gặp sự cố có thể tìm cách lái xe vào làn đường cứu nạn khẩn cấp (một lối dốc trải cát sỏi ở bên phải đường giúp xe mất phanh có thể dừng lại), và trong trường hợp nguy hiểm nhất, hãy dừng xe bằng cách ma sát giữa hai bên thân xe vào lan can hoặc điều khiển bánh trước lún xuống mương bên mép đường.



## CHÚ Ý

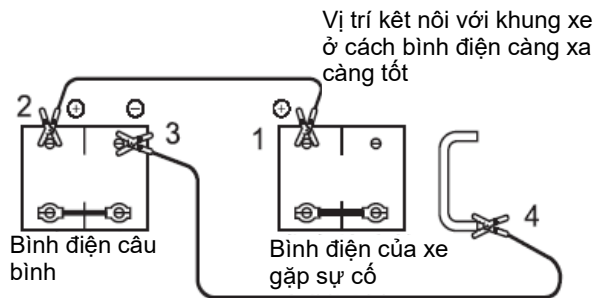
- Khi đang chạy với tốc độ cao, việc đột ngột kéo hết cần phanh tay lên sẽ rất nguy hiểm. Vui lòng giảm tốc bằng cách chuyển xuống số thấp và sau đó kéo cần phanh tay lên khi xe đang ở tốc độ chậm.

## Lỗi hệ thống phanh tay

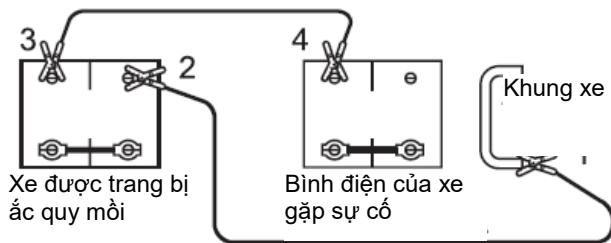
Sau khi kéo cần phanh tay lên, nếu phanh tay không phản hồi và không có đèn cảnh báo, điều này nghĩa là hệ thống phanh đã bị lỗi và cần được sửa chữa. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu địa phương.

## Cạn bình điện

Trình tự tháo cáp câu điện khi khẩn cấp



Trình tự nối cáp câu điện khi khẩn cấp



Tài xế có thể cố gắng khởi động động cơ bằng cáp câu bình trên ô tô khi cạn bình ắc quy theo phương pháp sau.

1. Khởi động động cơ thông qua bình điện câu bình.
2. Kiểm tra mức dung dịch điện phân trong bình điện của xe gặp sự cố.  
*Kiểm tra mức dung dịch điện phân trong bình điện → Xem trang 7-120*
3. Kết nối một đầu của cáp câu bình màu đỏ với cực dương của bình điện (1) trên xe gặp sự cố và với cực dương của bình điện (2) trên xe hỗ trợ.
4. Nối một đầu của cáp câu bình màu đen với cực âm của bình điện (3) trên xe hỗ trợ và đầu còn lại với khung xe của xe gặp sự cố (4) ở vị trí càng xa bình điện càng tốt.
5. Sau khi cáp câu bình đã được nối, khởi động động cơ của xe gặp sự cố.



## CHÚ Ý

- Động cơ sẽ khó khởi động hơn nếu ở khu vực khí hậu lạnh. Lúc này, cần khởi động động cơ của xe trang bị ắc quy mới trước rồi mới đến xe gặp sự cố.

6. Sau khi khởi động động cơ của xe gặp sự cố, hãy tháo các dây cáp câu bình theo thứ tự ngược lại với trình tự nối cáp câu bình.



## CẢNH BÁO

- Kiểm tra mức dung dịch điện phân của bình điện trước khi nối cáp câu điện khẩn cấp. Khi mức dung dịch điện phân của bình điện dưới mức thấp "LOWER LEVEL", việc sử dụng hoặc sạc điện sẽ làm tăng khả năng hư hại cho bình điện, tăng nguy cơ quá nhiệt và cháy nổ. Hãy đổ thêm dung dịch điện phân vào bình điện trước khi nối cáp câu bình.
- Tia lửa điện có thể xuất hiện khi cáp câu bình được nối với khung của xe gặp sự cố (4) và có thể kích cháy khí hydro trong bình điện, tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ. Vì vậy vị trí nối của cáp câu bình với khung xe phải cách bình điện càng xa càng tốt.
- Tránh đặt các cực dương và cực âm của 02 bình điện chạm nhau khi nối cáp câu bình.
- Đảm bảo đã tháo hết cáp câu bình khỏi các cực trước khi sử dụng bộ sạc bình điện.

**CHÚ Ý**

- Vì lý do an toàn và bảo vệ động cơ, không sử dụng phương pháp đẩy xe để khởi động xe.
- Đảm bảo rằng nguồn điện cung cấp cho bình điện hỗ trợ có cùng điện áp với bình điện của xe gặp sự cố.
- Không tháo các cực của bình điện khi động cơ đang chạy. Điều này có thể gây ra trục trặc cho hệ thống điện của xe.

**Cạn bình nhiên liệu**

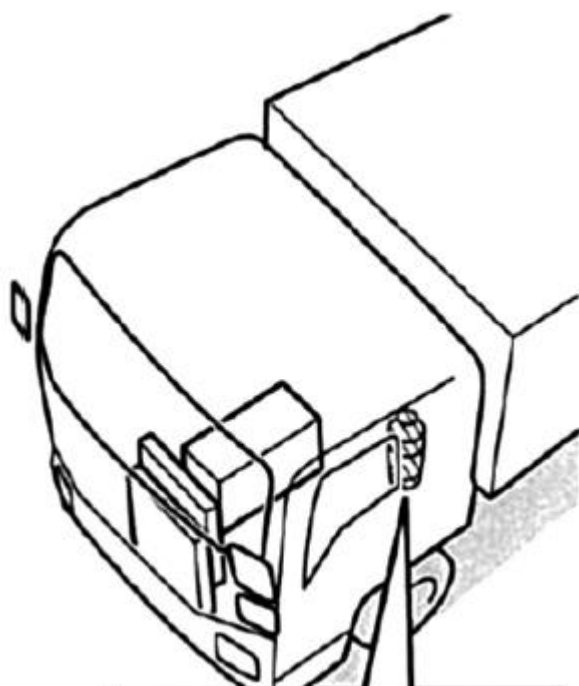
Khi lọc nhiên liệu được thay thế hoặc nhiên liệu đã hết, không khí sẽ xâm nhập vào hệ thống nạp nhiên liệu và động cơ sẽ không khởi động dù sau đó đã châm đầy nhiên liệu vào bình chứa. Vui lòng làm theo các điểm dưới đây để xả gió.

**Phương pháp xả gió**

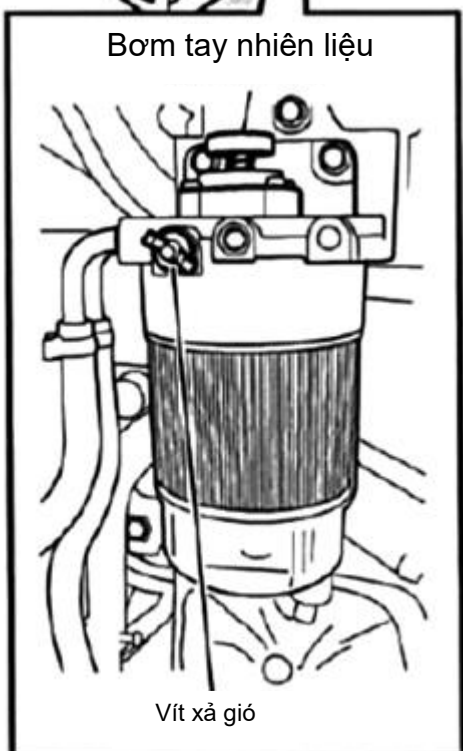
Khi hết nhiên liệu, quy trình xả gió được thao tác lần lượt qua "Lưới lọc nhiên liệu", "Lọc nhiên liệu" và "Thực hiện quá trình xả gió"

**KHUYẾN CÁO**

- Nếu xả gió nhiên liệu chưa hết, động cơ có thể hoạt động không bình thường. Đừng bỏ qua quy trình "Thực hiện quá trình xả gió".



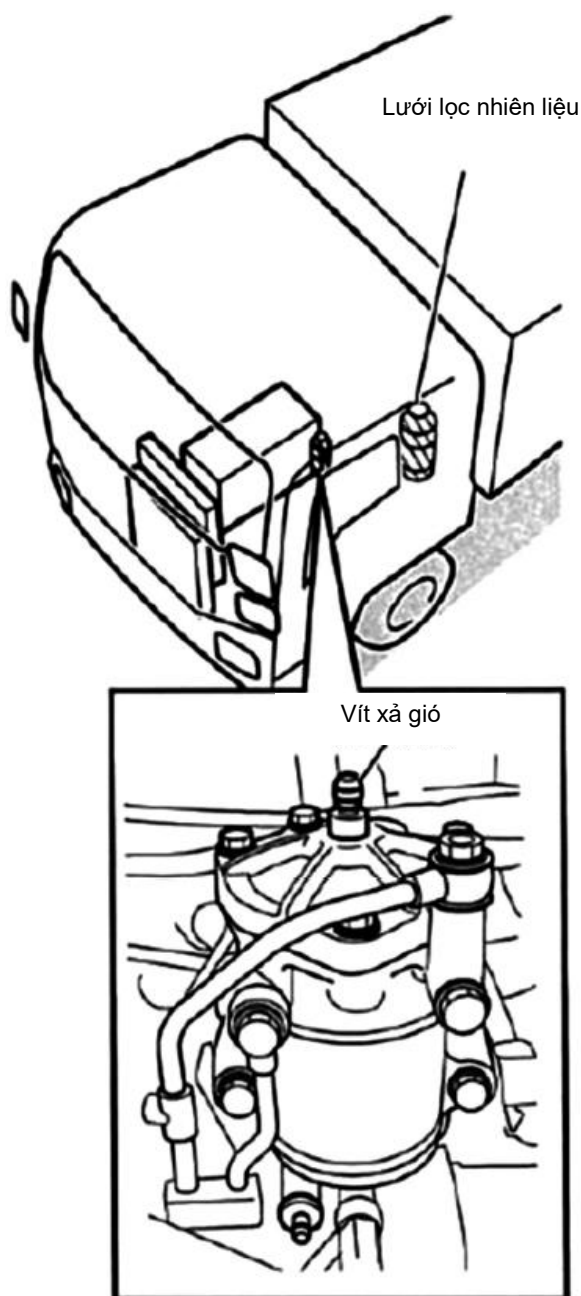
Bơm tay nhiên liệu



Vít xả gió

**Lọc nhiên liệu sơ cấp**

- ① Đặt bình hứng nhiên liệu bên dưới vít xả gió. Để nhiên liệu không bị văng lung tung, hãy lắp các ống dẫn trong suốt hoặc tương tự vào vít xả gió (đường kính trong 8 mm). Sau đó mở vít xả gió.
- ② Khi ấn bơm tay nhiên liệu để bắt đầu bơm, bọt khí có thể tràn vào vít xả gió.
- ③ Cho đến khi không có bọt khí lớn nữa, hãy siết chặt vít xả gió, và tháo ống ra.
- ④ Lau sạch nhiên liệu xung quanh vít xả gió.

**Lọc nhiên liệu**

- ① Đặt bình hứng nhiên liệu bên dưới vít xả gió. Để nhiên liệu không bị văng lung tung, hãy lắp các ống dẫn trong suốt hoặc tương tự vào vít xả gió (đường kính trong 6 mm). Sau đó mở vít xả gió.
- ② Khi ấn bơm tay nhiên liệu để bắt đầu bơm, bọt khí có thể tràn vào vít xả gió.
- ③ Cho đến khi không có bọt khí lớn nữa, hãy siết chặt vít xả gió, và tháo ống.

**Lực siết cố định khi siết ốc xả**

**6.0~9.0 N·m{0.6~0.9 kgf·m}**

- ☐ Lau sạch nhiên liệu xung quanh vít xả gió.

**Thực hiện quá trình xả gió**

- ☐ Ấn bơm tay nhiên liệu khoảng 150 lần.
- ④ Khi nhả bàn đạp ga, vận mô tơ khởi động để khởi động động cơ. Nếu không có phản hồi, lặp lại bước ①.
- ☐ Kiểm tra phát hiện dấu hiệu rò rỉ nhiên liệu.



### Cạn bình ure (AdBlue®)

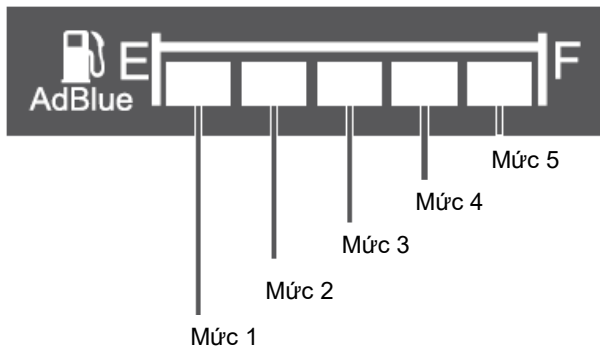
Khi dòng cảnh báo "Restart prohibited" (Không thể khởi động lại) xuất hiện trên màn hình hiển thị đa năng, hãy bổ sung thêm ure (AdBlue®) theo quy trình sau và khởi động động cơ.



#### KHUYẾN CÁO

- Hãy đổ vào hơn 10L dung dịch ure (AdBlue®).
- Gợi ý trên màn hình hiển thị đa chức năng biến mất và âm báo động dừng trước khi nổ máy.

Bảng mức dung dịch ure



Màn hình hiển thị đa năng



Không thể khởi động lại (bổ sung dung dịch urê)

Urê đã cạn, không thể khởi động lại động cơ. Vui lòng bổ sung dịch urê được chỉ định.

#### Các bước khởi động lại

- Đặt công tắc máy ở vị trí "LOCK", đổ hơn 10L dung dịch ure (AdBlue®).  
Hoạt tính của ure (AdBlue®).  
→ Xem trang 2-36
- Sử dụng dung dịch urea (AdBlue®) chính hãng  
→ Xem trang 2-36
- Bổ sung dung dịch ure  
→ Xem trang 2-37
- Bình chứa ure  
→ Xem trang 3-9
- Sau khi bổ sung thêm ure (AdBlue®), chuyển công tắc máy từ vị trí "LOCK" sang "ON" và đợi cho đến khi lời nhắc trên màn hình hiển thị đa năng biến mất và âm báo "Bíp ---" dừng lại.
- Nếu lời nhắc và âm báo không có phản hồi, hãy xoay công tắc máy trở lại vị trí "LOCK", tiếp tục bổ sung thêm ure (AdBlue®) và lặp lại bước □.
- Khởi động động cơ.

## Đèn cảnh báo bật sáng

## Áp suất khí nén



Khi dừng đỗ

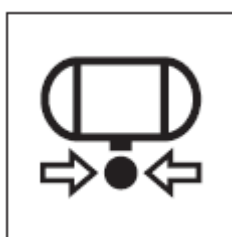


Cảnh báo áp suất thấp  
Hãy bổ sung thêm khí nén

Khi lái xe



Cảnh báo áp suất thấp



Khi đèn cảnh báo áp suất phanh (màu đỏ) sáng và thông báo "Low Pressure Caution" (Cảnh báo áp suất thấp) xuất hiện trên màn hình hiển thị đa năng, cho biết áp suất khí nén trong bình chứa khí không đủ, làm giảm hiệu quả của hệ thống phanh. Cùng lúc đó, âm báo "bíp --" vang lên. Hãy ngay lập tức dừng xe tại nơi an toàn, thực hiện kiểm tra và xử lý. Ngoài ra, âm báo "bíp ---" sẽ ngừng kêu sau khi đã kéo cần phanh tay dừng đỗ.

**CẢNH BÁO**

- Không điều khiển xe khi đèn cảnh báo áp suất phanh đang sáng. Trong trường hợp này, một phần hệ thống phanh đã gặp trục trặc và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn.

Đèn cảnh báo áp suất phụ sáng, cho biết áp suất trong bình khí phụ không đủ. Đồng thời, âm báo cũng vang lên. Hãy ngay lập tức dừng xe tại nơi an toàn để kiểm tra và xử lý. Ngoài ra, âm báo "bíp ---" sẽ ngừng kêu sau khi đã kéo cần phanh tay.

**Kiểm tra và Bảo dưỡng**

- Chạy động cơ ở tốc độ không tải và tăng áp suất khí nén cho đến khi đèn cảnh báo áp suất phanh hoặc đèn cảnh báo áp suất bình khí phụ tắt đi.
- Nếu thời gian áp suất khí nén tăng từ 0 kPa {0 kgf / Cm<sup>2</sup>} đến ngưỡng để đèn cảnh báo tắt lớn hơn thời gian quy định, thì cần phải bảo dưỡng. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu địa phương

Kiểm tra áp suất khí nén → Xem trang 7-94

## Sạc bình điện

## Khi dừng đỗ

**Lỗi sạc bình điện**

Vui lòng kiểm tra dây cu-roa.

Khi có nguy cơ hết bình điện, vui lòng tham khảo ý kiến Đại lý Isuzu gần nhất.

Khi lời nhắc này xuất hiện trên màn hình hiển thị đa năng, cho biết hệ thống sạc có thể đã bị lỗi. Hãy ngay lập tức dừng xe tại ở nơi an toàn để kiểm tra và sửa chữa.

## Khi lái xe



Hãy dừng xe tại nơi an toàn

Lỗi sạc bình điện

**Kiểm tra và Bảo dưỡng**

1. Kiểm tra dây cu-roa động cơ có bị lỏng hoặc tuột hay không.
2. Nếu có, hãy căn chỉnh lại.
3. Nếu phát hiện lỗi bất thường, hãy liên hệ Đại lý Isuzu gần nhất.

Dây cu-roa động cơ → Xem trang 7-51

**KHUYẾN CÁO**

- Vui lòng không lái xe khi lời nhắc này hiển thị trên màn hình hiển thị đa năng.

## Áp suất nhớt

## Khi dừng đỗ

**Lỗi áp suất nhớt**

Hãy kiểm tra mức nhớt. Nếu mức nhớt bình thường và không phát hiện dấu hiệu rò rỉ, hãy tham khảo ý kiến Đại lý Isuzu địa phương.

Khi lời nhắc này hiển thị trên màn hình hiển thị đa năng, cho biết rằng áp suất nhớt thấp hoặc lọc nhiên liệu bị tắc.

Hãy ngay lập tức dừng xe tại nơi an toàn, tắt máy để kiểm tra và sửa chữa.

## Khi lái xe



Hãy dừng xe tại nơi an toàn.

**Lỗi áp suất nhớt**

**Kiểm tra và Bảo dưỡng**

- ① Kiểm tra mức nhớt động cơ

Nhớt động cơ → Xem trang 7-38

② Khi lượng nhớt động cơ gần hết, hãy xác nhận rằng không có rò rỉ nhớt trước khi bổ sung thêm.

③ Khi lượng nhớt động cơ bình thường mà không bị rò rỉ, hãy xem xét khả năng tắc nghẽn lọc nhiên liệu. Trong trường hợp này, bạn cần thay nhớt động cơ.

Bộ lọc nhớt động cơ → Xem trang 7-43

④ Khi lượng nhớt động cơ bình thường mà không có tắc nghẽn lọc nhiên liệu, nhưng có phát hiện rò rỉ nhiên liệu, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu gần nhất.



#### CHÚ Ý

- Không lái xe khi lời nhắc này hiển thị trên màn hình hiển thị đa năng. Động cơ có thể bị hư hại và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn.



#### KHUYẾN CÁO

- Khi vào mùa đông, nhiệt độ nhớt động cơ xuống quá thấp, độ nhớt quá cao, đèn cảnh báo cũng có thể xuất hiện và sẽ tắt sau khi khởi động.

### Động cơ quá nhiệt

Khi dừng đỗ



#### Quá nhiệt

Tắt động cơ sau khi vận hành không đạt nhiệt độ tối ưu và kiểm tra nước làm mát. Để tránh bị bỏng, không mở nắp bình nước phụ ở nhiệt độ cao.

Khi lời nhắc này hiển thị trên màn hình hiển thị đa năng kèm theo âm báo, cho biết rằng động cơ đang quá nhiệt. Hãy dừng xe tại nơi an toàn để kiểm tra và sửa chữa ngay lập tức.

Khi lái xe



Hãy dừng xe tại nơi an toàn.

#### Quá nhiệt

Kiểm tra và Xử lý khi quá nhiệt → Xem trang 8-

24

## Nước làm mát động cơ

## Khi dừng đỗ

**Thiếu hụt nước làm mát động cơ**

Xử lý sau khi xác nhận nước làm mát không bị rò rỉ. Để tránh bị bỏng, không mở bình nước phụ ở nhiệt độ cao.

Khi lời nhắc này hiển thị trên màn hình hiển thị đa năng kèm theo âm báo, cho biết rằng nước làm mát động cơ đang thiết hụt. Hãy ngay lập tức dừng xe tại nơi an toàn để kiểm tra và xử lý.

Nước làm mát động cơ → Xem trang 7-56

## Khi lái xe



Hãy dừng xe tại nơi an toàn.

**Thiếu hụt nước làm mát động cơ****Kiểm tra và Bảo dưỡng**

- ☐ Kiểm tra phát hiện dấu hiệu rò rỉ nước làm mát, sau đó bổ sung thêm nước làm mát theo quy trình "Thực hiện bổ sung nước làm mát".  
Thực hiện bổ sung nước làm mát → Xem trang 7-61
- ☐ Nếu màn hình tiếp tục hiển thị cảnh báo rò rỉ nước làm mát hoặc bổ sung chất làm mát, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương.

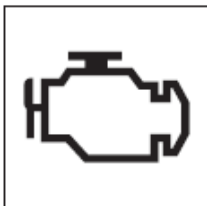
**KHUYẾN CÁO**

- Khi lời nhắc này hiển thị trên màn hình hiển thị đa năng kèm theo âm báo, điều này cho biết rằng động cơ đang quá nhiệt hoặc không đủ nước làm mát. Hãy dừng xe tại nơi an toàn để kiểm tra và xử lý ngay lập tức.

Kiểm tra và xử lý khi động cơ quá nhiệt → Xem trang 8-24

## Hệ thống điều khiển động cơ

Đèn cảnh báo điều khiển động cơ → Xem trang 4-42



## XÔNG BUỒNG ĐÓT ★



Đèn chỉ báo xông buồng đốt → Xem trang 4-53

## Hệ thống giao tiếp

## Khi dừng đỗ

Hệ thống  
giao tiếp**Lỗi hệ thống giao tiếp**

Hãy tắt động cơ và khởi động lại.

Nếu màn hình vẫn hiển thị lời nhắc, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương.

Khi có lỗi giao tiếp trong các thiết bị ngoại vi của xe, lời nhắc sẽ hiển thị trên màn hình đa năng. Lúc này, đồng hồ đo nhiệt độ nước đã ngừng chạy, chức năng báo động của đồng hồ không thể hoạt động bình thường.

Vui lòng dừng xe tại nơi an toàn, tắt động cơ và khởi động lại.

Nếu màn hình vẫn hiển thị lời nhắc, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương.

## Khi lái xe

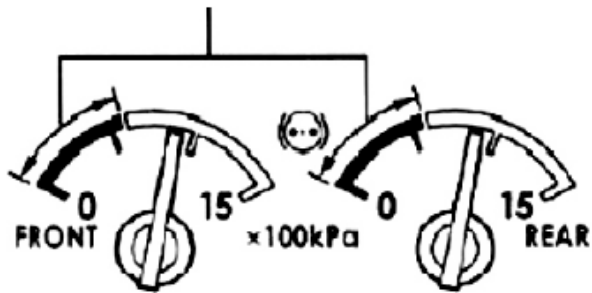
Hệ  
thống  
giao

Hãy dừng xe tại nơi an toàn.

## Đồng hồ đo báo lỗi (Loại trừ đồng hồ đo nhiệt độ nước)

## Đồng hồ đo áp suất khí nén

Vùng báo động màu đỏ trên đồng hồ đo áp suất khí nén của hệ thống phanh



Đèn cảnh báo áp suất phanh



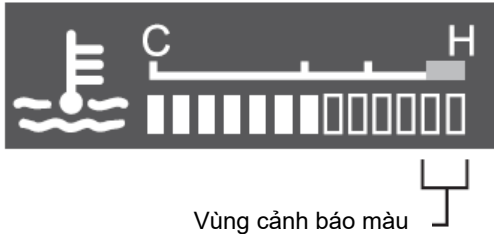
Nếu đồng hồ đo hiển thị lỗi, đèn cảnh báo áp suất phanh sẽ sáng. Hãy kiểm tra lại áp suất khí nén.

Áp suất khí nén → Xem trang 8-17



## Quá nhiệt (Bao gồm đồng hồ báo nhiệt độ nước)

## Đồng hồ báo nhiệt độ nước



Nếu đồng hồ đo nằm trong vùng báo động màu đỏ và màu hiển thị là màu đỏ, điều này cho biết rằng động cơ đang quá nhiệt. Tại thời điểm này, chỉ báo "Overheat" (Quá nhiệt) sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị đa năng. Hãy ngay lập tức dừng xe tại nơi an toàn để kiểm tra và xử lý.

## Khi dừng đỗ

**Quá nhiệt**

Tắt động cơ sau khi nổ máy ở 1000 v/ph cho đến khi nhiệt độ nước giảm xuống và kiểm tra lại nước làm mát. Để tránh bị bỏng, không mở nắp bình nước phụ ở nhiệt độ cao.

## Khi lái xe



Hãy dừng xe tại nơi an toàn.  
**Quá nhiệt**

**Kiểm tra và xử lý khi động cơ quá nhiệt**

- Tốc độ động cơ nên duy trì mức 1000vòng/phút và vận hành ở nơi bóng mát. Tắt động cơ khi đồng hồ đo nhiệt độ nước được hạ xuống mức trung bình.

**KHUYẾN CÁO**

- Tắt máy đột ngột lúc này có thể gây ra hư hại động cơ.

- Kiểm tra mức nước làm mát, hãy bổ sung thêm nếu thiếu hụt.
- ③ Kiểm tra mặt trước của két nước, nếu quá bẩn hoặc có rác bám vào, hãy vệ sinh và làm sạch.
- Sau khi kiểm tra xong, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương.

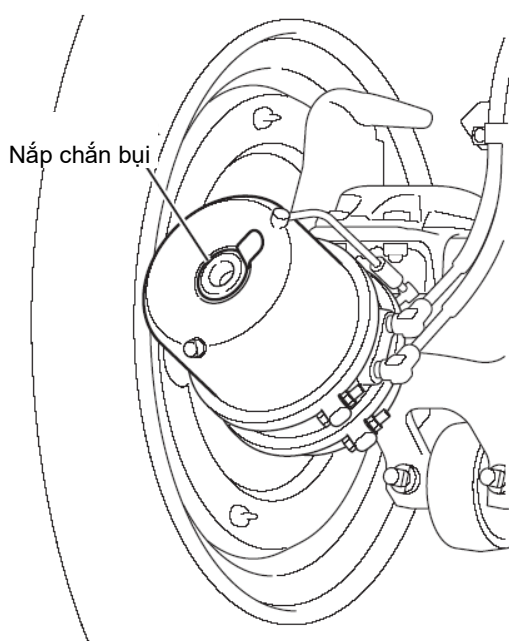
Nước làm mát động cơ → Xem trang 7

**CẢNH BÁO**

- Không mở nắp bình nước phụ hoặc nắp két nước khi nhiệt độ nước làm mát quá cao. Việc mở nắp sai quy tắc có thể gây bỏng do hơi nước và nhiệt tỏa ra. Lúc này nhiệt độ nước làm mát trong bình nước phụ cũng rất cao, tiềm ẩn nguy cơ bỏng. Hãy đợi nước làm mát nguội bớt trước khi kiểm tra, bổ sung và thay thế.
- Khi mở nắp thùng phụ két nước hoặc nắp thùng tản nhiệt, hãy gấp miếng vải dày lên trên nắp sau khi nhiệt độ của chất làm mát giảm đến nhiệt độ thích hợp (80° C) và từ từ mở nắp.
- Nước làm mát là chất độc hại. Không được uống. Nếu bị dính vào mắt, ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước sạch.
- Nước làm mát là chất dễ cháy. Không đặt gần nguồn lửa.

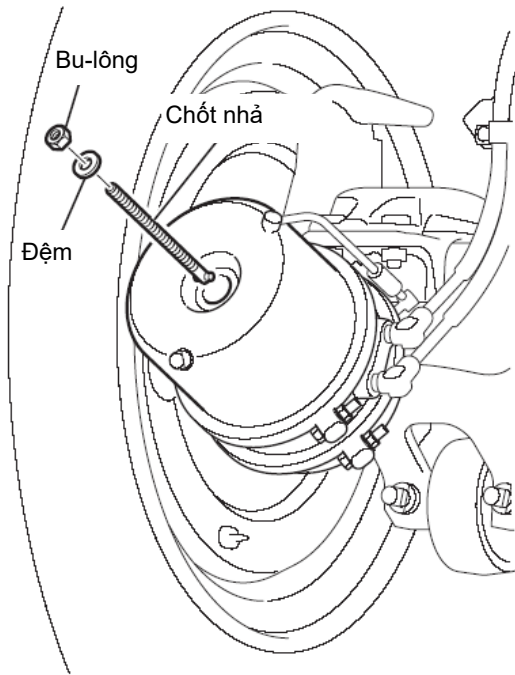
**Không nhả được phanh đỗ****CHÚ Ý**

- Khi nhả cần phanh tay, hệ thống phanh đỗ sẽ ở trạng thái không hoạt động. Do đó, không nhấc phanh tay trên đường dốc.
- Việc nhả phanh tay chỉ giới hạn riêng cho trường hợp kéo rơ-moóc và xe di chuyển tạm thời.
- Khi có sự cố, hãy liên hệ ngay với Đại lý Isuzu gần nhất.

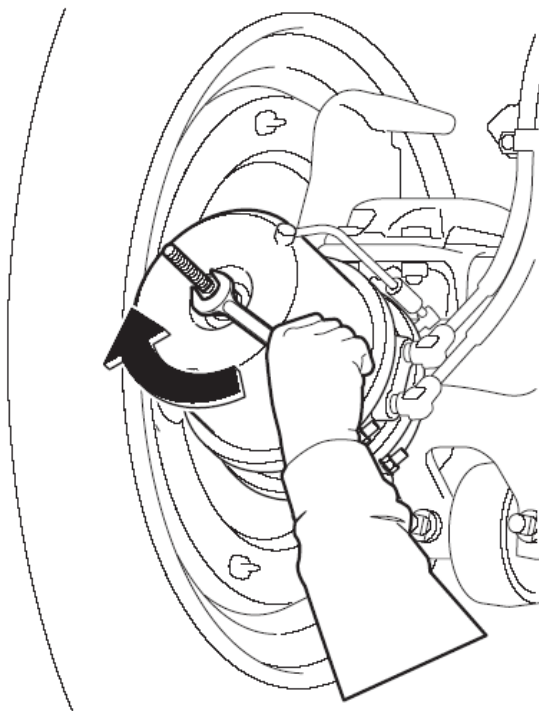


Đối với mẫu xe sử dụng trực loại  
R130/RT210/RT250

1. Sử dụng khối chặn để ngăn xe trượt bánh.



2. Mở nắp chắn bụi và tháo chốt nhả bằng dụng cụ được cung cấp theo xe và đẩy xuống hết mức có thể. Xoay 90° theo chiều kim đồng hồ cho đến khi lò xo bầu phanh đỡ đã được khóa cứng lại.



Phương pháp

3. Dùng lực kéo chốt nhả để xem nó đã chắc chắn chưa, sau đó đặt vòng đệm và đai ốc vào rồi siết chặt lại.

|                                                  |
|--------------------------------------------------|
| Chiều cao tối đa (chiều cao nhô ra của chốt nhả) |
| Gần 85 mm (3.35 in)                              |

4. Nới lỏng chốt nhả và thao tác theo trình tự ngược lại của quy trình siết chặt. (Sau đó cất dụng cụ tháo chốt vào túi đồ.)

## Hệ thống chiếu sáng (các loại đèn) không sáng

- ① Kiểm tra bóng đèn bị hỏng.
- ② Thay thế bóng đèn bị hỏng. Đảm bảo kiểm tra xem công tắc máy ở vị trí "LOCK" và mọi công tắc đều ở vị trí "OFF" trước khi thay thế bóng đèn.
- ③ Nếu bóng đèn không bị hỏng, hệ thống dây dẫn điện có thể gặp vấn đề. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu địa phương.

**CẢNH BÁO**

- Hãy sử dụng bóng đèn chính hãng. Các sản phẩm không được chỉ định có thể khiến thiết bị hoạt động kém hoặc cháy nổ.
- Điều khiển xe không bật đèn sẽ tiềm ẩn nguy cơ tai nạn. Luôn bật đèn khi lái xe.

## Công suất đèn (theo bóng, W)

| Vị trí đèn     | Tên                                                            |               | Công suất bóng (W) |
|----------------|----------------------------------------------------------------|---------------|--------------------|
| Phía trước     | Đèn trước                                                      | Đèn chiếu gần | 70W                |
|                |                                                                | Đèn pha       | 75W                |
|                | Đèn sương mù (trước)                                           |               | 70W                |
|                | Đèn tín hiệu chuyển hướng (đèn xi nhan)                        |               | 21W (cam)          |
|                | Đèn đánh dấu dọc thân xe (Đèn khoảng cách)                     |               | 5W                 |
| Phía sau       | Đèn phanh/ Đèn hậu                                             |               | 21/5W              |
|                | Đèn phanh                                                      |               | 21W                |
|                | Đèn tín hiệu chuyển hướng (đèn xi nhan)                        |               | 21W                |
|                | Đèn phụ trợ (Đèn báo lùi)                                      |               | 21W                |
|                | Đèn biển số                                                    |               | 10W                |
| Phía hông      | Đèn tín hiệu chuyển hướng bên hông (đèn xi nhan) phía trước    |               | 21W (cam)          |
|                | Đèn tín hiệu chuyển hướng bên hông (đèn xi nhan) thân xe       |               | 21W                |
| Trần xe        | Đèn dọc thân xe trước (nóc tiêu chuẩn, nóc cao)                |               | LED                |
|                | Đèn dọc thân xe trước (nóc thấp)                               |               | 5W                 |
| Nội thất cabin | Đèn nội thất (trần cao, trần thấp)                             |               | 10W                |
|                | Đèn nội thất (trần cao)                                        |               | LED                |
| Tham khảo      | Bảng điều khiển và đèn chiếu sáng nội thất                     |               | LED                |
|                | Bảng điều khiển và đèn cảnh báo trên bảng điều khiển trung tâm |               | LED                |

\* Khi thay thế các loại bóng đèn trước (bóng đèn) không được liệt kê trong danh mục trên, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương để được tư vấn thêm.



## CHÚ Ý

- Khi sử dụng bóng đèn khác với công suất (W) được chỉ định, nó có thể gây ra biến dạng chóa phản xạ, chi tiết nhựa.v.v... do đèn và hệ thống dây điện quá nóng, tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ.
- Đèn vừa tắt sẽ rất nóng. Để tránh bị bỏng khi thay thế bóng đèn, hãy đảm bảo rằng đèn đã nguội trước khi thay thế.
- Điều khiển xe không bật đèn sẽ tiềm ẩn nguy cơ tai nạn. Luôn bật đèn khi lái xe.

**Thay thế đèn trước**

Nếu đèn bị hỏng, hãy thay thế đèn có công suất tương tự. Không vặn quá chặt khi lắp đèn.

**KHUYẾN CÁO**

- Không thay thế đèn không đúng với công suất chỉ định. Điều này có thể gây ra hiện tượng nhấp nháy bất thường, đặc biệt là đối với đèn tín hiệu chuyển hướng.
- Khi thay thế đèn trước, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu để điều chỉnh chùm sáng của đèn cho phù hợp.

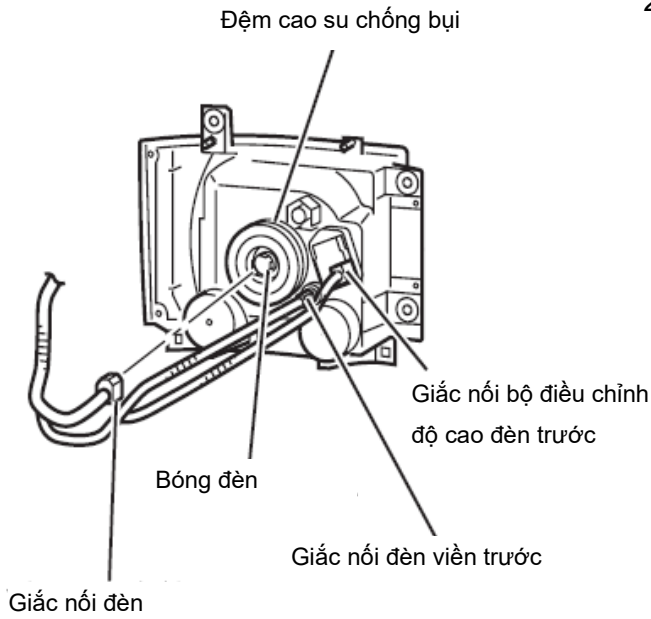
Công suất bóng đèn → Xem trang 8-28

1. Nâng cabin xe và thay bóng đèn ở hông xe phía trước.

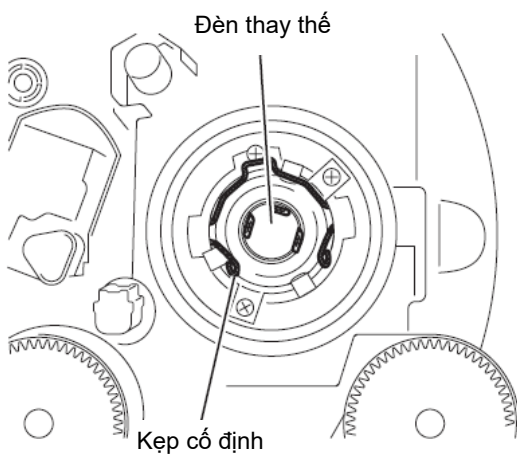
**CHÚ Ý**

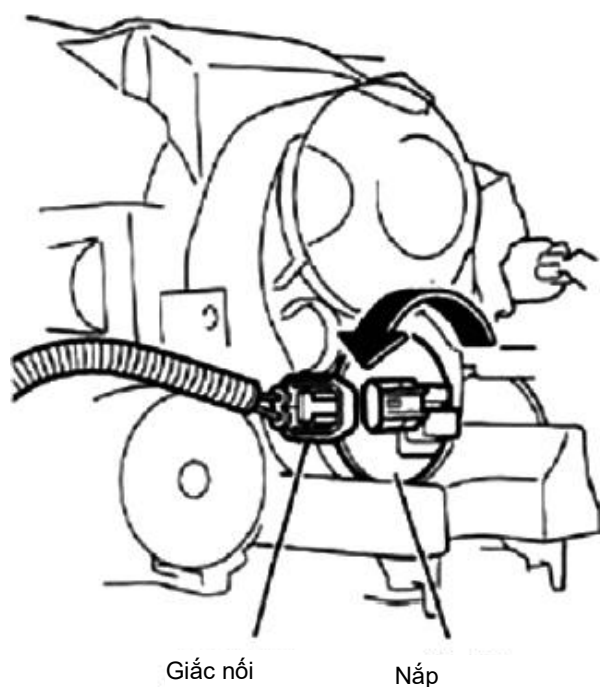
- Chỉ nâng cabin trên đường bằng phẳng.
- Khi nâng cabin trong gara, hãy đảm bảo có đủ khoảng trống phía trước và phía trên.
- Đóng chặt cửa ra vào và các cửa sổ khi nâng cabin. Không mở cửa khi nâng cabin.
- Không nâng cabin khi có đồ dùng trên bảng điều khiển, ghế ngồi, ngăn đựng cốc, bên trong và trên sàn.
- Loại bỏ hết băng hoặc tuyết bám trên đầu cản trước khi nâng cabin. Nếu không các bộ phận khác như cản, đèn trước hoặc đèn phản quang có thể bị hư hại.
- Nếu bạn phải mở hoặc đóng cửa trong khi nâng cabin, hãy đỡ cửa thật chắc chắn khi đóng và mở cửa. Sau khi mở hoặc đóng cửa, việc thả cửa ngay lập tức có thể gây nguy hiểm. Cửa có thể va vào bạn hoặc người khác, gây thương tích hoặc hư hỏng cửa. Hãy đảm bảo rằng cửa đã được đóng hoàn toàn.

## 2. Tháo nguồn cấp đèn trước.

**KHUYẾN CÁO**

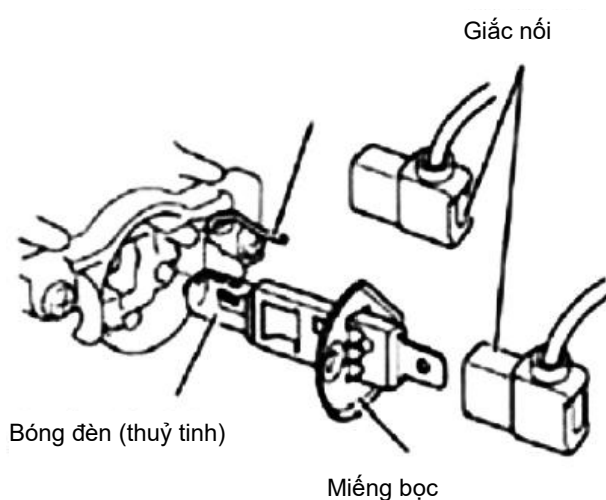
- Khi tháo giắc nối đèn pha, hãy nhấn và giữ phần giữa của đệm cao su và kéo giắc nối ra. Nếu không ấn vào tâm của đệm cao su, đèn sẽ bật lên, đập vào chóa đèn và có thể làm vỡ bóng đèn.





### Thay thế đèn pha

- Nâng cabin, bắt đầu từ phía trước của đèn thay thế. Tháo giắc nối và xoay nắp đèn sang trái để tháo.



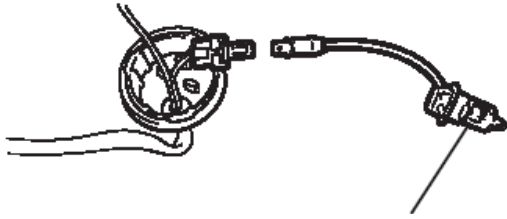
- Tháo hai giắc nối, nhấn kẹp giữ đèn và di chuyển nó lên trên để tháo đèn. Thay bóng đèn mới.
- Khi lắp bóng đèn mới, hãy thao tác các bước theo trình tự ngược lại lúc tháo. Cần chú ý những điểm sau:
  - a. Trước khi lắp, hãy kiểm tra vị trí lên xuống của bóng đèn.
  - b. Xoay kẹp đèn sang phải để cố định.



### KHUYẾN CÁO

- Lắp đèn không cố định chặt có thể gây ra sự cố do nước tràn vào trong chóa đèn.



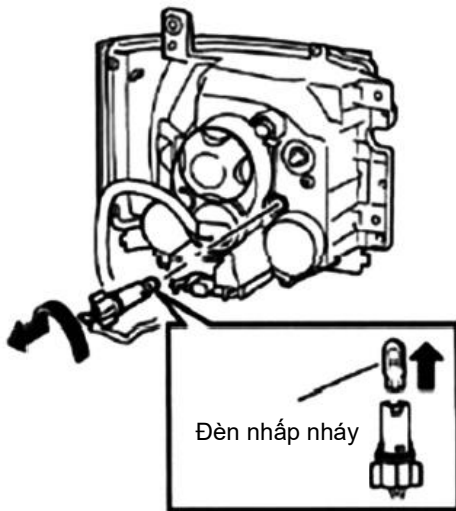


Bóng sương mù (bóng H3, 24V / 55W)

- Thao tác giống các bước lắp đèn nhưng theo trình tự ngược lại. Hãy chú ý những điểm sau:
  - a. Bóng đèn có các khe lên xuống khác nhau (hình tròn, hình tứ giác), Cần chú ý lắp cho ăn khớp.
    - Hướng trái và phải: một khía hình tứ giác ở trên
  - b. Xoay đèn sang phải để cố định. Khi cố định vỏ đèn, thận trọng không làm đứt dây điện trong chóa đèn.

**KHUYẾN CÁO**

- Lắp đèn không cố định chặt có thể gây ra sự cố do nước tràn vào trong đèn.

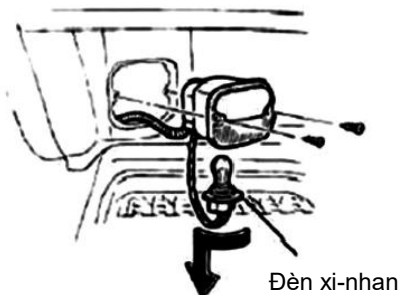
**Thay thế đèn chạy dọc thân xe**

Đèn nhấp nháy

- ① Nâng cabin, bắt đầu thay thế từ phía trước của xe. Đẩy qua trái để tháo giắc nối.
- Tháo bóng đèn ra khỏi giắc nối, thay bóng đèn mới.
- Khi lắp bóng đèn mới, hãy thao tác các bước theo trình tự ngược lại lúc tháo. Cần chú ý những điểm sau.
  - a. Xoay giắc nối đèn sang phải để cố định

**KHUYẾN CÁO**

- Lắp đèn không cố định chặt có thể gây ra sự cố do nước tràn vào trong đèn.

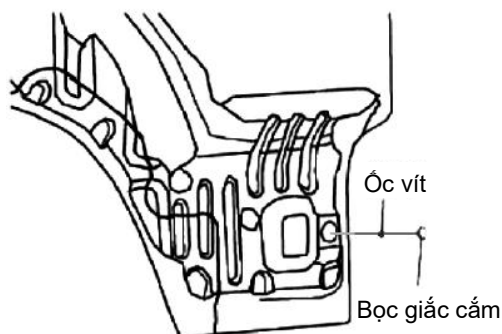
**Thay thế đèn tín hiệu chuyển hướng**

Đèn xi-nhan

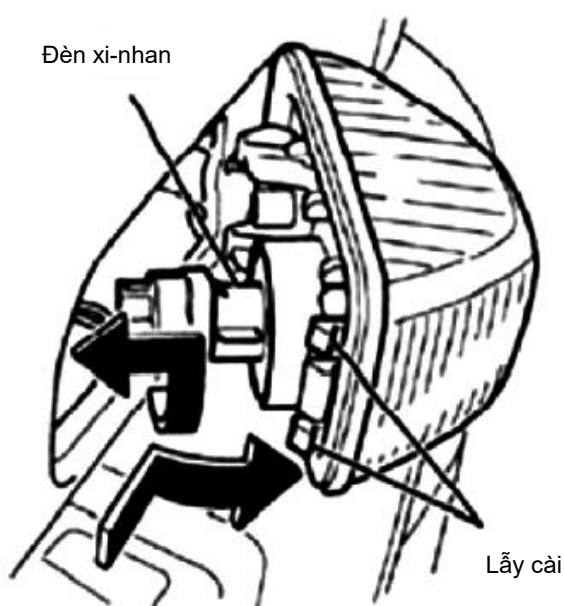
- Tháo hai ốc vít và tháo đèn tín hiệu ra.
- ② Tháo đèn bằng cách xoay sang trái, tháo đèn cũ ra khỏi giắc đèn và thay bằng đèn mới.
- Khi lắp bóng đèn mới, hãy thao tác các bước theo trình tự ngược lại lúc tháo và xoay giắc nối đèn sang phải để cố định lại.

**KHUYẾN CÁO**

- Lắp đèn không cố định chặt có thể gây ra sự cố do nước tràn vào trong đèn.

**Thay thế đèn tín hiệu chuyển hướng bên hông****Phía trước**

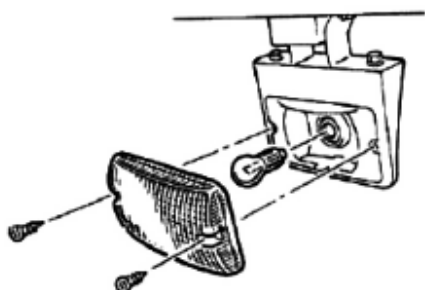
- ☐ Mở cửa trước, tháo nắp đèn bên dưới cửa.
- ☐ Tháo ốc vít.



- ☐ Kéo đèn tín hiệu ra hướng phía trước và kéo mở phần đuôi đèn ra.
- ☐ Vận trái để tháo chân đèn và tháo bóng đèn cũ ra khỏi chân đèn sau đó thay thế bằng bóng đèn mới.
- ☐ Khi lắp bóng đèn mới, hãy thực hiện các bước theo trình tự ngược lại lúc tháo. Cần chú ý những điểm sau.
  - a. Xoay giắc nối đèn sang phải để cố định lại.

**KHUYẾN CÁO**

- Lắp đèn không được cố định chặt có thể gây ra sự cố do nước tràn vào trong đèn.

**Phần giữa**

- ☐ Tháo 2 ốc vít.
- ☐ Tháo phần nắp kính.
- ☐ Thay bóng đèn mới.
- ☐ Khi lắp bóng đèn mới, hãy thao tác các bước theo trình tự ngược lại lúc tháo

## Thay thế đèn tín hiệu chuyển hướng phía trước



① Xoay chân đèn sang trái và tháo chân đèn.

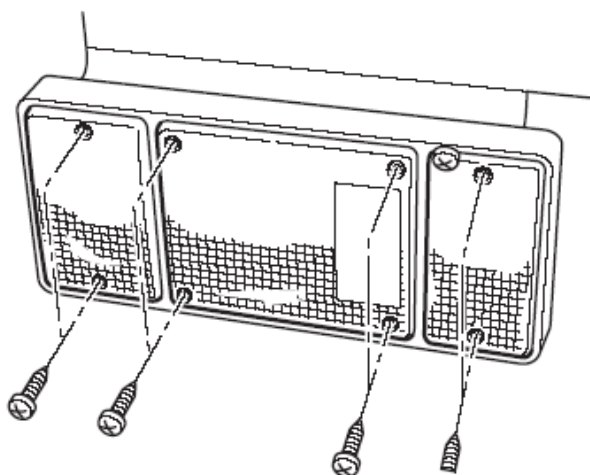
- Tháo bóng đèn ra khỏi chân đèn và thay bóng mới.
- Khi lắp bóng đèn mới, hãy thao tác các bước theo trình tự ngược lại lúc tháo. Cần chú ý những điểm sau.
  - a. Xoay giắc nối đèn sang phải để cố định lại chân đèn.



## KHUYẾN CÁO

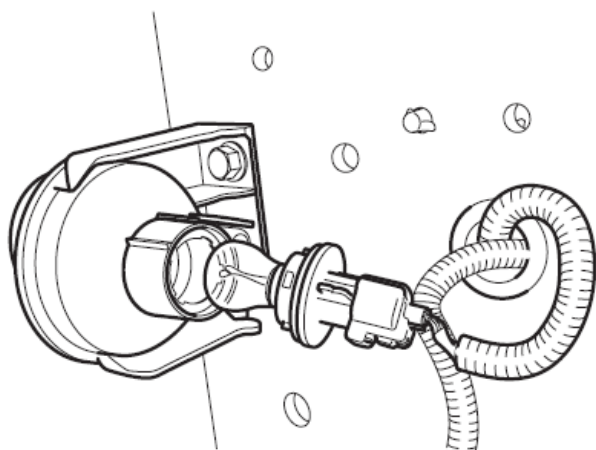
- Lắp đèn không cố định chặt có thể gây ra sự cố do nước tràn vào trong đèn.

## Thay thế đèn phanh, đèn đuôi và đèn tín hiệu chuyển hướng phía sau



1. Tháo các ốc vít và nắp kính.
2. Nhấn giữ bóng đèn và xoay ngược chiều kim đồng hồ để rời tháo ra.
3. Khi lắp bóng đèn mới, hãy thao tác các bước theo trình tự ngược lại lúc tháo.

## Thay thế đèn báo lùi



- ① Tháo chân đèn ra khỏi bên trong đèn.
- Tháo bóng đèn ra khỏi chân đèn và thay bóng mới.
- Khi lắp bóng đèn mới, hãy thao tác các bước theo trình tự ngược lại lúc tháo. Cần chú ý những điểm sau.
  - a. Xoay giắc nối đèn sang phải để cố định lại.



## KHUYẾN CÁO

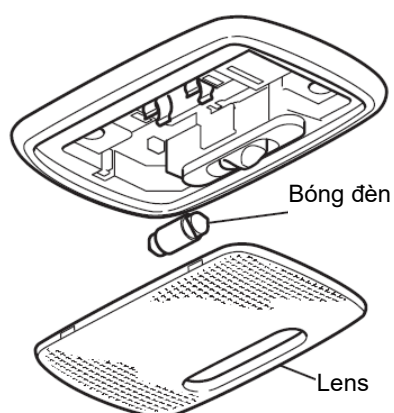
- Lắp đèn không cố định chặt có thể gây ra sự cố do nước tràn vào trong đèn.

## Thay thế đèn biển số



- ① Nới lỏng ốc vít và tháo kính ốp ra.
- ② Tháo phần nắp kính.
- ③ Khi tháo bóng đèn, nhấn và giữ bóng đèn rồi quay sang trái.
- ④ Để lắp bóng đèn mới, hãy thực hiện ngược trình tự thao tác khi tháo bóng đèn cũ.

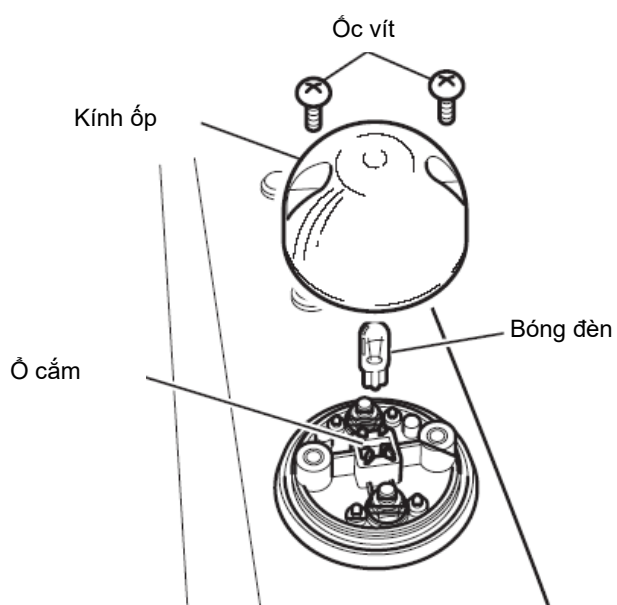
## Thay thế đèn nội thất



- ① Tháo phần nắp kính, gỡ bóng đèn xuống.
- ② Để lắp bóng đèn mới, hãy thực hiện ngược trình tự thao tác khi tháo bóng đèn cũ.

Trừ mẫu xe cabin nóc cao.

## Thay thế đèn chạy dọc thân trước sau □

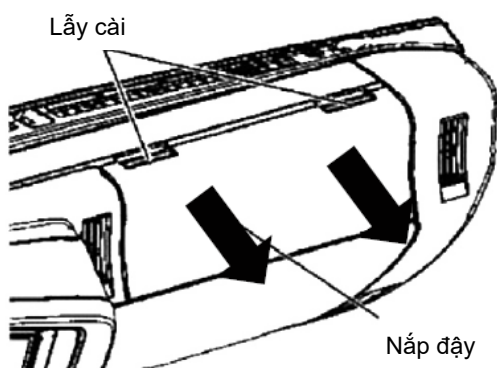


1. Nới lỏng ốc vít và tháo kính ốp ra.
2. Tháo bóng đèn cũ, thay thế bóng đèn mới.
3. Để lắp bóng đèn mới, hãy thực hiện ngược trình tự thao tác khi tháo bóng đèn cũ.

## Thay thế cầu chì và rô-le

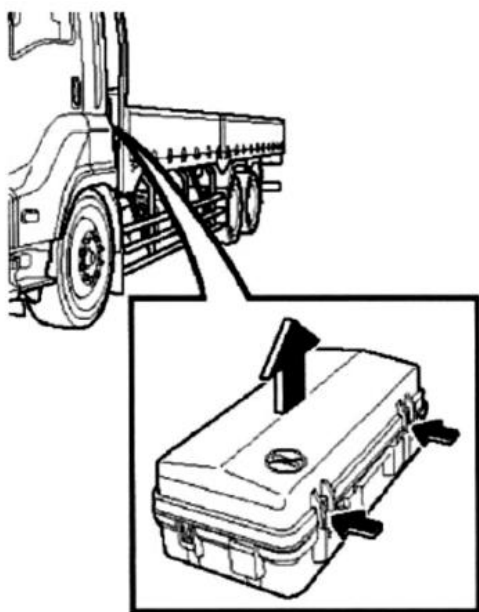
Khi đèn không sáng hoặc không thể nhấp nháy bình thường và các bộ phận của hệ thống điện không hoạt động, hãy kiểm tra xem cầu chì còn nguyên hay bị đứt.

## Vị trí cầu chì

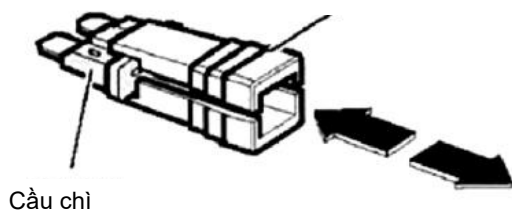


Khu vực phía sau bên trái cabin

Các cầu chì được đặt ở phía trước của ghế hành khách và phía sau bên trái của cabin. Hãy tháo nắp đậy khi bảo dưỡng và thay thế. Việc bảo dưỡng và thay thế hộp rô-le của cabin phía sau cũng cần mở nắp. Tháo nắp trong khi đẩy lấy cài về phía trước.



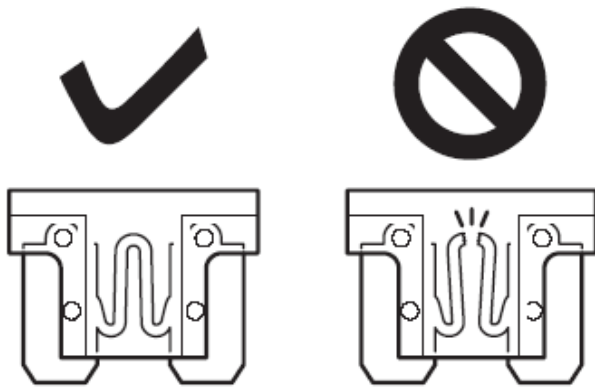
Kẹp cầu chì



Cầu chì

## Cầu chì thay thế

- ☐ Trước khi thay cầu chì, vui lòng đặt công tắc máy ở vị trí "LOCK" và kéo phanh tay lên.
- ☐ Đưa dụng cụ tháo cầu chì vào hộp cầu chì và kéo cầu chì ra. (kẹp cầu chì được đặt trong hộp cầu chì của cabin.)



Bình  
thường

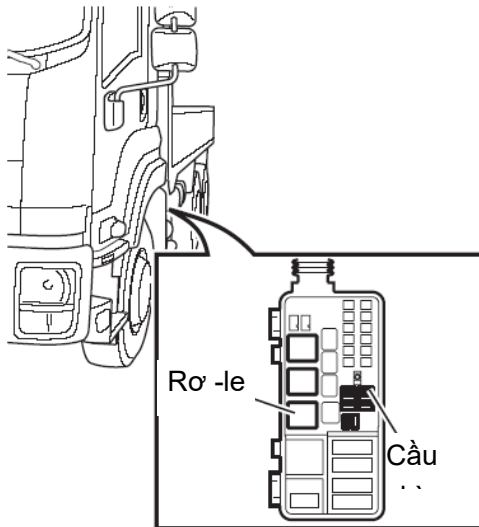
Đứt

- Nếu cầu chì như trong hình bên phải thay vì hình bên trái, cho thấy rằng nó đã bị đứt. Hãy thay thế bằng cầu chì dự phòng. (Cầu chì dự phòng nằm trong hộp cầu chì cùng hộp găng tay)



#### CẢNH BÁO

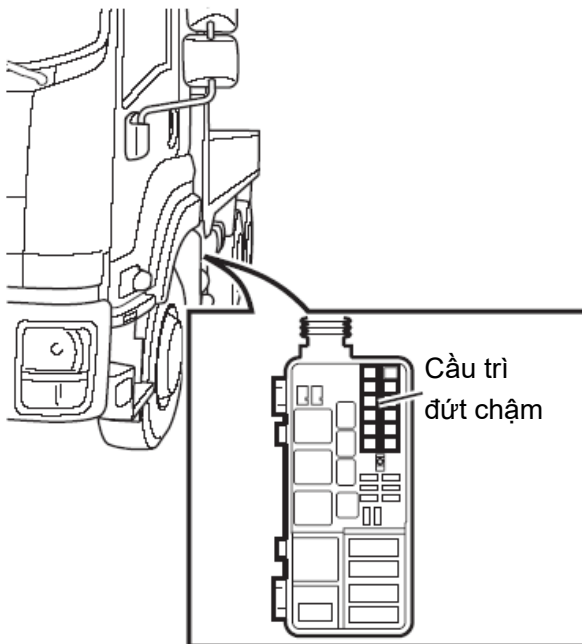
- Đảm bảo sử dụng loại cầu chì được chỉ định. Các sản phẩm không được chỉ định (dây điện, lá bạc, v.v...) tiềm ẩn nguy cơ gây ra sự cố và cháy nổ.
- Nếu cầu chì tiếp tục bị cháy sau khi thay thế mà không rõ lý do, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương.
- Không kiểm tra hoặc thay thế cầu chì trong khi công tắc máy ở vị trí "ON" và HSA ở trạng thái đỗ. Điều này tiềm ẩn rủi ro tai nạn.
- Vui lòng kiểm tra cầu chì ở nơi bằng phẳng và chặn cố định lốp trước khi sửa chữa.

**Rơ-le thay thế**

Mở nắp lên và thay rơ-le mới

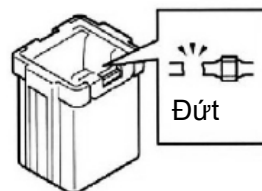
**KHUYẾN CÁO**

- Không được mở / đóng nắp hộp rơ-le nếu không có bất kỳ vấn đề nào.
- Hộp rơ-le được cấu tạo chống nước. Nếu nước hoặc đồ uống tràn ra nắp, hãy lau sạch trước khi mở nắp.
- Nắp hộp sẽ nóng lên khi xe chạy, đó là dấu hiệu bình thường.

**Thay thế cầu chì đứt chậm**

Nếu hệ thống điện đèn pha và các thiết bị khác không chạy, cầu chì vẫn bình thường, thì hãy kiểm tra cầu chì đứt chậm.

Thay thế nếu cầu chì này bị hỏng. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu địa phương. Cầu chì đứt chậm giúp bảo vệ mạch điện. Việc thay thế phụ kiện này sẽ rất nhanh gọn khi xe gặp sự cố.

**CẢNH BÁO**

Sử dụng phụ tùng chính hãng Isuzu khi thay thế cầu chì đứt chậm.

- Không sử dụng cầu chì đứt chậm không được chỉ định. Sử dụng các sản phẩm không rõ nguồn gốc có thể gây ra sự cố nghiêm trọng hoặc cháy nổ.
- Nếu cầu chì đứt chậm mới tiếp tục bị đứt ngay sau khi được thay thế, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương.

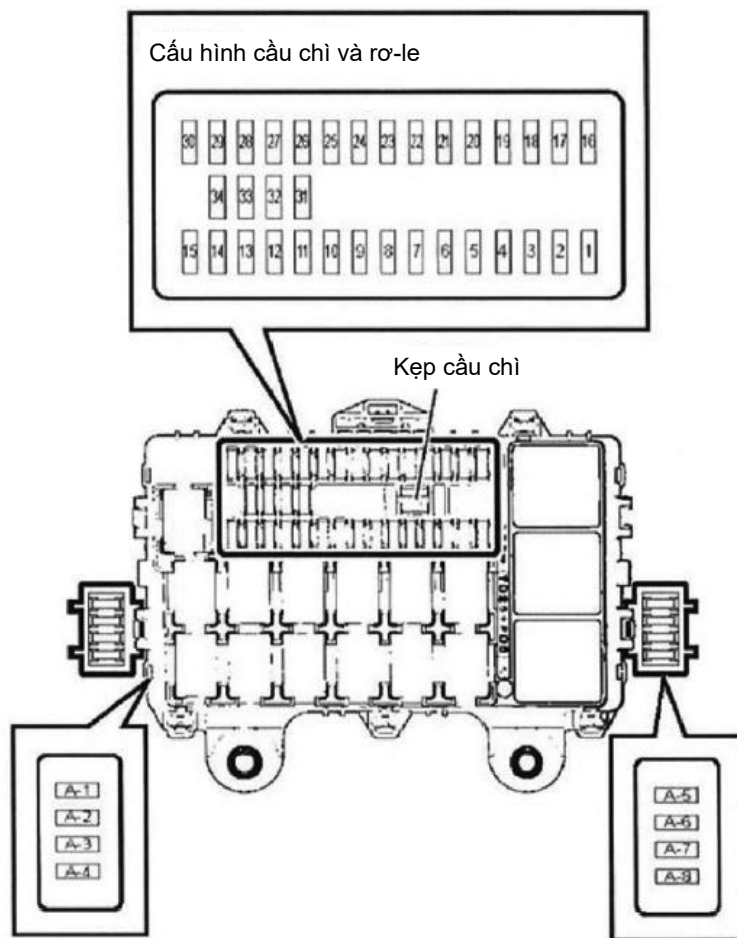
**KHUYẾN CÁO**

- Nếu mạch điện được kết nối với bình điện bị quá tải, cầu chì đứt chậm sẽ nổ để tránh làm hỏng dây nối.



## Cấu hình cầu chì và rơ-le

Sơ đồ cầu chì (trong cabin)



|    |     |                       |  |
|----|-----|-----------------------|--|
| A1 | 5A  | Hệ thống SCR bằng ure |  |
| A2 | 15A | ABS                   |  |
| A3 | -   |                       |  |
| A4 | 25A | ABS                   |  |

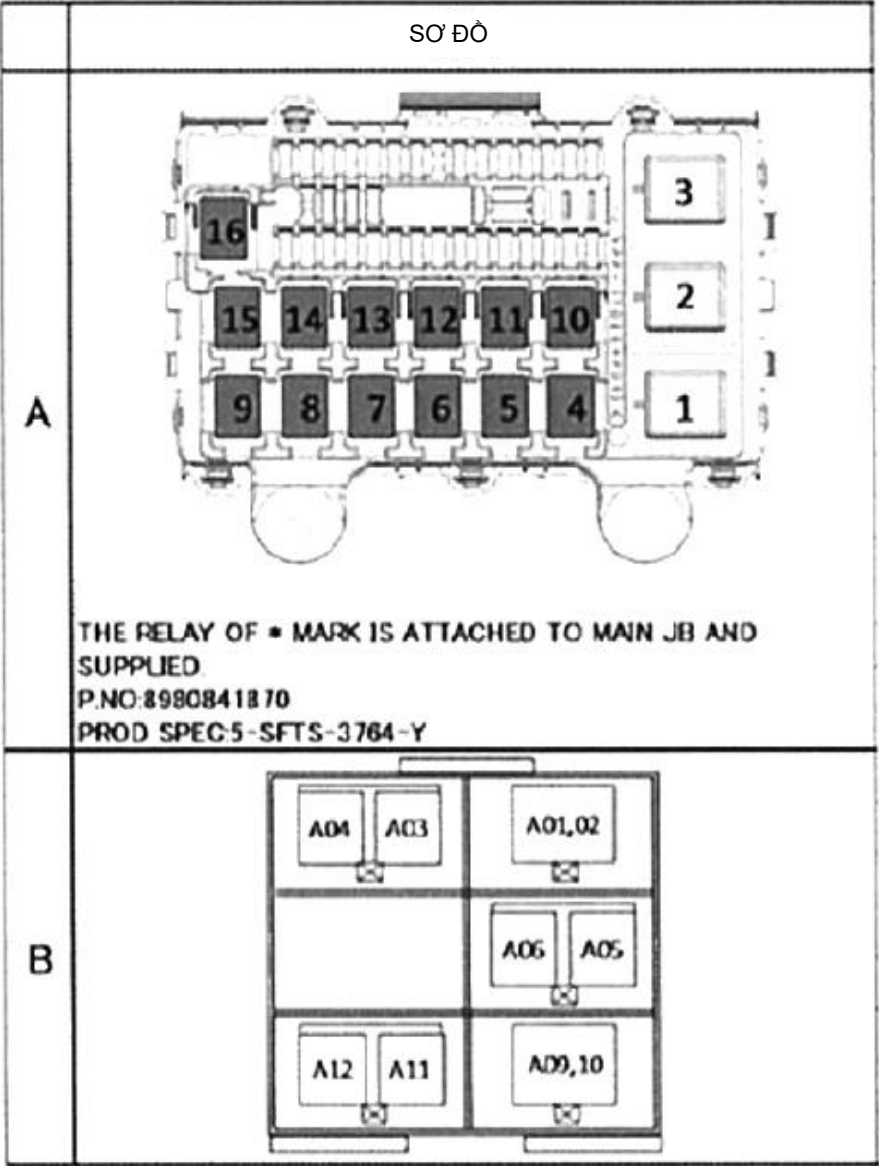
|    |     |                                    |
|----|-----|------------------------------------|
| 15 | 10A | Đèn pha trước bên phải             |
| 14 | 10A | Đèn pha trước bên trái             |
| 13 | 10A | Bộ khởi động                       |
| 12 | 10A | Đèn phanh                          |
| 11 | 10A | Đèn chiếu gần bên phải             |
| 10 | 10A | Bộ phận điều khiển điện tử         |
| 9  | 10A | Đèn chiếu gần bên trái             |
| 8  | 20A | Cần gạt mưa,Vòi phun nước rửa kính |
| 7  | 10A | Đèn báo lùi                        |
| 6  | 20A | Bộ chỉnh điện độ cao đèn trước     |
| 5  | 10A | Cửa sổ và cửa chỉnh điện           |
| 4  | 10A | Đèn sương mù                       |
| 3  | 15A | Khoá cửa                           |
| 2  | 15A | Đồng hồ đo vòng tua, radio         |
| 1  | 20A | Đèn nội thất                       |
|    | 20A | Rơ-moóc                            |

|     |     |                                                                             |
|-----|-----|-----------------------------------------------------------------------------|
| 20A | 10A | Mô tơ quạt                                                                  |
| 29  | 10A | Đèn sương mù đuôi                                                           |
| 28  | 10A | Đèn trang trí                                                               |
| 27  | 10A | Đèn hậu                                                                     |
| 26  | 15A | Đèn sương mù                                                                |
| 25  | 15A | Đèn nhan                                                                    |
| 24  | 15A | Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm                                                 |
| 23  | 15A | Loa                                                                         |
| 22  | 15A | Bật lửa                                                                     |
| 21  | 15A | Radio, Nguồn cấp điện gương chiếu hậu                                       |
| 20  | 15A | Đèn ngủ, Nguồn cấp điện cổng sạc USB,                                       |
| 19  | 15A | Đèn trần                                                                    |
| 18  | 15A | Đèn hậu                                                                     |
| 17  | 15A | Vòi phun rửa kính, cần gạt                                                  |
| 16  | 15A | Đồng hồ đo                                                                  |
|     | 15A | Bộ phận điều khiển điện tử                                                  |
|     | 15A | Đồng hồ đo vòng tua, khoá cụm vi sai Bộ trích công suất PTO. Làm ấm động cơ |
|     | 15A | Sấy sưởi khí                                                                |
|     | 15A | Điều hoà                                                                    |
|     | 15A | Sấy gương chiếu hậu                                                         |

Lưu ý

- Trước khi thay cầu chì, hãy kéo phanh tay dừng đỗ lên và đảm bảo công tắc chìa khóa ở vị trí "LOCK"
- Không sử dụng những loại cầu chì không đúng chỉ định vì chúng có thể gây cháy hoặc khiến các thiết bị liên quan ngừng hoạt động.

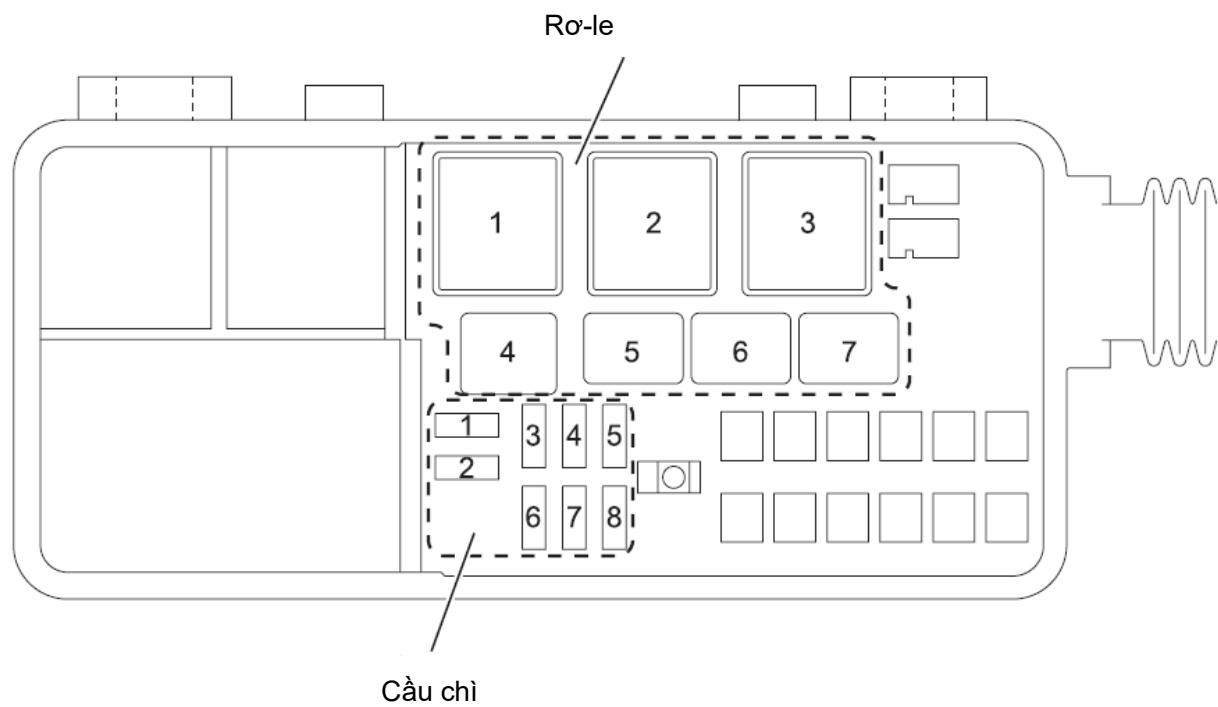
|          |    |
|----------|----|
| Dự phòng | 5A |
| -        |    |
| -        |    |
| -        |    |



|          |                 |                            |        |       |            |                 |     | Số rô-le |     |       |                   |
|----------|-----------------|----------------------------|--------|-------|------------|-----------------|-----|----------|-----|-------|-------------------|
| Số rô-le | Tên rô-le       | Mã sản phẩm rô-le          | UPC    | FNA   | Số rô-le   | TORQUE<br>[N.m] | QTY | C**      | EX* | USAGE | Thông số kỹ thuật |
| 1        | STOP LAMP       | RELAY ASMS/LP SW           | 9312E  | 1880A | 897262933Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| 2        | BLOWER          | RELAY ASMBLO MOT           | 931A2J | 1625A | 897262933Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| 3        | KEY ON          | RELAY ASMACSRY             | 9312L  | 3675A | 897262933Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| 4        | -               | -                          | -      | -     | -          | -               | -   | -        | -   | -     |                   |
| 5        | RR FOG          | RELAY ASMRR FOG LP         | 9312E  | 4994Z | 897173035Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| 6        | WIPER MAIN      | RELAY ASMWSW SYS           | -      | -     | 897173035Y | -               | 1   | ※○       | ※○  | ALL   |                   |
| 7        | HORN            | RELAY ASMHORN              | -      | -     | 897173035Y | -               | 1   | ※○       | ※○  | ALL   |                   |
| 8        | WIPER HI/LOW    | RELAY ASMWSW SYS           | -      | -     | 897173035Y | -               | 1   | ※○       | ※○  | ALL   |                   |
| 9        | FOG             | RELAY ASMFOG LP            | 9312C  | 9090A | 897173035Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| 10       | CDS FAN         | RELAY ASMA/C CNDSP FAN MOT | 931A2K | 1027V | 897173035Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| 11       | -               | -                          | -      | -     | -          | -               | -   | -        | -   | -     |                   |
| 12       | POWER WINDOW    | RELAY ASM,SI WDO           | 9312L  | 2735A | 897173035Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| 13       | HEAD LAMP LO    | RELAY ASMHDLP LOW BEAM     | -      | -     | 897173035Y | -               | 1   | ※○       | ※○  | ALL   |                   |
| 14       | -               | -                          | -      | -     | -          | -               | -   | -        | -   | -     |                   |
| 15       | HEAD LAMP HI    | RELAY ASMHDLP HIGH BEAM    | -      | -     | 897173035Y | -               | 1   | ※○       | ※○  | ALL   |                   |
| 16       | TAIL            | RELAY ASMT/LP              | -      | -     | 897173035Y | -               | 1   | ※○       | ※○  | ALL   |                   |
| A01/A02  | COMP            | RELAY ASMA/C COMP          | 931A2J | 3125A | 897262933Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| A03      | P/TILT LID OPEN | RELAY ASM,BODY TILT PUMP   | 931B1  | 184AA | 897173035Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| A04      | TRLR BACK LAMP  | RELAY ASMB/U LP            | 9312E  | 2535A | 897173035Y | -               | 1   | -        | ○   | EX*   |                   |
| A05      | ACC MAIN        | RELAY ASMACSRY             | 9312L  | 3675A | 897173035Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| A06      | IG1 MAIN        | RELAY ASM,IGN              | 936Y4  | 1360T | 897173035Y | -               | 1   | ○        | ○   | ALL   |                   |
| A09/A10  | TRLR STOP       | RELAY ASM,TRLR S/LP        | 9312K  | 210AA | 897262933Y | -               | 1   | -        | ○   | EX*   |                   |
| A11      | TRLR INF1       | RELAY ASM,ANTILOCK BRK IND | 9312J  | 9708A | 897173035Y | -               | 1   | -        | ○   | EX*   |                   |
| A12      | TRLR INF2       | RELAY ASM,ANTILOCK BRK IND | 9312J  | 9708A | 897173035Y | -               | 1   | -        | ○   | EX*   |                   |

<NOTE> 1 MODEL COLUMN SHOWS ○ STANDARD SETTING, △ OPTION SETTING, - NO SETTING, \* ATTACHED BY BODY BUILDER

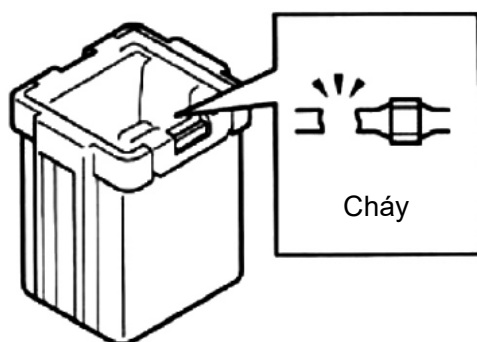
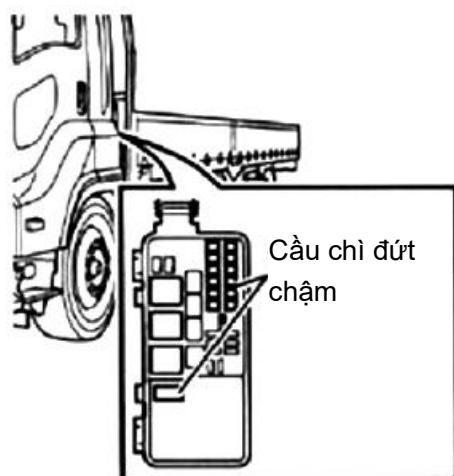
Ví trí cầu chì và rô-le bên ngoài cabin



| STT | RƠ-LE                      |
|-----|----------------------------|
| 1   | SEDIMENTER HEARTER         |
| 2   | ECM MAIN POWER SUPPLY      |
| 3   | GLOW                       |
| 4   | EXHAUST BRAKE              |
| 5   | CBA TILT CONTROL (NEUTRAL) |
| 6   | STARTER CUT                |
| 7   | SCR SENSOR                 |

| STT | CẦU CHỈ            | KÍCH CỠ |
|-----|--------------------|---------|
| 1   | NOx SENSOR         | 15A     |
| 2   | SCR                | 25A     |
| 3   | PVC                | 15A     |
| 4   | EXHAUST BRAKE      | 10A     |
| 5   | BLANK              | -       |
| 6   | KEY POWER SUPPLY   | 10A     |
| 7   | SEDIMENTER HEARTER | 20A     |
| 8   | CABTILT CONTROL    | 10A     |

## Hồng cầu chì đứt chậm



Cầu chì đứt chậm là thiết bị dùng để bảo vệ mạch điện và các tình huống khẩn cấp, chi tiết này rất dễ thay thế.

Nếu tải mạch điện của ắc quy vượt quá giá trị định trước, để bảo vệ mạch điện, cầu chì đứt chậm sẽ cháy bảo vệ đường dây không bị hỏng.

**Kiểm tra và Bảo dưỡng**

Nếu đèn pha và các hệ thống điện khác không hoạt động nhưng cầu chì vẫn bình thường, hãy kiểm tra và sửa chữa cầu chì đứt chậm.

Nếu tình trạng cầu chì đứt chậm như hình vẽ bên trái, chứng tỏ rằng cầu chì đã hỏng. Hãy liên hệ Đại lý Isuzu địa phương.

**CẢNH BÁO**

- Đảm bảo sử dụng loại cầu chì được chỉ định. Các sản phẩm không được chỉ định (dây điện, lá bạc, v.v...) tiềm ẩn nguy cơ gây ra sự cố và cháy nổ.
- Nếu cầu chì tiếp tục bị cháy sau khi thay thế mà không rõ lý do, hãy liên hệ với Đại lý Isuzu địa phương.
- Không kiểm tra hoặc thay thế cầu chì trong khi công tắc máy ở vị trí "ON" và HSA ở trạng thái đỗ. Điều này tiềm ẩn rủi ro tai nạn.
- Vui lòng kiểm tra cầu chì ở nơi bằng phẳng và chặn cố định lốp trước khi sửa chữa.

**KHUYẾN CÁO**

- Không được mở / đóng nắp hộp rơ-le nếu không có bất kỳ vấn đề nào.
- Hộp rơ-le được cấu tạo chống nước. Nếu nước hoặc đồ uống tràn ra nắp, hãy lau sạch trước khi mở nắp.
- Nắp hộp sẽ nóng lên khi xe chạy, đó là dấu hiệu bình thường.

### Xảy ra tai nạn

Hãy bình tĩnh trong trường hợp xảy ra tai nạn và xử lý như sau:

① Ngăn ngừa các tai nạn thứ cấp.

Bật đèn xi-nhan cảnh báo nguy hiểm, dừng xe ngay vào khu vực an toàn (lề đường, vỉa hè) tránh gây cản trở giao thông và tắc máy.

② Giải cứu người bị thương

Khi ai đó bị thương, hãy cố gắng cấp cứu ngay cả trước khi xe cấp cứu đến. Khi đầu bị thương, hãy giữ nguyên vị trí và không di chuyển. Để tránh tai nạn thứ cấp, hãy di chuyển đến nơi an toàn.

③ Liên hệ với cảnh sát

Vui lòng giải thích cho cảnh sát về vị trí xảy ra vụ việc, điều kiện hiện trường, số lượng người bị thương và mức độ thương tích, đồng thời làm theo các hướng dẫn của lực lượng chức năng.

④ Xác nhận thông tin người bị nạn (địa chỉ, tên, số điện thoại) và tình huống tai nạn

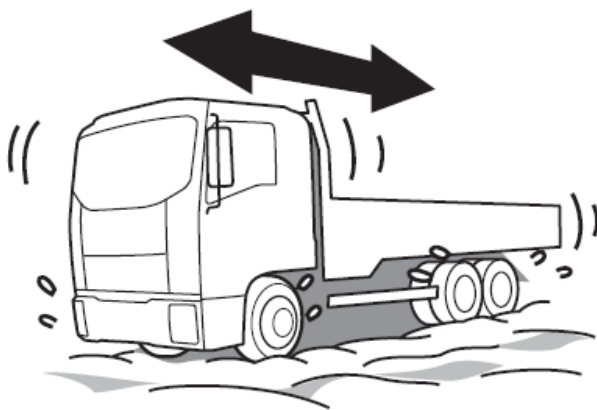
⑤ Liên hệ với các đại lý xe và công ty bảo hiểm



#### CHÚ Ý

- Tai nạn nhỏ hay thương tích nhẹ cũng cần liên hệ với cảnh sát và được bác sĩ điều trị. Đặc biệt là những cú sốc ở vùng đầu, ngay cả khi không có chấn thương chấn thương rõ ràng, cũng có thể để lại di chứng.

### Xe bị kẹt ở đường bùn đất, gập ghềnh



Đạp chân ga quá mạnh có thể khiến bánh xe lún sâu hơn và việc thoát hiểm trở nên khó khăn hơn.

Vui lòng thực hiện phương pháp đặt đá, gỗ hoặc khối chặn bên dưới lốp xe hoặc liên tục tiến và lùi để tận dụng quán tính giúp xe thoát khỏi hố bùn.

## Kéo, cầu xe

Nếu bạn cần kéo xe do hỏng hóc hoặc tai nạn, vui lòng liên hệ với Đại lý Isuzu của bạn. Trong quá trình vận hành, hãy chú ý những điểm sau.

- ① Trong khi chờ rơ-moóc, hãy chặn bánh trước và sau. Trong trường hợp có bất kỳ lỗi nào của trục truyền động hoặc moay-ơ sau, phanh tay có thể bị hỏng.
- ② Trong quá trình kéo cần vận hành vô lăng, phanh, hãy đảm bảo rằng động cơ đã được khởi động. Nếu nhả phanh an toàn, hãy tham khảo phần "Không thể nhả phanh tay dừng đỗ" tại trang 8-28. Khi hỏng động cơ, xe phải được kéo bằng rơ moóc.
- ③ Khi được kéo, giữ số ở vị trí trung lập. Khi sự cố bộ truyền động, hãy tháo trục truyền động trước khi kéo.

**CẢNH BÁO**

- Đảm bảo cố định các bánh xe trước khi tháo trục truyền động, tránh tai nạn nếu xe trượt bánh.



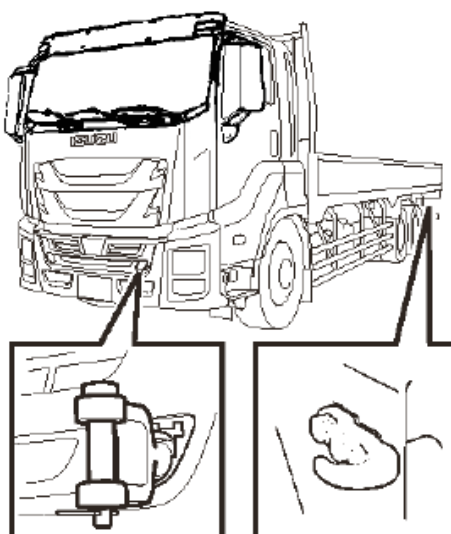


Ghim

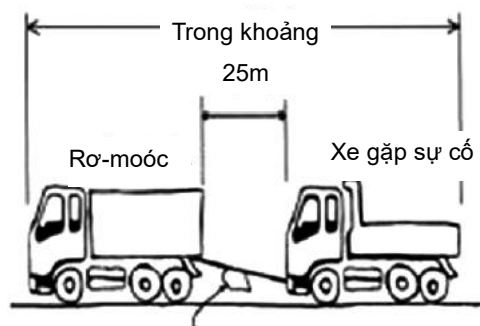
Thân móc kéo



Chốt hãm



- Khi lắp móc trước, hãy làm theo các bước dưới đây.
  - a. Dùng tua vít dẹp để mở rãnh móc, tháo nắp.
  - b. Lắp móc kéo trong bộ phụ kiện xe. Xoay móc kéo để cố định vị trí.
  
- Nếu bạn cần tháo chốt của móc kéo trong khi treo dây kéo trên móc kéo phía trước, hãy làm theo các bước dưới đây.
  - a. Tháo chốt lò xo.
  - b. Kéo chốt ra khỏi thân móc.
  - c. Gắn dây kéo và khóa vào thân móc kéo.
  - d. Cài chốt lò xo.
  
- Chỉ kéo xe khi không có tải trọng. Sử dụng dây cáp kéo chặn chặn & cố định nó vào móc kéo.



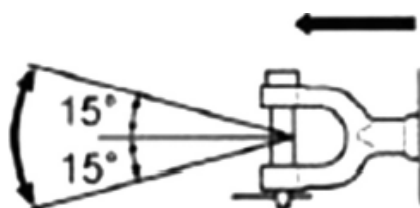
Mảnh vải trắng, mỗi bên dài hơn 30 cm

#### Phía trước

- ☐ Buộc một mảnh vải trắng có chiều dài mỗi bên hơn 30 cm vào giữa sợi dây kéo.
- ⑨ Đảm bảo rằng phần đầu phía trước của rơ-móc và phần phía sau của xe gấp sự cố không vượt quá 25 m.
- ⑩ Vì lý do an toàn, hãy gắn dây kéo vào móc kéo trong phạm vi tác dụng của dây kéo (dao động trong khoảng 30° từ tâm của móc).

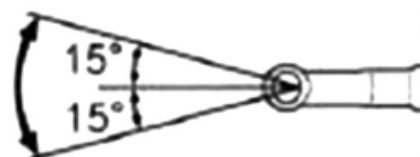
#### Phía trước

Phạm vi dao động của dây kéo



- ☐ Tránh phanh gấp trong khi kéo. Khi tải trọng lên móc tăng đột ngột, nó có thể bị gãy.

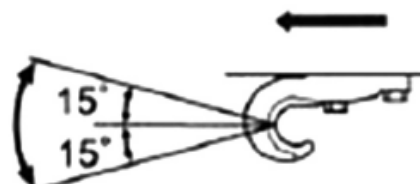
Phạm vi dao động của dây kéo



- ☐ Trong quá trình kéo, không được để dây bị gấp.

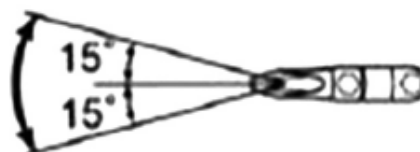
#### Phía sau

Phạm vi dao động của dây kéo



- ☐ Khi xe bị vướng vào rãnh hoặc hố bùn, hãy dỡ hàng ra và kéo bằng trục thay vì móc kéo.

Phạm vi dao động của dây kéo



- ☐ Sau khi đã kéo xong, tháo móc và đẩy nắp lại. Thực hiện Kiểm tra và Bảo dưỡng



#### KHUYẾN CÁO

[Sử dụng móc kéo Wrecker (móc kéo chính hãng) trong các tình huống sau]

- Hệ thống phanh có nguy cơ quá nhiệt và gặp trục trặc khi xuống dốc dài.
- Sự cố bộ truyền động, bộ vi sai.
- Khi lỗi xảy ra trên đường cao tốc.



• THÔNG SỐ CỤ THỂ

9-2

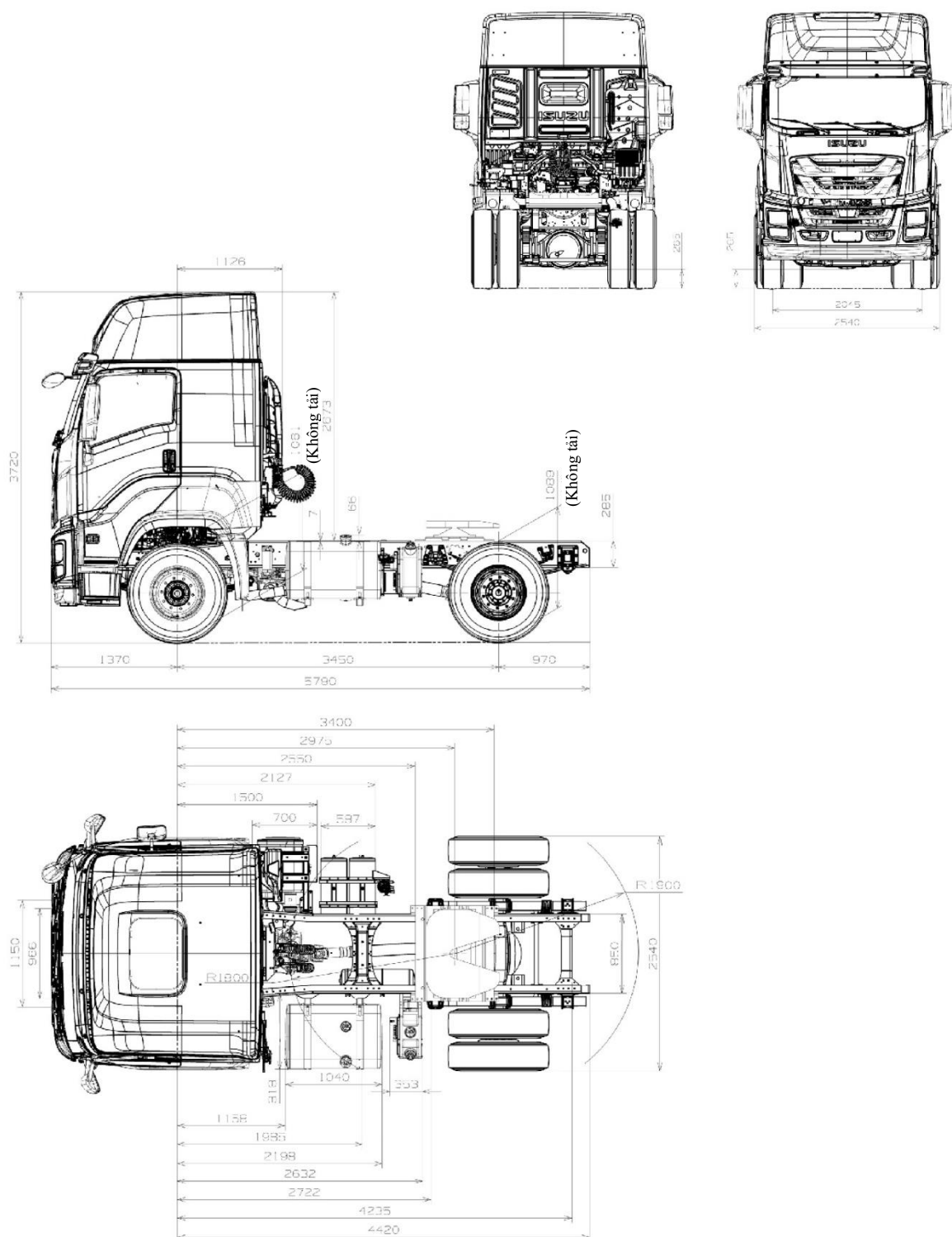
| Mẫu mã          | Tên Sản phẩm                         | Tổng trọng lượng (kg) | Trọng lượng ướt (kg) | Tải trọng trực (kg) | Trọng lượng tải (kg) | Tải trọng thùng sau (kg) | Tổng tải trọng rơ-móc cho phép (kg) | Trục cơ sở     |
|-----------------|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|----------------------|--------------------------|-------------------------------------|----------------|
| QL4180U2JDR     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 18000                 | 6980                 | 7000/11000          |                      | 10890                    | 34890                               | 3450           |
| QL4181U2JDR     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 18000                 | 6980                 | 6500/11500          |                      | 10890                    | 34890                               | 3450           |
| QL4250U2NDZ     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 24900                 | 8850, 8350           | 6900/18000          |                      | 15920, 16420             | 39920, 40000                        | 3385+1370      |
| QL4251U2NDZ     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 25000                 | 8850                 | 7000/18000          |                      | 16020                    | 40000                               | 3385+1370      |
| QL4180W1JDR     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 18000                 | 7250                 | 6500/11500          |                      | 10620                    | 34620                               | 3450           |
| QL4180W1KDR     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 18000                 | 7450                 | 6500/11500          |                      | 10420                    | 34420                               | 3900           |
| QL4250W1NDZ     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 24900                 | 9100                 | 6900/18000          |                      | 15670                    | 39670                               | 3385+1370      |
| QL4251W1NDZ     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 24900                 | 9100                 | 6900/18000          |                      | 15670                    | 39670                               | 3385+1370      |
| QL4180W2JDR     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 18000                 | 7250                 | 6500/11500          |                      | 10620                    | 34620                               | 3450           |
| QL4250W2NCZ     | Đầu kéo sơ mi rơ móc                 | 25000                 | 9280, 8870           | 7000/18000          |                      | 15590, 16000             | 39590, 40000                        | 3385+1370      |
| QL1250U1QDZY    | Khung gầm sắt-xi                     | 25000                 | 9000                 | 7000/18000          |                      |                          |                                     | 3985+1370      |
| QL5310CCYU1VDHJ | Xe tải                               | 31000                 | 13100                | 6500/6500/18000     | 17770                |                          |                                     | 1850+4575+1370 |
| QL1310U1VDH     | Xe tải                               | 31000                 | 12550                | 6500/6500/18000     | 18320                |                          |                                     | 1850+4575+1370 |
| QL1311U1VDHY    | Khung gầm sắt-xi                     | 31000                 | 10550                | 6500/6500/18000     |                      |                          |                                     | 1850+4575+1370 |
| QL1310U2TDHY    | Khung gầm sắt-xi                     | 31000                 | 10150                | 6500/6500/18000     |                      |                          |                                     | 1850+3280+1370 |
| QL5310XLCU2VDHJ | Xe tải                               | 31000                 | 15150                | 6500/6500/18000     | 15720                |                          |                                     | 1850+4575+1370 |
| QL1311U2VDHY    | Khung gầm sắt-xi                     | 31000                 | 10450                | 6500/6500/18000     |                      |                          |                                     | 1850+4575+1370 |
| QL5330GXFW2SDZY | Khung gầm sắt-xi xe cứu hỏa          | 33000                 | 10450                | 7000/26000          |                      |                          |                                     | 4565+1370      |
| QL5330GXFW2QDZY | Khung gầm sắt-xi xe cứu hỏa          | 33000                 | 10450                | 7000/26000          |                      |                          |                                     | 3985+1370      |
| QL5400GXFW2VCHY | Khung gầm sắt-xi xe cứu hỏa          | 40000                 | 10450                | 7000/7000/26000     |                      |                          |                                     | 1850+4575+1370 |
| QL5420THBW2TDHY | Khung gầm sắt-xi xe bồn trộn bê tông | 42000                 | 10450                | 8000/8000/26000     |                      |                          |                                     | 1850+4575+1370 |

| Chiều dài | Chiều rộng |                        | Treo trước | Treo sau | Chiều dài thùng hàng | Chiều rộng thùng hàng | Chiều cao thùng hàng | Số lò xo | Lốp                                |
|-----------|------------|------------------------|------------|----------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------|------------------------------------|
| 5790      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 970      |                      |                       |                      | 4/4+3    | 315/80R22.5<br>18PR(12R22. 5 18PR) |
| 5790      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 970      |                      |                       |                      | 4/4+3    | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 6895      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 770      |                      |                       |                      | 4/4      | 315/80R22.5<br>16PR(12R22_5 18PR)  |
| 6895      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 770      |                      |                       |                      | 4/4      | 12R22.5<br>18PR(295/80R22. 5 18PR) |
| 5790      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 970      |                      |                       |                      | 4/4+3    | 315/80R22.5<br>16PR(12R22_5 16PR)  |
| 6240      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 970      |                      |                       |                      | 4/4+3    | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 6895      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 770      |                      |                       |                      | 4/4      | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 18PR) |
| 6895      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 770      |                      |                       |                      | 4/4      | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 18PR) |
| 5790      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 970      |                      |                       |                      | 4/4+3    | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 6895      | 2540       | 3720/3970(kèm bạt phủ) | 1370       | 770      |                      |                       |                      | 7/10;4/4 | 12R22.518PR                        |
| 8465      | 2540       | 3055                   | 1370       | 1740     |                      |                       |                      | 7/10     | 12R22.5<br>18PR(295/80R22. 5 18PR) |
| 12000     | 2540       | 3180                   | 1370       | 2835     | 9400                 | 2460                  | 800                  | 7/7/10   | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 12000     | 2540       | 3180                   | 1370       | 2835     | 9600                 | 2430                  | 600                  | 7/7/10   | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 11800     | 2540       | 3300/3900(kèm bạt phủ) | 1370       | 2635     |                      |                       |                      | 7/7/10   | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 9410      | 2540       | 3055                   | 1370       | 1540     |                      |                       |                      | 7/7/10   | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 12000     | 2600       | 3970                   | 1370       | 2835     | 9550                 | 2420                  | 2350                 | 7/7/10   | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 11800     | 2540       | 3720                   | 1370       | 2635     |                      |                       |                      | 7/7/10   | 315/80R22.5<br>16PR(12R22. 5 16PR) |
| 9895      | 2540       | 3055                   | 1370       | 2590     |                      |                       |                      | 7/10     | 315/80R22.5<br>18PR(12R22. 5 18PR) |
| 8465      | 2540       | 3055                   | 1370       | 1740     |                      |                       |                      | 7/10     | 315/80R22.5<br>18PR(12R22. 5 18PR) |
| 11285     | 2540       | 3055/2985              | 1370       | 2120     |                      |                       |                      | 7/7/10   | 315/80R22.518PR                    |
| 11285     | 2540       | 2985                   | 1370       | 2120     |                      |                       |                      | 7/7/10   | 315/80R22.520PR                    |

Mẫu mã: QL4180U2JDR/QL4181U2JDR/QL4180W1JDR/QL4180W2JDR

Sản phẩm: Đầu kéo/Đầu kéo(Xe tải chuyên chở Hàng hóa Nguy hiểm)/Đầu kéo

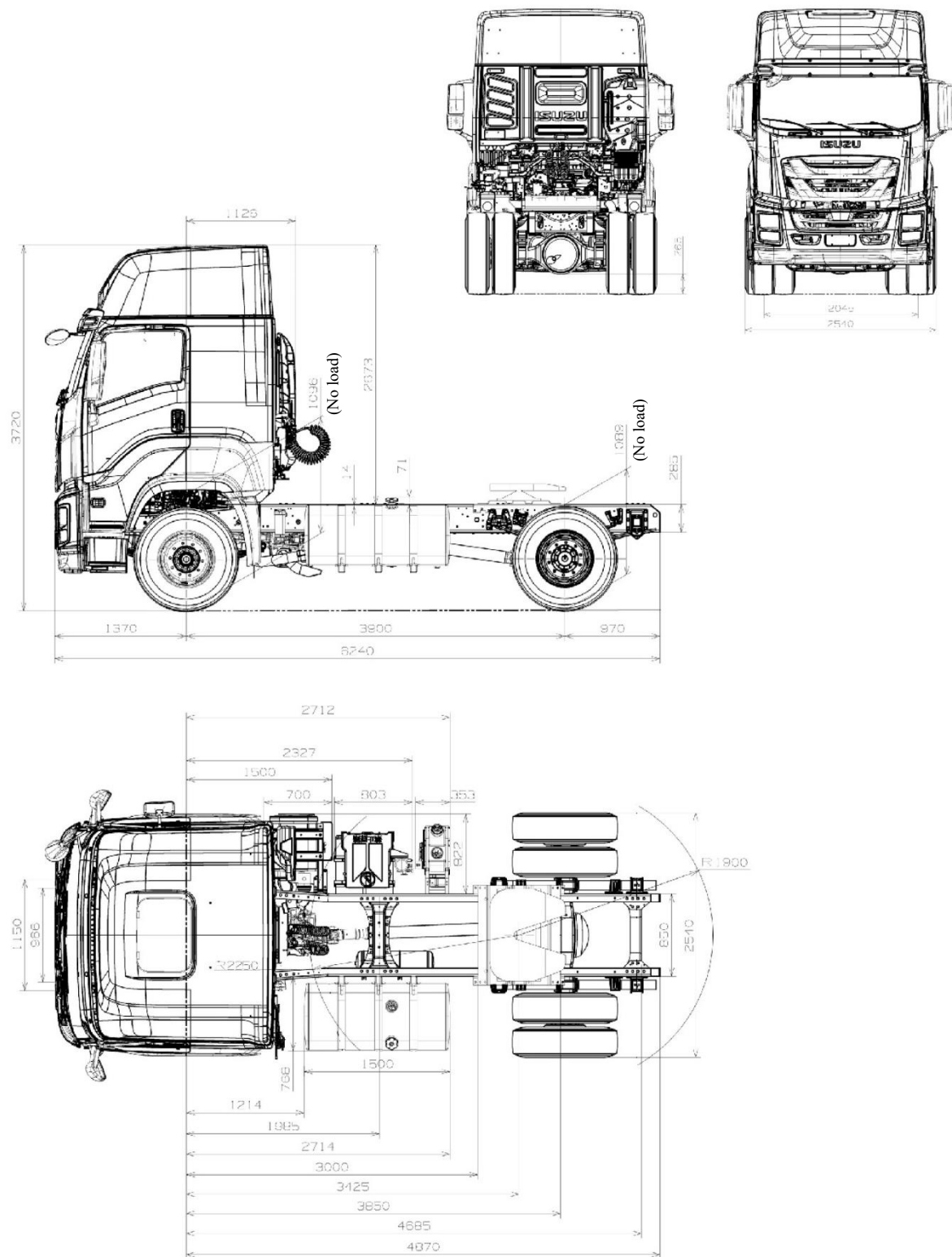
(Thông số tham khảo)



Mẫu mã: QL4180W1KDR

Sản phẩm: Dầu kéo

(Thông số tham khảo)

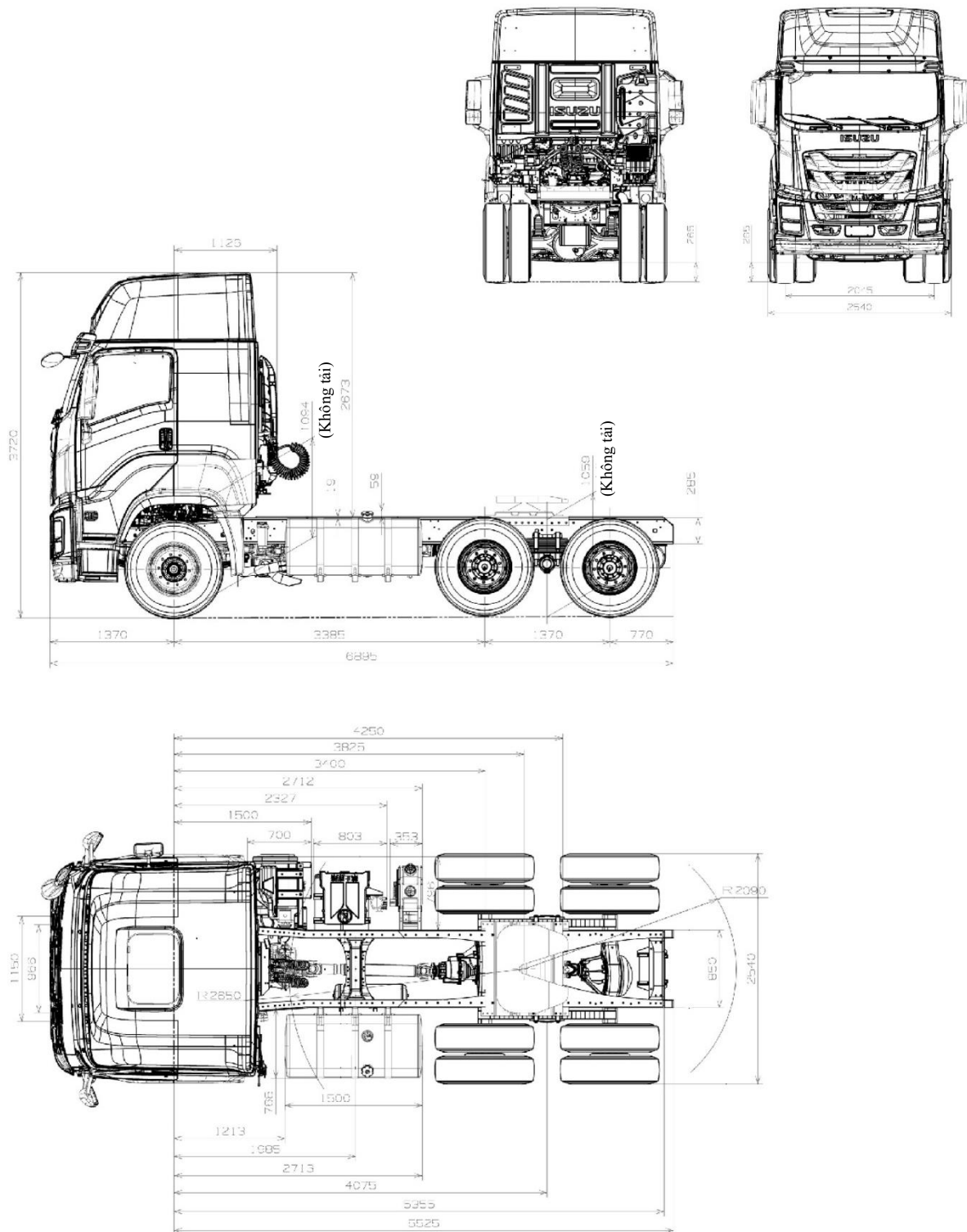




Mẫu mã: QL4250W2NCZ/QL4250U2NDZ/QL4250W1NDZ/QL4251W1NDZ/QL4251U2NDZ

Sản phẩm: Đầu kéo/Xe tải chuyên chở Hàng hóa Nguy hiểm

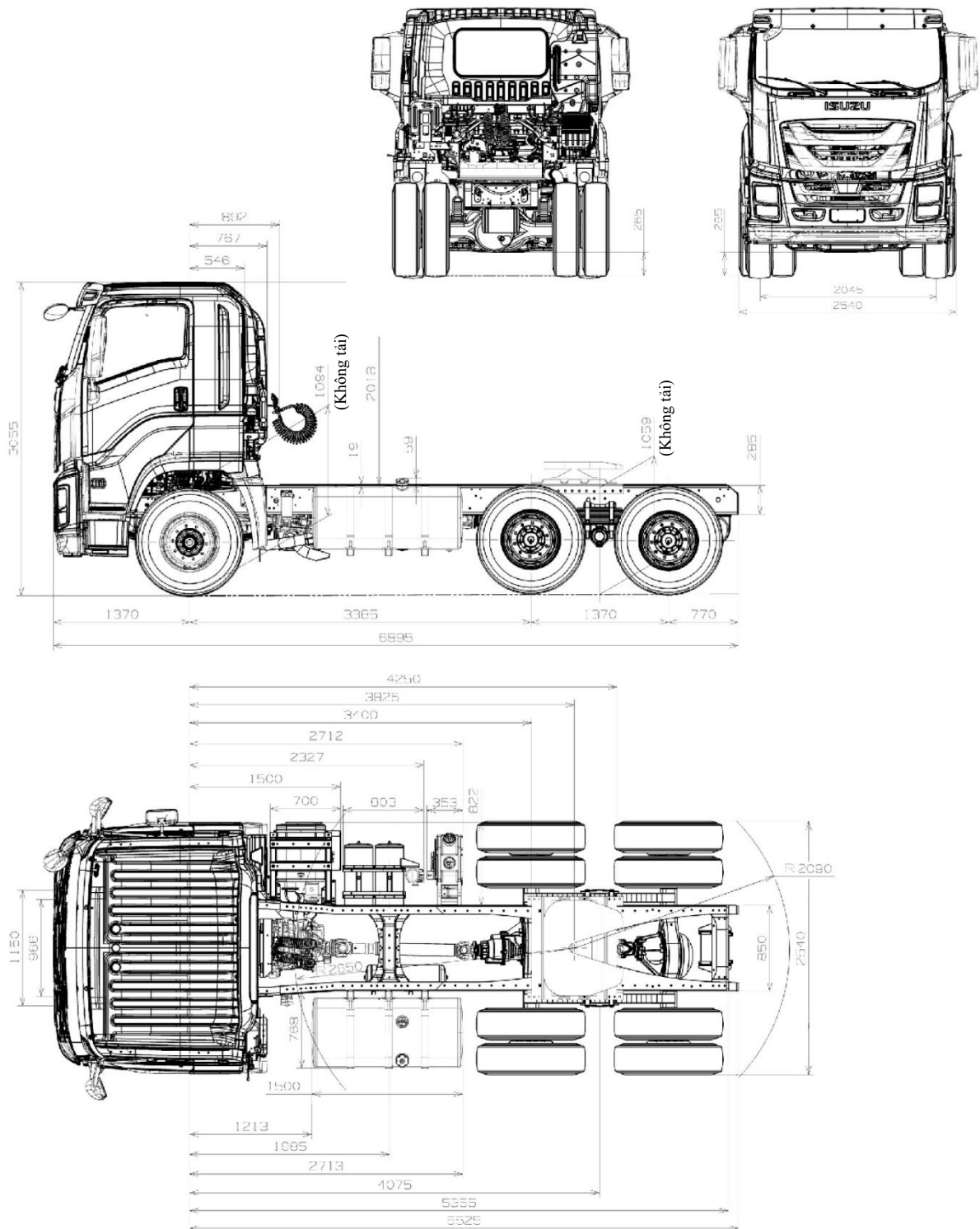
(Thông số tham khảo)



Mẫu mã: QL4250W2NCZ/QL4250U2NDZ

Sản phẩm: Đầu kéo

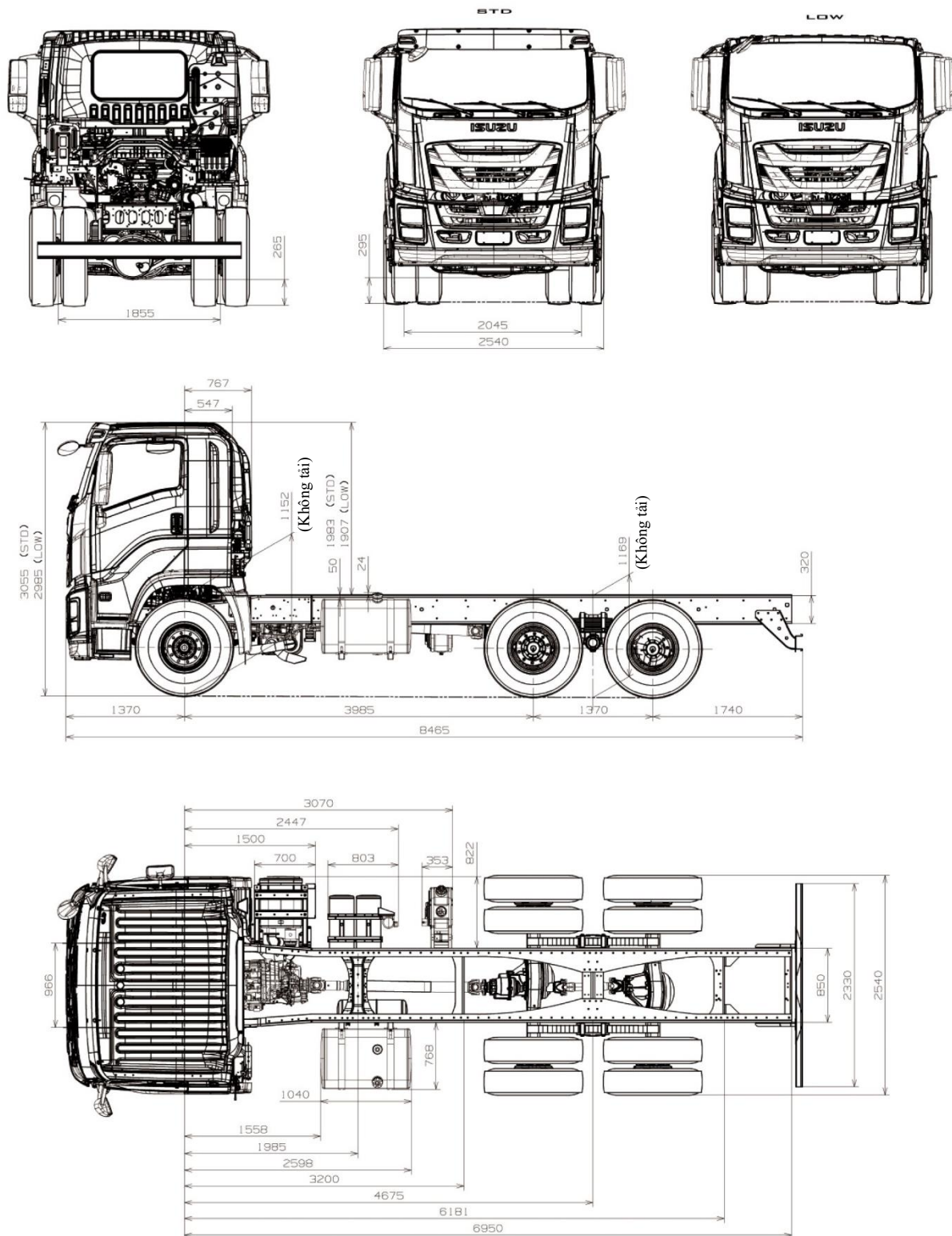
(Thông số tham khảo)



Mẫu mã: QL5330GXFW2QMY

Sản phẩm: Khung gầm sắt-xi xe cứu hỏa

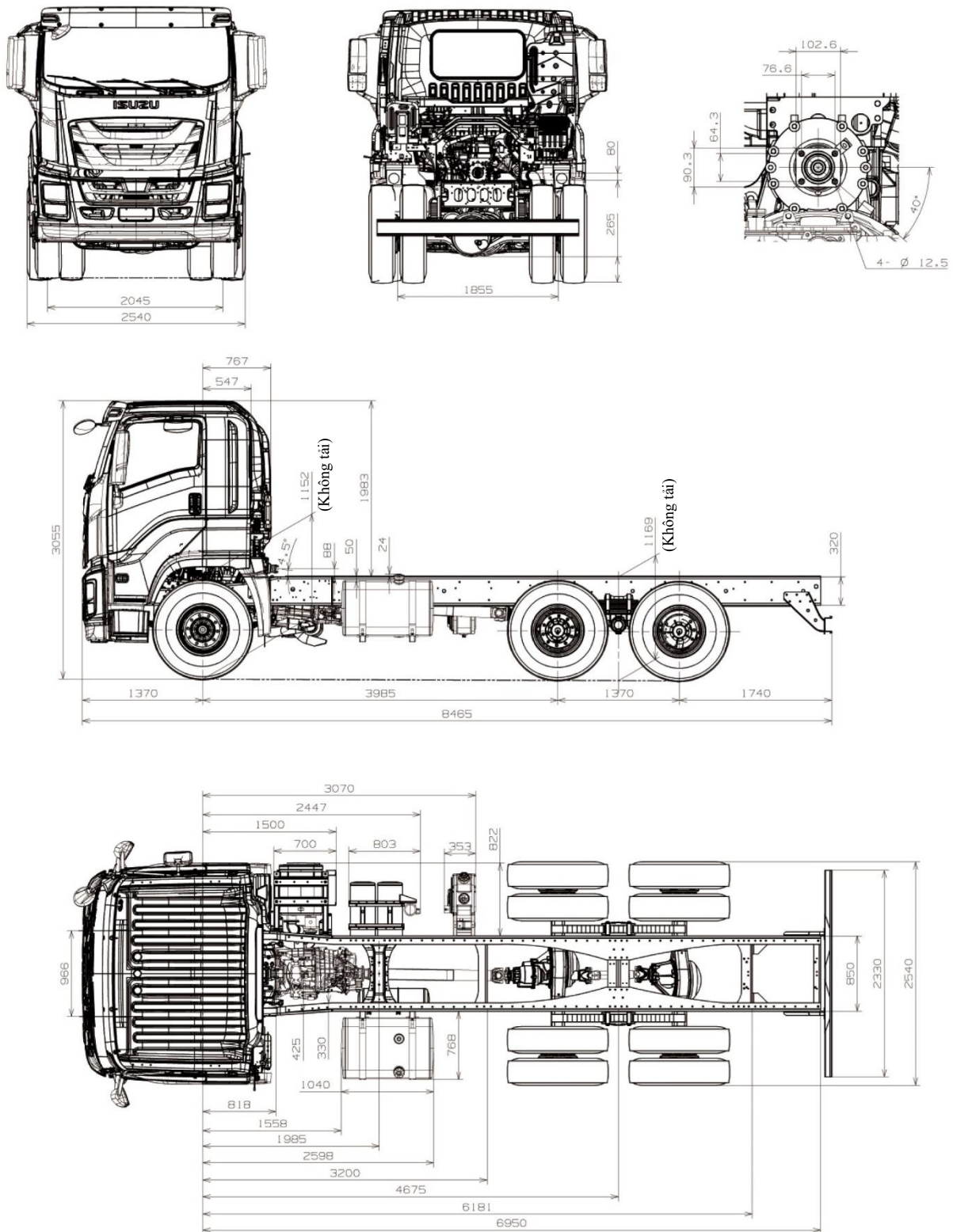
(Thông số tham khảo)



Mẫu mã: QL1250U1QDZY

Sản phẩm: Khung gầm sắt-xi xe tải

(Thông số tham khảo)

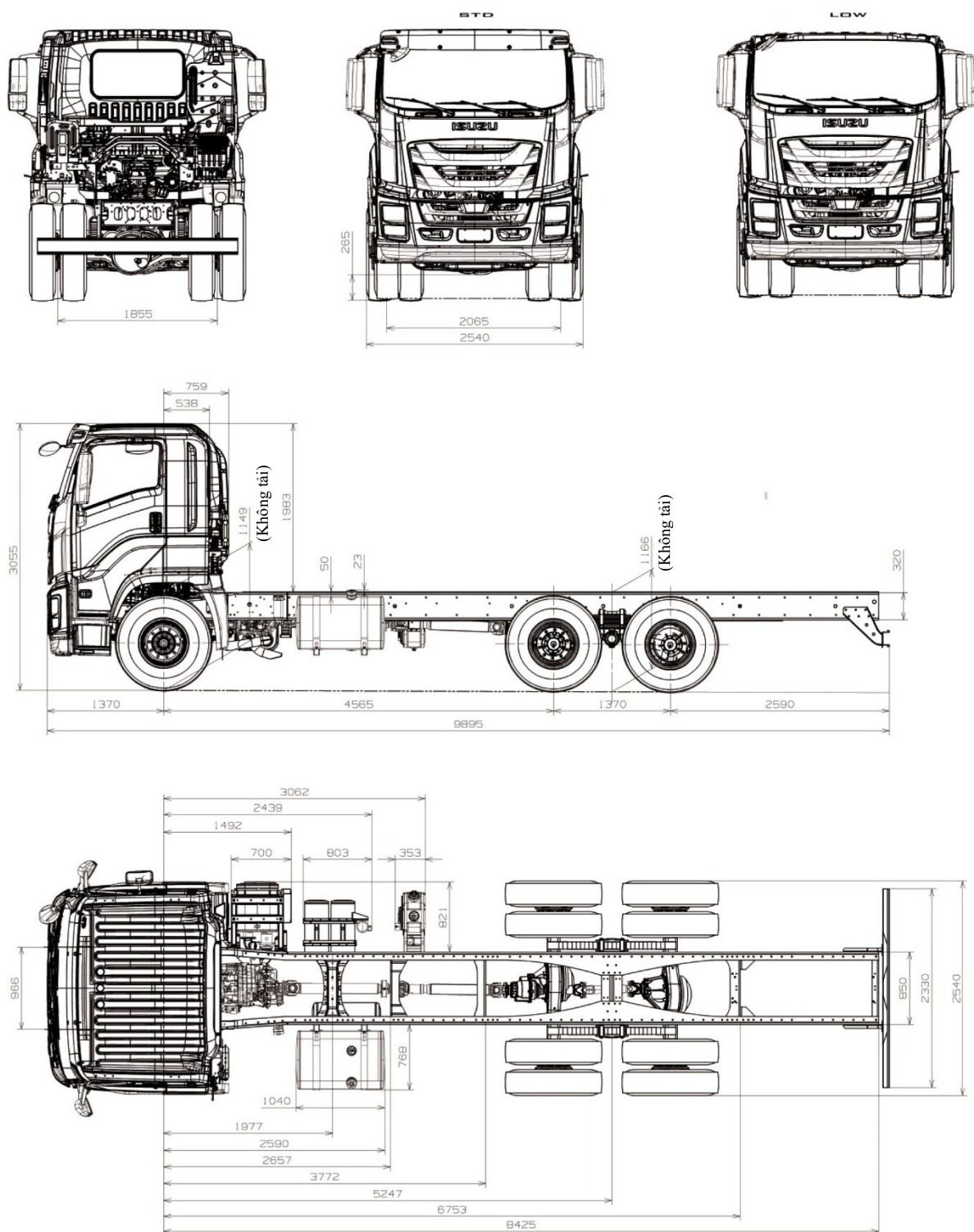




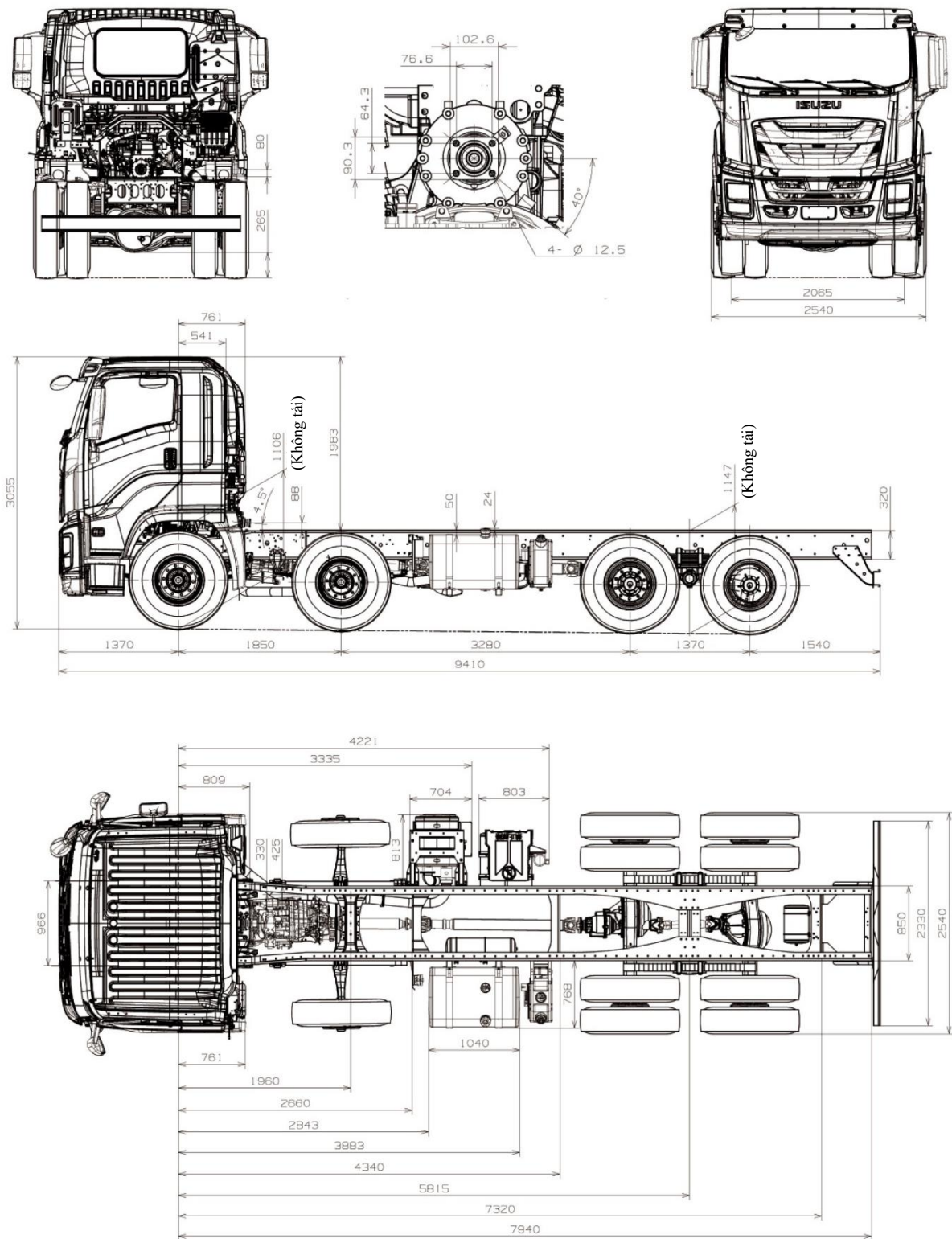
Mẫu mã: QL5330GXFW2SMY

Sản phẩm: Khung gầm sắt-xi xe cứu hỏa

(Thông số tham khảo)



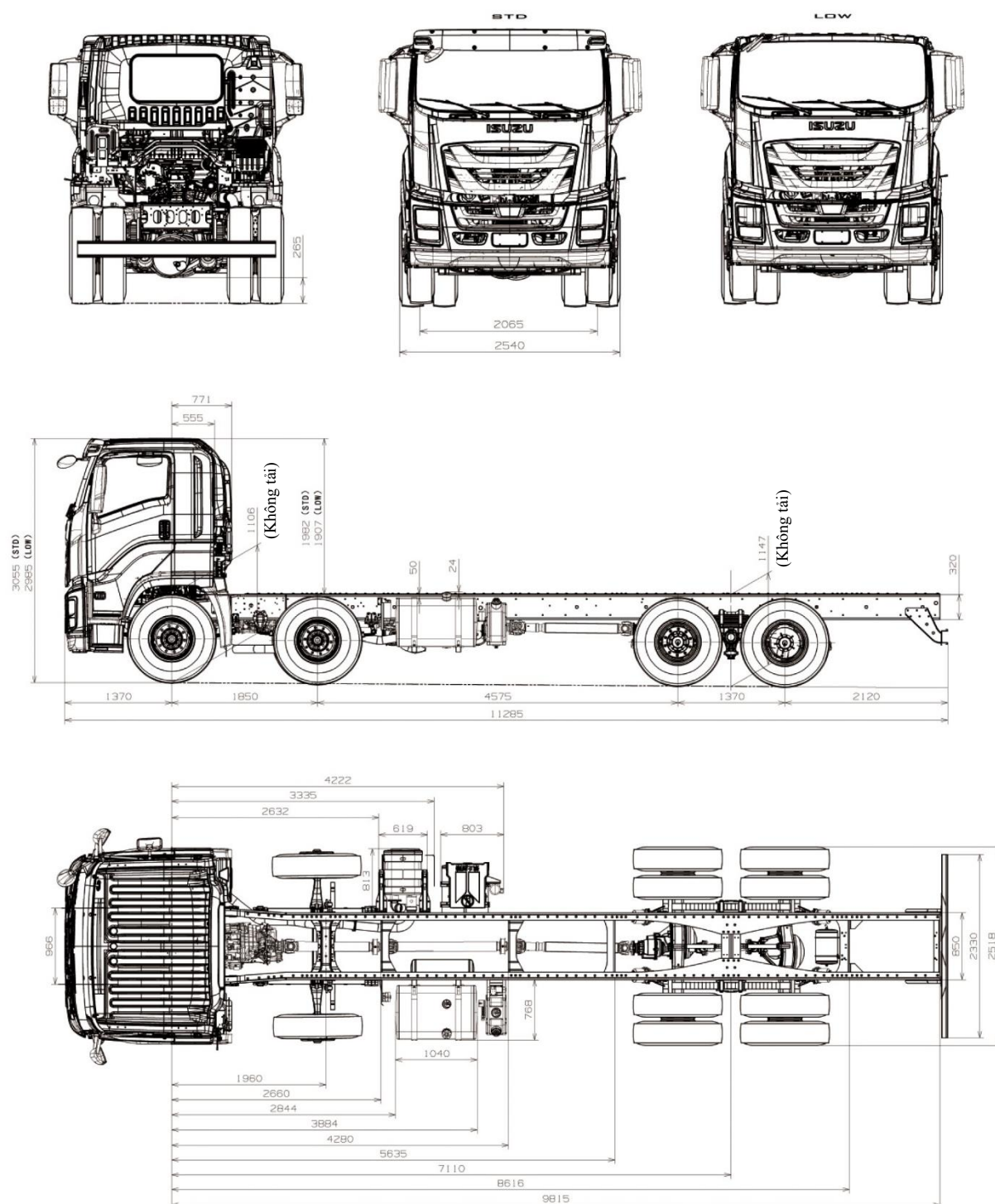
(Thông số tham khảo)



Mẫu mã: QL5400GXFW2VVHY/QL5420THBW2TDHY

Sản phẩm: Khung gầm sắt-xi xe cứu hỏa/xe bơm bê tông

(Thông số tham khảo)

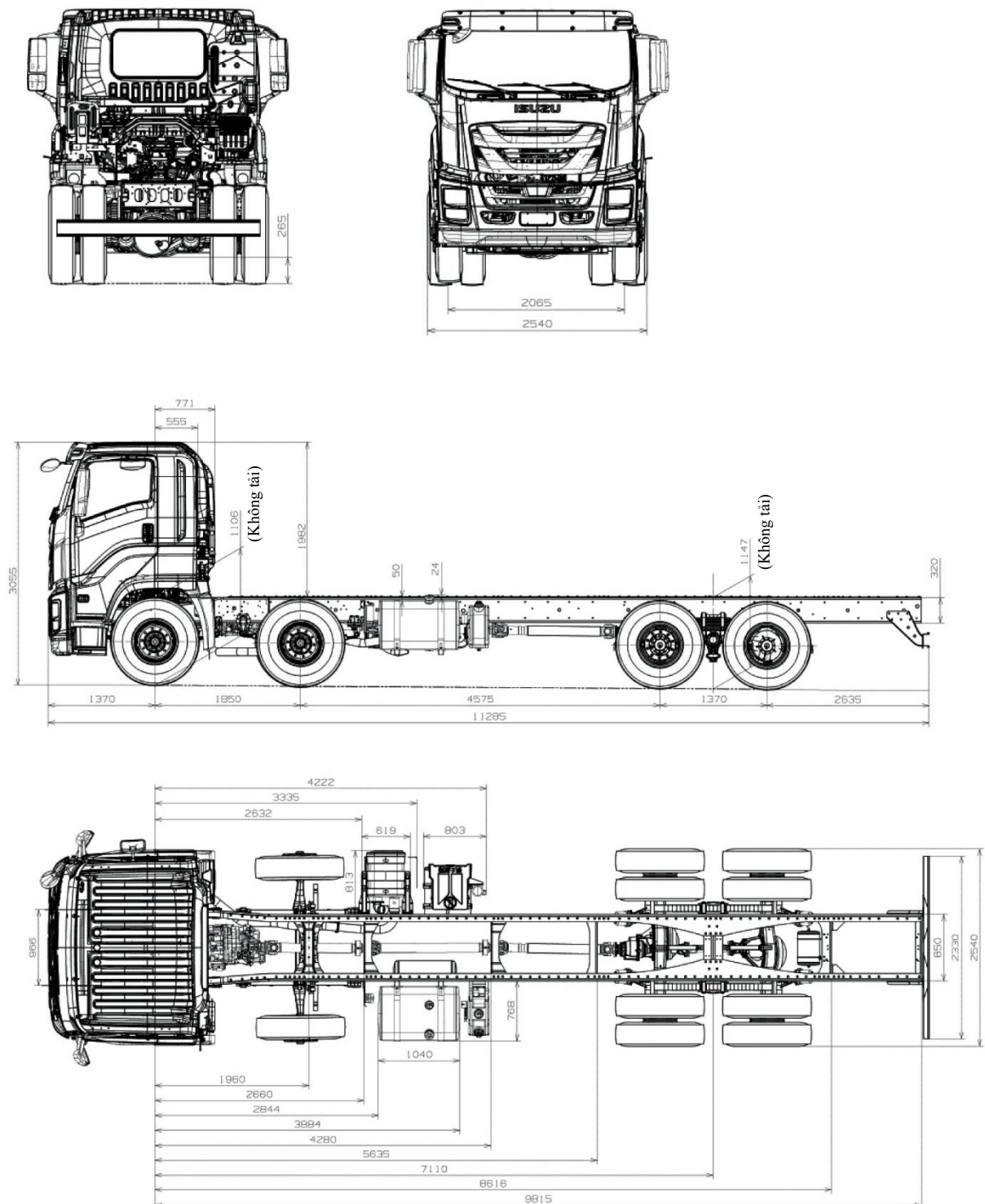




Mẫu mã: QL1311U1VDHY

Sản phẩm: Khung gầm sắt-xi xe tải chuyên chở Hóa chất Nguy hiểm

(Thông số tham khảo)

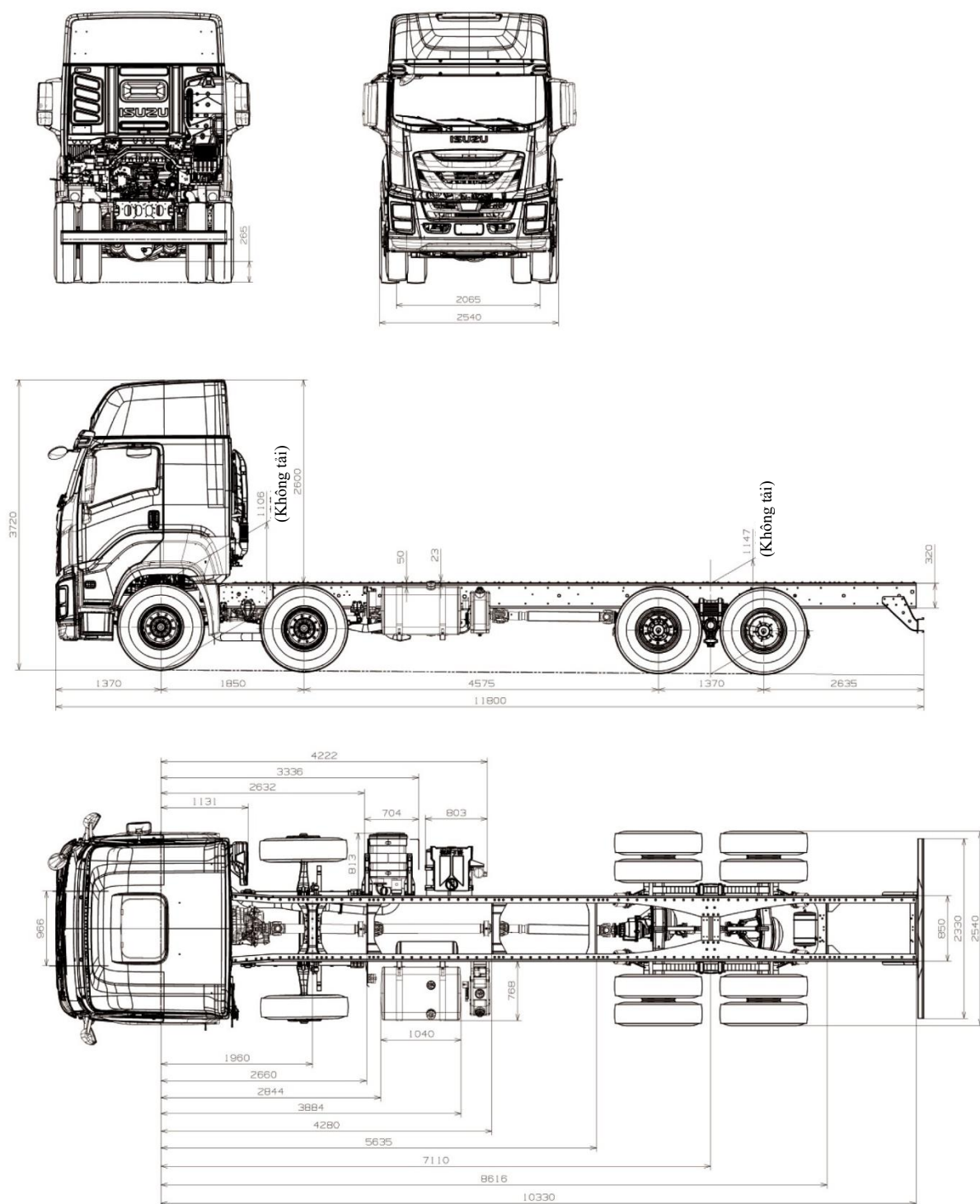




Mẫu mã: QL1311U2VDHY

Sản phẩm: Khung gầm sắt-xi xe tải chuyên chở Hóa chất Nguy hiểm

(Thông số tham khảo)



Mẫu mã: QL1310U1VDHY/QL1310U2VDHY

Sản phẩm: Khung gầm sắt-xi xe tải đa năng

(Thông số tham khảo)

